

CONAN DOYLE

T H Á M T Ủ

Sherlock Holmes

TOÀN TẬP

②



NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

CONAN DOYLE

THÁM TỬ

Sherlock Holmes

TẬP 2

(Tái bản có sửa chữa,

Người dịch: Lê Khánh - Đỗ Tư Nghĩa - Vương Thảo
Ngô Văn Quý - Lê Nhân - Hoàng Cường
Phạm Quang Trung - Hải - Thọ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ TP HỒ CHÍ MINH

N
————— 142/1496- 2000
VN - 2000

Những nghiệp chủ ở reigate

Ngày 14 tháng 4 năm 1887 tôi nhận được một bức điện gửi từ Lyon báo tin Holmes bị ngã bệnh, phải nằm liệt giường ở khách sạn Dulong. Trong vòng 24 giờ, tôi đã sang nước Pháp, tới tận bên giường anh và thấy bệnh không trầm trọng. Thế tạng anh cứng cáp như sắt thép nhưng cũng không chịu nổi trước một cuộc điều tra kéo dài tới hai tháng ; trong thời gian đó, mỗi ngày anh phải làm việc trên mười tám tiếng đồng hồ : anh còn xác nhận là có lúc anh không được nghỉ ngơi lấy một tiếng đồng hồ trong năm ngày liên tiếp.

Ba ngày sau đó, chúng tôi quay trở về nhà ở đường Baker. Nhưng đại tá Ha-tô, người bạn thân mà tôi đã chăm sóc bên xứ Atghanistan, đã tậu được một ngôi nhà ở gần Reigate, trong hạt Surrey, và ông thường mời tôi và Holmes tới đó để đổi gió. Khi Holmes được biết đại tá là người độc thân thì anh liền đồng ý. Thế là, một tuần sau ngày trở về Luân Đôn, chúng tôi tới nhà đại tá Ha-tô.

Buổi tối hôm đến nơi, chúng tôi quây quần trong phòng trưng bày vũ khí. Holmes nằm dài trên ghế trường kỷ, trong lúc Ha-tô và tôi xem bộ sưu tập súng. Đại tá nói :

- Nhân đây, tôi sẽ đem lên lâu một trong những khẩu súng lục này để phòng ngừa trường hợp chúng ta cần báo động.

- Báo động ư? - Tôi kêu lên.

- Phải, mới đây ông già Ất-tân đã bị trộm tới viếng đêm thứ hai tuần qua. Thiệt hại thì không đáng kể, nhưng tên trộm vẫn chưa bị bắt.

- Không có hướng điều tra nào sao? - Holmes hỏi, liếc nhìn ông đại tá.

- Cho tới nay thì không. Nhưng đây là một vụ không đáng kể, một vụ trộm vặt ở thôn quê, hoàn toàn không đáng làm cho ông phải bận tâm sau cái vụ quốc tế lớn lao kia.

Holmes khua tay như gạt bỏ lời khen ngợi, nhưng nụ cười của anh lại chứng tỏ là anh lấy thế làm khoái chí.

- Không có chi tiết đặc trưng nào sao?

- Không. Bọn trộm đã lục tung cái thư viện. Tất cả căn phòng đã bị đảo lộn phèo, các ngăn kéo bị mở tung, giấy tờ bị ném tung tóe. Các món bị mất chỉ có : một cuốn sách, hai cây đèn nến bọc quý kim, một phong vũ biểu nhỏ bằng gỗ sồi và một cuốn dây mảnh.

- Một lô hàng kỳ lạ ! - Tôi thì thầm.

- Ồ, hiển nhiên là bọn trộm đã vội quơ lấy những gì mà chúng có thể mang theo.

Trên ghế trường kỷ, Holmes buông ra một tiếng làu bàu :

- Cảnh sát địa phương hẳn rút ra một điều gì đó chứ !
Coi nào, thật rõ ràng là...

Nhưng tôi giờ một ngón tay lên :

- Anh tới đây là để nghỉ ngơi, anh chớ có lao mình vào một vấn đề nào, trong lúc hệ thần kinh còn đang rã rời.

Holmes nhún vai, ném về phía ông đại tá một tia nhìn mang dấu cam chịu và rồi câu chuyện chuyển sang những đề tài bớt nguy hiểm hơn.

Tuy nhiên chúng tôi đang dùng điểm tâm thì người quản gia của đại tá ủa vào trong phòng.

- Ông đã hay tin gì chưa, thưa ông? ... Ở đằng nhà cụ Cung-ninh đó, thưa ông !

Ông đại tá bất động với tách cà phê trong tay, lơ lửng giữa mặt bàn và miệng ông.

- Trộm à?

- Một vụ giết người !

Ông đại tá nghiêng răng và rít lên :

- Mẹ kiếp ! Ai bị giết? Ông toà hoà giải hay là con ông ta.

- Gã đánh xe ngựa. Một phát trúng tim. Chết mà chẳng nói được lấy nửa lời.

- Ai đã giết anh ta?

- Kẻ trộm. Hắn đã biến mất. Hắn vừa bẻ gãy cửa sổ gian bếp phụ thi Uyn-li tới đó. Uyn-li đã mất mạng khi bảo vệ của cải cho chủ mình.

- Lúc đó là mấy giờ?

- Vào khoảng nửa đêm.

- Tốt. Lát nữa, chúng tôi sẽ tới đó. - Ông nói với giọng rất thân nhiên.

Ông chờ cho người quản gia ra khỏi phòng rồi mới nói thêm :

- Chuyện tồi tệ ! Ông già Cung-ninh là một nhân vật rất có thể lực ở đây, hơn nữa, ông là một người trung hậu. Ông sẽ đau khổ, bởi vì người đánh xe là một người đây tớ rất tốt. Chắc là cùng cùng những tên trộm cướp đã tới viếng nhà Ất-tân.

- Và là kẻ đã ăn trộm cái sưu tập quá ư đặc biệt đó ư? - Holmes hỏi với vẻ ngấm ngấm.

- Đúng vậy.

- Hừm !

Thoạt nhìn sự việc ra tưởng kỳ cục. Thông thường một băng trộm cấp hoạt động tại một vùng không hề thực hiện hai lần trong cùng một thành phố, cách khoảng nhau có vài ngày.

Tối qua, khi ông nói cần đề phòng, tôi đã nghĩ rằng Riegate là giáo khu sau chót ở nước Anh bị bọn trộm để ý tới.

- Nếu vấn đề là do một tên chuyên nghiệp ở địa phương thì hiển nhiên hai gia đình Ất-tân và Cung-ninh là những nhà lớn nhất trong xứ này mà.

- Và là những nhà giàu có nhất chứ?

- Họ giàu từ trước, song từ nhiều năm qua, chủ nhân của cả hai nhà đã dẫn vào một cuộc tranh tụng kéo dài và nay họ bị sạt nghiệp, ấy là theo ý tôi. Ông già Ất-tân hiện đòi lại phần nửa cơ nghiệp của nhà Cung-ninh. Ở cả hai bên, các luật gia đều đòi thù lao thật đắt...

- “Nếu là một tên vô lại ở trong vùng lân cận, hẳn người ta sẽ tóm cổ hắn dễ dàng”. Holmes nói, cố nén một tiếng ngáp. “Anh đừng có lo sợ, anh Watson ! Tôi chẳng can thiệp vào chuyện này đâu”.

- Thanh tra Phê-rô đến, thưa ông ! - Người quản gia loan báo khi mở cửa ra.

Người đại diện của cảnh sát còn rất trẻ, trông có vẻ đang hoàng, bước vào trong phòng.

- Xin chào, thưa đại tá. Tôi hy vọng làm phiền đại tá? Nhưng chúng tôi được biết là ông Holmes đang có mặt nơi đây...

Ông đại tá chỉ vào bạn tôi. Viên thanh tra nghiêng mình chào.

- Thưa ông Holmes, chúng tôi mong rằng ông sẵn lòng cùng đi ít bước với tôi.

- “Số mệnh đã chống lại anh rồi, Watson ơi” ! Holmes vừa kêu lên vừa cười. “Chúng tôi đang tranh luận về vụ án thì ông tới đó, ông thanh tra. Ông có thể cho chúng tôi biết vài chi tiết không”?

Khi tôi thấy Holmes ngồi ngã vào thành ghế dựa với một trong những tư thế được anh ưa thích thì tôi thất vọng.

- Chúng tôi không có một dấu vết nào trong vụ Ất-tân. Nhưng chắc chắn là cả hai vụ đều do cùng một băng nhóm gây ra. Người phạm tội đã bị nhận diện.

- A !

- Vâng, nhưng hấn chuồn đi như một cơn gió, sau khi đã nổ súng vào Uyn-li. Cung-ninh đã trông thấy y từ cửa sổ phòng cụ và ông A-léc cũng đã trông thấy y từ cánh cửa sau, dành cho người giúp việc. Hồi 23 giờ 45 phút thì có tiếng báo động. Cụ Cung-ninh vừa vào giường, còn A-léc thì đang hút thuốc. Cả hai đều nghe tiếng anh Uyn-li kêu cứu. Ông A-léc chạy vội xuống. Cánh cửa sau mở rộng. Khi tới chân cầu thang, ông thấy bên ngoài có hai người đang đánh nhau. Một trong hai người nổ một phát súng, người kia gục xuống, kẻ sát nhân nhảy bỏ ra vườn và leo vượt hàng rào. Cụ Cung-ninh từ khuôn cửa sổ phòng mình, cũng thấy tên cướp nhảy ra tới đường, và mất dạng. Ông A-léc đứng lại để xem có thể cứu giúp gì được cho người hấp hối, khiến cho kẻ sát nhân có thời giờ trốn thoát. Ngoài chi tiết hấn là người tâm thước và mặc vải sẫm, chúng tôi không còn chi-dấu đặc biệt nào khác.

- Anh chàng Uyn-li làm gì ở tại đó? Anh ta nói được điều gì trước khi chết không?

- Không một lời. Anh ta ở cùng với bà mẹ trong nhà người gác cổng, đó là một người giúp việc rất tận tụy ; có lẽ anh đã đi về phía ngôi nhà để xem mọi việc có bình thường không. Khi tên trộm vừa cạy phá xong cánh cửa sau, thì Uyn-li nhào lên người hấn.

- Uyn-li có nói gì với mẹ trước khi ra khỏi nhà không?

- Bà mẹ rất già và lại điếc. Không tài nào moi được từ nơi bà một điều chi dẫn nào ! Cái chết của con trai đã quất sụp bà. Tuy nhiên, có một nguyên tố cực kỳ quan trọng. Ông hãy coi đây !

Viên thanh tra rút ra từ cuốn sổ tay một mảnh giấy nhỏ bị rách và ông mở rộng ra trên đầu gối.

- Mẩu giấy này được tìm thấy giữa hai ngón tay cái và ngón tay trỏ của nạn nhân. Dường như đây là một góc của một tờ giấy lớn hơn. Con số ghi trên mảnh giấy này là giờ mà Uyn-li bị hạ sát. Kẻ sát nhân đã giật lấy phần còn lại của tờ giấy ; nếu không, Uyn-li đã có thể giành lấy nguyên vẹn tờ giấy rồi :

"... Vào lúc mười một giờ bốn mươi lăm phút ... sẽ được biết... nhiều... rất hữu ích...".

Holmes cầm lấy tờ giấy.

- "Cứ cho đây là một cuộc hẹn". Viên thanh tra nói tiếp "Chúng ta có thể ngờ rằng, gã Uyn-li mặc dù có tiếng là lương thiện, đã thông đồng với tên trộm. Gã đã gặp tên trộm ở đó, hoặc đã giúp tên trộm cạy cửa, rồi sau đó hai đứa gây lộn với nhau..."

- "Mảnh giấy này hữu ích biết bao" ! Holmes thì thầm sau khi quan sát nó rất kỹ, "chúng ta bị ngập sâu trong nước hơn là tôi tưởng".

Anh vùi đầu trong hai bàn tay giữa lúc viên thanh tra cười thỏa mãn trước sự chú tâm của chuyên gia nổi tiếng ở Luân Đôn. Holmes nói ngay sau đó :

- Điều nhận xét sau chót của ông thật là tài tình, tờ giấy này mở cho chúng ta...

Lần nữa anh lại gục mặt vào trong lòng hai bàn tay và anh khép kín mình trong vài phút vào tư tưởng của anh. Khi anh ngẩng đầu lên, tôi ngạc nhiên thấy cặp mắt anh long lanh như trước những ngày chưa bệnh. Anh nháy cẳng lên với tất cả năng lực cũ của mình :

- Tôi đang nói với ông gì nhỉ : tôi muốn xem xét những chi tiết của vụ án. Nếu được ông cho phép, thưa đại tá, tôi sẽ đi dạo một vòng cùng với ông thanh tra để kiểm soát lại một vài ý nghĩ bông lông của tôi. Tôi sẽ trở về trong nửa tiếng.

Một tiếng rưỡi đã trôi qua. Viên thanh tra quay lại có một mình nói :

- Ông Holmes đang đi bách bộ ngoài đồng và muốn chúng ta cùng đi tới ngôi nhà.

- Tới nhà cụ Cung-ninh sao?

- Vâng, thưa ông.

- Để làm gì?

Viên thanh tra nhún vai.

- Tôi không biết. Giữa chúng ta với nhau, tôi nghĩ rằng ông Holmes chưa được hoàn toàn bình phục. Ông cư xử một cách kỳ lạ, sôi động.

- Ông không cần phải lo âu. Anh ấy luôn luôn có phương pháp trong sự điên rồ. - Tôi nói.

- Ông Holmes đầy nhiệt tình đòi đi, thưa đại tá. Nếu nhị vị sẵn sàng, chúng ta cũng nên đến đó.

Chúng tôi gặp lại Holmes ngoài trời. Anh đi từng bước dài trên đường, cảm gục xuống ngực, hai bàn tay thọc sâu trong túi quần. Anh nói :

- Vụ án có tầm lợi ích đây. Anh Watson, chuyến đi chơi vùng quê này sẽ là một thành công đáng kể. Tôi đã hưởng một buổi sáng thú vị.

- Ông đã đi tới nơi xảy ra vụ án à? - Đại tá hỏi.

- Phải. Ông thanh tra và tôi.

- Đưa tới thành công chứ?

- Quả vậy, chúng tôi đã thấy nhiều điều khác nhau rất lý thú. Thoạt tiên, chúng tôi đã xem thi hài của kẻ bất hạnh : anh ta chết vì một viên đạn súng lục, như các anh đã được cho biết.

- Anh nghi ngờ chuyện đó sao?

- Ồ, luôn luôn nên kiểm tra tất cả. Việc quan sát của chúng tôi đã không vô ích. Sau đó chúng tôi có trao đổi với cụ Cung-ninh và con trai cụ. A-léc hướng dẫn chúng tôi tới nơi mà kẻ sát nhân đã chườn qua khi vượt hàng rào, trốn chạy. Rất đáng quan tâm.

- Tất nhiên.

- Chúng tôi đã gặp bà mẹ đau khổ nhưng không thu thập được điều gì. Bà đã quá yếu.

- Và kết quả cuộc điều tra cho thấy là...

- ... tội ác này không tầm thường. Thưa ông thanh tra, giờ đây chúng ta đã đồng ý với nhau về mẩu giấy trên đó có viết giờ chết của nạn nhân?

- Mẩu giấy đó hẳn cho chúng ta một điều chỉ dẫn, thưa ông Holmes.

- Nó cho chúng ta thấy rõ : người viết bức thư đã lôi Uyn-li ra khỏi giường trong đêm hôm khuya khoát. Nhưng phần còn lại của tờ giấy hiện ở đâu?

- Tôi đã quan sát mặt đất rất kỹ với hy vọng tìm ra mẩu giấy đó. - Viên thanh tra thì ào.

Mảnh giấy đã được giựt ra khỏi bàn tay người chết. Bởi vì tờ giấy đã kết tội y nên y đã nhét vội nó vào túi mà không hề để ý thấy một góc bị thiếu. Nếu thu hồi được phần còn lại của tờ giấy, thì chúng ta sẽ kết thúc vấn đề.

- Đúng. Nhưng phải làm thế nào bây giờ.

- Điều đó đáng tốn công. Còn một điểm này nữa. Lá thư đã được gửi tới cho Uyn- li. Người viết thư đã không tự mình trao cho người nhận; nếu không, hẳn dùng lời nói chứ viết thư làm gì. Vậy ai đã chuyển bức thư? Hoặc lá thư đã được gửi tới qua đường bưu điện?

- “ Tôi đã cho điều tra về điểm đó”, - viên thanh tra trả lời. “ Hôm qua Uyn- li có nhận được một lá thư trong chuyến phát thư buổi chiều. Anh ta huỷ cái bao thư”.

- “ Tuyệt vời !”. Holmes kêu lên khi vỗ lên lưng viên thanh tra. “ Ông đã gặp nhân viên đưa thư. Thật là thích thú khi được làm việc chung với ông ! Tốt ! Đây là nhà người gác cổng. Thưa đại tá, xin cho phép tôi được chỉ cho ông thấy nơi xảy ra tội ác.

Chúng tôi đi ngang qua căn biệt thự nhỏ, nơi người đánh xe đã ở và leo lên một lối đi vào hai bên có trồng cây sồi, đưa tới một ngôi nhà cổ kính.

Một cảnh sát viên đứng gác ở cửa sau.

- “Xin ông vui lòng mở cửa ra”. Holmes nói. “Giờ đây, các bạn trông thấy cái cầu thang này : chính từ những bậc thang đó mà cụ Cung-ninh đã trông thấy hai người vật lộn nhau tại nơi chúng ta đang đứng. Ông cụ đứng ở cửa sổ này, cái thứ hai bên tay trái, và cụ đã trông thấy kẻ sát nhân bỏ chạy ngay bên trái bụi cây. A-léc cũng trông thấy y nữa. Sau đó, A-léc đã chạy tới quỳ xuống bên người bị thương. Nền đất rất rắn, như các bạn có thể ghi nhận : không có dấu vết nào để hướng dẫn chúng ta.

Trong lúc anh nói, có hai người đi xuống lối vào vườn, sau khi đã đi vòng quanh nhà. Một người lớn tuổi, có một cái đầu mạnh mẽ, nhưng có nét nhăn sâu, mí mắt nặng trĩu. Người kia là một thanh niên lanh lợi.

- “Thế nào, vẫn còn về việc đó à ? ” Anh ta nói với Holmes. “Những người từ Luân Đôn đến, phải là những người không thể đánh bại. Nhưng quý vị không tiến tới được bao nhiêu”.

- A, cần phải cho chúng tôi một ít thì giờ. - Holmes trả lời bằng một giọng vui vẻ hờn nhiên.

- “Quý vị sẽ cần nhiều thời giờ nữa đây !” A-léc nói đồng dục. “Dường như chúng ta không có một chỉ dẫn nhỏ nhoi nào”.

- “Mỗi một”, viên thanh tra trả lời, “chúng ta sẽ tìm thấy... Lạy chúa tôi ! Đây ông Holmes, ông làm sao vậy? Ông Holmes !”.

Bộ mặt Holmes có một dáng vẻ đáng ghê sợ. Mắt anh đảo lộn tròn, nét mặt bị cơn đau làm cho quặn lại, khi buông ra một tiếng rên rĩ, anh té lăn xuống đất. Hoảng hốt, chúng tôi

khiêng anh vào trong bếp, đặt anh vào một ghế bành rộng và anh ngồi đó thở nặng nề trong vài phút. Cuối cùng, sau khi đã cáo lỗi về sự yếu đuối của mình, anh lại đứng lên, nói :

- Tôi vừa mới qua một cơn bệnh nặng. Tôi vẫn còn dễ bị những cơn cấp phát thần kinh đột ngột đó.

- Ông muốn về nhà bằng cỗ xe độc mã của tôi không?

- Cụ Cung-ninh đề nghị.

- Tôi phải ở đây để xác minh một điểm.

- Điểm gì?

- Thế này : Không biết Uyn-li đã tới trước hay là chỉ tới sau khi tên trộm đã lọt vào nhà. Quý vị đã nói rằng tuy cánh cửa bị cạy phá, nhưng kẻ trộm chưa lọt vào bên trong.

- “Điều đó là hiển nhiên rồi”. Cụ Cung-ninh trả lời một cách nghiêm trang. “Coi nào, A-léc vẫn còn chưa vào giường chắc chắn là cháu nó đã nghe thấy tiếng động”.

- Cậu ấy ngồi ở đâu?

- Trong phòng tắm của tôi, đang hút thuốc và nhìn qua cửa sổ. - Ông cụ trả lời.

- Cửa sổ nào? - Holmes hỏi tiếp.

- Cửa sổ cuối cùng bên trái, kế bên cửa sổ phòng cha tôi.
- A-léc đáp.

- Đèn nơi phòng anh và nơi phòng ông cụ vẫn còn thấp sáng cả chứ?

- Không còn nghi ngờ gì cả .

- “Rõ ràng là có vài điểm kỳ lạ trong vụ này”. Holmes cười nói. “*Một kẻ trộm vào nhà trong lúc đèn vẫn còn sáng và có hai người trong gia đình còn thức*”.

- Y phải cực kỳ bình tĩnh.

- “Nếu vụ án mà không kỳ lạ, thì chúng tôi nhờ ông làm chi” ! A-léc nói : “Kẻ trộm đã không lấy đồ trước khi bị Uyn-li bắt gặp, bằng cỗ là chúng tôi đâu có mất món gì và hiện trường cũng không bị bừa bộn”.

- "Cái đó còn tùy thuộc vào bản chất của những món đồ". Holmes trả lời. "Chúng ta đang đối phó với một kẻ trộm thuộc loại đặc biệt và hành động theo cách đặc biệt, chẳng hạn như, cái lò hàng ở nhà cụ Ất-tân chỉ là một cuộn dây mảnh, một cái phong vũ biểu...".

- "Chúng tôi phó thác hoàn toàn nơi ông, thưa ông Holmes. - Cụ Cung-ninh nói.

- Mở đầu, tôi muốn cụ treo một giải thưởng. Tôi đã soạn sẵn một mẫu, cụ có ưng ký tên không? Năm chục bảng là đủ.

- "Tôi sẵn lòng thưởng năm trăm". Ông tòa hòa giải nói, sau khi cầm lấy tờ giấy mà Holmes đưa cho cụ. "Nhưng giấy này chưa được đúng", cụ nói thêm khi đọc lướt qua nội dung"

- Tôi viết nó khá vội...

- Coi này ! Sao ông lại bắt đầu như vậy : "*Xét rằng, vào hồi 0 giờ 3 khắc, một mưu toan*". Nó là hồi một khắc trước nửa đêm, mười một giờ bốn mươi lăm phút, nếu ông ưa thế.

Sự nhầm lẫn đó khiến tôi buồn. Holmes nổi tiếng là chính xác về các sự việc. Nhưng cơn bệnh đã làm anh như đang trí. Trong một lúc, anh bị bối rối. Viên thanh tra nhướn lông mày lên. A-léc thì phá ra cười. Ông già sửa chỗ viết sai và trả tờ giấy lại cho Holmes, nói :

- Ông cho in càng sớm càng tốt. Ý kiến của ông thật là tuyệt hảo.

Holmes cẩn thận đặt tờ giấy vào trong bóp, rồi nói :

- Ta cùng đi khắp nhà để tìm xem cái tên trộm kỳ quặc kia đã mang đi món đồ nào.

Trước đó, Holmes quan sát cánh cửa đã bị cạy phá. Một con dao cứng hoặc một cây kéo được cắm sâu vào ổ khóa và ổ khoá đã bị bung ra. Những dấu vết trên gỗ hãy còn thấy rõ.

- Như vậy là cụ không cần cho đặt then chặn cửa? - Holmes hỏi.

- Chúng tôi thấy không cần phải làm như vậy.

- Cọ có nuôi chó không?
- Có, chó được cột ở phía bên kia nhà.
- Các gia nhân đi ngủ vào lúc nào?
- Khoảng mười giờ.
- Thông thường thì Uyn-li đi ngủ vào giờ đó, phải không?
- Phải.

- Thật kỳ lạ ! Vào đúng đêm đó, anh ta lại thức khuya hơn thường lệ. Giờ đây, thưa cụ, chúng tôi sẽ rất hân hạnh nếu được phép vô thăm nhà cụ.

Một hành lang lát đá, đưa tới một cầu thang bằng cây dẫn thẳng lên lầu một của ngôi nhà. Trên bậc thềm dẫn lên một cầu thang thứ hai đi đến tiền sảnh, người ta trông thấy ở đó nhiều cánh cửa phòng khách cũng như cửa nhiều phòng, trong số đó có cửa phòng cụ Cung-ninh và phòng A-léc. Holmes bước chậm rãi, quan sát kỹ. Cứ theo về mặt anh, tôi biết anh đang theo một hướng điều tra nóng bỏng.

- "Ông hào tâm của tôi ơi !" Cụ Cung-ninh kêu lên, vẻ mặt kiên nhẫn. Điều này không cần thiết đâu. Phòng của tôi là đây, nơi cuối những bậc thang, và phòng con trai tôi là phòng kế cận. Nếu kẻ trộm lên đây thì cha con tôi đã nghe tiếng động do hấn gây ra rồi.

- Ông hãy điều tra theo hướng khác thôi. - A-léc nói với nụ cười.

- Tuy nhiên, tôi xin quý vị lượng thứ cho cái ý thích thất thường của tôi. Chẳng hạn như tôi muốn biết tầm nhìn từ những khuôn cửa sổ kéo dài tới tận đâu. Phòng của anh A-léc đây ă?" Holmes hỏi khi đẩy cánh cửa ra. "Và đây là phòng tắm mà anh đang ngồi hút thuốc thì có tiếng báo động. Cánh cửa sổ mở ra cái gì đây?"

Anh băng ngang phòng, mở một cánh cửa và liếc nhìn sang căn phòng ở sát bên.

- Giờ đây ông đã được thỏa mãn? - Cụ Cung-ninh hỏi với khí vị hóm hỉnh.

- Xin cảm ơn. Tôi đã thấy tất cả những gì muốn biết.
- Nếu thật là cần thiết, chúng ta có thể vào trong phòng tôi.

- Nếu không làm phiền cụ quá đáng...

Ông tòa hòa giải nhún vai và ông dẫn chúng tôi vào trong phòng riêng của ông, đồ đạc đủ tiện nghi. Trong lúc chúng tôi đi ngang phòng tới hướng khuôn cửa sổ, Holmes chậm bước lại để sánh ngang tôi đi ở cuối toán. Ở chân giường có kê một cái bàn vuông nhỏ, trên có đặt một bình nước và một giỏ cam. Khi đi ngang cái bàn, Holmes cúi xuống và hất đổ cái bàn. Bình nước vỡ tan và trái cây văng tung toé. - “Đồ quý, Watson”. Anh kêu lên một cách lạnh lùng. “Thế là anh đã ngược đãi tất cả thâm rồi” !

Hoàn toàn bối rối, tôi cúi xuống và bắt đầu tìm lượm trái cây. Hẳn là vì một duyên cớ nào đó nên Holmes mới muốn để tôi cáng đáng cái trách nhiệm về sự vụng về này. Những người khác cũng lượm trái cam và dựng cái bàn thẳng đứng trở lại.

- “Coi kia !” Viên thanh tra kêu lên. “Ông ấy đi đâu vậy?”

Holmes đã biến dạng.

- “Quý ông hãy đợi tôi ở đây”. A-léc nói

- Cái ông này coi bộ thần kinh không bình thường. Hãy đi với con đi, ba !

Cả hai chạy vội ra khỏi phòng. Còn ba chúng tôi cứ đứng đó, sững sờ nhìn nhau.

- “Mẹ kiếp, tôi bắt đầu tin rằng cậu A-léc có lý.” Viên thanh tra thì thâm. Có thể đây là hậu quả về căn bệnh của ông ấy, nhưng dù sao thì cũng...”.

Bỗng ông ngưng mặt. Một tiếng kêu, gần như một tiếng hét, vang lên.

- Cứu tôi với ! Sát nhân !

Như người điên, tôi phóng ra thềm cầu thang, bởi vì tôi đã nhận ra giọng Holmes. Nhưng tiếng kêu cứu đã biến thành

tiếng rên rĩ khàn khàn, không thành tiếng. Chúng thoát ra từ căn phòng mà chúng tôi đã vào thăm trước hết. Tôi lao vào trong, rồi chạy vào phòng tắm. Hai cha con Cung-ninh đang cúi trên cơ thể lả đi của Holmes. Người con dùng hai bàn tay siết chặt cổ họng Holmes, ông bố thì vịn cổ tay anh. Trong chớp mắt chúng tôi đã rời được hai cha con ra. Holmes đứng lên, xanh xao, lão đảo.

- Hãy bắt giữ những người này, ông thanh tra ! - Anh hôn hển nói.

- Về tội gì?

- Tội ám sát người đánh xe của họ.

Viên thanh tra ngơ ngác nhìn anh.

- Coi nào, coi nào, ông Holmes, ông đâu muốn nói rằng...

- Không à? Ông hãy nhìn họ mà xem ! - Holmes kêu lên.

Ông già Cung-ninh đỡ người ra, tưởng chừng như hóa đá, khuôn mặt nhăn sâu, in hằn một nét tàn nhẫn sâu xa. Người con trai đã mất hết thói ba hoa, thói nhạo báng, trong cặp mắt đen của anh ta lóe lên tính hung dữ của một con thú hoang, nguy hiểm. Viên thanh tra đi ra cửa và rút cái còi ra. Hai cảnh sát kéo tới nơi ngay đó.

- “Thưa cụ Cung-ninh”, viên thanh tra nói. “Tôi hy vọng rằng chuyện này sẽ chấm dứt bằng sự chứng minh về sự vô tội của cụ. Nhưng cụ cũng có thể thấy rằng.. A, anh muốn vậy sao? Hãy buông ngay cái đó ra coi” !

Ông vung tay về phía trước và một khẩu súng lục rớt xuống sàn nhà.

- “Giữ lấy tang vật này” ! - Holmes nói khi đặt bàn chân lên trên khẩu súng. “Nó sẽ có ích trong phiên tòa. Nhưng đây mới là cái chúng ta cần có hơn hết” !

Anh gơ lên cao một mảnh giấy nhỏ đã bị vò nát.

- Phần còn lại của lá thư? - Viên thanh tra reo lên.

- Chính nó.

- Ông tìm ra nó ở đâu vậy?

- Ở chỗ mà tôi tin chắc là sẽ tìm ra nó. Tôi sẽ giải thích. Thưa đại tá, ông và Watson có thể trở về nhà. Tôi cũng sẽ về trong một giờ nữa. Ông thanh tra và tôi, còn phải nói chuyện với các phạm nhân.

Sherlock Holmes đã giữ lời. Khoảng một giờ sau, anh bước vào phòng hút thuốc của ông đại tá. Anh đi cùng với một ông lão mà anh giới thiệu là cụ Ất-tân. Holmes tươi cười nói :

- Thưa quý vị, ngay từ đầu, tôi thấy chìa khóa của vấn đề là mẩu giấy nằm trong tay nạn nhân.

Nếu chuyện kể của A-léc là thật và nếu kẻ trộm bỏ trốn ngay tức khắc, thì hẳn đã không giứt và làm rách tờ giấy. Nếu không phải như vậy thì thủ phạm chính là A-léc, bởi vì trước khi ông già xuống, nhiều gia nhân khác hẳn đã chạy tới. Đó là một chi tiết đơn giản nhưng ông thanh tra đã bỏ qua, bởi vì ông ấy cho rằng những vị chức trọng quyền cao trong địa hạt chẳng liên can gì tới vụ án.

Thế là tôi nghiên cứu thật kỹ cái mẩu giấy. Nó đây này. Nó có gợi ra một ý nào không?

- Tuồng chữ không đều. - Ông đại tá nói.

- "Ông bạn thân mến ơi", Holmes kêu lên, "nó đã được viết bởi hai người, mỗi người viết một chữ : Nhìn các *gạch ngang khá rõ nét trên chữ "t"* trong những từ "một" và "rất" các *nét ngang khá mảnh trên chữ "t"* trong từ "phút" thì quý vị sẽ tin chắc rằng tuồng chữ do hai người viết. Một cuộc phân tích ngắn cho phép quý vị xác nhận rằng những từ "sẽ được biết" và "nhiều" được viết bởi một bàn tay rắn rỏi, trong lúc từ "hữu ích" lại được viết bởi một bàn tay yếu hơn.

- "Sáng như ban ngày !" Ông đại tá kêu lên. "Tại sao lại quái gở khi cần đến hai người để viết một lá thư".

- Đây là một vụ bí ối. Một trong hai người có tánh rất đa nghi, đã quyết định mỗi người có một phần bằng nhau về

điều gì sẽ xảy ra. Nhưng trong hai người, cái kẻ viết những chữ “một” và chữ “rất” là kẻ xúi giục gây ra vụ này.

- Do đâu ông đi tới cái kết luận đó?

- Tôi so sánh đặc tính của hai tuồng chữ. Quý vị hãy quan sát thật cẩn thận mẫu giấy này: người có bàn tay rắn rỏi đã viết trước, và chừa lại những khoảng trống để cho người kia điền vào. Nhưng những khoảng trống đó không phải lúc nào cũng đủ chỗ cho kẻ viết sau. Người có bàn tay yếu hơn đã gặp khó khăn, chẳng hạn như khi ông ấy viết chữ “giờ” vào khoảng giữa hai chữ “một” và “bốn”. “Một” và “bốn” rõ ràng là những chữ đã được viết từ trước. Vậy người được phép viết trước, là người chủ mưu.

- Tuyệt vời ! - Cụ Ất-tân kêu lên.

- Hẳn quý vị đã biết rằng thông thường người ta có thể xem xét nét bút mà đoán ra tuổi của một người, chênh lệch chừng mười năm. Tôi nói thông thường. Bởi vì có những trường hợp do bệnh hoạn hoặc do suy yếu cơ thể thì kết quả sẽ khác đi. Nhưng trong vụ này, khi quan sát tuồng chữ rắn rỏi của một người (dấu gạch ngang trên các chữ t rất rõ) và tuồng chữ ngập ngừng của người kia (những chữ t gần như mất hẳn nét gạch ngang) chúng ta có thể xác định rằng trong hai người này, một người còn trẻ và một người tuổi đã cao, tuy hãy còn tráng kiện.

- Tuyệt vời ! - Cụ Ất-tân kêu lên lần nữa.

- Tuy nhiên, giữa hai tuồng chữ này có những điểm giống nhau. Thường thì những sự giống nhau đó xuất phát từ hai người có chung một huyết thống. Điều đó hiện ra thật rõ trong chữ “e” Hy Lạp mà cả hai cùng viết giống nhau. Nhưng những nét giống nhau khác kém khẳng định hơn cũng cho thấy cùng điểm đó. Tôi tuyệt đối tin chắc rằng có “một nét chữ gia đình” trong hai tuồng chữ viết này. Thế là tôi vững tin rằng cha con ông Cung-ninh là tác giả của bức thư.

Tôi đi tới nhà đó cùng với ông thanh tra. Tôi thấy rõ vết thương trên xác chết, đã gây ra bởi *một phát súng lục bắn cách xa hơn bốn mét*. Trên quần áo nạn nhân không có những vết sạm đen gây ra bởi thuốc súng. Vậy là A-léc đã nói dối khi khai rằng hai người *đang đánh lộn* thì súng nổ. Mặt khác, hai cha con đều đồng ý về cái nơi mà "hung thủ" đã bỏ chạy ra đường. Ở chỗ đó có một cái hố ngập bùn, nhưng không hề có những dấu chân : nghĩa là chẳng hề có một kẻ xa lạ nào can dự vào vụ án.

Tôi lại còn phải khám phá cái động cơ của tội ác kỳ cục này. Trong mục đích đó, trước hết tôi phải tìm hiểu vụ trộm xảy ra nơi nhà cụ Ất-tân. Ông đại tá đã nói rằng một vụ tranh tụng đã làm cho cụ Ất-tân với cha con Cung-ninh kinh địch nhau. Ngay lập tức, tôi đoán là họ đã xông vào thư viện nhà cụ với ý *định lấy trộm một tài liệu quan trọng khả dĩ giúp họ chiếm phần thắng ở phiên tòa*.

- "Tuyệt vời !" Cụ Ất-tân lại kêu lên y như hai lần trước. "ý định của họ thật rõ. *Tôi có đủ giấy tờ để được hưởng phần nửa cơ nghiệp của nhà đó*. Nếu họ cướp được những giấy tờ ấy, thì chúng tôi nguy mất".

- "Chúng ta tới đích rồi vậy !" Holmes cười nói. "Đó là một mưu toan khá liêu lĩnh do A-léc đề xướng. Lục soát khắp nơi mà không tìm ra được cái gì, họ đã làm như những tên trộm tâm thường để đánh lạc hướng cảnh sát. Chính vì thế mà họ đã quơ lấy bất cứ cái gì họ thấy. Tất cả điều đó đã khá sáng tỏ, nhưng tôi còn muốn *thâu hỏi* lại phần còn thiếu của lá thư. Tôi tin chắc rằng A-léc đã nhét vào trong túi áo ngủ. Và chẳng, anh ta còn có thể để nó vào đâu? Tất cả vấn đề là tìm hiểu xem nó có còn ở đó không? Vì thế tất cả chúng ta đều đi vào trong nhà.

Cha con nhà Cung-ninh ra gặp chúng tôi ở bên ngoài, gần bên cánh cửa nhà bếp. Cần phải tuyệt đối không làm cho họ nhớ lại sự hiện hữu của tờ giấy đó ; nếu không, họ sẽ hủy nó

đi ngay tức khắc. Viên thanh tra sắp ám chỉ đến tờ giấy khi giải thích với họ về tầm quan trọng của nó. Lúc đó "tình cờ" tôi bị mệt và đề tài của câu chuyện được thay đổi.

- Trời đất thánh thần ơi ! - Ông đại tá cười vang.

- Đúng trò khéo tuyệt vời ! - Tôi kêu lên khi nhìn Holmes với lòng khâm phục.

- "Có những trò hề hữu ích", Holmes trả lời. "Khi đứng lên, tôi đã có sẵn một mưu mẹo : làm cho ông già Cung-ninh viết ra 2 chữ "giờ" và "phút" để có thể so sánh nó với 2 chữ giờ và phút viết trên mẫu giấy.

- Ô, tôi ngu xuẩn làm sao ! - Tôi kêu lên.

- Lúc đó tôi có nhìn thấy rõ lòng trắc ẩn của anh đối với tôi !" Holmes cười nói. "Tôi lấy làm tiếc đã gây cho anh một nỗi buồn nho nhỏ. Khi lên lầu, tôi vào trong phòng, thấy cái áo ngủ treo ở đằng sau cánh cửa, tôi xô ngã một cái bàn để chuyển hướng sự chú ý của họ trong chốc lát và vội vã đi khám xét các túi áo. Tôi vừa mới tìm ra được tờ giấy thì hai cha con nhào lên tôi. Tôi thật sự tin rằng họ chủ tâm giết tôi, nếu các bạn không tới kịp : người con thì siết cổ, còn người cha vịn tay tôi để tôi phải buông tờ giấy ra.

Sau đó, tôi đã nói chuyện với ông Cung-ninh để làm sáng tỏ cái động cơ gây ra tội ác. Ông cụ tỏ ra biết điều, trong lúc A-léc vẫn cứ hung hăng như loài quỷ dữ. Cụ Cung-ninh thú nhận rằng Uyn-li đã bí mật theo dõi hai cha con ông trong cái đêm họ đã ăn trộm nơi nhà cụ Ất-tân. Uyn-li đe dọa và đòi tiền họ. Nhưng A-léc không thuộc hạng người dễ khuất phục. Thế là Uyn-li bị gài bẫy và bị giết. Nếu cha con nhà Cung-ninh thu hồi được nguyên vẹn lá thư (trong đó họ hẹn giờ gặp nhau), và nếu họ không sơ sót một vài chi tiết nhỏ, thì chẳng bao giờ họ bị nghi ngờ gì cả.

- Thế còn cái lá thư trữ danh đó đâu ? - Tôi hỏi.

Sherlock Holmes đặt nó trước mặt chúng tôi khi ráp hai mảnh giấy lại. Chúng tôi đọc được : "Nếu anh tới vào lúc mười

một giờ bốn mươi lăm phút ở cửa sau, anh sẽ được biết một điều làm anh ngạc nhiên nhiều và nó sẽ rất hữu ích cho anh cũng như cho cả An-ni. Nhưng chớ có tiết lộ với bất cứ người nào”.

- Anh Watson, có điều là chúng ta chưa biết các mối liên hệ giữa A-léc, Uyn-li và An-ni như thế nào ; nhưng rõ ràng kỳ nghỉ ngắn ngày của chúng ta ở nông thôn rất là thành công. Ngày mai, tôi sẽ trở về nhà, hoàn toàn khỏe khoắn...

Kẻ dị dạng

Một buổi tối, tôi ngủ gà ngủ gật trên một cuốn tiểu thuyết. Nhà tôi đã lên trên lầu. Tiếng then cài cánh cửa ra vào báo cho tôi biết là những người giúp việc đã lui về. Tôi còn chờ thêm chút nữa rồi mới đứng lên khỏi ghế. Đúng vào lúc đó, tiếng chuông vang lên.

Tôi nhìn đồng hồ : 11 giờ 45 phút. Muộn thế này thì chỉ có thể là khách, một ca bệnh sẽ làm tôi phải thức thâu đêm. Hơi cúi kính, tôi ra phòng ngoài để mở cửa : Sherlock Holmes.

- "A Watson !" Anh reo lên. "Tôi đến thăm quá muộn".

- Có gì đâu. Vào đi chứ !

- Anh tỏ vẻ ngạc nhiên... Anh có thể cho tôi ngủ nhờ đêm nay không?

- Sẵn sàng. Anh ăn tối?

- Không, xin cảm ơn, tôi đã dùng rồi, ở ga Waterloo.

Tôi đưa cái túi đựng thuốc cho anh. Anh im lặng hút. Tôi biết rõ là chỉ có một vụ quan trọng mới có thể đưa anh tới đây vào một giờ muộn như vậy. Vậy là tôi kiên nhẫn chờ anh vào chuyện.

- Ngày mai anh tới Aldershot được không?

- Tôi nhờ một bác sĩ bạn thay tôi chăm sóc các bệnh nhân.

- Tốt lắm ! Tôi muốn đáp chuyến tàu mười một giờ mười ở ga Waterloo.

- Rất thuận tiện cho tôi.

- Vậy thì, nếu anh chưa buồn ngủ, tôi xin tóm tắt những sự việc và những gì cần làm.

- Trước khi anh tới, tôi đã ngủ gà ngủ gật nhưng bây giờ thì hoàn toàn tỉnh táo.

- Đó là vụ ám sát đại tá Bát-cơ thuộc sư đoàn Royal Mallows ở Aldershot. Sự việc xảy ra cách đây hai ngày.

“Royal Mallows là một trong những trung đoàn Ái Nhĩ Lan nổi tiếng trong quân đội Anh. Tối thứ hai vừa qua, trung đoàn được đặt dưới quyền chỉ huy của đại tá Giêm Bát-cơ, một lính già can đảm đã được lên lon nhờ vào lòng dũng cảm. Bát-cơ lấy vợ khi ông còn là trung sĩ. Ông kết hôn với cô Nancy, con gái trung-sĩ trưởng-đội trong cùng đơn vị. Vợ chồng Bát-cơ đã thích nghi mau chóng với địa vị mới của họ. Bà vợ sống ăn ý với các bà vợ sĩ quan cũng như chồng bà đối với các bạn đồng đội. Tôi xin thêm bà là một phụ nữ rất đẹp và cho mãi đến bây giờ, sau ba chục năm lập gia đình, sự xuất hiện của bà còn gây ấn tượng mạnh.

“Thoạt nhìn, cặp vợ chồng này đã được hưởng một hạnh phúc hiền hòa. Tôi đã đến hỏi ông thiếu tá Mã-phi, thì ông này đoán chắc với tôi là ông chẳng bao giờ thấy có sự bất hoà trong gia đình đó. Tôi hỏi ông cận kê hơn. Thiếu tá nói rằng sự gắn bó của ông Bát-cơ đối với vợ thì lớn mạnh hơn là sự gắn bó của bà Bát-cơ đối với chồng. Nếu phải xa vợ trong một ngày, ông rất buồn phiền ; nhưng bà vợ thì không chứng tỏ một sự mãnh liệt đến thế. Dầu sao, trong trung đoàn, họ vẫn được coi như là một cặp vợ chồng lý tưởng.

“Dường như là đại tá Bát-cơ có một tính khí khác thường. Bình thường, ông là một quân nhân già, vui tính, hăng hái. Nhưng đôi khi ông cũng hung bạo và thù hằn. Tuy vậy, bà vợ không bao giờ phải chịu đựng những tật xấu đó. Có một điều khác là : theo định kỳ, một tâm trạng gì đó như trầm uất lại giáng xuống ông. Viên thiếu tá mà tôi hỏi chuyện đã ghi nhận điều đó và họ đã lấy làm ngạc nhiên. Nói theo ông thiếu tá

thì nụ cười biến mất trên mặt ông Bát-cơ tựa hồ như có một bàn tay vô hình đã xua đuổi nó. Và cái hiện tượng đó xảy ra trong những buổi họp mặt xã giao cũng như tại bàn ăn của sĩ quan ở đơn vị. Có khi trong nhiều ngày liên tục, ông như bị giày vò bởi sự ưu sầu sâu đen tối nhất.

“Sư đoàn Royal Mallovs hạ trại tại Andershot từ vài năm qua. Các sĩ quan lập gia đình thì ngủ ngoài doanh trại. Ông đại tá đã chọn một biệt thự, cách trại bắc chưa tới bốn trăm mét, nhưng mặt nhà phía tây cách đường cái hai mươi lăm mét. Gia nhân gồm có bác xà ích và hai người hầu gái. Vợ chồng Bát-cơ không con, rất ít khi tiếp khách trong nhà. Tóm lại, có năm người sống trong biệt thự đó.

“Bà Bát-cơ là một tín đồ Thiên Chúa Giáo. Bà rất bận rộn với câu lạc bộ Thánh Georges và hết lòng với việc lo cấp quần áo cho những người nghèo trong vùng. Tối hôm đó, một buổi họp được khai mạc vào lúc 8 giờ. Bà vội vàng ăn bữa tối để kịp đi họp. Khi rời khỏi nhà, bà báo cho chồng biết là bà sẽ không vắng mặt lâu. Theo lời chứng của người xà ích, bà đón một cô láng giềng còn trẻ Ma-ri, rồi cả hai cùng đi. Buổi họp kéo dài bốn mươi phút. Tối chín giờ mười lăm phút, bà cho ngừng xe để cô gái xuống trước cửa và về nhà cô.

“Ngôi biệt thự của đại tá có một căn phòng được dùng làm phòng khách nhỏ, có cửa hướng ra ngoài đường. Từ bên ngoài, muốn vào phòng đó phải băng qua một bãi cỏ tròn, đường kính ba mươi mét. Nó được ngăn cách với con đường bằng một bức tường thấp, phía trên có gắn lưới sắt, bà đại tá đã vào nhà qua ngã đó. Bà thấp đèn và gọi chuông rồi sai cô hầu phòng đem tới một tách trà : đó là điều trái ngược với những thói quen của bà. Ông đại tá ở lại trong phòng ăn ; biết vợ mình đã về nhà, ông đi sang phòng khách nhỏ để gặp bà. Bác xà ích trông thấy ông đi ngang qua gian tiền sảnh rồi vào trong đó.

“Mười phút sau khi được lệnh, cô hầu phòng đem trà lên cho bà chủ, cô ngạc nhiên nghe ông chủ và bà chủ cãi nhau kịch liệt. Cô gõ cửa, không có tiếng trả lời. Cô muốn mở cửa nhưng cánh cửa đã bị khóa từ bên trong. Cô hối hả chạy xuống bếp, báo động với bà bếp. Thế rồi hai người đàn bà cùng bác đánh xe vào trong gian tiền sảnh, gióng tai lên mà nghe cuộc cãi lộn. Cả ba người đều nhất trí rằng họ chỉ nghe thấy có hai giọng nói : *giọng của ông đại tá và của bà vợ*. Những câu của ông Bát-cơ thì thô bạo, nói với giọng thất thanh, khiến người nghe không sao hiểu được. Còn những câu nói của bà Bát-cơ thì lại còn ác liệt hơn nữa : Ba người giúp việc nghe rõ ràng : *“Anh là một thằng hèn !”* Bà không ngớt lặp đi lặp lại câu đó. Và bà còn nói : *“Biết làm sao bây giờ? Hãy trả lại cho tôi sự tự do ! Không bao giờ ta còn có thể thở chung một bầu không khí với mi ! Đồ hèn !”* Bất chợt người đàn ông hét lên một tiếng khủng khiếp rồi tiếp đó là tiếng đồ ngã, tiếng thét xé tai của bà chủ. Bác đánh xe lao mình vào cánh cửa, cố sức bật nó ra. Bên trong những tiếng thét nối tiếp nhau. Người đánh xe không phá được cánh cửa và hai người tớ gái lại quá lo sợ nên chẳng giúp được gì. Một ý kiến chợt lóe lên trong trí bác. Bác bỏ ra ngoài, đi vòng ngôi nhà, ngang qua bãi cỏ trên đó có mở ra cánh cửa sổ sát đất. Cửa mở rộng, bác vào trong phòng khách nhỏ. Bà chủ đã ngưng kêu gào. Bà nằm im trên đi-văng ; ông đại tá thì hai chân vắt ngang trên cái tay dựa của ghế bành, đầu gục xuống đất; ông chết trong một vũng máu.

“Người đánh xe định mở cửa ra. Nhưng chìa khóa không có trong ổ khóa và cũng không thấy để ở đâu trong căn phòng. Vậy là bác lại nhẩy qua cửa sổ sát đất, đi mời một cảnh sát và một y sĩ, rồi trở lại. Bà Bát-cơ được chuyển sang phòng riêng của bà, vẫn còn hôn mê. Thi hài ông đại tá được đặt nằm dài trên ghế trường kỷ. Và người ta tiến hành cuộc điều tra.

“Vết thương trên người nạn nhân là một vết đứt dài bảy centimét ở phía sau đầu, được gây ra bởi một loại hung khí có

mũi nhọn. Trên sàn nhà, gần bên xác chết, người ta tìm thấy một thứ như cây gậy ngắn bằng gỗ rắn, có một cái cán bằng xương : Ông đại tá có một bộ sưu tập lớn những khí giới mà ông đã đem về từ nhiều quốc gia khác nhau, tại những nơi mà ông đã tham chiến. Cảnh sát cho rằng cây gậy đó là một trong những vũ khí sưu tập của ông. Nhưng các gia nhân thì nói là trước đó, họ chưa từng trông thấy nó. Cảnh sát không khám phá ra được điều gì khác. Và đây là việc quái lạ mà chưa ai có thể giải thích được : trên người bà Bát-cơ, trên người nạn nhân, cũng như ở bất cứ chỗ nào trong phòng khách nhỏ, người ta không thể tìm thấy cái chìa khóa. Cần phải gọi một người thợ khoá từ Aldershot tới để mở cánh cửa ra.

Trước tình hình bế tắc như vậy, thiếu tá Mã-phi mời tôi xuống Aldershot để phụ giúp cảnh sát.

“Trước khi quan sát căn phòng, tôi thẩm vấn nhiều gia nhân, nhưng không thấu đạt được gì hơn là những điều mà tôi vừa trình bày với anh. Tuy nhiên, cô hầu phòng có cung cấp cho tôi một chi tiết đáng chú ý : số là khi nghe tiếng cái cọ, cô ta đã xuống bếp và đi lên cùng với hai người đầy tớ khác. Nhưng cô xác nhận rằng lúc đầu, khi chỉ có mình cô, *những giọng nói của ông bà chủ bị nghẹt đến mức cô gần như chẳng thể nào hiểu được điều gì và rằng chính là do những ngữ điệu nhiều hơn là những tiếng nói mà cô hiểu ra rằng hai người đang cãi nhau.* Tôi đôn dập dập nhiều câu hỏi. Sau chót cô nhớ rằng có hai lần cô đã nghe thấy bà chủ thốt ra cái tên "David". Điểm đó có tầm quan trọng cao để soi sáng cho chúng ta về những nguyên cơ gây ra cái vạ.

“Một điều đã gây ra cảm tưởng sâu đậm cho mọi người là : *Những nét nhân nhỏ của ông đại tá.* Theo lời chứng của họ, về mặt ông có một nét biểu lộ sự khiếp sợ và sự kinh hoàng chưa từng thấy. Rõ ràng là ông biết mình sắp chết và rằng sự trông thấy cái chết đã làm cho ông kinh hoàng. Điều đó, phù hợp với lý thuyết của cảnh sát : ông đại tá hẳn đã thấy

vợ mình chuẩn bị giết mình. Và cái việc cú đánh đã được giáng xuống từ đằng sau cũng không mâu thuẫn với lý thuyết đó, bởi vì ông đại tá rất có thể quay mình để né tránh cú đánh. Về phía bà Bát-cơ, người ta không có một tin tức nào cả. Bà bị một cơn cấp phát sốt thuộc não và tạm thời bị mất lý trí.

“Cảnh sát đã cho biết là cô Ma-ri (người đã cùng đi với bà Bát-cơ vào buổi tối hôm đó), quả quyết là cô không biết chút gì về nguyên cớ đã gây ra cơn tức giận của bạn mình. Anh Watson, khi tập hợp những dữ kiện đó, tôi đã chú ý đến việc *mất cái chìa khóa*. Căn phòng đó đã được lục soát hết sức kỹ lưỡng mà chỉ uống công. Do đó cái chìa khóa đã bị lấy. Nhưng cả ông đại tá lẫn bà vợ đều không lấy. Vậy thì một người thứ ba hẳn đã vào trong phòng và cái người thứ ba đó đã chỉ có thể vào được qua ngã cửa sổ sát đất.

“Ngay tức khắc tôi đã tin rằng một cuộc quan sát kỹ căn phòng khách nhỏ và bãi cỏ có thể phát hiện một dấu vết nào đó của nhân vật bí mật kia. Tôi không bỏ sót một dấu vết nào. Và sau chót tôi đã tìm ra nhiều dấu vết. Đã có một người ở trong căn phòng khách nhỏ. Người đó đã đi qua bãi cỏ từ ngoài đường vào. Tôi phát hiện 5 dấu chân rất rõ : *một trên đường*, ở nơi mà người đó đã leo lên đường, *hai trên bãi cỏ*, và *hai trên ván sàn gần khuôn cửa sổ* mà qua đó người lạ đã vào trong phòng. Chắc chắn là người đó đã *chạy băng qua bãi cỏ*, bởi vì dấu những ngón chân thì sâu hơn dấu những gót chân. Nhưng không phải người đó đã làm cho tôi ngạc nhiên đến bối rối. Chính là *cái đi kèm với người đó*.

- Cái đi kèm?

Holmes rút từ túi áo ra một tờ giấy lụa lớn và mở ra một cách thận trọng trên đầu gối anh.

- Anh nghĩ sao về cái này?

Tờ giấy phủ đầy những tranh vẽ phỏng sao lại *những dấu chân một con vật nhỏ*. Có năm ngón chân, có móng dài. Mỗi dấu lớn bằng một cái muỗng dùng để ăn món tráng miệng.

- Đây là một con chó. - Tôi nói.

- Con chó làm sao leo lên được những tấm ri-dô? Tôi đã phát hiện ra những dấu vết này trên một tấm ri-dô.

- Thế thì một con khi?

- Không phải.

- Thế thì là cái gì?

- Đây không là con chó, không là con mèo, cũng chẳng là con khi, cũng chẳng là con vật nào mà ta biết. Tôi đã thử hình dung ra con vật đó theo các kích thước của dấu chân nó. Đây là bốn dấu chân ở một nơi mà con vật đứng bất động. Giữa chân trước và chân sau cách nhau vào khoảng 50 cm. Anh hãy thêm vào đó chiều dài của cái cổ và của cái đầu thì anh sẽ có một con vật mà chiều dài thân mình chưa tới sáu mươi phân, và nó có thể còn ngắn hơn thế nữa, hoặc dài hơn nếu nó có một cái đuôi. Nhưng khi con vật di chuyển, ta có chiều dài của bước chân nó. Dấu bước chân là mười centimét. Vậy là con vật này có cái thân mình dài với những chân rất ngắn. Tóm lại, đó là một con thú leo được lên tấm ri-dô và là con thú ăn thịt.

- Làm sao mà anh suy diễn ra được điều đó?

- Bởi vì nó đã leo lên những tấm ri-dô. Ở khuôn cửa sổ có treo một lồng chim hoàng yến. Dường như mục tiêu của nó khi leo lên ri-dô là để bắt con chim.

- Thế thì con vật đó là gì?

- Đó là một loại chồn hạt dẻ, mồm nhọn, lớn hơn những con chồn mà tôi đã từng thấy.

- Nhưng nó dính dáng gì đến tội ác?

- Điều đó cũng lại tối tăm. Nhưng chúng ta biết là có một người đứng trên đường và rình mò cuộc cãi vã của hai vợ chồng, bởi vì những mảnh sáo còn chưa buông xuống và ngọn đèn còn được thắp sáng. Chúng ta cũng còn biết là người đó đã chạy băng ngang bãi cỏ, đã vào trong phòng khách nhỏ, có

đem theo một con thú bí mật, và y đã đánh ông đại tá (nếu không, thì vừa lúc trông thấy y, ông đại tá đã té bật ngựa xuống thanh gác củi và bị té đầu).

Sau chót y bỏ đi với chiếc chìa khóa cửa.

- Những khám phá của anh làm cho nội vụ tối tăm hơn, thay vì làm cho nó được sáng tỏ !

- Anh có lý ! Nhưng tôi đã làm cho anh thức quá khuya !
Vây ngày mai, trên đường đi Aldershot, tôi sẽ kể tiếp.

- Cảm ơn ! Anh cứ kể tiếp.

- Khi ra khỏi nhà vào hồi bảy giờ rưỡi, bà Bát-cơ không giận hờn gì chồng : người đánh xe đã nghe bà nói chuyện với ông đại tá theo lối thân tình. Mặt khác, ngay sau khi về nhà, bà đã vào trong căn phòng và kêu người hầu pha trà ; bất cứ người phụ nữ nào bị bồn chồn cũng đều làm như vậy, và ngay sau khi ông đại tá hiện ra là bùng nổ. Thế mà cô Ma-ri đã không rời khỏi bà trong suốt khoảng thời gian đó, cho nên mặc dù cô ta có chối cãi, nhưng chắc chắn cô có biết một cái gì đó.

"Ý nghĩ đầu tiên của tôi là có sự đan diu giữa cô Ma-ri và ông lính già, và cô này hẳn đã ít nhiều thổ lộ với người vợ. Điều đó giải thích rõ về cơn tức giận khi trở về nhà cũng như những lời chối bỏ của cô gái trong cuộc. Và điều đó cũng không mâu thuẫn lắm với những từ mà 3 người giúp việc nghe được. Nhưng lại có một người tên David, lại có sự triu mến của ông đại tá đối với vợ, và sau chót còn có sự lên vào của một người đàn ông khác. Thật khó mà chọn ra con đường để tiến hành điều tra ! Dù sao đi nữa, tôi không thiên về việc cô Ma-ri có "tình ý" với ông đại tá, nhưng tôi lại vững tin rằng chính cô ấy là người biết rõ sự bí mật vì sao bà Bát-cơ thỉnh linh thay đổi tính khí. Vây là tôi tìm tới nhà cô Ma-ri, giải thích rằng tôi tin chắc là cô biết rõ những sự việc, và tôi đã báo cho cô biết là bà Bát-cơ sẽ bị đặt vào ghế của bị cáo về tội ám sát chồng, nếu nội vụ được làm cho sáng tỏ.

Ma-ri là một cô gái bé nhỏ, thanh khiết, có cặp mắt e lệ và mái tóc vàng hoe. Sau khi nghe chuyện, cô ngồi suy tư trong một lúc, rồi quay sang phía tôi và với dáng vẻ của người đã có một quyết định dứt khoát :

- Tôi đã hứa với bạn tôi rằng tôi sẽ không nói ra bất cứ điều gì. Nhưng nay bà ấy lâm trọng bệnh và đang trên bờ của sự tội tù, vậy thì tôi không thể làm thinh. Thưa ông, tối thứ hai đó chúng tôi từ Hội quán trở về. Lúc ấy vào khoảng chín giờ thiếu mười lăm. Khi băng ngang qua đường Hudson - một con đường rất lớn và rất yên tĩnh - tôi thấy một người đàn ông tiến lại phía chúng tôi : lưng rất cồng và đeo một cái hộp chéo qua vai, đầu cúi thấp và bước đi với hai đầu gối co gập lại. Ông ta ngược mắt lên đúng vào lúc chúng tôi bước vào trong cái vòng ánh sáng của ngọn đèn đường. Ngay tức khắc, ông ta đứng lại và kêu lên bằng một giọng khùng khiếp : "*Lạy Chúa tôi, đây đúng là Nancy !*" Bà Bát-cơ bỗng tái mét. Bà hẳn đã sụp xuống nếu con quái vật đó không đỡ lấy bà. Tôi trực kêu cứu, nhưng bà lại dịu dàng nói với người đàn ông.

- Hãn-ri, em cứ tin rằng anh đã chết từ ba chục năm qua.

- Tôi đã từng bị chết ! - Người kia trả lời.

Thật là kinh khủng khi nghe cái ngữ điệu trong tiếng nói của ông ta. Ông có một bộ mặt r ám nắng, đáng lo ngại, với một ánh chói trong tia mắt. Tóc, râu má đã lấm tẩm những sợi xám. Những nếp nhăn, những vết nhăn hẳn trên mặt ông.

- "Hãy đi tiếp một quãng, em gái" ! Bà Bát-cơ bảo tôi. "Chị muốn nói chuyện với ông đây. Không có gì phải lo sợ cả". Bà nói với vẻ quả quyết, nhưng bà vẫn còn tái xanh.

Tôi đi trước một quãng để cho hai người tự do nói chuyện trong vài phút. Sau đó bà đi xuống phố. Cặp mắt bà long lanh. Tôi thấy người đàn ông khốn khổ đứng lại bên ngọn đèn đường và vung nắm đấm lên không khí, tựa hồ như ông ta bị điên vì tức giận. Bà không nói một lời nào cho tới khi chúng tôi

về đến cửa nhà tôi. Lúc đó bà mới nắm lấy bàn tay tôi, yêu cầu tôi đừng nói gì với bất cứ ai về cuộc gặp gỡ này :

- Đó là một người quen cũ của chị, nay lại hiện ra.

Tôi hứa, bà hôn hôn tôi. Giờ đây vì lợi ích của bà, tất cả chuyện đó phải được biết đến.

"Anh Watson, những lời khai của Ma-ri như là ánh sáng trong đêm. Tất cả những gì trước đây không liên lạc với nhau thì nay lại ràng buộc nhau trong một trật tự bình thường. Tôi chỉ còn việc tìm gặp cái người dị dạng đó. Nếu anh ta còn ở Aldershot thì việc đó sẽ dễ dàng. Ban ngày tôi dò hỏi và buổi tối hôm đó, tôi đã biết địa chỉ. Đó là Henry Wood ở trọ trong cùng một đường phố và bà Bát-cơ đã gặp ông ta. Ông ta chỉ mới tới đó có năm ngày. Tôi đến gặp bà chủ nhà trọ và tự xưng là nhân viên mới đến thu những phiếu thuộc cảnh sát và bà ta đã bép xép : "Cái ông Henry Wood là nhà ảo thuật và nghệ sĩ diễn rong. Ông ta đi diễn quanh các trại lính và các quán cà phê buổi chiều". Trong cái hộp, có một con vật đã làm cho bà chủ nhà trọ phải nhiều phen sợ bỏ vía : đó là con thú mà ông đem ra trình diễn. Bà ấy còn cho biết đôi lúc ông nói một thứ tiếng lạ hoắc và hai đêm vừa qua ông ta cứ rên rĩ và khóc lóc ở trong phòng. Về tiền bạc, ông sòng phẳng, nhưng dấu sao trong số tiền ứng trước thì ông đã trả cho bà một đồng florin giả. Bà đưa cho tôi xem ; đó là một đồng ru-pi Ấn Độ.

"Giờ đây, thật hoàn toàn sáng tỏ rằng : hai người đàn bà chia tay nhau, người dị dạng đã đi theo họ trong khoảng cách xa, ông ta chứng kiến cảnh cãi cọ giữa hai vợ chồng, ông ta vội vã chạy vào trong phòng khách nhỏ và con thú mà ông ta mang theo đã trốn ra khỏi hộp. Nhưng ông ta là người duy nhất có thể cho chúng ta biết những gì đã xảy ra.

- Và anh có ý định hỏi ông ta?

- Tất nhiên ! Nhưng hỏi trước mặt một người chứng.

- Người chứng sẽ là tôi.

- Phải, điều đó làm sáng tỏ vấn đề. Nhưng nếu ông ta từ chối, chúng ta buộc lòng đưa nội vụ cho cảnh sát.

- Liệu ông ta còn ở đó không?

- Một trong những chú nhóc của tôi đã lảng vảng trước nhà trọ và nếu ông ta bỏ đi thì chú bé sẽ bám sát ông ta như một con đĩa. Ngày mai chúng ta sẽ gặp lại chú bé. Nhưng trong lúc chờ đợi, chính tôi là kẻ gây ra tội ác nếu tôi còn bắt anh thức lâu hơn nữa.

Chúng tôi tới nơi xảy ra tấn thảm trạng vào hồi giữa trưa rồi tôi đường Hudson ngay lập tức.

- Đây là đường Hudson. A ! Kia, chú nhỏ tới báo cáo.

- Ông ta vẫn còn ở đó, thưa ông ! - Một cậu bé vừa chạy tới vừa kêu lên với chúng tôi.

- "Tốt !" Holmes nói khi vuốt ve má chú bé. "Lại đây, Watson. Chúng ta tới nơi rồi".

Holmes đưa vào tấm thiệp trên đó chỉ vài lời ngỏ ý muốn được gặp ông Henry Wood về một việc quan trọng. Ngay sau đó chúng tôi được mời vào nhà. Mặc dù đang mùa nóng nực, ông ta vẫn thu mình bên ngọn lửa và căn phòng đúng là một cái lò. Henry Wood hoàn toàn dị hình và co rúm trên một cái ghế dựa. Nhưng khuôn mặt ông hướng về chúng tôi, thuở trước hẳn là rất điển trai.

Ông nhìn chúng tôi với vẻ nghi hoặc. Không nói mà cũng chẳng đứng lên, ông chỉ cho chúng tôi hai cái ghế dựa.

- "Ông từ bên Ấn Độ về, tôi nghĩ thế? " Holmes hỏi với một giọng nhã nhặn. "Tôi tới về cái vụ nho nhỏ mà ông đã biết : cái chết của đại tá Bát-cơ".

- Vụ đó thì can hệ gì tới tôi?

- Tôi cũng mong muốn sự việc như thế. Bởi vì nếu nội vụ không được làm sáng tỏ thì bà Bát-cơ - vốn là một người bạn cũ của ông - sẽ bị gán cho tội giết người.

Người đó giật nảy mình, kêu lên :

- Tôi không biết ông là ai, cũng chẳng hiểu vì sao ông lại biết được điều đó.

- Người ta chỉ còn chờ đợi bà tỉnh lại để bắt giam bà.

- Lạy Chúa ! Ông là cảnh sát hả?

- Không.

- Thế thì sao ông lại can thiệp vô?

- Tôi can thiệp là để cho công lý được thể hiện.

- Ông có thể tin nơi tôi, bà ấy vô tội.

- Thế thì chính ông là phạm tội.

- Không. Tôi không gây ra tội ác.

- Vậy, ai giết đại tá Giem Bát-cơ?

- "Chúa giết ông ta. Nhưng ông hãy nhớ lấy điều này : nếu như tôi có đập vỡ óc y ra thì cũng rất đáng với cái tội của y. Ông muốn tôi khai à? Được, tôi chẳng có gì phải hổ thẹn cả. Đây, hiện giờ trên lưng tôi có một cái bấu lạc đà và những xương sườn xiêu vẹo. Nhưng đã có một thời, hạ sĩ Henry Woodd này là người đẹp trai nhất trong trung đoàn bộ binh 117. Thuở đó, chúng tôi ở bên Ấn Độ, tại vùng Bhurtee. Bát-cơ là trung sĩ trong cùng một đại đội với tôi. Còn người đẹp của trung đoàn ... đúng thế ! Là Nancy Devoy ; thân phụ cô là trung sĩ trưởng đội. Hai chàng trai cùng yêu cô và chỉ có một được cô yêu thương : Tôi. Tôi đã chiếm được trái tim cô, nhưng cha cô lại ưa Bát-cơ hơn. Tôi là một người mạo hiểm, một tay phiêu lưu, còn Bát-cơ là người có học và người ta đã dự đoán trước là anh sẽ thành sĩ quan. Nhưng Nancy lại tha thiết yêu tôi và tôi tin là tôi sẽ lấy được nàng. Than ôi, cuộc nổi loạn của tính bản địa Cipayes bùng nổ và khắp xứ ngập chìm trong máu lửa !

"Toàn thể trung đoàn, thêm phân nửa đội pháo binh, một đại đội lính người Sikhs và nhiều người thường dân cùng đàn bà, trẻ con bị bao vây trong miền Bhurtee. Tới tuần thứ hai thì nước bắt đầu khan hiếm. Cần phải liên lạc với đoàn quân

của tướng Neill đang ngược lên xứ đó. Đó là cơ may duy nhất. Tôi tự ý tình nguyện lên ra khỏi vòng vây và báo cho tướng Neill biết về tình trạng nguy ngập của chúng tôi. Đề nghị của tôi được chấp thuận. Tôi bàn bạc với trung sĩ Bát-cơ, là người biết rõ thực địa hơn bất cứ ai. Ông ta đã vẽ cho tôi một bản đồ để ra khỏi vòng vây. Tới 10 giờ tối tôi lên đường. Có cả ngàn sinh mạng cần được cứu sống, nhưng thật tâm tôi chỉ nghĩ đến có một người : Nàng.

“Con đường men theo một dòng nước cạn : tôi hy vọng là đi như thế sẽ thoát được sự canh chừng của bên địch. Nhưng trong lúc đang bò, tôi rơi vào tay sáu tên lính gác đang chờ đợi tôi. Trong hai giây, tôi bị choáng váng vì một cú đánh rồi bị trói. Cú đánh đó làm cho tôi đau đớn trong lòng nhiều hơn là ở trên đầu, bởi vì tôi nghe quân Cipayes nói với nhau rằng chính Bát-cơ đã cho một đây tờ địa phương đến báo tin cho họ, nhờ vậy họ mới bắt được tôi.

Ngày hôm sau, vùng Bhurtee được quân của tướng Neill giải cứu, nhưng quân nổi loạn đem tôi theo chúng trong cuộc rút lui. Tôi bị tra tấn. Tôi đào thoát. Tôi bị bắt lại và bị hành hạ thành người tàn phế. Một phần quân phiến loạn bỏ trốn qua Népal ; tôi phải theo đoàn đó. Chúng tôi còn đi xa hơn, đi tới tận Darjeeling. Ở đó dân sơn cước giết quân phiến loạn và tôi trở thành nô lệ của họ. Tôi lại bỏ trốn nữa. Nhưng thay vì đi về hướng nam, tôi lại ngược lên hướng bắc, đến xứ người Afghans. Tôi lang thang ở đó trong nhiều năm, rồi trở xuống Punjab là nơi tôi đã sống với dân địa phương, kiếm ăn bằng cách làm trò ảo thuật. Tôi làm sao dám trở về nước Anh. Thà cứ để cho Nancy và các bạn cũ cứ giữ mãi cái hồi ức về một gã Henry Wood đã chết với một cái lưng thẳng, hơn là thấy tôi trong một cái hình thể của một kẻ dị dạng gù ghẹo như vậy. Họ tin chắc là tôi đã chết. Như thế lại càng hay ! Tôi nghe nói Bát-cơ đã cưới Nancy và đã được thăng cấp trong trung đoàn.

“Nhưng khi về già, người ta tha thiết nhớ cố hương. Trong những năm dài, rồi những năm dài, tôi đã đeo đuổi theo hình ảnh bao đồng cỏ xanh và các hàng rào bên nước Anh. Sau cùng tôi muốn nhìn lại chúng một lần chót trước khi lìa đời.”

- “Câu chuyện của ông thật là cảm động”, Sherlock Holmes nói. “Tôi đã biết có cuộc gặp mặt giữa ông và bà Bác-cơ. Ông đã đi theo bà ấy về nhà, nhìn qua cánh cửa sổ, ông thấy họ cãi nhau, chắc hẳn là người vợ đã trách móc ông chồng về câu chuyện ngày xưa. Những tình cảm cá nhân của ông lúc đó đã thắng, ông liền chạy băng qua bãi cỏ và vào trong phòng.”

- Đúng. Thưa ông. Và khi thấy tôi, y té gục đầu xuống cái thanh gác củi. Nhưng y đã chết, trước khi gục xuống : tôi trông thấy cái chết trên mặt y, cũng rõ ràng như tôi đọc cuốn sách này. Việc nhìn thấy tôi tựa như viên đạn súng lục bắn thẳng vào trái tim tội lỗi của y.

- Rồi sau đó?

- Nancy ngắt đi. Tôi rút trong bàn tay nàng cái chìa khóa, định mở cửa đi tìm người cấp cứu. Nhưng tôi nảy ra cái ý định nên để nàng lại đó, còn mình thì bỏ trốn. Tôi nhét cái chìa khóa vào túi và đánh rơi cây gậy trong lúc đuổi theo Teddy đang leo lên tấm ri-đô. Khi tôi nhốt được nó vào trong cái hộp, tôi chạy đi với tốc độ nhanh nhất.

- Teddy là ai? - Holmes hỏi.

Henry cúi xuống và lôi ra một con vật bé nhỏ xinh đẹp màu đỏ lạt, mảnh mai và mềm mại, một cái mũi dài màu hồng và cặp mắt đỏ tuyệt đẹp.

- Một con chồn đen.

- Vâng, người ta gọi nó như thế, hoặc còn gọi nó là cây ăn rắn. Tôi gọi nó là con bắt rắn. Tôi có nuôi một con rắn hổ đã bẻ hết răng nanh, và mỗi tối Teddy lại bắt rắn để mua vui cho những người trong xứ. Còn có chuyện gì ông muốn biết nữa không, thưa ông?

- Rất có thể là chúng tôi sẽ cần đến ông, nếu bà Bát-cơ bị gặp khó khăn.

- Trong trường hợp đó, xin ông hãy tuyệt đối tin cậy nơi tôi !

- Giờ đây ông đã vừa ý khi biết rằng trong ba mươi năm qua, lương tâm ông đại tá đã không ngừng cắn rứt về cái hành vi phân bội của mình. A, ông thiếu tá Mã-phi đang đi bên kia đường. Xin chào, ông Wood.

Chúng tôi đuổi kịp ông thiếu tá.

- “A, Holmes”, thiếu tá reo lên, “ông đã biết tin gì chưa”

- Chuyện gì vậy?

- Cuộc điều tra đã kết thúc. Y sĩ chúng nhận rằng nạn nhân chết vì chứng ngạt máu. Tóm lại đây chỉ là một vụ thật tầm thường.

- “Ồ, rất tầm thường !” Holmes cười và trả lời. “Minh đi thôi, anh Watson ! Người ta chẳng còn cần đến chúng ta nữa”.

Trong lúc đi ra nhà ga, tôi nói với Holmes :

- Có một điều tôi vẫn còn chưa rõ : Người chồng tên là Giêm và người kia là Henry, tại sao bà ấy lại nói đến tên David?

- Đó là một từ ngữ dùng để oán trách.

- Để oán trách?

- Trong kinh Thánh, nhân vật David thỉnh thoảng lại sa đọa, hẳn đã hành động y hệt như trung sĩ Giêm Bát-cơ vậy.

Người khách trọ được hưởng bổng lộc

Trời đang tiết tháng Mười, một ngày nặng nề, mưa nhiều. Mành cửa được buông xuống nửa vơi. Holmes nằm cuộn mình trên ghế tràng kỷ để đọc đi đọc lại lá thư mà anh vừa nhận được. Về phần tôi, thời gian ở bên Ấn Độ đã tập cho tôi chịu đựng được nóng hơn là chịu lạnh. Nhưng tờ báo lại chẳng có gì đáng đọc. Mọi người đã bỏ đi khỏi thủ đô và tôi thêm muốn đi nghỉ mát ở bờ biển, nhưng không đủ tiền.

Holmes quá mải mê, không tiện nói chuyện, tôi bèn liệng tờ báo, ngồi thoải mái trong ghế bành và chìm vào trong một giấc mơ. Bất thình lình giọng nói của anh chen vào trong tư tưởng tôi :

- Buổi tối đem đến một chút mát mẻ. Ta đi dạo thành phố nhé.

Tôi tán thành ngay. Trong ba tiếng đồng hồ, chúng tôi đi lang thang, chăm chú vào cái kính vạn hoa ngàn đời thay đổi không ngừng của cuộc sống trong các đại lộ và khu bờ sông. Cuộc nói chuyện của Holmes luôn luôn gây thích thú.

Chúng tôi trở về đường Baker lúc 10 giờ. Một xe ngựa bốn bánh đậu trước cửa nhà chúng tôi.

- "Hừm ! Một y sĩ... tôi nhận thấy thế" Holmes nói. "Ông này hành nghề chưa bao lâu, nhưng rất bận rộn. Ông tới hỏi ý kiến chúng ta".

Ánh sáng lung linh đằng sau khuôn cửa sổ chứng tỏ người khách đang chờ đợi chúng tôi. Tôi theo Holmes vào nhà.

Một người xanh xao có bộ mặt dài và dễ râu má vàng hoe đứng lên khi chúng tôi bước vào. Ông ta chưa quá ba mươi hoặc ba mươi bốn tuổi, đang nhìn nhón nhác. Đó là thái độ của một người rụt rè và dễ kích động : bàn tay trắng mà ông ti lên lò sưởi khi đứng dậy khỏi ghế hần thích hợp với một nghệ sĩ hơn là một y sĩ. Ông ta ăn mặc đàng hoàng với quần áo màu sẫm. Một cái áo sơ-đanh-gốt đen, quần màu sẫm, thắt cà-vạt trang nhã.

- "Xin chào bác sĩ !" Holmes vui vẻ nói. Tôi vui mừng được thấy bác sĩ không phải chờ chúng tôi quá lâu".

- Vậy là ông đã nói chuyện với người đánh xe của tôi?

- Không. Ngọn đèn nển trên bàn đã nói. Xin mời ông ngồi xuống và xin cho biết tôi có thể giúp ông điều gì.

- Tôi là bác sĩ Pét-xi ở số 403 đường Brood.

- Có phải ông là tác giả một cuốn sách chuyên khảo về các thương tổn thần kinh không? - Tôi hỏi.

Niềm vui sướng làm cho cặp má xanh xao của ông ta trở thành có màu sắc.

- "Tôi ít khi được nghe nhắc tới cuốn sách đó" ông trả lời. "Nhà xuất bản nói nó bán rất ế. Ông cũng là bác sĩ?"

- Bác sĩ quân y đang nghỉ phép.

- Tôi muốn chuyên về bệnh thần kinh, nhưng chúng ta buộc phải "có gì lấy nấy". Nhưng đó là chuyện ngoài đề. Thưa ông Holmes, một chuỗi sự việc xảy ra nơi nhà tôi đã khiến tôi tới đây để xin ông một lời khuyên.,

Holmes ngồi xuống và mời tẩu thuốc.

- Hoan nghênh ông đã đến. Câu chuyện như thế nào?

- Tôi theo học đại học Luân Đôn và các giáo sư đã coi tôi như một đối tượng có nhiều hứa hẹn. Sau khi tốt nghiệp, tôi tiếp tục chuyên tâm vào việc nghiên cứu chứng giảm huyết : sau chót, tôi được tặng giải thưởng và một huân chương cho cuốn sách chuyên khảo về những thương tổn thần kinh mà bạn ông vừa nhắc tới hồi nãy.

“Nhưng chương ngại chính ngăn cản con đường lập nghiệp của tôi là sự thiếu vốn. Muốn khởi nghiệp, tôi bắt buộc phải định cư tại một trong mười hai con đường trong khu sang trọng Cavendish : tiền thuê nhà rất cao và một số đồ đạc đắt giá, lại còn phải nuôi kẻ ăn người ở, phải nuôi một con ngựa và một cỗ xe coi đợc. Điều đó vượt quá khả năng của tôi. Tôi hy vọng sẽ ăn uống dè sẻn trong mười năm, mới có thể gắn đợc tấm bảng hiệu lên trước cửa nhà mình. Nhưng một buổi sáng, có một người khách tên là Ba-lét đến tìm tôi. Tôi vừa mới mời ông ta ngồi xuống là ông ta liền nói một hơi :

- Ông có phải là cái ông Pét-xi, người vừa đợc trao giải thưởng không? ...

Tôi nghiêng mình.

- “Hãy thẳng thắn trả lời tôi”, người khách nói tiếp. “Rồi ông sẽ không phải hối tiếc. Tài năng của ông sẽ còn đưa ông tiến xa hơn nữa. Ông có khéo xử sự không?”

Tôi không thể mỉm cười trước câu hỏi.

- Tạm đợc.

- Và không có các thói hư tật xấu đấy chứ? Không có những tính ham ... uống rượu chẳng hạn?

- Nhưng mà, thưa ông ! - Tôi kêu lên.

- Rất tốt ! Hoàn toàn tốt ! Nhưng tôi buộc phải đặt ra những câu hỏi đó. Ông có tài, có đức, tại sao không lo lập nghiệp?

Tôi nhún vai.

- “Coi nào, coi nào”, người khách nói. “Trong đâu ông có nhiều thứ hơn là ở trong bóp? Ông nghĩ sao nếu tôi bố trí cho ông mở phòng mạch ở đường Brook?”.

Tôi nhìn người khách với vẻ ngạc nhiên.

- “Ồ, nếu như tôi làm việc đó, thì chính là vì lợi ích của tôi, chứ chẳng phải để làm vừa lòng ông đâu”. Người khách kêu lên. “Tôi sẽ hết sức thành thật với ông. Tôi có vài ngàn

bảng và tôi muốn đầu tư. Phải, tôi muốn đầu tư vào đầu óc ông”.

- Như thế nào?

- Cách đầu tư này ăn chắc.

- Nhưng tôi phải làm gì?

- Tôi muốn nhà. Tôi sắm đồ đạc. Tôi trả lương cho kẻ hầu hạ. Nghĩa là tất cả mọi khoản chi tiêu. Ông chỉ ngồi trong cái ghế bành nơi phòng khám bệnh. Ông chia cho tôi ba phần tư tiền thu được, ông hưởng một phần tư còn lại.

Tôi nhận lời, tới ngụ tại đường Brook và bắt đầu hành nghề, làm theo những điều kiện mà ông ta đưa ra. Ông ta tới ở trong nhà tôi như một người khách trọ được hưởng bổng lộc. Tôi nhận thấy ông ta bị yếu tim và tình trạng sức khoẻ của ông ta cần được chăm sóc thường xuyên. Ông ta sửa đổi hai căn phòng trên lầu thành phòng khách và phòng ngủ để dùng riêng. Đó là một con người kỳ quặc : ông trốn tránh xã hội và ít khi đi ra phố. Tối nào cũng vậy, cứ đúng giờ là ông ta lại vào phòng mạch tôi, xem sổ khám bệnh, rồi chia tiền cho tôi và cất kỹ số còn lại vào cái két sắt đặt trong phòng.

Việc đầu tư của ông ta có kết quả. Một vài thành công trong những ca bệnh khó đã mau chóng đưa tôi lên hàng đầu. Trong hai năm, tôi đã làm cho ông ta trở thành người giàu có.

“Cách đây vài tuần, ông ta tới gặp tôi trong một trạng thái cực kỳ bồn chồn. Ông nói với tôi về một vụ trộm vừa mới xảy ra trong khu West End. Ông cho tôi hay là trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ nữa, then cửa an toàn sẽ được đặt vào các cửa sổ và cửa ra vào nhà tôi. Sự căng thẳng thần kinh của ông kéo dài khoảng chừng một tuần. Luôn luôn ông đứng rình bên cửa sổ và không ra khỏi nhà để đi dạo chơi như ông vẫn làm đều đặn trước bữa ăn tối. Nhìn thái độ ông, tôi suy luận rằng ông đang có một mối sợ hãi kinh khủng đối với một ai

đó hoặc một cái gì đó. Tôi nêu ra với ông vài câu hỏi, nhưng ông tỏ vẻ hồ hững tới mức tôi không muốn tìm hiểu thêm nữa. Thời gian trôi qua, mối lo sợ của ông dường như tan biến dần. Ông đã nói lại những thói quen ngày trước.

“Cách đây hai ngày, tôi nhận được một lá thư không đề ngày tháng và không ghi địa chỉ người gửi. Nội dung như sau : *“Một thành viên thuộc giới quý tộc Nga sẽ rất sung sướng được Bác sĩ nhận chăm sóc. Từ nhiều năm qua, người này bị chứng giảm huyết. Khi được biết bác sĩ rất giỏi về môn này, bệnh nhân muốn đến khám bệnh vào chiều mai, lúc 6 giờ 45 phút.”*

“Lá thư đó làm tôi thích thú bởi vì sự khó khăn chính trong việc nghiên cứu về bệnh giảm huyết là căn bệnh này ít có bệnh nhân để thực tập. Vậy là tôi có mặt ở phòng mạch vào giờ hẹn. Thân chủ tôi là một người đứng tuổi, gầy gò, ung dung. Bề ngoài khá tầm thường : chẳng có chút nào giống với cái ý nghĩ mà chúng ta thường có về một nhà quý phái Nga. Nhưng tôi lại ngạc nhiên nhiều hơn về người cùng đi. Đó là một thanh niên cao lớn, đẹp lạ lùng, với bộ mặt râu rí và dữ tợn, một thân hình mạnh khỏe. Khi hai người vào phòng, người trẻ tuổi đã giang vòng tay đỡ lấy ông già rồi đặt ngồi xuống với một sự âu yếm và dịu dàng.

- “Tôi xin được thứ lỗi, thưa bác sĩ”, anh ta nói với tôi bằng tiếng Anh với một giọng nói đót nhẹ. “Tôi phải cùng đi với cha tôi, vì cha tôi rất yếu”.

Sự hiếu thảo đó làm tôi cảm động.

- Phải chăng ông muốn ở lại bên ông cụ trong lúc tôi chẩn bệnh?

- “Ồ không ! Không đời nào”, anh ta kêu lên, tay phác ra một cử chỉ hoảng sợ. “Tôi sẽ rất đau buồn khi phải thấy ba tôi trong những cơn cấp phát kinh hoàng đó. Hệ thần kinh của tôi rất nhạy cảm. Tôi xin ngồi ở phòng đợi”.

“Người thanh niên bỏ ra ngoài. Tôi nói chuyện với người bệnh và ghi chú. Ông già không thông minh, những câu trả

lời của ông thường tối nghĩa, tôi cho là ông không đủ từ ngữ tiếng Anh. Tuy nhiên, bất thình lình, trong lúc tôi đang cúi ghi chép, thì ông ngưng không trả lời. Tôi ngừng đầu lên, thấy ông ta ngồi thẳng trong ghế bành mà ngó nhìn tôi, mặt ông tái mét, cứng đờ : cơn bệnh lại tái phát. Tôi đếm số mạch đập và đo nhiệt độ của người bệnh, cơ bắp đã cứng. Tôi không phát hiện ra điều bất thường đặc biệt nào. Trạng thái của ông phù hợp với điều mà những cuộc quan sát trước đó đã cho tôi biết. Bệnh này trị bằng cách cho xông chất nitrat amyl. Tôi tự nhủ rằng mình đang gặp một cơ hội tuyệt vời để chứng tỏ sự hữu hiệu. Vì chai thuốc đặt ở tầng dưới trong phòng thí nghiệm, tôi để thân chủ ngồi đó, chạy đi lấy. Phải mất năm phút mới tìm ra nó : Khi trở lại phòng mạch thì người bệnh đã bỏ đi.

“Tôi chạy ra ngoài. Người con trai cũng đã bỏ đi. Cánh cửa ra vào được khép lại, nhưng không đóng kín. Người đầy tớ, kẻ đưa khách vào, mới vào làm và lại hơi đần độn. Y cứ ở bên dưới và chỉ lên lầu để chỉ đường cho người bệnh hoặc khi tôi gọi chuông. Y chẳng nghe thấy gì và chúng tôi lúng túng trong sự bí mật hoàn toàn. Sau đó một lát, ông Ba-lét trở về sau khi đi dạo. Tôi không nói với ông một lời nào về sự việc vừa xảy ra.

“Tôi đinh ninh mình sẽ chẳng bao giờ gặp lại người Nga nọ cùng cậu con trai ! Thế mà chiều nay họ lại tới phòng mạch tôi.

- Tôi phải xin lỗi ông nhiều vì đã bỏ đi bất thình lình ngày hôm qua, thưa bác sĩ ! - Thân chủ của tôi nói.

- Quả thật việc đó làm tôi hơi ngạc nhiên...

- Khi ra khỏi cơn cấp phát, đầu óc rối rắm, tôi không còn nhớ gì về điều đã xảy ra trước đó. Tôi thấy mình tỉnh lại trong một căn phòng lạ, thế là tôi bỏ đi và tôi đã đi ngoài phố như đi trong sương mù.

- “Còn tôi”, người con trai nói thêm, “khi thấy ba tôi đi ra ngoài, tôi tưởng là cuộc khám bệnh đã xong. Tôi chỉ biết sự thật khi đã về tới nhà”.

- “Vậy thì”, tôi cười, “chẳng có gì là phiền hà cả. Bây giờ, ông có thể lui ra ngoài phòng khách, tôi tiếp tục chẩn đoán cho thân phụ ông”.

Trong vòng nửa tiếng đồng hồ, tôi khám xong, kê toa. Sau đó ông ra về, vịn tay vào người con trai.

“Một lát sau, Ba-lết về nhà và leo lên phòng. Liên ngay sau đó, tôi nghe tiếng chân ông lao xuống cầu thang và ùa vào trong phòng mạch tôi như một viên đại bác.

- Ai đã vào phòng tôi? - Ông ta hét lên.

- Không ai cả.

- Ông nói dối ! Hãy lên mà xem !

“Tôi bỏ qua lời lẽ lỗ măng của ông ta. Khi lên tới nơi, ông chỉ cho tôi thấy nhiều vết chân trên tấm thảm màu nhạt.

- Đây đâu có phải là các dấu chân của tôi. - Ông ta kêu toáng lên.

“Quả thật đó là những dấu chân mới có. Nó lớn hơn dấu chân của ông ta. Buổi chiều đó trời mưa nhiều, khách đến nhà tôi đều là bệnh nhân. Vậy là, trong lúc tôi đang khám bệnh cho người cha, thì anh thanh niên đã rời phòng đợi và đã leo lên phòng của ông Ba-lết. Không có nơi nào bị đụng tới hoặc bị lấy đi, nhưng rõ ràng căn phòng đã bị xâm nhập.

“Ba-lết bị kích động cực kỳ mạnh mẽ. Ông ngồi sụp xuống ghế bành và khóc. Phải rất lâu tôi mới làm ông tỉnh lại đôi phần. Ông ta khuyên tôi đến đây để gặp ông, thưa ông Holmes. Nếu ông vui lòng đi cùng với tôi, có thể ông sẽ trấn an được ông ấy”.

Sherlock Holmes, đã nghe câu chuyện kể dài dòng ấy với một sự chú tâm mãnh liệt. Khi người khách chấm dứt, Holmes không nói một lời, đưa cái mũ cho tôi rồi anh đi theo thân chủ.

Mười lăm phút sau, chúng tôi dừng lại trước ngôi nhà của bác sĩ. Một người đẩy tổ mở cửa và chúng tôi leo ngay lên cái cầu thang rộng có trải thảm.

Ngọn đèn trên thềm cầu thang đột ngột bị gió thổi tắt. Từ trong bóng tối, một giọng nói nhỏ, run rẩy vọng tới chúng tôi.

- Tôi có khí giới ! Tôi xin thề là tôi sẽ bắn vào mấy người, nếu mấy người tiến lại gần.

- Ông Ba-lét, ông quá đáng rồi đấy. - Bác sĩ Pét-xi kêu lên.

- “Ồ, thế ra là ông đấy à, bác sĩ?” Giọng nói thốt ra có kèm theo một tiếng thở dài nhẹ nhõm. “Nhưng còn những người kia, ông có bảo đảm cho họ không?”

Ba-lét quan sát tỉ mỉ chúng tôi.

- “Tốt. Được rồi. Sau cùng ông ta nói, ”Các ông có thể lên. Tôi xin lỗi nếu sự đề phòng đã làm quý ông khó chịu”.

Ông ta đốt ga lên và chúng tôi thấy trước mặt mình là một người kỳ lạ. Ông ta rất mập, nước da bệnh hoạn. Mỗi tay cầm một khẩu súng lục ; ông nhét súng vào túi khi chúng tôi tiến lên.

- Xin chào ông Holmes. Tôi thật rất mang ơn ông đã cất công đến đây. Bác sĩ đã cho ông biết về vụ xâm nhập tôi tẹ vào nhà tôi?

- Có, hai người đó là ai vậy, tại sao họ lại định hại ông?

- Thế thì, đó là ... Thật là khó nói. Tôi chẳng biết trả lời ông ra làm sao, thưa ông Holmes.

- Nói cách khác, ông không biết họ là ai?

- Xin mời vào. Xin vui lòng đi ngang qua đây.

Ông dẫn chúng tôi vào trong phòng ông. Đó là một căn phòng đẹp, đồ đạc bày biện một cách thích đáng.

- “Quý ông thấy cái này chứ?”. Ông nói khi chỉ vào một cái hộp đen lớn để ở dưới chân giường. “Tôi chưa bao giờ giàu

có. Trọn đời, tôi chỉ đầu tư vào mỗi một việc như bác sĩ Pét-xi sẽ nói cho quý ông rõ. Tôi chẳng bao giờ tin một chủ ngân hàng nào cả, thưa ông Holmes. Chút ít vốn mọn mà tôi có được để cất giấu trong cái rương này, vậy là ông hiểu điều tôi cảm nhận khi có những kẻ vô danh lén vào nhà tôi.

Holmes nhìn kỹ Ba-lét với con mắt dò hỏi và lắc đầu.

- Tôi không thể giúp gì cho ông nếu ông tìm cách nói dối tôi. - Anh nói.

- Tôi đã nói tất cả rồi.

Holmes xoay gót với một cử chỉ chán ghét :

- Xin chúc anh một đêm an lành, bác sĩ Pét-xi.

- Ông bỏ đi mà chẳng nói với tôi điều gì ư? - Ba-lét kêu lên với một giọng kiệt quệ.

- Thưa ông, tôi chỉ có một lời khuyên : đó là hãy nói sự thật.

Một phút sau, chúng tôi đã ra tới ngoài phố và chúng tôi lại trên đường về nhà.

- Anh Watson, tôi rất tiếc đã làm anh phải ra khỏi nhà vì một cuộc dạo chơi của những người điên. Thực ra, đây là một chuyện lý thú đấy. Holmes nói.

- Tôi chẳng hiểu gì hết !

- Có hai người ... Cố thể hơn hai người... oán thù gã này, cái chàng trai nọ đã hai lần lén vào phòng của Ba-lét trong lúc người đồng lõa kiềm giữ bác sĩ trong phòng mạch.

- Thế còn bệnh giãn huyết?

- Một chứng-bệnh-giả và đó là một chứng rất dễ bắt chước. Tôi đã từng bắt chước chứng đó. Tôi, người đang nói với anh đây này.

- Thế rồi sao?

- Bọn chúng mà đến khám bệnh muộn như thế là vì lúc đó trong phòng đợi không còn khách. Tuy nhiên, giờ đó lại

trùng hợp với một thói quen của Ba-lết. Vậy là bọn chúng biết rõ thói quen hàng ngày của ông ta. Nếu chúng chỉ muốn “xoáy” một món nhỏ thôi thì hẳn chúng đã để lại dấu vết của chuyển ăn hàng. Và chẳng, tôi có khả năng đọc được trong mắt một người để biết là người đó lo sợ cho mạng sống của mình. Ông ấy có hai kẻ ham trả thù đến thế mà lại không biết họ là ai ư? Không. Ông ta phải biết họ. Nhưng ông ta đã nói dối. Có thể là ngày mai chúng ta sẽ gặp lại ông ta trong một trạng thái cởi mở hơn !

- Liệu có giả thiết nào khác không? Liệu có thể nào câu chuyện người Nga bị bệnh với con trai ông ta chỉ là sản phẩm tưởng tượng của bác sĩ Pét-xi không?

Dưới ánh sáng một ngọn đèn đường thấp bằng khí đốt, tôi thấy Holmes cười với vẻ thích thú.

- Chàng trai đã để lại những vết chân rất rõ ràng : giày của anh ta có mũi vuông chứ không nhọn như giày của Ba-lết và giày đó lớn hơn giày của ông bác sĩ tới 5 cm. Vết dấu chân trên các tấm thảm là không hề bị làm lẩn. Nhưng tốt hơn chúng ta nên đi ngủ, bởi vì sáng sớm mai sẽ có tin mới.

Sáng hôm sau, vào hồi bảy giờ rưỡi, trong ánh sáng mờ mờ đầu tiên của buổi sớm mai, tôi đã thấy Holmes mặc áo ngủ đứng ngay đầu giường tôi. Anh nói :

- Watson ! Một cỗ xe đang đợi chúng ta.

- Để làm gì?

- Về vụ ở đường Brook.

- Anh nhận được tin mới?

- Nghiêm trọng, nhưng chưa rõ ràng.

Anh tôi kéo tấm màn sáo lên, đoạn quay lại bên tôi.

- Anh hãy xem cái này. Đây là một miếng giấy nhỏ bứt ra từ một cuốn sổ tay, với những từ đơn giản này : “*vì lòng kính Chúa, xin hãy tới ngay tức khắc. P.*” viết nguệch ngoạc bằng bút chì. Ông bạn bác sĩ đã không có đủ thì giờ ! Đi thôi, đây là một lời kêu gọi khẩn cấp.

Mười lăm phút sau, chúng tôi trở lại nhà bác sĩ Pét-xi. Ông chạy ra đón chúng tôi. Về mặt kinh hoàng.

- Ồ, một vụ như thế này ! - Ông kêu lên khi giơ hai bàn tay ôm lấy trán.

- Chuyện gì vậy?

- Ba-lét đã tự tử.

Holmes huýt sáo.

- Phải, ông ấy đã treo cổ trong đêm. - Bác sĩ Pét-xi nói.

Ông bác sĩ dẫn chúng tôi vào căn phòng đợi.

- "Tôi không còn biết làm gì hơn", ông nói với chúng tôi. "Cảnh sát đang ở trên lầu. Tôi bị kiệt quệ đến chết được".

- Ông phát hiện chuyện đó vào lúc nào?

- Mỗi buổi sáng người hầu đem lên phòng ông ấy một tách trà. Vào khoảng bảy giờ, cô vào trong phòng, thấy ông ấy đang tồn teng ngay giữa phòng.

Holmes ngồi yên lặng một hồi lâu, đắm chìm trong suy tư, lo lắng.

- Nếu được ông cho phép, tôi sẽ lên trên đó để coi sự việc.

Chúng tôi vào trong phòng, quang cảnh thật chẳng lấy gì làm đẹp ! Treo lơ lửng và đu đưa trên cái móc, người chết chẳng còn chút gì là dáng người. Cổ ông ta giãn ra như một con gà giò bị nhổ lông, làm tăng thêm sự phi nộn trong phần còn lại của cơ thể. Trên người ông ta chỉ có một cái áo ngủ dài. Cạnh xác ông có một viên thanh tra đang đứng viết trên một cuốn sổ tay.

- "A, ông Holmes !" Ông thanh tra nói khi thấy bạn tôi. "Tôi vui mừng được gặp ông".

- Chào anh, Lê-nơ". Holmes đáp. "Tôi không quấy rầy đấy chứ? Anh có biết những tình huống trước khi vụ này xảy ra không?"

- Có.

- Quan điểm của anh như thế nào?

- Theo tôi. Ba-lết đã tự tử trong một cơn sợ hãi. Ông ta đã ngủ say trên giường, ông nhìn đây này : dấu vết của thân thể lún khá sâu. Ông ta đã treo cổ vào lúc năm giờ sáng. Dường như đây là một hành động hoàn toàn cố ý.

- Cứ xét theo sự cứng đờ của các cơ thì cái chết đã xảy ra lúc ba giờ. - Tôi nói.

- Không có gì đặc biệt ở trong phòng sao? - Holmes hỏi.

- Trên cái bàn nhỏ ở chậu rửa, có một cái vụn danh ốc và vài con danh ốc. Ông ta hẳn cũng đã hút nhiều trong đêm. Đây là bốn mẫu xì-gà mà tôi vừa lấy trong lò sưởi ra.

- Hừm ! Anh đã coi cái hộp đựng xì-gà của ông ấy chưa? - Holmes hỏi.

- Không. Không thấy nó đâu cả.

- Thế thì ống đựng xì-gà đâu?

- Nó ở trong túi áo vét của ông ta.

Holmes mở ống ra và ngửi hơi của điếu xì-gà duy nhất.

- Điếu này là xì-gà Havane đây ! Những điếu kia là xì-gà do người Hà Lan nhận từ những thuộc địa của họ bên Đông Ấn.

Anh cầm lấy bốn mẫu thuốc và quan sát chúng qua kính lúp.

- Hai điếu này được hút qua một cái đót, hai điếu kia thì được hút trực tiếp bằng miệng. Hai điếu được cắt đầu bằng một con dao nhíp rất bén, hai điếu kia thì được cắt đầu bằng một hàm răng rất tốt. Đây không phải là một vụ tự sát. Đây là một vụ ám sát được dự mưu từ lâu và được thực hiện một cách khéo léo.

- Không thể được ! - Viên thanh tra kêu lên.

- Tại sao lại không thể được?

- Tại sao lại ám sát một người bằng cách treo cổ?

- Đó là điều chúng ta cần phải chứng minh.
- Người ta lọt vào nhà bằng cách nào?
- Qua lối cửa ra vào.
- Buổi sáng, những then chặn đã được cài.
- Chúng đã được cài lại sau khi họ đã bỏ đi...
- Làm thế nào ông biết được?

- Tôi đã thấy những dấu vết của họ. Xin thứ lỗi cho tôi trong chốc lát : tôi sắp cung cấp cho ông những thông tin chính xác hơn.

Anh đi ra phía cửa, xoay xoay ổ khoá và quan sát nó. Đoạn anh rút cái chìa khoá cắm ở phía trong ra và chăm chú nhìn nó. Sau đó anh quan sát liên tục tấm thảm, những cái ghế, lò sưởi, xác chết và cuộn dây thừng. Anh tỏ ra hài lòng, yêu cầu viên thanh tra và tôi, cởi dây đưa người bất hạnh xuống, đặt lên một tấm vải trải giường.

- Sợi dây này ở đâu ra? - Holmes hỏi.

- “Nó đã được cắt ra trong cuộn dây này”, bác sĩ Pét-xi trả lời khi kéo từ dưới gầm giường ra một cuộn dây thừng. “Ông ta lo sợ hỏa hoạn một cách không lành mạnh và ông luôn giữ cuộn dây này gần mình, ngõ hầu gặp trường hợp cầu thang nhà đã bị cháy thì ông có thể trốn thoát qua ngã cửa sổ”.

- “Đây là điều giúp cho bọn chúng bắt vết vả”. Holmes thì thào trong lúc suy nghĩ thật lung. “Phải, sự việc rất đơn giản. Tối buổi chiều tôi sẽ giải thích tường tận nội vụ với các ông. Tôi xin mang theo tấm ảnh của Ba-lết đang đặt trên mặt lò sưởi đây”.

- Nhưng ông chưa cho chúng tôi biết gì hết. - Bác sĩ Pét-xi kêu lên.

- Bọn chúng có ba người : chàng thanh niên, ông già và một người thứ ba mà tôi chưa tìm ra. Hai người đầu, chính là những người đã giả trang thành những nhà quý tộc Nga. Chúng được một kẻ đồng lõa đưa vào nhà. Nếu ông muốn có

một lời khuyên, thưa ông thanh tra, thì ông hãy bắt giữ người đây tở trẻ tuổi, mới vào giúp việc.

- "Không thấy thằng quý đó đâu cả". Bác sĩ trả lời. "Cò hầu phòng và bà bếp đã kiểm nó cả buổi sáng nay".

Holmes nhún vai...

- Y không giữ một vai trò quan trọng lắm trong tấn thảm kịch này. Thây kệ ! Ba người đã leo lên cầu thang, nhón trên đầu ngón chân, người già dẫn đầu, người trai trẻ đi sau và một người vô danh đi cuối đoàn...

- Holmes ơi ! - Tôi reo lên.

- Ồ, một chút nghi ngờ nhỏ nhặt cũng bị cấm đoán đây, chỉ việc nhìn các dấu chân chồng lên nhau cũng thấy rõ. Vậy là bọn họ leo lên tới phòng ông Ba-lét. Cửa đã khóa. Dùng cọng dây kẽm, chúng đã mở ra. Chẳng cần dùng kính lúp, ta cũng nhận thấy, qua những vết xước, trên cái khe răng ổ khoá này là nơi sức ép đã được nhấn xuống. Khi đã vào phòng, đầu tiên chúng nhét giẻ vào miệng ông Ba-lét. Có thể là ông đang ngủ. Có thể là ông bị đờ người vì khiếp sợ. Có điều là ông đã không kêu lên được tiếng nào. Mặt khác, những bức tường này lại rất dày, có thể ông đã kêu cứu, nhưng chẳng ai nghe.

"Sau khi đã kiểm chế ông xong. Chúng bình tĩnh ngồi thảo luận. Rất có thể là dưới hình thức một phiên tòa. Cuộc thảo luận ắt hẳn đã kéo dài trong một thời gian, bởi vì những điếu xì-gà đã được hút trong khoảng thời gian đó. Người lớn tuổi hơn ngồi trên cái ghế dựa đan lát này. Người trẻ hơn, chỗ kia : anh ta đã vẩy tàn thuốc vào cái tủ com-mốt. Về phần người thứ ba, y đi đi lại lại. Có lẽ Ba-lét vẫn ngồi ở trên giường, nhưng về điểm này tôi không chắc lắm. Để kết thúc, chúng tóm lấy và treo cổ ông ta lên. Vụ này đã được suy tính kỹ vì chúng đã mang theo một thứ như cái ròng rọc có thể được dùng làm giá treo cổ. Cái vận con ốc cùng những con ốc này dự liệu dùng gắn cái giá đó. Nhưng khi chúng trông thấy cái

móc của bộ đèn treo, chúng mừng hóm. Khi công việc đã làm xong, chúng bỏ đi và thanh chặn cửa được một đứa gài trở lại sau lưng chúng.

“Tất cả chúng tôi đã lắng nghe với một sự chú tâm say sưa bản tóm tắt những việc xảy ra trong đêm. Những suy diễn của Holmes khởi đi từ những tiên đề quá tinh tế và quá chi tiết khiến cho ngay cả khi anh đã chỉ cho chúng tôi thấy, chúng tôi vẫn còn gặp khó khăn khi theo cái dòng suy luận của anh. Viên thanh tra gấp gấp bỏ ra ngoài để thúc đẩy sự truy lùng người đây tớ trẻ. Holmes và tôi trở về phố Baker để ăn điểm tâm.

Xong bữa, anh nói :

- Tôi sẽ trở về đây vào lúc ba giờ. Viên thanh tra và ông bác sĩ sẽ có mặt nơi đây vào giờ đó. Tôi hy vọng có thể trình bày rành mạch với họ về vấn đề đã hoàn toàn được làm sáng tỏ.

Các vị khách của chúng tôi có mặt vào giờ đã hẹn, thế nhưng anh bạn tôi lại chỉ trở về vào lúc ba giờ bốn mươi lăm. Nhìn anh, tôi biết ngay là mọi việc đều mỹ mãn.

- Có gì mới lạ không, ông thanh tra?

- Chúng tôi đã bắt được người đây tớ.

- Tuyệt vời ! Còn tôi, tôi đã bắt được ba người kia.

- Ông đã bắt được cả ba tên à? - Chúng tôi cùng kêu lên.

- Tôi chỉ bắt được danh tánh chúng mà thôi. Cái người được gọi là Ba-lết, là kẻ rất quen biết với cảnh sát, còn những người tấn công y cũng vậy. Đó là Biddle, Hayward và Moffat.

- Cái băng đã đánh cướp tại ngân hàng Worthingdon đó hả? - Viên thanh tra kêu lên.

- Đúng thế.

- Như vậy, Ba-lết chính là Suttor.

- Đúng thế.

- Vậy thì tất cả đều đã rõ ràng ! - Viên thanh tra kết luận.

- Pét-xi và tôi, chúng tôi nhìn lẫn nhau : chúng tôi chẳng hay biết gì về chuyện đó hết.

- Trong vụ nổi cộm về ngân hàng Worthingdon có năm người tham dự : bốn tên vừa kể và người thứ năm, tên là Cartwright. Người bảo vệ tên là Tobin thì bị hạ sát ; bọn trộm bỏ trốn với bảy ngàn bảng. Chuyện xảy ra vào năm 1875. Tất cả năm tên đều bị bắt giữ , nhưng chứng cứ lại thiếu. Tên Sutton đã bán đứng bạn bè, Cartwright bị xử giảo, còn ba người kia bị phạt tù mười lăm năm. Vài năm trước khi mãn hạn tù, chúng bắt đầu tìm kiếm tên phản bội. Khi vừa được phóng thích, chúng tìm cách trả thù : hai lần chúng tìm cách đến gần sát hấn, nhưng hai lần đều bị thất bại. Đến lần thứ ba này mới thành công. Ông có thấy cần hỏi thêm tôi một lời giải thích nào khác nữa không, bác sĩ Pét-xi.

- “Ông đã làm sáng tỏ nội vụ một cách đáng khâm phục”. Ông bác sĩ trả lời. “Chẳng còn chút nghi ngờ gì, cái ngày mà Ba-lét bị rối loạn quá mức là ngày hấn vừa đọc báo, thấy tin mấy người bạn cũ vừa được phóng thích.

- Đúng vậy. Chuyện vụ trộm là điều bịa đặt.

- Tại sao hấn không muốn thổ lộ với ông?

- Bởi vì, hấn biết rõ về tính hay trả thù của những người bạn cũ. Hấn cố che giấu căn cước đích thực của hấn càng lâu càng tốt.

Đó là những sự kiện liên quan tới người khách trọ được hưởng bổng lộc và ông bác sĩ ở đường Brook. Cảnh sát chẳng tóm được tên nào.

Người ta tin tưởng rằng bọn chúng đã đáp tàu Norah Creina, và con tàu này đã chìm cách đây vài năm ở ngoài khơi Portugal. Thiếu chứng cứ, gã đây tớ được tha, và sự “*Bí mật ở đường Brook*” hoàn toàn ở lại trong trí nhớ của những người đọc báo.

Người thông ngôn Hy Lạp

Chưa bao giờ tôi thấy Holmes nhắc tới gia đình và quãng đời thơ ấu của anh. Tôi khi tôi coi anh như một người kỳ dị cá biệt. Lòng ghét cay ghét đắng đàn bà, sự ghê sợ có thêm những người bạn mới, sự khăng khăng không nhắc đến những người bạn thân là đặc tính của anh. Tôi đã tin rằng anh là trẻ mồ côi và là kẻ “vô gia đình”, nhưng ngày nọ tôi ngạc nhiên khi nghe anh nói về người anh của anh.

Một buổi chiều hè, sau lúc uống trà, câu chuyện đã có vẻ rời rạc. Từ những câu lạc bộ chơi banh, chúng tôi chuyển tới tranh luận về sự lai giống cùng những khả năng di truyền. Cái khả năng quan sát và suy diễn mà anh có được là do anh được giáo dục có hệ thống.

- Tổ tiên tôi là những người điền chủ nhỏ ở nông thôn, những người đã sống một cuộc sống phù hợp với giai cấp xã hội của họ. Tuy nhiên tôi lại chọn một lối sống hoàn toàn khác hẳn, có thể là do bà nội tôi là em gái Vernet, một họa sĩ người Pháp. Nghệ thuật trong dòng huyết thống có thể nảy nở thành những phong cách rất khác nhau.

- Nhưng làm thế nào mà anh biết được những đức tính đó là di truyền?

- Bởi vì anh Mycroft của tôi thừa hưởng những đức tính đó ở một mức độ cao hơn tôi nhiều.

- Nếu ở đây có một người nào đó có nhiều thiên tư hơn anh, thì tại sao người ta chưa biết đến anh ấy. Phải chăng anh khiêm tốn mà nói như vậy?

Holmes cười với tất cả chân tâm.

- Anh bạn thân mến ! Đó là sự thật.
- Thế sao anh ấy lại không nổi danh.
- Anh ấy rất nổi tiếng tại câu lạc bộ.
- Câu lạc bộ nào?
- Câu lạc bộ Diogène.

Tôi hoàn toàn không biết gì về hội quán đó. Holmes rút đồng hồ trong túi ra :

- Câu lạc bộ Diogène là hội quán kỳ lạ nhất ở Luân Đôn, và Mycroft luôn luôn đến đó trong khoảng từ 4 giờ 45 phút đến 7 giờ 40. Bây giờ là 6 giờ, ta đến đó chơi.

Năm phút sau, chúng tôi đã ra ngoài đường. Holmes nói :

- Anh ngạc nhiên khi thấy Mycroft có khả năng suy diễn giỏi hơn tôi nhưng không trở thành thám tử chứ gì? Tôi xin trả lời thắc mắc đó : *Mycroft không thể làm thám tử được...*

- Nhưng anh đã nói là...

- ... anh ấy quan sát và suy diễn giỏi hơn tôi. *Nếu nghệ thuật của nhà thám tử chỉ gồm có mỗi một việc ngồi nhà mà suy luận thì anh tôi sẽ là một cảnh sát giỏi nhất trên đời.* Nhưng tiếc thay, anh ấy lại thiếu tham vọng và nghị lực. Anh chẳng buồn bỏ công kiểm tra những điều đã khám phá được. Tôi đã thẩm vấn anh một vài vụ và anh đã giúp tôi thành công.

- Như vậy, đó không phải là nghề của anh ấy hay sao?

- Không, đó chỉ là một thú tiêu khiển của anh ấy mà thôi. Nhờ có năng khiếu khác thường về những con số, anh được người ta mời vào việc kiểm tra tài khoản trong các bộ. Anh làm việc đều đặn như một cái đồng hồ : sáng đi tới câu lạc bộ, chiều trở về nhà... Suốt năm, anh không làm bất cứ một việc nào khác và chẳng cần xuất hiện ở bất cứ nơi nào, ngoại trừ câu lạc bộ Diogène, nằm ngay trước nhà của anh.

- Câu lạc bộ đó rất xa lạ với tôi.

- Đương nhiên. Ở Luân Đôn có nhiều người không thích giao du với ai cả. Câu lạc bộ Diogène được lập ra để giành riêng cho những người ấy. Không một thành viên nào của câu lạc bộ Diogène chịu quan tâm tới bất kỳ một bạn đồng sự nào. Ngoại trừ trong phòng khách dành cho người lạ, còn thì không một ai được nói chuyện, dù với bất cứ lý do nào ; vi phạm tới lần thứ ba, kẻ ba hoa đó có thể bị trục xuất. Anh tôi là một trong những người sáng lập ra câu lạc bộ đó.

Vừa đi vừa nói, lát sau chúng tôi đã tới Pall Mall. Holmes dặn tôi giữ yên lặng, rồi đi trước, dẫn tôi vào trong tiền sảnh. Qua một tấm vách bằng kính, tôi thấy một phòng rộng mênh mông và bày biện đồ đạc sang trọng, bên trong có nhiều người, mỗi người ngồi ở một góc, đọc nhật báo, hoặc tạp chí. Holmes đưa tôi tới một phòng khách nhỏ hơn, để tôi ở đó một phút, rồi trở lại cùng với một người ; có thể đó là anh của Holmes.

Mycroft lớn hơn và mạnh khỏe hơn Holmes nhiều, cặp mắt xám lợt, tia nhìn sắc sảo, sâu thẳm, tràn ngập một sự linh hoạt.

- "Tôi sung sướng được gặp ông, thưa ông", Mycroft nói với tôi trong lúc chìa ra một bàn tay rộng. "Tôi nghe thiên hạ nhắc tới Sherlock ở khắp nơi, kể từ khi ông viết về chú ấy trên báo". Quay sang phía Holmes, anh nói tiếp "à, tuần qua, anh có ý mong gặp chú về cái vụ Manor House. Chú bị khó khăn, phải thế không?"

- Không. Em đã giải quyết xong vụ đó rồi. - Holmes cười, trả lời.

- Đúng là Adams.

- Phải, chính hắn.

- Anh đã tin chắc ngay từ đầu mà.

Hai anh em ngồi bên nhau trong chỗ khuôn cửa sổ nhô ra. Mycroft nói tiếp :

- Đây là một nơi lý tưởng cho kẻ nào muốn tìm hiểu nhân loại. Hãy nhìn những cái mẫu tuyệt đẹp kia mà coi ! Hãy nhìn hai gã đang đi về hướng chúng ta.

- Người ghi điểm bi-da và người kia?

- Phải. Chú nghĩ sao về người kia?

Hai người kia đứng lại ngay trước khuôn cửa sổ, một trong hai người có vài vết phấn viết bảng trên túi áo gi-lê. Người kia rất nhỏ con, tóc nâu, đội cái nón hất về đằng sau và dưới cánh tay có cặp nhiều gói đồ.

- Một cựu quân nhân.

- Và mới vừa được giải ngũ. - Mycroft nhận xét.

- Anh ta đang phục vụ bên Ấn Độ.

- Như một hạ sĩ quan.

- Trong pháo binh.

- Và góa vợ.

- Nhưng có một đứa con, chú nó. Nhiều đứa con.

- Coi nào. Điều đó hơi quá đáng chăng. - Tôi cười, nói xen vào.

- Một người có cái tư thế đó, cái dáng và quyền thế đó, và cái da bị mặt trời nung đỏ, thì anh ta phải là "một quân nhân" có "cấp bậc hạ sĩ quan" và đã "từ Ấn Độ trở về". - Holmes nói một hơi.

- Ông ta vừa mới được giải ngũ bởi vì hiện giờ ông ta vẫn còn "mang giày nhà binh". - Mycroft giải thích.

- Ông ta không có một lối đi của kỵ binh, ấy thế mà ông ta lại đội mũ lệch sang một bên, bởi vì một bên vành trán có màu sẫm hơn bên kia ; thân hình ông ta không phải là của một công binh. Vậy thì ông là "lính pháo binh" - Holmes nói tiếp.

- Ông ta đang có tang lớn : chúng ta có thể suy diễn ra là ông ta mất một ai đó rất gần gũi. Việc phải đi mua sắm chứng tỏ là "vợ ông đã chết". Ông ta đi mua nhiều món linh tinh cho các con. Có một cái lúc lắc cho con nít chơi, vậy là một trong những đứa con ông ta còn rất nhỏ. Vợ ông ta hẳn

đã từ trần khi sann con. Việc ông ta *kep dưới cánh tay một cuốn truyện tranh* cho thấy là "ông ta còn có một đứa con khác".

Tôi bắt đầu tin rằng Mycroft quả thật có nhiều thiên tư sắc bén hơn Holmes. Holmes liếc mắt nhìn tôi và mỉm cười. Mycroft nói :

- Này chú, người ta vừa đưa tới anh một vấn đề rất hợp với chú. Anh không có can đảm nghiên cứu nó tận tường, nhưng nếu chú muốn nghe.

- Em rất vui sướng !

Mycroft viết vài dòng chữ trên một tờ giấy, gọi chuông, rồi đưa lá thư cho một người hầu.

- Tôi mời ông Mê-lát lại đây. Ông ấy ở tầng lầu bên trên lầu tôi, tôi chỉ biết sơ thôi. Đó là một nhà ngữ học người Hy Lạp, làm thông ngôn trong các tòa án và làm hướng dẫn cho những tay nhà giàu Đông phương.

Một lát sau, một người thấp và béo lùn đến, ông ta có nước da màu ô-liu và mái tóc đen. Ông nồng nhiệt siết tay Holmes.

- "Cảnh sát chẳng bao giờ tin những lời khai của tôi", ông nói bằng một giọng giễu cợt. "Họ cho rằng tôi phịa ra câu chuyện đó".

- Tôi vểnh tai lên mà nghe ông đây ! Holmes nói.

- "Chuyện xảy ra vào ngày hôm kia. Tôi biết rất nhiều thứ tiếng. Nhưng vì tôi là người Hy Lạp nên được yêu cầu dịch tiếng Hy Lạp nhiều hơn cả. Tôi thường bị gọi vào những lúc "ngoài giờ" vì du khách tới muộn. Buổi tối ngày thứ hai, ông Ha-rôn tới giật chuông nhà tôi và yêu cầu tôi đi theo ông trong một cỗ xe ngựa thuê đang đợi trước cửa.

- "Một người Hy Lạp đã tới gặp tôi để bàn công việc làm ăn", ông ta bảo tôi, "người ấy chỉ nói được tiếng mẹ đẻ. Ông ta ngụ trong vùng Kensington".

“Trong chiếc xe ngựa sang trọng, ông Ha-rôn ngồi trước mặt tôi. Xe đi ngang qua bùng binh Charing và đại lộ Shaftesbury, khi tới đường Oxford, tôi đánh liều đưa ra ý kiến nên cho xe đi theo con đường ngắn nhất để tới Kensington, nhưng tôi ngưng bật trước thái độ bất thường của người khách.

“Ông ta rút ra khỏi túi một cây dùi cui rất lớn và khua nó nhiều lần, tựa hồ như ông ta muốn thử sức nặng của nó. Rồi ông ta đặt nó xuống bên cạnh. Sau đó ông ta kéo kính ở hai bên xe lên : các kính đó được dán giấy kín đến mức tôi chẳng còn trông thấy gì ở bên ngoài.

- “Rất tiếc phải che mắt ông bạn lại, thưa ông Mê-lát !” ông ta nói. “Chúng tôi không muốn cho ông biết nơi ông sẽ tới, để ông khỏi bị rắc rối về sau”.

“Tôi hoàn toàn choáng váng. Ha-rôn còn trẻ, cường tráng với những bờ vai rộng. Ngay cả khi anh ta không có vũ khí đi nữa, tôi cũng không thể nào địch nổi anh ta.

- Đây là một cách cư xử rất khác thường. - Tôi áp úng nói.

- “Tôi đã suồng sã đối với ông”. Anh ta trả lời tôi. “Nhưng tôi sẽ đền bù cho ông. Tuy nhiên, tôi phải báo trước, nếu ông tìm cách báo động hoặc làm bất cứ điều gì chống lại tôi thì ông sẽ hối hận đấy”-!

“Anh ta nói bằng một giọng trầm tĩnh, nhưng rất ư đe dọa. Tôi lặng thinh, không ngừng tự hỏi vì sao hẳn bắt cóc tôi. Nhưng rõ ràng mọi sự kháng cự đều vô ích.

“Xe chạy gần hai tiếng đồng hồ và tôi không hề biết hướng xe đi. Thính thoảng tiếng ầm ầm của bánh xe lăn cho tôi biết xe chạy trên mặt đường lát : nhiều lúc xe chạy êm ru, gợn ra mặt đường trải nhựa. Ánh sáng không lọt được qua cửa kính bị dán giấy và một tấm ri-đô màu xanh đã được kéo phủ tấm kính ở đằng trước. Chúng tôi rời Pall Mall vào hồi 7 giờ kém 15 và dừng lại vào lúc 9 giờ kém 10. Chàng trai

hạ kính xe và tôi nhận ra một vòm cổng trên có một ngọn đèn lồng thấp sáng. Khi tôi xuống xe thì cổng đã mở ra.

“Trong nhà có một cây đèn mà ngọn lửa quá nhỏ đến mức tôi chỉ vừa đủ phân biệt được một gian tiền sảnh thật lớn, có trang hoàng nhiều họa phẩm. Tôi cũng quan sát thấy người ra mở cửa là một người đàn ông trạc năm mươi tuổi, nhỏ bé gầy gò, đôi vai còng, mắt kiếng. Ông ta hỏi.

- Có phải ông Mê-lát đấy không, Ha-rôn?

- Phải.

- Xin ông đừng giận chúng tôi, chúng tôi rất cần đến ông. Nếu ông xử sự đàng hoàng thì ông sẽ không có gì phải hối tiếc cả.

“Ông ta nói một cách dứt khúc, với nhiều tiếng cười nhỏ cất ngang mỗi câu nói. Tôi thú nhận là tôi sợ ông ta hơn là sợ người thanh niên.

- Ông muốn gì nơi tôi?

- Chúng tôi nhờ ông phiên dịch. Dịch chính xác và không được thêm bớt một tí gì cả.

“Ông ta lại phát ra tiếng cười nho nhỏ, rồi mở một cánh cửa ra và đưa tôi vào một căn phòng thật rộng rãi, tấm thảm rất dày, ghế bành bọc nhung, một cái lò sưởi cao màu trắng. Dưới ngọn đèn có một cái ghế dựa : người lớn tuổi mời tôi ngồi xuống đó. Người trẻ tuổi đã ra khỏi phòng, nhưng rồi anh ta quay lại qua một ngã cửa khác, dẫn theo một nhân vật mặc một loại áo ngủ rộng và bước đi chậm chạp. Khi người đó tới trong vùng ánh sáng, tôi thấy ông ta cực kỳ tái mét, gương mặt hốc hác, đôi mắt lồi ra, mặt ông ta quấn chằng chịt nhiều lớp vải mỏng có phết hồ dán : ngay cả cái miệng cũng bị che kín bằng một dải rộng làm cho miệng ông bị nghẽn kín hoàn toàn. - “Cậu có cái bảng nhỏ đó không, Ha-rôn?” Người lớn tuổi kêu lên trong lúc người bị quấn vải buông rơi mình xuống một cái ghế dựa. “Đã cởi trói cho ông ấy chưa? Tốt. Đưa cho

ông ấy cây viết chì. Chúng tôi sẽ đặt ra những câu hỏi, thưa ông Mê-lát, và ông ấy sẽ viết ra các câu trả lời. Trước hết, xin ông hỏi xem ông ấy có sẵn sàng ký giấy không”.

“Đôi mắt người lạ phóng ra những tia lửa. Không bao giờ ông ta chịu viết trên bảng đen.

- Không ký với bất cứ điều kiện nào hay sao? - Tôi dịch, sau khi bọn kia nêu ra câu hỏi.

- Tôi chỉ ký khi nào cô ấy làm lễ cưới trước mặt tôi, do một linh mục Hy Lạp mà tôi quen biết đứng chủ lễ.

Người nọ thốt ra nụ cười hiểm độc :

- Thế thì, anh biết cái gì chờ đợi anh chứ?

- Tôi chẳng sợ cái gì cả.

“Đó là một mẩu những câu hỏi và câu trả lời trong cuộc nói chuyện kỳ lạ, phân nửa hỏi, phân nửa viết. Một cách đều đặn, tôi phải hỏi xem ông ta có chịu nhượng bộ và ký tên vào bản cam kết không. Cũng không kém đều đặn, tôi luôn luôn nhận được câu trả lời phần nọ. Nhưng ngay sau đó một ý nghĩ chợt đến với tôi. Tôi tự ý thêm những câu ngắn (do chính mình nghĩ ra) vào sau những câu hỏi : thoát đầu thật vô hại, ngộ hầu để thử xem hai tay bạo ngược đó có biết chút ít tiếng Hy Lạp không. Khi thấy chúng không có phản ứng nào, tôi chơi bạo hơn. Cuộc đối thoại của chúng tôi lúc đó giống như thế này :

- Anh sẽ chẳng được lợi ích gì nếu cứ ngoan cố mãi. Ông là ai?

- Tôi cóc cần. Tôi là một người lạ ở Luân Đôn.

- Ông thí mạng đó. Ông đã ở đây từ bao lâu?

- Thảy kệ. Ba tuần.

- Những của cải đó sẽ không bao giờ còn thuộc về ông nữa. Ông bị đau ra sao?

- Của cải sẽ không rơi vào tay bọn vô lại. Bọn chúng bỏ đời tôi.

- Ông sẽ được tự do, nếu như ông chịu ký. *Nhà này là nhà nào?*

- Tôi sẽ không bao giờ ký. *Tôi không biết.*

- Ông chẳng giúp ích được chút nào cho cô ấy đâu. Ông tên là gì?

- Cô ấy cứ việc đến đây nói cho tôi biết ! *Kratides.*

- Ông sẽ gặp cô ấy nếu ông chịu ký. Ông từ đâu tới.

- Thế thì tôi sẽ chẳng bao giờ gặp lại cô ấy. *Từ Athènes.*

Thưa ông Holmes, chỉ cần thêm năm phút nữa là tôi có thể làm sáng tỏ câu chuyện, nhưng ngay lúc đó, cánh cửa lại mở ra và một người đàn bà bước vào. Cô ta cao, mảnh mai, tóc nâu và mặc một cái áo trắng rộng thùng thình. - "Ha-rôn", cô ta kêu lên với một âm tiết tôi. "Em không thể ở nơi đó được nữa. Em cảm thấy quá cô đơn. Ồ, anh Paul đây mà !"

"Cô ấy nói câu sau chót bằng tiếng Hy Lạp. Cùng lúc, nạn nhân trong một nỗ lực mạnh mẽ, đã bứt lớp vải mỏng có phết hồ dán trên đôi môi ra và hét lên :

- Sophie ! Em !

"Ông lao vào trong vòng tay người phụ nữ. Hai người chỉ ôm nhau trong một thoáng, bởi vì người trẻ tuổi đã nắm lấy người đàn bà, đẩy ra khỏi phòng, trong lúc người già kia túm lấy người tù nhân và dẫn ra ngã cửa kia. Còn lại mình tôi. Tôi đứng lên, suy nghĩ xem tôi có thể nào tìm ra nơi đây là đâu. Nhưng thật may là tôi đã không động đậy. Vừa ngược mắt lên, tôi thấy người đứng tuổi đang quan sát tôi.

- Thế là đủ rồi, ông Mê-lát ! Chúng tôi đánh giá cao những phẩm chất của ông.

Tôi nghiêng mình.

- "Đây là năm đồng". Ông ta nói, khi tiến lại bên tôi. "Một món thù lao trọng hậu. Nhưng ông hãy nhớ đấy !" Ông ta nói thêm, tay vỗ nhẹ lên vai tôi và buông ra tiếng cười nho nhỏ. "Nếu ông nói ra chuyện này với bất cứ ai... với bất cứ

ai, ông nghe rõ chưa? Thì lúc đó Chúa cũng không cứu nổi ông. Xe đang chờ ông”.

Tôi gần như bị ném ra căn phòng ngoài, rồi vào trong cỗ xe. Một lần nữa tôi lại thấy cây cối và thửa ruộng. Gã Ha-rôn ngồi trước mặt tôi. Sau một chuyến đi bất tận, chúng tôi dừng lại :

- Ông hãy xuống đây, thưa ông Mê-lát. Tôi rất tiếc phải bỏ ông xuống cách nhà ông quá xa, nhưng tôi không được quyền chọn lựa.

“Anh ta mở cánh cửa xe và tôi có vừa đủ thì giờ để nhảy xuống, bởi vì người đánh xe đã quất roi vào con ngựa và cỗ xe phóng đi thật nhanh. Tôi nhìn chung quanh, thấy mình đang ở trong một đồng cỏ, rải rác có những bụi kim tước. Đàng xa có một dãy nhà, rải rác đó đây những ánh sáng hắt ra ngoài khuôn cửa sổ trên những tầng lầu. Nhìn về phía bên kia, tôi thấy những tín hiệu đèn đỏ của đường sắt.

“Cỗ xe đã vượt ngoài tầm mắt. Tôi đang phân vân không biết mình đang ở đâu thì chợt thấy một người tiến tới. Đó là một phu khuân vác ở nhà ga.

- Xin ông vui lòng cho tôi biết đây là đâu?

- Hạt Wandsworth.

- Làm sao đáp tàu đi Luân Đôn.

- Cách đây hai cây số. Nếu đi nhanh thì còn kịp chuyến chót.

“Thưa ông Holmes, chuyến phiêu lưu của tôi kết thúc như vậy đó”.

Chúng tôi ngồi yên lặng hồi lâu. Sau cùng Holmes liếc sang Mycroft.

- Anh có thấy một hướng điều tra nào không? Mycroft lấy tờ báo Daily News trên mặt bàn :

- *“Một phần thưởng được tặng cho người nào biết chỗ ở của công dân Hy Lạp tên là Paul Kraides; từ Athènes tới ; và*

là người không biết nói tiếng Anh. Một phần thường khác sẽ được đòi lấy bất cứ tin tức nào liên quan đến một phụ nữ Hy Lạp tên là Sophia. Trả lời về X 2473. Tất cả các nhật báo đều đăng lời nhắn tin này. Cho tới nay chưa có hồi âm”.

- Thế còn đoàn đại diện của nước Hy Lạp?

- Tôi đã tới hỏi thăm. Người ta chẳng biết gì hết.

- Một bức điện gửi cho cảnh sát ở Athènes, thế nào?

- “Sherlock có tất cả nghị lực của gia đình” Mycroft nói với tôi. “Vậy thì, hãy nhận lấy trách nhiệm và hãy báo cho anh biết tin, nếu chú thành công”.

- Em sẽ báo tin cho anh biết cũng như sẽ báo cho ông Mê-lát rõ. Trong khi chờ đợi, thưa ông Mê-lát, ông hãy đề phòng cẩn thận.

Trên đường, Holmes dừng lại bưu cục và đánh đi nhiều bức điện tín.

- Anh Watson, chúng ta đã không lãng phí buổi tối nay. Vấn đề này có vài dữ kiện không kém tầm thường.

- Anh giải quyết được chứ?

- Khi đã biết được phân nửa mà không khám phá ra nốt phân còn lại, thì còn bất hạnh nào hơn !

- Cô gái Hy Lạp đó đã bị chàng trai người Anh tên là Ha-rôn bắt cóc. - Tôi nói

- Bắt cóc từ đâu?

- Từ Athènes.

Sherlocks lắc đầu nói :

- Người thanh niên đó không nói được một tiếng Hy Lạp, còn cô gái nói được tiếng Anh. Vậy là cô ta đã sống trong một thời gian ở nước Anh, nhưng còn hẳn thì không sang Hy Lạp.

- Được. Thế thì chúng ta giả thiết rằng cô ấy lưu lại nước Anh và gã lưu manh dụ dỗ được cô ta. - Tôi nói.

- Rất có lý.

Anh ruột cô ta tới nước Anh để can thiệp, nhưng ông rơi vào tay bọn chúng. Chúng giam giữ ông, dùng vũ lực buộc ông phải ký vào một văn kiện chuyển tài sản của cô gái cho chúng, bởi vì ông ta là người quản lý tài sản đó. Ông từ chối. Để có thể đạt tới sự thỏa hiệp, chúng cần có một người thông ngôn và chúng đã chọn ông Mê-lát, sau khi đã dùng một người khác từ trước đó. Cô gái không biết là anh cô đã tới đây và cô chỉ biết được sự kiện này nhờ sự tình cờ.

- "Hoan hô, Watson". Holmes kêu lên. Anh đã gần đoán ra. "Chúng ta nắm tất cả mọi quân bài, chỉ còn lo ngại chúng dùng bạo lực".

- Làm sao tìm ra sào huyệt chúng?

- Nếu cô gái tên là Sophie Kratides, chúng ta sẽ dễ dàng tìm ra cô. Bởi vì gã Ha-rôn đã làm quen với cô ít ra đã được vài tuần. Nếu họ ở cùng một nơi thì tin nhắn của Mycroft được hồi âm.

Chúng tôi về tới nhà Holmes lên cầu thang trước và cửa mở, anh rất ngạc nhiên khi thấy Mycroft đang ngồi trong ghế bành và bình thần hút thuốc.

- Vào đi, Sherlocks. Hãy vào đi, ông Watson". Mycroft nói, khi thấy chúng tôi. "Chú không ngờ là tôi chịu dần thân vào vụ này, phải thế không Sherlocks? Vụ này làm tôi thích thú".

- Anh đến đây bằng gì?

- Xe ngựa.

- Có tin gì mới chẳng?

- Anh đã nhận được một hồi âm.

- A !

- Phải, thư trả lời tới anh vài phút, sau khi các chú ra về.

- Thư nói gì?

Mycroft rút ra một tờ giấy.

- Nó đây này. Tôi xin đọc nhé. "Tua ông, để trả lời cho tin nhắn của ông về ngày hôm nay, tôi cho ông biết rằng tôi hiểu rất rõ về người phụ nữ ấy. Nếu ông đến gặp tôi, tôi sẽ cho ông biết vài chi tiết liên quan tới câu chuyện đau buồn của cô ấy. Hiện nay cô đang ở tại biệt thự Les Myrtes tại Beckenham. Người bạn tận tâm của ông J.Davenport". Ông ấy viết từ Brixton. Này Sherlock, em có nghĩ rằng chúng ta nên đi tới đó không?

- Mạng sống của anh cô ta quan trọng hơn câu chuyện đau buồn của cô ta. Chúng ta cần tới ngay Scotland Yard để tìm thanh tra Gréch-sơn và cùng nhau đi tới Beckenham. Một cái chết đang được tính từng giờ !

- Chúng ta tới rủ ông Mê-lát đi cùng. Biết đâu chúng ta chẳng cần tới một người thông ngôn. - Tôi gợi ý.

- "Ý kiến tuyệt vời !" Holmes nói. "Hãy sai người đi tìm một cỗ xe".

Holmes mở ngăn kéo và nhét khẩu súng lục vào túi.

- "Phải", anh nói để trả lời cho tia nhìn của tôi. "Chúng ta phải đối phó với một băng nhóm đáng sợ".

Màn đêm buông xuống khi chúng tôi tới Pall Mall. Chúng tôi gọi chuông căn hộ của ông Mê-lát.

- Bà vui lòng cho tôi biết ông Mê-lát có ở nhà không? - Mycroft hỏi.

- "Tôi không biết ông đi đâu", người đàn bà mở cửa cho chúng tôi trả lời. "Tôi chỉ biết là ông ấy đã ra đi cùng với một ông trong một cỗ xe".

- Ông kia có xưng tên không?

- Không, thưa ông.

- Có phải người đó là một thanh niên tóc nâu, vạm vỡ?

- Đó là một người nhỏ con, mang mắt kiếng, gầy gò, nhưng rất ngộ nghĩnh : ông ta cứ cười luôn trong khi nói.

- "Đi thôi !" Holmes kêu lên với chúng tôi. "Chuyện nghiêm trọng lắm rồi" !

Trong lúc chúng tôi cho xe chạy tới trụ sở của Scotland Yard, anh nói với chúng tôi :

- Bọn cướp đã bắt cóc Mè-lát. Rất có thể là chúng còn cần tới ông. Nhưng sau khi dùng ông xong rồi, chúng sẽ trừng phạt ông.

Tới Scotland Yard, phải mất một giờ, chúng tôi mới tiếp xúc được với thanh tra Gréch-sơn, rồi sau đó vội vã tới ngay biệt thự Les Myrtes : ngôi nhà lớn tối tăm, nằm trên một thửa đất cách xa đường. Sau khi cho xe ngựa về, chúng tôi đi trên lối vào nhà.

- Các cửa sổ đều không có ánh đèn vào cái tổ đã trống trơn. - Holmes nói.

- Tại sao anh lại nói vậy?

- Cách đây gần một tiếng đồng hồ, một cỗ xe chở đầy hành lý đã đi ngang qua đây : nó từ trong nhà chạy ra.

Viên thanh tra cất tiếng cười vang :

- Ngọn đèn ở hàng rào đã chỉ cho tôi thấy những vết bánh xe, nhưng còn hành lý thì...

- Ông hãy quan sát những vết của cùng những bánh xe đó, trong chiều ngược lại : những vết đi ra cánh đồng thì hẳn rõ hơn trong nền đất. Vậy là xe phải chịu đựng một trọng tải nặng hơn rất nhiều.

- “Thế là ông đã đi xa hơn tôi”, viên thanh tra nhún vai mà trả lời. “Cánh cửa này chẳng dễ gì mở được. Nhưng trước hết, chúng ta hãy thử gọi cửa xem sao”.

Ông dùng búa gõ rất dữ dội, giật mạnh dây chuông, nhưng không có kết quả. Holmes lĩnh đi. Vài phút sau, anh trở lại, nói :

- Một cửa sổ đã mở.

- “Thật may mà anh lại đứng về phía cảnh sát...” viên thanh tra quan sát và khâm phục cái cách mà Holmes nạy then móc cửa sổ ra. “Chúng ta có thể vào nhà mà không cần được mời”.

Chúng tôi lần lượt vào trong một gian phòng lớn, hiển nhiên là nơi ông Mê-lát đã được đưa vào. Viên thanh tra thấp đèn. Trên bàn có hai cái ly, một chai rượu cô-nhắc đã cạn và vài món ăn dư. - Cái gì vậy nhỉ? - Đột nhiên Holmes hỏi.

Chúng tôi giồng tai lên nghe ngóng, đứng bất động. Từ một nơi nào đó trên lầu vọng xuống một tiếng rên rỉ nhỏ, nghẹn. Holmes vội leo lên, viên thanh tra và tôi bám theo bên gót, anh Mycroft cũng đuổi theo chúng tôi.

Lên tới thềm cầu thang lầu hai, chúng tôi thấy có ba cánh cửa : tiếng kêu xé ruột phát ra từ phía sau cánh cửa giữa. Cánh cửa bị đóng, nhưng chìa khoá lại cắm ở bên ngoài. Holmes mở cửa, lao vào, nhưng rồi anh quay ra ngay sau đó và gơ tay chặn lấy cuống họng.

- "Khóí quá !" Anh kêu lên. "Chúng ta chờ một chút".

Liếc vào bên trong, chúng tôi thấy ở giữa phòng có một ngọn lửa xanh, bốc lên từ một cái giá ba chân đồng. Ngọn lửa vẽ trên sàn nhà một vòng tròn nhỏ, nhọn nhọn ; chúng tôi nhận ra hai bóng người co quắp dựa vào tường. Holmes leo lên bậc thang trên cao để hít thở không khí ít khói, đoạn trở vào phòng, mở một cửa sổ ra và liệng cái giá ba chân nóng rực xuống dưới vườn.

- "Trong một phút nữa, chúng ta có thể vào được", anh hỏn hển nói khi trở ra ngoài. "Làm sao có ngọn nến nhỉ? Không khí như vậy không thể đánh diêm quẹt được. Mycroft, anh hãy cầm lấy cây đèn lồng đứng ngay cửa, rọi sáng để chúng tôi khiêng họ ra ngoài. Nào ! Chúng ta xông vào !"

Chúng tôi nin thở, túm lấy những kẻ bất hạnh, lôi họ ra ngoài cầu thang. Cả hai đều bất tỉnh. Một trong hai người là viên thông ngôn Hy Lạp. Ông bị trói ở chân và ở tay, một con mắt sưng vù. Người kia cũng bị trói tương tự, cao và gầy trơ xương, mặt ông ta trông kỳ quái với những dải vải mỏng có phết hồ dán. Khi chúng tôi đặt ông ta xuống đất thì ông ta ngừng rên rỉ : ông đã chết, Mê-lát thì còn sống.

Câu chuyện của Mê-lát rất đơn giản : Người khách đến kêu cửa, khi nhìn thấy cây dùi cui, ông đã khiếp sợ, đành để cho bị bắt cóc một lần thứ hai, bị đem về Beckenhäm và phải làm thông ngôn cho một cuộc đối thoại còn bị thảm hơn cuộc nói chuyện lần đầu : Sau chót, thấy rõ là không thể nào lay chuyển được con mồi, chúng đưa ông về chỗ giam cũ. Sau khi nói với ông Mê-lát rằng chúng đã đọc được tin nhắn trên các báo; chúng nện một cú dùi cui, và ông bị ngắt đi... cho tới lúc chúng tôi đến cứu ông.

Chúng tôi khám phá ra được vụ này nhờ người viết thư ở Lower Brixton. Người này cho biết rằng thiếu phụ bất hạnh thuộc một gia đình Hy Lạp giàu có và cô sang nước Anh ở chơi nơi nhà bạn bè. Cô gặp Ha-rôn, gã này thuyết phục cô bỏ trốn theo y. Các bạn cô, ngao ngán báo tin cho anh cô ở Athènes rồi sau đó họ không còn bận tâm gì nữa. Nhưng khi vừa tới nước Anh, anh của cô rơi vào tay Ha-rôn và Uyn-xông. Hai tên lưu manh đó giam giữ ông và ra sức ép buộc ông ký tên vào một văn kiện chịu từ bỏ tài sản của hai anh em ông. Chúng đã giam giữ ông và ngụy trang ông bằng những dải vải mỏng có phết hồ dán, ngõ hầu cô em gái không nhận ra người anh, trong trường hợp cô nhìn thấy ông. Tuy nhiên, cái trực giác của người đàn bà giúp cô nhận ra anh mình. Thế là đến phiên cô bị cầm giữ trong nhà người đánh xe ngựa và cô vợ y. Khi hai tên bất lương biết rằng bí mật của chúng đã bị phát giác và người bị chúng giam khăng khăng không chịu ký tên, thì chúng bỏ trốn cùng với cô gái. Nhưng trước khi bỏ đi, chúng ra tay trả thù con người đã cả gan thách thức chúng.

Vài tháng sau, một bản tin kỳ lạ đánh đi từ Budapest được đăng trên các báo. Tin cho hay hai người anh du hành cùng một thiếu phụ đã có một kết cuộc bi thảm. Cả hai người đàn ông đều bị đâm chết. Cảnh sát Hung-ga-ri cho rằng hai người đó đã gây lộn với nhau và đã giết nhau... Holmes thì cho rằng những nỗi thống khổ của hai anh em người Hy Lạp đã được trả thù.

Bản hiệp ước về hải quân

Lúc còn đi học tôi rất thân với Phelps, cũng trạc tuổi tôi nhưng học trên tôi hai lớp. Là học sinh ưu tú, thuộc dòng dõi danh giá thế phiệt : ông cậu của anh là huân tước Holdurst. ở tại trường, cái quan hệ họ hàng ấy chẳng đem lại cho anh cái gì. Trái lại, chúng tôi còn thấy thích thú khi lời anh ra sân chơi và đá vào mông anh vài cú. Nhưng lúc ra đời thì khác hẳn : ảnh hưởng của ông cậu đã đưa anh lên một địa vị tốt ở Bộ ngoại giao. Thế rồi tôi quên bằng anh, cho tới khi nhận được lá thư dưới đây.

Briarbrae, Woking

Anh Watson thân mến,

Tôi hy vọng anh chưa quên tôi, Phelps của ngày xưa ở trường trung học. Có thể anh cũng đã biết rằng tôi nắm giữ một chức vụ đáng kể ở Bộ ngoại giao và được tin cẩn. Nhưng gần đây một bất hạnh xảy đến, phá tan sự nghiệp của tôi. Ngoài ra, tôi lại vừa ra khỏi một cơn sốt viêm não. Anh có thể mời ông Holmes tới nhà tôi được không? Tôi mong được biết ý kiến anh ấy về vụ này, tuy nhà chức trách đã khẳng định rằng chẳng còn gì để mà tìm kiếm nữa. Tôi mong anh ấy đến đây càng sớm càng hay. Mỗi phút dài như cả tiếng đồng hồ kể từ lúc chuyện đó xảy ra. Anh nhớ nói rõ với ông ấy rằng nếu tôi không hỏi ý kiến sớm hơn, đó không phải là vì tôi nghi ngờ tài năng của ông ấy, mà vì tôi đã mất lý trí. Giờ đây tôi đã tỉnh táo lại, nhưng chưa dám suy nghĩ nhiều, sợ bệnh tái phát.

Như anh thấy đó, tôi suy nhược đến độ phải đọc thư này cho người khác viết. Tôi van anh hãy rắng đến đây cùng với ông Holmes.

Người bạn học của anh

Percy Phelps

Tôi xúc động đến nỗi, dù cho việc đó có khó khăn đến mấy tôi cũng vẫn làm. Nhà tôi đồng ý là không nên để lỡ một phút nào. Thế là tôi vội vàng tới ngôi nhà cũ ở đường Baker, và đưa lá thư ra. Holmes chăm chú đọc.

- Thư chẳng cho chúng ta biết chi nhiều ! - Holmes nói, lúc đưa trả lại tôi.

- Hầu như chẳng có gì.

- Ấy thế mà tưởng chữ thì lại đáng chú ý.

- Nhưng đâu có phải là anh ấy viết.

- Đúng. Đó là chữ của đàn bà.

- Chữ đàn ông chứ. - Tôi phản đối.

- Không. Thư này do đàn bà viết. Đó là một phụ nữ có cá tính hiểm có. Vụ này gây hứng thú cho tôi rồi đó. Nếu anh đã sẵn sàng, chúng ta đi Working ngay tức khắc, để gặp nhà ngoại giao và người đàn bà viết thư.

Bốn mươi lăm phút sau, chúng tôi đã tới giữa khu rừng thông ở Working. Nhà bạn tôi nằm giữa một khu đất mênh mông, cách nhà ga khoảng năm phút đi đường. Chúng tôi được mời vào trong một phòng khách sang trọng, nơi đó có người đàn ông vạm vỡ đón tiếp chúng tôi với một lòng hiếu khách nhất. Ông ta gần bốn mươi tuổi, nhưng cặp má thật hồng hào và đôi mắt rất vui, khiến ông giữ được sắc mặt của một đứa bé mập mạp và tinh nghịch.

- "Tôi vui mừng khi thấy quý ông đã tới", ông ta nói, nồng nhiệt bắt tay chúng tôi. "Suốt buổi sáng nay, Phelps không ngớt lo âu. Ba má Phelps yêu cầu tôi tiếp quý ông, bởi vì mỗi lần nhắc đến câu chuyện là hai cụ đau buồn".

- “Chúng tôi chưa được biết gì cả”, Holmes nhận xét. “Cứ theo tôi thấy, ông không phải là người trong gia đình?”

Người tiếp chuyện chúng tôi tỏ vẻ ngạc nhiên, rồi sau khi đã đưa mắt lên nhìn bộ quần áo, ông ta bật cười :

- A, ông đã thấy chữ “J.H.” thêu trên áo của tôi ! Trong một lúc, tôi cứ tưởng ông là nhà tiên tri. Tôi là Joseph Harrison. Vì Phelps sắp cưới em gái tôi nên tôi sẽ là anh vợ dưỡng ấy. Quý ông sẽ gặp em gái tôi trong phòng của Phelps. Chúng ta tới đó ngay.

Gian phòng được trang trí nửa như một phòng khách của phụ nữ, nửa như phòng ngủ. Nhiều hoa được trưng với phong cách nhã nhặn khắp các căn phòng. Trên một trường kỷ kê bên một cửa sổ mở rộng, một thanh niên xanh xao, đang nằm dài. Một thiếu nữ ngồi cạnh anh ta, đứng lên khi thấy chúng tôi bước vào.

- Em ra ngoài, phải thế không? - Cô hỏi.

Phelps giơ tay ra, nín cô lại.

- “Anh mạnh giỏi chứ, Watson?” Anh ta nói với giọng thân mật. “Tôi khó nhận ra anh với bộ ria kia. Chắc đây là ông Sherlocks Holmes?”

Sau khi giới thiệu xong, chúng tôi ngồi xuống ghế. Người anh của vị hôn thê lần đi, nhưng cô gái thì ở lại, tay cô trong tay người bệnh. Cô thật rất đáng chú ý : hơi thấp và đầy mình, làn da không bóng láng, cặp mắt đen lớn sẫm tối của phụ nữ Ý và một mái tóc mun đen như hạt huyền.

- “Tôi không muốn làm ông mất thì giờ”, anh bắt đầu nói, khi gương ngời dậy, “tôi xin đi thẳng vào vấn đề. Tôi đã thành công mỹ mãn. Nhưng ngay trước ngày lễ thành hôn, một bất hạnh giáng xuống tôi. Tôi từng sự tại Bộ ngoại giao và nhờ có Huân tước Holdhurst, tôi mau chóng đạt tới một chức vị có trách nhiệm. Khi cậu tôi được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Bộ ngoại giao, ông giao cho tôi nhiệm vụ tế nhị và tôi đã hoàn

thành một cách mỹ mãn. Ông đã tới chỗ tuyệt đối tin tưởng vào những khả năng và sự kín đáo của tôi”.

Cách đây hai tháng rưỡi, cậu tôi kêu tôi tới văn phòng, báo cho tôi biết rằng tôi sắp nhận một nhiệm vụ tâm phúc mới. Ông đặt lên bàn một cuộn giấy màu xám, nói :

- Đây là bản chính của *bản hiệp ước bí mật giữa nước Anh và nước Ý*. Thật không may là một số chi tiết linh tinh đã lọt vào tay báo giới. Không thể để lọt thêm một chi tiết nhỏ nào nữa. Các tòa đại sứ Pháp và Nga sẽ chi rất nhiều tiền để được biết nội dung của văn kiện này. Nó không được đưa ra khỏi bàn giấy cậu, nhưng cậu cần phải có một bản sao. Bàn giấy cháu có khóa chứ?

- Dạ có.

- Thế thì cháu hãy cầm bản hiệp ước về và cất kỹ nó. Cậu sẽ cho những chỉ thị để tối nay cháu có thể ở lại trong văn phòng, sau khi các bạn đồng sự của cháu đã ra về, cháu sẽ chép một cách yên tĩnh. Khi chép xong, cháu cất bản chính cùng với bản sao vào trong ngăn kéo có khóa và sáng mai cháu sẽ tận tay đem cả hai đến cho cậu. Tôi nhận lấy những tài liệu và ...

- “Xin lỗi”. Holmes nói. “Chỉ có mình ông trong cuộc nói chuyện đó thôi chứ?”.

- Vâng, chỉ có hai người.

- Trong một gian phòng lớn?

- Mỗi cạnh mười mét.

- Hai người ở giữa phòng.

- Phải.

- Và hai người nói thấp giọng.

- Cậu tôi luôn luôn nói thấp giọng. Về phần tôi, hầu như tôi chỉ nói có 2 tiếng.

- “Cám ơn ông”, Holmes nói, nhắm mắt lại. “Xin ông vui lòng kể tiếp !”

- Tôi chờ cho các nhân viên khác ra về. Anh Gorot còn ở nán lại để làm cho xong một cái gì đó. Tôi ra phố ăn bữa tối. Tôi muốn chép vội bản hiệp ước cho xong, bởi vì Joseph, anh vợ tôi đang ở Luân Đôn, sẽ đáp chuyến tàu mười giờ đi tới đây.

Nội dung bản hiệp ước minh định cương vị của nước Anh đối với Liên minh giữa ba nước Anh - Ái Nhĩ Lan - Ý. Nó cũng dự kiến cho đường lối chính trị mà nước Anh sẽ đi theo trong trường hợp hạm đội Pháp có ưu thế hơn hạm đội của Ý. Văn kiện này hoàn toàn đề cập đến các vấn đề thuộc về hải quân. Bên dưới có chữ ký của những nhân vật cao cấp. Sau khi đọc xong, tôi bắt đầu chép.

Văn kiện này rất dài, bằng tiếng Pháp và gồm hai mươi sáu điều khoản. Tôi chép thật nhanh nhưng tới chín giờ chỉ mới được có chín điều khoản. Lúc đó tôi biết là trễ chuyến tàu mười một giờ. Tôi thấy người mình mệt mỏi, một phần vì thức ăn khó tiêu, một phần vì đã làm việc cả ngày. Tôi thêm một tách cà-phê. Ở dưới chân cầu thang có một nhân-viên-tiếp-khách. Ông thường pha cà phê cho các viên chức phải trực đêm. Tôi giật chuông, gọi ông ta lên.

Tôi rất ngạc nhiên khi thấy người bước vào phòng tôi là một người đàn bà luống tuổi, to lớn đeo tạp dề. Bà ta nói rằng chồng bà ta đang bận... Tôi bảo bà đem cà-phê lên cho tôi.

Tôi chép thêm được hai điều khoản nữa. Rồi càng lúc càng thêm buồn ngủ, tôi đứng lên, đi đi lại lại trong phòng cho giãn gân giãn cốt. Vẫn chưa có cà-phê và tôi tự hỏi vì sao lâu quá như vậy? Tôi mở cửa, đi vào hành lang nối liền nơi tôi làm việc tới một cầu thang xoáy ốc ở mé dưới là căn phòng nhỏ của người-tiếp-khách. Lưng chừng cầu thang có một bậc thềm, với một hành lang khác thẳng góc với hành lang này. Cái hành lang thứ hai, qua một cầu thang nhỏ, dẫn tới một cánh cửa dành cho gia nhân hoặc những viên chức đến từ con đường Charles.

- Tôi xuống cầu thang và thấy người-tiếp-khách ngủ vùi trong phòng ; ấm nước đặt trên ngọn đèn còn sôi sùng sục, nước tràn ra cả sàn nhà. Tôi lay ông ta thì có tiếng chuông roe phía trên đầu tôi và ông ta cũng giật mình thức giấc.

- Ông Phelps, thưa ông ! - Anh ta nói.

- Tôi xuống để xem cà-phê xong chưa.

- Tôi ngủ thiếp đi, thưa ông.

- Ông ta nhìn tôi rồi ngược mắt nhìn lên cái chuông vẫn còn kêu vang, sau cùng ông nói :

- Ông đang ở đây, vậy ai gọi chuông?

- “Gọi chuông”, tôi lặp lại, “Cái chuông nào?”

- Cái chuông trong văn phòng ông đó.

Tôi có cảm tưởng như có một bàn tay lạnh giá bóp tim tôi. Tôi leo lên cầu thang, nhảy từng bốn bước một, tôi chạy trong hành lang ; không có ai trong văn phòng tôi cả. Tất cả vẫn y nguyên như khi tôi bỏ ra ngoài. Bản sao chép của hiệp ước còn đó, nhưng nguyên bản thì đã biến mất.

Holmes nhòm dậy trên ghế và xoa hai bàn tay vào nhau.

- Vậy lúc đó ông làm gì? - Holmes hỏi.

- Tôi đoán rằng kẻ trộm đã lén vào qua ngã cửa nhỏ vào lối cầu thang thứ hai. Nếu không, thì tôi đã gặp y rồi.

- Ông có chắc là người đó không ẩn nấp trong văn phòng hoặc trong hành lang chứ?

- Không thể nào được ! Ngay đến một con chuột cũng không thể ẩn mình trong văn phòng tôi hoặc trong hành lang. Không có một chỗ nào để nấp cả.

- Cám ơn, xin ông tiếp tục.

- Bấy giờ người-tiếp-tân cũng đã chạy lên. Chúng tôi cùng chạy bổ vào hành lang thứ hai và tuột xuống cầu thang chật hẹp trở ra đường Charles ! Bên dưới, cánh cửa đó đóng lại nhưng không khoá. Chúng tôi mở cửa và bay ra ngoài. Lúc đó tháp chuông nhà thờ điểm ba tiếng : mười giờ thiếu mười lăm.

- Chi tiết này hết sức quan trọng. Holmes nói và ghi vội vào cổ tay áo anh.

- Dềm đó trời tối, và có một cơn mưa nhỏ. Không thấy bóng một ai, nhưng ở cuối đường Charles, xe cô vẫn đi lại nườm nượp như mọi ngày. Chúng tôi chạy trên vỉa hè, tới góc đường, gặp một cảnh sát đang đứng gác.

- “Vừa xảy ra một vụ trộm” tôi kêu lên với ông ta. “Một tài liệu quan trọng vừa bị đánh cắp tại Bộ ngoại giao. Ông có thấy người nào đi ngang qua đây không?”

- Tôi đứng gác ở đây đã mười lăm phút và chỉ thấy có mỗi một người đi qua : một bà to lớn, luống tuổi, đầu choàng khăn san.

- “Đó là bà xã tôi” người-tiếp-tân vội nói. “Không có một ai khác đã đi ngang đây sao?”

- Không một ai.

- Thế thì kẻ trộm hẳn đã bỏ trốn qua đầu bên kia ! - Ông-tiếp-khách kêu lên, sau khi kéo vào tay áo tôi.

Nhưng điều đó không làm tôi hài lòng, và sự nài nỉ lại càng làm cho tôi thêm hồ nghi.

- Bà ấy đi lối nào ! - Tôi hỏi.

- Tôi không biết, thưa ông. Tôi chỉ thấy bà ấy đi ngang qua, đi rất nhanh. - Người cảnh sát báo cáo.

- Bao lâu rồi?

- Ồ, chưa lâu lắm.

- Năm phút?

- Không tới năm phút đâu.

- “Ông chỉ phí thì giờ”, người-tiếp-tân kêu lên. “Và mỗi một phút là đáng kể. Tôi đã nói với ông rằng vợ tôi chẳng liên can gì đến vụ này hết. Tốt hơn chúng ta nên tới đầu phía đằng kia. Nếu ông không đi, thì tôi đi !”

Nói xong, ông ta bỏ chạy về hướng ngược lại. Nhưng tôi đã bắt kịp ngay và tôi nắm lấy cổ tay ông ta.

- Nhà ông ở đâu?

- Số 16 đường Ivy Lane ở Brixton. Nhưng thưa ông Phelps, ông hãy tới đầu phố bên kia để thử xem chúng ta có biết được điều gì chăng.

Cùng với người cảnh sát, chúng tôi chạy lại đầu đường kia. Nhưng chúng tôi chỉ thấy đường phố chật ních một dòng lưu thông dày đặc. Những người qua đường hồi hả, tìm chỗ trú mưa. Chẳng có những người thơ thẩn đi chơi rong để chúng tôi có thể hỏi thăm.

Thế là chúng tôi quay trở lại Bộ. Lùng khắp cầu thang và hành lang, nhưng không có kết quả. Cái hành lang dẫn tới văn phòng tôi có lót một tấm thảm bằng vải nhựa. Chúng tôi đã quan sát kỹ lưỡng nhưng chúng tôi không tìm thấy một dấu chân nào !

- Trời mưa suốt buổi tối đó?

- Trời mưa lúc bảy giờ.

- Thế thì tại sao người đàn bà vào trong văn phòng ông lúc chín giờ mà lại không để lại các dấu bùn?

- Tôi sung sướng thấy ông nhấn mạnh trên điểm đó. Ngay lúc đó nó cũng đã làm tôi chú ý. Nhưng mấy bà quét dọn trong nhà có thói quen khi tới Bộ, thường tháo giày ra trong căn phòng nhỏ của người-tiếp-tân để thay bằng đôi giày vải nhẹ.

- Thế là rõ rồi. Vậy là không có dấu vết nào cả trong lúc bên ngoài trời vẫn có mưa? Sau đó ông làm gì?

- Chúng tôi quan sát văn phòng. Không có một lối cửa bí mật nào, còn các cửa sổ thì cao hơn mặt đất tới mười mét. Và chẳng cả hai cửa sổ đều đã đóng kín từ bên trong. Tôi dám đem mạng sống mà đánh cá rằng kẻ cắp đã lên qua ngã cửa chính.

- Thế còn lò sưởi?

- Không dùng đến. Sợi dây giạt chuông treo ngay bên phải bàn giấy để với lấy nó. Nhưng tại sao một kẻ phạm tội lại muốn giạt chuông? Điều này quả thật khó hiểu.

- Tôi cứ tưởng các ông là công an. Chúng tôi đang gặp khó khăn với một nhà buôn.

- Chúng tôi tin rằng bà đã lấy một tài liệu quan trọng ở Bộ ngoại giao và vội vã vào đây để giấu nó. Bà phải đi về trụ sở của Scotland Yard.

Bà ta phản đối và kháng cự, nhưng uổng công. Một cỗ xe ngựa lớn được gọi đến và cả chúng tôi lên xe. Trước đó chúng tôi quan sát khắp gian bếp, đặc biệt là cái lò, để xem bà ta có giấu tài liệu trong thời gian ngắn ngủi chỉ có mình bà ở trong bếp. Không có dấu vết tàn tro hoặc mẩu giấy nào. Ngay khi về tới Scotland Yard, bà ta được giao cho một nữ cảnh sát. Thời gian chờ đợi cuộc khám xét dường như dài bất tận : tìm tôi như hấp hối. Sau chót, người nữ cảnh sát tới báo cáo rằng bà Tăng-gơ không mang theo cái gì trong người.

Lần đầu tiên trong đời, tôi thấy hiện ra một nỗi khủng khiếp. Cho đến lúc đó, tôi vẫn tin chắc là mình sẽ thu lại được bản hiệp ước. Nhưng giờ đây chẳng còn gì để làm nữa. Nó thật là thê thảm. Thưa ông Holmes, bạn Watson sẽ cho ông biết là hồi còn đi học, tôi là một đứa bé nhạy cảm, dễ kích động. Tôi nghĩ tới cậu tôi, tới nỗi nhục nhã mà tôi sắp bắt ông phải hứng chịu, tôi phải hứng chịu và tất cả những ai thân cận với tôi đều phải hứng chịu. Tôi không biết điều gì đã xảy ra đến với tôi. Dường như thần kinh tôi bị kích động quá mãnh liệt. Tôi còn nhớ một cách mơ hồ rằng một toán nhân viên cố tìm cách làm cho tôi bình tĩnh lại. Một người trong toán đó đã dẫn tôi ra ga và đưa tôi về đây. Mẹ tôi tan nát cõi lòng vì buồn phiền. Anh bạn Joseph đã bị tống ra khỏi căn phòng xinh đẹp này để nó được biến thành bệnh xá. Trong chín tuần, tôi cứ nằm đây trong cơn mê sảng, bị giày vò bởi chứng sốt viêm não. Nếu không có cô Ha-ri và ông bác sĩ đã tận tâm chăm sóc thì chắc tôi đã chết rồi. Cô là người điều dưỡng ban ngày. Ban đêm một nữ điều dưỡng chuyên nghiệp khác thức canh chừng tôi. Dần dà trí nhớ trở lại với tôi. Việc đầu tiên

- Sau đó thì ông làm gì? Các ông đã quan sát căn phòng, thử xem kẻ lén nhập có để lại dấu vết nào chẳng. Không có tàn thuốc, hoặc một cái bao tay mà y có thể đánh rơi, hoặc một cây trâm cài tóc, hoặc bất cứ một cái gì đó...

- Hoàn toàn không có một cái gì hết.

- Không có cái mùi gì sao?

- Chúng tôi không nghĩ tới điều này.

- Một mùi thuốc hút có thể giúp chúng ta nhiều trong cuộc điều tra.

- Tôi không hút thuốc. Cho nên nếu có một mùi thuốc ắt hẳn tôi đã nghĩ thấy. Không, tuyệt đối không có một chỉ-dấu nào. Cái việc xác định duy nhất là vợ người-tiếp-tân hồi hã rời khỏi hiện trường. Người cảnh sát và tôi đều đồng ý là cần phải tóm lấy người đàn bà đó, trước khi bà ta tẩu tán tài liệu.

Trong thời gian đó, Scotland Yard đã được báo động. Thám tử Phốt đã tới ngay sau đó và nắm lấy nội vụ với lòng hăng hái nhất. Chúng tôi mượn một cỗ xe ngựa và nửa giờ sau tới địa chỉ đã được biết. Một cô gái ra mở cửa : đó là trưởng nữ của bà Tăng-gơ. Mẹ cô chưa về tới. Cô đưa chúng tôi vào trong căn phòng phía trước để chờ bà.

Mười phút sau, có tiếng gõ cửa. Và lúc đó chúng tôi đã mắc phải lỗi lầm nghiêm trọng. Thay vì chính chúng tôi ra mở cửa thì chúng tôi lại để cho cô gái làm việc đó. Chúng tôi nghe cô nói : "Má ơi, có hai ông đang đợi má". Liên đó, chúng tôi nghe tiếng những bước chân bước vội ngoài hành lang. Phốt đã mở cánh cửa ra và cả hai chúng tôi đều nhào về phía căn phòng ở cuối nhà bếp, nơi mà người đàn bà đã tới trước chúng tôi. Bà ấy nhìn chằm chặp vào chúng tôi với cặp mắt ngờ vực, rồi bất chợt bà ấy nhận ra tôi và hết sức ngạc nhiên.

- Nhưng... Nhưng đây là ông Phelps, làm việc ở Bộ mà !

- Vậy bà tưởng chúng tôi là ai, khi bà bỏ chạy.

- Người đi cùng với tôi hỏi bà.

tôi làm là đánh điện cho ông Phốt. Ông ta tới đây, nói rằng mặc dù chưa có một chỉ-dấu nào đã được phát hiện. Người-tiếp-tân và bà vợ đã bị thăm vấn đến cùng mà vẫn không đem lại một ánh sáng nhỏ nhoi nào. Thế là những mối nghi ngờ được chuyển sang ông Gorot, là người đã làm việc tới khuya hôm đó ở văn phòng. Cái việc ông ở lại Bộ và cái tên có nguồn gốc Pháp của ông là hai điểm duy nhất có thể làm cho ông bị nghi ngờ. Nhưng rõ ràng tôi chỉ ghi chép khi ông ta đã ra về. Rồi cuộc người ta chẳng tìm ra được cái gì, và nội vụ ngừng lại ở đó. Vậy là tôi hướng về ông, thưa ông Holmes. Ông là nguồn hy vọng cuối cùng của tôi. Nếu ông không thành công thì danh dự và sự nghiệp của tôi vĩnh viễn bị sụp đổ.

Bị kiệt sức vì câu chuyện kể dài, người bệnh lại nằm xuống. Người nữ y tá cho anh uống một thứ thuốc nào đó. Holmes vẫn ngồi yên, đầu ngả ra đằng sau, hai mắt nhắm nghiền lại để tập trung tư tưởng. Sau cùng anh nói :

- Bản tường trình của ông thật quá minh bạch. Tuy nhiên có một điểm mà tôi cho là rất quan trọng. Ông có nói với bất cứ ai về việc ông được giao phó cho làm công việc đó không?

- Tôi không nói với ai cả.

- Ngay với cô Ha-ri?

- Không. Tôi đã không trở về Woking trong khoảng thời gian từ lúc nhận được lệnh tới lúc bắt đầu ghi chép.

- Không một ai tình cờ gặp ông?

- Không một ai.

- Có ai trong những thành viên thuộc gia đình ông lại biết con đường đi tới văn phòng ông không?

- Ồ có ! Tất cả đều biết.

- Nếu ông không nói với người nào về bản hiệp ước, thì những câu hỏi đó quả là thừa.

- Tôi đã không nói điều gì, với bất cứ ai !

- Ông biết gì về người-tiếp-tân.

- Chỉ biết ông ta là cựu quân nhân.

- Trung đoàn nào.

-Ồ, người ta nói với tôi... Coldstream Guards !

- Cám ơn. Tôi sẽ được Phốt cho biết những chi tiết. Nhà cầm quyền thu thập tài liệu giỏi nhưng không sử dụng chúng theo cách tốt nhất.

Anh đi từ bên giường ra khuôn cửa sổ mở rộng và nâng lên một bông hoa đã rù, chiêm ngưỡng nét hài hòa của màu đỏ và màu xanh.

- Tất cả những thực phẩm đều thực sự cần thiết cho đời sống chúng ta. Nhưng đóa hoa hồng này là một món xa hoa. Hương thơm và sắc màu của nó là một sự tô điểm cho cuộc sống. Chính lòng nhân từ của Thượng đế đã tạo cho con người những cái dư thừa ấy, và vì thế chúng ta phải hy vọng nhiều nơi những đóa hoa.

Phelps và cô y tá nhìn Holmes với nét mặt đầy vẻ ngạc nhiên và thất vọng. Holmes đã đắm chìm vào mơ mộng với bông hồng trên tay. Sau vài phút im lặng, cô thiếu nữ chen vào.

- Ông có một phương cách nào để giải đáp cái bí ẩn này không, thưa ông Holmes? - Cô hỏi với một thoáng chua chát trong giọng nói.

- "Ồ, điều bí ẩn à?" Holmes lặp lại khi bất thình lình bị lôi trở về với thực tại. "Quả thật đây là một vấn đề rắc rối, nhưng tôi sẽ chú tâm đến. Tôi sẽ thông báo cho cô biết?"

- Ông có thấy một chỉ-dấu nào không?

- Quý vị đã cho chúng tôi biết tới bảy chỉ dấu. Nhưng tôi phải kiểm tra lại chúng, trước khi có thể bày tỏ ý kiến.

- Ông có nghi ngờ ai không?

- Tôi nghi...

- Ai?

- ... rằng tôi đã rút ra những kết luận của mình một cách quá nhanh.

- Vậy thì ông hãy trở lại Luân Đôn và kiểm tra lại chúng.

- “Lời khuyên của cô thật là chí lý, thưa cô Ha-ri” Holmes nói khi đứng lên. “Watson, tôi tin rằng chúng ta chẳng có thể làm gì khác hơn. Ông Phelps, ông đừng có quá hy vọng. Vấn đề rất là rối rắm”.

- Tôi sẽ sống trong cơn sốt cho tới lúc được gặp lại ông.

- Nhà ngoại giao kêu lên.

- Thế thì ngày mai tôi sẽ trở lại bằng cùng một chuyến tàu. Nhưng rất có thể là bản tường trình của tôi sẽ không mấy lạc quan.

- Khi được biết là có người đang cố làm một cái gì đó, tôi có thêm một chút khí lực. Nhân đây, tôi vừa nhận được thư của Huân tước Holhurst.

- Thế à ! Ông ta nói gì vậy?

- Một lá thư lạnh nhạt, nhưng không khô khan. Ông lặp lại là vụ này có tầm quan trọng hàng đầu và thêm rằng ông sẽ không ký một quyết định nào về tương lai của tôi, trước khi tôi được bình phục và có khả năng để sửa chữa cái tai họa do tôi gây ra.

- “Vậy thì, đó là người biết điều và đầy lòng nhân hậu”. Holmes nói. “Ta đi thôi, Watson, chúng ta còn có cả một ngày để làm việc”.

Ông Joseph tiễn chúng tôi ra ga và ngay đó chúng tôi lên tàu. Holmes chìm đắm trong suy tư sâu lắng. Anh chỉ mở miệng khi tới vùng phụ cận Luân Đôn.

- Anh chàng Phelps không uống rượu chứ?

- Tôi nghĩ là không.

- Tôi cũng vậy. Nhưng cần phải tính đến mọi tình huống bất trắc có thể xảy ra. Anh chàng đó đang lún mình trong

những làn nước thật sâu, và tất cả vấn đề là liệu chúng ta có thể kéo anh ta lên bờ được chăng. Anh nghĩ sao về cô Ha-ri?

- Cô là người có cá tính riêng.

- Đúng, nhưng hoặc là một cá tính hướng về điều thiện, hoặc là tôi bị lầm to. Cô ta và người anh là con của một người thợ cả xưởng rèn ở bên Northumberland. Phelps đính hôn với cô trong một chuyến đi vào mùa đông năm ngoái và cô đã cùng anh mình tới đây để được giới thiệu với gia đình bên chồng. Rồi thì tai họa nổ ra và cô ở lại để chăm sóc cho hôn phu, trong lúc ông anh Joseph, thấy mình được chăm chút một cách đầy đủ, nên cũng ở lại luôn. Anh thấy đó, có lúc tôi làm vài cuộc điều tra hoàn toàn biệt lập. Nhưng ngày hôm nay chúng ta đi tìm...

- Các bệnh nhân của tôi.

- Ồ, nếu anh thấy những công việc của anh lại lý thú hơn thì... - Holmes nói với một giọng trách cứ.

- Tôi định nói với anh rằng các bệnh nhân của tôi có thể không cần đến tôi trong hai hay ba ngày, bởi vì lúc này đang mùa ít việc.

- “Tuyệt vời !” Anh kêu lên, lấy lại tính khí vui vẻ. “Thế thì chúng ta cùng nhau chăm lo cái vụ này. Tôi nghĩ là khởi đầu chúng ta cần phải gặp Phốt để có những chi tiết mà chúng ta cần biết. Rồi chúng ta sẽ biết cần tấn công theo chiều hướng nào.

- Anh đã nói là có một chỉ-dấu?

- Chúng ta có nhiều chỉ-dấu. Nhưng sau cuộc điều tra, ta sẽ kiểm tra lại giá trị của các chỉ-dấu đó. Tội ác khó giải thích nhất, là tội ác được thực hành không mục đích. Tội ác ở đây có một mục đích. Nó đưa lại lợi ích cho ai? Có ông đại sứ nước Pháp này, ông đại sứ nước Nga này, và có cả người trả giá cao hơn hai ông đại sứ đó, và còn có huân tước Holdhurst nữa.

- Huân tước Holdhurst?

- Thật không tưởng tượng nổi một chính khách bị rơi vào hoàn cảnh như thế mà lại không tiếc nuối về sự biến mất của một tài liệu quan trọng đến nhường đó.

- Nhưng huân tước Holdhurst là một chính khách có một quá khứ khá kính.

- Nhưng chúng ta không thể chỉ mới thoạt nhìn mà gạt bỏ nó. Ngày hôm nay chúng ta sẽ tới đó, để xem ông nói với chúng ta điều gì. Trong lúc chờ đợi, tôi đã cho phát động cuộc điều tra rồi.

- Thế à?

- Phải. Từ ga Woking tôi đã đánh hai bức điện cho các tờ báo ở Luân Đôn. Lời nhắn tin này sẽ được đăng tải trên các báo phát hành vào chiều nay.

Anh đưa cho tôi một tờ giấy xé ra từ cuốn sổ tay. Trên đó được viết bằng bút chì : *"Thường mười bảng cho người nào biết số xe của cỗ xe ngựa đã đỗ một người khách xuống công hoặc gần công Bộ ngoại giao trên đường Charles, vào hồi mười giờ kém mười lăm đêm 23 tháng 5. Trả lời về 221B, đường Baker"*.

- Kẻ trộm đi xe ngựa đến à?

Nếu ông Phelps không lầm lẫn khi khai rằng không có một chỗ ẩn nấp nào trong văn phòng cũng như ngoài hành lang thì người khách tất phải từ bên ngoài vào. Nếu người đó tới vào một đêm ẩm ướt mà không để lại một vết chân nào trên vải nhựa lót nhà (được quan sát vài phút sau khi y đi qua), thì chắc chắn là y đã tới bằng xe ngựa.

- Điều đó có thể chấp nhận được.

- Có thể chỉ-dấu này sẽ dẫn chúng ta đến một nơi nào đó. Nhưng, còn có hồi chuông, chi tiết lỗ lãng nhất trong vụ này. Tại sao y lại gọi chuông? Có phải tên trộm làm thế để tỏ thái độ anh hùng? Hoặc có một ai khác đi cùng với kẻ trộm đã giật chuông để ngăn chặn vụ trộm? Hoặc việc đó chỉ là ngẫu

nhiên? Hoặc đó là ... Holmes lại rơi vào trạng thái suy tư thẳm lặng. Nhưng tôi thấy dường như có một giả thiết mới bắt chọt hình thành trong óc anh.

Chúng tôi xuống tàu vào hồi ba giờ hai mươi. Sau khi đã nuốt vội vàng một miếng ở quây ăn nhà ga, chúng tôi đi thẳng tới Scotland Yard. Phốt là một người thấp nhỏ, gương mặt thông minh và những đường nét kiên quyết, nhưng kém dễ thương. Cuộc tiếp xúc thật lạnh lùng và thái độ của ông còn lạnh lùng hơn nữa khi ông được biết mục đích chuyến viếng thăm của chúng tôi.

- "Đã từ lâu tôi biết phương pháp làm việc của ông, thưa ông Holmes, ông ta nói với một giọng mỉa mai cay độc. "Ông luôn luôn sử dụng những tin tức mà cảnh sát cung cấp cho ông và rồi tìm cách tự mình kết thúc vụ án để làm mất uy tín của những cơ quan công quyền".

- "Trái lại", Holmes đáp. "Trong năm mươi ba vụ, tên tôi chỉ xuất hiện có bốn lần, và cảnh sát đã lấy về phân mình bốn mươi chín vụ. Tôi không trách ông vì ông chưa biết đến điều đó, bởi lẽ ông còn trẻ và thiếu kinh nghiệm. Nhưng nếu như ông muốn nổi danh trong cái vụ mới này, ông cần phải cộng tác với tôi, chớ không phải chống lại tôi".

- "Tôi không mong gì hơn là có được một vài tuy-dô", ông thanh tra thay đổi giọng nói. "Cho tới nay, thật sự tôi không thâu đạt được chút gì !"

- Ông đã áp dụng những biện pháp nào?

- Khi theo dõi ông Tăng-gơ, chúng tôi biết ông ấy là một người dũng cảm và rất tốt. Nhưng bà vợ thì chẳng ra gì. Tôi có cảm tưởng là bà ấy biết rất nhiều, nhưng chẳng muốn nói ra.

- Ông cũng cho theo dõi bà ấy chứ?

- Phải. Bà ấy uống rượu, và nhân viên của chúng tôi đã hai lần ngồi bèn bà khi bà đã quá chén, nhưng cũng không moi ra được điều gì.

- Những kẻ môi giới đã tới nhà họ phải không?
- Phải, nhưng họ đã thanh toán cái món nợ cho nhà buôn xong rồi.
- Tiền do đâu mà có?
- Tiền lương hưu của ông chồng. Họ chẳng có vẻ gì là có tiền cả.
- Bà ta giải thích ra sao về cú chuông gọi của ông Phelps kêu đưa cà-phê lên?
- Bà nói rằng chồng bà rất mệt và bà muốn làm đỡ cho chồng.
- Điều đó phù hợp với việc ít lâu sau người chồng ngủ vùi trong phòng. Vậy là chẳng có gì chống lại họ, ngoại trừ tính nết của bà vợ. Ông có hỏi tại sao bà hồi hã ra về trong đêm tối đó?
- Bà đã ra về muộn hơn ngày thường và muốn trở về nhà ngay.
- Ông có cho bà ta biết ông và ông Phelps đã đi sau bà ta tới hai mươi phút mà lại đến nhà trước bà không?
- Bà giải thích rằng đi xe ngựa phải nhanh hơn đi bộ.
- Bà ta có giải thích cái lý do đã khiến cho bà ta ngay khi vừa về tới nhà đã chạy vội vào trong bếp không?
- Tiền để trả nợ nằm trong bếp.
- Ít ra thì bà có câu trả lời cho mọi chuyện. Ông có hỏi bà ta xem, khi ra khỏi trụ sở Bộ, bà có gặp ai không, hoặc có thấy ai thơ thẩn bên phía đường Charles không?
- Bà chỉ trông thấy có người cảnh sát thôi.
- Vậy thì, tôi thấy ông đã thăm vấn bà ta hoàn toàn thấu đáo ! Thế ông còn làm những gì khác?
- Nhân viên Gorot đã được theo dõi trong suốt chín tuần qua, nhưng không có kết quả gì. Không có gì chống lại ông ta.

- Và còn gì nữa?

- Nói thật, chúng tôi chẳng có gì để mà tiến hành.

- Ông nghĩ gì về cái chuông trong lúc ông Phelps ở trong nhà của người-tiếp-tân?

- Tôi xin thú thật là tôi còn chưa hết ngạc nhiên. Phải là một kẻ to gan lớn mật mới vừa ăn trộm vừa báo động.

- Đúng, thật là kỳ cục ! Tôi xin cảm ơn ông về tất cả những chỉ dẫn đó.

Ta đi thôi, Watson.

- Bây giờ chúng ta đi đâu? - Tôi hỏi khi đã ra bên ngoài.

- Chúng ta tới huân tước.

Chúng tôi gặp may : Lord Huldhurst vẫn còn ở trong văn phòng ông. Holmes cho trình danh thiếp và ngay đó chúng tôi được mời vào. Nhà chính khách đón tiếp chúng tôi với vẻ mặt lịch sự. Ông mời chúng tôi ngồi trong hai ghế bành sang trọng kê hai bên lò sưởi. Đứng trên tấm thảm giữa hai chúng tôi, ông có một dáng thật đẹp với thân hình cao mảnh, bộ mặt nhọn và trầm tư.

- "Tên ông đối với tôi rất quen thuộc, thưa ông Holmes !" Ông cười nói. "Và đương nhiên tôi không thể làm như không biết lý do của chuyến viếng thăm này. Nhưng tôi muốn được biết ông hành động vì lợi ích của ai, nếu như tôi có thể tự cho phép đặt ra với ông câu hỏi đó"

- Vì lợi ích của ông Percy Phelps.

- A ! Vì đứa cháu của tôi ! Ông thừa biết rằng tôi rất thích câu : "Quân pháp bất vị thân".

- Nhưng nếu tôi tìm ra tập tài liệu đó?

- A ! Vấn đề sẽ lại khác hẳn !

- Có một hoặc hai câu hỏi mà tôi mong muốn được đặt ra với huân tước !

- Tôi sẽ sung sướng được thông báo cho ông điều gì tôi có thể nói, trong phạm vi quyền hạn của tôi.

- Có phải ngài đã ban những chỉ thị sao chép bản văn tại gian phòng này.

- Phải.

- Thế thì không một ai có thể nghe được lời ngài?

- Phải.

- Ngài có nói với một người nào đó rằng ngài có ý định chép lại bản hiệp ước không?

- Không.

- Ngài tuyệt đối tin chắc như vậy chứ?

- Tuyệt đối.

- Thế thì, bởi vì ngài không bao giờ nói đến, bởi vì ông Phelps không bao giờ nói đến, bởi vì không một ai ngoài hai cậu cháu ngài biết được, nên sự có mặt của kẻ trộm trong văn phòng là hoàn toàn do ngẫu nhiên. Kẻ đó đã thấy mình bỗng nhiên gặp cơ may. Và y đã lấy trộm.

Nhà chính khách mỉm cười nói :

- Điều đó đã vượt khỏi phạm vi của tôi.

Holmes suy nghĩ trong một lát :

- Theo chỗ tôi biết, ngài e sợ rằng sự phổ biến bản hiệp ước sẽ kéo theo nhiều hậu quả trầm trọng?

Ông bộ trưởng sa sầm nét mặt :

- Đúng thế.

- Nhưng những hậu quả đó chưa xảy ra?

- Chưa.

- Nếu bản hiệp ước đã lọt tới Paris hay Berlin thì hẳn là ngài đã nghe thấy tiếng vọng?

- Hẳn là như thế. - Huân tước nhìn mặt, nói.

- Gần mười tuần lễ đã trôi qua mà ngài vẫn còn chưa nghe thấy một động tĩnh nào. Vậy phải chăng vì một lý do nào đó, bản hiệp ước vẫn chưa đến đó?

Huân tước nhún vai :

- Chúng ta không thể tin rằng tên ăn trộm đem bản hiệp ước về nhà rồi đóng khung treo lên tường.

- Có thể là y đợi một cuộc đấu giá.

- Nếu y đợi quá lâu thì y sẽ chẳng còn được cái gì. Trong vài tháng, bản hiệp ước sẽ không còn gì là bí mật cả.

- Phải chăng tên trộm đã đột nhiên ngã bệnh.

- Một cơn sốt viêm não, chẳng hạn? - Nhà chính khách hỏi, phóng lên người Holmes một tia nhìn sắc sảo.

- "Tôi đã không dám nói như thế". Holmes điềm tĩnh trả lời. "Giờ đây, thưa ngài, chúng tôi đã làm ngài tốn nhiều thì giờ, và chúng tôi xin từ giã".

- Tôi xin cầu chúc ông tất cả sự thành công, cho dù kẻ phạm tội là ai? - Ông Bộ trưởng nói khi tiễn chúng tôi ra cửa.

- Một cá tính cao quý ! Nhưng ông ấy phải tranh đấu để bảo vệ cương vị mình. Ông ấy chẳng giàu có gì cả và có nhiều việc phải làm. Chắc hẳn anh đã thấy là đôi giày của ông đã phải thay đế? Anh Watson, anh hãy trở lại với công việc của anh, nhưng nhớ trở lại Woking vào ngày mai.

Sáng hôm sau, tôi đi cùng anh xuống Woking. Anh cho tôi biết là anh không nhận được hồi âm cho lời nhắn tin trên các tờ báo và anh cũng chẳng có gì để cho tôi biết thêm.

Chúng tôi gặp lại Phelps, anh ta đã khá hơn buổi tối hôm trước, đã có thể đứng lên được.

- Ông có tin gì mới không? - Phelps hỏi ngay tức khắc.

- "Như đã tiên liệu bản báo cáo của tôi là tiêu cực", - Holmes đáp.

- Nhưng ông không thôi chí chú?

- Không !

- Nếu chúng ta kiên trì thì sự thật sẽ thắng. - Cô Ha-ri nói.

- Ở đây, chúng tôi có nhiều điều để nói với ông hơn., - Phelps nói khi ngồi xuống trường kỷ.

- Tôi hy vọng ông đã có tin gì mới.

- Chúng tôi đã gặp một biến cố...

Gương mặt Phelps trở thành rất nghiêm trọng và ở đằng sau tia nhìn của anh, là sự sợ hãi.

- Tôi bắt đầu tin rằng tôi là mục tiêu của một âm mưu quỷ quái nào đó.

- A ! - Holmes kêu lên.

- Điều đó khó mà tin nổi, bởi vì tôi không có kẻ thù nào. Tuy nhiên, sau đêm qua, tôi đã đi tới một kết luận như thế.

- Mong ông kể cho nghe.

- Trước hết, đó là đêm đầu tiên không có người canh chừng trong phòng tôi. Tôi cảm thấy mình khỏe mạnh đến mức không còn cần đến cô y tá nữa. Tuy nhiên, tôi không tắt đèn trong khi ngủ. Vào khoảng hai giờ sáng, tôi đang ngủ thì bị đánh thức bởi một tiếng động nhẹ. Một tiếng động giống như tiếng con chuột gây ra khi nó gặm tấm ván. Tôi nằm yên để lắng nghe, với cảm tưởng đó chỉ là một con chuột nhắt. Rồi tiếng động lại mạnh hơn và từ cửa sổ vang lên một tiếng động gọn của kim khí. Tôi ngồi dậy. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa : một người nào đó đang cố nhét một dụng cụ qua khe hở giữa các khung cửa và cái tiếng động lớn là do then móc cửa sổ bị đẩy ra.

Trong mười phút, tôi không nghe thấy gì hơn : tựa hồ như người ta muốn kiểm tra xem tiếng động có đánh thức tôi dậy không. Rồi một tiếng kêu cọt kẹt và cánh cửa mở ra từ từ. Tôi không biết cách tự chủ để chờ xem sự việc ra sao, nên đã nhảy ra khỏi giường. Một người đàn ông ngồi xổm bên khuôn cửa sổ. Tôi không nhìn rõ y vì y chuẩn đi như một tia chớp, một tấm áo choàng che kín phần dưới mặt y. Một điều mà tôi tin chắc, là trong tay y có cầm một con dao dài.

- Thế rồi sau đó ông làm gì?

Tôi định gọi chuông và đánh thức cả nhà dậy. Nhưng chuông thì đặt trong bếp còn các gia nhân thì ngủ tuốt trên

cao. Tôi la lên. Joesph chạy xuống và anh báo động cho những người còn lại trong nhà. Joesph và người sai vật tìm thấy những dấu chân trong cái bồn hoa ở mé dưới cửa sổ, nhưng thời tiết khô ráo của mùa này đã khiến họ không còn theo được dấu vết trên bãi cỏ. Tuy nhiên có một chỗ trên hàng rào gỗ dọc theo con đường là nơi có những dấu vết. Họ cho rằng có ai đó đã nhảy qua và đã làm cho hàng rào bị hư. Tôi chưa báo với cảnh sát địa phương, bởi vì tôi mong được biết ý kiến ông trước đã.

Câu chuyện kể của Phelps đã tạo ra một tác dụng khác thường nơi Holmes. Anh đứng lên khỏi ghế và đi đi lại lại trong phòng trong một trạng thái bị kích động.

- Họa vô đơn chí ! - Phelps cười, kết luận.

- Ông có thể đi dạo một vòng quanh nhà với tôi được chăng? - Holmes nói.

- Tôi rất mong được hưởng chút nắng trời. Joseph sẽ cùng đi.

- Và cả em nữa. - Cô Ha-ri nói.

- Cô cứ ngồi ngay tại cái chỗ mà cô đang ngồi đây. - Holmes kêu lên.

Cô thiếu nữ ngồi xuống, bất mãn. Anh cô nhập bọn, và bốn người chúng tôi ra khỏi nhà. Chúng tôi đi dọc theo bãi cỏ để tới khuôn cửa sổ. Quả thật ở đó có những dấu chân trên bồn hoa, nhưng những dấu đó đã bị làm rối và không còn rõ nữa. Holmes cúi nghiêng xuống trong chốc lát rồi đứng lên và nhún vai :

- Chẳng ai rút ra từ đây được một cái gì ! Chúng ta hãy đi quanh nhà để xem vì sao căn phòng này lại được chọn lựa.

- Căn phòng được nhìn thấy rõ hơn từ ngoài đường. - Ông Joseph gợi ý.

- À phải, đương nhiên ! Ở đây có một cánh cửa ắt hẳn hẳn định cạy phá. Cửa này dùng để làm gì?

- Đây là lối vào của những nhà cung cấp, ban đêm được khoá lại.

- Trước đây đã có lần nào báo động tương tự không?

- Chưa bao giờ. - Phelps đáp.

- Trong nhà ông có cất giữ những bát đĩa hoặc đồ dùng bằng bạc khiến cho kẻ trộm dòm ngó chẳng?

- Chẳng có món đồ đắt tiền nào cả.

Holmes đi dạo, tay rút trong túi, và dáng vẻ vô tư lự đó hoàn toàn trái ngược với các thói quen của anh.

- "Nhân đây", anh nói với Joseph, "ông đã tìm ra một chỗ mà từ đó kẻ trộm đã leo lên hàng rào. Chúng ta tới đó coi qua !"

Người thanh niên dẫn chúng tôi đến một nơi mà thanh trên của hàng rào đã bị nứt rạn. Một mẫu gỗ nhỏ hấy còn vướng trên đó. Holmes rút mẫu gỗ ra và quan sát kỹ lưỡng.

- Ông tin là cái này mới có từ đêm qua? Tôi có cảm tưởng là nó có từ lâu rồi, phải thế không?

- Rất có thể là như ông nói.

- Tôi không thấy nơi nào mà một ai đó lại nhảy từ phía bên kia sang. Không, chúng ta không thâu được một tin tức nào ở nơi đây. Hãy trở về phòng để bàn chuyện.

Phelps đi rất chậm và vịn vào cánh tay người anh vợ tương lai. Holmes băng thật mau qua bãi cỏ và chúng tôi tới khuôn cửa sổ trước hơn hai người kia.

- "Thưa cô Ha-ri", Holmes nói với một giọng nghiêm trọng. "Cô phải ở lại đây suốt ngày, không được rời khỏi phòng một giây phút nào cả. Việc này rất quan trọng".

- Chắc chắn rồi, bởi vì ông muốn thế, thưa ông Holmes.
- Cô thiếu nữ trả lời, vẻ ngạc nhiên.

- Khi đi ngủ, cô hãy khóa cửa phòng từ bên ngoài và cô hãy cất giữ chìa khoá. Cô hứa với tôi sẽ làm như thế chứ?

- Nhưng còn Phelps.

- Anh ấy sẽ đi Luân Đôn cùng với chúng tôi.

- Và ông buộc tôi phải ở lại nơi đây?

- Vì anh ấy. Cô giúp cho anh ấy. Mau lên ! Hãy hứa đi !

Cò gạt đầu vào lúc hai người kia đi tới ngang tầm chúng tôi.

- “Tại sao em lại cứ phiền muộn trong căn phòng đó, Annie?” Anh cô kêu lên. “Hãy đi dạo một vòng dưới nắng đi”.

- Không, cảm ơn Joseph. Em hơi bị nhức đầu. Phòng này lại mát mẻ và thoải mái nên em thích lắm.

- Giờ đây ông đề nghị điều gì, thưa ông Holmes? - Phelps hỏi.

- Nếu ông có thể cùng đi tới Luân Đôn với chúng tôi thì điều đó sẽ giúp ích cho tôi rất nhiều.

- Ngay tức khắc sao?

- Trong vòng một tiếng đồng hồ nữa.

- Tôi hoàn toàn mạnh khoẻ. Ông sẽ yêu cầu tôi ở lại Luân Đôn trong đêm nay?

- Tôi đang định đề nghị như vậy.

- Nếu vị khách đêm qua trở lại tìm gặp tôi thì y sẽ thấy con chim đã bay rồi. Thưa ông Holmes. Ông có muốn anh Joseph cùng đi không, để chăm sóc tôi?

- Ồ không ! Anh bạn Watson là bác sĩ, anh ấy sẽ chăm sóc cho ông. Chúng ta sẽ dùng bữa ở đây, sau đó chúng ta sẽ cùng đi Luân Đôn.

Tất cả được thu xếp như anh đã đề nghị. Cô Ha-ri xin lỗi không thể ra khỏi phòng. Tôi không hiểu được cái dự định của bạn, ngoài cái việc anh muốn tách xa hai người đã hứa hôn. Nhưng sau khi đã cùng với chúng tôi ra ga và đã đưa chúng tôi lên toa tàu rồi, Holmes báo cho chúng tôi biết là anh phải ở lại Woking :

- Còn có hai hoặc ba điều mà tôi muốn làm cho sáng tỏ. Sự vắng mặt của ông, thưa ông Phelps, sẽ có một tầm lợi ích nào đó. Anh Watson, khi về tới Luân Đôn, anh đưa Phelps về đường Baker và ở bên anh bạn cho tới lúc tôi trở về. Là bạn cũ, hai anh hẳn có rất nhiều chuyện để nói với nhau. Ông Phelps có thể ngủ trong phòng của tôi : tôi sẽ trở về nhà dùng bữa điểm tâm.

- Nhưng còn việc điều tra của chúng ta ở Luân Đôn thì sao? - Phelps hỏi, cúi kính.

- Chuyện đó có thể đợi đến ngày mai.

- Ông có thể loan báo cho gia đình tôi biết là tôi sẽ trở về vào tối mai- Phelps kêu lên, vào lúc con tàu chuyển bánh.

- Đâu có ai trông thấy tôi ở nhà anh. - Holmes đáp, vui vẻ vẫy tay.

Phelps và tôi tán chuyện trong lúc đi đường.

- Anh ấy muốn thu thập một đầu mối liên quan tới vụ trộm đêm vừa qua.

- Thế ý anh ra sao?

- Có lẽ anh sẽ nói rằng đó là do hệ thần kinh của tôi bị mệt mỏi, nhưng tôi thật sự tin rằng có một âm mưu chính trị triển khai quanh tôi và những kẻ chủ mưu lại còn muốn ám hại tôi. Điều đó nghe ra có vẻ phi lý, nhưng anh cứ xem sự việc thì rõ. Tại sao kẻ trộm lại cạy phá cửa sổ một phòng ngủ trong đó chẳng có cái gì để mà đánh cắp cả, và tại sao y lại tới với một con dao lớn?

- Đó có thể chỉ là dụng cụ mà kẻ trộm dùng để cạy cửa.

- Nó chính là một con dao. Tôi đã thấy lưỡi dao lóe lên một cách rõ ràng.

- Nhưng chẳng hiểu vì sao anh lại bị theo dõi với một sự ác tâm tới nhường đó !

- A ! Đó chính là vấn đề.

- Nếu Holmes tin lời anh nói là chính xác thì anh ấy hẳn tiến được một bước lớn về sự nhận dạng kẻ đã đánh cắp bản

hiệp ước về hải quân. Thật vô lý khi giả thiết rằng anh có tới hai kẻ thù, một kẻ đánh cắp tài liệu và một kẻ muốn ám hại anh.

- Nhưng ông Holmes đã nói rằng ông ấy sẽ không trở về nhà tôi.

- Anh ấy chưa bao giờ hành động mà không có lý do chính đáng. Hãy tin lời chúng tôi.

Tới đó câu chuyện của chúng tôi chuyển sang những đề tài khác.

Bữa đó là một ngày kiệt sức đối với tôi. Phelps hãy còn yếu sau cơn bệnh dài ngày và nôn nóng. Tôi cố gắng làm cho Phelps quan tâm tới những vấn đề xã hội, tới tất cả những cái gì có thể làm cho anh khuấy khỏa, nhưng tôi chỉ uống công. Anh luôn luôn quay lại với bản hiệp ước bị mất. Anh tự hỏi Holmes đang làm gì, huân tước sẽ xử trí ra sao, sáng mai chúng tôi sẽ nhận được những tin tức nào. Đến tối, anh trở thành hoàn toàn khó chịu.

- Anh có tin ở Holmes không? - Phelps hỏi.

- Anh ấy đã hoàn thành được nhiều vụ đáng kể.

- Nhưng có bao giờ anh ấy làm sáng tỏ được một việc đen tối như vụ này chưa?

- Ồ, có chứ !

- Nhưng không có vấn đề mà những tầm lợi ích lớn lao đến thế bị lâm nguy?

- Cái đó tôi không biết. Trái lại, anh ấy đã hoạt động thay cho ba gia đình trị vì ở châu Âu trong những vụ trọng đại. Tôi chẳng còn biết nghĩ sao nữa. Anh có tin là anh ấy có hy vọng không? Anh có tin là anh ấy chắc sẽ thành công không?

- Anh ấy không nói gì hết.

- Dấu hiệu xấu !

- Chính khi anh ấy ở trên một hướng tốt, anh mới ít nói. Bạn thân mến ơi, sự bực dọc chẳng được việc gì. Anh hãy đi ngủ, ngó hầu được tỉnh táo.

Bạn tôi theo lời khuyên của tôi, nhưng bản thân tôi cũng trần trọc mãi. Tôi đã đặt ra cả trăm câu hỏi. Tại sao Holmes lại ở lại Woking? Tại sao anh lại yêu cầu cô Ha-ri ở nguyên trong phòng người bệnh suốt ngày hôm đó? Tại sao anh lại không báo cho gia đình Phelps biết việc anh ở lại? Tôi hành hạ bộ óc mình cho tới khi hai mắt sụp xuống vì mệt mỏi.

Tôi thức giấc vào lúc bảy giờ và tôi đi ngay sang phòng Phelps : suốt đêm qua anh không ngủ. Câu hỏi đầu tiên của anh là chuyến trở về của Holmes.

- Holmes đã hứa là Holmes giữ lời. Và giờ giấc đối với anh ấy là giờ giấc : không sớm quá mà cũng không muộn quá.

Tôi nói đúng, bởi không lâu sau lúc tám giờ, một cỗ xe ngựa dừng lại trước nhà và bạn tôi ra khỏi xe. Đứng trên cửa sổ, chúng tôi thấy bàn tay trái anh bị quấn băng ; bộ mặt anh thật u tối, nhợt nhạt. Anh vào trong nhà, nhưng vài giây đã trôi qua, tôi mới thấy anh lên tới cầu thang.

- Ông ấy có vẻ như một người bại trận ! - Phelps kêu lên.

Tôi buộc phải nhìn nhận là Phelps có lý. Tôi nói :

- Chung cuộc, chìa khoá của sự bí mật chắc chắn là ở đây, ở Luân Đôn.

Phelps thốt ra một tiếng rên rĩ :

- Tôi không biết chìa khoá đó là cái gì. Nhưng tôi đã hy vọng biết bao về chuyến trở về của ông ấy. Hôm qua tay ông ta đâu có bị băng bó? Có chuyện gì xảy ra vậy?

- Anh không bị thương đấy chứ, Holmes? Tôi hỏi, khi anh bước vào phòng khách.

- Suyt ! Một vết xước do tôi vụng về mà ra. Vụ của ông, thưa ông Phelps, là một trong những vụ hắc ám nhất mà chưa bao giờ tôi nắm trong tay.

- Có vượt quá sức ông không?

- Đó là một sự gian truân rất lý thú.

- Chuyện gì đã xảy ra?

- Để ăn điểm tâm xong đã, bạn Watson thân mến. Tôi đoán chừng rằng không có hồi âm nào cho lời nhắn của tôi liên quan tới cỗ xe ngựa? Ừ phải, đâu cứ lần nào tấn công là cũng thắng.

Bàn ăn đã dọn sẵn và bà Hốt-xơn đem trà và cà-phê tới. Holmes háu ăn, tôi tò mò, còn Phelps thì ở độ chót của sự ủ rũ.

- “Bà Hốt-xơn quả rất khéo léo”, Holmes nói khi thấy đĩa thịt gà nấu ca-ri. “Nghệ thuật nấu ăn của bà không được đa dạng, nhưng với tự cách là một phụ nữ xứ Scotland, bà biết thế nào là một bữa điểm tâm. Anh có món sò dâng đó, Watson?”

- Trứng chiên giăm-bông.

- Tốt ! Ông dùng món gì nào, ông Phelps : gà nấu ca-ri, trứng hay là ông muốn tự mình chọn lấy món ăn?

- Cám ơn, tôi chẳng nuốt nổi cái gì.

- Ồ, coi nào ! Hãy dùng cái món này, để ngay trước mặt ông đó.

- Xin cám ơn, tôi không thể nào ăn được !

- “Thế thì”, Holmes nói với một cái nháy mắt tinh nghịch “ông nhường nốt món đó cho tôi chứ”?

Phelps mở cái vung ra và anh thốt lên một tiếng kêu. Mặt anh trở thành trắng bệch. Ở giữa cái liễn đựng thức ăn có một cuộn giấy nhỏ màu xám xanh. Anh vờ lấy cuộn giấy, chăm chăm nhìn vào nó, đứng lên và múa may trong phòng. Anh hét lên vì sung sướng. Đoạn anh rơi xuống một ghế bành, kiệt sức.

- “Thôi chú ! Thôi chú” Holmes nói khi vỗ nhẹ lên vai anh. “Tôi biết ông đã mòn mỏi chờ đợi”.

Phelps nắm lấy bàn tay anh và hôn nó :

- Ông đã cứu được danh dự cho tôi !

- Danh dự của tôi cũng bị lâm nguy, nếu tôi thất bại trong vụ này.

Phelps nhét bản tài liệu vào túi trong của áo vét.

- Tôi không dám làm gián đoạn lâu hơn bữa điểm tâm của hai ông, nhưng tôi lại mong muốn được biết, ông đã thấu hiểu được nó như thế nào.

Sherlock Holmes uống một tách cà phê và lưu ý đến món trứng chiên giảm-bông. Sau đó, anh đứng lên, mời một mẫu thuốc và ngồi thoải mái trong một ghế bành :

- "Sau khi đã tạm biệt các bạn ở nhà ga, tôi đi ngang qua vùng đồng quê ở Surrey, tới nơi thôn trang nhỏ bé, tên là Riphey. Tới đó, tôi uống trà ở lữ quán và chế đây bầu nước, nhét bánh xăng-uyt vào đây túi. Tôi ở lại đó cho tới chiều tối. Đoạn tôi quay trở lại Woking vào đúng lúc mặt trời lặn. Tôi đợi cho con đường vắng hẳn bóng người rồi mới leo lên hàng rào về nhà.

- Nhưng cửa song sắt mở mà. - Phelps nói

- Đúng. Nhưng tôi có những sở thích đặc biệt trong lãnh vực này. Tôi đã chọn cái chỗ có ba cây thông và, nhờ những cành nhánh của ba cây đó che chỗ mà tôi lọt được vào trong mà không một ai trông thấy tôi. Tôi náu mình giữa những bụi cây, rồi bò từ bụi này sang bụi kia... Các bạn cứ coi tình trạng thảm hại của hai đầu gối quần tôi thì đủ ! Sau chót, tôi tới được lùm cây đỗ quyên đối diện với cửa sổ phòng ông Phelps. Tới đó tôi ngồi xổm xuống và chờ đợi.

"Tám mảnh sáo còn chưa được buông xuống ; tôi trông thấy cô Ha-ri ngồi đọc sách bên cạnh bàn. Tới mười giờ mười lăm phút, cô gấp sách lại, cột những cánh cửa lá trập lại và lui ra. Tôi nghe tiếng cô khép cánh cửa và cảm thấy gần như chắc chắn cô đã xoay chìa khoá trong ổ khoá.

- Chìa khoá? - Phelps ngạc nhiên.

- Phải. Tôi đã cho cô Ha-ri những chỉ thị để khoá cửa lại từ bên ngoài và đem theo chìa khoá ấy về phòng ngủ. Cô đã làm theo lời dặn dò của tôi đúng từng ly từng tý, cô đi ra, các

ngọn đèn bị thổi tắt. Đèn rất đẹp trời, nhưng tôi mệt mỏi. Ở Woking, tháp chuông một giáo đường báo từng khắc. Sau chót, vào khoảng hai giờ sáng, bất thình lình tôi nghe thấy một tiếng động nhỏ của một cái then cài bị người ta đẩy ra và tiếng kêu cọt kẹt của một cái chìa khoá. Một lát sau cánh cửa bên dành cho những người cung cấp hàng mở ra và ông Joseph xuất hiện dưới ánh trăng.

- Joseph ! - Phelps kêu lên.

- Ông ta để đầu trần, nhưng trên vai có vắt một cái áo choàng đen. Ông nhón gót đi trong bóng tối, dọc theo bức tường. Khi tới trước cửa sổ, ông lùa một con dao dài xen qua khung cửa sổ và đẩy then móc cửa sổ lên. Thế rồi ông mở thật rộng cánh cửa sổ ra và dùng con dao ông lùa nó qua khe hở giữa những cửa lá trập, nạy cái thanh lên và tách chúng ra.

- Từ chỗ mai phục, tôi nhìn vào trong phòng thật rõ. Anh ta đốt hai cây nến, đặt trên mặt lò sưởi, đoạn anh lật cái góc tấm thảm gần cánh cửa ra vào lên. Liên đó anh cúi xuống và rút ra một miếng ván chặn tường, lấy ra cuộn giấy, đặt một miếng ván chặn tường lại, phủ tấm thảm lại như trước, thổi tắt những ngọn nến và rút vào trong hai cánh tay tôi đang chờ đợi sẵn.

“Mẹ kiếp, hấn ta hung dữ quá lẽ, cầm dao xông thẳng vào tôi. Tôi phải đón ngã hấn xuống đất tới hai lần. Hấn đã làm đứt mạch máu ở ngón tay tôi. Tất cả chuyện đó xảy ra trước khi tôi có thể chế ngự được hấn. Hấn chỉ còn có thể nhìn đời bằng một con mắt thôi, nhưng từ con mắt đó, hấn đã ném cho tôi một tia nhìn giết người... Nói tóm lại, sau cùng hấn chịu giao trả cho tôi tập tài liệu. Khi đã thu hồi lại được bản hiệp ước, tôi để cho hấn đi nhưng sáng nay tôi đã gửi cho Phốt vài chi tiết. Nếu Phốt ọ tay bắt kịp con chim thì anh ta cứ tự xoay xở lấy : nhưng nếu anh ta lại thấy cái tổ đã trống rỗng thì càng hay cho chính phủ. Tôi có cảm tưởng rằng cả huân tước lẫn ông Phelps, chẳng ai muốn đưa nội vụ ra tòa !

- Vậy là trong mấy tuần lễ, giấy tờ bị đánh cắp đã ở trong phòng tôi?

- Đúng vậy !

- Và Joseph là một tên vô lại.

- Hừm ! Tôi được anh ta cho biết anh ta đã thua đậm khi chơi ở thị trường chứng khoán, và anh ta dám làm bất cứ chuyện gì để tạo dựng lại địa vị của mình. Anh ta chẳng cần quan tâm chi tới hạnh phúc của em gái mình và cũng cóc cần đến danh tiếng của ông.

Phelps lún xuống trong ghế bành.

- Những điều ông nói làm tôi choáng váng.

- Tôi bắt đầu nghi ngờ Joseph, vì trong đêm xảy ra vụ trộm, ông đã có ý định trở về cùng với anh ta. Mặt khác, thật là tự nhiên khi anh ta tới rủ ông cùng về, bởi vì anh ta biết đường vào văn phòng ông. Rồi khi được biết có người muốn bẻ khóa cửa sổ để vào phòng ngủ của ông, trong cái phòng mà không một ai (ngoài Joseph) có thể cất giấu một cái gì đó, thì *những nghi ngờ của tôi chuyển thành một sự tin chắc*. Vậy thì kẻ muốn đột nhập phải là kẻ biết rõ những chuyện xảy ra trong nhà.

- Tôi mù quáng biết chừng nào !

- Những sự việc được tóm lại như vậy : Joseph vào trong Bộ ngoại giao qua ngã đường Charles, anh đi thẳng tới văn phòng ông đúng vào lúc ông vừa bỏ ra ngoài. Vì thấy không có ai, anh ta đã giật chuông. Trong lúc gọi chuông, anh ta trông thấy tờ giấy trái trên mặt bàn. Chỉ lướt qua, anh ta thấy ngay là thần may mắn đã mỉm cười với mình. Anh ta vội nhét nó vào túi rồi bỏ đi.

Anh ta trở về Woking bằng chuyến tàu đầu tiên để đem cất giấu vào trong một chỗ mà anh ta cho là nơi cất giấu thật tốt, với ý định đến ngày hôm sau hoặc ngày hôm sau nữa sẽ lấy để đưa ra làm tiền. Nhưng bất thình lình ông lại trở về.

Anh ta không được báo trước, và bị đuổi ra khỏi căn phòng trước đó dành cho anh ta. Và từ đó cho mãi tới ngày hôm qua, lúc nào trong phòng cũng có hai người hiện diện, khiến anh ta không thể lấy lại được kho báu. Cái tình huống đó hẳn đã làm cho anh ta điên lên được ! Anh ta đã thử lấy cắp nó đêm hôm trước, nhưng đã thất bại bởi vì ông đã thức giấc. Ông hãy nhớ lại là buổi tối hôm trước, ông đã không uống thuốc ngủ thông thường.

- Đúng vậy.

- Anh ta đã phải thu xếp để cho thuốc nước phải có công hiệu, và anh ta cả tin rằng ông sẽ không thức dậy. Tôi tin chắc rằng anh ta sẽ làm lại mưu toan đó khi tôi đưa ông về Luân Đôn. Tôi đã yêu cầu cô Ha-ri không rời phòng suốt ngày hôm đó ngõ hầu anh ta không thể ra tay trước chúng ta... Tôi nghi là giấy tờ ở trong phòng, nhưng tôi không chịu tự mình tìm kiếm. Để cho anh ta lấy chúng ra, thì tôi đã mất công biết bao.

- Tại sao anh ta lại muốn vào phòng qua ngã cửa sổ, trong lúc mà anh ta có thể vào bằng cửa chính?

- Muốn tới được cửa ra vào chính, anh ta phải qua trước bẫy căn phòng ngủ. Phần khác, anh ta có thể bỏ chạy trốn qua ngã vườn.

- Anh ta không có ý định giết người sao? Con dao có thể chỉ là một dụng cụ để đào tường khoét gạch thôi ư?

- Có thể lắm. - Holmes nhún vai trả lời.

Công việc sau cùng của Holmes

Khoảng cuối năm 1890 đầu năm 1891, báo chí loan tin Holmes được chính phủ Pháp mời giúp một việc cực kỳ quan trọng. Qua hai lá thư của anh gửi từ Narbonne và Nimes, tôi đoán chắc anh sẽ lưu lại ở Pháp khá lâu. Vì vậy tôi có phần ngạc nhiên khi thấy anh bất ngờ xuất hiện ở phòng tôi vào chiều 24 tháng 4. Anh xanh xao, gầy gò hơn trước.

- “Đúng, tôi đã làm hao kiệt sức lực của mình”. Anh nói để đáp lại cái nhìn của tôi. “Tôi đóng kín cửa sổ lại nhé?”

- Anh lo ngại điều gì phải không?

- Tôi sợ.

- Sợ cái gì?

- Súng hơi.

- Anh muốn nói tới chuyện gì vậy?

- Tôi không phải là kẻ nhát gan. Tuy vậy, coi thường mối nguy hiểm đe dọa bạn mình là ngốc xuẩn, chứ không phải can đảm. Cho tôi bao diêm.

Anh bắt đầu hút thuốc.

- Thứ nhất, tôi cần chuyển viếng thăm này để cáo lỗi anh. Ngoài ra, tôi buộc phải yêu cầu anh cho phép tôi trèo qua bức tường sau của khu vườn nhà anh.

- Nghĩa là thế nào? - Tôi hỏi.

Anh chia bàn tay lại gần ngọn đèn. Tôi nhận ra các khớp xương ở hai ngón tay anh có nhiều vết xước đâm đĩa máu.

- Thế này có thể mất toàn bộ cánh tay như bốn. Mà bà Watson đâu? Có nhà không?

- Không. Nhà tôi đi thăm người quen.

- Nghĩa là chỉ độc mình anh ở nhà?

- Chỉ một mình.

- Nếu vậy tôi sẽ dễ dàng hơn khi có ý mời anh cùng đi ra nước ngoài trong vòng một tuần lễ.

- Tới đâu chú?

- Tới đâu cũng được. Với tôi, đến đâu cũng đều có ý nghĩa hoàn toàn như nhau.

Tất cả chuyện này hiện ra trước tôi như không thể có gì lạ lùng hơn thế. Holmes không có thói quen tiêu xài thời giờ một cách vô ích, và một cái gì đó phảng phất trên khuôn mặt xanh xao của anh như đang nói về sự căng thẳng đến tột độ trong anh. Nhận ra nổi bần khoản trong cái nhìn của tôi. Anh chống khuỷu tay lên gối, khép chặt năm đầu ngón tay lại và bắt đầu giải thích cho tôi hiểu tình hình công việc.

- Anh không nghe thấy gì về giáo sư Mô-ri.

- Không.

- Thật tài tình ! Con người này lường gạt cả Luân Đôn ; vậy mà không một ai nghe biết gì về hắn. Watson, anh hãy tin là nếu tôi chiến thắng được hắn, nếu tôi giúp xã hội thoát khỏi tay hắn thì đây sẽ là đỉnh cao trong sự nghiệp của tôi. Tôi coi nghề nghiệp của tôi đã bắt đầu được kết thúc và tôi đã chuẩn bị chuyển sang những công việc bình yên hơn. Trong hai công việc cuối cùng, tôi đã giúp gia đình quốc vương Scandinavie và nước Pháp. Nhờ vậy tôi đã có đủ những phương tiện để điều hành nếp sống sao cho phù hợp với các thiên hướng của tôi. Thế nhưng, tôi chưa có thể nghỉ ngơi, chưa thể yên tâm, chừng nào con người này còn đi dạo trên các đường phố Luân Đôn.

- Hắn đã làm gì?

- Hẳn xuất thân từ một gia đình tốt và được giáo dục. Trời phú cho hẳn những khả năng toán học phi thường. Năm 21 tuổi, hẳn đã viết một luận án về nhị thức Newton ⁽¹⁾, và nổi tiếng khắp châu Âu. Sau đấy, hẳn nhận giảng dạy môn toán ở một trong những trường đại học tổng hợp khu vực chúng ta, một tương lai xán lạn đang chờ hẳn. Song hẳn có một thiên hướng di truyền hung dữ và bất nhân. Máu của kẻ phạm tội chảy trong dĩ vãng của hẳn. Sự tàn bạo trở thành nguy hiểm hơn do trí tuệ khác thường của hẳn. Tin đồn xấu xa về hẳn đã truyền đến trường đại học. Cuối cùng hẳn phải nghỉ dạy và dời tới Luân Đôn. Ở đây, hẳn bắt đầu huấn luyện cho một số thanh niên thi vào bậc sĩ quan. Đây là những điều người ta nói về hẳn. Còn bây giờ anh sẽ nghe những gì tôi đã tự mình tìm hiểu cận kề về hẳn.

Gần đây tôi bắt đầu cảm thấy là trong thế giới ấy có một lực lượng tồn tại. Lực lượng này hoạt động trái pháp luật, dưới sự che chở của những kẻ cho mượn tên... Nhiều lần trong những trường hợp cướp giết, giết người, tôi đã tìm ra những dấu vết của nó, thậm chí ngay trong các tội ác còn chưa được sáng tỏ mà tôi đã không tiến hành điều tra một cách trực tiếp. Vào những năm trở lại đây, tôi cố gắng chọc thủng bức màn che phủ nó. Và đến nay tôi đã tìm ra khâu cuối cùng của mạng lưới sau hàng nghìn mảnh lối và tôi bắt đầu gỡ nút ra. Khâu cuối cùng và cái nút ấy chính là cựu giáo sư Mô-ri, nguyên là một nhà bác học lừng danh.

Hẳn là Napoléon của thế giới độc ác, Watson ạ ! Hẳn là người tổ chức một nửa tất cả tội ác và gần như toàn bộ tội ác chưa được phanh phui ở thành phố này. Hẳn ngồi bất động như một con nhện trong trung tâm mạng nhện. Nhưng mạng nhện có hàng nghìn mạng lưới và hẳn có thể thú được sự chấn

1. Một công thức đại số.

động của từng mạng lưới trong đó. Chính hẳn lại ít khi hoạt động. Hẳn chỉ thảo ra kế hoạch. Thế nhưng tay chân của hẳn đông đúc. Nếu một ai cần đánh cắp tài liệu, cướp giật hoặc giết người thì chỉ cần báo cho hẳn, tội ác sẽ được chuẩn bị và sau đó sẽ được tiến hành. Trong trường hợp đó, số tiền thu được luôn để bảo lãnh cho các đàn em và để mời kẻ bảo vệ. Có điều, tên chỉ huy chính, thì không bao giờ lộ mặt ra - hẳn ở bên ngoài mọi sự hoài nghi. Tổ chức như thế, hẳn khéo được nguy trang và khéo được bảo vệ đến mức mặc dầu tôi đã cố gắng hết sức, vẫn không có khả năng đưa ra những bằng chứng đủ để kết tội hẳn. Sau ba tháng hoạt động tích cực, tôi buộc lòng phải thú nhận rằng tôi đã đối diện với kẻ thù có tâm cơ. Tôi thán phục tài nghệ của hẳn. Thế nhưng, cuối cùng hẳn bị sơ suất nhỏ, rất nhỏ thôi. Lập tức, tôi lợi dụng ngay sự sơ suất này và bắt đầu kết lưới quanh hẳn. Bây giờ tấm lưới hầu như đã được chuẩn bị xong. Chỉ sau ba ngày nữa, mọi chuyện sẽ được kết thúc. Tên giáo sư cùng những thành viên chính của hẳn sẽ sa vào tay tòa án. Và sau đó, vụ án hình sự lớn nhất thế kỷ sẽ được bắt đầu. Bí mật của hơn bốn mươi tội ác mập mờ sẽ được làm sáng tỏ và những kẻ phạm tội sẽ được trừng phạt? Có điều chỉ cần ta đi một bước thiếu chính xác là chúng sẽ tuột khỏi tay chúng ta.

Tất cả sẽ êm đẹp nếu tôi có thể hành động làm sao cho tên Mô-ri không hay biết gì về điều đó. Nhưng hẳn rất quý quyết. Mỗi phương pháp được tôi thực hiện, để lừa hẳn vào lưới của mình, hẳn đều biết và lập tức dừng lại. Nhiều lần hẳn toan vùng chạy khỏi mạng lưới do tôi giăng ra và mỗi lần như thế tôi lại chặn đường của hẳn. Anh Watson, nếu như sự mô tả chi tiết cuộc đấu tranh thâm lặng này có thể được xuất bản, thì cuốn sách sẽ trở thành một trong những cuốn tuyệt diệu nhất trong lịch sử truyện trinh thám. Chưa bao giờ tôi nâng mình đến độ cao như thế. Cũng chưa bao giờ tôi chật vật bởi hành động của kẻ thù đến thế. Quả đấm của hẳn giáng xuống

rất mạnh nhưng cú đờ của tôi mạnh hơn nữa. Sáng nay, tôi đã thực hiện xong những bước cuối cùng. Tôi cần ba ngày, để hoàn thành công việc. Tôi đang ngồi trong phòng để cân nhắc lại mọi việc thì đột nhiên cánh cửa hé mở. Mô-ri đang đứng trước mặt tôi.

Thần kinh của tôi rất vững, nhưng phải thú thật là tôi không thể không rung mình khi trông thấy hắn. Vẻ ngoài của hắn vẫn như trước đây. Trán hắn trắng, rộng và nhô ra phía trước. Đôi mắt sâu hoắm. Bộ mặt hắn được cạo nhẵn nhụi, xanh xao và khổ hạnh. Vai hắn gù, đầu hắn dướn về phía trước, chậm chạp, lắc lư từ phía này sang phía khác. Đôi mắt sắc nhọn của hắn cắm phập vào tôi.

- "Xương trán ở ông được phát triển không bình thường như tôi chờ đợi". Cuối cùng hắn nói. "Đây là một thói quen nguy hiểm, ông Holmes ạ ! Hãy bỏ súng ra khỏi túi đi".

Thực tình, khi hắn vừa bước vào nhà, tôi đã hiểu ngay mối nguy hiểm lớn lao đang đe dọa mình. Cho nên, tôi mau lẹ chuyển khẩu súng ngắn từ ngăn bàn vào túi quần, và vào lúc đó tôi nắm khẩu súng qua lớp vải. Sau lời khiển trách nhẹ nhàng của hắn, tôi rút khẩu súng ngắn từ túi ra và đặt trước mặt mình. Mô-ri tiếp tục mỉm cười và nheo nheo đôi mắt, song có một cái gì đấy phản chiếu trong đôi mắt hắn buộc tôi chỉ yên tâm khi được ngồi kề bên vũ khí của mình.

- Ông rõ ràng không biết tôi? - Hắn nói.

- Ngược lại, ông đã hiểu rằng tôi biết ông rất rõ. Nếu ông cần nói với tôi một điều gì, thì tôi có thể dành cho ông năm phút.

- Tất cả những gì tôi muốn nói với ông, ông đã đoán được rồi. - Hắn trả lời.

- Trong trường hợp như thế, có lẽ ông đoán được câu trả lời của tôi.

- Ông tin chắc như thế chứ?

Hắn rút tay vào túi quần, tôi lập tức cầm lấy khẩu súng trên bàn. Nhưng vật hắn rút ra chỉ là một cuốn sổ tay ghi nguệch ngoạc những ngày tháng gì đó. Hắn nói :

- Ông án ngữ đường đi của tôi ngày 4 tháng giêng. Ngày 23, ông lại gây lo ngại cho tôi ; giữa tháng hai, ông quấy nhiễu tôi rất nghiêm trọng. Cuối tháng ba, ông phá vỡ hoàn toàn kế hoạch của tôi. Bây giờ, do sự theo dõi không dứt của ông, tôi đã lâm vào tình thế sắp mất tự do. Không thể tiếp tục như thế được !

- Ông có đề nghị gì?

- "Hãy vứt bỏ công việc ấy đi, ông Holmes ạ". Hắn vừa nói vừa lắc đầu.

"Quả thật, hãy vứt bỏ nó đi !"

- Sau ngày thứ hai ! - Tôi trả lời.

- Đủ rồi ! Ông Holmes ! Ông rất khôn ngoan. Rồi cuối cùng thế nào ông cũng lung lộng được tôi. Ông cần rút lui đi. Chính ông đã dẫn dắt công việc đến chỗ không có một kết cục nào khác thế. Tôi đã trải qua nỗi khoan khoái trí tuệ khi theo dõi phương pháp đấu tranh của ông. Hãy tin rằng tôi sẽ đau lòng nếu ông buộc tôi phải dùng đến những biện pháp cực kỳ khắc nghiệt. Ông mỉm cười, thưa ông, nhưng tôi xin cam đoan với ông là tôi nói rất thành thực.

- Sự nguy hiểm là người bạn đường tất yếu của nghề nghiệp tôi.

- "Đây không phải là mối hiểm nguy mà là sự hủy diệt không tránh khỏi". Hắn bác lại. "Không phải ông đã cản bước một người, mà là cản bước một tổ chức khổng lồ. Ông cần rút lui, ông Holmes, hoặc là ông sẽ bị xéo nát".

Tôi đứng dậy và nói :

- Tôi e rằng do câu chuyện thú vị giữa chúng ta, tôi có thể bỏ lỡ một việc quan trọng ở một nơi khác.

Hắn đứng dậy, im lặng nhìn tôi, rồi lắc đầu buồn bã :

- "Thôi được !" cuối cùng hắn nói. "Thật đáng tiếc ! Nhưng tôi đã làm tất cả những gì có thể làm được. Trước ngày thứ hai, ông sẽ bị kiệt sức. Đó là cuộc đọ sức sống mái giữa chúng ta, ông Holmes ạ ! Ông hy vọng đặt tôi vào ghế bị can? Tôi nói để ông rõ, sẽ không bao giờ có chuyện đó đâu. Ông hy vọng chiến thắng tôi? Tôi tuyên bố rằng ông sẽ không khi nào đạt được đâu. Nếu ông đủ khả năng tiêu diệt tôi thì chính ông cũng sẽ bị tiêu diệt".

- Ông tán dương tôi nhiều quá đấy, ông Mô-ri ! Tôi có thể trả lời ông thế nào bây giờ. Và do vậy, tôi sẽ nói : *vi lợi ích của xã hội, tôi sung sướng chấp nhận điều thứ hai, bởi vì tôi tin vào điều thứ nhất.*

- *Tôi không thể hy vọng vào điều đầu tiên, mặc dầu tôi sẵn lòng hy vọng vào điều sau cùng.*

Sau khi đã quay cái lưng gù về phía tôi, hắn ngoái cổ lại, nheo mắt và bước ra.

Cuộc gặp gỡ độc nhất vô nhị của tôi với Mô-ri như thế đấy. Thật lòng mà nói, nó để lại trong tôi một cảm giác thật khó chịu. Hắn anh sẽ nói với tôi : "Tại sao không nhờ cậy tới cảnh sát?" - Bởi lẽ quả đấm sẽ không do hắn mà do bọn tay chân của hắn thực hiện.

- Cuộc tiến công vào anh đã được xúc tiến rồi chăng ?

- Mô-ri không thuộc trong số những người ưa cất công việc vào tủ kính để lâu ngày đâu. Sau khi hắn đi khỏi, khoảng gần mười hai giờ, tôi có việc cần đi đến đường Oxford. Lúc đi qua ngã tư đường Bentinck và đường Wellbeck, tôi nhận ra một chiếc song mã có mui lao thẳng vào tôi với một tốc độ kinh khủng. Tôi lập tức tránh nhanh vào hè phố. Chỉ một tíc tắc thôi là tôi đã bị nghiền chết rồi. Chiếc xe rẽ vào góc phố và nhanh chóng biến mất. Khi đến đường Vere, đột nhiên có một viên gạch từ mái một ngôi nhà rớt xuống, tan thành những mảnh nhỏ cạnh chân tôi. Tôi đi gọi cảnh sát, đồng thời xem xét kỹ lưỡng nơi xảy ra sự cố. Những viên gạch và phiến

ngồi nằm trên mái nhà chuẩn bị tu sửa. Người ta muốn tôi tin là viên gạch đã rớt xuống do gió thổi. Tôi nhảy lên xe có mui và đi đến nhà em tôi. Cả ngày tôi ở lại đấy. Và từ đó tôi đến thẳng chỗ anh... Trên đường đi, một thằng vô lại nào đấy đã tấn công tôi bằng dùi cui. Tôi đánh hấn khuyu ngã và cảnh sát đã bắt hấn. Nhưng tôi dám nói với anh là sẽ không ai phát hiện ra mối liên hệ giữa tên lưu manh bị tôi đánh gãy tay với nhà toán học hiện đang giải những bài toán cách đây mười dặm đường. Bây giờ chắc anh đoán được tại sao khi đến chỗ anh, trước tiên tôi phải cài then cửa lại, rồi sau đó sẽ đi về bằng ngã sau.

... - Vậy hôm nay anh nên nghỉ tại đây.

- Không, tôi đang là một người khách nguy hiểm. Nhưng mọi chuyện sẽ được kết thúc tốt đẹp thôi ! Bây giờ công việc đã bước sang giai đoạn mà sự bắt giữ hấn có thể được tiến hành không cần sự có mặt của tôi nữa. Như vậy, tốt hơn cả là tôi nên rời khỏi Luân Đôn. Tôi sẽ rất vui nếu anh đi cùng tôi.

- Hiện giờ tôi không có nhiều bệnh nhân. Mà người đồng nghiệp sống ở cạnh đây chắc sẵn sàng đồng ý thay thế tôi. Vậy tôi cùng đi với anh.

- Ngay sáng mai được không?

- Được.

- Tốt quá, bây giờ hãy nghe đây ! Anh đừng đưa hành lý đến ga quy định mà cần nhờ một người tin cậy chuyển đến sân ga Victoria. Buổi sáng, anh phái gia nhân đi mời xe có mui, nhưng nói người ấy đừng mời cỗ xe thứ nhất và thứ hai. Anh ngồi vào xe, khởi đi từ Strand. Trong khi đó, anh đưa địa chỉ cho người xà ịch và dặn ông ta trong bất kỳ trường hợp nào cũng đừng quảng địa chỉ đi. Anh nhớ trả tiền cho người xà ịch sớm hơn. Đúng lúc xe dừng lại, anh mau chóng lách tới hành lang bán hàng với tính toán sao cho anh sẽ ở vào ngã khác của nó vừa đúng 4 giờ 15 phút. Ở đó, ngay cạnh lề đường,

anh sẽ trông thấy chiếc xe ngựa không lớn lắm. Điều khiển xe là một người vận áo khoác màu đen cổ viền đỏ. Anh sẽ ngồi vào chiếc xe ngựa này, đi đến nhà ga vừa đúng lúc con tàu tốc hành xuất phát ra nước ngoài.

- Tôi cần gặp anh ở đâu?

- Trên sân ga. Người ta sẽ dành cho chúng ta phòng thứ hai của vé hạng nhất.

- Tức là chúng ta sẽ gặp nhau trong toa tàu?

- Đúng vậy !

Sau khi chỉ dẫn đôi điều theo kế hoạch vào ngày hôm sau, Holmes đứng dậy, ra vườn cùng với tôi. Thế rồi anh luôn qua bức tường chạy thẳng tới đường Mortimer, dùng còi gọi xe. Tôi nghe rõ tiếng bánh xe lạch cạch xa dần.

Sáng hôm sau, ngay sau bữa điểm tâm, tôi đi đến điểm hẹn. Tôi nhận ra cỗ xe ngựa đang chờ. Lập tức tôi ngồi vào xe. Xà ích quát ngựa mau chóng đưa tôi đến nhà ga Victoria. Tôi vừa bước xuống xe, ông ta đã quay xe lại, lao nhanh như trước, không ngoảnh lại nhìn về phía tôi.

Hành lý của tôi đang chờ trong nhà ga. Tôi dễ dàng tìm ra cu-pê mà Holmes chỉ dẫn, mặc dầu đó là cu-pê duy nhất có dòng chữ "bạn". Nhưng Holmes vẫn chưa có mặt. Tôi nhìn lên đồng hồ nhà ga : chỉ còn 7 phút nữa là tàu khởi hành. Tôi hốt hải tìm kiếm bóng dáng xương xương trong đám đông hành khách và người đưa tiễn. Vô ích. Tôi mất vài phút vì phải giúp một vị linh mục người Ý khi ông cố gắng giải thích cho người phu khuân vác hiểu rằng hành lý của ông cần chuyển đến Paris. Sau đó, tôi đi vòng quanh sân ga, rồi quay trở lại cu-pê của mình. Tôi chợt gặp lại cụ già người Ý trong cu-pê. Hóa ra, mặc dầu ông không có vé trong cu-pê này, phu khuân vác vẫn mời ông ta vào ngồi chỗ tôi. Việc giải thích cho người bạn đường này hiểu rằng sự đột nhập của ông đã khiến cho tôi khó chịu quả vô ích. Ông ta sử dụng tiếng Ý còn kém hơn cả tiếng Anh. Cho nên tôi chỉ nhún vai và tiếp tục nhìn ra

ngoài cửa sổ, chờ đợi bạn tôi. Nỗi khiếp sợ bắt đầu xâm chiếm lấy tôi. Sự vắng mặt đột ngột của anh chứng tỏ là đã có một nỗi bất hạnh nào đấy ! Tất cả cửa ra vào đã được đóng lại, tiếng còi tàu đã văng vẳng vang lên. Đột nhiên...

- Anh không chào tôi sao? - Giọng nói của một ai đó vang lên bên cạnh tôi.

Tôi ngoảnh lại, sửng sốt. Vị linh mục luống tuổi, giờ đã đứng ngay trước mặt tôi. Trong giây lát, những nếp nhăn biến mất, mũi dịch xuống cằm, môi dưới thôi động dẫy về phía trước. Mồm ông nói phều phào, đôi mắt ông lơ lơ ánh lên tia lửa như trước, nhưng cái lưng còng còng thì giờ uốn thẳng trở lại. Tất cả những điều đó diễn ra trong khoảnh khắc. Thế rồi Holmes lại biến nhanh như anh vừa xuất hiện.

- Anh làm tôi hoảng hồn. - Tôi kêu lên.

- "Phải thận trọng đến mức tối đa". Anh thăm thì. "Bọn nó đang lẩn theo dấu vết của chúng ta. Mà là chính Mô-ri đấy !"

Con tàu lắc lư đồng thời với những lời nói ấy của Holmes. Ngoái đầu nhìn lại phía sau, tôi trông thấy một người cao cao đang dữ tợn xô đẩy đám đông vây quanh như muốn chặn con tàu lại. Tuy nhiên, muộn mất rồi. Tốc độ của con tàu đã tăng lên, sân ga lùi lại rất nhanh về phía sau. - Holmes cười nói :

- Đó, anh thấy chưa? Nhờ đề phòng từ trước, chúng ta đã thoát khỏi.

Anh đứng lên, cởi áo choàng đen và mũ cất đi vào xác du lịch :

- Anh đã đọc báo buổi sáng chưa?

- Chưa.

- Nghĩa là anh chưa biết về những gì xảy ra ở đường Baker.

- Ở đường Baker?

- Đêm qua, bọn họ đột nhập vào căn hộ của chúng ta, nhưng không gây thiệt hại đáng kể.

- Vậy à? Điều đó thật không chịu nổi !

- Sau khi tên điệp viên với chiếc dù cui bị bắt, chúng hoàn toàn mất dấu vết của tôi. Nói cách khác, chúng không thể tưởng tượng nổi là tôi lại trở về nhà. Nhưng sau đó, chúng bắt đầu theo dõi anh. Chính điều này đã đẩy Mô-ri đến nhà ga Victoria. Anh đã không sơ sót điều gì trên đường tới nhà ga chứ?

- Tôi thực hiện chính xác mọi điều chỉ dẫn của anh.

- Anh nhận ra cỗ xe ngựa ở chỗ nào?

- Nó chờ tôi.

- Anh có biết người đánh xe ngựa không?

- Không.

- Đây là anh Mycroft. Trong những công việc như thế, tốt hơn cả là đừng bộc bạch những điều bí mật của mình cho người làm thuê. Thế đấy ! Còn bây giờ, chúng ta cần nghĩ xem nên đối phó như thế nào với Mô-ri...

- Chúng ta đi bằng tàu tốc hành mà tàu thủy ở đây lại rời bến sau khi chúng ta đã đến nơi, cho nên hẳn không có khả năng đuổi kịp chúng ta được.

- Anh Watson ! Nếu tôi ở vào địa vị của hấn, một vật cản bé xíu như thế há có thể ngăn trở được tôi hay sao? Còn nếu không phải như thế thì vì lẽ gì anh lại đánh giá thấp hấn.

- Nhưng, hấn có thể làm được gì?

- Làm được.

- Hấn sẽ làm như thế nào?

- Thuê hấn một con tàu tốc hành và rượt theo.

- Nhưng, tàu hấn sẽ đến muộn.

- Không. Chuyến tàu của chúng ta sẽ dừng ở Canterbury. Và ở đó, nó luôn luôn chờ tàu thủy ít ra cũng phải 15 phút. Thế là ở tại một nơi nào đấy, hấn sẽ đuổi kịp chúng ta.

- Tại sao người ta không ra lệnh bắt hấn đúng lúc hấn đến !

- Điều này sẽ vỡ những thành quả của ba tháng trời rông rã. Chúng ta chụp con cá lớn, còn đàn cá con thì rời khỏi lưới, bơi đến những hướng khác nhau. Tới thứ hai này, tất cả bọn chúng sẽ sa vào tay chúng ta. Bây giờ mà bắt hẵn là một sai lầm không thể dung thứ được.

- Vậy ta cần làm gì?

- Chúng ta cần xuống tại Canterbury.

- Rồi sau đó?

- Sau đó, chúng ta phải qua Newhaven, và từ đây đến Dieppe. Mô-ri sẽ lại làm cái mà tôi đã làm : *Hắn sẽ đến Paris, để mất tôi cái va-li của chúng ta và sẽ chờ đợi chúng ta ở phòng bảo quản hành lý chừng hai ngày.* Trong khi đó, chúng ta sẽ mua hai bao thám dùng để đựng hành lý, rồi bình tĩnh qua Luxembourg và Bale rồi đến Thụy Sĩ.

Tôi là người đi đường rất từng trải, bởi thế tôi không buồn phiền vì mất hành lý. Tuy vậy, phải thú nhận là tôi không được thoải mái với ý nghĩ cho rằng chúng tôi phải tránh né, phải lẩn trốn kẻ phạm tội. Nhưng cố nhiên, Holmes hiểu tình thế của sự việc rõ hơn tôi. Cho nên, chúng tôi xuống Canterbury. Tại đây, chúng tôi biết chuyến tàu đi Newhaven sẽ khởi hành trong vòng một giờ đồng hồ nữa.

Tôi buồn rầu nhìn toa hành lý mang theo tất cả quần áo của tôi đang mất hút ở phía xa. Ngay lúc đó Holmes nắm lấy vật áo tôi, chỉ tay về phía những con đường sắt ở xa xa.

- Trông kia, nhanh quá.

Ở đằng kia, một luồng khói trắng đang bay bay giữa cánh rừng Kent. Một phút sau, trên đường ray dẫn đến sân ga, một chuyến tàu khác gồm đầu máy và một toa xe xuất hiện. Chúng tôi vừa kịp ẩn mình vào những kiện hàng gì đấy thì con tàu với những tiếng kêu đinh tai nhức óc đã lao vút qua nhà những luồng hơi nóng vào mặt chúng tôi.

- “Qua rồi !”. Holmes nói và đưa mắt nhìn theo toa tàu đang lao đi và khê lắc lư trên đường ray. “Anh thấy đấy, sự sắc sảo của người bạn chúng ta dù sao cũng có giới hạn”.

- Hẳn sẽ làm gì nếu đuổi kịp chúng ta?

- Hẳn sẽ giết tôi. Mà tôi thì không ngồi chờ hắn hạ tay xuống. Bây giờ tất cả vấn đề là ở chỗ chúng ta ăn sáng tại đây hay nhịn đói đến Newhaven.

Đêm hôm ấy, chúng tôi đến Bruxells và ở đó hai ngày. Sang ngày thứ ba, chúng tôi đến Strasbourg.

Vào sáng ngày thứ hai, Holmes chuyển một bức điện cho Sở cảnh sát Luân Đôn. Và buổi chiều, lúc chúng tôi đang đi đến một khách sạn thì nhận được điện trả lời. Holmes mở bức điện ra, và sau lời nguyên rủa, anh ném nó vào lò sưởi.

- "Tôi đã thấy trước điều này mà !" Anh rên rỉ. "Đã chạy thoát ! Họ đã bắt được cả lũ, trừ hắn. Một mình hắn chuồn mất ! Tất nhiên thôi, tôi đi rồi, họ không thắng nổi hắn ! Mặc dầu tôi tin rằng chúng sẽ sa vào lưới tất cả. Thôi, Watson, anh hãy mau chóng quay trở về nước Anh.

- Tại sao như vậy?

- Con người ấy đã mất tất cả. Nếu như quay về Anh, hắn sẽ chết. Giờ đây hắn sẽ dồn toàn bộ sức lực của mình vào việc báo thù tôi. Hắn đã nói rõ như vậy vào lúc chia tay với tôi. Đấy không phải là lời đe dọa suông. Đúng vậy, anh hãy quay về Luân Đôn, với các bệnh nhân của anh.

Thế nhưng, tôi - một người lính từng trải, một người bạn từng gắn bó với Holmes, tất nhiên tôi không thể rời bỏ anh vào giờ phút như vậy. Đêm hôm ấy, chúng tôi tiếp tục đi đến Genève.

Suốt cả tuần, chúng tôi thích thú lượn quanh thung lũng Rhône. Rồi sau khi đi qua Lenk, chúng tôi tiếp tục vượt qua một cái đèo phủ đầy tuyết sâu, qua Interlaken, đến thị trấn Meiringen. Đó là một cuộc dạo chơi tuyệt trần. Ngay trước mắt chúng tôi, màu xanh dịu dàng ở phía dưới, màu tuyết trắng ở phía trên. Thế nhưng, không giây phút nào Holmes quên được mối đe dọa đang treo trên đầu anh. Trong những

xóm leo núi đầy đủ tiện nghi, trên những con đường núi quanh hiu ở bất cứ đâu, qua cái nhìn nhanh, cái nhìn thăm dò bộ mặt của từng người khách trên đường, tôi nhận ra anh cả quyết tin vào mối nguy hiểm đang theo chúng tôi.

Tôi nhớ một trường hợp như thế này ! Chúng tôi đã đi qua Gemmi và đang đi trên bờ sông Daubensse, đột nhiên một tảng đá lớn nhô ra từ vách đá ở phía phải đổ sụp xuống. Nó lao xuống dưới, đánh àm một cái, rồi chìm ngấm dưới lòng hồ phía sau chúng tôi. Holmes nhảy phóc lên một chỗ cao và ngoái cổ lại xem xét khắp mọi hướng. Người dẫn đường cam đoan với Holmes rằng, vào mùa xuân sự sụt lở của các tảng đá là hiện tượng thường thấy nhất ở miền này. Holmes không nói gì, chỉ cười cười với tôi. Thật là căng thẳng, vậy mà anh không hề đắm mình trong sầu não.

Anh thường nói rằng, nếu xã hội được thoát khỏi bàn tay tàn ác của Mô-ri thì anh sẽ lấy làm sung sướng mà ngưng mọi hoạt động của mình lại. Anh nói.

- Watson ạ ! Cuộc đời của tôi đã trôi đi không hoàn toàn vô ích ; và nếu đường đời của tôi đột nhiên chấm dứt ngày hôm nay thì tôi cũng có thể ngoảnh lại nó với một nỗi sáng khoái trong tâm hồn. Nhờ tôi mà bầu không khí của Luân Đôn trở nên trong sạch hơn. Quả thật, vào thời gian gần đây, việc nghiên cứu những bí ẩn của thiên nhiên đã cuốn hút tôi hơn. Vào ngày tôi kết thúc thành công con đường công danh của mình bằng việc tóm được tên tội phạm nguy hiểm nhất châu Âu, thì tập hồi ký của anh sẽ chấm hết.

Vào ngày 3 tháng 5, chúng tôi đã đến thị trấn Meiringen và dừng chân tại "Khách sạn Anh quốc". Chủ khách sạn nói tiếng Anh rất sôi. Suốt buổi chiều ngày 4 tháng 5, nghe theo những lời khuyên của ông, chúng tôi cùng đi lên núi, định tâm sẽ nghỉ đêm tại làng Rosenlauri. Chủ khách sạn giới thiệu một cách đặc biệt để chúng tôi đi xem thác Reichenbach. Thác nằm hơi chệch về một bên, chiếm hầu như một nửa dốc. Đó

là một nơi thật khủng khiếp. Dòng nước phụt lên giữa những tảng băng tan từ trên núi đổ xuống vực thẳm. Bọt nước tựa như khói bay ra từ tòa nhà đang bốc cháy. Bao quanh hẻm vực nơi dòng thác đổ xuống là những tảng đá đen nhánh như than. Ở phía dưới, hẻm vực bị hẹp hẳn lại, biến thành một cái giếng nước sôi, luôn sủi bọt. Tại đó, nước lúc nào cũng đầy tràn, nó hắt trở lại những đỉnh núi hình răng cưa hiểm trở. Nước không ngừng đổ xuống phía dưới với tiếng ào ào liên tục ; bức màn dày đặc của bụi nước bay ngược lên trong những cơn gió núi không bao giờ dứt. Đứng bên rìa nhìn xuống vực sâu, nơi mặt nước lóng lánh vỗ vào những tảng đá đen thẫm thẫm, chúng tôi lắng nghe tiếng ào ào bí ẩn vọng lại từ phía dưới gợi nhớ tiếng rì rào xa xăm của đám người đông đúc.

Con đường nhỏ đưa chúng tôi lên cao, được xây thành nửa vành bán nguyệt nhằm giúp du khách có thể nhìn rõ dòng thác hơn. Thế nhưng, con đường được chấm dứt bởi vách cứng, do vậy người đi đường phải quay lại, sắp sửa bước đi thì bất ngờ trông thấy chú bé gác cửa đang chạy đến gặp chúng tôi với một lá thư trong tay. Trên phong bì có dấu đóng của khách sạn nơi chúng tôi đang nghỉ lại. Té ra đó là bức thư của chủ khách sạn gửi cho tôi. Ông ta viết rằng, đúng vài phút sau khi chúng tôi đi khỏi, một người đàn bà Anh đang bước vào giai đoạn cuối của bệnh ho lao đã đến khách sạn. Bà ta ở Davos suốt mùa đông. Còn hiện tại bà đi đến những người bạn tại Lucerne, nhưng trên đường đi, máu đột nhiên trào ra ở miệng. Rõ ràng bà đang trong cơn hấp hối. Tuy nhiên, bà mong mỗi được gặp một bác sĩ người Anh và nếu như tôi đến... vân vân và vân vân. Trong phần tái bút, ông chủ khách sạn Steiler còn viết thêm rằng chính ông cũng sẽ rất cảm ơn tôi nếu tôi đồng ý trở về ngay khách sạn, và người đàn bà khẳng khái chối từ sự giúp đỡ của bác sĩ gác cổng.

Tôi không thể chối từ lời yêu cầu của người bệnh. Nhưng tôi sợ để Holmes ở lại một mình. Sau cùng chúng tôi quyết

định để chú bé ở với Holmes, còn tôi sẽ quay lại Meiringen. Bạn tôi có ý định dừng lại cạnh thác nước một lát nữa, và sau đó sẽ vượt qua quả đồi tới Rosenlauri, nơi chiều tối anh và tôi cần sát nhập với nhau. Đi được một lúc, tôi ngoảnh đầu nhìn lại. Holmes đang đứng tựa vào một tảng đá, và sau khi lấy tay che mắt, anh nhìn xuống đáy của dòng nước đang chảy xiết. *Lúc đó tôi không hay biết rằng tôi sẽ vĩnh viễn không còn dịp gặp lại người bạn của tôi nữa.*

Xuống phía dưới rồi, tôi còn ngoảnh lại một lần nữa. Từ đây không còn trông thấy thác nước được, nhưng tôi đưa mắt theo con đường uốn lượn quanh sườn núi dẫn tới đó. Một ai đấy đang bước nhanh theo con đường này. Bóng đen của người ấy nổi rõ trên nền xanh sáng. Tôi không để ý đến anh ta, cũng không để ý đến tốc độ khác thường của anh ta. Rất vội đến với bệnh nhân, tôi nhanh chóng quên con người ấy đi.

Chừng một giờ sau, tôi tới khách sạn ở Meiringen. Ông già Steiler đang đứng trước ngưỡng cửa.

- "Thế nào !" Tôi vừa chạy đến gần ông vừa hỏi. "Tôi hy vọng bệnh tình của bà ta không xấu đi chứ?"

Trên mặt ông lộ rõ vẻ ngạc nhiên, đôi lông mày ông nhíu lại. Trái tim tôi như vỡ tung ra.

- "Nghĩa là ông không biết cái này?" Tôi rút lá thư ra và hỏi. "Không có nữ bệnh nhân người Anh nào ở khách sạn sao?"

- "Ồ, tất nhiên không !" Ông ta kêu lên. "Nhưng sao thế này? Lại có dấu của khách sạn tôi trên phong bì? ... À, tôi hiểu rồi ! Có thể lá thư của người Anh cao cao đến đây ngay sau khi các ông vừa đi, ông ta nói rằng...". Nỗi hoảng sợ chiếm khắp người tôi. Tôi vụt chạy ra phố vắng, đến con đường núi mà tôi vừa đi xuống.

Lúc xuống chỉ mất một giờ. Vậy mà để lên được thác nước, tôi phải dùng tới hai giờ, mặc dầu tôi đã chạy với tất cả sức lực của mình. *Cây gậy dài của Holmes vẫn còn dựng*

bên cạnh tảng đá, nơi tôi đã để anh ở lại. Nhưng không thấy Holmes. Tôi đã hoạt công để gọi anh. Câu trả lời duy nhất là tiếng dội âm vang nhắc lại giọng tôi từ những vách đá thẳng đứng bao quanh.

Nhìn cây gậy mà lòng tôi lạnh toát. Như thế có nghĩa là kẻ thù đã đuổi kịp anh ngay tại đây. Người gác cửa trẻ tuổi cũng biến mất. Rõ ràng anh ta bị Mô-ri mua chuộc để mặc cho những kẻ thù - địch mặt đối mặt với nhau. Và điều gì đã xảy ra sau đó?

Ráng trán tỉnh lại, tôi ngồi bất động đến hai phút, người tê liệt vì lo sợ. Sau đấy, tôi nhớ lại phương pháp của Holmes, và toan vận dụng nó để giải thích bi kịch vừa xảy ra. Than ôi ! Việc này quả thật khó khăn ! Vào thời gian trò chuyện của chúng tôi, tôi và Holmes chưa đi tới đoạn cuối của con đường mòn. Chính cây gậy đã chỉ chỗ chúng tôi dừng lại. Dưới những bụi nước thường xuyên, đất ở đây không bao giờ khô cả. Chỉ có loài chim mới lưu lại dấu vết của mình trên đất. Có hai bàn chân in rõ ở phần cuối con đường lùi xa dần từ phía tôi. Không thấy những dấu vết chân ngược trở lại. Cách đoạn cuối của con đường chừng vài bước, đất bị xéo nát và bị đào bởi lung tung. Vài giống cây mọc cạnh vách đá bị bật ra và bị vấy bẩn. Tôi đưa mắt nhìn về phía trước và bắt đầu quan sát dòng nước đang chảy xiết. Trời đã chạng vạng tối. Bấy giờ, tôi chỉ có thể nhìn thấy những bức tường bằng đá ánh lên vì ẩm ướt. Ở một nơi nào đó xa xa dưới sâu kia là những tia sáng lóng lánh của bụi nước. Tôi gào lên, nhưng chỉ có tiếng ào ào của thác nước tựa như giọng người vọng đến tai tôi.

Tuy nhiên, số phận muốn để lời từ biệt cuối cùng của người bạn tôi, phải đến được với tôi. Như tôi đã nói, cây gậy của Holmes tựa tay vào vách đá không cao lắm. Và đột nhiên một cái gì đó sáng loé lên ở chỗ vách đá nhô ra lơ lửng trên đường. Tôi đưa tay lên che mắt và nhận ra chiếc tẩu thuốc lá bằng bạc mà bạn tôi luôn luôn mang theo người. Tôi cầm lấy

nó thì một vài tờ giấy nhỏ nằm dưới tẩu thuốc vãi ra, rơi xuống đất. Tôi nhặt chúng lên. Đó là ba tờ giấy gửi cho tôi được xé ra từ sổ tay. Đặc biệt, địa chỉ được viết rõ ràng bằng nét chữ tự tin và gãy gọn tựa như Holmes ngồi viết trong phòng làm việc của mình.

"Anh Watson thân mến ! Tôi viết cho anh những dòng chữ này nhờ sự gia ơn của ông Mô-ri, người đang chờ tôi để giải quyết dứt khoát vấn đề có quan hệ tới hai chúng tôi. Ông đã kể cho tôi nghe bằng cách nào ông thoát khỏi cảnh sát Anh và biết được lộ trình của chúng ta. Thật đúng là một người có khả năng hiếm có. Tôi hài lòng khi nghĩ rằng, tôi có thể giúp xã hội thoát khỏi những điều không hay do người đó gây ra. Thế nhưng, điều này sẽ đạt được bằng một giá khiến anh đau buồn. Anh Watson thân mến, tôi đã từng nói với anh rằng, đường đời của tôi đã đạt đến đỉnh cao nhất, và tôi không thể mong mỗi một sự kết thúc nào tốt hơn. Hãy báo cho thanh tra Paterson biết các tài liệu cần thiết cho sự tố giác bọn họ nằm trên bàn của tôi, trong ngăn kéo có chữ M. Phong bì màu xanh với dòng chữ "Mô-ri". Trước khi rời khỏi nước Anh, tôi đã viết tất cả các di chúc cần thiết về tài sản của tôi, và tôi để chúng ở chỗ người anh tôi, Mycroft. Xin anh chuyển lời chào thân tình tới bà Watson.

Người bạn hết lòng trung thành với anh

Sherlock Holmes"

Có thể kể đôi lời để đi đến kết thúc như thế này. Việc xem xét nơi xảy ra biến cố do các giám định viên thực hiện đã khẳng định dứt khoát rằng, cuộc giao chiến giữa hai kẻ thù không đội trời chung đã được kết thúc.

Cho đến phút chót, cả hai vẫn không chịu rời nhau ra, và cả hai cùng rơi xuống vực. Những mong muốn tìm thấy các tử thi ngay lập tức đã được thừa nhận là vô hy vọng. Và tại đây, dưới lòng sâu của cái vạc nước sôi réo khủng khiếp này,

vinh viễn nằm lại xác chết của kẻ thù nguy hiểm nhất và thi thể của người chiến sĩ tài ba nhất, người đã đấu tranh không mệt mỏi cho công lý ở thời đại mình. Chú bé canh cổng cũng không tìm thấy. Tất nhiên đó cũng là một trong những tay sai nhiều vô kể nằm trong guồng máy của Mô-ri. Còn chính đồng bọn của chúng ra sao ? Có lẽ tại Luân Đôn, bọn chúng đã bị bắt bởi những bằng chứng đầy đủ mà Holmes đã thu thập được. Nhờ những bằng chứng này, toàn bộ tổ chức của chúng đã bị vạch trần.

Ngôi nhà trống không

Sau khi Holmes biến mất, tôi bắt đầu chú ý đọc các bản phúc trình về những tội ác chưa được phanh phui trên báo chí. Rồi để thỏa mãn ước muốn riêng của mình, tôi toan khám phá chúng bằng cách áp dụng các phương pháp mà Holmes đã sử dụng.

Trong số các tội ác kể trên, không một tội ác nào làm tôi lo ngại như cái chết bi thảm của A-đê. Các tư liệu điều tra chỉ được xác minh như thế này : *"Vụ giết người là có chủ tâm và được tiến hành bởi một người hoặc một vài người không quen biết"*. Sau khi đọc xong, tôi thấy rằng xã hội chúng ta sẽ tổn thất nặng nề khi thiếu vắng Sherlock Holmes.

Suốt ngày trong khi đi thăm hỏi bệnh nhân, ý nghĩ của tôi thường xuyên trở về vụ án A-đê.

A-đê là con trai thứ hai của công tước Ma-nu, viên toàn quyền của chúng ta ở châu Úc. Mẹ của A-đê từ châu Úc trở về quê hương để mở mắt, bà sống cùng với A-đê và cô Hin-đa tại số nhà 4271 công viên Lane. Chàng trai giao du trong giới thượng lưu và không hề có một kẻ thù, cũng như không hề có một tật xấu gì đặc biệt. Một thời gian, anh ta có đính hôn với cô Ê-đi ở Carstairs. Có điều vài tháng trước khi xảy ra biến cố, họ đoạn tuyệt với nhau và chẳng ai đau khổ cả. Nhìn chung, cuộc sống của chàng trai êm đềm trôi đi trong phạm vi của gia đình và của giới thượng lưu. Ấy thế mà một cái chết bất ngờ nhất, khủng khiếp nhất đã đổ xuống đầu chàng. Tai nạn xảy ra trong khoảng 11 giờ 10 đến 11 giờ 20 tối ngày 30 tháng 3 năm 1891.

A-dê là một tay đam mê cờ bạc, thành viên của hội cờ Baldwin, Cavendish và Bagatelle. Vào ngày kết thúc cuộc đời mình, sau bữa ăn trưa, A-dê đã đánh cờ rất lâu trong hội Bagatelle. Anh chơi ở đó cho tới giờ ăn trưa. Những người cùng chơi với anh là : Ông Mu-ra, ngài Ha-đi, và đại tá Mô-ran. Họ giải thích rằng họ đã thắng nhỏ. A-dê nếu thua thì cũng chỉ thua chừng năm bảng Anh, chớ không nhiều hơn. Gia tài của A-dê rất lớn, việc thua thiệt như vậy không có gì khiến anh buồn lòng cả.

Vào buổi tối bất hạnh ấy, anh từ hội cờ trở về nhà đúng 10 giờ. Mẹ và em gái không có ở nhà. Nữ hầu phòng quả quyết rằng cô ta thấy A-dê bước vào phòng anh ở lầu hai, vốn dùng để làm phòng khách, nó có các cửa sổ quay ra ngoài đường. Trước khi vị bá tước trẻ tuổi trở về, cô ta có đốt sẵn lò sưởi tại đó. Vì lò sưởi bốc khói nên cô phải mở cửa sổ ra. Không hề có một âm thanh nào vọng ra từ căn phòng trước 11 giờ 20 phút, tức là lúc bà Ma-nu và con gái trở về nhà. Bà Ma-nu muốn rẽ vào chỗ con trai, chúc con ngủ ngon, thế nhưng cánh cửa phòng thì đã bị khoá lại từ phía trong và mặc dầu bà đập cửa, la hét, vẫn không có một ai đáp lại. Lúc đó, bà báo động và người ta bắt buộc phải phá cửa ra. Chàng trai nằm trên nền nhà, cạnh chiếc bàn : đầu bị một viên đạn súng lục xuyên qua. Tuy nhiên, không có một vũ khí nào còn lưu lại trong phòng. Trên bàn có hai phiếu tín dụng trị giá 10 bảng Anh, và 17 bảng, 10 shilling tiền mặt. Những đồng tiền này được nhét vào cái ống nhỏ có những kích thước khác nhau. Cạnh chúng có một mảnh giấy được ghi những con số tính toán, và một tờ giấy ghi tên một vài người bạn trong hội cờ bạc. Từ đó có thể kết luận rằng ngay trước lúc chết, chàng trai đã kiểm kê lại số tiền thua và thắng trong các canh bạc của mình.

Sau khi xem xét kỹ mọi chi tiết, vụ án vẫn còn là một dấu hỏi. Trước hết, vẫn chưa biết chàng trai khoá cửa từ bên trong để làm gì. Thật ra kẻ giết người có thể khoá cửa lại rồi

sau đó nhảy qua cửa sổ, nhưng cửa sổ cách mặt đất trên sáu mét và ở phía dưới có một hàng cây đang trở hoa. Cửa sổ lại hoàn toàn không bị đụng đến, cũng không có một cánh hoa nào bị đổ nát ; cũng không hề có dấu vết nào lưu lại trên vạt cỏ ngăn cách ngôi nhà với con đường. Điều đó cho thấy *chính A-dê đã khóa cửa lại*. Vậy thì, cái chết đến với anh ta bằng cách nào? Nếu giả thiết rằng kẻ sát nhân đã bắn qua cửa sổ thì rõ ràng đây phải là một tay súng cừ khôi. Bởi vì giết chết một người bằng một viên đạn súng lục trong điều kiện như thế thật là khó khăn. Ngoài ra, công viên Lane là một nơi đông người và ngôi nhà lại cách xa bến xe có bụi. Thế nhưng không một ai nghe thấy tiếng súng. Tuy nhiên viên đạn súng lục xuyên qua đầu (suy luận qua đặc điểm của vết thương) là nguyên do của cái chết chớp nhoáng này.

Suốt cả ngày, tôi sắp xếp lại tất cả những sự kiện ấy trong đầu, toan vận dụng một lý thuyết nào đó khả dĩ tìm ra "*điểm bất hợp lý nhỏ nhất*" cái mà Holmes coi là điểm khởi đầu cho bất kỳ cuộc điều tra nào. Buổi chiều, tôi đi dạo quanh công viên. Tại đây, trên vỉa hè tụ họp một đám đông kẻ vô công rồi nghề đang cùng nhìn lên một ô cửa sổ. Một người cao ngổng trong cặp kính râm (theo tôi đây hẳn là một thám tử hóa trang) đang dựa vào điều xảy ra để khuyếch trương một giả thiết nào đó. Những người còn lại thì vây chặt lấy ông ta, lắng nghe. Tôi len vào gần hơn, nhưng những lý luận của ông ta ngô nghê tới mức tôi cố len ra khỏi đấy. Giữa lúc ấy, tôi vô tình đụng phải một cụ già lưng còng, khiến ông ta đánh rơi một vài cuốn sách cặp ở dưới nách. Khi giúp ông nhặt chúng lên, tôi để ý đến đầu đề một cuốn sách : "*Căn nguyên của sự thờ cúng ở thôn quê*".

Tôi nói lời xin lỗi, song ông ta nổi giận, cầu nhau một câu gì đó, lùi trở lại và một lát sau cái lưng gù và bộ râu quai nón bạc trắng của ông lẩn hẳn vào đám đông.

Ngôi nhà số 427 ở công viên Lane ngăn cách với đường phố bởi bức tường cao 1,5 mét. Bởi thế bất cứ ai cũng có thể

dễ dàng lọt vào vườn. Tuy nhiên cửa sổ lại rất khó lên : cạnh nó không có ống dẫn nước cũng không có chỗ nhô ra. Do vậy không một ai, kể cả những vận động viên tài nghệ nhất, có thể bò theo tường mà lên được.

Lòng bàng hoàng, tôi đi ngược trở lại con đường Kensington rồi về nhà. Vừa vào phòng được năm phút thì người hầu đến báo là hiện có một người muốn gặp tôi. Tôi không khỏi ngạc nhiên khi thấy đó là cụ già ưa thích sách. Bộ mặt nhăn nheo của ông hiện ra trong riềm tóc bạc trắng. Dưới nách, ông vẫn cặp hàng tá sách quý.

- "Ngài ngạc nhiên phải không, thưa ngài?" Ông ta hỏi bằng một giọng giống như tiếng quạ kêu. "Ngài có thấy không? Tôi là một người lịch thiệp. Lúc tôi lùi lại phía sau, tôi thấy ngài bước vào căn nhà này. Thế là tôi quyết định phải rẽ vào đây để xin lỗi ngài, vì sự thô lỗ vừa rồi. Tôi rất biết ơn ngài vì ngài đã nhật các quyển sách giúp tôi".

- Không nên nói tới những chuyện nhỏ nhặt như thế nữa. Xin phép được hỏi, ông có biết tôi là ai?

- Thưa ngài, tôi là láng giềng của ngài. Quán sách nhỏ bé của tôi nằm ở góc đường Church và tôi sẽ lấy làm hân hạnh nếu ngài đến thăm tôi. Ngài cũng là người thu thập sách quý, chắc thế? Nào là "*Các loại chim ở nước Anh*", "*Cuộc chiến tranh thần thánh*". Hãy mua đi, thưa ngài. Chúng tôi sẽ bán rẻ cho. Chỉ năm tập là lấp đầy được chỗ trống trên ngăn thứ hai của tủ sách, ối chà, ngăn sách sao mà có vẻ lụm thụt quá !

Tôi ngoái nhìn giá sách và khi quay đầu lại thì ngay cạnh chiếc bàn giấy Sherlock Holmes đang đứng mỉm cười với tôi. Tôi nhồm phất dậy và nhìn anh kính ngạc đến vài giây. Sau đó có lẽ tôi đã ngất xỉu đi. Tôi chỉ nhớ là có một đám mây màu xám bao phủ lấy mắt tôi, và lúc nó tan đi thì cúc áo cổ của tôi được nói ra. Tôi cảm thấy ở mỗi mùi vị cô nhắc. Holmes đang đứng cúi nhìn xuống chiếc ghế của tôi.

- “Anh Watson thân mến”. Một giọng nói rất quen thuộc vang lên. “Xin thứ lỗi cho tôi. Tôi không đoán được rằng điều đó lại tác động tới anh đến thế”.

Tôi túm lấy áo Holmes và kêu lên :

- Holmes ! Anh đấy à? Phải chăng anh hãy còn sống?

- Hãy chờ một lát nữa ! Thật ra, anh giải thích về những chuyện ấy như thế nào?

- “Tôi không còn tin vào mắt mình nữa. Phải chăng đây là anh, là anh, chứ không phải một người nào khác đang ngồi trong phòng của tôi?”. Tôi nắm lấy tay áo của anh, sờ nắn vào bàn tay của anh và nói tiếp : “Không, anh không phải là thần thánh. Đó là điều chắc chắn rồi. Bạn thân mến. Hãy ngồi xuống và nói coi anh đã thoát khỏi cái vực thẳm ấy bằng cách nào?”

Holmes ngồi đối diện với tôi. Trên người anh là chiếc áo khoác sờn rách của người bán sách cũ. Nhúm tóc bạc và bó sách ở trên bàn, anh gầy hơn trước.

- Được đuổi người ra thì thật sướng khoái biết bao ! Một người vóc cao sẽ khó lòng trở nên ngắn hơn tới 3 tấc trong nhiều tiếng đồng hồ liên tục. Còn bây giờ tôi muốn chúng ta dành trọn một đêm cho công việc nguy hiểm và nặng nề. Anh có đồng ý đi với tôi đêm nay không?

- Đi đâu và lúc nào?

- Vào thời gian thuận lợi như trước kia. Nào, chúng ta vẫn còn kịp ăn chút xiu gì đó trước khi lên đường. À, còn bây giờ thì hãy nói về cái vực sâu ấy vậy. Tôi thoát khỏi nó là vì tôi đã không bao giờ nằm ở dưới đó cả.

- Anh không ở dưới đó ư?

- Không. Tuy nhiên những lời lẽ trong mẩu giấy thì hoàn toàn là chân thực. Khi Mô-ri xuất hiện trên lối mòn hẹp thì tôi coi mọi chuyện đã được kết thúc. Tôi đọc trong đôi mắt ông ta một quyết định nghiệt ngã. Chúng tôi trao đổi với nhau

một vài lời và ông ta đã lịch thiệp cho phép tôi viết thư ấy. Tôi để mẫu thư lại cùng với tẩu thuốc và bắt đầu tự mình theo lối mòn đi về phía trước. Mô-ri theo sau. Đi đến cuối đường mòn, tôi dừng lại. Không thể tiếp tục được nữa. Ông ta lao về phía tôi, ôm chầm lấy tôi bằng đôi tay dài ngoẵng. Ông ta biết rằng đời mình đã tàn rồi và chỉ muốn phục thù một người, đó là tôi. Không rời nhau ra, chúng tôi đứng lảo đảo bên rìa vách thẳng đứng. Tuy nhiên tôi đã tập luyện được môn võ của Nhật Bản. Và tôi đã rời khỏi được ông ta. Mô-ri hét lên một tiếng man rợ, đôi tay chới với, toàn thân lắc lư như người điên vài giây. Nhưng, mặc dầu đã dùng hết sức lực, ông ta vẫn không giữ được thăng bằng và lao xuống phía dưới. Tôi còn nghiêng mình hồi lâu, nhìn thấy rõ ông ta bay xuống vực như thế nào. Sau đấy ông ta va vào chỗ nhô ra của vách đá và chìm xuống dưới nước.

- Thế còn những dấu vết ! Những dấu vết của hai bàn chân theo con đường mòn đi xuống phía dưới, mà không hề thấy vết chân nào đi ngược trở lên.

- “Đúng thế. Chính vào lúc tên giáo sư biến mất dưới lòng sâu của vực thẳm, tôi biết hẳn không phải là người duy nhất đi sát hại tôi. Ít ra còn ba tên đồng lõa của ông ta nữa. Cái chết của Mô-ri chỉ nhóm lên trong tim của chúng sự thèm khát báo thù. Đây là những người cực kỳ nguy hiểm : một kẻ nào đó trong số chúng, vào một ngày không xa, chắc sẽ kết liễu đời tôi. Còn nếu “tôi đã chết” thì chúng sẽ bắt đầu hoạt động công khai hơn, sẽ để lộ mình ra hơn, như thế sớm muộn gì tôi cũng sẽ tiêu diệt được chúng. Lúc đó tôi mới dám nói là mình còn sống !

“Tôi đứng lên và xem xét kỹ lưỡng bức tường đá lởm chởm nhô lên phía sau lưng, cạnh tôi. Trong bản phúc trình về cái chết bi thảm của tôi, anh khẳng định là bức tường rất bằng phẳng và thẳng đứng. Sự thật không phải như vậy. Ở vách đá có vài chỗ hơi nhô ra, có thể đặt chân vào đó được...

Mòm đá cao tới mức khó có ai đủ sức leo lên chỗ cao nhất được, cũng không có khả năng đi qua lối mòn ẩm ướt mà không để lại dấu vết. Vậy tốt hơn cả là leo lên cao. Thác nước sôi réo ào ào ở phía dưới, một sự sơ xuất nhỏ là mất mạng như chơi. Một đôi lần, khi túm cỏ nằm trong tay tôi bị bứt ra, hoặc khi bàn chân bị trượt trên vách đá ẩm ướt, tôi tưởng mọi chuyện đã chấm dứt. Tuy vậy, tôi tiếp tục leo lên cao và cuối cùng đã bò tới chỗ có một khe nứt rất sâu được phủ bởi một lớp rêu mềm. Ở đấy, tôi nằm duỗi người ra mà không ai nhìn thấy được.

“Thình lình, một tảng đá khổng lồ từ trên cao bay vù qua chỗ tôi, và rơi xuống phía dưới. Thoạt đầu, tôi cho đó là một sự tình cờ. Nhưng khi ngoảnh nhìn lên trên cao, thấy trên bầu trời yên ắng có cái đầu của một người đàn ông nhô ra, rồi một tảng đá khác rơi xuống ngay rìa khe đá tôi đang nằm, cách đầu tôi chừng vài tấc : rõ ràng không phải chỉ có một mình Mô-ri. Một kẻ đồng lõa của ông ta đã đứng canh chừng lúc Mô-ri lao vào tấn công tôi. Hắn đã chứng kiến tất cả. Hắn vượt qua tảng đá, leo lên đỉnh từ một hướng khác, và bây giờ toan làm cái điều mà Mô-ri đã không làm được.

“Tôi ngó ra và lại trông thấy bộ mặt hung dữ của con người ấy trên vách đá. Bộ mặt đó chính là điềm báo trước một tảng đá nữa, sẽ rơi xuống. Lúc đó tôi trườn xuống phía dưới, hướng về phía con đường mòn. Bò xuống ngàn lần khó khăn hơn là trườn lên. Bò được nửa đường, tôi trượt ngã, nhưng do một phép màu kỳ lạ nào đó, tôi đã ở trên con đường mòn. Toàn thân tôi tả, đầy máu, tôi dồn sức cố chạy, và lúc trời đã tối thì tôi đã vượt được 10 dặm đường. Một tuần sau, tôi có mặt ở nước Ý và tin rằng không ai trên đời này lại biết được điều gì về số phận của tôi.

“Tôi chỉ tiết lộ bí mật của mình cho độc một người : đó là anh Mycroft. Ba năm qua, một đôi lần tôi định viết thư cho anh, nhưng lần nào tôi cũng kiềm chế được vì sợ rằng do lòng

quý mến của anh đối với tôi, anh sẽ không giữ được điều bí mật. Đó cũng chính là lý do chiêu nay tôi đã bỏ đi, khi anh làm rớt mấy cuốn sách của tôi. Tôi có thể bị lâm nguy nếu vào giây phút ấy, anh kêu lên vì ngạc nhiên hoặc vì vui sướng. Sở dĩ tôi phải liên lạc với anh Mycroft là vì tôi cần tiền. Sau vụ xét xử lữ Mô-ri, vẫn còn hai tên nguy hiểm nhất. Bởi vậy, trong vòng hai năm, tôi đi du lịch khắp Tây Tạng ; do tò mò, tôi đến thăm Lhassa, ở chơi vài ngày chỗ Đức Đạt Lai Lạt Ma. Sau đó tôi đi qua Ba Tư ghé thăm thánh địa La Mecque. Khi về tới châu Âu, tôi ở Pháp vài tháng để nghiên cứu các chất lấy từ nhựa của than đá. Sau khi biết ở Luân Đôn hiện vẫn còn một trong số những kẻ thù không đội trời chung của tôi, tôi quyết định trở về. Tin tức vụ giết người bí ẩn tại công viên Lane không ngừng giục giá tôi lên đường. Và giờ đây tôi đã có mặt tại căn phòng xưa, ngồi trên chiếc ghế xưa, muốn cùng làm việc với người bạn xưa”.

Vì một lý do nào đó Holmes đã biết tin về cái chết của vợ tôi, nhưng sự cảm thông của anh biểu lộ bằng giọng nói còn nhanh hơn bằng lời.

- Công việc là thứ thuốc giải khuây tốt nhất anh Watson ạ ! Đang chờ tôi và anh là một công việc mà nếu ta kịp đưa nó đến thắng lợi thì có thể nói rằng chúng ta đã sống không phải là không hữu ích.

Tôi cố nài anh rõ hơn, nhưng uống công.

- Hy vọng đến tám giờ rưỡi , chúng ta sẽ nắm được vấn đề và sau đó chúng ta sẽ lên đường tham gia vào cuộc trình thám thú vị trong một ngôi nhà trống không.

Đúng giờ hẹn, tôi ngồi trong xe mui, cạnh Holmes. Khẩu súng ngắn trong tay, Holmes trầm tĩnh, và im lặng. Lúc ánh đèn phố đổ xuống, tôi nhận thấy đôi lông mày anh nhíu lại còn cặp môi mỏng thì mím chặt. Hình như anh đang đắm mình trong suy nghĩ.

Tôi đoán trước là chúng tôi sẽ đi trên phố Baker, thế nhưng Holmes ra lệnh cho người đánh xe dừng lại tại công viên Cavendish. Bước xuống xe, anh chăm chú quan sát bốn hướng và xem xét từng chỗ ngoặt để xem có ai bám theo chúng tôi không? Chúng tôi đi trên một con đường lạ lẫm nào đó, anh điềm tính bước qua đường ngang ngõ tắt của những chuồng ngựa. Sau cùng, chúng tôi bước vào một phố hẹp với hai dãy nhà cũ kĩ và đưa chúng tôi tới đường Blandford. Tại đây, Holmes nhanh chóng tạt vào một ngõ hẻm, vượt qua cửa hàng rào bằng gỗ rồi bước tới một chiếc sân hoang vắng. Anh dùng chìa khoá mở cửa sau của một trong số các căn nhà ấy. Chúng tôi đi vào và anh lập tức khoá cửa lại.

Trời rất tối, nhưng tôi nhanh chóng nhận ra đây là căn nhà bỏ hoang. Chiếc sàn không trải thảm kêu ken két dưới chân chúng tôi, còn trên bức tường, có treo một nhúm giấy dán tường rách rưới.

Những ngón tay lạnh lạnh và thanh mảnh của Holmes nắm lấy tay tôi. Anh dẫn tôi theo một hành lang dài cho tới lúc trước mặt chúng tôi nổi lên một đường riềm hơi rõ của ô cửa sổ hình bán nguyệt ở phía trên cánh cửa ra vào. Tại đây Holmes bất ngờ rẽ về phía phải và chúng tôi có mặt trong căn phòng lớn trống rỗng, hình vuông. Các góc của nhà rất tối nhưng ở giữa chiếu sáng bởi ánh đèn từ ngoài phố. Tuy nhiên gần cửa sổ không có đèn mà kính lại bị phủ bởi một lớp bụi dày nên chúng tôi khó nhận ra nhau.

Holmes đặt tay vào vai tôi và gần như môi anh chạm vào vai tôi :

- Anh có biết chúng ta đang ở đâu không ! Holmes thì thào hỏi.

- Hình như ở đường Baker. - Tôi nhìn qua lớp kính mờ đục và đáp.

- Đúng. Chúng ta đang ở trong nhà Camden, đối diện với căn hộ của chúng ta.

- Nhưng chúng ta đi đến đây để làm gì?

- Để nhìn tòa nhà của mình một cách rõ ràng. Anh đến gần cửa sổ hơn một chút nữa được không? Đừng để ai trông thấy, anh hãy nhìn vào các cửa sổ của căn phòng đi !

Tôi bước về phía trước, nhìn vào cửa sổ quen thuộc và reo lên kinh ngạc. Tấm rèm cửa buông xuống, căn phòng sáng rõ và bóng một người ngồi sâu trong chiếc ghế bành hiện lên rõ mồn một. Tư thế của cái đầu, hình dáng của đôi vai rộng, những đặc điểm sắc nhọn của bộ mặt. Tất cả đều hiện lên rõ nét, không chút mờ nhạt. Đây là bản sao chính xác con người Holmes. Tôi kinh ngạc tới mức vô tình chia tay ra mong được biết có thật chính anh đang ngồi cạnh ở đây không. Cả người Holmes rung lên bởi một nụ cười không thành tiếng.

- Thế nào? - Anh hỏi nhỏ.

- Quả là không tin được ! - Tôi thì thầm.

- Hình như năm tháng đã không tiêu diệt óc thông minh của tôi. - Anh nói, và tôi nhận thấy trong giọng nói của anh niềm tự hào của một người nghệ sĩ đang ngắm nghía công trình sáng tạo của mình.

- Có thật giống không? - Anh hỏi.

- Tôi thề rằng đây là anh ! - Tôi đáp.

- Vinh dự sáng tạo thuộc về ngài Oscar ở bên Pháp. Ông ta đã nặn bức tượng này suốt nhiều ngày. Bức tượng được làm bằng sáp, còn tất cả những cái khác do chính tôi sáp đặt vào sáng nay.

- Thế nhưng anh làm như thế để làm gì?

- Tôi muốn một số người cho rằng tôi đang ở đó nhưng trong thực tế tôi đang ở một chỗ khác.

- Anh cho rằng chúng đang theo dõi căn hộ?

- Phải.

- Ai vậy?

- Kẻ thù cũ của tôi. Chỉ có chúng mới biết là tôi hãy còn sống ; chúng tin rằng sớm hay muộn, tôi cũng sẽ trở về căn hộ của mình. Sáng hôm nay chúng nhìn thấy tôi.

- Nhưng chúng mới đoán ra thôi, phải không?

- Từ cửa sổ nhìn ra, tôi trông thấy tên lính tuần tra của chúng. Đó là Pa-ke làm nghề ăn cướp và giết người, đồng thời cũng là một nghệ sĩ đại phong cầm. Hắn không quan tâm mấy đến tôi. Người đặc biệt quan tâm tới tôi là kẻ từ trên đỉnh núi đá lăn đá vào tôi. Chính hắn đang săn lùng tôi, nhưng hắn không ngờ rằng chúng ta lại đang săn lùng hắn.

Từ chỗ ẩn nấp này, chúng tôi theo dõi những kẻ đang truy lùng chúng tôi. Bóng dáng mỏng mảnh ở khung cửa sổ sẽ là con mồi, còn chúng tôi là những thợ săn.

Chúng tôi đứng yên lặng, vai kề vai trong bóng tối, chăm chú, đôi mắt nhìn những bóng người ngược xuôi qua lại trên đường phố.

Holmes không nhúc nhích, không nói một lời, nhưng tôi cảm thấy toàn thân anh như căng ra, rằng đôi mắt anh không chớp khi theo dõi dòng người trên vỉa hè. Đêm lạnh và u ám. Gió mạnh thổi dọc theo con đường phố dài đông người.

Tôi thấy xuất hiện đôi lần vài bóng người qua lại quanh ngôi nhà, đặc biệt khá nghi là hai người khéo ẩn mình tránh gió lảng vảng hồi lâu trước cửa ra vào, cách không xa chỗ chúng tôi. Tôi toan nhắc Holmes chú ý tới họ nhưng Holmes trả lời tôi bằng tiếng kêu bực bội chỉ vừa đủ nghe và tiếp tục nhìn ra ngoài phố một cách chăm chú. Thỉnh thoảng anh đổi chân hoặc gõ gõ vào tường một cách cấu kính. Tôi nhận thấy rằng anh đứng không yên, rằng các sự kiện xáo tung không hoàn toàn như anh dự đoán. Đêm đã khuya, đường phố vắng ngắt. Anh bắt đầu đi lại khắp căn phòng, không che giấu được nỗi lo ngại của mình. Tôi muốn nói với anh một điều gì đó thì đột nhiên tôi nhìn về phía cửa sổ sáng ánh đèn và rất kinh ngạc.

- Hình người đã nhúc nhích kia !

Quả thế, hướng về phía chúng tôi bây giờ không phải là đáng quay nghiêng mà là xoay lưng lại.

- Hiển nhiên là nó nhúc nhích. Tôi đã ngạc nhiên khi đặt trong phòng con chim nhồi rơm với hy vọng đánh lừa được những tên bịp bợm khôn ranh nhất ở châu Âu? Trong hai giờ qua, bà Hót-xơn đã thay đổi tư thế ngồi của hình người đến tám lần. A ha !

Đột nhiên anh nín thở, lạng người đi. Trong tranh tối tranh sáng, tôi nhìn thấy anh đứng, ngoái cổ lại trong tư thế chờ đợi căng thẳng.

Đường phố giờ đây hoàn toàn vắng vẻ. Rất có thể ở lối ra vào có hai người đang ẩn mình mà tôi không thể nhìn thấy. Bức rèm màu vàng của khung cửa sổ được chiếu sáng rạng rỡ. Trong sự im ắng hoàn toàn, tôi nghe thấy tiếng thở của Holmes. Tự nhiên Holmes đẩy tôi vào góc tối nhất của căn phòng, lấy tay bịt miệng tôi, yêu cầu tuyệt đối im lặng. Trong giây phút ấy, tôi cảm thấy năm ngón tay anh siết chặt lại.

Tôi đột nhiên nghe thấy một cái gì đó. Một thứ âm thanh nhỏ, vọng đến chỗ tôi nhưng không phải từ phía đường Baker mà từ phía trong của chính ngôi nhà chúng tôi đang ẩn náu. Cánh cửa ra vào được mở ra và rồi được đóng lại. Một lát sau, tiếng bước chân lén lút của ai đó vang lên ở phía hành lang.

Holmes tựa vào tường, tôi cầm chắc khẩu súng. Nhìn vào bóng tối, tôi nhận ra hình một người đàn ông và riềm đen của khung cửa sổ ra vào được mở ra. Hắn đứng ở đó chừng một phút, rồi cúi khom người, len lén đi về phía trước. Hình người nguy hiểm ấy cách chúng tôi chừng ba bước. Bắp thịt tôi căng ra, chuẩn bị tấn công kẻ lạ mặt. Đột nhiên tôi hiểu rằng hắn không nghi ngờ gì về sự có mặt của chúng tôi.

Hắn đi qua và chỉ một chút xíu nữa là đụng phải chúng tôi. Hắn lén tới cửa sổ, thận trọng nâng khung cửa sổ lên

chừng 2 tác. Khi hắn cúi người xuống ngang tầm khe hở vừa có được, thì ánh sáng rọi vào khuôn mặt hắn.

Người lạ mặt không còn trẻ nữa, mũi nhỏ khoằm khoằm, trán cao và hói, râu dài và bạc. Bộ mặt tối tăm, sạm đen, hẳn rõ những vết nhăn sâu. Tay hắn cầm một cái gì đó tựa tựa như gậy chống lúc đi bộ, thế nhưng hắn đặt vật đó xuống nền nhà thì lại vọng lên tiếng loảng xoảng của kim loại. Sau đó hắn rút từ túi ra một vật gì đó kích thước rất lớn, loay hoay với nó tới vài phút cho đến khi cái gậy bằng sắt ấy ngừng kêu xúng xoảng. Hắn quỳ xuống, khom người về phía trước và dùng thân mình tì vào cái đòn bẩy gì đó. Kết quả là chúng tôi nghe thấy một âm thanh ken két kéo dài còn lâu hơn trước đó. Lúc hắn đứng thẳng người lên, tôi trông thấy ở tay hắn có một vật gì đó giống như một khẩu súng với cái báng cồng kềnh. Hắn tháo khoá nòng ra, đặt một cái gì đó vào bên trong và rồi lắp lại. Hắn ngồi xổm, đặt phần cuối của nòng súng lên bậu cửa sổ. Bộ râu dài của hắn lơ lửng trên nòng súng, còn mắt hắn nhấp nháy nhìn vào điểm ngắm bắn. Cuối cùng, hắn đặt khẩu súng lên vai và thở phào nhẹ nhõm : mục tiêu đã ở phía trước. Hắn chờ người ra trong giây lát, rồi đặt tay vào cò súng. Một tiếng "o o" vang lên, và sau đó là tiếng kêu lạo xạo giòn tan của kính vỡ.

Ngay lúc đó, Holmes nhảy bổ vào như một con cọp, chồm lên vai người bắn súng, rồi dùng một thứ gì đó quật ngã hắn xuống sàn nhà. Nhưng chỉ một loáng sau, hắn nhồm phất dậy và tóm chặt lấy cổ Holmes. Khi đó tôi dùng báng súng đánh vào đầu tên vô lại, hắn ngã khụy xuống. Tôi nhảy bổ vào hắn, đồng thời tiếng còi của Holmes vang lên lanh lảnh. Có tiếng chạy rầm rậm vang lên từ đường phố. Chẳng bao lâu, hai cảnh binh và một thám tử ập vào căn phòng bằng cửa chính.

- Ông là Lê-tra phải không? - Holmes hỏi.

- Vâng, ông Holmes ạ. Tôi quyết định tự mình đảm nhận việc này. Rất vui là lại được gặp ông ở Luân Đôn, thưa ông !

- Tôi cảm thấy sự giúp đỡ ít ỏi của chúng tôi đã không cản trở ông. Ba vụ giết người trong vòng một năm, đó không phải là ít, Lê-tra ạ ! Thế nhưng ông xử lý khá lắm.

Tất cả chúng tôi đều đứng thẳng lên. Tên tội phạm thở phì phì trong những cánh tay của hai viên cảnh sát.

Trên đường phố bắt đầu tụ tập một đám đông những kẻ vô công rời nghề. Holmes đến gần cửa sổ và đóng cánh cửa lại. Lê-tra đốt hai cây nến vừa được mang tới còn các nhân viên cảnh sát thì mở những cây đèn nhỏ ra. Nhờ vậy tôi có thể quan sát kỹ tên sát nhân : Mặt hắn trông rất can đảm nhưng lại méo xệch. Vàng trán triết gia và chiếc quai hàm bành ra chứng tỏ con người này có những khả năng to lớn để vừa làm điều ác vừa làm điều thiện. Thế nhưng, đôi mắt hung dữ với vẻ sắc nhọn, với hàng mi rủ xuống, với cái nhìn trơ tráo, cái mũi khoằm ác độc và những vết hằn nhàn sâu trên trán lại chỉ rằng con người này rất nguy hiểm cho xã hội. Cái nhìn của hắn xoáy vào khuôn mặt Holmes, tỏ ra vừa ngạc nhiên vừa căm thù :

- “Con quỷ !”. Hắn thì thầm. “Con quỷ khôn ngoan thật !”.

- “Thế đấy, ngài đại tá” Holmes vừa vuốt phẳng chiếc cổ áo vừa nói “Những người bạn chí thiết lại gặp nhau như trong các câu chuyện cổ tích. Nay, hãy nhớ lại lúc tôi nằm trong kẽ núi trên thác nước”.

Viên đại tá như bị thôi miên, không thể rời mắt khỏi bạn tôi :

- Con quỷ ! Đúng là một con quỷ ! - Hắn luôn mồm nhắc lại.

- “Tôi chưa giới thiệu với ngài”. Holmes nói. “Thưa quý vị, đây chính là đại tá Mô-ran, từng là sĩ quan quân đội tại Ấn Độ, một người chuyên săn thú lớn”.

Kẻ bị bắt cố kìm hãm cơn tức giận và tiếp tục im lặng. Bàn thân hắn quả giống một con cạp : đôi mắt lóe lên những tia độc ác, bộ ria dựng đứng như chuẩn bị chồm lên.

- “Không ngờ mưu kế tâm thương của tôi lại có thể đánh lừa một thợ săn giàu kinh nghiệm như ngài. Điều đó khiến tôi ngạc nhiên đấy ! Phải chăng ngài chưa bao giờ buộc một con dê vào gốc cây còn mình thì leo lên thân cây, tay ghim súng, mắt chờ con cọp đến ăn mồi. *Ngôi nhà trống không* ấy, chính là thân cây ngài chính là con cọp. Còn các ông đây”, anh chỉ vào chúng tôi, “là các cây súng dự bị của tôi”.

Đột nhiên, đại tá Mô-ran với tiếng thét kinh hoàng lao về phía trước, song các viên cảnh sát kịp giữ hắn lại. Mặt hắn biểu lộ lòng căm phẫn.

- Xin thú nhận là ngài đã làm tôi bị bất ngờ. Tôi không đoán trước được là chính ngài lại muốn lợi dụng ngôi nhà trống không và chiếc cửa sổ rất thuận lợi này. Tôi nghĩ là ngài sẽ hành động từ nơi kia, nơi ông bạn Lê-tra cùng những người giúp sức của mình đợi ngài. Loại trừ chi tiết này ra, tất cả diễn ra đúng như tôi chờ đợi.

Đại tá Mô-ran hướng về phía Lê-tra :

- Tôi không muốn bị kẻ kia chế nhạo. Nếu tôi ở trong tay luật pháp thì ông hãy làm theo pháp luật.

- Quả đúng như vậy. Ông có còn điều gì cần nói trước khi chúng tôi rời khỏi đây không, ông Holmes? - Lê-tra hỏi.

Holmes cầm khẩu súng của tên sát nhân lên xem, rồi nói :

- Vũ khí này hiện đại thật. Tiếng nổ thật nhỏ mà sức hủy diệt rất mạnh. Kỹ sư mù người Đức, ông Von Herder đã chế tạo khẩu súng này theo đơn đặt hàng của ngài giáo sư Mô-ri, ông Lê-tra, mong ông lưu ý khẩu súng cũng như những viên đạn của nó.

- “Hãy yên tâm, ông Holmes, chúng tôi sẽ lưu tâm”. Lê-tra nói, khi tất cả những người có mặt đã ra ngoài cửa lớn. “ Ông Holmes, đó là tất cả những gì ông muốn nói”.

- Tất cả, thêm vào đấy, tôi chỉ xin hỏi là ông sẽ đưa ra những lời kết tội hung thủ như thế nào?

- Lời kết tội ra sao ư?Ồ ! Tất nhiên là việc mưu sát ông Sherlocks Holmes...

- Đừng ! Ông Lê-tra ! Tôi không muốn được nhắc tới trong vụ này. Vinh dự thuộc về ông và chỉ thuộc về ông, người đã thực hiện nó, người đã bắt được tên này.

- Bắt được con người này, nhưng hẳn là ai vậy, ông Holmes?

- Đó là đại tá Mò-ran, người vào ngày 30 của tháng trước đã bắn ông A-đê bằng phát súng hơi qua cửa sổ tầng hai ở ngôi nhà số 247 công viên Lane. Đây, sự kết tội cần như thế đấy, Lê-tra ạ... Còn bây giờ, anh Watson, nếu anh không ngại gió lùa ở cửa sổ bị vỡ thì hãy ngồi chững nửa tiếng ở phòng làm việc của tôi. Ta hút thuốc.

Nhờ sự chăm nom của Mycroft Holmes và của bà Hốt-xơn, mọi thứ trong căn hộ đều không bị xáo trộn. Mọi vật đều ở đúng vị trí của mình. Ở chỗ trước kia là "góc hóa học", vẫn còn chiếc bàn gỗ thông có những vết do a xít ăn mòn. Trên giá sách, vẫn những cuốn album lớn thu thập những bài được cắt ra từ báo ra và những cuốn sách chỉ dẫn được xếp thành hàng ngay ngắn. Những biểu đồ, hộp ví cầm, thậm chí cả đôi giày Ba Tư nữa. Trong phòng còn có hai người : một là bà Hốt-xơn, bà bước ra đón chúng tôi với nụ cười sung sướng và hai là hình nộm bằng sáp, tô nhiều màu và ăn mặc rất giống nguyên mẫu.

- Bà đã thực hiện những chỉ dẫn của tôi như thế nào, bà Hốt-xơn? - Holmes hỏi.

- Tôi trườn tới bằng đầu gối.

- Tuyệt vời ! Bà thấy viên đạn rơi xuống chỗ nào?

- Nó xuyên qua đầu và bị bẹp khi đụng vào tường. Đây, nó đây !

Holmes chia nó cho tôi xem :

- Viên đạn súng lục mềm. Bà Hốt-xơn, xin cảm ơn bà về sự giúp đỡ... Còn bây giờ, anh Watson, tôi muốn trao đổi với anh một vài điều.

Anh cởi bỏ chiếc áo khoác sờn rách ra, khoác chiếc áo dài màu xám. Trước mặt tôi lại là Holmes như xưa kia.

Holmes vừa quan sát kỹ hình người bằng sáp vừa nói :

- Viên đạn trúng ngay chính giữa gáy và xuyên qua óc. Đó là tay súng thiện xạ nhất trong các khu rừng nhiệt đới Ấn Độ. Trước kia đã có bao giờ anh nghe nói về hắn chưa.

- Chưa.

- Anh hãy lấy dùm cuốn chỉ dẫn tiểu sử...

Holmes ngồi vào ghế, chậm chạp giở từng trang sách :

- Tôi có bộ sưu tập chữ "M" tuyệt vời. Chỉ một cái tên Mô-ri cũng đã làm nổi danh bất kỳ ai có cái tên khởi đầu bằng chữ cái này. A, bạn chúng ta đây rồi.

Holmes đưa cho tôi cuốn sách và tôi đọc : *"Moran, Sébatien, đại tá đã về hưu. Từng phục vụ trong trung đoàn công binh đầu tiên của Gengale. Sinh ở Luân Đôn năm 1840. Con trai ông Augustus Moran, phái viên Anh quốc tại Ba Tư. Tốt nghiệp trung học Eton và Đại học tổng hợp Oxford. Tác giả của cuốn sách "Săn bắn thú lớn ở phía tây Hy Mã Lạp Sơn" (1881) và "Ba tháng trong rừng nhiệt đới" (1884). Địa chỉ : đường Conduite, Hội : Anh-Ấn, Hội bài Batagelle".*

Bèn lẽ, Holmes đã ghi chú rất rõ : *"Con người nguy hiểm nhất Luân Đôn sau Mô-ri".*

- Thật là kỳ lạ. Hình như con đường hắn đi là con đường của người lương thiện?

- Anh có lý. Trước lúc nổi danh, hắn không hề làm một điều gì xấu xa cả. Đây là con người có thần kinh thép. Ở Ấn Độ, cho đến bây giờ người ta vẫn truyền những giai thoại là hắn đã bò qua lòng sông cạn và cứu một người sau khi giằng người ấy từ vuốt con hổ bị thương. Loài cây cũng thế, Watson

a ! Ban đầu chúng sinh trưởng bình thường, đến một độ cao nhất định nào đó, chúng bộc phát và biểu lộ cái thiên hướng xấu xa nào đó so với bản chất vốn có của chúng. Nơi con người, điều này cũng có xảy ra.

- Lý thuyết này có hoang đường không?

- Đại tá Mô-ran nghỉ hưu và đến Luân Đôn. Tại đây hắn cũng có tiếng xấu và thế là đến một lúc nào đó, giáo sư Mô-ri khám phá ra hắn. Có thời gian hắn là cánh tay phải của Mô-ri. Giáo sư chu cấp tiền cho hắn một cách hào phóng, tuy nhiên Mô-ri ít khi nhờ cậy sự giúp đỡ của tên này. Chỉ trong hai hoặc ba công việc đặc biệt khó khăn mà những tên tội phạm bình thường không thể hoàn thành được mà thôi. Tên đại tá khéo che giấu đến mức ngay sau khi tôi làm tan tác cả bọn Mô-ri rồi, tôi vẫn không sao kết án được hắn.

Anh Watson, anh còn nhớ cái buổi chiều, tôi đến chỗ anh, đóng cửa sổ lại không? Tôi sợ khẩu súng hơi hiện đang nằm trong tay của một trong số những xạ thủ cừ khôi nhất. Khi tôi và anh đi đến Thụy Sĩ thì Mô-ran đuổi kịp chúng ta cùng với Mô-ri, và chính hắn đã buộc tôi phải trải qua những giây phút căng thẳng khi tôi nằm ở kê đá trên thác nước. Lúc ở nước Pháp, tôi đã hy vọng tìm thấy một cơ may nào đó để tống hắn vào tù. Bởi vì chừng nào hắn còn đi dạo chơi ở Luân Đôn thì tôi không thể trở về được. Tôi cần làm gì? Tôi không thể bắn chết hắn trong cuộc gặp mặt được. Cũng không thể nhờ cậy vào tòa án. Tòa án không có quyền khởi tố trên cơ sở những nghi vấn chưa được chứng minh, còn bằng cứ thì tôi lại không có. Tuy nhiên tôi không ngừng theo dõi các tin tức về hắn.

Rồi xảy ra cái chết của A-đê. Cuối cùng vận may đã đến ! Vì sao tôi nghi Mô-ran giết A-đê. Hắn chơi bài với người thanh niên, hắn đi theo chàng trai từ Hội cờ và hắn đã bắn chết anh ta qua cửa sổ để ngỏ. Tôi lập tức đi Luân Đôn. Tên lính tuần

tra của hắn đã trông thấy tôi và đã báo cho hắn biết ; hắn rất lo lắng. Tôi tin là hắn toan thủ tiêu tôi. Cho nên tôi đã chuẩn bị cho hắn một mục tiêu bắn hoàn hảo trên cửa sổ phòng làm việc, đồng thời báo trước cho cảnh sát là tôi có thể cần sự trợ giúp của họ. Tôi giao việc cho cảnh sát, họ chỉ cho tôi chỗ quan sát.

- Tôi chưa rõ hắn giết A-đê để làm gì?

- Ôi ! Chúng ta đã bước vào lĩnh vực của những sự phỏng đoán mà trong lĩnh vực này, mỗi người, trên cơ sở các sự kiện đã rõ, có thể đưa ra giả thiết của mình.

- Giả thiết của anh như thế nào?

- Cuộc điều tra đã xác minh rằng không bao lâu trước vụ giết người, đại tá Mô-ran và A-đê có chơi một ván cờ với số tiền đáng kể. Nhưng Mô-ran đã chơi ăn gian. Từ lâu, tôi biết hắn là tay cờ bịp, rất có thể là vào ngày xảy ra vụ án, A-đê nhận ra Mô-ran đã gian lận anh ta. A-đê đã nói chuyện riêng với tên đại tá, dọa là sẽ tố giác hắn, nếu hắn không tự nguyện rút ra khỏi Hội cờ và tuyên bố không bao giờ chơi cờ nữa.

Chắc là chàng trai chỉ nói chuyện tay đôi với tên đại tá, mà không có những người chứng kiến. Nhưng đối với Mô-ran, một kẻ chỉ sống bằng sự lừa gạt thì việc bị loại ra khỏi Hội cờ chẳng khác nào sự phá sản ; vì thế hắn giết A-đê, và giết đúng vào lúc chàng trai đang xem lại đã ăn được bao nhiêu và còn cần bao nhiêu tiền mới bù vào số tiền thua của mình. Để cho mẹ và em gái không ngăn cản việc anh đang tính toán về tiền nong và không gạn hỏi những cái tên được viết trên giấy, chàng trai đã khóa cửa lại...

- Tôi tin là anh có lý.

- Sự điều tra sẽ chứng tỏ tôi đúng hay là không. Dầu sao, tên đại tá Mô-ran không làm chúng ta mất ăn mất ngủ nữa.

Nhà thầu khoán ở Norwood

Holmes đã trở về Luân Đôn từ nhiều tháng qua. Theo lời yêu cầu của Holmes, tôi về ở chung với anh trong một căn hộ cũ. Y sĩ trẻ Verner đã sang lại phòng mạch nhỏ bé của tôi với cái giá cao nhất mà tôi đánh bạo đưa ra. Sau này tôi mới biết Verner là người bà con xa với Holmes và chính Holmes đã bỏ tiền ra.

Sáng nay, Holmes ngồi lọt thỏm trong cái ghế bành và hồ hững mở rộng tờ báo. Nhưng ngay sau đó một cú giạt chuông hung tợn vang lên, tiếp theo là một người đập mạnh vào cánh cửa bằng nắm đấm. Cánh cửa vừa được mở ra, thì vang lên những bước chân hối hả. Holmes đặt tờ báo xuống, trong phòng khách chợt xuất hiện một thanh niên xanh mét, cặp mắt ngơ ngác, đầu tóc bù xù, thở hổn hển. Anh ta lần lượt nhìn chúng tôi.

- Tôi xin quý ông thứ lỗi. Xin đừng hiểu lầm tôi : Tôi gần như bị điên. Thưa ông Holmes, chính tôi đây ! Con người bất hạnh John Hector McFarlane là tôi !

- "Hãy hút một điếu thuốc lá đi, ông McFarlane !" Holmes nói, tay chìa ra một hộp thuốc. "Tôi tin chắc rằng trước những triệu chứng như vậy thì bác sĩ Watson đây, sẽ sẵn lòng cho ông uống một liều thuốc. Tiết trời mấy bữa nay thật là nóng nực. Giờ đây, nếu ông cảm thấy được bình tĩnh hơn, thì tôi sẽ sung sướng khi thấy ông ngồi xuống và nói cho chúng tôi biết ông là ai và ông muốn gì. Ông đã báo cho tôi rõ danh tánh ông tựa hồ như tôi phải biết đến nó, nhưng tôi

bảo đảm với ông rằng ông còn độc thân, ông là luật gia, hội viên hội Tam điểm và mắc bệnh hen suyễn ; ngoài ra tôi không biết gì hơn về ông”.

- Vâng, tôi là tất cả những thứ đó, thưa ông Holmes, và hơn thế nữa, vào lúc này đây, tôi là người bất hạnh nhất ở Luân Đôn. Ông Holmes ơi, xin ông hãy cứu tôi. Nếu cảnh sát ập đến bắt tôi trước khi tôi kịp kể xong câu chuyện thì ông vui lòng xin với cảnh sát hãy để cho tôi có đủ thì giờ nói với ông tất cả sự thật. Tôi sẽ yên tâm vào tù, nếu tôi biết là ông giúp tôi ở bên ngoài.

- Chuyện cảm động đấy ... và lý thú nữa ! Vì sao ông sắp bị bắt?

- Về tội ám sát ông Jonas ở hạt Norwood.

Người khách vươn một bàn tay run rẩy tới tờ *Daily Telegraph* còn để trên đầu gối Holmes.

- “Nếu ông đã đọc, thì hẳn ông đã đoán vì sao tôi đến đây. Hiện nay tôi là đầu đề để mọi người bàn tán...”. Anh ta chỉ cho chúng tôi trang giữa của tờ báo. “Đây này. Được ông cho phép, tôi sẽ đọc cho ông nghe : Đây là những hàng tít : *Vụ án bí mật ở Norwood. Một nhà thầu khoán nổi danh bị mất tích. Một vụ ám sát? Một vụ hỏa hoạn do ác tâm? Kẻ sát nhân đang bị truy lùng. Họ đã theo tôi ! Tôi sắp bị bắt. Mẹ tôi sẽ tan nát cõi lòng... Bà sẽ chết vì buồn tủi !*” Anh ta vịn hai bàn tay trong một cơn tuyệt vọng.

Người bị kết tội vì đã sử dụng bạo lực đó, có thân hình cân đối, tinh thần đã kiệt quệ, đôi mắt đầy vẻ sợ hãi, không râu, hai mươi bảy tuổi, ăn mặc đứng đắn và ăn nói như một người Ăng-lê có giáo dục.

- Anh Watson, anh vui lòng đọc bài báo cho tôi nghe. - Holmes nói.

- “Trong đêm qua, tại vùng Norwood-hạ đã xảy ra một tội ác nghiêm trọng. Ông thầu khoán Jonas Oldacre độc thân, 52

tuổi, ngụ tại Deep Dene House (thường bị người chung quanh gọi là một người kỳ quặc, bí ẩn và không cởi mở) đã thọ nạn. Ông đã giải nghệ sau khi tạo được một gia sản kha khá. Ở phía sau ngôi nhà ông có một khoảng đất trống chất đầy gỗ xây dựng. Lúc 12 giờ đêm qua, người ta báo động có cháy. Linh cứu hỏa kéo tới, nhưng gỗ quá khô, bốc cháy dữ dội, người ta không sao đàn áp được ngọn lửa, mãi cho tới khi cả đồng gỗ biến thành tro. Cho tới lúc đó, người ta vẫn nghĩ đó chỉ là một chiếc giường chưa có người vào ngủ, cái két sắt ở trong phòng đã bị mở, nhiều giấy tờ vương vãi trên sàn nhà. Người ta cũng khám phá thấy có cuộc vật lộn và nhiều vết máu còn thấy rõ trong phòng; một cây gậy bằng gỗ sồi cũng bị vấy máu. Người ta được biết rằng buổi tối đó ông Joans tiếp ông John Hector McFarlane ở trong phòng. Cây gậy là của người khách. Cảnh sát đã nắm được chứng cứ của tội ác. Dù sao đi nữa cần phải chờ đợi những sự triển khai tiếp”.

Tin giờ chót :

“Vào lúc báo lên khuôn, chúng tôi được tin ông John Hector McFarlane vừa bị bắt về tội danh đã ám sát ông Jonas Oldacre. Cuộc điều tra ở Norwood-hạ đã đưa ra ánh sáng nhiều điểm thê thảm khác, thật đặc biệt. Không những người ta đã tìm thấy dấu vết của một cuộc vật lộn đẫm máu trong căn phòng của nhà thầu khoán mà giờ đây người ta còn biết là cánh cửa sổ của gian phòng đó, đặt ở tầng trệt, đã bị mở ra, có nhiều dấu vết cho thấy một đồ vật to lớn đã bị lôi kéo tới đồng gỗ, và sau chót người ta đoán chắc rằng những máu vụn của thân người bị đốt cháy đã được nhận ra giữa đồng tro tàn. Cảnh sát tin rằng nạn nhân bị quất sùm trong phòng, những giấy tờ của ông bị đánh cắp, và thi hài ông bị lôi tới đồng gỗ rồi kẻ gây án đã châm lửa đốt. Cuộc điều tra được ủy thác cho thanh tra Lê-tra, thuộc Scotland Yard”.

Sherlock Holmes đã lắng nghe tôi đọc, hai mắt nhắm nghiền, những ngón tay chấp lại.

- Vụ án đưa ra vài chi tiết lý thú. Trước hết, thưa ông McFarlane, làm thế nào mà ông còn được tự do, bởi vì những dáng vẻ bên ngoài dường như cho thấy ông là người có tội.

- Tôi ở Blackheath, cùng với cha mẹ tôi. Tối hôm qua, vì cần làm việc muộn với ông Jonas, tôi đã nghỉ đêm tại một khách sạn ở Norwood, và từ đó tôi đã đi thẳng tới văn phòng. Tôi không hề hay biết về vụ này, lúc lên xe hỏa, lấy báo ra đọc, tôi hết sức kinh hoàng và chỉ còn có mỗi ý định : Đặt sinh mạng tôi vào tay ông. Một người đã theo dõi tôi từ nhà ga Luân Đôn Bridge và chắc chắn là ... ờ ! Ai vậy kia?

Có người giật chuông và những bước chân nặng nề ngay sau đó leo lên cầu thang. Ông bạn Lê-tra hiện ra trên ngưỡng cửa. Phía trên bờ vai ông, nhô lên vài cảnh sát mặc cảnh phục.

- Phải ông John Hector McFarlane đây không? - Lê-tra hỏi.

Thân chủ của chúng tôi đứng lên, tái mét.

- Tôi bắt giữ ông về tội ám sát ông Jonas Oldacre ở Norwood-hạ.

McFarlane quay về chúng tôi với một gương mặt tuyệt vọng, đoạn anh ta lại ngã ngồi xuống.

- "Xin hãy chậm chậm một chút, ông Lê-tra" Holmes nói. "Chúng tôi gặp nhau chưa được một nửa tiếng đồng hồ và ông này sắp kể cho chúng tôi nghe câu chuyện có thể giúp chúng ta nhìn thấy rõ..."

- Tất cả đều quá rõ ! - Lê-tra nói với giọng sâu thẳm.

- Tuy nhiên, nếu được ông cho phép, tôi sẽ quan tâm đến câu chuyện kể của anh ta.

- "Thưa ông Holmes, tôi thật khó lòng từ chối ông điều gì. Nhưng tôi phải ở đây, bên cạnh phạm nhân". Lê-tra nhìn đồng hồ. "Ông có nửa tiếng để nói".

- "Trước hết, tôi xin nói ngay rằng tôi không biết gì về ông Jonas Oldacre, ngoại trừ tên ông ta : cha mẹ tôi có quer

biết ông ấy, nhưng từ lâu, hai cụ không còn gặp ông ấy nữa. Vì vậy nên tôi rất ngạc nhiên khi vào khoảng ba giờ chiều ngày hôm qua, ông ấy đến văn phòng tôi trong khu City. Ông nắm trong tay nhiều tờ giấy gõ từ một cuốn sổ, viết nguệch ngoạc. "Mấy thứ giấy đó đây, quý ông có thể xem đi." McFarlane đặt những thứ đó lên bàn tôi, rồi nói tiếp :

- *"Đây là bản... chúc thư của tôi !"* Ông Jonas nói : *"thưa ông McFarlane, tôi muốn ông soạn thảo nó theo thể thức hợp pháp do luật định. Tôi ngồi ở đây trong lúc ông soạn thảo"*.

"Tôi liền bắt tay vào công việc. Nhưng tôi kinh ngạc biết bao khi thấy ông ta làm chúc thư để tặng tài sản cho tôi. Jonas Oldacre là một người nhỏ bé, có cặp lông mày bạc. Mỗi lần tôi ngược mắt lên nhìn về phía ông, tôi lại bắt gặp tia mắt ông chăm chú nhìn tôi với một dáng vẻ vui thích. Tôi thật khó mà tin vào những giác quan của mình khi đọc những điều khoản của bản chúc thư. Nhưng ông đã giải thích với tôi là ông không lấy vợ, rằng ông không còn ai thân thích trong gia đình, rằng ngày xưa ông đã quen biết cha mẹ tôi, rằng ông luôn luôn nghe nói về tôi như một thanh niên rất đáng khen, và rằng ít ra tiền bạc của ông sẽ vào những bàn tay thành thạo. Hiển nhiên là tôi chỉ có thể áp ứng những lời cảm tạ.

Bản di chúc soạn xong, được ký tên và người thư ký của tôi đã đứng ra làm chứng. Sau đó ông Jonas báo cho tôi biết là ông có nhiều hợp đồng cho thuê nhà đất, những chứng thư cấu thành tài sản, những quyển cầm đồ thế nợ, những phiếu cổ phần... và ông muốn giải thích cho tôi rõ về những giấy tờ đó. Ông bảo là ông sẽ không được an tâm trước khi công việc được giải quyết xong và yêu cầu tôi đi về nhà ông ngay trong tối hôm đó, đem bản di chúc và sắp đặt tất cả cho có ngăn nắp. *"Nhưng hãy nhớ, nghe con ! Không một lời nào với ba má con trước khi mọi việc đâu vào đấy. Chúng ta dành cho họ điều ngạc nhiên nhỏ bé này"*. Ông nhấn mạnh nhiều tới điều đó và ông đã buộc tôi phải hứa lời danh dự.

“Tôi gửi một bức điện về nhà để báo tin rằng có việc quan trọng không biết chừng nào mới xong. Ông Jonas muốn ăn tối với tôi vào lúc 9 giờ. Tôi gặp vài khó khăn mới tìm ra nhà ông và tôi tới nơi khoảng 9 giờ rưỡi. Tôi đã gặp ông...”

- “Xin lỗi !” Holmes ngắt lời. “Ai mở cửa cho ông vào?”.

- Một bà trung niên : chắc là người giúp việc ở trong nhà.

- Và chính bà đã báo tin ông đến, tôi đoán chừng như vậy?

- Quả đúng thế.

- Xin ông vui lòng kể tiếp.

Ông McFarlane lau vàng trán xam xáp mồ hôi...

- Tôi được đưa vào phòng khách; nơi đó bữa ăn đã được dọn sẵn. Ăn xong, ông Jonas đưa tôi sang phòng ông, trong đó có một két sắt lớn. Ông mở két, lấy ra một mớ những giấy tờ và chúng tôi cùng nhau xem xét. Khi xem xong thì đã nửa đêm. Ông bảo tôi khỏi cần làm phiền người đầy tớ và ông đã đưa tôi ra, qua ngã cửa sổ luôn luôn mở rộng trong suốt thời gian đó.

- Bức màn sáo có được hạ xuống không? - Holmes hỏi.

- “Nó đã được hạ xuống phân nửa, ông ấy đã kéo màn lên để có thể mở cửa sổ ra. Tôi không thấy cây gậy ; ông bảo tôi : *đừng có lo ngại, con ạ ; giờ đây rồi chúng ta sẽ gặp nhau luôn, ta sẽ giữ cây gậy của con cho tới khi con tới lấy lại.* Lúc đó đã quá muộn nên tôi không trở về Blackheath được và phải trọ qua đêm ở khách sạn. Tôi không còn biết điều gì hơn nữa, ngoài cái tin đăng trong tờ báo này”.

- Ông có cần đặt thêm câu hỏi nào không, thưa ông Holmes? - Lê-tra hỏi, cặp lông mày đã nhướn lên hai hoặc ba lần.

- Không, trước khi tôi tới Blackheath.

- Chắc ông muốn nói tới Norwood? Lê-tra chưa câu nói.

- Ồ phải ! Chắc chắn đó là Norwood mà tôi muốn nói. -

Holmes nói với một nụ cười bí ẩn.

Lê-tra đã có hơn một lần quan sát thấy Holmes với dáng tò mò.

- Tôi rất muốn nói với ông một lời, thưa ông Holmes !Này ông McFarlane, chiếc xe ngựa đang chờ ông ở dưới đường.

Người thanh niên đứng lên và sau một tia nhìn cầu khẩn, rời khỏi phòng.

Cảnh sát dẫn anh ta xuống xe, nhưng Lê-tra ở lại với chúng tôi.

Holmes đã cầm lấy xấp giấy hợp thành bản nháp của bản di chúc và anh quan sát chúng với một sự quan tâm thấy rõ.

- Tài liệu kỳ lạ, phải thế không, Lê-tra? - anh nói, tay đặt tập giấy xuống.

Tới lượt Lê-tra xem các giấy tờ, ông rất ngạc nhiên.

- Tôi chỉ có thể đọc được những dòng đầu, những dòng ở đoạn giữa và một hoặc hai dòng ở đoạn cuối : chúng thật rõ như là chữ in. Trong các chỗ khác, chữ viết thật xấu và đây là đoạn mà tôi chẳng hiểu tí gì.

- Anh nghĩ sao về điều đó? - Holmes hỏi.

- Nói thật... Thế còn ông, ông nghĩ sao?

- Tài liệu này đã được viết ra trên chiếc xe lửa. *Nét chữ dễ đọc viết tại nhà ga, chữ xấu trên các đoạn đường giữa những nhà ga, và các chữ không đọc được viết khi tàu chạy trên những chỗ bê ghi.* Những tờ giấy này đã được viết trên một đường tàu ngoại ô, bởi vì nó có một chuỗi liên tục những chỗ bê ghi. Cứ giả thiết rằng suốt chuyến đi đó đã được dành cho việc soạn thảo tờ di chúc, thì đây là một chuyến tàu tốc hành và nó chỉ dừng lại có một lần giữa Norwood và Luân Đôn Bridge.

- Ông quá xá giỏi ! Thưa ông Holmes !

- Bản chúc thư đã được viết bởi Jonas Oldacre ngày hôm qua, trong lúc đi đường. Thật là kỳ lạ ! Tại sao ông ấy viết một chứng từ quan trọng một cách vội vã như vậy?

- Nhưng làm như thế, là có khác nào viết ra bản án tử hình cho chính mình, - Lê-tra nói.

- Ô, ông tin vậy sao?

- Ông không tin à?

- Tôi thấy nội vụ còn chưa được sáng tỏ.

- Nếu vụ này mà chưa sáng tỏ thì vụ nào mới sáng tỏ !

Đây là một thanh niên bất thành linh được biết rằng nếu ông già đó chết, thì anh ta sẽ được hưởng một gia tài. Anh ta làm gì vậy? Anh ta không nói với ai hết, nhưng thu xếp để có thể gặp ông già ngay, buổi tối hôm đó. Anh ta chờ cho bà già kia đi ngủ, rồi ra tay giết ông già, đem thiêu xác ; sau đó đi tới một khách sạn gần đó để ngủ trọ. Những vết máu ở trong phòng và trên cây gậy đều rất mờ. Rất có thể là anh ta đã không thấy những vết máu đó và anh ta yên chí rằng mình không để lại một dấu vết nào.

- Nếu ông đặt mình vào cương vị của chàng trai đó, thì liệu ông có chịu ra tay ngay vào cái buổi tối đó hay không? Cái buổi tối mà bản chúc thư vừa được ký. Hơn nữa, liệu ông có chọn cái ngày mà có một đầy tớ gái đã đưa ông vào nhà và báo với chủ? Sau chót, liệu ông có chuẩn bị tất cả mọi sự dự phòng khả dĩ che giấu được cái thi hài không? Ngoài ra ông có chịu để cây can của mình ở tại đó không? Cui nào, Lê-tra, hãy thú nhận rằng điều đó khó mà có thể thực hiện.

- Về cây can, thưa ông Holmes, ông biết rõ rằng một can phạm thường luôn luôn mắc phải những điều bất cẩn mà một người bình tâm sẽ không làm. Chắc chắn y đã sợ hãi và không dám trở lại trong phòng. Xin ông hãy đề nghị với tôi một giả thiết khác, khớp với sự việc hơn.

- "Tôi có thể cung cấp cho ông hàng nửa tá", Holmes trả lời. "Chẳng hạn như đây là một : Ông già đưa ra những giấy tờ có giá trị. Một kẻ đầu đường xó chợ đi ngang qua đó, ngó qua cửa sổ lúc bức màn chỉ buông xuống nửa vơi, thấy mở giấy

tờ. Lúc McFarlane ra về, gã đầu đường xá chợ lén vào, chup lấy một cây cần và giết Oldacre, đem cái xác đi đốt, rồi đào tầu".

- Tại sao gã đầu đường xá chợ đem đốt cái xác? - Lê-tra hỏi.

- "Để chôn vùi một chứng cứ". - Holmes đáp. "Rất có thể là kẻ đầu đường xá chợ muốn che giấu một vụ trả thù mà y là thủ phạm".

- Thế tại sao hán lại không lấy cái gì?

- Bởi vì đó là những giấy tờ mà y không thể hưởng lợi được. Lê-tra lắc đầu, nhưng với một sức mãnh liệt được dần xuống.

- Vậy thì, thưa ông Sherlocks Holmes, ông hãy đi tìm gã đầu đường xá chợ của ông. Trong lúc chờ đợi, chúng tôi sẽ tạm giam người của chúng tôi. Tương lai sẽ cho biết ai là người có lý. Ông chỉ cần thận trọng điểm này, thưa ông Holmes : *Không một giấy tờ nào bị mất ; còn người bị cầm tù là người được sở hữu những giấy tờ đó.*

Holmes ngạc nhiên, anh nói :

- Đúng như lời ông nói, tương lai sẽ trả lời dứt khoát. Xin tạm biệt, Lê-tra. Trong ngày hôm nay, tôi sẽ ghé Norwood để xem ông đã tiến tới đâu.

Sau khi viên thám tử ra về, Holmes đứng lên và chuẩn bị với tâm trạng vui vẻ công việc anh sắp làm trong ngày.

- Anh Watson, tôi tới Blackheath.

- Tại sao không tới Norwood?

- Tối nay sẽ cho anh biết một điều gì đó có lợi cho chàng trai.

Lúc anh trở về thì đã khuya, vẻ mặt đầy âu lo và mệt mỏi. Trong một tiếng đồng hồ, anh bấm phím cây vĩ cầm để xoa dịu nỗi buồn phiền của mình. Sau chót, anh đặt cây đàn xuống và thuật cho tôi những rủi ro của anh.

- Tôi đã giữ thái độ vững vàng trước mặt Lê-tra nhưng tận trong đáy lòng tôi lại tin rằng lần này anh ta theo đúng hướng còn chúng ta thì lạc hướng.

- Anh có đi Blackheath không?

- Có. Người cha đã đi tìm con. Bà mẹ ở nhà. Bà có cặp mắt xanh, run lên vì sợ hãi và phẫn nộ. Bà ta nhất quyết cho rằng con bà không phải là thủ phạm. Nhưng bà không hề xót thương lão Oldacre. Trái lại, bà nói về lão với một nỗi cay đắng khiến cho vô tình bà lại củng cố cho lập luận của cảnh sát.

- "Lão ta giống một con khỉ hung ác và lắm mưu mẹo. Ngay lúc còn ấu thơ, lão đã độc ác như loài thú dữ".

- "Vậy là bà đã biết ông ấy từ thuở nhỏ". - Tôi hỏi

- "Phải, tôi biết rất rõ ! Đó là một gã si tình, đã đeo đuổi tôi. Tôi đã đính hôn với y, nhưng khi tôi biết y đã thả một con mèo vào trong chuồng chim, thì tôi liền hủy bỏ hôn ước.

Bà ta đi lục tìm trong một ngăn tủ và đã đưa tôi xem tấm hình chụp một người đàn bà, bị bôi lem luốc và bị khía rách bằng lưỡi dao nhíp.

- Đây là ảnh tôi. Buổi sáng ngày cử hành hôn lễ của tôi, y đã gửi tấm hình này cho tôi cùng với những lời nguyện rủa đời bại.

- Vậy thì ít ra ông ta cũng đã tha thứ cho bà, bởi vì ông đã để lại gia tài cho con bà?

- Con tôi cũng như tôi, chúng tôi không thêm nhận một chút nào của hắn.

Chính thượng đế đã trừng phạt hắn. Con trai tôi vô tội.

Sau đó tôi đã thử khơi mào hai hoặc ba ý nghĩ, nhưng chẳng rút ra được điều gì, nên tôi đi tới ngôi nhà xảy ra tội ác. Đó là một biệt thự lớn, kiểu mới, xây bằng gạch đứng sừng sững trên thửa đất, phía trước nhà trải dài một bãi cỏ với những cây nguyệt quế. Về phía tay mặt và cách xa đường một quãng có một cái sân chứa gỗ xây dựng, là nơi đã phát hỏa.

Tôi đã vẽ một bản sơ đồ hiện trường trong cuốn sổ tay. Cánh cửa sổ bên trái này là cửa sổ của phòng ông Jonas. Từ ngoài đường, người ta có thể nhìn vào bên trong. Đó là điều an ủi duy nhất mà tôi đã đem về. Lê-tra không có đó, nhưng người phụ tá đã tiếp đón tôi nồng hậu. Cảnh sát vừa thực hiện một khám phá lớn. Họ đã dành cả buổi sáng để lục lọi trong đồng tro : ngoài những mẩu vụn của xác người bị cháy thành than, họ còn tìm thấy những phiến tròn nhỏ bằng kim khí phai màu. Tôi đã quan sát cẩn thận, thấy đó là những cái cúc quần dài. Một số những cúc đó có chữ "Hyams" : đó là tên người thợ may quần áo cho Jonas. Tôi sải bước trên bãi cỏ để tìm các dấu hiệu và dấu vết, nhưng tiết trời rất khô, đất rắn như sắt. Tất cả những gì tôi có thể thấy là một xác chết hoặc một kiện hàng cồng kềnh nào đó đã được kéo ngang qua một bờ rìa cây song song với đồng gỗ. Việc đó phù hợp với cảnh sát. Tôi bò trên bãi cỏ giữa cái nắng tháng tám. Một tiếng đồng hồ sau đó, tôi đứng lên, chẳng tiến thêm được chút nào.

Sau thất bại đó, tôi đi vào trong phòng và khám nghiệm các hiện trường. Những vết máu rất mờ nhạt nhưng rõ ràng đó là những vết máu tươi. Cây cạ đã được để sang một bên, trên đó cũng có những vết máu mỏng. Đúng là cây cạ của McFarlane. Trên tấm thảm, tôi lấy được dấu chân của hai người, nhưng không có dấu chân của một người thứ ba nào : thêm một điểm nữa cho cảnh sát.

Tôi quan sát các món cất giữ trong két sắt, rất nhiều giấy tờ đã được lấy ra và để ở trên bàn, trong những bao thư có gắn khăn niêm phong mà một hoặc hai bao đã được cảnh sát khai ra, tôi thấy chúng không đưa ra một giá trị lớn lao nào ; và tài sản trong ngân hàng của ông Jonas cho thấy ông không khá lắm. Nhưng tôi có cảm tưởng là không phải tất cả mọi giấy tờ đều nằm ở đó. Các giấy tờ nhận quyền sở hữu là những cái đáng chú ý hơn cả, nhưng tôi không tìm ra nó. Nếu chúng ta thấy chúng, thì chúng ta sẽ đánh đổ lý luận của Lê-tra, bởi

vì có ai đi đánh cắp một giấy xác nhận chủ quyền mà y sẽ được thừa kế trong nay mai.

- Không còn cách nào khác, tôi thử cầu may với mù đây tớ. Bà ta tên là Lệ-xinh. Đó là một người nhỏ bé, tóc hung, cặp mắt ngờ vực và không thực thà. Nhưng mù ngậm miệng như hến. Đúng, chính mù đã đưa ông McFarlane vào nhà, lúc chín giờ rưỡi. Mù đi ngủ vào lúc mười giờ rưỡi. Phòng mù ở đầu nhà phía bên kia và mù đã chẳng nghe thấy gì. Ông McFarlane đã để lại trong gian tiền sảnh cái mũ và cây cần của ông. Chính tiếng báo động hỏa hoạn đã đánh thức mù dậy. Ông chủ già nua của mù chắc chắn là đã bị ám sát. Ông chủ có kẻ thù nào không? Ai mà chẳng có kẻ thù, phải không nào! Nhưng ông Jonas rất kín đáo và những quan hệ của ông chỉ là những vụ giao tiếp về công việc làm ăn. Bà ta đã thấy những cái cúc của áo, quần mà ông chủ đã mặc tối hôm trước. Gỗ rất khô, cháy như bụi nhùi gặp gió. Cũng như những người lính cứu hỏa, mù đã ngửi thấy mùi thịt nướng. Mù không biết gì hết về các giấy tờ, cũng như những công việc riêng của ông chủ mù. Trái lại, đó là một bản tường trình hoàn toàn tiêu cực. Ấy thế mà ... ấy thế mà. ..

Anh siết bàn tay này vào bàn tay kia để tạo thêm sức mạnh cho sự vững tin mà anh sắp bày tỏ.

- ... Ấy thế mà tôi biết rằng tất cả điều đó là giả dối. Tôi cảm nhận thấy nó trong tận tủy xương tôi. Có một cái gì đó còn chưa chịu lộ ra và mù gia nhận biết một cái gì đó. Trong mắt mù, tôi đọc thấy một thứ giống như chỉ-dấu của một lương tâm tội lỗi. Tốt hơn là chẳng nên nói đến chuyện đó nữa, Watson. Nếu một sự may mắn mà không tới giúp chúng ta thì vụ ở Norwood sẽ không có mặt trên bản tường thuật những thành công của bọn mình.

- Cái dáng vẻ bề ngoài lương thiện của “can phạm” há chẳng gây ấn tượng tốt với đoàn bồi thẩm hay sao?

- Watson, anh có nhớ cái tên sát nhân Bert Stevens, (kẻ đã muốn chúng ta cứu thoát hắn vào năm 1887) không? Anh

có thấy người nào có những cử chỉ dị hien, kẻ nào giống như những đứa con gương mẫu trong một gia đình lương thiện hơn hẳn chăng?

- Đúng thế !

Nếu chúng ta không đưa ra được một giả thiết nào khác thì chàng trai đó bị tiêu. Chỉ có một chi tiết nhỏ liên quan đến giấy tờ ... Khi nhìn vào tập ngân phiếu, tôi nhận thấy là trong năm vừa qua, nạn nhân có chi trả cho một ông Cornelius nào đó một số tiền rất lớn. Thú thật là tôi mong muốn được biết ông Cornelius là ai, mà một nhà thầu khoán đã ngưng hành nghề lại có những dịch vụ quan trọng đến thế. Liệu ông ta có giữ một vai trò nào trong vụ này chăng? Cornelius có thể là một nhà môi giới chứng khoán, nhưng chúng ta lại không tìm thấy một phiếu cổ phần nào tương ứng với những khoản chi đó. Vì thiếu những chỉ-dấu khác, giờ đây tôi phải tìm kiếm bên phía ngân hàng về việc gã Cornelius đã lãnh các chi phiếu đó. Nhưng tôi e sợ rằng, vụ này sẽ kết thúc bằng sợi dây thòng lọng mà Lê-tra sẽ choàng quanh cổ thân chủ chúng ta.

Tôi không biết trong đêm đó Holmes có ngủ được hay không, nhưng khi tôi gặp lại anh trong bữa điểm tâm, thì tôi thấy anh xanh xao, mệt mỏi ; những quầng trui nặng quanh mắt, làm cho cặp mắt lộ ra trong sáng hơn. Chung quanh ghế bành anh ngồi, tấm thảm vương đầy những mẩu tàn thuốc và những ấn bản đầu tiên của nhật báo mới phát hành buổi sáng sớm. Một bức điện tín nằm trên mặt bàn.

- Anh nghĩ sao về bức điện này? - Holmes hỏi.

Bức điện được gọi từ Norwood.

Chúng có quan trọng vừa được tìm thấy. Tôi lỗi của McFarlane đã được xác minh. Khuyến ông nên bỏ việc điều tra.

- Thế là chuyện trở thành nghiêm trọng rồi đây, - tôi nói.

- “Đó là tiếng gáy ó o nhỏ bé của Lê-tra” Holmes trả lời với một nụ cười cay đắng. “Tuy nhiên, hãy còn quá sớm để

mà bỏ cuộc. Anh hãy dùng diêm tâm đi, rồi chúng ta sẽ lên đường”.

Chúng tôi đi Norwood. Một đám đông những kẻ hiếu kỳ vây quanh ngôi nhà Deep Deen House. Lê-tra đón chúng tôi với một vẻ mặt rạng rỡ và một thái độ thắng cuộc.

- Thế nào, ông Holmes, ông có đem theo bằng chứng rằng chúng tôi đã làm lẩn không? - Ông có tìm ra tên đầu đường xó chợ chưa? - Ông ta kêu lên.

- Tôi chưa rút ra được một kết luận nào. - Holmes đáp.

- Nhưng ngay ngày hôm qua, chúng tôi đã có một kết luận rồi ! Chúng tôi, Scotland Yard đây này ! Và giờ đây câu kết luận đã được kiểm chứng. Ông phải nhìn nhận rằng lần này chúng tôi đã hơi nhanh hơn ông một chút, thưa ông Holmes !

- Ông quả thật có dáng vẻ của một người vừa nhận một ân sủng của Thượng đế ! - Holmes nói.

Lê-tra buông ra một tràng cười àm ì.

- Ông mong chúng tôi bị thua? Nhưng không ai có thể chiến thắng trong tất cả mọi trường hợp, phải thế không, bác sĩ? Hai ông hãy lại đây, lại đây để thấy rõ tác giả của tội ác chính là McFarlane... Ông ta dẫn chúng tôi tới một gian tiền sảnh sẫm tối.

- Đây là nơi mà chàng trai đã đi qua để lấy cái mũ, sau khi gây ra tội ác, xin quý ông hãy nhìn cái này...

Ông bật một que diêm và chỉ vào một vết máu trên tường. Ông đưa que diêm sát lại gần hơn : lúc đó tôi thấy còn hơn là một vết : đó là *một dấu ngón tay cái in thật rõ*.

- Ông hãy dùng kính lúp mà quan sát nó thưa ông Holmes.

- Phải, đó là việc mà tôi đang làm đây.

- Ông dư biết là không có hai dấu tay giống nhau?

- Đúng vậy.

- Thế thì ông hãy so sánh cái dấu này với bản sao lại ngón tay cái trên bàn tay phải của McFarlane được lấy trên xi.

Ông đưa vết tay in trên các xi lại sát bên vết máu. Tôi chẳng cần tới một kính lúp cũng nhận ra rằng hai dấu đó y hệt nhau.

- Thế là quyết định ! - Lê-tra reo lên.

- Phải, thế là quyết định ! - Tôi lặp lại.

- Quyết định ! - Holmes nói.

Một ngữ điệu nào đó trong giọng nói của Holmes khiến tôi giởng tai lên. Tôi quay lại để nhìn Holmes. Mặt anh không còn như trước nữa, nó để lộ một niềm vui lớn trong lòng anh. Cặp mắt anh sáng như hai ngọn đèn pha. Tôi có cảm tưởng là Holmes phải phấn đấu dữ dội để cố nén một tiếng cười ngạo nghễ. Sau chót, anh thì thào.

- Ai mà tin được nhỉ? Một chàng trai đáng dấp dễ thương đến thế ! Đây là một bài học để chúng ta đừng tin vào những cảm tưởng ban đầu, phải thế không, Lê-tra?

- Phải, tôi biết có những kẻ thường quá tự tin, thưa ông Holmes. - Lê-tra nói, sự hỗn xược của ông ta tăng lên.

- "Chàng trai đó đã phải ấn ngón tay cái của bàn tay mặt vào tường, trước khi gỡ lấy cái mũ móc trên cái máng áo choàng. Ô ! Một hành động rất là tự nhiên..." Bề ngoài Holmes thật là bình tĩnh, nhưng tất cả thân hình anh lại vận vẹo dưới ảnh hưởng của một cơn kích thích bị kiềm chế. Anh nói thêm :

"Ông Lê-tra, ai phát hiện điều này?"

- Bà Lê-xinh, người đã báo động cho nhân viên trực gác tối qua.

- Nhân viên trực gác của ông ở đâu?

- Trong căn phòng đã xảy ra tội ác : chúng tôi canh gác để không cho ai đụng tới cái gì cả.

- Nhưng tại sao ngày hôm qua, cảnh sát không thấy vết máu này?

- Nói nào ngay, chúng tôi không tiến hành một cuộc xét nghiệm tỉ mỉ gian tiền sảnh. Và chẳng, nơi đó lại không được sáng sủa, phải thế không?

- Không hẳn thế ! Tôi nghĩ rằng không có gì để nghi ngờ, và rằng dấu vết chưa chắc đã có từ hôm qua.

Lê-tra chăm chú nhìn Holmes, tưởng chừng như ông nghĩ rằng Holmes đã mất trí. Thú thật là chính tôi cũng ngạc nhiên bởi cái khía cạnh hơi phi lý trong sự nhận xét của Holmes.

- “Ông có nghĩ là đêm qua McFarlane đã ra khỏi xà lim để làm tăng thêm những lời buộc tội vốn đã đè nặng lên anh ta không?”. Lê-tra nói. “Tôi mời các anh chuyên gia mình định xem đây có phải là dấu ngón tay của anh ta không?”.

- Đây đúng là dấu ngón tay của anh ta.

- “Thế thì đủ rồi !” Lê-tra ngắt lời. “Khi tôi có đủ chứng cứ, tôi đi tới kết luận. Nếu ông có điều gì muốn nói, ông sẽ gặp tôi trong phòng khách, là nơi tôi sắp viết bản báo cáo”.

- Anh Watson, công việc dường như rất tệ hại, ấy thế mà tôi lại phát hiện ra một cái gì đó thật là kỳ cục ! Nó không cho mình được thất vọng.

- “Tôi thật vui khi nghe anh nói thế !”. Tôi trả lời. “Tôi rất sợ là vụ án đã được giải quyết xong”.

- Không, nó chưa được giải quyết đâu ! Có một nhược điểm nằm ở trong cái bằng chứng mà ông bạn Lê-tra đã đưa ra.

- Nhược điểm ở chỗ nào?

- Ở chỗ này đây : vào ngày hôm qua, khi quan sát tiền sảnh, tôi không hề thấy cái dấu tay này. Anh Watson, một cuộc dạo chơi nho nhỏ dưới ánh nắng sẽ không gây thiệt hại cho chúng ta.

Tình thần bị lộn xộn, nhưng tâm thần lại được sưởi ấm bởi một nguồn hy vọng mới, tôi theo Holmes đi vòng quanh

khu vườn. Holmes quan sát ngôi nhà dưới tất cả mọi góc cạnh trước khi trở vào và đi thăm bên trong từ dưới tầng hầm lên tới cái vựa sát mái nhà. Phần lớn những căn phòng không có bày đồ đạc, nhưng Holmes quan sát chúng một cách cực kỳ tỉ mỉ. Sau chót, khi đứng tại bậc thềm mà phía trên nó là nơi dẫn đến ba căn phòng không có người ở, anh suýt la lên vì vui mừng.

- Đây là lúc nên cho Lê-tra biết bí mật. Anh chàng đã thích thú khi cười ngạo chúng ta; chúng ta sẽ trả miếng.

Viên thanh tra sở Scotland Yard đang cặm cụi viết.

- Tôi tin là ông đang soạn thảo bản báo cáo về vụ án?
- Holmes nói.

- Đúng vậy.

- Ông không nghĩ là còn quá sớm chăng? Tôi không thể bắt tôi dừng nghỉ ngơi, bạn Lê-tra!

Thanh tra Lê-tra đã biết Holmes quá rõ, nên không dám coi thường với câu nói đó... Ông đặt cây viết xuống và nhìn Holmes với vẻ tò mò.

- Ông nói sao?

- Có một nhân chứng quan trọng mà ông đã không thấy.

- Ông có thể giới thiệu người đó với tôi không?

- Dễ thôi!

- Xin hãy làm đi!

- Ông có bao nhiêu nhân viên ở đây?

- Ba người.

- Tuyệt vời! Máy người đó đều là *những tay cao lớn, khỏe mạnh và có giọng nói thật lớn chứ?*

- To con và khỏe mạnh thì có. Nhưng vì sao lại cần có giọng nói thật lớn.

- Rồi ông sẽ hiểu thôi và còn nhiều điều nhỏ bé khác nữa. Mong ông vui lòng gọi người của ông lại. Tôi sẽ ráng sức.

Năm phút sau, ba người cảnh sát đã tập hợp trong gian phòng trước. Holmes nói với họ.

- Dưới đây nhà phụ, có rất nhiều rơm. Mong các ông vui lòng mang tới đây hai bó. Anh Watson, tôi tin là anh có mang diêm quẹt theo. Thưa ông Lê-tra, ông có sẵn lòng đi cùng với tôi lên bực thềm trên cao kia chăng?

Trên bực thềm được nói đến, mở ra một dãy hành lang rộng chạy dài theo ba gian phòng ngủ bỏ trống. Tới một đầu, Sherlock Holmes bố trí chúng tôi đứng theo hàng dọc. Các nhân viên thật hớn hỏ và Lê-tra nhìn kỹ bạn tôi với tình cảm xen kẽ sự thích thú, sự lo âu và sự mỉa mai. Holmes tới đứng trước mặt chúng tôi với dáng vẻ một nhà ảo thuật đang chuẩn bị làm trò.

- Ông có sẵn lòng phái một trong những nhân viên của ông đi lấy một xô nước không? Hãy đặt rơm ở đây, trong hành lang này, nhưng đừng đặt sát vào tường. Bây giờ tôi tin là chúng ta đã sẵn sàng.

Lê-tra đỏ mặt lên vì giận dữ :

- Tôi tự hỏi không biết ông có chế giễu chúng tôi không, thưa ông Sherlock Holmes. Trong trường hợp ông biết một điều gì đó, ông có thể nói toạc ra mà chẳng cần đến cái trò dàn cảnh kỳ cục này !

- Tôi có những lý do đứng đắn để hành động như vậy. Có thể ông còn nhớ là hồi nấy ông đã hơi chế giễu tôi khi mặt trời ra về chiếu sáng phe ông ! Giờ đây xin cho phép tôi được chủ tọa một nghi lễ nho nhỏ. Anh Watson, anh có sẵn lòng mở một cửa sổ ra và ném một cây diêm đang cháy vào cái đồng rơm không?

Tôi làm theo điều anh yêu cầu. Bị cuốn hút bởi luồng gió lùa, một dải khói xám tỏa ra trong dãy hành lang, trong lúc rơm khô nổ lách tách dưới ngọn lửa.

- Giờ đây chúng tôi sắp giới thiệu người làm chứng đó với ông, ông Lê-tra. Tôi có thể yêu cầu tất cả quý ông cùng kêu lên hai tiếng "Cháy nhà !" Nào ! Một, hai, ba...

- CHÁY NHÀ ! - Sáu người cùng hét toáng lên.

- Cảm ơn. Mong quý ông lặp lại.

- CHÁY NHÀ !

- Thêm một lần nữa, và cùng một lúc.

- CHÁY NHÀ !

Tiếng kêu của chúng tôi lớn đến nỗi ở đầu đường kia hạt Norwood cũng phải nghe thấy.

Bất thình lình từ trong một bức tường phẳng lì ở cuối dãy hành lang, một cánh cửa mở tung ra, và một người nhỏ bé nhẩy ra như một con thỏ vọt ra khỏi hang.

- "Tuyệt !" Holmes nói với một giọng thật bình tĩnh. "Anh Watson mong anh hãy trút xô nước lên đồng rơm. Cảm ơn. Thế là đủ. Lê-tra, xin cho phép tôi được giới thiệu với ông : đây là ông Jonas Oldacre".

Viên thám tử sững sờ, nhìn chằm chằm vào người mới tới đang hấp háy mắt và đang lần lượt ngó nhìn toán chúng tôi và vào ngọn lửa đang dần dần lụi tắt. Ông ta có một cái đầu ghê tởm : mưu mô, thói hư, tật xấu, và lòng độc ác.

- "Thế này là thế nào ? " Lê-tra hỏi, sau khi đã tìm lại được việc sử dụng cái lưới. "Ông đã làm gì trong khoảng thời gian đó?"

Jonas thốt ra một tiếng cười ngượng ngịu, nhưng ông lùi lại trước bộ mặt đe dọa của Lê-tra.

- Tôi không làm gì tai hại cả.

- Không tai hại à? Ông đã làm tất cả những gì cần làm để cho một người vô tội phải bị treo cổ. Nếu không có Sherlocks Holmes thì ông đã thành công trong cái mưu mô ác độc đó rồi. Kẻ gian ác bắt đầu khóc rấm rứt :

- Thưa ông, tôi xin đoán chắc với ông rằng đây chỉ là một trò đùa, không hơn không kém.

- "Một trò đùa hả? Nhưng tôi, tôi không sẵn lòng cười đâu? Hãy đưa ông này vào trong phòng khách cho tới khi tôi xuống... Thưa ông Holmes !" Nhà thám tử nói tiếp, sau khi Jonas đã được đưa đi cùng với ba cảnh sát, "tôi không thể nói ra trước mặt các thuộc viên, nhưng trước mặt bác sĩ Watson, tôi xin thành thật nhìn nhận rằng ông đã thành công. Đây là một trong những cú đẹp nhất trong sự nghiệp của ông... Ông đã cứu được mạng sống cho người vô tội và đã ngừa trước một vụ tai tiếng lớn lao có thể làm tiêu tan danh tiếng Lê-tra này trong sở Scotland Yard.

Holmes mỉm cười, vỗ lên vai Lê-tra.

- Thay vì danh tiếng bị tiêu tan, tên tuổi ông bạn tốt của tôi sẽ được lấy lừng thêm nữa. Ông bạn chỉ cần sửa đổi vài điều trong bản báo cáo mà ông đang viết đó, và tất cả mọi người sẽ hiểu là chẳng ai có thể đem phẩn mà ném vào mặt thanh tra Lê-tra.

- Bộ ông không muốn tôi nêu tên ông ra?

- Phải ! Và bây giờ chúng ta hãy đến xem cái hang của con chuột đi !

Một bức vách ngăn bằng lát nan và trát thạch cao đã được sắp xếp trên hai mét chiều dài ở cuối hành lang, với một cánh cửa được che giấu một cách khéo léo. Ánh sáng đến từ các khe hở của những tấm nan lát. Có vài ba món đồ, thức ăn và nước uống ở bên trong, cũng như có nhiều cuốn sổ và tài liệu. Holmes nói :

- Nhà thầu khoán này đã tự làm lấy cái chỗ ẩn náu nhỏ bé này mà chẳng cần đến một kẻ đồng lõa, ngoại trừ cái mũ đây tứ quý hoá mà tôi sẽ mau chóng nhét vào trong cái đáy hai túi của tôi, nếu tôi ở địa vị ông, ông Lê-tra.

- Tôi sẽ theo lời khuyên của ông. Nhưng làm thế nào mà ông lại biết được chỗ này, thưa ông Holmes?

- Tôi có ý nghĩ là lão già quý quyết này trốn ngay trong nhà mình. Khi sải bước trong hành lang, tôi khám phá ra rằng nó ngắn hơn dãy hành lang tương tự ở phía dưới mất hai mét : ngay tức khắc, tôi đoán ra được nơi lão trốn. Tôi tự nhủ là hẳn không đủ vững tinh thần để không nhúc nhích trong lúc có báo động cháy nhà. Tất nhiên là chúng ta có thể xông vào bắt hẳn nhưng tôi lại thích hẳn phải tự mình chường mặt ra. Và chẳng tôi cũng muốn chọc quê ông một chút chơi, vì hồi nãy ông đã chế nhạo tôi.

- Vậy thì, ông đã ăn miếng trả miếng rồi đấy nhé. Một hòa nhé ! Nhưng làm thế nào mà ông biết được con quý đó ở trong nhà?

- Dấu lằn tay. Ông đã bảo với tôi rằng đó là *một bằng chứng quyết định*. Đúng, ông có lý, *nhưng nó quyết định cho sự ngược lại*. Tôi đã biết ngày hôm qua trên tường không có dấu vết đó. Vậy thì nó đã được thêm vào trong đêm khuya.

- Bằng cách nào?

- Khi những xấp giấy đã được niêm phong, Jonas yêu cầu McFarlane kiểm tra một trong những con dấu bằng cách ấn ngón tay cái lên sáp mềm. Điều đó đã xảy ra thật nhanh và thật tự nhiên đến nỗi người thanh niên không còn nhớ gì nữa. Ngay chính cả lão quý này cũng không chắc đã nghĩ đến là về sau sẽ còn sử dụng cái dấu tay đó. Nhưng khi trốn trong hang, hẳn đã nghiên ngẫm lại nội vụ và bất chợt thấy được tầm quan trọng của sự buộc tội McFarlane nếu hẳn sử dụng cái dấu tay đó. In lại một dấu tay trên xi, bôi máu vào nó, rồi đem in lại nó trên tường (hoặc do chính tay hẳn hoặc qua trung gian của mục đây tớ), chỉ là trò trẻ con đối với cái tên vô lại đó. Nếu như ông chịu bỏ công ra mà xem xét các tài liệu mà y đã đem cất trong cái hang của y, tôi dám cá với ông là ông sẽ tìm thấy con dấu niêm với vết lằn tay ở bên trên.

- "Tuyệt vời !". Lê-tra reo lên. "Thật rất rõ ràng. Nhưng tại sao lại có một sự đánh lừa ác hiểm đến như thế, thưa ông?"

Tôi không thể ghim được một nụ cười : tất cả sự tự mãn đến xác xơ của viên thanh tra đã rớt xuống ; người ta dám nói đây là một cậu học trò đang hỏi ý kiến ông thầy.

- Hấn là một nhân vật rất thâm, rất ác, rất ham trả thù. Thuở xưa, hấn đã bị bà mẹ của McFarlane hủy bỏ lời hứa hôn, hấn coi đó là một điều bị lăng nhục, và để lòng hận thù, hấn muốn được trả món thù xưa, nhưng chưa có cơ hội. Trong hai năm gần đây, những vụ kinh doanh của hấn đã gặp những tình huống xấu : hấn khó mà trả được nợ. Hấn quyết định quyt nợ ; và vì mục đích ấy, hấn đã viết những chi phiếu lớn cho một ông tên là Cornelius. Tôi chưa theo dõi những chi phiếu đó, nhưng tôi dám đánh cuộc là chúng đã được phát hành cho người nhận đó trong một tỉnh lẻ là nơi mà, thỉnh thoảng Jonas đến đó sống một cuộc sống khác. Hấn đã có ý định thay tên đổi họ, rút lấy tiền và rời bỏ đi nơi khác sinh sống. Cornelius chính là tên giả của hấn.

- Rất có lý.

- Hấn cho rằng nếu hấn bị mất tích trong một trận hỏa hoạn thì hấn sẽ thoát được tất cả mọi sự truy tố, cùng lúc hấn sẽ thực hiện được một cuộc trả thù khủng khiếp đối với người phụ nữ năm xưa, bằng cách làm cho đứa con trai duy nhất của bà vào tù. Và hấn đã thực hiện điều này như một bậc thầy : *Ngón khéo của bàn chửi thề, động cơ gây tội ác, cuộc viếng thăm bí mật mà cha mẹ chàng trai không biết, sự đánh xoay cây can, vết máu, những máu vụn bị cháy thành than của thịt động vật, những cái nút áo, nút quần...* tất cả đều đáng khâm phục. Hấn đã giăng lưới khéo đến nỗi cho tới sáng nay tôi còn chưa biết thoát ra bằng cách nào. Nhưng hấn đã không biết dừng lại. Hấn lại còn muốn siết chặt thêm nữa sợi dây thông lọng vốn đã quấn lấy cổ chàng trai, cho nên hấn đã bị mất hết. Chúng ta xuống thôi, Lê-tra.

Tên vô lại ngồi trong phòng khách của chính y, bị kèm sát bởi hai viên cảnh sát. Hấn rên rỉ :

- Đó chỉ là một trò đùa, thua ông Đại Lượng. Tôi ẩn trốn là để muốn biết người ta nghĩ gì về tôi, sau khi "tôi chết".

- Đoàn bồi thẩm sẽ quyết định việc đó. - Lê-tra trả lời.

- Và chắc chắn là ông sẽ được biết rằng các chủ nợ của ông sẽ tịch biên cái tài khoản trong ngân hàng của ông Cornelius. - Holmes nói thêm. Lão già giật nẩy mình và hướng đôi mắt dữ tợn của y về phía bạn tôi :

- Một ngày nào đó, tôi sẽ trả món nợ này.

Holmes nở một nụ cười khoan dung.

- Trong vài năm tới , ông sẽ rất bận rộn. Nhân đây xin cho hỏi một câu : ông đã ném cái gì vào trong đồng gỗ cùng với cái quần cũ của ông? Một con chó chết? Những con thỏ? hay là cái gì? Ông không muốn nói ra ư? Ôi ! Ông thật khó thương biết bao !

Những hình nhân nhảy múa

Holmes cầm mảnh giấy trên bàn đưa cho tôi rồi quay lại với công việc phân tích hóa học.

Tôi ngạc nhiên thấy tờ giấy được vẽ những chữ tượng hình :

- Chú nhái nào vẽ thế?

- Ý kiến của anh vậy à?

- Cái này là cái gì?

- Ông Hil-ton cũng muốn biết đó là cái gì. Ông đã chuyển nó cho chúng ta ngay từ chuyến thư đầu tiên, còn ông sẽ đến đây bằng tàu hỏa. Anh có thấy chuông reo không? Có lẽ ông ta đến đây !

Tiếng những bước chân nặng nề vang lên ở cầu thang. Lát sau, một người cao lớn, bảnh bao, má ửng hồng bước vào phòng. Sau khi bắt tay chúng tôi, ông định ngồi xuống ghế. Đột nhiên ông chú ý ngay đến mảnh giấy có những ký hiệu ngộ nghĩnh mà tôi mới xem xong và đặt trên bàn.

- Ông nghĩ sao về cái này, ông Holmes. Người ta nói rằng ông là người ưa thích những chuyện bí ẩn.

- Đây thực sự là những hình vẽ rất bí ẩn. Thoạt nhìn có thể coi nó là trò nghịch ngợm của trẻ con. Người lớn nào có thể vẽ những hình người nhảy múa rời rạc như vậy? Thế nhưng vì sao ông lại cho rằng mảnh giấy quái đản này có một ý nghĩa quan trọng?

- Tôi sẽ không gán cho nó một ý nghĩa nào cả, nếu không có chuyện vợ tôi... Nàng đã chết khiếp khi nhìn thấy nó.

Holmes khê nâng tờ giấy lên. Đó là một mảnh giấy được xé ra từ một cuốn sổ tay. Những hình ảnh như thế này được vẽ bằng bút chì trên mặt giấy.

Holmes chăm chú xem tờ giấy, thận trọng gấp lại và cất vào trong ví.

- Câu chuyện hứa hẹn nhiều điều bí ẩn khác thường. Trong thư, ông đã kể rồi, song xin ông vui lòng kể lại chuyện ấy cho người bạn của tôi, bác sĩ Watson đây nghe.

- "Hàng trăm năm nay, dòng họ của tôi được coi là dòng quý tộc danh tiếng nhất ở Norfolk. Năm ngoái, khi đi dự hội ở Luân Đôn, tôi lưu lại trong một ngôi nhà bày đồ gỗ ở công trường Russel và vị linh mục của địa phương chúng tôi cũng dừng chân tại đó. Một cô gái quý tộc người Mỹ là Elsie Patrick, sống trong ngôi này. Chúng tôi nhanh chóng trở nên thân mật với nhau. Chưa đầy một tháng tôi đã yêu nàng. Chúng tôi chịu phép cưới ở nhà thờ rồi cùng nhau đến sống tại Norfolk.

"Với tôi, nàng rất thành tâm và thẳng thắn. Elsie nói rằng tôi có quyền từ chối lễ cưới nếu tôi muốn : *"Cuộc đời trước đây của em có nhiều chuyện thật không vui. Em muốn quên đi tất cả. Em không muốn trở lại quá khứ của mình. Nếu lấy em thì có nghĩa là anh lấy một người đàn bà chưa hề làm điều gì đáng phải hối hận cả. Anh hãy tin vào lời em nói, và cần cho phép em không dấn động gì tới quãng đời quá khứ của em. Nếu không được như vậy, anh hãy quay trở về Norfolk đi ! Em sẽ tiếp tục sống cô độc như trước đây"*.

"Nàng đã nói với tôi như vậy vào hôm trước lễ cưới. Tôi trả lời nàng rằng : *Anh sẵn lòng chiều theo ý em. Chúng tôi thành vợ chồng được một năm nay. Thời gian trôi đi thật êm đềm. Thế nhưng cách đây một tháng. Vợ tôi nhận được một*

lá thư gửi từ bên Mỹ. Mặt nàng xanh tái. Nàng đọc xong lá thư rồi ném vào lửa. Nàng không nhắc lại chuyện đó, và tôi cũng không hỏi, vì "quân tử bất hí ngôn" mà ! Có điều, từ đấy trở đi, nàng không bình tâm được lấy một phút. Gương mặt nàng luôn tỏ ra khiếp đảm. Có thể thấy rõ rằng nàng đang mong đợi một cái gì đó.

"Rồi cách đây gần một tuần, tôi đã nhìn thấy trên bậu cửa sổ những hình nhảy múa như trên mảnh giấy này. Chúng được vẽ bằng phấn. Tôi nghĩ cậu bé làm ở tàu ngựa đã vẽ chúng. Nhưng cậu ta thề thốt rằng cậu không biết gì cả. Chúng xuất hiện vào ban đêm. Tôi lau sạch đi, và vô tình nhắc tới chúng trong một lần nói chuyện với nàng.

"Nàng yêu cầu tôi chỉ cho nàng coi, nếu tôi lại trông thấy những hình nhân như thế. Suốt một tuần liền, không thấy chúng xuất hiện. Thế rồi sáng hôm qua, tôi nhặt được mảnh giấy này trên chiếc đồng hồ mặt trời ngoài vườn. Tôi chỉ cho nàng coi và lập tức nàng ngắt xiu đi. Từ giờ phút ấy, nàng sống chập chờn như trong mơ. Đôi mắt nàng tràn đầy nỗi khiếp sợ. Tôi không thể nhờ đến cảnh sát, vì họ sẽ cười chế nhạo tôi. Còn ông thì khác, ông sẽ nói cho tôi biết tôi cần phải làm gì. Tôi không giàu có, nhưng sẵn sàng tiêu đến đồng xu cuối cùng để bảo vệ nàng".

Tình yêu thương và lòng chung thủy với vợ được ghi lại trên từng nét mặt nhỏ nhất của khuôn mặt ông. Holmes nghe hết câu chuyện với sự chăm chú sâu sắc. Sau đó anh trầm ngâm hồi lâu. Cuối cùng, anh nói :

- Ông không thẳng thắn yêu cầu vợ ông nói hết ra những bí ẩn ấy hay sao?

Hil-tơn lắc lắc cái đầu đồ sộ của mình :

- Lời hứa ông Holmes ạ ! Nếu Elsie muốn, thì nàng đã kể cho tôi nghe rồi. Còn nếu nàng không muốn, tôi không ép nàng.

- Nếu vậy, tôi sẽ hết lòng giúp ông. Hãy nói cho tôi biết có người nào ở nơi khác đến sống cạnh gia đình ông không?

- Không.

- Tôi biết ông sống ở một nơi rất hẻo lánh. Sự xuất hiện của bất kỳ người lạ nào không thể không để lại dấu vết.

- Nếu có người lạ mặt nào ở ngay cạnh nhà tôi, tất nhiên tôi đã biết. Có điều, cách không xa từ chỗ chúng tôi có vài làng ven biển với những bãi tắm lớn. Các điền chủ đã cho những người từ xa đến thuê các phòng nghỉ khang trang.

- Trong những hình vẽ kỳ quái này chắc chắn ẩn chứa một ý nghĩa nào đấy. Theo ý tôi, ông cần trở lại Norfolk, chú ý theo dõi tất cả những gì diễn ra chung quanh. Còn khi ông phát hiện ra ở nơi nào đó những hình nhân nhảy múa mới, thì ông cần chép y lại một cách tỉ mỉ nhất. Đáng tiếc là ông đã không sao lại những hình người được vẽ bằng phấn trên bậu cửa ! Hãy dò xét tất cả những người quen biết xuất hiện ở cạnh nhà. Và khi nhận ra được một chút gì mới, ông hãy đến ngay chỗ tôi. Nếu thấy cần thiết, tôi sẵn sàng đến chỗ ông.

Sau cuộc gặp gỡ nói trên, Holmes thường hay trầm ngâm suy nghĩ. Nhiều lần tôi trông thấy anh chăm chăm xem những hình người ngộ nghĩnh được vẽ trên đá. Tuy nhiên, chỉ sau hai tuần, anh lại bắt đầu trò chuyện với tôi về chuyện này. Lúc tôi sửa soạn bước ra khỏi nhà, anh đột nhiên ngăn tôi lại :

- Tốt hơn cả là anh hãy ở nhà !

- Vì sao?

- Sáng nay tôi nhận được điện của Hil-ton. Ông ấy có ý định đi Luân Đôn vào lúc 10 giờ. Chỉ vài phút sau nữa, ông ta sẽ đến đây. Theo bức điện, tôi hiểu rằng ông đã có những tin tức cực kỳ quan trọng.

Chúng tôi chờ đợi không lâu thì vị điền chủ đã từ sân ga phóng thẳng đến chỗ tôi. Mặt ông ta lộ rõ vẻ lo âu.

- "Câu chuyện khiến tôi bực mình, ông Holmes ạ !" Ông ta buông mình xuống ghế bành và nói. "Thật là quá khổ tâm

khi ta cảm thấy bị những người xa lạ vô hình toan đẩy ta vào một hiểm họa nào đấy, còn khủng khiếp hơn nữa khi nhận ra rằng từ ngày này qua ngày khác, những con người đó dần dần hủy diệt người thân của ta. Nàng đã giấu tôi !”

- Bà ấy đã nói với ông điều gì phải không?

- Không nói điều gì cả. Có lúc nàng như muốn kể cho tôi nghe hết thảy, chúng tôi không đủ cương quyết. Tôi toan giúp nàng, thì tôi vụng về đến mức chỉ làm nàng sợ hãi thêm. Nàng bắt đầu hay nói về chuyện chúng tôi thuộc một dòng họ lâu đời như thế nào, mọi người trong dòng họ kính trọng tôi ra sao, chúng tôi tự hào về lương tâm trong sạch của mình như thế nào. Lần nào cũng vậy, tôi cảm thấy nàng muốn nói thêm một điều gì, nhưng rồi lại thôi.

- Ông có phát hiện ra cái gì không?

- Rất nhiều, ông Holmes ạ ! Tôi đưa đến cho ông hàng đống những hình nhân nhảy múa mới đây. Nhưng quan trọng nhất là cái này...

- Ai vẽ chúng thế?

- Tôi nhìn thấy nó sau giờ làm việc. Nhưng hãy cho phép tôi kể theo trình tự. Sau khi từ chỗ ông trở về, ngay sáng hôm sau, tôi đã tìm thấy những hình người nhảy múa mới. Chúng được vẽ bằng phấn trên cánh cửa sổ màu đen của kho chứa củi nằm cạnh bãi cỏ. Tôi sao chép lại tất cả. Đây, chúng đây !

Ông ta rút tờ giấy, mở ra và đặt lên bàn. Những chữ tượng hình như thế này được vẽ trên mặt giấy.

- Tuyệt vời ! Thật tuyệt vời. Hãy tiếp tục đi !

Khi vẽ lại xong, tôi xoá chúng. Thế mà hai ngày sau, trên cánh cửa ấy lại xuất hiện hàng mới. Chúng đây !

Holmes bật cười vì vui sướng :

- Tài liệu của chúng ta được tăng lên mau chóng.

- Sau 3 ngày, trên chiếc đồng hồ mặt trời lại xuất hiện một lá thư nhỏ nằm ở dưới một viên đá. Chúng đây ! Ông thấy

không, những hình vẽ ở trên đó chính là hình vẽ ở lá thư đầu tiên.

Thế là tôi quyết định rình người đã vẽ. Suốt từ một đến hai giờ khuya, tôi cầm súng lục, ngồi ở cạnh cửa sổ và nhìn ra khu vườn đầy ánh trăng. Tôi nghe thấy tiếng những bước chân sau lưng mình. Ngoái cổ lại, tôi nhận ra vợ tôi trong bộ quần áo dài mặc ở nhà. Nàng năn nỉ tôi trở vào giường nằm. Tôi thành thực nói với nàng rằng tôi muốn xem ai là người làm trò tinh nghịch ấy. Nàng nói rằng đây chỉ là một trò đùa vớ vẩn, không đáng quan tâm đến.

- Nếu chuyện đó làm anh bực bội như thế, thì chúng ta hãy cùng ra đi. Khi ấy sẽ không một ai quấy rầy chúng ta nữa.

- Sao kỳ vậy? Nếu làm vậy, cả dòng họ sẽ chế nhạo chúng ta.

- Hãy đi nghỉ thôi ! Sáng mai chúng ta sẽ bàn tiếp chuyện đó vậy. - Nàng nói.

Tự nhiên khuôn mặt nàng tái xám đi (tôi nhận ra điều này thậm chí ngay cả dưới ánh trăng). Bàn tay nàng bám chặt vào vai tôi. Có một cái gì động đậy trong bóng tối của kho chứa củi. Một bóng đen gập người từ góc vườn trườn ra rồi ngồi lại trước cửa. Tôi giật lấy khẩu súng lục, chạy lao người về phía trước. Nhưng vợ tôi đột nhiên ôm chầm lấy tôi, giữ tôi đứng lại. Tôi càng cố giẫy ra, nàng càng bám lấy tôi táo tợn hơn. Cuối cùng, tôi dứt được ra. Song lúc đẩy cửa chạy tới kho chứa củi thì bóng đen đã biến mất. Tôi lùng sục khắp vườn vẫn không tìm ra dấu hấn. Sáng hôm sau, tôi lại xem xét cửa kho củi thì dưới hàng chữ mà tôi đã có dịp nhìn thấy, lại xuất hiện thêm vài hình người mới.

- Ông có chép lại không?

- Có chứ !

Ông ta lại cho chúng tôi coi một mảnh giấy khác. Những hình người nhảy múa mới có dáng vẻ như sau.

- Những hình người này được vẽ thêm vào hàng chữ trước đây hay được vẽ riêng ra? - Holmes hỏi, về xúc động.

- Chúng được vẽ trên thang gỗ, phía dưới cánh cửa.

- Thật tuyệt ! Điều này đối với chúng ta hệ trọng hơn tất cả. Nó gieo niềm hy vọng. Ông Hil-son, ông hãy tiếp tục câu chuyện lý thú này !

- Tôi rất giận vợ tôi vì nàng đã ngăn không cho tôi lùng bắt tên vô lại. Tôi muốn nhờ năm sáu chàng trai rình trong bụi cây, chờ dịp nện cho nó một trận nện thân.

- Căn bệnh quá trầm trọng sẽ không được chữa khỏi bằng thứ thuốc thông thường đâu. Ông có thể lưu lại Luân Đôn trong bao lâu ! - Holmes hỏi.

- Tôi phải trở về ngay hôm nay. Nàng rất lo và đã yêu cầu tôi quay về càng sớm càng tốt.

- Ông hoàn toàn có lý. Song, giả như ông có thể ở lại thì sau một hoặc hai ngày gì đó, tôi sẽ cùng đi với ông. Dầu sao cũng phải để những mảnh giấy này lại cho tôi.

Theo thói quen nghề nghiệp, Holmes gắng tỏ ra thật bình tĩnh. Nhưng tôi nhận thấy anh đang xúc động. Đòi vai rộng của Hil-son vừa khua sau cánh cửa, anh bạn tôi đã chạy bỏ đến bàn, trải các mảnh giấy ra. Trong vòng hai tiếng, anh đã viết hết từ tờ này đến tờ khác la liệt những con số và chữ cái. Công việc này cuốn hút anh tới mức hình như anh quên mất sự có mặt của tôi trong phòng. Cuối cùng, anh hài lòng kêu lên, nhồm phất dậy, vừa xoa xoa hai tay vừa chạy khắp phòng. Sau đó anh chuyển đi một bức điện dài.

- Có lẽ sáng mai tôi và anh sẽ cùng đi Norfolk . Chắc chắn cuốn sách của anh sẽ phong phú thêm nhờ có câu chuyện ly kỳ này.

Óc tò mò hành hạ tôi, nhưng tôi biết Holmes chỉ nói khi nào thấy cần thiết.

Thế là tôi nén lòng chờ đợi.

Thế nhưng không có điện trả lời. Suốt hai ngày liền, Holmes phập phồng lắng nghe từng tiếng chuông reo. Chiều ngày thứ hai chúng tôi nhận được thư của Hil-ton. Ông ta cho biết ở chỗ ông tất cả đều yên tĩnh nhưng sáng nay, trên giá đỡ của chiếc đồng hồ mặt trời đã xuất hiện hàng chữ dài nhất. Bản sao chép chính xác dòng chữ này được đính kèm lá thư. Hàng chữ được kẻ như thế này.

Holmes gặp người trước bản vẽ kỳ quái. Bất thình lình anh nhồm phất dậy, kêu lên ngạc nhiên và giận dữ. Khuôn mặt lo âu của anh trở nên cau có : - Chúng ta đã để cho công việc đi quá xa mất rồi ! Buổi chiều có chuyến tàu nào đi tới North-Walsham ?

Tôi liếc nhìn vào bảng giờ tàu chạy. Chuyến tàu cuối cùng đã khởi hành.

Holmes nói :

- Sáng mai ta bắt buộc phải đi chuyến tàu đầu tiên vậy. Sự có mặt của chúng ta ở đó là rất cần thiết. Người khách hàng của chúng ta đang sa vào mạng lưới cực kỳ nguy hiểm !

Chúng tôi vừa mới xuống North-Walsham thì người xếp ga đã chạy hỏi :

- Các ông là những thám tử từ Luân Đôn tới.
- Sao ông lại nghĩ như vậy?
- Bởi vì viên thanh tra Mác-tin cũng từ Norwich qua đây. Các ông là bác sĩ? Bà ta vẫn còn sống ; các ông sẽ còn kịp để cứu bà ta...

Holmes cau có và lo ngại :

- Chúng tôi sẽ đến Ridling Thorpe. Nhưng chưa rõ chuyện gì đã xảy ra ở đó.

- "Một chuyện khủng khiếp". Người xếp ga nói. "Ban đầu bà ta bắn ông ấy, rồi sau đó tự bắn mình. Những người hầu gái kể như vậy. Ông ta đã chết và bà cũng sẽ chết. Than ôi !".

Holmes nhảy lên xe ngựa. Anh hoàn toàn im lặng trong suốt cuộc hành trình. Tôi ít có dịp thấy anh rơi vào một tâm

trạng âu sầu đến thế. Ngay từ đầu, tôi đã thấy anh hết sức lo ngại lúc xem qua những tờ báo buổi sáng. Thế nhưng lúc này, khi những nỗi lo sợ tồi tệ nhất của anh đã được xác nhận thì anh như hoá đá. Anh ngồi ngả người về phía sau, đắm mình trong những ý tưởng buồn bã. Trong khi ấy, chúng tôi đi qua một trong những nơi kỳ thú nhất của nước Anh. Cư dân trong vùng sống thưa thớt. Nhưng theo mỗi bước chân đi nổi bật lên trên cánh đồng xanh mướt là những chiếc tháp cao, to, xác nhận niềm vinh quang của miền Đông nước Anh xưa kia.

Cuối cùng, bác xà ích dùng roi chỉ cho chúng tôi coi hai mái nhà nhọn đầu giữa thôn quê :

- Thái ấp Ridling Thorpe đấy !

Đến gần ngôi nhà, tôi để ý thấy phía trước có một chiếc kho chứa củi màu đen nằm sau cái sân um tùm và chiếc đồng hồ mặt trời đặt trên bệ. Một người lanh lợi với bộ ria tủa tót cẩn thận vừa nhảy từ xe hai bánh xuống. Đó là viên thanh tra Mác-tin. Ông ta kinh ngạc khi trông thấy người bạn tôi.

- Thưa ông Holmes, tội ác đã được thực hiện vào lúc 3 giờ sáng ! Do đâu mà ông biết được và đã đến đây cùng một lúc với chúng tôi?

- Tôi đoán ra và đi đến để ngăn chặn tội ác.

- Ông có những tài liệu mà chúng tôi không có.

- Tôi chỉ có những tin tức nhận được từ những hình người nhảy múa. Tôi đã đến muộn : không ngăn chặn được nó... Ông có cần tiến hành điều tra cùng với tôi không? Hay ông thích để tôi tự tìm hiểu lấy?

- Được tiến hành cùng với ông là một vinh dự lớn đối với tôi, ông Holmes ạ ! - Viên thanh tra thành thật trả lời.

- Trong trường hợp này, tôi muốn lắng nghe những lời khai của các nhân chứng, và tận mắt xem hiện trường.

Thanh tra Mác-tin thông minh đến mức cho phép Holmes xử sự theo cách riêng của mình. Bác sĩ địa phương, vừa ở

trong phòng bà Hil-tơn bước ra. Ông nói rằng sức khỏe của bà chưa hết hy vọng, viên đạn chỉ mới sượt vào não. Về câu hỏi bà ta tự bắn vào người hay do một người nào khác bắn thì ông không dám quyết đoán.

- Ở bất kỳ trường hợp nào, phát súng cũng được bắn từ một cự ly rất gần. Người ta chỉ tìm thấy trong phòng một khẩu súng ngắn và hai vỏ đạn. Ông Hil-tơn bị bắn thẳng vào tim. Có thể giả thiết rằng trước tiên ông ta bắn vợ và sau đấy bắn mình. Cũng có thể giả thiết chính bà vợ gây tội ác đầu tiên, vì khẩu súng ngắn nằm trên vạt áo của bà.

- Ông khám xét nạn nhân chưa? - Holmes hỏi.
- Chưa. Chúng tôi chỉ mới nâng bà lên và chuyển đi.
- Ông ở đây lâu chưa, bác sĩ?
- Từ bốn giờ sáng.
- Có ai khác ngoài ông ở đây không?
- Có. Kiểm tra viên.
- Ông không chuyển dịch cái gì ở đây chứ?
- Không.
- Ông đã hành động một cách thận trọng. Ai gọi ông đến?
- Chị hầu phòng Sô-đơ.
- Chị ta là người đầu tiên báo động phải không?
- Chị ấy và bà King, người nấu bếp.
- Bây giờ họ ở đâu?
- Có lẽ ở trong bếp.
- Chúng ta sẽ bắt đầu nghe các lời khai của họ.

Gian phòng cũ kỹ được ghép bằng gỗ sồi với những cánh cửa cao biến thành phòng điều tra. Holmes ngồi xuống ghế, mặt lạnh lùng. Tôi đọc trong ánh mắt của anh ý chí kiên quyết, nếu cần có thể hiến cả cuộc đời mình để con người kia được toại nguyện. Trong phòng, ngoài tôi ra còn có thanh tra Mác-tin, ông bác sĩ và một cảnh sát nông thôn.

Lời khai của hai người đàn bà chính xác ở mức độ cao : Tiếng súng đã đánh thức họ dậy. Sau chừng một phút, họ nghe phát súng thứ hai. Bà King đã chạy bỏ tới chỗ cô Sô-đơ. Họ cùng xuống cầu thang. Cửa phòng bị mở toang, cây nến chiếu sáng trên bàn. Chủ nhân nằm úp mặt xuống nền nhà ở giữa phòng, tắt thở. Vợ ông đang quần quai cạnh cửa sổ, đầu tựa vào tường. Máu đỏ khắp nửa mình. Bà ta vẫn thở, nhưng không thể nói được. Ngoài hành lang cũng như trong phòng đều có khói và phảng phất mùi thuốc súng. Cửa sổ bị đóng lại bằng chốt phía trong. Cả hai người đàn bà đều hoàn toàn khẳng định điều này. Ngay lập tức, họ đi gọi bác sĩ và cảnh sát. Sau đó, nhờ sự giúp đỡ của người coi ngựa và chú bé làm ở chuồng ngựa, họ đưa bà chủ bị thương sang phòng bà. Bà mặc bờ áo quần dài. Còn người chồng thì mặc đồ trong nhà, phía ngoài choàng áo ngủ. Vợ chồng họ không bao giờ to tiếng với nhau. Mọi người coi họ là cặp vợ chồng thân ái nhất.

Trả lời thanh tra viên Mác-tin, hai người phụ nữ nói rõ rằng tất cả song cửa sổ đều bị khóa lại từ phía bên trong, rằng không một ai có thể thoát ra khỏi nhà. Khi trả lời Holmes, hai người đều nhớ lại rằng *họ người thấy mùi thuốc súng ngay sau khi chạy ra từ phòng mình ở lầu hai*. Holmes nói với ông thanh tra :

- Chúng ta hãy chú ý tới sự việc này ; còn bây giờ, cần xem xét căn phòng đã diễn ra tội ác.

Đó là một căn phòng rất bé. Các giá sách choán hết ba phía tường, bàn làm việc đặt cạnh cửa sổ quay ra vườn. Chúng tôi để ý trước tiên đến thi thể kẻ bất hạnh nằm sòng soài trên nền. Áo quần xộc xệch. Chúng tỏ ông đã bị dựng dậy từ giường một cách vội vã. Viên đạn xuyên qua trái tim, kẹt lại trong người. Trên bộ quần áo cũng như hai bàn tay không có dấu tích của thuốc súng ; bác sĩ nói rằng trên người ông *Hil-ton*, chỉ có dấu vết của thuốc súng ở mặt, chứ không có trên bàn tay.

- Việc không có dấu vết của thuốc súng ở bàn tay chẳng chứng tỏ điều gì, *nhưng sự hiện diện của nó trên mặt lại chứng minh tất cả*; Anh sẽ không làm vậy bản bàn tay khi anh bắn... Bây giờ, có thể đưa thi thể ông Hil-son ra được rồi. Bác sĩ, có lẽ ông sẽ không tìm được các viên đạn bắn bà Hil-son. - Holmes nói.

- Muốn vậy, buộc phải tiến hành một ca mổ nghiêm túc. Trong khẩu súng còn 4 viên đạn, ngoài này có 2 *phát súng* và 2 *vết thương*. Thật ra không khó khăn gì khi xác định số phận của từng viên đạn.

- Xin làm ơn xác định giùm số phận của viên đạn xuyên qua rìa khung cửa sổ kia kia !

Anh đột nhiên quay người lại và dùng ngón tay chỉ vào lỗ thủng ở thanh nối phía dưới của khung cửa sổ. Viên thanh tra kêu lên :

- Tài thật ! Ông phát hiện ra cái đó bằng cách nào vậy?

- Tôi tìm ra vì tôi có ý đi tìm nó.

- "Tài tình thật !" Ông bác sĩ nói. "Ông hoàn toàn có lý, nghĩa là *phát súng thứ ba*, và đã có người *thứ ba*. Nhưng hẳn là ai? Hẳn đã biến đi đâu?"

- Ông thanh tra, các nữ hầu nói rằng *lúc chạy ra từ phòng mình*, họ đã *ngửi thấy mùi thuốc súng* và tôi đã nói với ông rằng ta cần *lưu ý đến điều đó*.

- Tôi nhớ. Nhưng tiếc thay tôi không nắm được ý của ông.

- *Điều đó chứng tỏ cả cửa ra vào lẫn cửa sổ đều bị mở toang. Nếu không, khói thuốc súng không thể lan tỏa khắp nhà với một tốc độ nhanh như thế. Chỉ có gió lùa mới thổi khói thuốc bay xa đến như vậy. Trong phòng này, các cửa vào lẫn cửa sổ được mở ra trong khoảnh khắc.*

- Tại sao?

- Bởi vì ngọn nến này hãy còn sáng.

- Đúng vậy. - Thanh tra kêu lên.

- Khi biết chắc vào thời gian xảy ra vụ án, các cửa sổ bị mở ra, tôi đã kết luận rằng có người thứ ba tham dự vào : người đó đứng ở phía ngoài và bắn qua cửa sổ. Còn viên đạn nhảm bắn vào người thứ ba thì có thể đã ghim vào khung cửa sổ. Tôi đã nhìn thấy và thực tế đã tìm ra dấu tích của viên đạn.

- Nhưng cửa sổ được đóng lại bằng cách nào?

- Chắc chắn người đàn bà đã đóng lại, đóng lại một cách vô ý thức... Nhưng cái gì thế này?

Trên bàn có một chiếc ví phụ nữ. Chiếc ví nhỏ nhắn làm bằng da cá sấu được ngăn bằng một lớp bạc lộng lẫy. Holmes mở ví ra, trút các thứ lên bàn.

Trong đó có tất cả 20 phiếu tín dụng, 50 bảng Anh.

- "Hãy cầm lấy !" Những thứ này sẽ được chuyển tới trong phiên tòa". Holmes nói và chuyển cho viên thanh tra. "Bây giờ cần làm sáng tỏ viên đạn thứ ba hướng tới người nào? Lô thủng ở khung cửa sổ cho thấy người ta bắn tới từ phòng này. Tôi muốn thảo luận lại với bà King... Bà nói rằng phát súng nổ lớn đã đánh thức bà dậy. Ý bà muốn nói phát đầu nổ to hơn phát thứ hai phải không?

- Tôi đang ngủ, cho nên tôi khó mà bàn luận được. Tôi chỉ cảm thấy tiếng nổ rất to.

- Bà không cho rằng cả hai phát súng hầu như nổ cùng một lúc chứ?

- Tôi không thể phân tích được điều đó.

- Tôi tin là đúng như vậy ! Ông thanh tra, trong căn phòng này, chúng ta không biết gì hơn được nữa đâu. Nếu các ông đồng ý, chúng ta sẽ cùng ra ngoài vườn và sẽ cùng xem xét ở đấy có điều gì thú vị không.

Ngay phía dưới cửa sổ căn phòng có một bồn hoa, khi đến đó, chúng tôi cùng kêu to lên. Hoa bị xéo nát. Những vết chân in hằn lên trên mảnh đất xốp rất rõ. Đó rõ ràng là những vết

chân đàn ông to bè rất dài và sắc. Holmes chân lướt trên cỏ, trên lá như chó săn lùng sục chim bị thương. Đột nhiên anh kêu lên sung sướng. Anh cúi xuống và nhặt lên một khối trụ nhỏ bằng đồng.

- Tôi biết mà ! Đây chính là viên đạn thứ ba.

Vẻ sững sốt in hằn trên nét mặt ông thanh tra. Rõ ràng ông thán phục tốc độ và tài nghệ của Holmes. Lúc đầu ông ta bảo vệ ý kiến của mình, thế nhưng chẳng bao lâu ông thực sự thích thú vì đã bị Holmes chinh phục hoàn toàn.

- Ông nghi ai? - Viên thanh tra hỏi.

- Còn chờ một chốc nữa thôi, sau đây tôi sẽ giải thích cho ông rõ hết thầy.

- Ông Holmes, chỉ mong sao kẻ sát nhân không được thoát.

- Mọi mối liên hệ của tội ác này đã nằm gọn trong tay tôi. Thậm chí nếu bà quý tộc không bao giờ tỉnh lại nữa, chúng ta vẫn khôi phục lại được tất cả những gì đã xảy ra vào đêm hôm qua và giành được công lý. Trước hết, tôi muốn biết cạnh đây có khách sạn nào tên là *Elrige's* không?

Người ta lấy khẩu cung các gia nhân trong nhà, nhưng không một ai nghe thấy tên một khách sạn như vậy. Chỉ có chú bé làm ở tàu ngựa đột nhiên nhớ tới một người có họ là *Elrige* ở gần East Ruston, cách đây vài dặm.

- Trang trại của ông ta rất biệt lập à?

- Vâng, rất biệt lập.

- Có lẽ ở đó người ta chưa biết chuyện gì đã xảy ra ở đây?

- Có lẽ thế, thưa ông !

Holmes ngẫm nghĩ, và trên khuôn mặt anh bỗng xuất hiện một nụ cười tinh quái :

- Thắng yên ngựa đi chú bé tài giỏi ! Tôi muốn chú chuyển thư đến điền trang *Elrige*.

Anh rút túi ra vài mảnh giấy có những hình người nhảy múa. Anh ngồi xuống bàn, trải rộng chúng ra trước mặt, rồi mài miết với công việc. Cuối cùng anh trao bức thư cho cậu bé. Yêu cầu cậu chuyển đến tận tay người có tên trong địa chỉ, và không được phép trả lời bất kỳ một câu hỏi nào. Tôi liếc nhìn địa chỉ. Nó được viết bằng chữ cong queo, thiếu chính xác, không giống chút nào với nét chữ rõ ràng lúc bình thường của Holmes. Bức thư chuyển cho ông Abe Slaney trang trại Elrige, East Ruston ở Norfolk.

- Ông thanh tra, tôi thấy cần chuyển điện cho đoàn hộ tống. Bởi, nếu điều tôi suy nghĩ đúng, thì ông sẽ phải áp tải một tên tội phạm cực kỳ nguy hiểm đến nhà tù. Chú bé có thể chuyển luôn bức điện của ông. Còn chúng ta, Watson ạ, chúng ta sẽ trở lại thành phố bằng chuyến tàu sau bữa ăn trưa, vì vào chiều hôm nay tôi cần phải kết thúc một sự phân tích hoá học kỳ thú. Công việc hiện đang đi nhanh tới kết thúc.

Khi cậu bé đưa thư phi ngựa đi, Sherlock Holmes cho triệu tập gia nhân lại. Anh cho biết, ai muốn viếng thăm bà Hil-son thì mau chóng rời khỏi phòng khách và không được báo cho bà ta biết những gì đã xảy ra ở đây. Anh đòi hỏi thi hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh. Sau đấy anh trở vào phòng khách và nói thêm rằng, lúc này mọi chuyện sẽ được tiến hành không có sự tham gia của chúng tôi, chúng tôi chỉ ngồi và chờ xem con thú nào sẽ sa bẫy mà thôi. Người bác sĩ lui tới chỗ bệnh nhân của mình. Chỉ có tôi và viên thanh tra ở lại với Holmes.

- "Tôi sẽ giúp các ông dùng một giờ chờ đợi này một cách lý thú và bổ ích". Holmes vừa nói vừa kéo ghế lại gần bàn và trải rộng ra trước mặt nhiều mảnh giấy với những hình người nhảy múa khác nhau. "Anh Watson ạ, tôi cần phải chuộc lỗi lầm của mình, tôi đã gợi trí tò mò của anh đến thế. Còn đối với ông, ông thanh tra, việc này là một bài học nghề nghiệp tuyệt vời. Trước hết, tôi cần kể cho ông nghe cuộc gặp gỡ của tôi với ông Hil-son tại nhà tôi.

Thế rồi anh kể vắn tắt cho viên thanh tra nghe những việc mà chúng ta đã biết.

- Trước mắt chúng ta là những bức vẽ ngộ nghĩnh. Có thể chúng sẽ gợi ra những nụ cười, nếu chúng không phải là những dấu hiệu báo trước một bi kịch. Hầu như tôi đã biết tất cả những loại chữ viết bí mật. Tôi là tác giả một bản chuyên khảo, trong đó tôi phân tích 160 hệ thống các chữ viết khác nhau, nhưng tôi phải thú nhận rằng hệ thống chữ viết này hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Những kẻ phát minh ra hệ thống chữ viết này khác hẳn muốn cho người ta có cảm giác rằng đó chỉ là những hình vẽ của trẻ con.

Tuy nhiên, tôi chắc rằng những hình vẽ này là ký hiệu của những chữ cái, tôi áp dụng những quy tắc thường dùng để đọc các chữ viết bí mật. Nhìn hình (1), tôi chưa hiểu được gì ngoài cái điều này : *Ký hiệu được vẽ kể bên đây, là một chữ E.* Thật vậy, bạn vui lòng nhớ kỹ cho : *hình người đứng, hai bàn chân áp sát mặt đất, đôi tay đưa lên trời, na ná như hình vẽ bên đây, là chữ E.* (Như các bạn đã biết, E là chữ được dùng nhiều nhất trong bảng chữ cái của tiếng Anh : ngay cả trong một câu ngắn, người ta cũng thường gặp nó.) Trong số 15 ký hiệu của hình (1) tôi đã thấy có tới 4 ký hiệu giống nhau. Đó là các con chữ thứ 4, thứ 6, thứ 9 và thứ 14). *Vậy việc suy diễn 4 ký hiệu đó, là chữ E, là một điều hợp lý.*

Sự thật là trong vài trường hợp, hình vẽ có mang một lá cờ, trong những trường hợp khác thì không. Nhưng, nhìn *cách phân phối những lá cờ*, tôi thấy dường như chúng được dùng để phân biệt *những-cụm-con-chữ* của một câu, nghĩa là ta thấy lá cờ làm nhiệm vụ của một dấu chấm câu (.) vậy.

Nhưng đến đây tôi bắt đầu đụng phải một điều khó khăn : sau chữ E, các chữ khác trong bảng chữ cái rất khó xếp hạng về sự xuất hiện nhiều hay ít trong tiếng Anh.

Trên nguyên tắc, thứ tự ưu tiên đó được xếp hạng đại khái như nhau : T trước, rồi tới A và kế đó là O.I.N.S.H.R.D.

và L. Nhưng T, A, O và I thường được dùng nhiều như nhau. Nếu tôi cố gắng thử phối hợp chúng với nhau theo nhiều cách cho đến khi nào thấy được "bức hình nhảy múa có một ý nghĩa", thì tôi sẽ tốn quá nhiều thời gian.

Vậy tôi phải chờ đợi có thêm nhiều câu khác : trong các hình (2), (3) và (4) toàn là những câu ngắn. Đặc biệt hình số (4) có 5 con-chữ mà tôi cho rằng nó chỉ là một từ (vì lẽ không có lá cờ).

Khi nhìn kỹ các hình nhân này, tôi thấy có 2 hình nhân là chữ E. Đó là hình thứ nhì và thứ tư. Một từ có 5 con-chữ mà trong đó có 2 chữ E nằm ở vị trí thứ nhì và tư, là từ nào?

Nó có thể là : SEVER (phân chia)

LEVER (đòn bẩy)

NEVER (không bao giờ)

Không còn nghi ngờ gì nữa, vì lẽ đây là một câu trả lời : chữ NEVER (không bao giờ) là chữ có thể đúng nhất. Và trong trường hợp này, chúng ta có thể nghĩ rằng đây là một câu trả lời do bà Hil-son viết.

Để kiểm tra lại các suy đoán của mình, tôi bèn cho rằng nếu 5 con chữ của hình (4) là NEVER thì 3 con chữ thứ nhất, thứ ba và thứ năm phải lần lượt là N, V, và R.

Người mang đòn : N

Người đá banh : V

Người đứng, không tay : R

"Nhưng khó khăn vẫn còn nhiều. May mắn là tôi nảy ra một ý nghĩ giúp tôi nắm được chìa khóa của nhiều chữ cái khác. Tôi nghĩ rằng những lời kêu gọi này xuất phát từ một người trước kia đã từng có liên hệ mật thiết với bà Hil-son : Một từ gồm : 2con-chữ E cách nhau bởi ba con-chữ cái khác như trong hình (3b) thì từ đó rất có thể là chữ ELSIE, nhất là từ này nằm ở cuối một câu. Vậy, đó có thể là một lời kêu gọi bà Elsie. Thế là tôi nắm thêm được những ký hiệu của những chữ cái L.S và I.

Nhưng, lời kêu gọi này có thể có ý nghĩa gì? Từ đi trước từ "Elsie" chỉ có 4 con-chữ và tận cùng bằng con chữ E. Từ này chắc phải là "Come" (hãy đến). Để kiểm tra xem có đúng như thế không, tôi thử tất cả những chữ khác gồm có 4 con-chữ đều tận cùng bằng E, nhưng không có chữ nào phù hợp với ý nghĩa của câu này. Vậy là tôi nắm được ký hiệu của những chữ cái C, O và M. Tới đây tôi có thể đọc bức hình 1. Tôi phân chia nó ra thành từng chữ và thay thế những dấu chấm vào các hình nhân chưa biết. Tôi đạt được kết quả như sau :

. M . R T R . . R D L . N R .

"Con chữ đầu tiên phải là chữ A thì mới có nghĩa. Đây quả là một khám phá rất quý báu, bởi vì ký hiệu này xuất hiện đến 3 lần trong câu ngắn này. Vậy là tôi có được AM HERE A.E SLANE. Tôi thay thế những chữ cái vào chỗ các hình chưa biết thì có "AM HERE ABE SLANEY (tôi đang ở đây, Abe Slaney).

"Bấy giờ tôi nắm được ký hiệu của rất nhiều chữ cái và có thể bắt đầu đọc đến hình (2).

Tôi có được :

A. ELRL ES

"Câu này chỉ có thể có một ý nghĩa nào đó, nếu tôi lần lượt thay một chữ T và một chữ G vào chỗ của hai dấu chấm và tôi có "AT ELRIGES" (ở Elriges) ; đây chắc hẳn là một ngôi nhà hay một cái quán, nơi tác giả của câu văn đang ở".

Thanh tra Mác-tin và tôi, cả hai cùng há mồm nghe những lời giải thích của Holmes, những lời giải thích đã giúp anh vượt qua được tất cả những khó khăn.

- Rồi sao nữa, thưa ông? - Viên thanh tra hỏi.

- Tôi có đủ lý do để cho rằng tên Abe Slaney này là một người Mỹ, bởi vì Abe là tên Mỹ, viết tắt của tên Abel, và tất cả cái bi kịch xảy đến cho ông bà Hil-ton đều bắt nguồn từ

một lá thư bèn Mỹ gửi sang. Tôi cũng có những lý do mạnh mẽ để tin rằng tất cả vụ này xoay quanh một bí mật tội lỗi. Việc bà Hil-ton nói bóng gió đến quá khứ của bà và việc bà cố chối không cho chồng biết cái quá khứ, đủ để cho tôi kết luận như thế. Tôi bèn gửi một bức điện tín cho ông bạn Wilson Hargreave của tôi, thuộc sở cảnh sát New York, hỏi ông ta có biết cái tên Abe Slaney là ai không. Câu trả lời là : "Tên lưu manh nguy hiểm nhất ở Chicago". Ngay trong buổi sáng ngày mà tôi nhận được câu trả lời đó, ông Hil-ton đã đến, cho tôi xem "tấm hình nhảy múa" cuối cùng của Slaney. E L S I E I . R E . A R E

Hình 5 T O M E E T T H Y G O .

Thay thế những hình nhân bằng những con-chữ-cái đã biết, tôi có được câu này :

ELSIE. RE .ARE TO M ET THY GO.

"Chỉ có hai chữ P và một chữ D mới bố túc được câu này một cách có ý nghĩa :

"ELSIE PREPARE TO MEET THY GOD"

(Elsie, hãy chuẩn bị về chào Chúa).

Đó là lý do vì sao tôi tức tốc đi ngay đến Norfolk cùng với ông bạn Watson.

- "Thật là có lợi vô cùng khi được làm việc với ông". Thanh tra Mác-tin nói bằng một giọng đầy phấn khởi. "Tuy nhiên, nếu tên Abe Slaney này đã bỏ trốn trong khi tôi đang ngồi ở đây chắc chắn tôi sẽ bị nhiều chuyện rắc rối lớn !"

- Ông dừng sợ : hắn không trốn đâu.
- Làm sao ông biết.
- Nếu hắn trốn là hắn sẽ tự thú nhận là mình có tội.
- Vậy chúng ta đi bắt hắn.
- Chốc nữa hắn sẽ đến đây.
- Tại sao hắn lại đến?

- Tại vì tôi viết thư mời hấn

- Nhưng không thể được, ông Holmes ! Tại sao hấn lại chịu đến đây chỉ vì có lời yêu cầu của ông?

- Lá thư tôi viết sẽ có hiệu quả. Kia, hấn đã đến kia !

Một người đàn ông tiến theo lối đi đưa đến cửa lớn. Thân hình cao lớn, vạm vỡ, nước da sạm nắng, trên gương mặt của hấn nổi bật một hàm râu đen xồm xoàm và một chiếc mũi quặp to lớn. Hấn đi một cách hiên ngang như thể ngôi nhà này đã thuộc về hấn rồi, một cây cần quơ qua quơ lại trong không khí.

- "Này các ông", Holmes nói bằng giọng bình tĩnh, "chúng ta nên thủ thế sẵn sàng sau cánh cửa. Với một tên cướp, như thế này, chúng ta phải hết sức cẩn thận. Ông thanh tra, xin vui lòng để tôi ra tay trước".

Cánh cửa mở ra, hấn bước vào. Ngay lúc đó, Holmes dí súng dưới mũi hấn và Mác-tin còng tay hấn lại. Động tác này diễn ra quá bất ngờ và quá nhanh chóng khiến Slaney chưa kịp phản ứng gì. Hấn nhìn chúng tôi bằng đôi mắt giận dữ rồi cất lên một tràng cười chua chát :

- Thế là tôi rơi vào bẫy của các ông. Nhưng các ông hãy nghe đây : tôi đến đây là vì một lá thư của bà Hil-tơn. Các ông đừng nói với tôi là bà ấy tiếp tay với các ông để làm ra cái bẫy này.

- Bà Hil-tơn bị thương rất nặng, có thể nguy đến tính mạng.

Tiếng thét rùng rợn của Slaney vang dội khắp cả ngôi nhà :

- Ai đã làm cho Elsie bé nhỏ của tôi bị thương? Tôi có đe dọa nàng. Nhưng không bao giờ tôi đụng đến một sợi tóc xinh đẹp của nàng ! Các ông hãy thú thật rằng nàng không bị thương !

- Người ta đã thấy bà Hil-tơn bị thương rất nặng bên cạnh tử thi của chồng bà.

Tên tội phạm rơi xuống ghế trắng kỳ, vừa rên rĩ vừa đưa hai bàn tay bị còng lên ôm lấy đầu, im lặng trong năm phút. Rồi hấn ngẩng đầu lên, gương mặt đượm một vẻ tuyệt vọng, lạnh lùng :

- Nếu tôi có bắn vào người đàn ông thì hấn cũng có bắn vào tôi : vậy không có vấn đề ám sát. Nhưng nếu các ông nghĩ rằng tôi đã bắn vào người đàn bà, thì rõ ràng các ông không hiểu tôi, cũng như không hiểu nàng. Tôi xin thề với các ông rằng trên thế giới này không có tình yêu nào mãnh liệt hơn tình yêu của tôi đối với nàng ! Trước đây, nàng đã hứa hôn với tôi . Người Anh kia là ai ? Tại sao hấn lại chen vào giữa nàng và tôi? Chỉ có tôi mới có quyền hạn đầu tiên đối với nàng, và tôi đến đây là chỉ để đòi lại người yêu của tôi thôi.

- "Bà ấy đã trốn ông, khi bà ấy biết ông là hạng người như thế nào !" Holmes nói bằng một giọng nghiêm khắc. "Bà ấy đã trốn khỏi nước Mỹ, để không gặp ông nữa, và bà ấy đã kết hôn tại nước Anh, với một người đàn ông lương thiện. Ông đã tìm ra được dấu vết của bà ấy, bắt buộc bà ấy đi theo ông. Hành động của ông đã đưa đến cái chết cho một người đàn ông cao quý và làm cho vợ ông ta phải tự sát. Ông Abe Slaney, ông sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật !

- "Nếu Elsie chết, tôi cóc cần những gì ở trên đời này nữa !" Abe Slaney đáp, vừa mở lòng bàn tay ra để cho chúng tôi thấy một miếng giấy nhàu nhỏ đang nằm trong đó. "Các ông hãy nhìn xem cái này !" Hấn kêu lên, đôi mắt thoảng hiện một vẻ nghi ngờ. "Các ông không làm cho tôi sợ đâu, các ông biết chứ ! nếu Elsie đang ở trong tình trạng như các ông vừa nói thì ai đã viết thư này?"

Hấn ném miếng giấy lên bàn.

- Tôi. Chính tôi đã viết bức thư đó. - Holmes đáp.

- Ông ư? Trên thế giới không có ai ngoài băng nhóm của chúng tôi biết được bí mật của *những hình nhân nhày mùa*. Làm sao ông viết được lá thư này?

- “Những gì một người đã phát minh ra được thì một người khác cũng có thể khám phá ra được !” Holmes đáp. “Đây là một chiếc xe sẽ đưa ông đến Norwich, ông Slaney. Nhưng trước đó, ông còn có đủ thì giờ để sửa chữa phần nào tội lỗi mà ông đã làm. Ông có biết rằng bà Hil-ton đang bị nghi ngờ đã ám sát chồng bà không? Nếu tôi không có ở đây, nếu tôi không may mắn tìm ra được điều bí mật của ông, bà ấy sẽ bị buộc vào tội sát nhân. Điều tối thiểu mà ông có thể làm được cho bà ấy là xác minh bà ấy không có trách nhiệm gì cả, đầu trực tiếp hay gián tiếp, về cái chết bi thảm này”.

- “Tôi không đòi hỏi gì hơn !” Slaney đáp. “Hơn nữa, sự thật hoàn toàn sẽ là lời biện hộ tốt nhất cho tôi”.

- Tôi có bốn phạm báo trước cho ông biết rằng những điều mà ông sẽ nói có thể được sử dụng để buộc tội ông ! - Thanh tra cảnh sát Mác-tin kêu lên.

Slaney nhún vai :

- Vì nàng, tôi bất chấp tất cả. Tôi với người đàn bà này quen biết nhau từ thuở nhỏ. Lúc ấy, chúng tôi gồm có 7 người trong một băng cướp ở Chicago ; cha nàng là sếp của chúng tôi. Ông già Pa-tríc là một người thông minh ! Chính ông ấy đã phát minh ra lối chữ viết bí mật này, một lối chữ viết mà mới nhìn qua, người ta cứ tưởng là một trò chơi trẻ con, Elsie có biết vài phương pháp làm việc của chúng tôi, nhưng nàng không thể cùng đi với chúng tôi được : nàng có một bản chất lương thiện nên nàng chống lại lối sống bất lương của chúng tôi.

“Tôi ở vùng này đã được một tháng. Tôi thuê một căn phòng ở tầng trệt của nông trại Elrige’s” nơi tôi có thể ra vào hàng đêm mà không ai trông thấy, cũng không ai hay biết. Tôi đã làm đủ mọi cách để thúc đẩy Elsie ra đi với tôi. Tôi biết nàng có đọc những lời nhắn của tôi, bởi vì có một lần nàng đã ghi câu trả lời : “*Không bao giờ*” ở bên dưới. Cơ tức giận

nổi lên, tôi bắt đầu đe dọa nàng. Nàng bèn gởi cho tôi một lá thư năn nỉ tôi, yêu cầu tôi rời khỏi vùng này, bảo rằng nàng sẽ vô cùng đau đớn nếu danh dự của chồng nàng bị ô uế vì một vụ tai tiếng. Nàng bảo rằng nàng sẽ xuống dưới nhà vào lúc 3 giờ sáng, khi chồng nàng ngủ say, và sẽ nói chuyện với tôi đằng sau chiếc cửa sổ, nếu tôi hứa sau đó sẽ ra đi. Nàng đã đến đúng hẹn, đứng đằng sau cánh cửa sổ mang theo một túi tiền. Nàng muốn dùng tiền bạc để buộc tôi phải ra đi. Điều này đã làm cho tôi nổi điên lên. Tôi liền nắm lấy tay nàng, gắng hết sức kéo nàng ra ngoài cửa sổ. Đúng lúc đó, chồng nàng từ trên lầu chạy xuống, tay cầm súng lục. Elsie đã ngã xuống sàn nhà, chỉ còn lại hai chúng tôi đối diện với nhau. Tôi rút khẩu súng của tôi ra với ý định làm cho ông ta phải để cho tôi chạy thoát. Nhưng ông ta đã nổ súng. Tôi liền bắn trả lại gần như cùng một lúc. Ông ta ngã gục xuống và tôi bỏ chạy bằng qua khu vườn. Tôi nghe có tiếng cửa sổ đóng lại phía sau tôi. Thưa các ông, đó là sự thật hoàn toàn và tôi không biết gì hơn nữa, ngoại trừ sau đó có một cậu bé cỡi ngựa đến nông trại trao cho tôi bức thư bảo tôi đến đây. Và tôi đã rơi vào tay các ông, như một thằng ngốc".

Một chiếc xe đã đến cùng với hai cảnh sát vận sắc phục, trong khi Slaney thuật lại câu chuyện. Thanh tra đứng lên, nói với người tù.

- Nào, chúng ta hãy đi. Đã đến giờ rồi.
- Tôi có thể gặp nàng một chút được không?

- Không. Bà ấy hiện đang hôn mê. Thưa ông Sherlock Holmes, nếu trong tương lai tôi có một vụ quan trọng nào khác phải điều tra, tôi sẽ rất sung sướng được có ông ở bên cạnh !

Đứng trong khung cửa sổ, chúng tôi nhìn theo chiếc xe mỗi lúc một xa dần. Khi quay đầu lại, tôi trông thấy miếng giấy nhỏ mà người tù đã ném lên bàn lúc nãy. Đó là bức thư mà Holmes đã gởi cho anh ta.

- Anh hãy thử đọc nó đi, Watson ! - Holmes mỉm cười nói với tôi.

Bức thư chỉ có một hàng hình nhân nhảy múa :

- Nếu bạn sử dụng cái chìa khóa những ký hiệu mà tôi đã giải thích với bạn, Holmes nói tiếp, bạn sẽ thấy câu này có nghĩa là : "Come here at once" (*hãy đến đây ngay lập tức*). Tôi tin chắc anh ta không thể từ chối lời kêu gọi này, bởi vì anh ta không thể nghi ngờ câu này do một người nào khác viết, ngoài bà Hil-ton. Và thế là chúng ta đã biến những con người nhảy múa, trước kia phục vụ cho tội ác, nay trở thành những kẻ phục vụ cho luật pháp. Chuyến xe lửa sẽ khởi hành lúc 3 giờ 40. Tôi muốn ăn tối tại nhà mình.

Vụ này thế là đã được Holmes giải quyết một cách tài tình. Tưởng cũng nên biết qua số phận của hai kẻ còn sống sót trong tấn bi kịch :

Abe Slaney bị tòa đại hình Norwich kết án tử hình. Nhưng sau đó được giảm xuống thành khổ sai chung thân, bởi vì Hil-ton bán trước. Về phần bà Hil-ton, bà đã được cứu sống, và sau một thời gian bình phục. Bà không tái giá, hiến dâng đời mình cho những công cuộc từ thiện, và chăm lo quản trị gia sản của chồng.

Cô gái đi xe đạp

Chúng tôi đã làm quen với cô Violet Smith vào ngày thứ bảy, ngày 23 tháng 4 năm 1894. Chuyến tới thăm của cô đã làm cho Holmes phát ý, bởi vì vào lúc đó anh đang bị chìm trong một vấn đề rắc rối. Nhưng cô gái cho biết chỉ có vũ lực mới có thể đuổi cô ra khỏi căn hộ chúng tôi, trước khi cô nói ra tất cả. Holmes đành mời cô ta ngồi xuống.

- Cô tới đây không phải vì vấn đề thuộc về sức khỏe ! Một người đi xe đạp như cô hẳn phải có thừa sức mạnh.

Ngạc nhiên, cô kiểm tra lại thân hình từ đầu đến chân. Tôi thấy chỗ sần sùi nhẹ ở một gót chân, gây ra bởi sự chà xát với bàn đạp.

- Vâng, tôi đi xe đạp nhiều, và điều này có liên quan tới việc đã đưa tôi tới đây.

Bạn tôi nắm lấy bàn tay đã tháo bao tay của cô gái và quan sát nó với sự chú tâm.

- "Cô tha lỗi cho. Nhưng đó là điều thuộc phạm vi công việc của tôi !". Anh nói, buông bàn tay cô ra. "Suýt nữa thì tôi làm cô với một thư ký. Cô không đánh máy, cô là nhạc sĩ. Anh thấy chứ, Watson, đầu ngón tay giống như cái bay? Đó là một nét chung cho tất cả mọi nghề. Nhưng lại có tính tinh thần", anh nói thêm khi dụi dụi nâng bàn tay về phía có ánh sáng. "Tiểu thư đây là một nhạc sĩ".

- Vâng, thưa ông Holmes. Tôi là thầy dạy nhạc...

- ...Ở nông thôn, xét theo nước da mặt cô.

- Vâng, ở gần Farnham, hạt Surrey.

- Một vùng tuyệt đẹp, gợi tôi nhớ lại ca một tá điền lý thú. Anh còn nhớ chứ, Watson? Cô Violet, chuyện gì đã xảy ra?

- Cha tôi đã mất. Tên ông là James Smith, nhạc trưởng của nhà hát Imperial Theatre cổ xưa. Mẹ tôi và tôi không có một bà con thân thuộc nào còn sống, ngoại trừ chú tôi, ông Ralph Smith, là người bỏ sang châu Phi 25 năm trước và từ đó bất tin. Khi cha tôi mất, chúng tôi rất nghèo khó. Nhưng một bữa, người ta báo cho chúng tôi biết là có một lời nhắn tin, đăng trên tờ *Thời báo*, tìm địa chỉ của chúng tôi. Chúng tôi vội vã đến ngay văn phòng luật sư được đăng trong lời nhắn tin. Ở đó, chúng tôi gặp lại ông Ca-ru và ông Vu-lây là hai người vừa từ Nam Phi trở về. Họ bảo rằng chú tôi là bạn họ, ông đã chết vài tháng trước đó trong cảnh nghèo khó; và trước phút lâm chung, ông có yêu cầu họ tìm kiếm những người bà con, xem họ có từng bán không. Chúng tôi lấy làm ngạc nhiên là ông chú đó, trong lúc còn sống, chẳng bao giờ quan tâm tới chúng tôi, nay sao lại ân cần đến thế, ông Ca-ru giải thích rằng chú tôi chỉ mới hay tin về cái chết của ông anh và rằng chú ấy cảm thấy có bổn phận đối với mẹ con tôi.

- "Xin lỗi" ! Holmes ngắt lời. "Cuộc nói chuyện đó xảy ra từ bao giờ?"

- Từ tháng chạp năm ngoái. Cách nay bốn tháng.

- Xin vui lòng kể tiếp.

- Ông Vu-lây cho tôi cái cảm tưởng về một nhà vật xấu. Ông ta luôn luôn nháy mắt với tôi... Đó là một người trẻ tuổi, bộ mặt phì nộn, có một hàng ria màu đỏ, mái tóc ép sát, chải một đường ngôi ngay chính giữa. Tôi đoán nói là anh Cyril chẳng ư gì khi thấy tôi gặp ông ta !

- Ồ, thế ra ý trung nhân của cô tên là Cyril? Holmes cười, nói.

Thiếu nữ đỏ mặt, rồi bắt đầu cười.

- Vàng, ký sư điện. Chúng tôi sẽ làm lễ thành hôn vào cuối mùa hè. Ông Vu-lây là một người gây ác cảm một cách thâm hại, nhưng ông Ca-ru thì dễ ưa hơn. Ông ta lớn tuổi hơn, tóc nâu, không để râu và rất kín đáo. Ông ta có những thái độ lịch sự và một nụ cười dễ thương. Ông ta hỏi về cuộc sống của chúng tôi, mời tôi dạy nhạc cho cô con gái của ông. Tôi trả lời là tôi không muốn xa mẹ tôi. Ông nói rằng tôi có thể trở về nhà vào cuối tuần. Ông đề nghị thuê lao hàng năm là một trăm đồng bằng. Tôi đồng ý và tới nhà ông ta, ở Chiltern Grange, cách Farnham chừng 10 cây số.

Ông Ca-ru góa vợ, nhưng có một bà quản gia luống tuổi, tên là bà Di-xơn, người chăm sóc công việc trong nhà. Con gái ông thật duyên dáng. Ông rất yêu âm nhạc. Mỗi cuối tuần, tôi đều về thăm mẹ. Nhưng rồi gã ria đỏ tới sống với ông trong một tuần. Tuần đó đối với tôi dài như ba tháng ! Hấn tán tỉnh tôi, khoe khoang của cải, bảo rằng nếu tôi ưng lấy hắn, thì tôi sẽ có những viên kim cương đẹp nhất Luân Đôn. Sau cùng, khi nghe trả lời rằng tôi không muốn có quan hệ gì với hắn thì hắn đã ôm chặt lấy tôi, thề là sẽ không buông ra chừng nào tôi chưa hôn hắn. Lúc đó, ông chủ tôi vào phòng và giật tôi ra khỏi vòng tay con quỷ đó. Gã lưu manh quay lại xô chủ nhà té xuống và đánh cho mang thương tích. Ngày hôm sau, ông Ca-ru tới ngõ lời xin lỗi tôi và hứa rằng sẽ không bao giờ để xảy ra chuyện tương tự như vậy. Kể từ đó, tôi không còn gặp lại con quỷ ấy nữa.

“Thưa ông Holmes, tuần nào cũng vậy, trưa thứ bảy tôi đạp xe về tới nhà ga Farnham để đón chuyến tàu 12 giờ 22 đi Luân Đôn. Trong đoạn đường dài 10 km đó có 1500 mét nằm giữa cánh rừng vây bọc lâu đài Charlinton ở bên kia. Không thể nào tìm thấy ở bất cứ nơi đâu một khúc đường hoang vu hơn nơi này. Cách đây 15 ngày, khi đi qua đó, tôi thấy một người đi xe đạp ở cách sau tôi chừng 200 mét. Tôi quay trở lại trước khi tới Farnham, nhưng người đó đã biến

mất : khi đi làm vào ngày thứ hai, tôi lại thấy người đi xe đạp đó trên cùng đoạn đường đó. Tuần vừa qua, tôi còn ngạc nhiên hơn nữa vì tôi lại thấy người đó trong trưa thứ bảy và sáng thứ hai. Chắc chắn là ông ta luôn luôn đạp sau tôi một khoảng cách nào đó. Thật là kỳ dị ! Tôi kể chuyện cho ông Ca-ru nghe, ông tỏ ra quan tâm và sau đó bảo tôi rằng ông đã đặt mua một con ngựa và một cỗ xe độc mã nhẹ, ngõ hầu trong tương lai, tôi không còn đi trên những con đường hoang vắng mà không có người đi theo.

Lẽ ra con ngựa và cỗ xe phải có rồi trong tuần này nhưng không rõ lý do gì mà hàng lại chưa được giao và tôi vẫn phải đạp xe đi tới nhà ga. Sáng hôm nay, khi tới ngang khúc có cái trảng, người đi xe đạp đã có mặt ! Ông ta đứng cách tôi một khoảng khá xa, khiến tôi không thể nào phân biệt được rõ nét mặt ông ta, nhưng tôi tin chắc đó là một người mà tôi chưa từng quen biết . Ông ta vận đồ đen, đội nón cát-két dạ. Cái trông thấy duy nhất là bộ râu đen của ông. Ngày hôm nay tôi không sợ hãi và bị óc tồ mờ thôi thúc. Tôi đạp chậm bớt. Ông ta cũng đạp chậm. Tôi ngừng lại, ông ta cũng ngừng lại. Tới một khúc quanh trên đường : thỉnh linh tôi đạp hết tốc lực, rồi ngay khi vừa qua khúc đường quanh, tôi thắng gấp, xuống xe và chờ đợi. Nhưng ông ta không hiện ra. Tôi quay trở lại và nhìn sang phía bên kia khúc quanh. Trải ra trước mắt tôi, một ngàn năm trăm mét đường, nhưng chẳng thấy ông ta đâu. Điều kỳ lạ hơn hết, chính là không có con đường phụ nào để cho ông ta trốn vào đó.

Holmes cười rúc rích, xoa hai bàn tay vào nhau.

- Thú vị thật ! Từ lúc cô đi tới khúc quanh và lúc cô đứng nhìn con đường hoang vắng chừng mấy phút?

- Hai hoặc ba phút.

- Vậy thì người đó không thể bỏ trốn trên đường mà lại không bị trông thấy. Cô tin chắc rằng không có con đường phụ nào, không có chỗ rẽ nào?

- Chắc chắn là như vậy.

- Vậy thì người đó đã theo một lối mòn ở bên phải hoặc bên trái con đường.

- Chắc chắn không ở bên phía cái chuồng, tôi ắt hẳn đã phải trông thấy ông ta.

- Vậy thì theo phép loại suy, chúng ta đi tới kết luận là ông ta đã đi về hướng lâu đài Charlington nằm bên trong một thửa đất biệt lập ở phía bên kia con đường. Không có gì khác nữa chứ?

- Không.

Holmes giữ im lặng trong chốc lát.

- Vị hôn phu của cô ở đâu?

- Anh ấy làm việc tại Midland Electric ở Coventry.

- Ngẫu nhiên, có lần nào anh ấy tới thăm cô bất ngờ không?

- Ồ, nếu có, thì tôi phải nhận ra anh ấy chứ!

- Trước đó có nhiều người “để ý” tới cô không?

- Trước khi tôi quen với Cyril, thì có.

- Và từ đó đến nay?

- Chỉ có cái con người thô bỉ nọ.

- Không ai khác nữa sao?

Cô gái lúng túng.

- Ai? - Holmes hỏi.

- Ồ, có thể là tôi hình dung ra những điều... không có thật. Dường như là ... ông chủ tôi. Ông ấy quan tâm nhiều tới tôi. Buổi tối, tôi chơi đàn và tôi đệm cho ông ấy. Ông ấy không bao giờ thổ lộ điều gì. Nhưng đàn bà luôn đoán thấy.

- “A” ! Holmes nói với một vẻ mặt nghiêm trọng. “Ông ta làm gì để mưu sinh?”

- Ông ấy giàu có.

- Không xe không ngựa mà?

- Ít ra ông ta cũng sung túc. Mỗi tuần, ông ấy đi Luân Đôn hai hoặc ba lần. Ông quan tâm nhiều tới những cổ phần mỏ vàng ở Nam Phi.

- Cô cứ cho tôi biết rõ tất cả những yếu tố mới trong việc của cô. Lúc này, tôi rất bận, nhưng tôi vẫn cố gắng giúp cô. Trong khi chờ đợi, muốn làm điều gì, cô cần báo cho tôi biết trước. Xin chào, thưa cô.

Khi cô ta đi rồi, Holmes bập tung hơi dài trên cái tàu thuốc suy tư của mình.

- Một cô gái xinh đẹp như vậy tất phải có nhiều người đeo đuổi. Nhưng tại sao người ấy chỉ đeo đuổi trên một đoạn đường hoang vắng. Đây hẳn là một mối tình thầm lặng.

- Điều kỳ lạ chính ở chỗ người đeo đuổi lại chỉ xuất hiện trên một đoạn đường duy nhất.

- Chính thế. Chúng ta phải tìm hiểu xem ai ở trong toà nhà Charlinton, quyền lợi nào để kết hợp Ca-ru với Vu lây, bởi vì hai người đó khác nhau như hai thái cực. Cũng cần khám phá xem vì sao họ tỏ ra quá chăm chú đến cô gái. Và còn điều này nữa : làm sao người ta dám trả cho một thầy dạy nhạc gấp đôi số thù lao bình thường, mà người đó lại không có xe, cũng không có ngựa, trong lúc nhà hắn cách nhà ga tới mười cây số? Kỳ cục. Rất kỳ cục !

- Anh đi tới đó chẳng?

- Không phải tôi, mà là anh. Rất có thể đây chỉ là một mối tình thầm vụng, chẳng có tâm lợi ích nào, mà tôi thì đang dở dang công việc. Thứ hai, anh sẽ tới Fanham rất sớm, nắp gần bên cái trang, đích thân quan sát và anh sẽ hành động theo ý anh. Sau khi đã thu lượm tin tức về những người ở tòa nhà Charlinton, anh sẽ trở về nói cho tôi biết.

Sáng thứ hai cô gái sẽ trở về bằng chuyến tàu vào hồi 9 giờ 20. Vậy là tôi đáp chuyến tàu 9 giờ 13. Xong ga Fanham, tôi đi tới trang cỏ : con đường ngoằn ngoèo giữa một cái trang

rất quang đãng và một hàng rào những cây thông vây quanh một công viên tuyệt đẹp. Có một lối vào chính bằng đá, hai cây cột được đặt trên những biểu tượng huy hiệu đã xơ xác. Ngoài cái cổng cho xe ra vào này, tôi quan sát thấy nhiều chỗ trống giữa hàng rào từ đó mở ra nhiều lối mòn. Từ đường nhìn xuống thì không thấy ngôi nhà : nhưng dãy nhà phụ thì đã bị đổ nát.

Cái trăng phủ đầy những bụi kim tước nở hoa rực rỡ dưới nắng mai. Tôi đứng sau một bụi cây, từ đó, tôi có thể canh chừng cái cổng xe và một dải đường dài cả hai bên. Con đường hoang vắng. Nhưng một lát sau, tôi thấy một người đi xe đạp đến từ đường đôi nghịch với đường mà tôi đã tới. Người đó mặc đồ đen, bộ râu đen. Khi ông ta tới đầu khu đất nhà Charlington thì xuống xe và dắt xe chui qua một lỗ hổng ở hàng rào : tôi không còn thấy ông ta nữa.

Một khắc trôi qua, một xe đạp khác hiện ra. Cô gái đến từ hướng nhà ga. Khi tới gần hàng rào, cô ngó nhìn chung quanh. Một lát sau, người đàn ông lộ ra khỏi chỗ ẩn nấp, nhảy lên xe đạp và bám theo cô gái. Trong cái phong cảnh mênh mông, chỉ có hai bóng người chuyển động : Cô thiếu nữ ngồi thẳng trên xe và gã đàn ông đằng sau nó, còng lưng trên tay lái xe và mỗi cú nhấn lên bàn đạp có một cái gì lén lút. Thành linh cô gái quay người lại. Cô giảm bớt tốc độ. Người đàn ông chạy chậm. Cô ngừng lại. Ông nọ cũng ngừng lại. Lúc đó cô gái quay ngược xe lại và đâm thẳng vào ông ta. Người đàn ông đã nhanh nhẹn như cô và bỏ chạy hết tốc lực. Ngay đó, cô lại ngược lên con đường, đầu ngẩng cao, chẳng còn bận tâm tới con người thầm lặng theo dõi cô. Ông ta cũng quay trở lại, vẫn giữ cùng khoảng cách như trước, và khúc quanh của con đường che khuất hai người...

Tôi nán lại trong chỗ ẩn nấp. Lát sau, người đàn ông lại hiện ra. Ông đạp chậm chạp, đi ngang qua cái cổng rồi nhảy xuống xe, ở giữa những thân cây, bàn tay như đang nấn lại

cái cà vạt, rồi lại leo lên xe và bỏ đi qua ngã dẫn đến ngôi nhà. Tôi chạy qua bên đường và núp vào tấm màn cây. Đằng xa, tôi phân được mơ hồ một ngôi nhà cổ xưa màu xám tua tủa những ống khói kiểu cổ. Lối đi vào bằng ngang một lùm cây rậm rạp. Người đi xe đạp đã mất dạng.

Tôi ra ga Farnham, lòng thanh thản. Nhà đại diện địa ốc ở địa phương không cho tôi biết một tin tức nào về tòa nhà Charlington và ông ta bảo tôi tới một công ty rất nổi tiếng ở Pall Mall. Trước khi trở về nhà, tôi ghé qua công ty đó và được nhân viên đón tiếp một cách lịch sự. Họ nói tôi tới muộn mất một chút : tòa nhà Charlington đã được ông Uyn-li mượn từ một tháng nay. Nhân viên cáo lỗi khi không thể cho tôi biết gì nhiều hơn về những công việc của các thân chủ không dính dáng gì đến họ.

Sherlock Holmes chăm chú nghe bản báo cáo, không nói một lời khen ngợi nhỏ bé nào. Trái lại bộ mặt anh càng lúc càng tối sầm lại theo đà câu chuyện kể.

- Lẽ ra anh phải nấp đằng sau hàng dậu, như vậy anh đã thấy rõ cái nhân vật đáng chú ý đó. Thế nhưng anh lại đứng cách xa người đó nhiều trăm thước và anh cũng chẳng cho tôi biết gì hơn cô Smith. Cô gái tưởng người đó xa lạ đối với cô. Tôi tin chắc rằng cô biết rõ người đó. Nếu không, tại sao người đó lại cố ý không cho cô sát tới gần. Người đó gò mình trên tay lái là để không chường cái mặt của mình ra ! Anh Watson, anh đã xoay xử một cách thật là tồi. Lạ chưa ! Người đó đi vào trong tòa nhà Charlington, rồi vì muốn biết người đó là ai, anh đã đi tới gặp một đại lý địa ốc tại Luân Đôn.

- Đúng ra tôi phải làm sao? - Tôi kêu lên với một vẻ bực bội.

- Phải tới quán rượu gần nhất. Ở đó người ta ba hoa đủ thứ trên đời và người ta kể cho anh biết tất cả những cái tên, từ tên người chủ nhà cho tới tên cô đầy tớ rửa chén. Uyn-li ! Cái tên ấy chẳng cho tôi biết gì hết. Nếu ông ta có tuổi thì

ông ta chẳng thể chạy nước rút khi một thiếu nữ rượt đuổi ông ta. Chuyển đi của anh chỉ là sự xác nhận những lời kể của cô gái. Có một mối liên hệ giữa người đi xe đạp và tòa lâu đài Charlinton chẳng? Coi nào, coi nào, đừng có tỏ ý giận dữ như vậy chứ ! Từ nay đến thứ bảy, chúng ta sẽ thấu đạt được khá hơn ; tôi sẽ đích thân mở vài cuộc điều tra nhỏ.

Sáng hôm sau, chúng tôi nhận được thư của cô gái thuật lại vắn tắt những sự việc mà tôi đã chứng kiến. Nhưng tầm lợi ích của tờ giấy lại trong khoản tái bút.

"Thưa ông Holmes, ông chủ tôi đã ngỏ lời cầu hôn với tôi. Ông ấy đã tiếp nhận lời từ chối của tôi với sự đứng đắn, và tử tế. Nhưng tình huống đã hơi căng thẳng".

- "Cô gái nhỏ bé của chúng ta đã bị lún trong những làn nước sâu". Holmes bình thản nói với vẻ ngẫm nghĩ. "Vụ này đáng triển khai khác hẳn với dự đoán ban đầu của tôi. Tôi đi tới đó".

Holmes trở về nhà vào lúc tối khuya với một cái mũi bị đập và trên trán có một cục u. Anh tươi cười :

- Tôi đã tìm thấy cái quán ăn đó, và tới ngồi bên quầy rượu, tay chủ quán bép xép đã cho tôi biết tất cả những tin tức mà tôi muốn có. Uyn-li là người có bộ râu trắng và ông sống một mình với vài gia nhân trong tòa lâu đài Charlinton. Người ta nói rằng ông ấy đã từng là hoặc đang là mục sư. Nhưng kể từ khi ông tới đó, một hai việc xảy ra đã khiến cho thiên hạ nghi ngờ cái tính chất thầy tu của ông. Tôi có dò hỏi nơi một tổ chức tăng lữ thì được biết đã có một người mang tên đó được thụ phong, nhưng đã bị "lột áo" từ lâu. Ngoài ra, chủ quán còn cho tôi biết, cứ cuối tuần lại có những người khách tới tòa nhà ("Những kẻ ham mê, thưa ông !) và đặc biệt một ông có bộ ria màu đỏ, sống luôn ở đó. Chúng tôi đang nói tới khúc quanh thú vị của câu chuyện thì có người tới quầy rượu : chính là "gã ria đỏ". Ông ta uống bia ở phòng trong và đã nghe cuộc đối thoại của chúng tôi. "Anh là ai?". "Anh

muốn gì?". "Tại sao anh lại đặt ra những câu hỏi đó?". Gã có một lối nói thật nhanh, vắn vè, đầy những tính từ thật kịch liệt. Gã chấm dứt tràng chữ rửa bằng một cú đánh tạt bằng mu bàn tay mà tôi không né kịp. Những phút tiếp theo sau đó là "quyền anh chính thống" chống lại gã tiêu phu đánh đấm loạn xạ. Tôi đã thoát ra như anh thấy đó. Còn gã Vu-lây thì phải về nhà bằng xe.

Tối thứ năm, chúng tôi lại nhận được một lá thư của thân chủ chúng tôi.

"Thưa ông Holmes, tôi đã nghỉ dạy đàn nơi nhà ông Ca-ru. Những số lương cao không đền bù được cho những phiền muộn. Thứ bảy này, tôi sẽ về Luân Đôn luôn. Sau cùng, ông Ca-ru đã có chiếc xe ngựa : nhờ thế mà tôi sẽ bớt gặp nguy hiểm khi đi đường.

"Cái lý do đích thực của sự bỏ việc là sự tái xuất hiện của gã Vu-lây. Ông ta vẫn xấu xa đến gớm ghiếc, nhưng giờ đây ông ta còn khủng khiếp hơn nhiều ; thiên hạ đồn rằng ông ta đã gặp một tai nạn : mặt mày bị làm biến dạng. Tôi chỉ thoáng thấy ông ta qua khuôn cửa sổ, nhưng tôi vui mừng nói với ông rằng tôi đã không gặp ông ta. Ông ta đã nói chuyện thật lâu với ông Ca-ru. Sau đó, tôi thấy ông chủ tôi có vẻ rất buồn chồn. Vu-lây hẳn đã ngu quanh quất trong vùng, bởi vì ông ta không ngủ ở đây, ấy thế mà sáng nay tôi nhìn thấy ông ta lên vào trong lùm cây. Tôi ưa thích hơn nếu như có một con cạp được thả vào trong đó. Tôi không hiểu vì sao mà một người như ông Ca-ru lại có thể chịu đựng nổi hẳn một phút? Tóm lại, mọi nỗi phiền muộn của tôi sẽ chấm dứt vào thứ bảy này"

- "Tôi hy vọng được thế, Watson !" Holmes nói với vẻ nghiêm trọng. "Một rắc rối đang vờn chung quanh cô gái đó, Chúng ta nhất định không để cho ai làm hại cô ta trong chuyến đi cuối cùng này. Anh Watson, chúng ta phải có mặt ở đó vào sáng thứ bảy để có thể ra tay kịp lúc !

Cho tới lúc đó, tôi vẫn không coi câu chuyện này là quan trọng. Đây đâu phải là lần đầu tiên mà một người đàn ông bám theo một thiếu nữ và nếu người đó không đủ can đảm để ngỏ lời với cô gái, mà cũng chẳng dám xuất hiện trước cô ta thì đó không phải là kẻ đáng sợ, tuy nhiên hẳn chưa hề dùng bạo lực đối với cô gái, thậm chí hẳn đã tới nhà Ca-ru mà vẫn không chường mặt ra để làm phiền cô ta. Người đàn ông đi xe đạp chắc chắn ở trong thành phần “những người say mê buổi cuối tuần” như lời người chủ quán đã nói. Nhưng ông ta là ai? Ông ta muốn gì? Cái bí mật là ở đó. Tuy nhiên, sự nghiêm túc trong thái độ của Holmes, cũng như việc anh nhét một khẩu súng vào trong túi trước khi đi Farnham, khiến cho tôi nghĩ rằng có thể một thảm trạng sắp xảy ra.

Đêm qua trời có mưa. Buổi sớm mai rục rỡ. Cái trăng dài mút tầm mắt bên một phía đường, rất đẹp, với những bụi kim ngân đang rộ hoa. Holmes và tôi vừa đi vừa hít sâu những ngụm lớn không khí trong lành. Trên một sườn đồi cao, nổi lên giữa đám cây sồi là một tòa nhà. Holmes chỉ tay về con đường đất màu đỏ lợt, chạy ngoằn ngoèo giữa cái trắng màu nâu và cánh rừng màu xanh. Từ xa, một vết đen hiện ra : một cỗ xe chạy về hướng chúng tôi, Holmes thốt ra một tiếng reo sốt ruột :

- Nếu đó là cỗ xe độc mã nhẹ, thì cô gái hẳn đã đáp một chuyến tàu sớm hơn. Watson, tôi e rằng cô ấy đã vượt qua cái góc nguy hiểm trước khi chúng ta gặp cô.

Trong lúc leo lên triền dốc, chúng tôi không còn trông thấy cỗ xe ở mé dưới, nhưng chúng tôi tiến bước rất nhanh. Tôi đã bị tụt lại đằng sau Holmes. Anh đã bỏ xa tôi khoảng một trăm mét khi anh chợt đứng sững lại, vung nắm đấm lên trong một cử chỉ đau đớn và tuyệt vọng. Cùng lúc đó hiện ra một cỗ xe độc mã trống rỗng do một con ngựa chạy nước kiệu, với những dây cương kéo lê dưới đất, đổ ra khúc quanh và chạy nhanh về phía chúng tôi.

- “Muộn quá ! Muộn mất rồi !” Holmes kêu lên khi hỗn hển bước tới bên tôi “Tôi đã không đi chuyến tàu trước. Đây là một vụ bắt cóc. Một vụ giết người ! Chặn đường ! Ghim ngựa lại ! Nhảy lên !

Holmes cho ngựa quay đầu lại, bởi cho nó một cú roi thật mạnh và chúng tôi lao trên đường. Khi ra khỏi khúc quanh, khoảng giữa tòa nhà và cái trảng dài trước mặt chúng tôi, Tôi nắm lấy cánh tay Holmes la lớn.

- Người đó kia !

Một người đi xe đạp chạy về hướng chúng tôi như một tay đua. Bất chợt ông ngừng bộ mặt nhiều râu lên, và cặp mắt long lanh, nhìn chúng tôi chằm chặp.

- “Hãy dừng lại !” Ông ta kêu lên khi đặt ngang cái xe đạp như muốn chặn đường chúng tôi. “Hãy ngừng lại !” Ông ta hét lên khi rút trong túi ra một khẩu súng lúc “Hãy ngừng lại ! Nếu không, tôi sẽ bắn chết con ngựa !”

Holmes quăng dây cương cho tôi, nhảy xuống xe, hỏi ngay :

- Cô Violet Smith đâu?

- Ông đang ở trong cỗ xe của cô ấy. Ông hẳn phải biết cô ấy đang ở đâu.

- Người có râu trả lời.

- Chúng tôi đã gặp chiếc xe này trên đường đi. Không có ai trên đó cả.

Chúng tôi đã quay lại để tìm cách giúp cô.

- “Làm sao bây giờ?” Người lạ kêu lên với vẻ tuyệt vọng. “Chúng bắt cô ấy, cái tên cướp Vu-lây và con người dê tiện kia ! Lại đây ông bạn, lại đây ! Chúng ta sẽ đi cứu cô ấy”.

Như một con thú bị hoảng hốt, ông ta chạy vùn vụt tới một lỗ hổng trong hàng dậu. Holmes theo sau ông và tôi theo sau Holmes.

- “Chúng đã đi qua lối này” ông nói, tay chỉ vào dấu của những bàn chân in trên con đường mòn lầy. “Ồ, ô ! Hãy dừng lại ! Ai ở trong bụi cây này?”

Một chàng trai trạc mười bảy tuổi, ăn vận như một cậu giữ ngựa với quần đùi bằng da và chân đi ghệt, nằm co gập lại, trên đầu có một vết chêm. Cậu ta bị ngắt đi, nhưng còn sống. Tôi khám nghiệm vết thương : cú chêm chưa chạm tới xương.

- Đây là Pi-tơ. Chú ấy đưa cô Violet ra ga. Những tên cướp này đã chặn xe lại và đã đập cậu. Hãy để cậu ấy ở đây. Bệnh nhẹ không sao đâu. Cần phải cứu cô ấy. - Người có râu đen nói.

Chúng tôi vội chạy xuống con đường mòn ngoằn ngoèo giữa những thân cây, khi đã tới lùm cây bao quanh ngôi nhà thì Holmes ngăn chúng tôi lại.

- Họ không vào nhà. Những dấu chân của họ quay sang hướng trái... ở đây, bên cạnh những cây nguyệt quế !

Trong khi anh nói, tiếng kêu xé tai của một phụ nữ thoát ra từ một khu rừng trước mặt chúng tôi. Tiếng kêu bị làm cho tắt đột ngột.

- “Qua ngã này ! Qua ngã này ! Bọn chúng đang ở trong sân”. Người lạ kêu lên khi xông vào những lùm cây. “Quân chó má ! Bọn hèn mạt ! Hãy theo tôi. Quý ông ! Muộn mất rồi. Mẹ kiếp !”

Chúng tôi đột nhập vào một khoảng rừng trống. Ở đâu đằng kia, dưới bóng một cây sồi già, có ba người đang tụ lại. Một thiếu nữ tái mét, bị một tấm khăn tay bịt kín. Trước mặt cô là một gã côn đồ có hàm ria đỏ, hai chân đứng xoạc cẳng, một tay chống nạnh, tay kia vung vẩy một cái roi ngựa. Đứng giữa hai người là một ông già râu xám, có choàng một cái áo lễ, chắc chắn là vừa làm xong nghi lễ kết hôn, bởi vì khi chúng tôi tới thì ông ta nhét cuốn kinh Thánh vào trong túi ; ông vỗ tay nhiều lần thật mạnh lên lưng chàng rể.

- Họ đã được làm lễ cưới. - Tôi áp ứng.

- “Lại đây !” Người hướng dẫn chúng tôi kêu lên. “Các ông hãy lại đây !”

Ông ta nhào vào trong chỗ rừng thưa, Holmes và tôi bám theo sát gót. Cô gái lao đảo vào thân cây, tìm một chỗ dựa. Mục sư Uyn-li cúi chào chúng tôi với thái độ mỉa mai và Vu-lây tiến lên phía trước, buông ra một tràng cười hớn hở :

- Đằng ấy có thể gỡ bộ râu ra, Bob. Tôi nhận ra đằng ấy. Đằng ấy và mấy bò của đằng ấy đến đúng lúc để tôi giới thiệu bà xã mình.

Câu trả lời của người hướng dẫn thật là kỳ lạ. Ông gỡ bộ râu đen ra, ném nó xuống đất, chìa khẩu súng vào tên cướp trẻ vừa bước lại gần ông vừa vung vẩy cây roi ngựa.

- Phải. Ta là Bop Ca-ru. Mi thừa biết là ta sẽ làm gì nếu mi ngược đãi cô ấy.

- Muộn mất rồi, Bob ! Cô ấy đã là vợ tôi.

- Không, cô ấy là vợ góa của mi !

Ông nổ súng : một vết máu hiện ra trên áo gi-lê của Vu-lây. Hắn xoay tròn người, thốt ra một tiếng kêu và té bật ngã xuống, mặt tái xanh. Ông mục sư tuôn ra một tràng chửi rủa thô tục và rút ra một khẩu súng lục, nhưng nòng súng của Holmes nằm trên gáy ông ta, trước đó một phần trăm giây.

- “Đủ rồi !” Holmes nói, giọng lạnh lùng. “Hãy buông súng xuống. Phiên anh Watson lượm nó lên ! Và đi sát đầu lão. Cám ơn. Ông Ca-ru, hãy đưa khẩu súng cho tôi. Coi nào, hãy đưa đây !”

- Ông là ai ?

- Tôi là Sherlocks Holmes/

- Ôi !

- “Tôi đại diện cho cảnh sát tới lúc họ đến đây. Lại gần đây, anh kia...” Holmes gọi một người sai vặt ngơ ngác vừa ló

đầu ra bên bờ khu rừng thưa. “Hãy lại đây ! Hãy phi nước đại mà đem tờ giấy này tới Farnham”.

Anh viết nguệch ngoạc vài chữ trên một tờ giấy bút trong cuốn sổ tay ra.

- Chú hãy đưa tờ giấy này cho một sĩ quan ở ty cảnh sát, tôi phải giữ quý khách này cho tới khi cảnh sát đến.

Uyn-li và Ca-ru khiêng Vu-lây vào trong nhà. Tòì đến đỡ cô gái đang kinh hoàng, rồi đến khám nghiệm cho tên rìa đỏ.

- Y sẽ sống !

- “Thế nào !” Ca-ru kêu lên, nhảy ra khỏi ghế. Tòì lên lầu kết liễu mạng sống của nó để cô thiếu nữ này, vị thiên thần này, khỏi bị ràng buộc suốt đời với tên vô lại.

- Không bao giờ cô ấy là vợ của Vu-lây. Trước hết Uyn-li tiến hành một lễ cưới “không hợp lệ”

- Tòì đã được thụ phong ! - Mục sư kêu lên.

- Nhưng sau đó, ông đã hoàn tục...

- Một ngày làm mục sư, trọn đời là mục sư.

- Không ai nghĩ như thế. Lại còn giấy phép?

- Nó hiện đang ở trong túi tôi.

- Vậy là ông đã xoay ra một tờ giấy giả? Dầu sao đi nữa, một cuộc hôn nhân mà bị cưỡng ép thì không là một cuộc hôn nhân. Đây là một hành vi phản bội rất nghiêm trọng như ông sẽ nhận ra. Ông sẽ có thời gian để suy tư về việc đó trong mười năm, nếu như tôi nhớ đúng. Về phần ông, ông Ca-ru, ông nên giữ yên khẩu súng ở trong túi.

- Tôi bắt đầu tin như vậy, thưa ông Holmes ! Nhưng tôi yêu cô ấy. Đây là lần đầu tiên mà cũng là lần cuối cùng tôi biết thế nào là tình yêu... Tôi trở nên điên cuồng trước ý nghĩ là cô bị rơi vào tay tên vô lại tàn ác nhất Nam Phi. Kể từ khi cô gái này vào giúp việc cho tôi thì tôi đã không dám để cô đi ngang qua ngôi nhà này, nơi tôi biết hai tên cướp này đang

trú ẩn. Tôi cỡi xe đạp đi theo để bảo vệ và giữ khoảng cách xa và tôi phải mang râu giả để cô không nhận được ra tôi.

- Nhưng sao ông không báo cho cô ấy biết trước về nỗi nguy hiểm đang đe dọa cô ấy?

- Tôi sợ cô ấy sẽ bỏ đi luôn. Dù cô ấy không yêu tôi, nhưng hàng ngày được nhìn thấy cô ở trong nhà, được nghe giọng nói của cô, thì tôi cũng đã hạnh phúc lắm rồi.

- Ông gọi thứ tình cảm đó là tình yêu à? Đó là lòng ích kỷ.

- Có thể là cả hai cùng một lúc. Mặt khác, với tụi vô lại đang ở kế bên, tốt hơn cô ấy cần có một người bảo vệ trên đoạn đường vắng. Nhưng tới khi hai bức điện được gửi đi thì tôi biết là tôi buộc phải làm một cái gì đó.

- Bức điện nào?

- Ca-ru rút trong túi ra một bức điện tín :

- Nó đây !

Bức điện thật ngắn và rõ : *"Lão già đã chết"*.

- "Hừm", Holmes nói. "Giờ đây thì tôi đã rõ mọi việc diễn tiến ra làm sao, vì sao bọn chúng buộc phải ra tay gấp sau khi có bức điện này. Nhưng trong lúc chờ đợi cảnh sát tới, có thể ông nói cho tôi biết thêm chẳng?"

Lão thầy tu hoàn tục, vẫn còn khoác áo lễ, la lớn :

- Bob, nếu mày tổ giác, tao sẽ giết mày. Nếu mày bán đứng bạn bè cho cái tên cớm mặc thường phục này, thì mày có thể đánh dấu cái ngày hôm nay bằng một chữ thập đen.

- "Đừng có nổi nóng, thưa ngài mục sư !" Holmes ngắt lời trong lúc mồi một điếu thuốc lá. "Những điểm liên quan tới ngài đều đã sáng tỏ ; tôi chỉ hỏi vài chi tiết để thỏa mãn óc tò mò mà thôi. Nhưng nếu ngài thấy khó trả lời, thì chính tôi sẽ kể lại câu chuyện. Thoạt đầu ba người trong bọn mấy người từ Nam Phi về đây để chơi trò vừa rồi. Ba người là Uyn-li, Ca-ru và Vu-lây.

- "Hãy gạt tên tôi ra !" Lão già nói. "Tôi chỉ quen biết hai người này từ hai tháng nay và chưa bao giờ tôi đặt chân sang Nam Phi cả. Hãy nhét cái đó vào trong ống vớ của ông và hút nó đi, thưa ông bạ-gì-cũng-can-thiệp-vào.

- Gã đã nói sự thật. - Ca-ru xác nhận.

- Các anh đã biết ông Ralph Smith bên Nam Phi. Và biết ông ta không còn sống được bao lâu nữa. Các ông đã tìm ra cô cháu gái ông ấy, là người sẽ được thừa hưởng gia tài... Đúng thế không?

Ca-ru gạt đầu. Uyn-li chửi thề.

- Cô ấy là bà con gần với ông ta hơn cả, và các anh biết là ông già đó không làm bản chúc thư nào cả.

- Ông ấy không biết đọc mà cũng chẳng biết viết. - Ca-ru thì thào.

- Thế là hai anh đi tìm người thừa kế gia tài. Các anh muốn rằng một trong hai người sẽ thành hôn với cô gái đó và người kia cũng sẽ được chia phần. Tôi không hiểu vì lý do gì mà Vu-lây lại được chỉ định làm người chồng.

- Chúng tôi đã đánh bài trong chuyến đi. - Ca-ru nói.

- Ông đã mượn cô gái vào làm công trong nhà và Vu-lây phải cố tán tỉnh cô. Nhưng cô gái rất ghét anh ta. Mặt khác, thỏa hiệp của hai ông lại có phần khập khiễng, do việc ông si tình cô giáo. Ông không thể nào chịu đựng được cái ý nghĩ rằng tên côn đồ kia trở thành chồng cô ta.

- Đúng vậy !

- Đã xảy ra một cuộc cãi vã giữa hai người. Vu-lây đã bỏ ông mà đi, và y dàn dựng những kế hoạch riêng mà không cho ông biết.

- Phải. Từ đó, hễ khi nào có hấn là có tôi. Hấn đã thu tập được cái tên thầy tu hoàn tục này. Và tôi biết hai đứa đã mượn căn nhà này, bởi vì nó ở gần con đường mà cô gái phải đi qua để tới nhà ga. Chính vì thế nên tôi đã canh chừng cô

gái. Ngày hôm kia, Vu-lây tới thăm tôi với bức điện của Ralph Smith đã qua đời. Hắn hỏi tôi có còn ý định giữ nguyên lời hứa của bản giao kèo không. Tôi trả lời : không. Hắn hỏi tôi có ý định kết hôn với cô gái và chia cho hắn cái phần cướp được không. Tôi trả lời là cô gái không chịu lấy tôi. Hắn bảo tôi : Trước hết, phải làm cho cô ta kết hôn, rồi sẽ tính sau. Tôi nói rằng không ai được dùng bạo lực đối với cô gái. Hắn bỏ đi, miệng không ngớt chửi thề. Tôi vội vàng đi lấy xe ngựa để đưa cô ra ga, nhưng vẫn đạp xe theo sau. Nhưng, cô đã vượt trước tôi và sự bất hạnh đã xảy ra.

Holmes đứng lên, ném tàn thuốc vào lò sưởi :

- Anh Watson, tôi đã thật xuẩn ngốc ! Khi báo cáo, anh đã chỉ cho tôi thấy rằng anh đã trông thấy người đi xe đạp nấn lại cái cà-vạt trong lùm cây, thì lẽ ra tôi phải thấy vấn đề ngay tức khắc. Tuy nhiên, chúng ta có thể khen ngợi lẫn nhau rằng mình đã đi đến kết quả cuối cùng của một vụ không kém tầm thường. Kia, ba cảnh sát địa phương đang đi trong lối vào và có cả chú bé đánh xe ngựa nữa. Anh Watson, anh có thể khám sức khỏe cho cô Smith và bảo cô rằng chúng ta sẽ đưa cô về nhà mẹ cô. Một bức điện gửi cho một kỹ sư trẻ trong công ty Midland là môn thuốc rất hữu hiệu. Về phần Ca-ru, ông đã làm những gì có thể làm để chữa lại những tội lỗi của mình. Đây là danh thiếp của tôi, nếu như lời chứng của tôi mà có thể giúp ích cho ông được đôi phần trong vụ xử, thì tôi sẵn lòng tới.

Cô Violet Smith đã được thừa kế một di sản lớn, và giờ đây cô là bà Cyril Morton, phu nhân của người hùn vốn thứ nhất trong công ty Morton and Kenedy. Sau phiên tòa, Uyn-li-ôm "bảy cuốn lịch", còn Vu-lây lãnh mười cuốn. Trong nhà đá, chúng có đủ thời giờ nhìn từng tờ giấy bay đi và suy ngẫm về các việc mình đã làm.

Câu chuyện xảy ra ở ký túc xá

Tám danh thiệp đến trước vài giây, theo sau nó là một người cao lớn xuất hiện. Cánh cửa chưa kịp đóng lại sau lưng, ông đã vói tay về phía bàn, đứng sững lại trên nền nhà, và ngã sòng soài lên trên tấm da gấu trước lò sưởi.

Chúng tôi nhồm phất dậy... Holmes kê gối xuống dưới đầu cho ông, còn tôi thì đưa ly cô-nhắc kê môi ông.

- Điều gì xảy đến với ông ta vậy, Watson? - Holmes hỏi.

- Kiệt sức... Có lẽ vì đói và mệt.

- Vé khứ hồi đến Mackleton, phía bắc nước Anh". Holmes rút ra một tấm vé đường sắt từ trong chiếc túi nhỏ đựng đồng hồ của ông ta, và nói. "Bây giờ chưa đến mười hai giờ. Ông ta phải ra đi từ rất sớm !".

Mí mắt hơi tấy lên của vị khách khê động đây, thế rồi đôi mắt xám của ông dán vào chúng tôi bằng một cái nhìn vô nghĩa. Lát sau, tiến sĩ Hu-ta khó nhọc đứng dậy, mắt đỏ lên vì mắc cỡ :

- Hãy thứ lỗi cho tôi, ông Holmes ! Con ngất này là hậu quả của một sự chấn động thần kinh. Không, xin cảm ơn ông...chỉ cần cốc sữa với bánh biscuit thì tất cả sẽ qua khỏi thôi ! Ông Holmes, tôi đến đây mời ông đi cùng với tôi.

- Để khi nào ông hoàn toàn hồi sức đã...

- Tôi thấy dễ chịu rồi ! Ông Holmes, tôi khẩn khoản mời ông đi Mackleton ngay.

Holmes lắc đầu :

- Chúng tôi rất bận. Tôi đã nhận tiền trước cho việc điều tra khác rồi. Lúc này chỉ một việc cực kỳ quan trọng mới có thể buộc tôi rời khỏi Luân Đôn.

- “Cực kỳ quan trọng !” Vị khách của chúng tôi vung tay lên : “Lẽ nào ông không biết gì về vụ bắt cóc người con trai duy nhất của công tước Holdernesse?”

- Của công tước Holdernesse? Của ông cựu bộ trưởng?

- Phải ! Chúng tôi đã dốc hết sức mình để chuyện đó không lên mặt báo. Thế nhưng, hôm qua có một tờ báo đã loan tin. Tôi nghĩ những tin này đã bay đến ông.

Holmes với lấy tập sách chỉ dẫn trên giá, tìm đến chữ Ha.

- *“Holdernesse... Công tước thứ sáu, người được tặng thưởng huân chương, thành viên của hội đồng tư vấn. Đây là con người nổi tiếng, và là một trong những người nổi tiếng nhất của đất nước chúng ta...”*

- Một trong những người nổi tiếng nhất, và có thể còn là một trong những người giàu có nhất nữa. Ông Holmes, xin cho phép được nói rằng Ngài hứa sẽ trao tám séc 5000 bảng cho người nào chỉ ra nơi cất giấu con Ngài, và 1000 bảng cho ai chỉ ra kẻ bắt cóc đứa bé.

- “Quả là hào phóng !” Holmes nói. “Watson. Chúng ta hãy đi theo tiến sĩ ! Còn ông tiến sĩ, hãy kể cho chúng tôi nghe những gì đã xảy ra”.

Vị khách nốc cạn cốc sữa, rồi nói :

- Tôi là người sáng lập và là giám đốc ký túc xá gần Mackleton. Ký túc xá dành cho học sinh của tôi là một trường học tốt nhất nước Anh. Rất nhiều gia đình quý tộc đã gửi con đến đây. Nhưng tuần trước, nhà quý tộc Holdernesse, đưa huân tước Sa-ti (người con trai mười tuổi và là người thừa tự duy nhất của Ngài) đến đây để chúng tôi dạy bảo.

Huân tước Sa-ti đến vào ngày 1 tháng 5. Chẳng bao lâu, cậu bé đã quen dần với nền nếp của chúng tôi. Cần lưu ý rằng

trước đó, ở tại nhà, cậu bé sống không được thoải mái : hai ông bà không còn sống chung với nhau, nữ công tước đã dọn đến miền Nam nước Pháp, còn đứa con thì hướng về người mẹ. Lần cuối cùng người ta trông thấy cậu là vào tối ngày 13 tháng 5. Căn phòng dành cho cậu ở lầu hai, còn căn phòng lớn kế bên có hai cậu bé khác ngủ. Vào cái đêm đó, hai cậu bé này không nhìn thấy, cũng như không nghe thấy gì cả. Thật ra cậu bé không rời khỏi phòng bằng cửa chính. Cửa sổ ở chỗ cậu ta mở toang, cây tường xuân với những nhánh rất rậm rạp quấn quanh tường... Trên mặt đất chúng tôi không tìm thấy dấu vết nào, nhưng chắc chắn là cậu đã bò qua cửa sổ.

Sáng ngày 14-5, lúc 7 giờ, người ta phát giác ra chuyện này. Giường của cậu không trải khăn. Trước lúc đi, cậu ta còn kịp mặc bộ đồng phục học sinh. Không có ai vào phòng cậu ban đêm. Còn nếu như từ đó vọng ra những tiếng kêu hay những âm thanh vật lộn thì chắc người học sinh già dặn hơn ở phòng ngủ bên cạnh tất sẽ nghe thấy.

Ngay sau đó tôi triệu tập tất cả ký túc xá lại. Đến lúc đó chúng tôi tin rằng cậu bé không đi một mình. Ông Hây-dê, giảng viên tiếng Đức đã vắng mặt, căn phòng của anh ở chái nhà đối diện với lầu hai. Có điều cửa sổ của căn phòng cũng trông ra ngoài bãi cỏ. Giường chiếu của anh ta không được dọn dẹp, áo sơ mi và đôi tất chân của anh để bừa bãi trên sàn nhà. Anh ta bò qua cửa sổ bít vào những nhánh tường xuân, tụt xuống dưới.

Ông giáo sư này vào trường tôi hai năm trước đây, do sự tiến cử đáng tin cậy nhất. Nhưng anh ta là một người trầm lặng, hay cau có và không gây được cảm tình với mọi người.

Hôm nay là ngày 10-5. Từ ngày 10-5, chúng tôi đã không còn tin tức nào về kẻ chạy trốn. Đầu tiên tôi liên lạc với công tước ở cách trường vài dặm, hy vọng vì nhớ nhà mà huân tước Sa-ti đã trở về với cha. Thế nhưng cậu ta không có ở đấy. Công tước vô cùng lo ngại. Ông Holmes, với vai ông, hãy hiến toàn bộ sức lực cho vụ này.

Sherlock Holmes rút cuốn sổ tay từ túi ra, và ghi vào đấy một điều gì đó để cần được ghi nhớ.

- "Ông đã phạm một sai lầm lớn là không đến đây ngay" Holmes thốt lên nghiêm khắc. "Điều này sẽ gây nhiều rắc rối cho cuộc điều tra, chẳng hạn bãi cỏ và dây trường xuân trên tường đều có thể cho ta biết nhiều điều quan trọng".

- Công tước đã gắng giữ kín việc này. Ngài sợ những nỗi bất hòa trong gia đình mình trở thành đầu đề cho những lời đàm tiếu.

- Nhà chức trách địa phương tiến hành điều tra chưa?

- Rồi, nhưng không đem lại kết quả.

- Có lẽ công việc điều tra hiện trường vẫn chưa được tiến hành đến nơi đến chốn?

- Tự nhiên cảnh sát ngưng cuộc điều tra !

- Như thế nghĩa là ba ngày đã trôi qua một cách vô ích. Điều này thật đáng buồn.

- Ông rất có lý.

- Dẫu sao tôi vẫn sẵn lòng bắt tay vào việc. Ông đã xác định mối quan hệ giữa cậu bé và người giáo viên chưa?

- Không có mối quan hệ nào giữa họ cả.

- Ông ta có dạy cậu ta chứ?

- Không.

- Các xe đạp đều không bị đụng đến sao?

- Không.

- Ông tin chắc vậy à?

- Phải.

- Ông có nghĩ rằng anh chàng dạy tiếng Đức đã ra đi bằng xe đạp với cậu bé?

- Cố nhiên, không.

- Vậy lúc ấy ông giải thích chuyện đó ra sao?

- Có thể họ lấy xe để đánh lạc hướng. Sau đấy họ giấu xe đạp vào một nơi nào đấy, còn chính họ lại đi bộ.
- Cũng có thể. Nhưng đó là cách đánh lạc hướng kỳ quái. Các xe đạp vẫn ở trong kho chứa đồ à?
- Vâng.
- Phải chăng anh ta đi bằng xe đạp rồi sau đó giấu xe đạp đi, chứ anh ta không phải đi bộ?
- Ông hoàn toàn có lý.
- Không, lý luận này có chỗ chưa ổn. Song, việc mất một chiếc xe có thể là khởi điểm cho sự điều tra. Chỉ còn một câu hỏi này nữa : Có ai đến thăm cậu bé trước ngày cậu tẩu thoát không?
- Không.
- Có thể có thư gửi cho cậu ta chứ?
- Có một lá thư.
- Ai gửi?
- Cha cậu ta.
- Ông mở hộp thư của học sinh chứ?
- Không.
- Thế tại sao ông cho rằng lá thư là của cha cậu ta?
- Trên phong bì có gia huy và địa chỉ được viết bằng chính nét chữ nguyệt ch nguyệt của công tước... Ngoài ra chính công tước cũng nhớ là đã viết thư cho con.
- Cậu bé nhận được các lá thư khi nào?
- Những ngày sau cùng không có lá thư nào gửi cho cậu ta cả.
- Từ Pháp có ai gửi thư về cho cậu ta không?
- Không. Một lần cũng không.
- Tất nhiên ông hiểu tôi đang hướng tới cái gì rồi : Hoặc là người ta dùng sức mạnh để cướp cậu ta hoặc là cậu ta tự ý đi theo ý muốn của mình. Còn nếu không một ai đến chỗ

cậu ta thì sự tác động chính là ở lá thư. Tôi coi trọng việc biết ai là người liên lạc thư tín với cậu bé.

- Chỉ có người cha viết thư cho cậu ta thôi.

- Bức thư của người cha đến đúng vào ngày cậu bé chạy trốn. Mối quan hệ giữa cha và con ra sao? Có tôi không?

- Ngài bị cuốn hút vào những công việc quốc gia đại sự, nhưng, Ngài quan hệ với người con cũng không đến nỗi tôi. Tuy vậy, trái tim của đứa trẻ hoàn toàn hướng về người mẹ?

- Bản thân cậu bé có nói như thế không?

- Không.

- Vậy ai nói? Công tước nói chăng?

- Ồ. Tất nhiên không.

- Thế thì do đâu ông biết được điều đó?

- Tôi phải trò chuyện với viên thư ký của công tước, tên là Uyn-đê. Ông ta đã tiết lộ với tôi về tâm trạng của huan tước Sa-ti.

- Hiểu rồi ! Nhân tiện xin hỏi luôn, bức thư cuối cùng của công tước đã được tìm thấy trong phòng của cậu bé sau khi cậu bé mất tích phải không?

- Không, cậu ta cầm theo người... Ông Holmes có lẽ đã tới lúc chúng ta cần ra ga rồi.

- Bây giờ tôi phải người đi gọi xe. Sau 4 giờ nữa, chúng tôi sẽ sẵn lòng giúp ông. Ông tiến sĩ, nếu ông có ý định đánh điện về nhà thì hãy làm sao cho mọi người nghĩ rằng cuộc điều tra vẫn còn đang tiến hành ở Lievrpool ; trong thời gian đó, tôi sẽ bình tâm làm một cái gì đó ở ngay cạnh cửa ra vào của trường ông.

Khi chúng tôi đi tới cạnh trường thì trời đã tối hẳn. Một tấm danh thiếp nằm trên bàn ở phòng chờ. Người hầu phòng thì thăm với viên giám đốc. Và thế là ông ta quay trở lại chỗ chúng tôi với một vẻ thật xúc động. Giám đốc nói :

- Công tước đang ở đây. Công tước và ông Uyn-dê hiện đang chờ tôi trong phòng làm việc. Chúng ta cùng vào đi ! Tôi sẽ giới thiệu các ông với công tước.

Tôi có biết người hoạt động nhà nước danh tiếng này qua các bức ảnh. Nhưng con người thật của ông thì không giống các bức ảnh. Ông trông nhợt nhạt như xác chết. Đứng cạnh ông là người thư ký riêng Uyn-dê. Đó là một chàng trai có vóc người tầm thước, bộ mặt linh hoạt, đôi mắt thông minh. Anh ta bắt đầu câu chuyện bằng một giọng rất quả quyết, thậm chí cay độc.

- Tiến sĩ Hu-ta ! Tôi đã ở chỗ ông ngay từ sáng nay. Song, đáng tiếc là tôi đến muộn và đã không thể ngăn cản chuyến đi của ông. Như mọi người cho biết thì ông đến chỗ thám tử Sherlocks Holmes để uỷ thác cho ông ấy điều tra vụ này. Công tước tỏ ra ngạc nhiên khi ông chưa xin ý kiến Ngài mà đã dám hành động như vậy !

- Khi cảnh sát đã không đưa tới cái mà...

- Công tước không hề tin vào điều đó.

- Nhưng, thưa ông...

- Ông tiến sĩ ! Công tước không muốn chuyện này lan rộng ra..

- "Để dàng khắc phục tình trạng này". Tiến sĩ hoảng sợ, lúng túng nói. "Ông Sherlocks Holmes có thể trở về Luân Đôn bằng chuyến tàu sáng".

- "Tôi không có ý định như vậy đâu, tiến sĩ ạ !". Holmes cười một cách nhã nhặn. "Vòm trời phương Bắc sáng khoải và xinh đẹp nên tôi quyết định nghỉ ngơi một vài ngày trên những bình nguyên này. Tôi sẽ tiêu khiển trong những điều kiện cho phép tại vườn nhà ông, hay ở khách sạn nông thôn. Điều này cố nhiên chỉ tùy thuộc vào ông".

Nhưng, đúng lúc ấy giọng nói trầm trầm của viên công tước đã kịp thời vang lên, cứu thoát ông tiến sĩ.

- Tiến sĩ Hu-ta. Đáng lẽ ông cần trao đổi với tôi thì hơn. Tuy nhiên, nếu ông đã thổ lộ tất cả công việc này với ông Holmes thì chối từ sự giúp đỡ của ông ấy là một hành vi ngu ngốc. Ông Holmes, ông chẳng việc gì phải tới khách sạn. Tôi sẽ vui lòng đón ông về nghỉ ngay tại nhà chúng tôi.

- Xin cảm tạ Ngài. Nhưng theo yêu cầu của công việc, tôi cần phải ở lại đây, ngay tại nơi đã xảy ra biến cố.

- Tôi không muốn ép buộc ông đâu, ông Holmes ạ ! Song nếu ông thấy cần thu thập những tin tức nào đó ở tôi hay ở ông Uyn-đê, chúng tôi rất sẵn lòng.

- Có lẽ tôi phải đến thăm Ngài tại lâu đài Holdernesse. Còn bây giờ, tôi chỉ muốn biết Ngài giải thích việc biến mất một cách đầy bí ẩn của con Ngài như thế nào?

- Thật khó trả lời quá, thưa ông !

- Xin lỗi ngài, nếu tôi đụng phải vấn đề khiến Ngài cảm thấy khó chịu. Thế nhưng không còn cách nào hơn. Ngài có cho rằng nữ công tước đã lôi kéo cậu bé không?

Viên cựu bộ trưởng chân chừ rồi nói :

- Không, tôi không nghĩ như vậy !

- Thế thì có thể có kẻ nào bắt cóc cậu bé để chuộc tiền chăng?

- Không, thưa ông !

- Còn một câu hỏi nữa, thưa Ngài. Tôi được biết. Ngài đã viết thư cho con trai Ngài vào đúng cái ngày mà cậu bé biến mất, phải không?

- Không, chuyện đó xảy ra vào ngày hôm trước.

- Hoàn toàn chính xác. Có điều cậu bé đã không nhận được thư vào chính ngày hôm đó?

- Phải.

- Trong lá thư đó, chắc không có điều gì có thể làm cậu bé xúc động hoặc đem lại cho cậu ta ý nghĩ chạy trốn chứ?

- Tất nhiên không, thưa ông :

- Chính tay Ngài chuyển lá thư, phải không?

Viên thư ký ở phía sau công tước bực tức trả lời :

- Công tước không có thói quen tự mình chuyển thư từ cho người nhận. Lá thư ấy được lưu lại trên bàn, cùng với những lá thư khác trong phòng làm việc. Và tôi đã nhét tất cả vào thùng bưu chính.

- Ông có tin chắc là trong số các lá thư ấy chắc chắn có bức thư chuyển cho đứa bé không?

- Tất nhiên ! Tôi đã nhìn thấy nó.

- Ngài đã viết bao nhiêu lá thư vào ngày hôm ấy, thưa công tước?

- Hai mươi hoặc ba mươi gì đấy ! Tuy nhiên theo tôi, chúng ta đã phân nào đi ra ngoài thực chất của công việc rồi đấy !

- Không. Tại sao như thế được? - Holmes nói.

- “Chính tôi đã khuyên cảnh sát hướng sự điều tra xuống phía Nam nước Pháp”. Công tước tiếp tục. “Xin nhắc lại ! Tôi không cho rằng nữ công tước có khả năng đẩy con trai tới hành động kỳ lạ ấy được. Nhưng do tính bướng bỉnh, cộng với sự xúi bẩy và hỗ trợ của anh chàng người Đức, đứa bé có thể chạy tới chỗ mẹ mình. Còn bây giờ, tiến sĩ Hu-ta, xin được phép từ biệt ông”.

Tôi cảm thấy Holmes còn muốn hỏi một vài câu nữa song viên công tước đã kết thúc câu chuyện, hình như ông ta e ngại rằng mỗi câu hỏi mới sẽ lại soi rọi ánh sáng không thương tiếc vào phần cuộc đời được ông che đậy kỹ lưỡng.

Ngay sau khi họ đi khỏi, Holmes liền bắt tay vào việc.

Sự quan sát căn phòng của cậu bé không đem lại kết quả gì ngoài kết luận dứt khoát là cậu ta chạy trốn qua phía cửa sổ. Trong phòng của người giáo viên cũng không tìm thấy tang vật gì mới. Dây trường xuân phía dưới cửa sổ không chịu nổi

sức nặng của cậu bé. Soi đèn trên bãi cỏ, chúng tôi nhận ra ở đó có những vết giày hằn sâu, cỏ bị xéo nát : đó là bằng chứng duy nhất về cuộc chạy trốn ban đêm.

Để tôi ở lại một mình. Sherlocks Holmes bỏ đi, và anh trở về khoảng mười hai giờ đêm. Anh thu được tấm sơ đồ địa phương ở đâu đó. Anh trải nó trên giường rồi đặt cây đèn vào chính giữa và bắt đầu xem xét. Thỉnh thoảng anh dùng chiếc tẩu thuốc chỉ cho tôi coi những điểm cần lưu ý.

- Tôi muốn anh chú ý tôi một vài chi tiết có thể mang ít nhiều ý nghĩa trong quá trình điều tra. Hãy nhìn vào tấm sơ đồ này !

- Ô chữ nhật có nét gạch chéo này là trường học. Chúng ta sẽ cắm kim găm vào đó. Còn đây là đường nhựa. Nó chạy qua khu trường theo hướng đông-tây. Trong khoảng một dặm không có những con đường nhánh từ đây đi các hướng khác. Nếu họ đi bằng đường bộ thì không thể không đi qua con đường này.

- Đúng vậy !

- Còn chỗ này, từ 12 giờ đêm đến 6 giờ sáng có cảnh binh túc trực : đây là ngã ba đầu tiên ở hướng đông của con đường. Người cảnh binh không rời trạm gác lấy một chút. Anh ta khẳng định rằng chắc chắn anh ta sẽ nhận ra người đàn ông và cậu bé nếu họ có đi qua đấy. Tôi đã nói chuyện với anh ta hồi tối và theo tôi, chúng ta có thể tin vào lời của anh ta. Thế nghĩa là về phía đông của con đường được loại trừ ra. Còn bây giờ chúng ta xem tình hình ở phía tây xem sao. Ở đó có khách sạn "Bò Mộng". Nữ chủ nhân đang bị bệnh. Bà phái người đi Mackleton để mời bác sĩ. Nhưng vị bác sĩ này lại đang đi thăm một bệnh nhân khác. Mãi đến sáng sớm hôm sau, ông ta mới tới được chỗ bà. Vậy là ở khách sạn, trong khi chờ đợi bác sĩ, suốt đêm mọi người không ngủ được. Thỉnh thoảng người ta nhìn ra ngoài đường xem bác sĩ đã đến chưa. Theo lời của

người này thì không một ai đi qua khách sạn cả. Nếu tin theo lời của họ thì phần đường phía tây sẽ không còn làm chúng ta nghĩ ngợi gì nữa. Vì vậy, những người chạy trốn đã chọn một con đường khác.

- Họ đi bằng xe đạp chăng? - Tôi hỏi.

- Đúng vậy. Nếu những kẻ chạy trốn không đi trên đường cái, thì họ hoặc là đi theo hướng bắc, hoặc là đi theo hướng nam của ngôi trường. Vậy chúng ta thử cân nhắc hai giả thiết này xem sao. Phía nam khu trường có một cánh đồng rộng lớn. Cánh đồng bị phân cách thành những mảnh nhỏ. Mỗi mảnh được ngăn với mảnh khác bởi hàng rào xây bằng đá. Không có khả năng qua đó bằng xe đạp. Vậy cần loại trừ giả thiết này. Chúng ta sang phía bắc. Ở đây, chúng ta trông thấy một cánh rừng nhỏ, được gọi là "Mũi dao lệch". Phía sau khu rừng chừng mười dặm có một cánh đồng lầy kéo dài, càng về hướng bắc càng nhiều gò đống. Chênh chênh phía trái cánh đồng là lâu đài Holderness : theo đường cái đến nơi này phải mất 10 dặm, còn theo đường chim bay mất chừng 6 dặm. Cánh đồng này hiu quạnh và vắng vẻ. Vài trại chăn nuôi trâu bò nằm rải rác trên đó. Cừu, bò và chim đầm lầy : đó là cư dân duy nhất của vùng này. Xa hơn còn có một đường nhựa chạy qua. Dọc theo con đường này có chừng hai, ba biệt thự, một nhà thờ và một cái khách sạn. Phía sau là những quả đồi cao và dốc. Tôi tin là cần phải hướng sự tìm kiếm của chúng ta về phía đó.

- Nhưng còn xe đạp ! - Tôi nhắc lại.

Những người đi xe đạp cứ khỏi không chỉ đi trên đường cái ! Hơn nữa ở cánh đồng lại có những con đường rất mòn. Và lại, đêm hôm đó trăng lại rất sáng... Vậy còn có gì khó đâu?

Có tiếng gõ cửa khẩn cấp ; tiến sĩ Hu-ta bước vào phòng. Ông cầm chiếc mũ cát-két màu xanh với phù hiệu trắng trên lưỡi trai. Ông ta reo lên :

- Thật là may mắn ! Thế là chúng ta đã lần ra dấu vết của cậu bé.

- Các ông tìm thấy ở đâu?

- Ở chỗ người di-gan. Bọn bắt cóc lưu lại trong trại người di-gan trên cánh đồng. Hôm nay, cảnh sát bất thành linh ập tới chỗ họ, lục soát trong xe. Và họ tìm thấy cái này.

- Nó rơi vào tay họ bằng cách nào vậy? Họ nói những gì?

- Họ thề rằng đã tìm thấy chiếc mũ trên cánh đồng vào sáng ngày 14-5. Không, quân vô lại ấy đã bị tổng giam cả rồi.

Tiến sĩ bước ra khỏi căn phòng.

- Thế là được rồi ! Ở đây, nếu cảnh sát không bắt được những người di-gan thì họ không làm được gì cả. Hãy nhìn vào sơ đồ này, Watson ! Con suối này chảy qua cánh đồng. Ở khoảng giữa khu trường và lâu đài nó hóa thành đầm lầy. Tiết trời bây giờ hanh khô, vậy việc tìm kiếm dấu vết sẽ không khó lắm. Có thể còn lưu lại một cái gì đó giữa đầm lầy.

Ngày hôm sau khi thức giấc vào lúc mờ sáng, tôi nhận ra bóng dáng cao gầy của Holmes cạnh giường tôi. Anh mặc áo quần tề chỉnh.

- Tôi đã khảo sát bãi cỏ và kho để xe đạp. Sau đó tôi đi dạo ở khu rừng "Mũi dao lẹch". Hãy dậy đi, Watson !

Gương mặt bạn tôi ửng đỏ, đôi mắt sáng lên như vẫn thường thấy ở những người mong mỏi bắt tay vào công việc ưa thích.

Lòng tràn đầy hy vọng, chúng tôi đi đến cánh đồng than bùn. Ở đó có rất nhiều con đường ngang dọc bị đàn cừ dẫm mòn. Chẳng bao lâu chúng tôi đi tới cánh đồng cỏ đã hoá thành đầm lầy ngăn cách chúng tôi với lâu đài. Nếu chạy về nhà, thì cậu bé không thể băng qua cánh đồng này được ! Tại đây tất cả phải lưu lại những dấu vết của cậu và những dấu vết của ông giáo người Đức. Nhưng chúng tôi không thấy những dấu vết như vậy. Holmes đi dọc theo bên rìa của cánh

đồng cỏ. Anh chăm chú quan sát từng vệt sẫm trên bề mặt cánh đồng. Ở đây có rất nhiều vệt chân cừu. Đi tiếp vài dặm nữa, chúng tôi thấy vết móng chân bò cái.

- “Bé tắc rồi” ! Holmes buồn bã đưa mắt nhìn quanh cánh đồng. “Tại đây còn có những bãi lầy và giữa bãi lầy này có một lối đi hẹp. Hãy nhìn kia ! Cái gì thế này?”

Chúng tôi bước vào lối mòn có in hình một dải đen đen. Những vết bánh xe đạp in rõ trên lối mòn ẩm ướt.

- Xe đạp đây rồi ! - Tôi reo lên.

Nhưng Holmes lắc đầu.

- Một chiếc xe đạp nào đấy chứ không phải chiếc xe đạp chúng ta đang tìm. Tôi biết tới 42 lớp xe đạp khác nhau. Vết lốp này là của hãng “Dunlop” và lại còn có miếng “ghét” nữa. Lốp xe của ông giáo người Đức do hãng “Palmer” sản xuất, có những đường vạch dọc kia. Một giảng viên dạy toán đã nói cho tôi biết điều đó. Cho nên, không phải giáo viên người Đức mà là một người khác đã qua đây.

- Nghĩa là chính cậu bé?

- Ôi ! Giá như cậu bé có xe đạp ! Người ta cam đoan với chúng ta là cậu bé không có xe. Những dấu vết này, được bắt đầu từ khu trường.

- Hay là ta theo hướng tới trường.

- Không phải. Vết bánh xe sau luôn sâu hơn vì nó phải chịu trọng lượng lớn hơn. Đây này ! Ở một vài chỗ, vết bánh xe sau đã xoá lấp vết bánh xe trước. Không, người đi xe đạp chắc phải đi ra từ khu trường. Cũng có thể người này không có quan hệ gì với sự truy tìm của chúng ta. Song, chúng ta hãy cứ theo dấu vết này mà đi ngược lại vậy.

Chúng tôi đã làm như thế. Khi tới chỗ con đường mòn rẽ ngoặt từ vạt đất bị hóa lầy, đột nhiên vết lốp xe đạp biến mất. Con suối nhỏ cắt ngang lối mòn, và ở bờ bên kia, vết xe đạp lại xuất hiện, mặc dầu có những con bò cái đã xéo lên

chúng. Sau đấy, con đường mòn ăn sâu vào cánh rừng “Mũi dao lẹch”. Cánh rừng hầu như tiếp liền ngay với tòa nhà của trường. Rõ ràng người đi xe đạp đã xuất phát từ cánh rừng này. Holmes ngồi xuống một tảng đá, tay chống cằm. Anh ở trong tư thế hoàn toàn bất động. Cuối cùng, anh nói :

- Thôi được ! Một kẻ có đầu óc phòng xa cố nhiên có thể thay bánh xe đạp để đánh lẫn dấu vết. Ta hãy tạm gác vấn đề nan giải này lại và hãy quay lại chỗ đâm lầy.

Chúng tôi tiếp tục xem xét tỉ mỉ phần đất lầy lội của cánh đồng. Chẳng bao lâu chúng tôi nhận ra còn một lối mòn khác nữa. Holmes đi tới gần lối mòn và vui sướng reo lên. Những vết mảnh chạy dài ở phía giữa lối mòn. Đó là dấu lốp xe đạp của Palmer.

- Ông giáo người Đức đã qua đây ! - Holmes thốt lên xúc động.

- Xin chúc mừng anh !

- Thế nhưng còn lâu nữa mới tới được kết quả cuối cùng, đừng bước vào lối mòn. Hãy đi theo vết này. Có lẽ chỉ chốc lát nữa thôi, nó sẽ đột ngột kết thúc.

Tuy vậy ở phần này của cánh đồng vẫn luôn gặp phải những chỗ sinh lầy. Và mặc dầu lốp xe đạp thỉnh thoảng bị biến mất, nhưng mỗi lần như thế chúng tôi lại tìm thấy nó. Holmes nói :

- “Anh hãy để ý xem ở đây, người đi xe đạp vào pè-dan không? Điều này thật dễ thấy. Anh nhìn vào những vết lốp xe trước và sau mà coi, chúng đều rõ như nhau. Đó là do người đi xe đã dồn trọng lượng về phía trước như những tay đua vẫn thường làm. Trời ! Anh ta ngã kia !

Trên lối mòn có một vệt loang dài và rộng. Xa hơn chút xíu thấy có những vết giày, và sau đó lốp xe đạp lại xuất hiện.

Holmes nhặt một cành cây có hoa bị gãy từ dưới đất lên. Những bông hoa màu vàng bị vấy vệt đỏ. Trên lối mòn trong bụi cây, những vết máu khô thấm lại.

- Công việc tôi quá ! Rất tôi ! Thôi Watson, không đi về hướng này nữa. Hãy lui về phía kia vậy ! Nào, xem ta có thể tìm được gì ở đây nào? Anh ta ngã, bị thương... đứng dậy... Rồi lại ngồi lên xe... tiếp tục đi. Có một đàn bò đi qua lối mòn này, nhưng không phải bò đực đã húc anh ta ! Có điều không gặp những vết khác ở đây. Đi lên phía trước Watson. Những vết máu, những vết lốp xe đạp. Hãy cứ theo những dấu vết này.

Sự truy tìm của chúng tôi không kéo dài. Vết xe đột nhiên bắt đầu rẽ theo lối mòn bóng lên vì ẩm ướt. Tôi đưa mắt về phía trước. Bất thình lình những ánh kim loại lóe lên ngay trước mặt tôi. Chúng tôi lúi từ lùm cây ra một chiếc xe đạp của hãng "Palmer". Một pê-đan bị uốn cong, tay lái và bánh trước bê bết máu. Cách không xa có một chiếc giày trời lên trên cỏ. Chúng tôi chạy bổ đến đó và nhìn thấy người lái xe đạp bất hạnh - người cao, để râu, đeo kính. Mắt kính phải bị vỡ. Một quả đấm trời giáng vào sọ là nguyên nhân gây ra cái chết. Sau khi bị thương anh còn có thể đi xe đạp được vài mét nữa. Anh ta không mang tất, còn sau lần áo vét-tông, chúng tôi nhận ra chiếc áo ngủ. Không còn hoài nghi gì nữa. Đây là giảng viên người Đức.

Holmes thận trọng xoay thi thể trở lại để xem xét. Cuối cùng, Holmes lo âu, nói :

- Thú thật, tôi không rõ bây giờ chúng ta phải làm gì. Sự tìm kiếm đã kéo dài đến mức không thể mất thời giờ thêm nữa, chúng ta cần báo cho cảnh sát. Lẽ nào lại có thể để người bất hạnh nằm ở đây được !

- Hãy viết vài chữ cho tôi !

- Nhưng thiếu sự trợ giúp của anh, tôi không thể tiến hành công việc được. Kia ! Có ai đang gạt than bùn kia kia ! Hãy nhờ người ấy đi mời cảnh sát tới đây.

Tôi thực hiện ngay yêu cầu của Holmes, và anh nhờ người chủ trại ấy chuyển mảnh giấy cho tiến sĩ Hu-ta.

- Thế đó, Watson ạ ! Sáng nay chúng ta đã tìm được hai dấu vết. Dấu thứ nhất là lốp xe đạp hãng Palmer, nó dất chúng ta tới nạn nhân. Dấu thứ hai là lốp xe đạp bị "ghệt" của hãng Dunlop. Trước khi tìm hiểu dấu vết thứ hai này, *chúng ta hãy lưu ý rằng cậu bé đã tự ý bỏ chạy. Cậu ta bò qua cửa sổ và lên đi một mình hoặc cùng với người báo tin cho mình.*

- Có lý.

- Cậu bé đã có chuẩn bị để chạy trốn, nên ăn mặc đầy đủ. Nhưng anh chàng, người Đức mặc áo quần vội vã nên đã bỏ chạy mà không kịp mang tất chân.

- Chắc chắn như vậy !

- Cái gì buộc anh ta nhảy qua cửa sổ? Chính là việc *anh ta nhìn thấy cậu bé chạy trốn. Anh muốn đuổi kịp và đưa cậu bé trở lại. Anh vợ lấy xe đạp của mình, đuổi theo cậu bé và chết trên đầm lầy.*

- Rất có lý.

- Rượt theo cậu bé, một người đàn ông chỉ cần chạy theo là đủ rồi. Thế mà anh chàng người Đức (theo ý kiến của tiến sĩ Hu-ta, anh ta là một tay lái xe đạp cừ khôi) lại làm khác : *Anh ta chạy vào kho lấy xe đạp của mình. Từ đó có thể rút ra kết luận thế này : Anh ta nhận thấy cậu bé sử dụng một phương tiện di chuyển ưu việt hơn đôi chân của anh ta.*

- Nói cách khác, cậu bé đã lấy xe đạp của một ai đó phải không?

- Chúng ta hình dung kết cục của cuộc tẩu thoát ấy như thế này : Anh chàng người Đức chết cách ngôi trường 5 dặm. Cần lưu ý là anh ta chết vì quả đấm của một người có đôi tay rắn khỏe. Nghĩa là *cậu bé có người bạn đường và họ đào tẩu nhanh tới mức một tay lái xe đạp cừ khôi chỉ đuổi kịp họ ở dặm đường thứ năm. Tại nơi xảy ra tấn thảm kịch, chúng ta chỉ tìm thấy những dấu vết của móng bò cái và chỉ có vậy thôi ! Tôi đã đi một đường vòng rộng chừng 50 bước vẫn*

không tìm thấy một lối mòn nào khác. *Người lái xe đạp thứ hai không có liên quan gì tới vụ giết người, và ở đây không có vết chân người.*

- Này Holmes ! Điều đó thật khó tin !

- Hoan hô ! Kết luận thật chí lý ! Trong sự trình bày các sự kiện của tôi có một cái gì đó thật khó tin. Đúng thế, tôi có sai lầm. Song, trong suốt thời gian điều tra, anh luôn ở bên tôi và chính mắt anh đã nhìn thấy tất cả. Vậy tôi sai lầm ở chỗ nào?

- Có thể anh ta bị thương vào đầu trong khi ngã.

- Ở giữa đêm lầy này sao?

- Tôi rối trí mất rồi, Holmes ạ.

- Chúng ta đã từng giải đáp được những câu hỏi còn hóc búa hơn thế ! Chỉ cần vận dụng chúng một cách khôn khéo nữa thôi... Nào, hãy tiếp tục đi Watson ! Chiếc lớp xe hăng "Palmer" đã nói hết cho chúng ta rồi đấy. Giờ thử xem chiếc lớp xe "ghết" hăng Dunlop sẽ đưa chúng ta đến đâu?

Chúng tôi đi theo vết này. Nhưng chẳng bao lâu những quả đồi thoải thoải phủ những lùm cây thấp đã giăng dài trước mặt chúng tôi. Con suối đã ở lại đằng sau. Đi tiếp sẽ không có ý nghĩa gì cả, bởi vì những vết lớp xe hăng Dunlop có thể dẫn đến lâu đài Holderness với những chiếc tháp to nhô lên về phía trái, hoặc có thể đưa tới những túp nhà màu sáng thấp lè tè mà sau lưng có con đường cái chạy qua.

Lúc chúng tôi chỉ còn cách khách sạn "Gà trống ưa ấu dả" chừng vài bước, đột nhiên Holmes kêu lên một tiếng, nắm lấy vai tôi cho khỏi ngã. Một chân bị sái. Anh cà nhắc bước đến trước cửa khách sạn, nơi có một người đàn ông đang ngồi.

- Xin chào ông Rơ-ben ! - Holmes nói.

- Ông là ai? Sao biết tên tôi. Ông ta hỏi, sau khi ném ra một cái nhìn hần học và ngờ vực.

- Tên ông được ghi ở tấm biển ngay trên đầu ông kia kìa ! Xin cho chúng tôi biết ông có chiếc xe ngựa nào không?

- Không.
- Tôi không thể bước nổi nữa.
- Nếu không bước nổi, thì đừng có bước.
- Vậy tôi di chuyển bằng cách nào được?
- Bằng nạng vậy !

Rơ-ben thật bất lịch sự. Thế mà Holmes đã chịu đựng được. Anh nói :

- Hỡi ông chủ đáng mến ! Xin hãy nghe đây, ông không thấy điều gì rủi ro đã xảy ra với tôi ư? Chúng tôi phải đến nơi chúng tôi cần. Vậy bao giờ chúng tôi mới đến được?

- Bao giờ đến à? Tôi không quan tâm đến chuyện đó !

- Tôi đến đây vì một việc quan trọng. Hãy cho tôi mượn xe đạp của ông, tôi sẽ đền ơn trọng hậu.

Chủ nhà vánh tai nghe.

- Ông cần đi đâu?

- Đến lâu đài Holderness.

- Không phải đến thăm công tước chứ? - chủ khách sạn hỏi, vừa chế nhạo vừa nhìn vào bộ áo quần cầu bẩn của chúng tôi.

Holmes phá lên cười thân thiện :

- Công tước sẽ đón tiếp chúng tôi một cách niềm nở.

- Tại sao?

- Vì chúng tôi có những tin tức tốt về đứa con của Ngài.

Ông Rơ-ben giật mình :

- Phải chăng các ông đã tìm thấy?

- Từ Liverpool, người ta đã cho biết rằng cậu ta hiện đang ở đây. Thế đó, rồi sẽ tìm được thôi !

Một bóng đen chợt thoáng qua bộ mặt lờm chờm râu của ông ta. Và ông ta tự nhiên trở nên tốt bụng :

- Tôi từng là người đánh xe ngựa cho công tước. Rồi đột nhiên Ngài ngược đãi tôi. Rồi Ngài thanh toán tiền cho tôi và

không dùng tôi nữa. Song dầu sao tôi cũng rất vui, bởi huan tước trẻ tuổi đã được tìm thấy ở Liverpool. Thôi được, tôi sẽ giúp các ông chuyển tin tức này tới lâu đài.

- Xin cảm ơn. Chúng tôi sẽ ăn tối, rồi ông cho chúng tôi mượn xe đạp chứ?

- Tôi không có xe đạp.

Holmes nhìn người chủ khách sạn đây ngụ ý.

- Tôi nói với ông là tôi không có xe đạp. Các ông sẽ đi bằng xe ngựa vậy ! - Chủ khách sạn nhấn mạnh.

- Thôi được ! - Ông cho chúng tôi ăn cái đã rồi sẽ bàn chuyện đó sau.

Khi chúng tôi còn lại một mình trong nhà bếp, chân Holmes tự dưng hết đau. Đã chiều tối, chúng tôi cảm thấy đói mà vẫn không rời khỏi bàn. Đắm chìm trong ý nghĩ của mình, một vài lần Holmes yên lặng đi đến gần chiếc cửa sổ trông ra phía sau ngấp ngựa rác rưởi. Ở một góc sân, chỗ đóng móng ngựa, một thiếu niên lem luốc đang làm việc. Còn góc sân khác là chuồng ngựa. Sau một lần đi tới cửa sổ như thế. Holmes ngồi xuống bàn và đột nhiên nhồm phất dậy, kêu to :

- Rõ rồi Watson ! Tôi đã tìm ra rồi ! Anh có nhận ra các vết móng bò cái sáng nay không.

- Có.

- Ở đâu?

- Khắp nơi. Trên đấm lầy và cạnh chỗ người bị giết.

- Đúng. Còn bây giờ, ở đây có nhiều bò cái không?

- Tôi không thấy một con nào cả.

- Kỳ lạ thật. Khắp mọi nơi đều có vết móng bò cái, mà ở đây không có một con nào cả.

- Vâng đúng vậy !

- Bây giờ ! Anh hãy cố nhớ xem anh đã trông thấy những vết này trên lối mòn như thế nào?

- Tôi chưa hiểu.

- “Hãy nhớ lại xem ! *Đôi lúc nó như thế này...*” Anh bắt đầu xếp những mẩu vụn bánh mì trên bàn “*và đôi lúc lại như thế này... ở một chỗ khác lại như thế này...* Anh có nhớ không?”

- Không.

- Còn tôi thì nhớ và sẵn lòng đưa tay lên thề. Tuy vậy chúng ta sẽ còn quay trở lại và sẽ kiểm tra lại ngay tại chỗ. Tôi có quần trí không nếu tôi không rút ra được những kết luận thỏa đáng từ điều đó.

- Những kết luận gì?

- Những kết luận như thế này : *bò cái mà lại đi y như ngựa : nước kiệu, nước đại và nước một.* Mưu chước quỷ quyệt này lẽ nào không phải của tên chủ quán kia ! Ngoài sân không có ai cả, trừ cậu bé ở xưởng đóng móng ngựa. Chúng ta thử đột kích, xem tình hình ở đó ra sao.

Trong chuồng có hai con ngựa bấn thú, lông bù xù đang đứng. Holmes nâng chân sau của một con lên và cười lớn :

- Những cái móng thì cũ nhưng được đóng cách đây không lâu. Những cái móng thì cũ, còn đinh đóng thì lại mới. Bây giờ ta sẽ quan sát xưởng đóng móng ngựa xem sao.

Cậu thiếu niên bận bịu với công việc của mình nên không chú ý đến chúng tôi. Holmes nhanh nhẹn nhìn quanh khu xưởng ngập đầy sắt vụn và dăm bào. Bất thình lình có những bước chân vọng lại từ phía sau. Quay lại, chúng tôi nhìn thấy người chủ nhà. Đôi lông mày ông ta giao vào nhau thành một đường kẻ dài, đôi mắt lóe lên những tia sáng độc ác. Ông ta cầm lăm lăm một chiếc dùi cui bịt sắt tiến về phía chúng tôi với vẻ hăm dọa đến mức tôi rút khẩu súng lục từ trong túi ra.

- “Quân chó đẻ !” Ông ta kêu lên. “Bọn bay làm gì ở đây?”

- "Hãy rộng lòng tha thứ, ông chủ". Holmes điềm tĩnh nói. "Phải chăng ông sợ chúng tôi tìm ra một cái gì đây liên quan tới công việc đó?".

Rơ-ben trấn tĩnh lại. Ông ta cong môi lên trong một nụ cười giả tạo :

- Hãy tìm đi, xin mời ! Tìm thấy cái gì, đó là việc của các anh. Nhưng tôi không thích thấy người lạ tự ý sục sạo khắp sân nhà tôi. Vì vậy, hãy trả tiền và tránh xa đây càng nhanh càng tốt !

- Chớ giận chúng tôi, ông chủ. Quả thực chúng tôi chỉ muốn nhìn những con ngựa của ông thôi ! Vậy mà có lẽ chúng tôi phải đi bộ đến lâu đài. Từ đây tới đó không xa lắm thì phải?

- Đứng hai dặm đường. Đi theo con đường kia kia ! Nhớ rẽ trái !

Ông ta tiễn chúng tôi ra khỏi sân bằng một cái nhìn u ám.

Chúng tôi đi theo con đường ấy không xa, bởi vì Holmes dừng lại ở chỗ rẽ đầu tiên khi biết chắc là bây giờ không một ai còn nhìn thấy chúng tôi.

- Cuộc đón tiếp vừa rồi thật là nồng nhiệt. Càng rời xa khách sạn, tôi càng cảm thấy lạnh lẽo hơn. Không, đi khỏi đây bây giờ là quá sớm !

- Tôi cho rằng cái lão chủ khách sạn ấy biết tất cả. Tôi chưa từng thấy một bộ mặt nào hung ác hơn thế !

- Một kẻ ác độc thực sự ! Còn những con ngựa và xưởng đóng móng ngựa thì thế nào? Thật là một nơi đáng lưu ý, cái "Con gà trống ưa ẩu đả" ấy ! Nào chúng ta hãy quan sát coi cái gì đã xảy ra ở đây. Phải bí mật và thận trọng.

Quả đồi thoai thoải ở phía sau chúng tôi rắc đầy những tảng đá xám. Lúc bắt đầu trèo lên phía trên sườn đồi, để nhìn về phía lâu đài, bất chợt tôi trông thấy một người đi xe đạp đang lao nhanh trên đường.

- Hãy cúi thấp xuống, Watson ! - Holmes kêu lên, sau khi lấy bàn tay nặng trĩu ấn vào vai tôi.

Chúng tôi vừa kịp ấn mình vào sau tảng đá thì người đó đã lao vút qua. Một khuôn mặt tái mét thấp thoáng trước mặt tôi. Mỗi nét nhỏ của khuôn mặt anh ta đều lộ vẻ kinh hãi : mồm há rộng, cái nhìn chết cứng của đôi mắt trợn trừng một cách man dại. Đó chính là bức biếm họa kỳ quái của Uyn-đê mà chúng tôi mới biết hôm qua.

- "Viên thư ký của công tước !" Holmes nói nhỏ. "Hãy nhanh lên ! Chúng ta xem ông ta làm gì ở đây !"

Nhảy lên trên một tảng đá, chúng tôi men theo sườn dốc đi lên. Từ đó chúng tôi nhìn thấy cửa khách sạn. Chiếc xe đạp của Uyn-đê dựng tại cạnh tường ở trong nhà, không một ai nhìn qua các cửa sổ.

Mặt trời khuất sau các đỉnh tháp cao của lâu đài. Hoàng hôn buông xuống cánh đồng.

Chẳng bao lâu, trong bóng đêm dày đặc của khách sạn, một chiếc xe đạp hai bánh với những cây đèn thấp sáng ở bên cạnh được đẩy ra từ tàu ngựa. Chỉ một phút sau, ngựa đã phi như bay qua chúng tôi, hướng về phía Chesterfield.

- Như thế là thế nào? - Holmes thăm thẳm.

- Tựa như cuộc tẩu thoát vậy !

- Trong xe chỉ có một người đi thôi !

- Tôi nhìn thấy rõ mà. Nhưng người đó không phải là Uyn-đê, bởi vì ông ta đang ngồi kia kia !

Bóng dáng người thư ký in rõ giữa khung cửa sáng bừng. Anh ta rướn cổ về phía trước, nhìn vào bóng đêm, rõ ràng đang ngóng chờ ai đó. Vài phút trôi qua. Cuối cùng, trên đường có những bước chân vọng lại. Trong ánh sáng đổ xuống từ những cánh cửa ra vào, thấp thoáng bóng của một người khách nào nữa. Rồi cánh cửa khép lại. Toàn bộ khách sạn lại chìm trong bóng tối. Thế rồi, ở một trong những cửa sổ phía trên, ngọn đèn bàn được thấp sáng.

- Có khách lạ tới thăm "Con gà trống ưa ầu đá" - Holmes nói.

- Vào tửu quán từ một hướng khác?

- Đúng rồi ! Cả hai đều là khách mời của ông chủ. Ông Uyn-đê cần gì trong cái sào huyết này, lại vào thời gian muộn màng như vậy? Ông ta hẹn gặp lại ở đây chăng? Hãy mạnh dạn lên, Watson ! Chúng ta sẽ quan sát họ gần hơn một chút nữa !

Chúng tôi tụt xuống đường, len lén tới gần những cánh cửa của khách sạn. Xe đạp của Uyn-đê vẫn đứng tựa vào tường như trước. Holmes quẹt diêm và soi vào bánh sau của chiếc xe đạp. Tôi nghe thấy tiếng kêu khe khẽ đây vè ngạc nhiên của Holmes khi ánh lửa soi vào mảng "ghết" trên lớp xe đạp của hãng Dunlop. Cửa sổ có đèn sáng ở ngay trên đầu chúng tôi.

- Cần ghé nhìn trong đó dù chỉ thấy chút ít thôi. Watson ! Giá anh đứng tựa vào tường công kênh tôi lên.

Một loáng sau, Holmes đã đứng trên vai tôi và ngay tức khắc lại tụt xuống dưới.

- Di thôi, bạn thân mến ! Ngày hôm nay thế là đủ rồi ! Chúng ta đã làm tất cả những gì có thể làm được. Chúng ta về trường ngay.

Suốt quãng thời gian chúng tôi lè bước chậm chạp theo cánh đồng, hầu như Holmes không hé răng nói lấy nửa lời. Không rẽ vào khu trường, chúng tôi đến thẳng ga để chuyển điện đi. Sau đấy, tôi thấy Holmes đang an ủi ông tiến sĩ. Ông ta bị sững sốt bởi cái chết bi thảm của người giáo viên. Rất khuya, tôi vẫn còn trông thấy anh trong phòng mình.

- Mọi chuyện đều diễn ra tốt đẹp. Tối mai chúng ta sẽ có lời giải đáp. - Holmes nói với tôi.

Sáng hôm sau, lúc 11 giờ, chúng tôi đã ở trên con đường trồng cây nổi tiếng của lâu đài. Người hầu phòng ra đón và

dẫn chúng tôi vào phòng làm việc của công tước. Uyn-đê đã đứng ngay trước mặt chúng tôi. Anh ta rất khiêm tốn và lịch sự, nhưng trong đôi mắt né tránh của anh thoáng hiện một nỗi khiếp sợ.

- Các ông muốn thăm công tước phải không? Ngài không được khỏe. Ngài bị đau đớn bởi tấn thâm kịch mà ông tiến sĩ đã báo cho chúng tôi biết.

- Ông Uyn-đê, tôi cần gặp công tước.

- Nhưng Ngài không rời khỏi phòng mình được.

- Vậy tôi sẽ đến chỗ Ngài !

- Ngài đang trên giường.

- Dù thế nào tôi cũng xin được tiếp kiến Ngài !

Giọng điệu lạnh lùng không cho phép phản đối của Holmes đã khiến viên thư ký tin rằng đôi co với con người này chỉ bằng thừa.

- Thôi được ! Ông Holmes, tôi sẽ báo có ông đến.

Đôi mắt của công tước hôm sâu hơn, hai tay khuỳnh khuỳnh của ông lộ vẻ thiếu cương quyết, ông như già hơn so với ngày hôm qua. Với vẻ lịch sự đến tào nhả, ông cúi chào chúng tôi và ngồi xuống ghế bành.

- Tôi nghe đây, ông Holmes !

Thế nhưng Holmes lại nhìn chằm chằm vào viên thư ký đang đứng cạnh chủ nhân.

- Sự có mặt của ông Uyn-đê khiến tôi bị ít nhiều gò bó, thưa Ngài !

Mặt viên thư ký tái ngắt đi. Anh ta ném vào Holmes cái nhìn thật độc ác.

- Nếu ngài muốn...

- Được, được, cứ để chúng tôi ở đây...Được rồi, ông Holmes ! Ông có điều gì muốn nói với tôi, phải không?

Holmes khép cửa lại đằng sau viên thư ký, rồi mới nói :

- Thưa ngài ! Theo lời của tiến sĩ Hu-ta, tôi và bác sĩ Watson được biết Ngài có hứa sẽ trả tiền thù lao cho công việc mà Ngài đang quan tâm. Tôi muốn trực tiếp được nghe Ngài nói điều đó.

- Có.

- Người ta nói là Ngài sẽ trả 5000 bảng cho ai chỉ ra nơi con trai Ngài đang ở.

- Phải.

- Và 1000 bảng cho ai chỉ ra kẻ đang giam giữ huân tước.

- Vâng.

- Cố nhiên, điều này ngụ ý rằng không chỉ là kẻ bắt cóc mà còn là kẻ có âm mưu bắt cóc.

- “Đúng, đúng”. Không kim được lòng mình, công tước thốt lên. “Ông Holmes, nếu ông làm sáng tỏ bí mật này, ông sẽ không than phiền về tính keo kiệt của tôi”

Holmes cọ cọ hai tay vào nhau một cách thêm thường. Điều này khiến tôi ngạc nhiên vì trước đó tôi hiểu anh như một người có những đòi hỏi bình thường nhất.

- Tập séc của Ngài đang ở trên bàn thì phải? Xin Ngài ghi cho tôi tám séc 6000 bảng Anh. Ngân phiếu xin chuyển vào tài khoản vãng lai của tôi tại chi nhánh ngân hàng La Capital & Counties đường Oxford.

Công tước uốn thẳng người trong ghế bành, dò xét bạn tôi bằng cái nhìn lạnh như tiền.

- Ông đùa đấy à, ông Holmes? Đây không phải là đề tài thích hợp cho sự bông đùa.

- Thưa Ngài ! Tôi luôn luôn nghiêm túc.

- Điều đó có nghĩa thế nào?

- Điều đó có nghĩa là tôi biết nơi trú chân của con trai Ngài và cũng biết một người đang lưu giữ cậu.

- Con tôi đâu?

- Trong khách sạn “Con gà trống ưa ấu dả”, cách công lớn của công viên Ngài hai dặm. Ít ra cậu nhà đã ở đó vào ngày hôm qua.

Công tước ngả người vào ghế bành.

- Vậy ông kết tội ai?

Anh bước nhanh về phía trước, dụng tay vào viên công tước.

- Tôi kết tội Ngài ! Còn bây giờ, thưa Ngài, xin Ngài làm ơn đưa cho tôi tám séc 6000 bảng Anh.

Từ ghế bành, công tước nhóm phất dậy, thế rồi đột nhiên hai tay ông chới với tựa như ông đang gắng đứng vững bên bờ vực thẳm? Sau đó, bằng sức mạnh của ý chí siêu phàm và bằng sự trợ giúp của tính kiên chế quý tộc, ông ta lại ngồi xuống ghế, tay ôm lấy mặt. Một phút... rồi một phút nữa trôi qua...

- Hãy nói thẳng ra, ông biết gì nào? - Con người bất hạnh ấy hỏi, không hề cất đầu lên.

- Tôi hôm qua, tôi trông thấy Ngài và cậu nhà.

- Ngoài bạn ông ra, còn có ai biết chuyện đó nữa không?

- Tôi chưa nói cho ai biết cả.

Năm ngón tay run rẩy của viên công tước mở tập séc ra rồi cầm lấy bút.

- Tôi không bội ước đâu, ông Holmes ạ. Mặc dầu số tiền này chỉ để trả cho những tin tức mà thôi, ngoài nổi cay đắng ra, chúng không mang lại cho tôi điều gì khác nữa. Nhưng khi đưa ra lời ban thưởng, tôi đâu có thể ngờ là các sự kiện lại xoay chuyển như thế ! Tuy vậy, tôi hy vọng ông và bạn ông là những người biết điều.

- Tôi chưa hiểu Ngài muốn nói gì, thưa Ngài?

- Được, tôi sẽ nói thẳng ra vậy. Ông Holmes ạ, nếu những tình tiết của việc này không một ai biết, ngoài hai ông ra, thì số tiền không chỉ có thế.

Tôi phải cho ông 12.000 bảng Anh. Không đúng vậy sao?

Nhưng Holmes mỉm cười và lắc đầu :

- Ôi ! Thưa Ngài ! Không thể dễ dàng thu xếp chuyện đó. Một ai đó phải trả lời về cái chết của người thầy giáo.

- Thế nhưng người thư ký của tôi không can dự vào đây ! Giết người, đấy là công việc của tên tàn bạo.

- Còn tôi thì lại giữ cái nhìn như thế này, thưa Ngài : Khi một người đứng trước con đường dẫn đến tội ác, thì anh ta cần phải gánh lấy trách nhiệm đạo đức do những hậu quả của hành động mình gây ra.

- Trách nhiệm đạo đức? Đúng ! Nhưng đừng bắt người thư ký phải trả lời trước pháp luật. Không thể khép một người vào tội sát nhân nếu anh ta không có mặt vào lúc giết người ; cũng không thể khép người ấy vào tội sát nhân khi việc giết người đã khiến anh ta công phần chẳng kém gì ông. Sau khi biết chuyện đó, Uyn-đê không chịu nổi sự day dứt của lương tâm và thú nhận ngay với tôi tất cả. Sau đấy, ông ta tuyệt giao với kẻ sát nhân. Ông Holmes ! Hãy cứu ông ta ! Hãy cứu đi ! Tôi van ông đấy !

Tĩnh kiếm chế quý tộc của viên công tước biến mất. Với bộ mặt méo xệch, viên đại thần chạy loảng quảng khắp phòng, đôi tay ông vung vẩy một cách mạnh mẽ. Cuối cùng, ông tự trấn tĩnh lại, ngồi xuống và nói :

- Tôi đánh giá cao việc ông đã đến đây. Nào, ít ra ta cũng bàn bạc xem cần áp dụng những biện pháp nào để giúp tôi khỏi bị lãng nhục.

- Nhưng chỉ khi chúng ta đã cởi mở với nhau đến tận cùng. Tôi sẽ làm tất cả những gì có thể làm được nếu tôi biết đích xác các chi tiết của công việc này. Ngài khẳng định rằng ông ta không phải là kẻ giết người?

- Đúng, kẻ giết người đã lẩn trốn.

Holmes lạnh lùng mỉm cười :

- Thưa Ngài ! Hôm qua, vào lúc 11 giờ đêm, người chủ khách sạn đã bị bắt tại Chesterfield theo chỉ thị của tôi. Viên chỉ huy cảnh sát ở đây đã báo tin cho tôi vào sáng nay trước lúc tôi đến đây.

Công tước ngả người ra sau ghế, ngạc nhiên nhìn bạn tôi.

- “Khả năng của ông liệu có giới hạn không, ông Holmes”. Ông ta thốt lên. “Thế nghĩa là Rơ-ben đã bị bắt? Thôi được ! Có thể đó là điều mừng. Nhưng liệu việc hắn ta bị bắt có ảnh hưởng gì tới số phận của Uyn-đê không? ”.

- Tới viên thư ký của Ngài?

- Không, tới con tôi. Uyn-đê là con trai của tôi.

Lần này Holmes thật sự ngạc nhiên :

- Thưa Ngài ! Ngài có thể giải thích tất cả chuyện đó chi li hơn được không?

- Ông nói đúng. Chỉ có lòng thành thực mới có thể làm giảm nhẹ tình trạng căng thẳng mà Uyn-đê đã đặt cả hai chúng tôi vào đó. Lúc còn trẻ, tôi ngỏ lời cầu hôn với người đàn bà tôi yêu dấu, nhưng nàng cự tuyệt vì lo ngại rằng một cuộc hôn nhân như thế sẽ hủy hoại con đường công danh của tôi. Nếu nàng còn sống thì tôi đã không lấy một người nào khác. Nhưng nàng đã mất và để lại cho tôi một đứa con trai. Đó là Uyn-đê. Tôi nuôi nấng cháu và không công khai thừa nhận mình là cha ; tuy nhiên, cháu đã được giáo dục tốt nhất. Khi đã lớn khôn, cháu vẫn thường xuyên sống cùng tôi. Tình cờ cháu biết được bí mật của tôi và từ đấy cháu gắng làm dụng quyền làm con của mình bằng mọi cách. Điều này đẩy tôi vào tình trạng lo ngại bị tố giác. Sự hiện diện của cháu ở lâu đài đã là nguyên nhân của sự tuyệt giao giữa tôi và vợ tôi. Và điều sau đây mới thật nặng nề. Ngay khi nhìn đứa bé, từ ngày đầu tiên, cháu đã căm ghét đứa con nhỏ của tôi (kẻ thừa kế hợp pháp của tôi) một cách dữ dội nhất.

“Chắc ông sẽ hỏi tại sao do những chuyện ấy mà tôi vẫn tiếp tục giữ Uyn-đê ở nhà mình? Câu trả lời của tôi sẽ thế

này : Vì khi nhìn nó, tôi trông thấy bóng dáng của mẹ nó, một hình bóng không thể xóa mờ trong tôi. Từ biệt cháu ư? Tôi không đủ sức làm việc đó. Nhưng cuối cùng, tôi bắt đầu lo sợ cháu sẽ gây ra một chuyện gì đấy với huân tước Sa-ti. Và thế là tôi chuyển đứa bé đến ký túc xá của tiến sĩ Hu-ta.

“Uyn-dê điều hành mọi công việc của tôi, do vậy cháu biết Rơ-ben, người đã từng là tá điền của tôi ; chúng đã kết bạn với nhau. Sau khi quyết định bắt cóc huân tước Sa-ti, cháu biến tên này thành kẻ đồng lõa của mình. ”Ông còn nhớ là tôi đã viết một bức thư cho Sa-ti trước ngày Sa-ti chạy trốn chứ? Uyn-dê đã mở phong bì ra, bỏ vào đó mẩu thư yêu cầu Sa-ti gặp mình ở cánh rừng “Mũi dao lệch” cách không xa khu trường. Chú bé đã đi đến đó vì thư có vẻ như được viết theo yêu cầu của vợ tôi. Uyn-dê đến khu rừng thưa bằng xe đạp. Sau đấy chính cháu đã làm Sa-ti tin rằng bà mẹ đang buồn phiền vì huân tước, rằng bà ở cách đây không bao xa, rằng nếu huân tước đi tới khu rừng này vào lúc nửa đêm thì người dẫn đường và ngựa sẽ chờ ở đó. Cậu bé bắt hạnh bị sa vào bẫy. Đúng giờ hẹn, cậu đi đến khu rừng thưa và nhận ra Rơ-ben ở đấy. Rơ-ben cưỡi một con ngựa và Sa-ti ngồi lên yên một con ngựa Poney rất nhỏ con.

“Nhưng Rơ-ben phát giác có người đang đuổi theo. Hắn dùng dùi cui đánh vào người đuổi theo vài lần. Anh ta đã chết vì thương tích. Rơ-ben đưa Sa-ti tới khách sạn của mình, nhốt cậu bé ở lầu trên, bắt bà Rơ-ben (một người đàn bà phúc hậu nhưng hoàn toàn lệ thuộc vào người chồng) coi giữ đứa bé.

“Uyn-dê hành động như vậy là vì mù quáng, vì căm phẫn. Nó cho rằng tất cả thái ấp của tôi cần được chuyển giao cho cháu, rằng cháu không thể bình tâm để bàn về quyền thừa kế tài sản đang tồn tại ở chỗ chúng tôi. Cháu yêu cầu tôi để cho cháu quyền thừa kế thái ấp. Chỉ có như vậy cháu mới trả Sa-ti lại cho tôi. Cháu biết rất rõ là không đời nào tôi lại giao cháu cho cảnh sát. Nhưng những sự kiện đã đảo lộn nhanh tới mức

cháu không thể thực hiện kế hoạch của mình. Uyn-dê hoảng sợ khi biết người thầy giáo đã chết. Chúng tôi biết chuyện đó vào ngày hôm qua do tiến sĩ báo. Bức điện đã đẩy Uyn-dê vào tình trạng lo sợ. Tôi kết tội cháu thẳng thừng. Cháu thành thật nhận lỗi nhưng cố van nài tôi trì hoãn hai ngày để tên tông phạm được cứu thoát. Tôi đã nhân nhượng như đã từng nhân nhượng cháu trong mọi trường hợp. Khi đó Uyn-dê lao đến khách sạn, báo cho Rơ-ben biết trước và giúp hắn chạy trốn. Tôi không thể đi đến đây lúc còn sáng. Tôi chờ tối hẳn mới đến chỗ Sa-ti. Chú bé vẫn bình an vô sự. Nhưng vụ giết người đã gieo một ấn tượng khủng khiếp xuống đứa bé. Nhớ lời hứa, bắt buộc dĩ tôi phải để Sa-ti ở lại khách sạn chừng ba ngày. Bởi vì không thể báo những điều này cho cảnh sát mà lại không tố giác kẻ giết người, và khi Rơ-ben bị bắt thì sẽ khôn khổ. Ông Holmes, tôi đã nói hết mọi sự thật, giờ mong ông rộng lượng giúp tôi”.

- Được, thưa Ngài ! Trước pháp luật, tình trạng của Ngài là cực kỳ nghiêm trọng. Ngài đã giúp kẻ giết người chạy trốn, vì Uyn-dê đã lấy tiền từ túi Ngài giúp cho hắn tẩu thoát.

Viên công tước nghiêng đầu im lặng :

- Đúng. Tình trạng rất nghiêm trọng. Thế nhưng dưới con mắt của tôi thì cách cư xử của Ngài với cậu bé còn đáng lên án hơn. Ngài đã để cậu bé sống trong cái ô gian phi ấy suốt ba ngày !

- Chúng đã cam đoan với tôi là...

- Lê nào lại tin vào lời thề của hạng người ấy ! Nếu chúng giấu biệt cậu bé vào một nơi nào đó thì sao? Chiêu ý đứa con trai tội lỗi, Ngài đã buộc đứa trẻ vô tội phải chịu cảnh nguy hiểm. Không, không thể biện hộ cho hành động của Ngài được !

Viên đại quan kiêu hãnh vốn không quen nghe những lời chống đối như thế, nhất là ngay trong dinh thự của mình. Mặt ông ta đỏ lên, song lương tâm buộc ông ta phải cảm lạnh.

- Tôi sẽ giúp ông nhưng với điều kiện : Hãy gọi người hầu lại đây và yêu cầu anh ta thực hiện mệnh lệnh của tôi.

Không nói lấy một lời, công tước đưa tay ấn nút chuông điện. Một người đầy tớ bước vào phòng.

- "Huân tước Sa-ti đã được tìm thấy". Holmes nói với người hầu. "Công tước ra lệnh hãy mau chóng đưa một cỗ xe ngựa đến khách sạn Con gà trống ưa ầu đả rước huân tước về. Còn bây giờ". Holmes nói khi người hầu đã chạy ra khỏi phòng làm việc, mặt rạng rỡ lên vì vui sướng, "chúng ta có thể đối xử một cách khoan dung với dĩ vãng. Tôi không thấy cần thiết báo cho chính quyền về tất cả những gì tôi đã biết. Còn Rô-ben thì đây là chuyện khác. Giá treo cổ đang chờ hắn. Tôi sẽ không nhúng tay để cứu mạng sống của hắn. Còn việc hắn có tiết lộ bí mật của Ngài hay không, tôi không biết. Tuy nhiên, Ngài có thể gợi ý để hắn nói những điều vô nghĩa ngoài trách nhiệm của hắn. Ở Sở cảnh sát người ta sẽ kết án hắn bắt cóc chú bé để nhận tiền chuộc. Nếu ở đó người ta không dò xét gì sâu hơn thì họ sẽ không đến đây. Có điều việc ông Uyn-dê vẫn còn lưu lại ở nhà Ngài là việc không tốt.

- Cháu sẽ vĩnh viễn rời khỏi lâu đài và sẽ lên đường sang Úc Châu !

- Thưa Ngài ! Ngài không cố gắng hòa giải với công tước phu nhân và thu xếp ổn thỏa cuộc sống gia đình hay sao?

- Sáng nay tôi đã viết thư cho công tước phu nhân rồi !

- "Nếu vậy". Holmes vừa nói vừa đứng dậy. "Tôi và bạn tôi có thể xin chúc mừng Ngài. Chỉ còn một vấn đề tôi chưa được rõ lắm. Những con ngựa của Rô-ben được đóng móng thế nào để người ta có thể làm lẩn vết móng của nó với vết móng của bò cái? Ai đã mách hắn làm chuyện đó. Không phải ông Uyn-dê chứ?

Đôi lông mày của công tước nhíu lại, ông im lặng đến một phút. Thế rồi, ông mở cửa phòng bên cạnh hiện đang được

dùng làm bảo tàng của gia đình ông. Ông dẫn chúng tôi đến gần chiếc tủ trưng bày ở góc của căn phòng, chỉ cho chúng tôi xem những hàng chữ dưới tấm kính.

"Những chiếc móng ngựa sắt này đã được tìm thấy trong các cuộc khai quật tại một khu vực thuộc vùng Holderness. Chúng được dùng cho ngựa nhưng người ta đã rèn chúng dưới hình thức móng bò cái được tách đôi ra. Rõ ràng, vào thời Trung cổ, các quan đại phu phong kiến khi đi cướp bóc đã sử dụng biện pháp này nhằm đánh lạc hướng những người đuổi bắt".

Holmes nâng nắp kính lên rồi lấy tay xoa vào một trong những cái móng ngựa. Bàn tay anh dính vết bẩn đen thẫm : bùn sinh lây vẫn chưa kịp khô hẳn. - Cám ơn Ngài ! Đây là điều thứ hai ở chỗ Ngài khiến tôi đặc biệt quan tâm.

- Thế còn điều thứ nhất?

Holmes gập tấm séc làm đôi, thận trọng đặt nó vào giữa cuốn sổ của mình.

- Tôi là người không thật giàu có lắm ! - Anh nói và nhét cuốn sổ tay sâu hơn vào trong túi trong.

Peter hung bạo

Trong khoảng tuần lễ đầu tiên của tháng bảy năm 1895, Holmes ra đi. Vào những ngày này, nhiều người có dáng vẻ kệt cớm và thô bạo, một vài lần rê vào chỗ chúng tôi. Họ hỏi thăm thuyền trưởng Ba-si. Tôi biết chắc là tên giả mà anh dùng vào việc điều tra một vụ án nào đó. Trong những vùng ngoại ô khác nhau của Luân Đôn, anh có ít nhất là năm chỗ kín đáo có thể thay đổi bộ mặt của mình.

Một lần, anh vội vã đi đến mức không kịp ăn sáng. Tôi vừa ngồi vào bàn ăn, thì đột nhiên anh bước vào, mũ vẫn đội ở trên đầu còn bên nách thì cắp một cái xiên đâm cá to tướng tựa tựa như cái ô.

- "Trời ơi, Holmes!" Tôi kêu lên. "Phải chăng anh định đi khắp Luân Đôn với một vật khùng khiếp như thế này?"

- Không, tôi chỉ đến chỗ lão hàng thịt mà thôi.

- Đến lão hàng thịt à?

- Sáng nay, tôi trở về nhà với một cảm giác tuyệt vời. Luyện tập cơ bắp trước buổi sáng thật ích lợi biết dường nào! Nhưng tôi đánh cuộc là anh sẽ không đoán được tôi tiến hành luyện tập như thế nào đâu.

- Tôi không muốn đoán.

Holmes vừa cười vừa rót cà phê vào cốc.

- Giá anh có ghé thăm căn phòng phía sau tiệm buôn Allardyce, anh sẽ thấy cảnh tượng này: Một súc thịt lợn còn nguyên cả con, treo lơ lửng trên trần nhà và một anh chàng nào đấy sau khi mở áo khoác ngoài, đang gắng sức chọc thủng nó bằng cái vũ khí này. Anh chàng ấy không thể đâm thủng

được nó chỉ bằng một phát. Anh có muốn tự mình làm thử một lần không?

- Nhưng để chứng minh một điều gì? Và anh hành động như thế để làm gì?

- Điều đó có quan hệ gián tiếp tới câu chuyện bí ẩn xảy ra ở dinh cơ Woodman's Lee. À, anh Hốp-kin ! Tôi nhận được điện của anh vào chiều hôm qua và tôi chờ anh đây. Hãy ngồi xuống đi ! Bây giờ chúng ta ăn sáng.

Một người hơi gầy, lanh lợi chừng ba mươi tuổi bước vào chỗ chúng tôi. Anh ta trông khiêm tốn trong bộ com-lê bằng len. Có điều, phong cách của anh ta chứng tỏ anh quen mặc quân phục. Tôi lập tức nhận ra ngay. Hốp-kin, một điều tra viên cảnh sát trẻ tuổi. Holmes liếc anh ta vào hạng "có triển vọng". Còn Hốp-kin thì tự coi mình là người học trò của Holmes.

Anh ta buông mình xuống ghế bành với nỗi buồn sâu sắc.

- Không, xin cảm ơn. Tôi đã ăn sáng rồi. Đêm nay tôi ở thành phố vì tôi đến đây để báo cáo mà !

- Báo cáo về chuyện gì?

- Về một sự thất bại hoàn toàn.

- Ông ý ra không làm gì à?

- Không.

- Vậy thì sao? Hình như tôi sẽ phải tham gia vào công việc này thì phải?

- Tôi thỉnh cầu ông đấy. Lần đầu tiên người ta giao cho tôi một việc quan trọng, mà tôi không đủ sức. Ông giúp tôi nhé !

- Được, được. Tôi đã tìm hiểu rồi. Nhân thể xin hỏi : Ông nghĩ gì về túi thuốc lá ở nơi diễn ra tội ác.

Hốp-kin ngạc nhiên.

- Riêng trong túi có chữ đầu tiên của tên ông ta : Nó được làm bằng da hải cẩu, bởi vì người quá cố đã từng làm nghề săn hải cẩu trong nhiều năm.

- Nhưng ở trong túi không có tẩu thuốc.

- Vâng. Thật ra ông ta hút ít thôi. Hơn nữa, ông ta có thể dành thuốc cho bạn bè.

- Tất nhiên. Tôi chỉ muốn nói rằng : Nếu tôi điều tra vụ này thì tôi sẽ coi cái túi thuốc là điểm xuất phát cho công việc tìm kiếm. Tuy vậy, bạn của tôi, bác sĩ Watson, chưa hiểu câu chuyện này. Tôi cũng không phản đối khi được nghe lại chuyện đó. Nào hãy kể một lần nữa đi ! Ngắn gọn thôi !

Hộp-kín rút từ túi ra mảnh giấy.

- "Tôi có ít tư liệu về cuộc đời của người thuyền trưởng đã mất : **Peter Caney**. Ông sinh năm 1845 được coi là một trong những người thợ săn hải cẩu và cá voi quả cảm và sành sỏi nhất. Vào năm 1883 ông điều khiển chiếc tàu đánh cá "Sừng biển" xuất phát từ Dundee. Trong năm đó, ông thực hiện được nhiều chuyến đi biển thành công và năm sau ông xin nghỉ việc. Cuối cùng ông tậu một dinh cơ không lớn lắm. Dinh cơ Woodman's Lee, cạnh Forest Row ở trong vùng Sussex. Ông sống sáu năm tại đây. Và cũng tại đây, ông chết cách đây vừa đúng một tuần".

"Trong cuộc sống hàng ngày, ông là một người trầm lặng, âu sầu và nghiêm nghị. Ông có vợ và một người con gái hai mươi tuổi. Trông coi ngôi nhà của ông là hai cô gái trẻ trung. Đây tổ gái thường xuyên bị thay đổi, bởi vì họ không chịu đựng nổi.

"Pete thường uống rượu. Khi cơn nghiện hoành hành, ông trở thành một con quỷ thực sự. Có khi giữa đêm, ông đuổi vợ và con gái ra khỏi nhà. Ông còn rượt theo họ khắp công viên với những quả đấm tối mắt tối mũi. Đôi khi họ la to đến nỗi những người sống ở làng bên cạnh cũng phải thức giấc.

Một lần ông ra tòa vì đã đánh một vị linh mục già khi người này toan giảng giải cho ông nghe. Nói tóm lại, thật khó lòng tìm thấy một người nào nguy hiểm hơn Peter. Tôi nghe

nói ông đã kỳ cục như thế ngay khi còn chỉ huy tàu biển. Thủy thủ gọi ông là "*Peter hung bạo*", vì cái thói man rợ của ông. Chẳng cần phải nói, ai cũng biết mọi người chung quanh thù ghét và xa lánh ông như thế nào.

"Ông Holmes ạ ! Chắc ông đã đọc biên bản điều tra về "*Ca-bin tàu*" của con người này rồi. Cách nhà mình không xa, Peter dựng một túp lều bằng gỗ và gọi nó là "*Ca-bin tàu*". Đêm đêm ông ta ở đó. Đây là túp lều đơn sơ, một phòng nhỏ bé rộng ba mét và dài bốn mét. Chìa khóa túp lều ông thường để trong túi. Chính ông sửa soạn giường, quét dọn căn phòng của mình và không cho phép một ai bén mảng tới đó. Trên hai bức tường của túp lều, ông đục hai ô cửa sổ nhỏ và thường xuyên buông rèm : Một ô cửa sổ quay ra phía con đường làng. Có khi trong lều đèn thấp sáng suốt đêm. Khách qua đường tự hỏi : Không biết "*Peter hung bạo*" làm gì ở trong đó? Chính chiếc cửa sổ này, đã cho phép chúng tôi xác minh một vài chi tiết thú vị.

"Chắc ông còn nhớ người thợ nề La-tơ. Hai ngày trước khi xảy ra án mạng, ông ta đã đi từ đường Forest Row đến vào khoảng gần một giờ khuya. Ông dừng lại cạnh dinh cơ của thuyền trưởng và nhìn thấy ô vuông cửa sổ sáng lên. Ông ta thấy trên bức màn che hiện rất rõ bóng một người đàn ông trông nghiêng. Đây nhất định không phải là Peter. Người đàn ông này cũng có râu, nhưng râu của hắn ngắn. Nói một cách khác, râu của hắn xù hơn râu của Peter. Người thợ nề khẳng định như vậy. Cần nói thêm rằng trước đó ông ta có ngồi ở quán suốt hai giờ liền và khoảng cách từ đường đến ô cửa sổ lại quá xa. Lời khai của ông ta liên quan đến *ngày thứ hai*, còn vụ giết người lại xảy ra vào *đêm thứ tư*.

"*Hôm thứ ba*, rượu đã biến Peter thành con thú dữ hung hăng và nguy hiểm. Ông ta lượn lờ quanh ngôi nhà. Còn những người đàn bà sau khi nghe giọng nói của ông thì đã vội vàng vào nhà và khoá cửa lại. Buổi tối thứ tư, ông trở về túp lều muộn hơn thường lệ. Con gái ông ngủ, cửa sổ mở toang. Gần

hai giờ sáng có một tiếng kêu khủng khiếp vọng lại từ phía "ca bin tàu". Cô gái không để ý đến âm thanh đó, vì trong cơn say, ông ta thường hay kêu la và chửi rủa âm ỉ. Lúc bảy giờ sáng, một gia nhân nhìn thấy cánh cửa của túp lều mở toang hoác. Người này la lên vì đã thấy một cảnh tượng thật kinh khủng. Một giờ sau, tôi có mặt tại đó và bắt đầu điều tra.

"Viên thuyền trưởng gọi chỗ ở của mình là "ca bin tàu". Quả thật, nó giống một khoang tàu. Ở một góc có chiếc giường treo, bên cạnh là cái hòm tàu. Trên các bức tường có treo bản đồ đi biển và bức ảnh con tàu "Sừng biển". Một chõng nhật ký đi biển trên nền nhà. Thuyền trưởng nằm ngay giữa những thứ ấy. Bộ mặt ông ta méo xệch như người phạm tội, bộ râu rậm đen, dựng ngược lên trong cơn hấp hối. Bộ ngực nở nang của ông bị chiếc lao xiên cá bằng thép xuyên qua. Chiếc lao cắm sâu vào bức tường gỗ. Trông ông ta tựa như con bọ dứa bị ghim vào tấm bìa các tông. Tất nhiên, ông đã chết sau lúc ông la lên trong đêm.

"Thưa ông Holmes, tôi đã làm quen với phương pháp làm việc của ông và bắt đầu vận dụng chúng. Sau khi không cho phép ai đụng đến bất kỳ một vật nào trong phòng, tôi xem xét rất tỉ mỉ trên mặt đất và trên nền nhà. Tuy nhiên tôi không hề thấy có dấu vết gì".

- Ông không nhận ra một dấu vết nào cả sao?

- Không có một dấu vết nào cả.

- Anh bạn thân mến, tôi đã tiến hành điều tra nhiều vụ, nhưng chưa một lần bắt gặp kẻ phạm tội nào có cánh cả. Tội nhân đứng bằng hai chân, tất hẳn sẽ lưu lại một dấu vết nào đó. Hễ người nào có phương pháp truy tìm khoa học, người đó sẽ tìm ra sự chuyển đổi nhỏ nhất của các vật chung quanh. Trong căn phòng đổ máu ấy không thể không giữ lại vài vết tích có thể giúp ta truy lùng. Hơn nữa, từ biên bản điều tra, tôi thấy cần lưu tâm tới một vài hiện vật.

Người điều tra viên trẻ tuổi trở nên nghiêm nghị. Lời nhận xét thẳng thắn của Holmes đã chạm vào vết đau thâm kín của anh ta.

- Ông Holmes ạ, tôi đã hành động một cách ngu ngốc khi không kịp mời ông. Tuy nhiên, trong phòng vẫn còn một vài đồ vật đáng được chú ý. Trước tiên là cái lao xiên cá. Một người nào đấy đã gỡ nó ra khỏi bức tường. Hai cái lao xiên cá hiện còn treo ở móc. Còn cái móc thứ ba thì trống không. Trên tay cầm có dòng chữ : "*Tàu sừng biển Dundee*". Điều này chứng tỏ tội ác được tiến hành trong cơn thịnh nộ và kẻ giết người đã túm lấy vũ khí bất chợt rơi vào mắt mình. Việc ông Peter ăn mặc tề chỉnh dẫn tới ý nghĩ cho rằng ông ta có hẹn hò trước với kẻ sát nhân. Ngay việc trên bàn có một chai rượu rum và hai chiếc cốc bản cũng nói lên điều đó.

- Được ! Cả hai kết luận của ông đều có thể chấp nhận. Nhưng trong phòng còn có đồ nhậu khác không?

- Có. Trên bàn còn có một cái mâm, trên đó có một chai rượu cô-nhắc. Song điều này, không mang ý nghĩa gì đâu, bởi chai rượu còn đầy, nghĩa là họ không đụng tới nó.

- Sự hiện diện của chúng có một vài ý nghĩa. Theo ông, còn những vật nào nữa có liên quan đến vụ án?

- Trên bàn có chiếc túi thuốc này.

- Ngay trên bàn à?

- Vâng, ngay chính giữa bàn. Nó được làm bằng da hải cẩu và được thắt bằng dây da. Bên trong túi thuốc có hai chữ cái "P.K." và có chừng nửa bao thuốc lá loại nặng mà các thủy thủ thường hút.

- Thật tuyệt vời ! Còn gì nữa không?

Hộp-kin rút trong túi ra một cuốn sổ tay bìa xám vàng. Tấm bìa của nó đã sờn sùi và sần rách, giấy phía trong thì đã phai màu. Các chữ "J.H.N." và năm "1883" được ghi ở trang đầu tiên.

Holmes đặt cuốn sổ lên bàn và bắt đầu xem xét tỉ mỉ. Trong lúc đó, cũng như Hóp-kin, tôi nhìn cuốn sổ qua vai anh. Trang thứ hai, có các chữ cái "C.P.R.". Tiếp theo chừng hai, ba trang là những con số dày đặc. Trên những trang khác các từ "Argentina", "Costa-rica", "Sao Paulo".

- Ông suy nghĩ như thế nào về những trang giấy này?
- Holmes hỏi.

- Rõ ràng đây là sự kiểm kê cổ phần chứng khoán. Theo tôi "J. H. N." là chữ cái đầu tiên của tên người môi giới. Còn "C. P. R.", có lẽ là khách hàng của ông ta.

- Hay là **Canadian Pacific Railwal** (đường sắt Thái Bình Dương - Canada). - Holmes nói.

Hóp-kin lẩm bẩm rồi bỗng phát vào chân mình một cái :

- Tôi ngu thật ! Ông hoàn toàn có lý. Bây giờ chúng ta chỉ còn phải đoán ý nghĩa các chữ "J. H. N." nữa thôi. Tôi đã xem bảng kiểm kê chứng khoán trong năm 1883, mà không tìm được người nào có cái tên bằng chữ cái đầu tiên như thế. Bởi vì có thể đây là chữ cái đầu tiên của tên người đến Ca-bin tàu vào đêm hôm ấy. Nói cách khác, đó chính là kẻ sát nhân.

Cứ theo nét mặt của Holmes mà đoán thì anh hoàn toàn bị cuốn hút bởi những phát hiện mới này. Anh nói :

- Cuốn sổ này chưa hề được nói tới trong biên bản điều tra. Nó làm thay đổi một vài phán đoán của tôi. Ông có ý định tìm kiếm chủ nhân của những tư liệu được nhắc tới đây không?

- Có. Tôi đã yêu cầu một số văn phòng khác nhau. Tôi sợ rằng phải vài tuần nữa mới nhận được điện trả lời.

Holmes tiếp tục xem xét tờ bìa cuốn sổ bằng kính lúp :

- Ở đây cố nhiên là vết bẩn. - Holmes nói.

- Đúng, thưa ông đây là những vết máu. Tôi đã nhặt cuốn sổ trên nền nhà.

- Vết máu ở phía trên hay phía dưới.

- Ở phần tiếp giáp với nền nhà.

- Thế có nghĩa là cuốn sổ rơi xuống nền nhà, sau vụ giết người.

- Đúng như vậy ! Tên sát nhân đã làm rơi xuống trong lúc vội vàng tẩu thoát. Cuốn sổ nằm ngay cánh cửa ra vào.

- Chắc có lẽ không tìm ra một tư liệu giá trị nào trong số tài sản của người quá cố?

- Không, thưa ông !

- Anh có cho đây là vụ ăn cướp không?

- Không. Rõ ràng không mất mát một thứ gì cả.

- Quý thật ! Trường hợp này quả là kỳ lạ. Ở đây có dao không?

- Có. Con dao vẫn nằm nguyên trong bao, người ta chưa kịp rút ra. Nó nằm cạnh chân người bị giết. Bà Peter nói đây là con dao của chồng bà ta.

Holmes trầm ngâm suy nghĩ một lát.

- Thôi được, có lẽ tôi sẽ phải đến đó để quan sát thêm vậy !

Hốp-kin vui sướng kêu lên :

- Cám ơn ông ! Gánh nặng của tôi sẽ được giảm bớt nhiều lần.

Holmes giơ ngón tay lên dọa viên thanh tra :

- Mọi chuyện rõ ràng hơn một tuần trước đây, nhưng chuyến đi của tôi vẫn vô ích. Watson ạ ! Anh không bận gì thì xin cùng đi. Hốp-kin hãy gọi xe ngựa đến. Sau bốn giờ nữa chúng ta sẽ khởi hành.

Từ tàu hỏa, chúng tôi bước xuống một sân ga nhỏ bé, rồi đi chừng vài dặm, qua khu rừng thông rậm rạp. Một khoảng rộng lớn được san bằng để lập những phân xưởng luyện gang đầu tiên của nước Anh. Hiện nay nền công nghiệp này đã được dời đến các vùng giàu có hơn ở phương Bắc. Ở m t

khoảng trống trên sườn đồi có một ngôi nhà dài xây bằng đá. Dẫn tới ngôi nhà là một con đường ngoằn ngoèo thấp thoáng ẩn hiện giữa cánh đồng cỏ. Cạnh con đường có một túp lều nhỏ nhỏ. Những bụi cây bao bọc ba phía túp lều, còn cửa chính và cửa sổ thì hướng thẳng về phía chúng tôi. Có lẽ vụ án mạng đã diễn ra ngay ở đây.

Hộp-kin đưa chúng tôi vào nhà. Anh ta giới thiệu chúng tôi với một người đàn bà mái tóc bạc phơ, mặt mày luôn luôn cau có. Đó chính là vợ người bị giết. Những nếp nhăn hằn sâu trên khuôn mặt bơ phờ, đôi mắt sâu hoắm, lộ vẻ hoảng sợ. Tất cả những cái đó chứng tỏ bà ta đã phải gánh chịu những năm tháng đau khổ và cay đắng đến mức nào. 'Cô con gái có mái tóc vàng, nước da xanh mét. Peter đã tạo nên một không khí nặng nề và khủng khiếp trong nhà ấy. Chúng tôi cảm thấy dễ thở hơn khi bước ra ngoài trời.

Túp lều là một công trình xây dựng bằng gỗ rất đơn giản. Nó có mái che mỏng manh và hai cửa sổ. Một ở ngay sát cửa ra vào, cái kia ở trên bức tường đối diện. Hộp-kin rút chìa khoá từ túi quần ra, cúi xuống ổ khoá. Bỗng nhiên anh ta dừng lại, kinh ngạc.

- Có kẻ muốn bẻ khoá ! - Anh ta nói.

Thật vậy. Cánh cửa bị sây sạt, những vết sước trắng nổi rõ trên màu sơn, hình như họ vừa cạy cửa xong.

Holmes quan sát kỹ cửa sổ. Rõ ràng có người định mở cửa sổ mà không được. Có lẽ đây là một tên trộm thiếu kinh nghiệm.

- Thật là lạ lùng ! Chiều hôm qua chưa có những vết sước này. - Viên thanh tra nói.

- Cũng có thể là một kẻ ngây ngô, hiểu kỳ nào đó từ trong làng đến chẳng? - Tôi góp ý.

- Không thể như thế được. Ít người dám bén mảng tới "Ca-bin" này. Ông nghĩ sao ông Holmes?

- Chúng ta không gặp may rồi !
- Thưa ông, hẳn sẽ đến nữa chẳng?
- Rất có thể. Hẳn thử cạy cửa bằng con dao nhíp bé tí.
Việc đó không đem lại kết quả.

- Đêm nay hẳn sẽ trở lại với một dụng cụ thích hợp hơn.
- Đúng, chúng ta phải rình bắt hắn. Còn bây giờ hãy cho phép tôi quan sát phía trong “Ca-bin”

Các vết tích của tấm thảm kịch đã mất, nhưng trong căn phòng, đồ đạc vẫn được giữ nguyên y như đêm hôm xảy ra án mạng. Suốt hai giờ liền, Holmes chăm chú xem xét từng món. Nhưng chưa có kết quả đáng kể. Chỉ có một lần anh tạm ngừng và hỏi.

- Ông có lấy cái gì từ giá này xuống không, Hốp-kin?

- Tôi không hề đụng đến một thứ nào cả.

- Ở đây có một cái gì đó đã được lấy ra : Trong góc này ít bụi hơn. Có thể một cuốn sách đã nằm ở đây, cũng có thể là một cái hộp nhỏ... Thôi, ở đây tôi không thể làm cái gì hơn được nữa. Nào, chúng ta cùng dạo chơi trong cánh rừng này, ngắm chim và hoa rừng vậy ! Hốp-kin ! Chúng tôi sẽ gặp lại ông ở đây muộn hơn. Không hiểu rồi chúng ta có chạm trán với anh chàng đã vào đây sáng hôm nay không?

Khoảng mười hai giờ đêm, chúng tôi đã mai phục xong. Hốp-kin muốn để cửa ngõ, nhưng Holmes lo điều đó sẽ làm người lạ sợ hãi. Ổ khoá được cài sơ sài đến mức có thể mở nó bằng con dao nào cũng được. Holmes bố trí chúng tôi ngồi ở ngoài lều, ẩn dưới những bụi cây nhỏ mọc dưới ô cửa sổ thứ hai. Như vậy nếu hắn thắp đèn thì chúng tôi có thể theo dõi được hắn, và sẽ biết rõ hắn làm gì. Ai sẽ lên đến đây? Đó là con hổ hung dữ, chỉ có thể chiến thắng nó bằng một cuộc độ sức ác liệt, hay đó chỉ là con chó rừng nhát gan.

Đầu tiên vọng đến chỗ chúng tôi là những bước chân của khách đi đường về muộn cùng với những giọng nói từ phía làng. Rồi mọi âm thanh ấy dần dần lắng đi. Cuối cùng cảnh

vật hoàn toàn yên tĩnh. Những hạt mưa li ti thấm thì trên tán lá.

Hai giờ ba mươi phút : Giờ phút tối tăm nhất trước khi rạng đông đến. Chúng tôi đột nhiên giật mình : Có tiếng cọt két của cánh cửa hàng rào. Tiếng động rất nhỏ nhưng nghe rõ mồn một. Có người nào đó đi theo con đường ngoằn ngoèo dẫn đến túp lều. Lại im lặng hồi lâu. Tôi nghĩ đó chỉ là mối lo âu giả tạo. Đột nhiên chúng tôi nghe thấy những bước chân thộn trọng vọng đến phía sau túp lều. Rồi một lát sau là những tiếng loảng xoảng của sắt thép. Hẳn toan bẻ khóa chằng? Lần này do hấn thao tác khéo hơn hoặc do công cụ tốt hơn nên chẳng bao lâu bản lề của cánh cửa bắt đầu kêu cọt kẹt. Hộp quẹt được bật lên và ánh sáng của ngọn nến đã rọi sáng phía trong căn phòng. Qua bức màn che mỏng chúng tôi nhìn kỹ về phía trong nhà.

Hấn là một người gầy, còn trẻ nhưng có vẻ bệnh tật. Bộ ria mép màu đen làm nổi rõ khuôn mặt nhợt nhạt. Có lẽ hấn chưa quá hai mươi tuổi. Răng hấn va vào nhau và cả cơ thể hấn run rẩy vì sợ hãi. Hấn ăn mặc như một tên phóng đảng : áo blu-dông, có túi bên rộng thùng thình, chiếc quần thể thao cụt ngắn, trên đầu là chiếc mũ cát-két bằng da. Hấn len lén nhìn quanh một cách lo ngại. Sau đó, hấn đặt cây nến lên bàn, lấn mình vào trong góc phòng. Hấn trở lại với cuốn sổ lớn trong tay. Đó là một trong những cuốn nhật ký đi biển nằm trên giá sách. Rồi hấn khom mình trước bàn, lật từng trang. Bỗng hấn giật dữ đập tay vào tập nhật ký, đặt nó xuống bàn và thổi tắt ngọn lửa.

Hấn chưa kịp trở ra thì đã bị Hốp-kin túm lấy cổ áo. Tôi nghe một tiếng thét man dại. Kẻ gian hiểu rằng hấn đã sa lưới. Ngọn nến lại được thắp sáng, hấn run rẩy trong tay người thanh tra.

- Anh là ai và làm gì ở đây? - Hốp-kin hỏi.

Gã thanh niên cố trấn tĩnh :

- Các ông là thám tử? Xin thề với các ông là tôi không hề tham dự vào chuyện đó.

- Điều ấy rồi sẽ rõ. Trước tiên anh hãy cho biết tên anh là gì? - Hốp-kin hỏi.

- John Hopley Neligan.

Holmes và Hốp-kin nhìn nhau.

- Anh làm gì ở đây?

- Tôi có thể hy vọng các ông không tiết lộ bí mật của tôi chứ?

- Chúng tôi sẽ làm việc theo luật pháp. Biết làm sao được.

- Như vậy thì tôi có quyền cự tuyệt không?

- Nếu anh không nói, anh buộc phải ra tòa.

Gã thanh niên giật mình :

- Vậy thì tôi sẽ nói. Tại sao tôi không nói. Có khi nào ông nghe nói về Dawson & Neligan không?

Theo nét mặt của Hốp-kin, tôi biết anh ta không hề biết gì về những cái tên này. Nhưng Holmes bỗng giật mình và bảo :

- Anh muốn nói về các chủ trương của nhà băng phương Tây? Họ đã bị vỡ nợ một triệu đồng, rồi Neligan biến mất phải không?

- Đúng. Neligan là cha của tôi.

Rốt cuộc, một cái gì đó thật sự đã được làm sáng tỏ. Nhưng, toàn bộ vấn đề còn nằm giữa chủ nhà băng với viên thuyền trưởng. Chính chiếc lao xiên cá của ông ta đã ghim người thuyền trưởng vào tường.

Chúng tôi chăm chú lắng nghe câu chuyện của người trai trẻ.

- Thực tế, sự vỡ nợ này chỉ làm thiệt hại đến một mình cha tôi. Dawson đã chuồn từ trước. Lúc bấy giờ tôi mới mười tuổi, song tôi đã hiểu và cảm thấy tất cả sự ô nhục và nỗi khùng khiếp của những gì đã xảy ra. Mọi người nói là cha tôi đánh cắp mọi giấy tờ quan trọng và bỏ chạy. Điều đó không

đúng. Cha tôi cả quyết là nếu có thời gian, ông sẽ thanh toán đủ tiền cho mọi khách hàng. Cha tôi tới Thụy Điển trên một chiếc thuyền buồm nhỏ trước khi có lệnh bắt ông. Tôi nhớ đêm cuối cùng khi từ biệt mẹ tôi, ông để lại ở chỗ chúng tôi bảng kê khai các giấy tờ quan trọng mà ông mang theo mình. Ông thề là sẽ khôi phục tên tuổi của mình. Từ đấy, chúng tôi không còn tin tức về ông. Cả con thuyền lẫn cha tôi đều mất tích. Mẹ con tôi đều tin rằng ông đã chết trên biển. Trong quan hệ gia đình, chúng tôi có một người bạn thân. Gần đây, anh cho biết là có một số tài liệu quan trọng của cha tôi lại xuất hiện ở Luân Đôn. Chúng tôi hết sức ngạc nhiên. Tôi bỏ ra hàng tháng trời để tìm kiếm, trải qua nhiều thất bại và trắc trở. Cuối cùng xác định được thuyền trưởng Peter đem bán chúng.

Tôi bắt đầu dò hỏi về ông ta. Tôi biết ông từng chỉ huy con tàu đánh cá voi trở về từ Bắc Cực, đúng vào thời gian cha tôi đi tới Thụy Điển. Mùa thu năm ấy tiết trời xấu, trên biển thường có giông bão. Con thuyền bé nhỏ của cha tôi có lẽ bị trôi dạt về phía Bắc. Ở đó, con tàu của thuyền trưởng Peter Carey có thể sẽ gặp nó. Nếu sự thật là như vậy, thì cha tôi thất lạc ở đâu?

Tôi đi tới Sussex để thăm viên thuyền trưởng, nhưng ông đã chết. Tôi được đọc những trang mô tả "Ca-bin tàu" của ông trong biên bản điều tra, tôi nhận ra điều này : Những tập nhật ký đi biển xưa kia của ông ta vẫn đang nằm ở đó. Tôi sẽ mãn nguyện nếu được đọc và được biết chuyện gì đã xảy ra vào tháng tám năm 1883 trên con tàu "Sừng biển". Đêm hôm qua tôi gắng đoạt lấy tập nhật ký nhưng không thể mở được cửa. Hôm nay tôi vào được đây song những trang có liên quan đến ngày tháng ấy đã bị xé, và đúng lúc ấy các ông đã túm lấy tôi...

- Tất cả chỉ có vậy thôi sao? - Hốp-kin hỏi.

- Vâng, đó là tất cả sự thật. - Mắt chàng trai đảo quanh khi nói những từ này.

- Anh không nói gì thêm nữa chứ?
- Không ạ !
- Trước đêm hôm qua anh không ở đây sao?
- Không.
- Anh giải thích như thế nào về cái này?

Hộp-kin nhấn giọng khi chìa cho hắn coi cuốn sổ tay với hàng chữ đầu của tên hắn trên trang thứ nhất và những vết máu ở ngoài bia.

Người thanh niên hoàn toàn thất vọng. Hắn đưa tay ôm lấy mặt, toàn thân rung lên :

- "Các ông lấy nó ở đâu vậy". Hắn rên rỉ. "Tôi... tôi không biết. Tôi nghĩ là tôi đánh mất nó ở khách sạn".

- "Đúng vậy !" Hộp-kin lạnh lùng nói. "Nếu anh chưa nói thì bây giờ sẽ phải nói tại tòa. Hãy cùng đi với chúng tôi đến Sở cảnh sát... Ông Holmes ạ, tôi rất biết ơn ông cùng bạn ông, đã đến đây giúp tôi. Thi ra, không cần đến các ông mà tôi vẫn thành công. Những căn phòng ở khách sạn đã dành sẵn chờ các ông".

Sáng hôm sau, chúng tôi quay trở về Luân Đôn.

- Này ! Watson ! Ý kiến của anh về những chuyện đó ra sao? - Holmes hỏi.

- Tôi thấy anh không hài lòng.

- Tôi hoàn toàn thỏa mãn. Có điều tôi thất vọng về Hộp-kin. Tôi chờ đợi ở anh ta một cái gì hơn thế kia. Luôn luôn có phương án thứ hai để giải quyết các nhiệm vụ đặt ra. Cần phải tìm kiếm nó. Đó là nguyên tắc trước tiên của công việc điều tra hình sự.

- Ở đây cách giải quyết thứ hai như thế nào.

- Tôi chưa thể nói trước được điều gì, song tôi sẽ theo đuổi con đường đó đến cùng.

Một vài bức thư đang chờ Holmes ở đường Baker. Anh vội cầm lấy một lá, bóc ra xem rồi bật cười đắc thắng.

- Thật tuyệt vời, phương án thứ hai đã chín mùi. Anh có thấy mẩu điện tín không? Hãy thảo cho tôi đi : "*Summer, phái viên tàu thủy Ratcliff Highway. Hãy đến ba người vào 10 giờ sáng mai. Ba-si*". Và bức điện thứ hai : "*Điều tra viên Hốp-kin đường Lor 46, Brixton. Hãy tới ăn sáng vào ngày mai lúc 9 giờ 30. Rất quan trọng. Hãy điện, nếu không thể đến được. Sherlocks Holmes*". Thế đấy, thành quý này đã sẵn đuổi tôi suốt mười ngày nay, giờ đây tôi muốn thoát khỏi nó. Ngày mai.

Đúng giờ hẹn, thanh tra Hốp-kin có mặt. Tất cả chúng tôi cùng ngồi ăn bữa sáng ngon lành. Hốp-kin rất sáng khoái.

- Ông có tin là sự giải thích của ông đúng đắn không?

- Holmes quay về phía người thanh tra hỏi.

- Còn thế nào nữa ! Hai năm rở mười.

- Thế mà theo tôi, công việc chưa kết thúc.

- Còn có gì nữa đâu?

- Phải chăng những lời giải thích của ông đã bao quát mọi phương diện của công việc?

- Hiển nhiên là như vậy ! Chàng trai Neligan vào làng và đến khách sạn đúng cái ngày xảy ra vụ án mạng. Tôi đến đấy làm ra vẻ như để chơi bóng. Phòng hán ở tầng một. Đêm đó, hán đi đến Woodman's Lee để gặp Peter tại túp lều, hực hực với Peter và dùng lao xiên cá giết ông ta. Khiếp đảm, hán chạy ra khỏi túp lều, đánh rơi cuốn sổ xuống nền nhà. Hán mang cuốn sổ đến vì hán muốn cật vấn Peter về một giấy tờ quan trọng. Chắc ông đã thấy rằng một vài giấy tờ có giá trị được đánh dấu bằng các chữ thập trong sổ. Đó là những giấy tờ được bán ở thị trường Luân Đôn. Nhưng phần lớn giấy tờ còn nằm ở Ca-bin tàu. Neligan muốn chiếm lấy những giấy tờ này để trả nợ cho cha mình. Sau khi tháo chạy, hán không dám đến gần túp lều nữa. Thế nhưng cuối cùng hán kiên quyết đoạt lấy cho bằng được những tin tức cần thiết. Thật đơn giản và sáng tỏ.

Holmes mỉm cười lắc đầu :

- Già thiết của ông chưa vững. Ông đã thử chọc thủng một xác chết bằng chiếc xiên cá chưa? Chưa hả? Thế đấy, ông phải đặc biệt lưu ý tới chi tiết này. Anh bạn Watson có thể kể cho ông nghe là tôi đã mất cả buổi sáng để tập làm việc đó như thế nào. Thật không chút dễ dàng như ta tưởng đâu. Phải cần hai bàn tay mạnh mẽ và được rèn luyện. Nhất tâm vào viên thuyền trưởng mạnh đến nỗi chiếc lao xuyên qua thân thể ông ta, rồi lại cắm sâu vào tường gỗ. Một chàng trai ốm yếu làm sao làm được chuyện đó? Anh ta có phải là người uống rượu với "Peter hung bạo" vào cái đêm khuya đó không? Có phải bóng trông nghiêng của anh ta được nhìn thấy qua bức rèm cửa sổ hai ngày trước đó không? Không, không phải Hốp-kin ạ ! Chúng ta buộc phải tìm một kẻ nào đó đáng sợ hơn kia.

Trong khi Holmes nói, gương mặt của người thanh tra trông càng dài ra. Mọi tính toán và hy vọng của anh ta bị sụp đổ. Nhưng anh ta chưa quy hàng.

- Ông Holmes ạ ! Ông không thể phủ định việc Neligan có mặt ở túp lều vào đêm đó được. Cuốn sổ là bằng chứng hùng hồn. Theo tôi, đối với tòa án, các tư liệu đã đầy đủ. Ông cho rằng còn có chỗ chưa thuyết phục, nhưng điều chủ yếu nhất, là anh ta đã bị giam giữ. Còn con người "đáng sợ hơn" của ông thì tôi chưa được trông thấy.

- "Dường như con người ấy đang đến". Holmes điềm tĩnh trả lời. "Watson, anh hãy cầm lấy khẩu súng này đi". Holmes đứng lên và đặt mảnh giấy chỉ chít những dòng chữ lên bàn rồi nép vào bên cạnh. "Bây giờ chúng ta hãy sẵn sàng !" Anh nói thêm.

Có những giọng nói thô tục vang vào tai chúng tôi. Sau đó, bà Hốt-xơn đẩy cửa bước vào. Bà cho biết có ba người đàn ông hỏi thuyền trưởng Ba-si.

- Hãy cho họ vào từng người một. - Holmes nói.

Đầu tiên một người thấp, mập, má đỏ hồng, bộ râu quai nón rậm rạp, bước vào. Holmes rút trong túi ra một bức thư.

- Anh tên là gì? - Holmes hỏi.

- Gièm.

- Tôi rất tiếc, Gièm. Đây là nửa đồng Souverain. Hãy đi vào phòng bên và chờ một lát vậy.

Người thứ hai là một anh chàng đầu trọc, cao ngẩng và gầy đét. Nước da của hắn có vẻ bệnh hoạn. Hắn tên là Pat-ti. Hắn cũng bị từ chối và nhận lệnh chờ đợi, sau khi được cho nửa đồng souverain.

Người khách thứ ba có bộ mặt hung dữ, tóc và râu rậm rạp. Từ dưới đôi lông mày rậm rì, hai con mắt u ám của hắn sáng lên can đảm. Hắn chào mọi người rồi cọ cọ chiếc mũ cát-két vào tay trong thế đứng của người đi biển.

- Anh tên là gì? - Holmes hỏi.

- Patrick Cairns.

- Thợ phóng lao phải không?

- Đúng vậy. Hai mươi sáu chuyến biển.

- Hình như từ Dundee tới?

- Đúng vậy.

- Anh có đồng ý đi trên tàu thám hiểm không?

- Tiền công bao nhiêu?

- Tám bảng Anh một tháng. Anh có thể khởi hành ngay được chưa?

- Chỉ cần nhận trang thiết bị.

- Anh có giấy tờ chưa?

- Có. Thưa ông.

Hắn rút trong túi ra một bó giấy lem luốc và sờn nát. Holmes lướt nhìn rồi trả lại cho hắn.

- Tôi đang cần một người như thế. Bản hợp đồng ở trên bàn kia. Hãy ký đi ! Mọi việc thế là xong.

- Ký vào đây hả? - Hắn hỏi sau khi cúi khom lưng xuống bàn.

Holmes cúi xuống ngang vai hắn rồi dùng hai tay thắt chặt lấy cổ hắn.

- Giờ đây thì mọi chuyện đã đầu vào đấy ! - Holmes nói.

Tôi nghe thấy tiếng loảng xoảng của thép và tiếng rống giận dữ của con bò đực. Giữa lúc đó, Holmes cùng tên thủy thủ lần lóc trên nền nhà. Tên thủy thủ có sức mạnh thật ghê gớm. Holmes khéo léo đeo vào tay hắn chiếc còng sắt. Thế mà hắn vẫn hung hăng. Lập tức tôi cùng Hốp-kin nhảy bổ vào giúp Holmes. Khi nòng súng lục đi sát vào thái dương, hắn mới chịu đứng yên. Chúng tôi trói chặt chân hắn, dựng hắn lên.

- "Tôi cần phải xin lỗi ông, ông Hốp-kin ạ !" Sherlock Holmes nói. "Trứng la-coóc đã nguội mất rồi. Nhưng sự thành công này sẽ giúp ông ăn ngon miệng".

Hốp-kin lặng người đi vì kinh ngạc. Cuối cùng anh buột miệng nói, mặt đỏ bừng :

- Hình như ngay từ đầu tôi đã làm một điều ngu ngốc. Không bao giờ được quên rằng ông là người thầy, còn tôi chỉ là người học trò. Cho đến giờ tôi vẫn chưa hiểu ông đã tiến hành công việc như thế nào?

- "Thôi được !" Holmes từ tốn nói. "Tất cả chúng ta đều được trưởng thành trong những sơ sót của mình. Từ bây giờ anh hãy luôn nhớ điều này : không nên bỏ qua phương án thứ hai trong khi tìm hiểu sự việc. Anh bị cuốn hút bởi chàng Neligan tới mức quên mất Patrick Cairns. Vì đây mới chính là kẻ giết Peter.

Giọng khàn của tên thủy thủ ngắt lời anh :

- Hãy nghe đây, các ông ! Tôi không buồn vì bị bắt ! Thế nhưng *tôi không phải là kẻ giết Peter*. Phải gọi như thế này mới phải : "*Kẻ bị buộc phải giết Peter* !" Đây là hai việc hoàn toàn khác nhau. Có thể các ông không tin?

- Chúng tôi sẵn lòng nghe tất cả những gì anh muốn thổ lộ. - Holmes nói.

- Tôi sẽ nói ít thôi ! Nhưng hoàn toàn là sự thật. Tôi biết tánh tình của "Peter hung bạo". Và khi ông ta cầm dao thì

tôi túm lấy chiếc lao xiên cá, bởi tôi hiểu rằng trong hai chúng tôi, chỉ có một người được sống thôi. Và ông ấy đã chết. Có thể điều đó cũng được gọi là *sự giết người*. Giờ đây tôi hài lòng vì tôi thích được tắt thở bởi sợi dây thông lọng hơn là bởi con dao của "gã hung bạo" thọc sâu vào tim tôi.

- Vì sao anh có mặt trong ngôi nhà của ông ta? - Holmes hỏi.

- "Tôi sẽ kể mọi chuyện theo trình tự của chúng. Chỉ có điều hãy cho tôi ngồi xuống để dễ nói hơn. Chuyện này bắt đầu trong tháng tám năm 1883. Peter là chủ con tàu "Sừng biển". Còn tôi là thợ phóng lao dự phòng. Sau khi len lỏi qua những tảng băng, chúng tôi trở về nhà. Gió ngược chiều tạt vào chúng tôi, còn cơn bão biển thì suốt một tuần liền không hề dịu đi. Đột nhiên chúng tôi đụng phải một chiếc thuyền nhỏ đang trôi dạt về phương Bắc. Trên tàu chỉ còn một người sống sót, nhưng người đó không phải là thủy thủ. Có lẽ những người trên thuyền đã xuống ca-nô để vào bờ biển Na Uy và đã chết đuối hết rồi.

"Chúng tôi diu người bị nạn lên thuyền mình. Ông ta trò chuyện hồi lâu với người thuyền trưởng trong ca-bin. Đồ đạc của ông chỉ gồm có một hộp sắt tây. Theo chỗ tôi biết thì không một ai gọi tên người đó lấy một lần. Sang đêm thứ hai, ông biến mất. Người ta kháo nhau rằng có lẽ chính ông nhảy xuống nước, cũng có lẽ ông ta ngã ra khỏi mạn tàu. Đêm ấy nổi lên một cơn giông rất mạnh. Chỉ có một người biết được những gì đã xảy ra. Đó là tôi, chính mắt tôi đã trông thấy viên thuyền trưởng túm lấy chân ông ta quẳng xuống biển.

"Tôi im lặng như hén, chờ xem cái gì sẽ tiếp tục. Đến Scotland, thì không còn ai nhớ và hỏi về chuyện này nữa. Chẳng bao lâu Peter xin nghỉ hưu. Phải nhiều năm sau, tôi mới biết chỗ ông ta cư trú. Tôi đoán là ông ta nhúng tay vào tội ác chỉ vì chiếc hộp sắt tây ấy. Tôi nghĩ là ông sẽ chia tiền cho tôi. Tôi đi đến yêu cầu ông cho tôi một ít tiền. Đêm đầu tiên,

ông ta xử sự một cách biết điều. Ông hứa sẽ cho tôi một khoản tiền để tôi mãi mãi rời khỏi biển cả. Hai đêm sau chúng tôi sẽ thỏa thuận dứt khoát. Tôi đến và thấy ông ta trong cơn say. Chúng tôi ngồi uống rượu và bắt đầu nói về thời gian trước kia. Ông càng uống nhiều, tôi càng ít ưa nhìn vẻ mặt của ông. Tôi để ý đến chiếc lao xiên cá trên tường. Có thể nó sẽ cần thiết cho tôi. Và cuối cùng điều đó đã đến. Ông ta giật lấy con dao xếp lớn sẵn đến tôi, miệng phun ra cả nước miếng lẫn những lời chửi rủa. Tôi nhận ra ông ta sẵn sàng lao mình vào tội lỗi. Nhưng ông chưa kịp mở dao thì tôi đã sử dụng chiếc lao xiên cá. Ông rú lên thê thảm ! Máu tuôn trào. Tôi đứng im và chờ. Thế nhưng chung quanh vẫn yên ắng. Tôi lấy lại bình tĩnh. Nhìn quanh, tôi thấy chiếc hộp sắt tây đang nằm trên giá sách ; tôi lấy nó và lùi khỏi căn lều. Nhưng tôi lại để quên túi đựng thuốc lá trên bàn.

“Vừa ra ngoài, tôi bỗng nghe có tiếng bước chân. Tôi lẩn mình vào bụi cây. Có một người đang lên tới lều. Hắn vào trong phòng rồi la lên như một người khùng. Sau đó, hắn ba chân bốn cẳng chạy ra ngoài. Tôi ranh mãnh hơn, đi bộ vượt qua mười dặm, nhảy lên tàu và đi đến Luân Đôn.

“Tôi mở chiếc hộp ra. Té ra trong đó không có lấy một đồng chính. Trong hộp chỉ có giấy tờ. Tôi không có ý định bán nó. Tôi lằm vào thế bí. Ở Luân Đôn, tôi không có một đồng dính túi. Thấy thông báo thu nhận thợ phóng lao, tôi liền đi tới chi nhánh đường biển và họ chuyển tôi đến đây.

- “Những lời khai rất đáng tin cậy !” Holmes nói trong khi anh đứng dậy và bắt đầu hút thuốc, Hốp-kin ạ ! Ông cần áp giải ngay kẻ phạm tội tới nơi chắc chắn hơn”.

- Ông Holmes ạ ! Đến bây giờ tôi vẫn chưa hiểu ông đạt kết quả như thế bằng cách nào? - Hốp-kin nói.

- Đơn giản thôi ! Tôi sớm biết cuốn sổ. Nó làm tôi quản trí như anh. Nhưng tất cả những gì tôi nghe được về công việc này chỉ đưa tới một khuynh hướng : *sức mạnh đáng gờm, kỹ*

năng sử dụng lao xiên cá, chai rượu rum, túi thuốc đựng làm bằng da hải cẩu với thứ thuốc nặng. - Tất cả những thứ ấy nói về người thủy thủ, hơn nữa về người đánh cá voi. Tôi đã tin là chữ cái đầu tiên của tên người "P. K." chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên. Túi thuốc lá không phải là của Peter Carey (bởi ông ta ít hút thuốc và trong "ca-bin tàu" của ông không tìm thấy tẩu thuốc), mà của Patrick Cairns. Ông còn nhớ tôi có hỏi là trong "ca bin tàu" có ỳch-ky và cô-nhắc không. Ông trả lời rằng có. Có ai lại uống rượu rum, khi trong tay có cô-nhắc và ỳch-ky? Quả vậy, chỉ có thủy thủ mới uống rượu rum.

- Ông truy tìm như thế nào?

- Người thủy thủ này chỉ có thể là một trong những số người cùng đi biển với Peter trên con tàu "Sừng biển". Theo chỗ tôi biết thì Peter hung bạo chưa bao giờ đi biển trên một con tàu khác. Tôi đã mất ba ngày để gửi các bức điện đến Dundee để xác minh những người trong đội thủy thủ trên tàu "Sừng biển" vào năm 1883. Khi tôi biết là trong danh sách thợ phóng lao có Patrick Cairns thì sự điều tra của tôi coi như đã kết thúc. Tôi đoán người này hiện nay đang ở Luân Đôn và có ý định rời khỏi Anh quốc trong thời gian sắp tới. Cho nên tôi bịa ra cái gọi là "Đoàn thám hiểm Bắc cực", đề xuất những điều kiện cảm dỗ đối với những người thợ phóng lao.

- Thật tuyệt vời ! Đơn giản đến tuyệt vời ! - Hớp-kin thốt lên.

- Ông cần nhanh chóng thả anh chàng Neligan ra và xin lỗi anh ta. Cũng cần trả lại anh ấy chiếc hộp sắt tây. Xe đến kia rồi !

Tên tống tiền ngoại hạng

Một ngày mùa đông. Trời băng giá. Khi Holmes thắp đèn, ánh sáng chiếu lên một tấm danh thiếp đặt trên bàn. Anh cầm lấy và với một lời than thở, anh liệng nó xuống đất. Tội lượm lên :

"Charles Auguste Milverton

Appledore Towers

Hampstead

Đại lý kinh doanh"

- Ai vậy?

- "Kẻ đòi bai nhất trong thủ đô". Holmes trả lời, ngồi xuống và duỗi đôi chân dài ra trước ngọn lửa. "Mặt sau tấm thiếp có viết gì không?"

Tội lật thiếp lại :

- Có. Sẽ tới vào hồi 6 giờ 30.

- Hừm ! Gần đến giờ rồi. Trong cuộc đời, tôi từng đụng đầu với năm mươi tên sát nhân ; nhưng kẻ tồi tàn nhất trong bọn đó cũng chưa bao giờ gây cho tôi một sự ghê tởm bằng gã này. Vì nghề nghiệp, tôi buộc lòng phải gặp hắn : thật ra hắn sắp tới đây theo lời mời của tôi.

- Nhưng hắn là ai vậy?

- Hắn là vua của những tên chuyên đe dọa để tống tiền. Tội nghiệp thay cho người đàn ông và nhất là người đàn bà nào bị rơi vào trong tay của hắn. Với một nụ cười thật hiền, hắn sẽ vát, sẽ vát mãi cho tới khi nào trái chanh chỉ còn là cái vỏ. Hắn hành động như thế này : Hắn dùng số tiền thật lớn để mua những lá thư làm "liên lạc" đến cuộc đời của

những người giàu sang hoặc có danh vọng trong xã hội thượng lưu. Hắn nhận những món hàng đó không những từ các đầy tớ, các bà hầu phòng mà còn ở những tên vô lại đã chinh phục được các thiếu nữ cả tin... Có lần hắn đã trả bảy trăm đồng bảng cho một người phục vụ ở khách sạn để lấy một tờ giấy chỉ vồn vẹn có hai dòng chữ : Thế rồi một gia đình đã không ngóc đầu lên nổi. Trong cái thành phố này, hàng trăm và hàng trăm người tái mặt khi nghe nhắc tới tên hắn. Hắn giữ kỹ một tấm danh thiếp trong nhiều năm và sau cùng hắn đem nó ra đặt trước mặt khổ chủ và đòi một số tiền gấp mấy chục lần số vốn đã bỏ ra.

- Nhưng sau cùng, chắc gã phải sa vào lưới của pháp luật chứ? - Tôi hỏi.

- Theo lý thuyết thì như thế ! Nhưng thực tế thì chẳng bao giờ. Lấy ví dụ, một người đàn bà sẽ có lợi ích gì khi làm cho y bị kết án vài tháng tù, để rồi sau đó bà bị phá sản và tiêu tan danh dự? Rõ ràng các nạn nhân của hắn không dám trả đũa. Cần phải có những vũ khí khác mới hạ được hắn.

- Vậy tại sao anh mời hắn tới?

- Một nữ thân chủ đã nhờ tôi giải quyết trường hợp đáng thương của cô. Đó là cô E-va, cô gái sẽ làm lễ thành hôn với bá tước Đô-ơ. Tên vô lại có trong tay một vài lá thư, những lá thư chỉ do không thận trọng mà thôi. Cô đã viết những thư đó cho một điền chủ trai trẻ ở nông thôn. Nhưng nơi một người ghen tuông, lá thư đó đủ làm tan vỡ cuộc đính hôn. Gã Mil-ơ hứa sẽ gửi những lá thư đó đến ông bá tước, nếu trước đó hắn chưa nhận được một món tiền chuộc. Tôi được giao phó cho việc mua lại lá thư với giá thấp.

Có tiếng bánh xe và móng ngựa từ dưới đường phố vọng lên. Nhìn qua cửa sổ, tôi thấy một cỗ xe đủ tiện nghi, do hai con ngựa kéo. Người hầu mở cánh cửa xe. Một người nhỏ, khỏe, mặc áo măng-tô may bằng da lông thú bước xuống, đi lên nhà chúng tôi.

Tên lưu manh Mil-vơ này trạc năm mươi tuổi. Ông ta có một cái đầu oai nghiêm và thông minh. Bộ mặt tròn trĩnh và hồng hào, không có râu, trên đôi môi luôn nở một nụ cười. Cặp mắt xám soi mói lấp lánh đằng sau cặp kính bằng vàng. Giọng nói cũng ngọt ngào và êm ái như thái độ của ông ta.

Holmes không thèm bắt cái bàn tay nhỏ bé phì nộn và nhìn vào ông khách với vẻ mặt sắt đá. Nụ cười của Mil-vơ nở rộng. Ông ta nhún vai, cởi cái áo lông ra, gấp lại hết sức cẩn thận trên thành ghế và ngồi xuống.

- "Còn ông này?" Hần nói với một cử chỉ băng quơ phác về hướng tôi. "Có kín đáo không?"

- Bác sĩ đây là bạn và là người hợp tác với tôi.

- Tốt, thưa ông Holmes. Chính vì quyền lợi của thân chủ ông mà tôi đã đặt ra câu hỏi đó. Vụ này thật là quá tế nhị...

- Bác sĩ Watson có nghe nói về chuyện đó.

- Ông nói ông là người đại diện cho công nương E-va. Cô ấy có thuận cho ông theo những điều kiện của tôi không?

- Điều kiện của ông như thế nào?

- Bảy ngàn bảng.

- Nếu không?...

- Nội trong ngày 14 mà không có tiền thì đám cưới chắc sẽ không được cử hành vào ngày 18.

Cái nụ cười nhả nhặn hơn bao giờ hết. Holmes suy nghĩ rất dữ, sau eùng anh nói :

- Tôi có cảm tưởng là ông coi vụ này chắc ăn lắm. Tuy nhiên tôi sẽ khuyên cô ấy thổ lộ tất cả câu chuyện với người chồng, rồi tự đặt mình dưới lòng độ lượng của phu quân.

Mil-vơ khây một tiếng cười nhỏ :

- Ông không biết gì về ông bá tước !

- Có điều gì xấu xa trong những lá thư đó? - Anh hỏi.

- "Chúng có tính bốc đồng... Rất bốc đồng !" Mil-vơ mỉm cười, trả lời. "Công nương đúng là một người viết thư nhiều

tài trí. Nhưng tôi có thể khẳng định với ông rằng bá tước Đô-vơ sẽ không tán thưởng chút nào cái phong cách bông lơn như trong những lá thư đó. Tuy nhiên, vì ông phán xét theo cách khác, chúng ta hãy dừng lại đây”.

Hắn đứng lên và gỡ lấy cái áo choàng lông.

Holmes bị làm nhục, mặt tái xám vì giận dữ :

- Hãy khoan ! Ông đi mau quá. Tất nhiên là chúng tôi mong muốn được tránh mọi tai tiếng trong vụ này, chúng tôi có thể cố gắng...

Mil-vơ lại buông mình xuống ghế.

- Tôi tin chắc là ông sẽ nhìn vụ việc dưới góc độ đó !

- Nhưng, công nương E-va lại không giàu có gì. Số tiền mà ông đòi vượt quá mọi khả năng của cô. Vậy thì tôi mong ông hãy giảm những đòi hỏi xuống. Xin hãy tin tôi, 2000 bảng là giá cao nhất mà cô ấy có thể trả.

Nụ cười của Mil-vơ lại nở rộng và hắn nháy mắt với chúng tôi một cách ranh mãnh.

- Tôi biết ông nói thật về của cải của công nương E-va. Nhưng mặt khác, ông sẽ nhìn nhận rõ rằng đám cưới của một mệnh phụ là một cơ hội mơ ước cho những bạn bè và gia đình của cô dâu. Tôi tin rằng họ sẽ ưng thuận một cố gắng nhỏ cho vinh dự của cô. Hãy để cho tôi nói với họ rằng những lá thư nhỏ bé này sẽ được đón nhận nồng hậu hơn là tất cả những cây đèn nến và tất cả những lọ đựng bơ ở Luân Đôn !

- Không thể được !

- “Chúa ơi, rủi ro biết mấy !” Mil-vơ kêu lớn khi hắn rút từ trong túi ra một cuốn sổ tay lớn. “Hãy nhìn cái này coi !...”

Hắn giơ ra một tờ giấy nhỏ có hình các huy hiệu trên phong bì.

- “Cái này thuộc về...úi chà, thật không tử tế khi nói ra cái tên trước buổi sáng ngày mai ! Nhưng sáng mai, lá thư này sẽ lọt vào tay ông chồng một mệnh phụ phu nhân. Và sở

dĩ có chuyện đó vì bà ta không chịu đem đổi những hạt kim cương thật lấy những viên kim cương giả. Hẳn ông còn nhớ vụ cô Mi-lê và đại tá Đơ-ki đấy chứ? Chỉ hai ngày trước khi cử hành hôn lễ, nhật báo Bưu điện Buổi sáng đã đăng một mục nhỏ loan tin cuộc hôn nhân bất thành. Tại sao vậy nhỉ? Một ngàn hai trăm bảng hẳn đã dàn xếp ổn thỏa ! Ông làm tôi ngạc nhiên thật đấy. Ông Holmes ạ !”.

- Tôi đoán chắc với ông rằng công nương E-va không thể nào gom góp đủ tiền theo ý ông. Chắc chắn là ông sẽ có lợi khi nhận số tiền thiết thực mà tôi đề nghị, còn hơn là phá hủy sự nghiệp một người đàn bà. Sự phá hoại ấy sẽ chẳng đưa đến cho ông cái gì cả !

- Ấy đấy, ông đã làm to rồi, thưa ông Holmes. Sau một vụ tai tiếng, tôi sẽ thu lợi nhiều hơn nữa ! Tôi hiện đang có tám hoặc mười vụ tương tự. Nếu có lời đồn đại rằng “không dễ gì lay chuyển được ngài Charles Auguste Milverton trong vụ công nương E-va”, thì sau đó tôi nói bao nhiêu người ta cũng phải nghe, không ai dám cò kè với tôi. Ông thấy rõ quan điểm của tôi chứ?

Holmes nhảy ra khỏi ghế :

- Tôi đứng sau lưng hấn, Watson ! Đừng để cho hấn ra khỏi đây ! Giờ đây, chúng ta hãy coi cuốn sổ này có những gì.

Mil-vơ đã chườn như một con chuột tới đầu phòng bèn kia và đứng dựa lưng vào tường.

- “Ông Holmes”, hấn nói, sau khi lật cái áo lông lại và chia ra cái báng một khẩu súng lục lớn. “Việc này đã xảy ra cả ngàn lần và chẳng bao giờ đưa ra một lối thoát tốt đẹp nào. Tôi đoán chắc với ông rằng tôi được vũ trang tới tận răng và tôi sẵn sàng nổ súng, tôi có luật pháp bên vực. Và chẳng tôi không bao giờ lại mang theo những lá thư trong cuốn sổ này. Giờ đây, thưa quý ông, tôi còn có nhiều cuộc hẹn khác trong tối nay và con đường đi tới Hampstead thì còn xa”.

Hắn tiến lên, mặc áo choàng vào và không quên hướm sẵn khẩu súng, rồi đi ra cửa. Tôi nắm lấy một cái ghế, nhưng Holmes lắc đầu và tôi đặt ghế xuống. Sau một tiếng chào, một nụ cười và một cái nháy mắt, Mil-vơ đi ra. Lát sau, có tiếng cánh cửa xe dập lại. Và tiếng những bánh xe lăn trên đường.

Holmes ngồi gần lò sưởi, hai bàn tay thọc sâu trong túi quần, cầm gục xuống ngực, đôi mắt chăm chú nhìn lên những cục than đang tàn. Trong nửa tiếng đồng hồ, anh ngồi yên lặng và bất động. Rồi thì, với cử chỉ của một người đã lấy một quyết định, anh đứng lên và bỏ sang phòng riêng. Một lát sau, từ trong đó bước ra một chú công nhân thư thái, có râu rậm và bước đi với dáng điệu "ta đây". Trước khi xuống phố, anh mồi cái tẩu bằng đất vào ngọn đèn.

- Tôi sẽ về, anh Watson !

Anh biến vào trong bóng đêm. Tôi biết rõ là anh đã tuyên chiến với tên tống tiền ngoại hạng này.

Trong vài ngày, Holmes đi về vào bất cứ giờ giấc nào dưới lớp giả trang đó. Ngoài một câu giúp tôi hiểu là anh đã tiêu thì giờ ở vùng Hampstead và thì giờ đó đã không phí phạm, còn thì tôi không biết gì hơn. Tuy nhiên, sau cùng vào một buổi tối mà cơn phong ba làm dữ, với tiếng gió gào thét và dòng gió mạnh, anh trở về, gỡ bỏ bộ quần áo ra, tới ngồi trước ngọn gió lửa và cất tiếng cười.

- Anh sẽ không thấy tôi lấy vợ, phải thế không, anh Watson?

- Chắc chắn rồi !

- Nhưng hôm nay, tôi đã hứa hôn...

- Bạn thân mến, tôi có lời chúc mừng...

- ... với cô hầu phòng của Mil-vơ. - Trời đất thánh thần ơi ! Holmes !

- Tôi cần thâu lượm tin tức mà !

- Anh đi quá lối rồi đấy !

- Đó là một chặng đường cần thiết. Tôi là thợ đặt ống. Tôi có một cơ sở làm ăn đang phát. Tôi tên là Ếch-cô. Tối nào tôi cũng dạo phố với cô ta và chúng tôi tán gẫu. Chúa ơi, thật là kịch biết mấy ! Tuy nhiên, tôi đã biết rõ về ngôi nhà của Mil-vơ như lòng bàn tay tôi.

- Thế còn cô hầu phòng, Holmes?

Anh nhún vai.

- Cần phải chơi những lá bài của mình một cách tốt nhất. Tuy nhiên tôi thật sung sướng được nói rằng tôi có một tình địch oán ghét và sẽ tới thế chỗ tôi một cách có lợi ngay khi nào tôi quay lưng lại. Đêm tuyết vời, phải không?

- Anh ưa thích thời tiết này sao?

- Nó thuận lợi cho những ý đồ của tôi. Đêm nay tôi sẽ tới đào tường khoét gạch nhà Mil-vơ.

Tôi ngạc nhiên. Một cơn lạnh chết người lườn dọc theo xương sống tôi. Tôi chợt thấy một lượt những kết quả theo sau cái hành động đó : người ta khám phá ra anh, người ta bắt bớ anh, và sự nghiệp vẻ vang của anh chấm dứt.

- Holmes ơi ! Anh hãy suy nghĩ về việc đó !

- Tôi đã suy nghĩ nhiều. Chúng ta hãy xem xét vấn đề thật bình tĩnh. Lấy trộm một cuốn sổ tay để cứu nhiều gia đình... là làm một việc tốt, nhưng đâu sao nó cũng là ăn trộm. Anh Watson thân mến, tôi đoán là anh vẫn bèn vực quan điểm này của tôi.

Tôi suy nghĩ.

- Phải. Việc đó có thể biện bạch được về mặt đạo đức, với điều kiện là anh không lấy đi những đồ vật khác hơn là những thứ mà y định dùng cho một ý đồ tội tặc.

- Đúng thế. Bởi vì nó được biện bạch về mặt đạo đức, cho nên tôi chỉ còn phải xem xét khía cạnh thuộc nguy cơ nghề nghiệp. Một người quân tử không được chần chừ lâu, khi mà một phụ nữ đặt lòng cầu mong được giúp đỡ.

- Nhưng anh liệu có chắc ăn không?

- Không có cách nào khác để thu hồi những lá thư. Công nương E-va thì không có đủ tiền và cũng không có ai trong gia đình để mà thổ lộ tâm tình. Ngày mai là thời hạn chót. Nếu trong vài chục giờ đồng hồ nữa, chúng ta không có những lá thư, thì tên vô lại kia sẽ ra tay tàn độc. Như vậy cái thế phải lựa chọn là như sau : hoặc bỏ mặc thân chủ cho số phận của cô, hoặc chơi lá bài sau chót này. Đây là một cuộc quyết đấu tay đôi đẹp mắt giữa tên bất lương đó và tôi.

- Tôi không ưa thích điều đó ! Nhưng ta đành phải làm thôi. Chừng nào lên đường?

- Ồ, không có anh !

- Nếu anh không để cho tôi chia sẻ nỗi nguy hiểm của anh thì tôi sẽ chạy tới báo cảnh sát gần nhất và báo cho họ biết chuyện này.

- Anh không giúp được tôi điều gì đâu.

- Làm sao anh biết được? Ai có thể nói điều gì sẽ xảy ra?

Holmes có vẻ khó chịu, nhưng mặt anh rạng rỡ và anh đặt một bàn tay lên vai tôi :

- Được, như vậy cũng được. Từ vài năm qua chúng ta sống chung trong một mái nhà. Thật là thích thú nếu chúng ta cùng chung một xà lim ! Hãy coi đây...

Anh mở ngăn kéo lấy ra một cái bao da, mở bao và đưa cho tôi coi vài dụng cụ bóng láng.

- ... Đây là đồ lễ lụng cùng mới nhất của một tên trộm : một cái nạy cửa mạ kền, một con dao có mũi kim cương để cắt kính, những chìa khoá vạn năng, dây, cái đèn ló. Tất cả đều gọn gàng. Anh có đôi giày đi êm ái không?

- Tôi có đôi giày đánh quần vợt đế cao su.

- Tốt lắm ! Và một cái mặt nạ?

- Tôi có thể chế ra với một đôi vợ lựa.

- Vậy hãy chế biến đi. Chúng ta ăn đồ nguội trước khi đi. Bây giờ là 9 giờ rưỡi. Tới 11 giờ, chúng ta sẽ đi và bắt tay vào việc trước lúc nửa đêm. Mil-vơ luôn luôn đi ngủ vào hồi 10 giờ rưỡi. Với một chút cơ may, chúng ta hẳn phải quay trở về nhà lúc 2 giờ với những lá thư của công nương E-va.

Chúng tôi mặc đồ lớn để cho giống với những người ham thích đi coi hát trở về nhà. Trong đường Oxford, chúng tôi lên một cỗ xe ngựa. Khi gần tới nơi, chúng tôi trả tiền xe và cài cúc cổ những tấm áo choàng rồi cuộc bộ tới nhà Mil-vơ.

- Những tài liệu đó được chứa trong một cái két sắt kê ở trong văn phòng của hắn, và cái văn phòng đó lại được dùng làm phòng đợi kế bên phòng ngủ của hắn. Mặt khác, hắn là một người ngủ say dễ sợ. Vị hôn thê của tôi, đã nói rằng giấc ngủ của ông chủ là một đề tài khôi hài không bao giờ cạn. Hắn có một người thư ký suốt ngày không rời khỏi văn phòng. Bởi thế nên chúng ta mới tấn công vào ban đêm. Hắn cũng có nuôi một con chó dữ như quý, đêm đêm đi dạo trong vườn. Giờ đây cô ta đã nhốt con chó đó rồi. Nhà đây này ! Đó là ngôi nhà xây lớn bên trong đất đai này. Chúng ta hãy vượt qua hàng rào. Quẹo phải, ở phía sau những cây nguyệt quế. Bây giờ đeo mặt nạ vào. Anh thấy đó, không một cửa sổ nào được chiếu sáng. Tất cả đều tuyệt vời.

Chúng tôi đi về phía ngôi nhà im lìm. Một thứ hàng hiên lợp ngói chạy dài bên một phía, với nhiều khuôn cửa sổ và hai cánh cửa ra vào.

- "Đây là phòng ngủ của hắn", Holmes thì thầm. "Cửa này mở vào văn phòng hắn. Nó có cài then. Thôi, đi vòng qua đây".

Một nhà kiếng mở lối vào phòng khách. Holmes lấy dụng cụ ra khoét một vòng tròn trên mặt kính và xoay cái chia khoá ở bên trong. Một lát sau, anh đã đóng cửa lại. Holmes nắm lấy bàn tay tôi trong bóng tối và dẫn tôi bằng nhanh qua phía bên kia những bồn hoa trồng những cây nhỏ có nhiều cành lá vươn ra quét vào mặt chúng tôi. Vẫn luôn luôn nắm chặt

lấy tay tôi, Holmes mở một cánh cửa và tôi có cảm tưởng mơ hồ rằng chúng tôi vào trong một căn phòng mà có người vừa hút xì-gà. Anh mò mẫm giữa những đồ đạc, mở một cánh cửa khác rồi khép lại. Tôi vươn một bàn tay ra và nhận thấy có nhiều quần áo treo sát tường : tôi biết là mình đang ở trong một hành lang. Chúng tôi đi dọc theo hành lang. Holmes nhẹ nhàng mở một cánh cửa khác bên tay mặt. Một cái gì đó lao vào chúng tôi và tôi run bắn lên, nhưng đó là con mèo. Một ngọn lửa đang lịm dần trong phòng và bầu không khí cũng nặng mùi thuốc hút. Holmes nhón gót đi vào trong, chờ tôi, đoạn không gây tiếng động, anh đóng cửa lại. Chúng tôi đang ở trong phòng của Mil-ơ. Tại đầu phòng bên kia, một rèm cửa che khuất lối vào phòng ngủ của hắn.

Ngọn lửa vẫn soi sáng rõ căn phòng. Gần bên cửa ra vào, tôi thấy một núm điện lỏng lánh nhưng thật không cần vặn nó lên. Trên một bên lò sưởi có kéo một tấm ri-đô dày, phủ lên cái lỗ cửa gắn kính mà chúng tôi đã trông thấy từ bên ngoài. Phía bên kia có cánh cửa thông ra hàng hiên. Một bàn giấy nằm ngay giữa phòng với một cái ghế bọc da màu đỏ. Trước mặt, một tủ sách lớn bên trên có đặt bức tượng nữ thần Minerve tạc bằng đá hoa cương. Trong góc giữa tủ sách và bức tường, có một tủ sắt lớn ; ánh sáng của ngọn lửa lò sưởi phản chiếu trên mặt tủ nhẵn bóng. Holmes băng ngang và kiểm tra căn phòng. Đoạn anh trườn tới bên cánh cửa và đứng bất động nghiêng đầu, lắng nghe. Không một tiếng động. Giữa lúc đó, tôi chợt nảy ra cái ý là chúng tôi nên tìm một đường tháo lui qua ngả cửa phía bên ngoài và tôi quan sát nó. Nó không khóa chốt mà cũng không cài then. Tôi đung vào cánh tay Holmes và anh xoay bộ mặt che mặt nạ về cái hướng mà tôi đã chỉ cho anh. Tôi thấy anh giật nảy mình. Rõ ràng là anh cũng ngạc nhiên như tôi, nói thật khê :

- Có thấy. Anh hãy đứng kế bên cửa ra vào. Nếu nghe thấy có người lại gần, anh hãy cài chốt bên trong và chúng

ta bỏ đi như đã tới. Nếu họ đến từ phía bên kia thì chúng ta sẽ bỏ đi qua lối cửa ngoài, nếu chúng ta đã làm xong việc ; nếu không, thì chúng ta sẽ núp đằng sau những tấm ri-đô này. Rõ chứ?

Tôi gật đầu xác nhận rồi tới đứng gần bên cửa ra vào. Cảm tưởng sợ hãi đã biến mất và giờ đây tôi còn bị kích thích nhiều hơn là khi chúng tôi bảo vệ luật pháp. Còn lâu tôi mới thấy mình phạm tội, tôi hớn hử trước ý nghĩ về những mối nguy hiểm mà chúng tôi đang trải. Với lòng khâm phục, tôi nhìn Holmes mở cái dụng cụ ra và bình tĩnh chọn lấy các món đồ thích ứng ; anh giống như bác sĩ ngoại khoa đang chuẩn bị cho một cuộc giải phẫu tế nhị. Holmes đã đặt cái áo khoác trên mặt ghế dựa, xắn vạt áo lớn lên, lấy ra hai mũi khoan, một cái nạy cửa và nhiều chìa khóa nhỏ. Tôi đứng bên cửa, hai mắt mở rộng và giữ tư thế sẵn sàng. Trong nửa tiếng đồng hồ, Holmes thao tác nhanh gọn và khéo léo, đặt món đồ này xuống, lấy món khác lên. Sau cùng, tôi nghe một tiếng “cạch”. Cánh cửa nặng nề mở ra. Bên trong tủ sắt có nhiều xấp giấy ; mỗi xấp được cột lại, gắn khăn niêm phong, với một hàng ghi chú. Holmes rút ra một xấp nhưng thật khó mà đọc dưới ánh sáng của ngọn lửa đang lịm dần. Anh rút cái đèn ló ra, nhưng bật điện lên sẽ là quá nguy hiểm. Bất chợt, tôi thấy anh giồng tai lên, trong thoáng chốc, anh khép cánh cửa sắt lại, quơ lấy tấm áo choàng, nhét vội các dụng cụ vào trong một túi, rồi tới núp đằng sau tấm ri-đô che cửa sổ và ra dấu cho tôi hãy làm theo anh.

Sau khi đã tới đứng nấp bên anh, tôi hết sức thán phục cái thính giác nhạy bén của anh. Đầu đó trong ngôi nhà có một tiếng động. Trong chốn xa xôi có tiếng cánh cửa đẩy mạnh. Đoạn một tiếng rì rào khó phân biệt, rồi những bước chân nặng nề đang tới gần. Bước chân đi trong hành lang, ngưng lại một lát trước cái cửa. Cánh cửa mở ra. Có một tiếng cạch : người ta mở điện ra. Cánh cửa đóng lại. Mùi xi-gà loại nặng

làng vắng trước mũi chúng tôi. Những bước chân lại tiếp tục. Người ta đi tới, đi lui ; người ta đi lui, đi tới. Tất cả sự đi lại đó chỉ cách chúng tôi có vài mét. Sau cùng, cái ghế bành kêu rảng rặc và tiếng bước chân ngưng lại. Rồi một chìa khoá được nhét vào trong ổ khoá và tôi nghe tiếng giấy kêu xào xạc nhẹ nhàng. Tôi nhẹ nhàng vén tấm ri-đô ra. Vai Holmes tựa vào vai tôi và tôi đoán là anh cũng đang quan sát : Ngay sát trước mặt chúng tôi, phô ra tấm lưng rộng tròn của tên vô lại. Chúng tôi đã sai lầm : hắn chưa vào phòng ngủ. Hắn đã ở trong phòng hút thuốc hoặc trong phòng chơi bi-da. Hắn ngồi ngả lưng vào cái ghế bành bọc da, hai chân duỗi dài và một điếu xi-gà ló ra ngoài một bên mép. Hắn cầm một tài liệu, đọc với dáng vẻ oải trong lúc miệng vẫn nhả ra những vòng tròn khói thuốc. Cái thái độ thoải mái và cái tư thế bình thản đó không để lộ cho thấy trước dấu hiệu là hắn sắp bỏ đi.

Tôi cảm thấy bàn tay Holmes lùa vào bàn tay tôi và anh siết lấy nó một cách làm yên lòng, như để cho tôi thấy là anh thật bình thản. Tôi không biết anh có thấy cái mà tôi đã thấy hay không? Đó là cái cánh cửa sắt chưa được đóng chặt ; bất cứ lúc nào gã Mil-vơ cũng có thể nhận ra điều đó. Tôi đã quyết định trong đầu, rằng nếu tên vô lại khám phá ra điều này, thì tôi sẽ nhảy vọt ra, làm cho hắn nghệt thở dưới tấm áo măng-tô, trói chặt hắn lại và để cho Holmes lo việc còn lại. Nhưng Mil-vơ không hề ngước mắt lên. Hắn say sưa đọc : Trang này tiếp trang khác. Khi đọc xong và vừa vứt điếu xi-gà, thì một biến cố bất ngờ xảy ra.

Trước đó, nhiều lần tôi nhận thấy Mil-vơ coi đồng hồ. Một lần y đứng lên, rồi lại ngồi xuống với một cử chỉ mất kiên nhẫn. Và bây giờ khi nghe thấy một tiếng động nhẹ vọng tới từ hàng hiên mé ngoài, Mil-vơ buông rơi xấp giấy và ngồi thẳng lên. Tiếng động lặp lại và rồi có người gõ nhẹ lên cửa. Hắn đứng lên và tới mở cửa.

- Bà đã trễ hẹn tới nửa tiếng đồng hồ. - Hắn đột ngột nói.

Vậy ra đó là lời giải thích về sự thức khuya của Mil-ơ. Tôi nghe thấy tiếng sột soạt nhẹ của tà áo đàn bà. Tôi khép tấm ri-đô lại, bởi vì Mil-ơ quay đầu về phía chúng tôi. Nhưng rồi tôi lại đánh liều khê hé nó ra. Hắn đã ngồi xuống, miệng vẫn ngậm điều xì gà. Trước mặt hắn là một phụ nữ cao, tóc nâu, mảnh mai, mặt che mạng, áo măng-tô kéo lên tới cổ. Hơi thở bà ngắn, mau. Bóng dáng bà run lên vì một sự xúc động mãnh liệt.

- Thế nào? Bà đã làm tôi mất một đêm nghỉ ngơi ngon lành. Tôi hy vọng là bà sẽ đền bù cho tôi. Bà không thể đến vào một giờ nào khác hả?

Người đàn bà lắc đầu.

- Tốt thôi. Nhưng làm sao mà bà lại run rẩy đến như thế? Coi nào, hãy bình tĩnh lại ! Và bàn công chuyện làm ăn !

Hắn lấy ra một tờ giấy và nói tiếp :

- Bà nói là bà có năm lá thư có thể gây liên lụy cho bà bá tước An-be. Bà muốn bán? Tôi sẵn lòng mua. Việc còn lại là định giá. Tôi muốn được coi những lá thư đó. Nếu quả thật chúng là những miếng ngon... Lạy Chúa tôi, ra là bà đấy ư?

Không một lời, người đàn bà gỡ tấm mạng che mặt ra và buông cổ áo măng tô xuống. Một khuôn mặt sạm tối, đẹp, thanh nhã, đương đầu với bộ mặt xấu đến gớm ghiếc của Mil-ơ.

- Chính tôi đây ! Tôi, người đàn bà mà ông đã phá hại cuộc đời.

Mil-ơ bắt đầu cười, nhưng sự sợ hãi rung lên trong giọng nói :

- Bà đã quá ương ngạnh : Tôi đã ra một cái giá hoàn toàn nằm trong khả năng của bà. Thế mà bà không chịu xùy tiền ra !

- Thế là ông đã gởi những lá thư đó cho chồng tôi. Và chồng tôi... cõi lòng nhà tôi đã bị tan nát và ông ấy đã chết

vì buồn phiền... Ông còn nhớ chứ, cái đêm mà xuyên qua cánh cửa của ông, tôi đã van xin ông : ông đã cười chế giễu vào mặt tôi cũng như ông đang cố cười vào lúc này đây. Có điều là trái tim hèn hạ của ông đã không ngăn được môi ông run lên. Phải, ông nghĩ sẽ không bao giờ còn gặp lại tôi nữa, nhưng chính cái đêm hôm đó đã dạy cho tôi biết cách gặp ông. Vậy thì, Mil-vo, ông có còn gì để nói nữa không?

- "Đừng có hòng làm cho tôi lo sợ". Hấn nói, sau khi đứng lên. "Tôi chỉ cần cất cao giọng là toàn thể gia nhân ào ra bắt giữ bà. Nhưng tôi tha lỗi cho cơn giận dữ tự nhiên đó. Hãy rời khỏi phòng này ngay và tôi sẽ không nói gì hết".

Người đàn bà giấu một tay trong vạt áo. Bà vẫn luôn luôn phò ra cùng một nụ cười chết chóc trên đôi môi mỏng.

- Ông sẽ không còn phá hoại những gia đình khác như ông đã phá hoại gia đình tôi. Hãy nhận lấy cái này, đồ súc sinh như nhóp. Và cái này ! Thêm cái bà ! Và còn cái này nữa !

Bà vừa nói vừa trút đạn vào Mil-vo. Hấn muốn bỏ trốn, nhưng lại té nhào lên mặt bàn, miệng ho một cách mãnh liệt và tay níu lấy mớ giấy tờ. Đoạn y lại đứng lên, nhận thêm một viên đạn nữa và lăn xuống sàn nhà.

Người đàn bà nhìn kỹ hấn với cặp mắt mở rộng và dùng gót giày đập lên đầu hấn. Sau đó bà còn nhìn hấn một lần nữa. Tôi nghe thấy một tiếng sột soạt nhẹ. Không khí ban đêm tràn vào trong căn phòng nóng nực. Người đàn bà bỏ đi.

Vào lúc mà người thiếu phụ trút đạn, tôi đã chực lao ra, nhưng Holmes đã níu tôi lại. Nhưng sau khi người đàn bà ra khỏi phòng, Holmes lao tới cánh cửa và khóa lại. Ngay sau đó khắp nhà vang lên những tiếng nói và những bước chân. Holmes chạy lại bên két sắt, quơ lấy từng xấp giấy tờ rồi liệng vào ngọn lửa. Trong một thoáng, cái két sắt trông trơn. Trong hành lang, người ta xoay cái then cài cửa, người ta đấm lên cửa. Holmes liếc nhìn quanh. Lá thư hãy còn ở trên bàn, vậy đây máu. Holmes liệng nó vào giữa những giấy tờ khác đang

cháy rồi bình thân mở cánh cửa thông ra vườn, đẩy tôi ra trước rồi khóa cửa lại từ phía ngoài.

- Qua ngã này ! Theo ngã này sẽ leo qua bức tường ngoài vườn.

Cuộc báo động lan thật nhanh. Cả ngôi nhà tràn ngập ánh sáng. Cửa trước đã mở rộng, lối nhỏ những hình người chen lấn trong lối vào chính. Vườn đầy nhóc những người. Khi chúng tôi rời khỏi hàng hiên, có ai đó kêu lên một tiếng và lao mình đuổi theo. Holmes như biết rõ địa thế trong từng chi tiết nhỏ. Anh len lách qua một khu trồng các cây nhỏ. Tôi theo anh. Người ta đuổi theo bèn gót chúng tôi. Bức tường cao một mét rưỡi, Holmes rướn mình, chống tay nhảy vọt qua tường. Tôi đang bắt chước anh, thì một bàn tay đàn ông níu lấy chân tôi. Tôi vùng thoát và nhảy vọt qua tường. Ra tới ngoài, tôi rơi đầu xuống trước, lăn vào giữa những bụi cây. Holmes đỡ tôi đứng lên và cùng nhau chạy băng qua Hampstead. Tôi tin rằng chúng tôi đã chạy trong ba cây số. Sau cùng, Holmes dừng lại, giơng tai lên nghe ngóng. Đằng sau chúng tôi, hoàn toàn yên lặng.

Sáng ngày hôm sau, chúng tôi ngồi hút tẩu thuốc đầu tiên, thì Lê-tra đến.

- Xin chào, thưa ông Holmes. Xin chào... Xin mạn phép được hỏi thăm lúc này ông có bận rộn không?

- Còn đủ thời giờ để nghe ông nói.

- Ông có thể giúp chúng tôi trong vụ vừa xảy ra đêm qua ở Hampstead.

- Có chuyện gì vậy?

- Một vụ ám sát bí hiểm và đặc biệt. Từ lâu chúng tôi canh chừng ông Mil-vo.. Chúng tôi biết là hắn có nắm giữ một số giấy tờ mà hắn dùng để hăm dọa tổng tiền. Đêm qua các giấy tờ đó đã bị mấy tên sát nhân đốt hết. Không một đồ vật đất tiền nào bị mất. Rõ ràng những kẻ sát nhân thuộc xã hội

thượng lưu và không có ý đồ nào khác hơn là ngăn chặn một vụ gây tai tiếng công khai.

- Những kẻ sát nhân ! Như vậy là có nhiều người à?

- Có ít nhất là hai người. Một người suýt bị bắt quả tang. Một trong bọn tỏ ra khá nhanh nhẹn, nhưng tên thứ hai bị người làm vườn tóm được, và hấn thoát thân sau một cuộc vật lộn kịch liệt. Đó là một người tầm thước, vạm vỡ, vai rộng, hàm rộng, cổ dày, một bộ ria và mặt nạ che lấy mặt...

- Người đó sao giống Watson quá vậy? - Holmes nói.

- Ủ ! Quả là rất giống bác sĩ Watson - Lê-tra cười, nói.

- Tôi cũng biết cái tên Mil-vơ đó. Tôi đã coi y như một trong những người nguy hiểm nhất ở Luân Đôn. Thiện cảm của tôi nghiêng về kẻ phạm tội hơn là đối với nạn nhân. Vậy là tôi không can thiệp vào vụ này.

*

* * *

Trong suốt buổi sáng, Holmes không hé với tôi một lời nào về tấn thảm trạng. Chúng tôi dùng bữa cơm trưa xong thì anh nhả cằm lên mà kêu :

- Anh Watson ! Đi với tôi !

Holmes vội vã đi vào trong đường Oxford, tới gần một tiệm buôn lớn trưng bày nhiều hình ảnh của những nhân vật danh tiếng và những ngôi sao thời sự. Bất thình linh, cặp mắt Holmes khựng lại. Theo tia nhìn của anh, tôi thấy chân dung một mệnh phụ oai vệ, đích thực thuộc hoàng gia, mặc áo triều phục, với một vương miện cao, giắt kim cương quanh một cái đầu quý phái. Tôi ngắm kỹ cái sống mũi cong một cách tế nhị, cặp lông mày dày, cái miệng thẳng bên trên một cái cằm kiên quyết. Tôi nghẹn thở khi đọc cái tên và tước vị của nhà quý tộc nổi tiếng mà cô gái là phu nhân. Cặp mắt tôi bắt gặp mắt Holmes. Anh đặt một ngón tay lên môi. Và rồi chúng tôi bỏ đi.

Ba sinh viên

Trong năm 1895, Sherlock Holmes và tôi tới ngụ tại một thành phố lớn có nhiều trường đại học. Lúc đó chúng tôi trọ trong một nhà cho thuê có đồ đạc, gần một thư viện, để Holmes nghiên cứu một đề tài mà anh thích. Một buổi tối, chúng tôi tiếp ông Hil-tơn, thầy giám học và giáo sư diễn giảng tại trường trung học Saint Luc.

- Thưa ông Holmes, một chuyện rất khổ tâm vừa xảy ra ở Saint Luc. Và nếu không có sự may mắn đưa ông tới đây thì không biết xoay xử ra sao.

- Tôi đang bận, và ước mong không bị chia trí. Tôi thật lòng mong ông nhờ tới cảnh sát thì hơn.

- Không. Không thể được ! Khi luật pháp đã khởi động thì chẳng có cách gì làm cho nó ngưng lại. Mà nhà trường thì không muốn bị mang tai mang tiếng. Ông là người duy nhất có thể giúp chúng tôi, thưa ông Holmes.

Tính nết Holmes đã không khá hơn kể từ khi anh rời bỏ bầu không khí quen thuộc của con đường Baker. Không có những cuốn sách to lớn, những cuộc phân tích hóa học, sự bừa bộn quen thuộc của anh, thì anh không được thoải mái. Và chẳng anh đã nhún vai để bày tỏ một sự không đồng ý. Ngay đó người khách không ngừng tuôn ra những câu nói hối hả.

- "Thưa ông Holmes, ngày mai bắt đầu cuộc thi lấy học bổng". Tôi là một trong số các giám khảo về môn tiếng Hy Lạp. Tôi chọn đề thi là một bài dịch khá dài mà chưa một thí sinh nào đã dịch qua. Bản văn được đem đi in. Tất nhiên là thí sinh nào biết được và chuẩn bị bài làm thì sẽ có nhiều hy

vọng hơn. Chính vì thế mà chúng tôi luôn luôn canh giữ thật kỹ.

“Hôm nay, vào lúc ba giờ, các bản in thử được nhà in gửi đến tôi. Tôi phải đọc lại thật cẩn thận ngõ hầu bản văn được hoàn toàn đúng ngữ pháp. Tới bốn giờ rưỡi, tôi vẫn đọc chưa xong. Thế mà tôi lại mắc đi dự tiệc ở bên ngoài trường. Tôi để các bản in thử trên bàn giấy và vắng mặt khoảng một tiếng đồng hồ. Những cánh cửa ở trường là cửa kép : bên ngoài làm bằng gỗ sồi và bên trong là lớp thảm bồi. Khi trở về, tôi ngạc nhiên khi thấy có chìa khóa gắn trong ổ. Thoạt đầu tôi ngỡ là mình để quên chìa khóa ! Nhưng tôi lục tìm trong các túi, thì tôi lại gặp nó. Cái chìa khóa thứ hai do người hầu của tôi, tên là Ba-ni giữ. Ông này đã sống với tôi suốt mười năm và là người ngay thẳng. Chìa khóa đó, đúng là chìa của ông ta. Ông ta đã vào phòng tôi để xem tôi có muốn uống trà không, và khi đi ra, ông đã để quên... Ba-ni hẳn đã vào trong phòng vài phút sau khi tôi đã đi ra ngoài. Trong bất cứ ngày nào khác, sự việc đó không có gì quan trọng. Nhưng hôm nay, thì nó rất là thảm hại.

“Nhìn lên bàn giấy, tôi thấy ngay là đã có người lục lợi giấy tờ của tôi. Những bản in thử in trên ba tờ giấy dài. Tôi đã để chúng cùng một chỗ. Và giờ đây tôi thấy ba tờ nằm ba nơi : tờ thứ nhất nằm trên sàn nhà, tờ thứ hai ở gần ngưỡng cửa sổ và tờ thứ ba nằm ở vị trí cũ. Trong một lúc lâu, tôi tự nhủ là Ba-ni đã tự tiện xem giấy tờ của tôi. Ông ta đã đoán chắc với tôi là không. Vậy thì có ai đó, khi đi ngang trước cửa phòng tôi, đã thấy cái chìa khoá và đoán rằng tôi đã đi ra ngoài nên người đó bước vào đã xem các bản in thử.

“Bê-ni gần như ngắt đi khi chúng tôi khám phá ra rằng những bản in thử đã bị đổi chỗ. Tôi đã cho ông ta uống vài giọt cô-nhắc và tôi để ông ta ngồi xuống ghế rồi khám xét thật tỉ mỉ căn phòng. Trên cái bàn nhỏ gần bên cửa sổ, tôi tìm thấy những rêu vỏ bút chì được chuột. Còn có một mẩu ruột bút

chì bị gãy. Rõ ràng là kẻ ranh mãnh đã chép vội chép vàng bài thi. Vì lính quynh y đã làm gãy mũi cây bút chì và đã chuốt lại.

- Tuyệt vời. Ông đã gặp may ! - Holmes kêu lên.

- “Chưa hết. Tôi có một cái bàn rất mới, được phủ một lớp da màu đỏ thật đẹp. Mặt bàn thật trơn và sạch. Thế mà tôi đã bắt gặp một vết đứt dài sáu centimet; không phải là một vết xước nhưng là một vết đứt ; ở trên mặt bàn có một cục bột đen nhỏ, trong đó có một vài hạt nhỏ giống như là mặt cưa. Tôi tin chắc là những dấu vết đó do kẻ chép đề thi để lại. Tôi không thấy một dấu chân nào mà cũng chẳng thấy một dấu vết nào khác có thể tiết lộ ra danh tánh kẻ đó. Giữa lúc tôi hoàn toàn thối chí thì sực nhớ ra là ông đang ở trong thành phố này. Xin hãy giúp tôi. Ông Holmes ! Cuộc thi sẽ phải bị hoãn lại cho đến khi nào các đề-thi-mới được in xong. Tất nhiên tôi phải giải thích lý do bằng cách khai ra sự thật. Như vậy một vụ tai tiếng sẽ nổ ra. Tôi mong muốn được dàn xếp công việc theo cách kín đáo nhất !”

- “Tôi rất sung sướng được lo vụ này” Holmes nói, đứng lên và mặc áo choàng ngoài vào. “Có ai tới thăm ông sau khi những bản in thử được đem tới không?”.

- Có. Chàng trai Đô-lát, một sinh viên người Ấn ở cùng trong một cầu thang ; anh ta đã vô phòng và đã hỏi tôi vài chi tiết về cuộc thi.

- Anh ta là thí sinh?

- Vâng.

- Lúc đó các tờ giấy để trên bàn giấy của ông?

- Nó còn được quấn thành cuộn.

- Nhưng người ta có thể đoán ra đó là những bản in thử?

- Chắc chắn là như vậy.

- Không có người nào khác vào phòng ông hay sao?

- Không.

- Có ai đoán biết là các đề thi đang hiện diện tại đó?
- Không một ai, ngoại trừ nhà in.
- Ông Ba-ni cũng không biết chứ?
- Phải. Tất cả mọi người đều không biết !
- Bây giờ Ba-ni ở đâu?
- Ông ta ngã bệnh. Tôi đã để ông ta lại trong ghế bành.

Tôi vội vàng đi tới đây.

- Ông đã để cửa mở à?
- Tôi đã cất giấy tờ vào trong ngăn tủ có khóa.

- Nếu người sinh viên Ấn Độ mà không đoán biết cuộn giấy đó là những bản in thử thì người đựng tới đề thi là người đã tinh cờ bắt gặp, mà trước đó, họ không hề biết là đề thi có mặt ở đó.

- Dường như vậy.

Holmes cười một cách khó hiểu. Anh nói :

- Vậy thì, hãy tới nhà ông xem sao.

Căn phòng được dùng làm văn phòng của ông giáo có một cửa sổ thấp, gắn lưới sắt, nó nhìn ra một cái sân cũ của trường. Một cửa ra vào mở ra trên một cầu thang đá. Ông giám học ở tầng trệt. Ba sinh viên ở các tầng trên, mỗi người một tầng. Khi chúng tôi tới hiện trường, trời gần như vào đêm. Holmes quan sát kỹ khuôn cửa sổ từ mé ngoài. Anh đứng nhón chân, ghé cái cổ dài ra mà ngó vào trong phòng.

- Hẳn đã vào trong phòng qua ngã cửa chính. Màng lưới sắt của cửa sổ ắt hẳn đã không cho y đi xuyên qua đây. - Ông giám học nói.

- "Thật vậy sao?" Holmes nói khi ném một tia nhìn kỳ lạ về phía thân chủ". Thế thì chúng ta nên vào trong xem xét tiếp".

Ông giám học mở cánh cửa chính ra và dẫn chúng tôi vào trong văn phòng. Chúng tôi đứng lại trên ngưỡng cửa trong lúc Holmes quan sát tỉ mỉ, anh nói :

- Ở đây chúng ta chẳng tìm ra được dấu vết nào. Trời quá khô ráo ! Ông Ba-ni dường như đã bình phục. Ông đã để ông ấy lại trong một ghế bành. Cái ghế nào ?

- Cái ghế gần bên cửa sổ.

- Giờ đây các ông có thể vào được rồi.- Holmes nói.

- Tôi đã xem xong tám tấm. Trước hết chúng ta hãy quan sát cái bàn nhỏ. Hiển nhiên là người nọ đã lấy những bản in thử, tờ này tiếp tờ kia. Người đó ngồi vào cái bàn nhỏ gần bên cửa sổ, bởi vì từ đó, hắn có thể canh chừng việc ông trở về qua ngã cửa chính mà bỏ trốn.

- Sự thật thì hắn không thể làm thế. Bởi vì tôi trở về qua ngã cửa nhỏ, phía bên kia.

- A, đó là điều rất hay ! Xin hãy cho tôi coi ba tờ giấy thi. Không có dấu vết ngón tay. Không ! Thoạt đầu hắn đã lấy tờ này và đã chép. Hắn cần phải mất bao nhiêu thời gian để làm cái công việc này? Tối thiểu cũng mất một khắc. Đoạn hắn rút tờ giấy đã chép xong xuống đất, rồi lấy tờ thứ hai. Hắn đã chép được phân nửa của tờ thứ hai thì thấy ông về, nên hắn phải bỏ trốn, rất hấp tấp, bởi vì hắn không kịp xếp lại các tờ giấy này như cũ. Ông không nghe thấy những tiếng chân hối hả trên cầu thang khi ông trở về qua ngã cửa ngoài sao ?

- Không.

- Hắn đã viết hết sức vội vã nên đã làm gãy đầu bút chì, và hắn đã phải chuốt lại. Điều này rất đáng chú ý, Watson. Cây bút chì này có một chiều dài bình thường và ruột bút chì thật mềm. Vỏ bên ngoài màu xanh đậm. Tên nhà sản xuất được khắc bằng chữ nhũ màu bạc. Cái mẫu còn lại dài gần năm phân. Thưa ông giám học. Hãy tìm một cây bút thuộc loại đó, và ông sẽ tìm ra được người cần tìm. Tôi còn dám nói rằng hắn có một con dao nhíp lớn, rất cùn.

Ông giáo sư hơi bị choáng ngợp trước cái dòng thác những thông báo đó.

- Tôi theo kịp ông về một số điểm, nhưng về cái chiều dài thì...

Holmes đưa cho ông ta coi một mẫu vô bút chì trên có những chữ NN mà không có bất cứ một chữ nào khác tiếp theo sau.

- Ông thấy chứ?

- Không, ngay đến giờ đây tôi cũng chưa...

- Anh Watson, *những chữ NN này có thể là gì? Hai chữ cuối của một từ.* Anh đã biết rằng Johann Faber là nhà sản xuất bút chì. Cây bút chì còn lại một khúc ngắn tiếp theo chữ Johann...

Anh nghiêng cái bàn nhỏ dưới ánh sáng đèn điện.

- Nếu người đó viết trên giấy mỏng thì tôi sẽ tìm thấy dấu vết tuồng chữ của y trên cái mặt phẳng nhẵn bóng này. Nhưng không, tôi không thấy gì hết. Hãy thử xem cái bàn giấy của ông. Tôi độ chừng cái tục nhỏ này là cái đồng chất đen lợt mà ông đã nói với tôi. Hình chớp và rỗng. Ông nói đúng, những hạt mặt của ở bên trong. Điều này thật là đáng chú ý! Và vết đứt, đúng là một vết rách, bắt đầu bằng một vết sườn mỏng và chấm dứt bằng một cái lỗ rách xơ ra. Cánh cửa này dẫn tới đâu?

- Vào phòng ngủ của tôi.

- Kể từ lúc xảy ra câu chuyện, ông có vào trong phòng đó lần nào không?

- Không. Ngay tức khắc, tôi tới đằng nhà ông.

- Tôi mong muốn được coi qua. Căn phòng thật duyên dáng, với cái kiểu kiến trúc cổ này! Chờ một chút để tôi quan sát cái sàn nhà này... Tôi không thấy gì cả. Còn tấm ri-đô này? Ông treo quần áo ở đằng sau. Nếu ai đó muốn nấp trong căn phòng này thì y sẽ trốn vào đây, bởi vì cái giường thì quá thấp và phòng vệ sinh thì không đủ rộng. Chẳng có ai đâu, chắc vậy?

Theo cái cách mà Holmes nhắc tám ri-đô lên, tôi hiểu là anh sẵn sàng ứng phó với mọi sự. Thật ra, cái góc nhà đó không chứa đựng cái gì khác hơn là vài bộ quần áo treo trên những cái mắc áo. Holmes xoay gót và bất thành linh cúi xuống.

- Này ! Cái gì đây nhỉ? - Anh reo lên.

Đó là một cái tháp nhỏ chất đen, giống hệt với cái cục nhỏ mà chúng tôi đã thấy trên cái bàn ở bên văn phòng. Holmes lượn lên và quan sát nó.

- Người khách của ông đã để lại những dấu vết ở trong phòng ngủ cũng như văn phòng ông đây này.

- Hấn vào đây để làm gì?

- Ông quay về theo một ngã mà hấn không tiên liệu được, và hấn chỉ được báo động khi ông tới trước cánh cửa. Hấn bèn quơ lấy tất cả những gì có thể tố giác hấn và hối hả chui vào phòng ngủ của ông để trốn.

- Vậy trong suốt thời gian tôi nói chuyện với Ba-ni trong văn phòng, người đó đã ở trong phòng ngủ của tôi hay sao? Thưa ông Holmes, liệu còn có khả năng nào khác được chăng? Ông chưa quan sát cửa sổ phòng tôi.

- Những ô vuông hình thoi, sườn bằng que chỉ, ba miếng kính rời, một xoay trên những bản lề khá lớn đủ cho một người có thể lách mình qua.

- Đúng vậy. Và nó mở ra một góc sân. Người đó đã vào phòng qua ngã cửa sổ, để lại những dấu vết trong phòng mà y đã đi qua, đoạn bỏ theo cửa chính để ngó mà ra ngoài.

Holmes lắc đầu nói :

- Ông đã bảo với tôi rằng có ba sinh viên sử dụng cái cầu thang này và thường hay đi ngang trước cửa phòng ông?

- Vâng.

- Và cả ba đều dự thi?

- Vâng.

- Ông có nghi ngờ người nào không?

- Đây là một vấn đề rất tế nhị. Tôi chẳng muốn phát biểu chút nào khi chưa có chứng cứ.

- Hãy cho tôi biết những nghi ngờ của ông, sau đó tôi sẽ tìm ra chứng cứ.

- Tầng lầu một là anh Gi-ri, một người hoàn hảo và là một lực sĩ đẹp. Anh ta chơi trong đội bóng bầu dục và khúc côn cầu của nhà trường, là tay vô địch môn chạy vượt rào và nhảy xa. Thân phụ anh là một nhà quý tộc bị phá sản trên các trường đua ngựa. Người con trai đó nghèo. Nhưng làm việc chăm chỉ và thông minh.

Tầng lầu hai là nơi Đô-lát cư ngụ. Người Ấn Độ này rất trầm tĩnh, rất kín đáo. Anh học tập tốt, nhưng tiếng Hy Lạp thì yếu. Anh chăm học và học có phương pháp.

Tầng lầu chót có Mi-lê. Anh ta rất siêng học, một trong những học sinh sáng suốt nhất của trường. Nhưng anh ta lại thất thường, nghịch ngợm, vô nguyên tắc. Trong năm thứ nhất, anh ta suýt bị đuổi học vì một vụ đánh bài. Trong suốt quý này, anh ta đã đi chơi rong và ắt hẳn anh phải nhắm tới kỳ thi với nỗi kinh hoàng.

- Vậy là ông nghi anh ta?

- Tôi không dám đi xa tới thế. Nhưng một người có hành vi như thế sẽ dễ bị người khác nghi ngờ.

- Giờ đây, tôi muốn gặp ông Ba-ni.

Đó là một người nhỏ bé, trạc năm mươi tuổi : nước da trắng, không râu, tóc hoa râm, mặt tròn trịa, có thoáng qua những chứng giật gân mặt và các ngón tay ông cứ luôn luôn bắt chéo vào nhau rồi lại buông ra.

- Chúng tôi đang điều tra về cái vụ không may mắn đó, Ba-ni ! - Chủ ông ta nói.

- Vàng, thưa ông.

- Hẳn ông đã để cái chìa khoá lại trên cửa? - Holmes hỏi ông ta.

- Vàng, thưa ông.

- Phải chăng là sự khác thường, khi ông lơ đãng đứng vào cái ngày mà những tài liệu lại để ở trong phòng?

- Thật hoàn toàn đáng tiếc, thưa ông.

- Ông vào đây lúc mấy giờ?

- Khoảng 4 giờ rưỡi, giờ chủ tôi dùng trà.

- Ông ở lại trong bao lâu?

- Khi thấy ông chủ không có ở đây, tôi bỏ đi ngay.

- Ông có nhìn vào các giấy tờ để trên bàn không?

- Không, thưa ông.

- Làm thế nào mà ông lại có thể để cái chìa khóa ở trong ổ khoá?

- Tôi đang bưng khay trà. Tôi tự nhủ là sẽ quay lại lấy cái chìa. Thế rồi tôi quên luôn.

- Cánh cửa bên ngoài có một bộ phận đóng tự động không?

- Không, thưa ông !

- Thế là nó vẫn mở suốt trong thời gian đó.

- Vàng.

- Bất cứ ai từ trong phòng cũng đều có thể đi ra bằng cửa đó.

- Vàng.

- Khi ông chủ trở về và cho gọi ông, thì ông rất bối rối?

- Vàng. Tôi hầu hạ ở đây đã lâu và một việc như vậy chưa bao giờ xảy ra. Tôi gần như bị ngắt xiu.

- Tôi biết. Ông ngồi tại đâu khi ông bắt đầu cảm thấy khó thở?

- Ở đây, gần bên cánh cửa.

- Thật là kỳ cục. Ông tới ngồi trong cái ghế bành đằng kia, trong góc này. Tại sao ông không ngồi ở những cái ghế khác?

- Đối với tôi, điều đó không có gì là quan trọng. Miễn sao tôi được ngồi xuống...

- Tôi thật sự tin là anh ta không dính dấp gì vào vụ này, thưa ông Holmes. - Giám học nói.

- Ông vẫn ngồi đó khi chủ ông đã bỏ đi?

- Chỉ trong một hay hai phút. Đoạn tôi đóng cửa lại rồi leo lên phòng tôi.

- "Cám ơn, thế là đủ". Holmes trả lời. "Ồ, còn một điều này nữa : ông không nói với một trong ba sinh viên rằng có một biến cố vừa xảy ra chứ?".

- Tôi không nói một lời nào.

- Rất tốt. Giờ đây, chúng ta hãy đi dạo trong chốc lát ngoài sân.

Ba ô vuông màu vàng lấp lánh ánh sáng ở phía trên chúng tôi.

- "Ba con chim của ông đều đang ở trong tổ". Holmes nói khi ngược lên nhìn. "Này chuyện gì xảy ra vậy? Một trong ba người tỏ ra khá dao động?"

Đó là người sinh viên Ấn Độ chợt hiện ra trên bức màn sáo. Anh ta đi đi lại lại trong phòng.

- Tôi muốn được nhìn thấy họ gần hơn một chút. - Holmes nói.

- Dạ được. Máy phòng đó nằm trong cái phần cổ xưa nhất của nhà trường và thỉnh thoảng chúng tôi đưa khách tới đó tham quan. Các ông hãy cùng đi với tôi.

- Cần nhất là đừng có gọi tên ! - Holmes thì thầm khi chúng tôi gõ cửa phòng Gi-ri.

Một thanh niên to con, dong dỏng cao, mái tóc màu gai, mở cửa và ngỏ lời chúc mừng khi được biết mục đích chuyến viếng thăm của chúng tôi. Phòng anh không thiếu những di tích của lối kiến trúc xưa. Holmes bị lời cuốn mãnh liệt bởi

một trong những di tích đó, khiến anh muốn vẽ lại trên cuốn sổ tay ; anh làm gãy một cây viết chì, hỏi mượn chủ nhà một cây viết chì và sau cùng hỏi mượn con dao nhíp để chuốt lại. Việc đó lại xảy ra trong phòng của người sinh viên Ấn Độ. Nhưng mưu toan thứ ba của chúng tôi bị thất bại. Cánh cửa không mở ra và chúng tôi chỉ nhận được một tràng những lời lẽ kém nhã nhận.

- Tôi cóc cần biết các ông là ai ! Đi chỗ khác mà coi ! Tôi mắc học thi, các ông nghe rõ chưa?

- “Một người không vui tính” người hướng dẫn chúng tôi nói, trong lúc xuống cầu thang. “Tất nhiên anh ta không biết tôi là người đã gõ cửa. Tuy nhiên anh ta cư xử bất lịch sự và một cách đáng nghi ngờ”.

Câu trả lời của Holmes lại khá bất ngờ :

- Ông có thể cho tôi biết chiều cao đích xác của anh ta không?

Anh ta cao hơn người Ấn Độ nhưng thấp hơn Gi-ri? Tôi nghĩ là một mét bảy mươi...

- Điều đó rất quan trọng. Và giờ đây, thưa ông giám học, xin chúc ông một đêm an lành. - Holmes nói.

Người hướng dẫn chúng tôi bày tỏ nỗi ngạc nhiên và lòng tuyệt vọng của ông.

- Lẽ nào ông lại bỏ rơi tôi một cách đột ngột đến thế. Ngày mai thi rồi. Tối nay tôi buộc phải làm một cái gì đó minh bạch, dứt khoát. Tôi không thể giữ nguyên kỳ thi nếu người ta đã đụng vào những bản in thử đó.

- Hãy cứ giữ nguyên. Sáng mai tôi sẽ tới đây thật sớm và chúng ta sẽ bàn lại vấn đề. Rất có thể là lúc đó tôi đã nắm được những yếu tố mới, khả dĩ giúp ông thoát ra khỏi cảnh ngộ này. Từ đây tới đó, ông đừng thay đổi gì cả.

- Được lắm, thưa ông Holmes.

- Ông cứ yên tâm. Tôi đem về hai cục hình chớp đen cùng những mẫu vở bút chì. Xin chào ông !

Khi ra tới sân, chúng tôi quan sát những khuôn cửa sổ một lần nữa. Người Ấn Độ vẫn tiếp tục sai bước trong phòng. Hai người kia thì không nhìn thấy. Khi ra tới đầu đường, Holmes hỏi :

- Anh Holmes, một trò chơi ba người. Anh hãy chọn lựa đi ! Người nào?

- Cái nhân vật thô bạo ở trên cao. Anh ta là người "có tiếng" hơn cả. Cái anh chàng Ấn Độ cũng khéo vờ vĩnh. Tại sao anh ta lại cứ sai bước trong phòng.

- Rất nhiều khách đi bách bộ để thử cố học thuộc lòng một cái gì đó.

- Anh chàng đã nhìn chúng ta với sự chán ghét...

- Nếu có một bọn người lạ đột nhập vào phòng anh vào buổi tối trước ngày thi, anh sẽ có thái độ như thế nào? Cây viết chì, con dao nhíp, tất cả đều được hết. Duy cái gã nọ là bắt tôi phải suy nghĩ.

- Gã nào?

- Ba-ni. Anh ta chơi trò gì?

- Tôi có cảm tưởng rằng ông ta rất thật thà.

- Cả tôi cũng thế. Và đó chính là điều khiến tôi phải suy nghĩ. Tại sao một người lương thiện đến thế mà lại...? Đây là một cửa tiệm giấy bút lớn : chúng ta tìm kiếm từ nơi này.

Trong thành phố chỉ có bốn cửa tiệm giấy bút lớn. Holmes đưa những mẫu vở bút chì ra và hỏi mua thứ bút đó. Lần nào người ta cũng đưa ra một thứ bút không giống thứ mà Holmes tìm kiếm. Bọn tôi nhún vai với một cử chỉ nhẵn nhụi vui vẻ.

- Không may rồi. Chúng ta chẳng đi tới đâu cả. Chín giờ rồi bạn ơi !

Sau bữa ăn tối muộn màng, Holmes không đá động gì tới vụ đó nữa. Tối tám giờ sáng, anh vào phòng tôi.

- Tối giờ đi Saint Luc rồi. Anh có thể bỏ bữa điểm tâm được không?

- Được thôi, có gì mới không?

- Có.

- Anh đã rút ra được những kết luận?

- Tôi đã giải quyết xong vấn đề. Tôi ra khỏi giường hồi sáu giờ, làm việc cật lực trong hai tiếng đồng hồ và lợi bộ tám cây số để đi tìm một cái gì đó. Anh hãy coi cái này !

Trên lòng bàn tay Holmes có ba cái chóp nhỏ bằng đất sét đen, sần sật.

- Ngày hôm qua chỉ có hai thôi mà?

- Và sáng hôm nay, có thêm một cái nữa.

Nơi xuất phát của cái thứ ba cũng là nơi xuất phát của hai cái kia. Nào, chúng ta hãy đi gặp ông bạn giám học.

Ông thầy đáng thương đang ở trong một tình trạng bồn chồn trong phòng ngủ của ông. Chỉ còn vài giờ nữa là cuộc thi bắt đầu và ông còn đang tự hỏi không biết nên giải thích tất cả hay cứ để mặc cho kẻ phạm tội dự thi. Ông chạy ủa về phía Holmes với hai cánh tay dang thẳng, nói :

- Tôi sợ ông thối chí. Cuộc thi có tiến hành không?

- Cứ tiến hành.

- Nhưng, tên vô lại đã..?

- Hắn sẽ không dự thi.

- Ông biết hắn là ai?

- Biết. Bởi vụ này cần phải được giữ kín, nên chúng ta sẽ lập ra một thứ như "tòa án quân sự đặc biệt". Mong ông ngồi đây, Watson ngồi vào đây. Tôi ngồi vào ghế bành của ông ở chính giữa. Chúng ta đủ oai nghiêm để làm cho một tâm hồn phạm tội phải sợ người vì sợ hãi? Xin ông vui lòng gọi chuông.

Ba-ni vào phòng và suýt té ngựa vì ngạc nhiên và hốt hoảng trước cảnh đó. Holmes nói với Ba-ni :

- Mong ông vui lòng đóng cánh cửa đó lại. Giờ đây, ông hãy nói về việc đã xảy ra hôm qua.

Ba-ni tái mét tới tận chân tóc :

- Tôi đã thưa tất cả rồi.

- Ông không còn gì để nói thêm sao?

- Không, thưa ông.

- Trong trường hợp này, tôi phải gọi ra với ông vài ý kiến.

Ngày hôm qua khi ngồi trên cái ghế bành này, có phải ông đã chọn cái chỗ đó cốt để ý che giấu một đồ vật có thể tiết lộ người đã vào phòng này không?

Bộ mặt Ba-ni tím ngắt.

- Không, thưa ông.

- “Đó chỉ là một gợi ý?” Holmes nói với giọng ngọt ngào. “Tôi không có khả năng chứng minh điều đó. Nhưng có điều chắc chắn là ngay khi ông giám học vừa xoay lưng đi, thì ông đã đưa người trốn trong phòng ngủ ra ngoài”.

Ba-ni liếm cặp môi khô :

- Không có ai cả, thưa ông.

- A ! Thật đáng tiếc ! Cho tới giây phút này, ông vẫn có thể nói ra sự thật, nhưng tôi biết là ông đã nói dối.

Bộ mặt của Ba-ni chỉ còn bộc lộ một sự thách thức buồn bã.

- Không có ai cả, thưa ông.

- Coi nào, ông Ba-ni.

- Không, thưa ông, không có ai cả.

- Thôi được, ông hãy tới đứng gần bên cửa ra vào phòng ngủ. Bây giờ, ông giám học, tôi mong ông leo lên phòng chàng trai Gi-ri, yêu cầu cậu ta xuống đây.

Một lát sau, ông thầy cùng với cậu sinh viên bước vào. Đó là một thanh niên đẹp trai, lực lưỡng, mảnh và cao, mềm mại, dáng đi linh hoạt, vui mắt, anh ta có bộ mặt cởi mở. Cặp mắt xanh của anh chăm chú nhìn chúng tôi trước khi đặt lên Ba-ni với một dáng vẻ rưng rờ.

- "Hãy đóng cửa lại", Holmes nói. "Giờ đây, ông thấy là chúng ta hoàn toàn tách biệt với bên ngoài. Không một ai nghe chúng ta nói chuyện. Vậy thì chúng ta có thể nói chuyện với tất cả lòng thẳng thắn. Chúng tôi muốn biết, làm thế nào mà ông, một người trọng danh dự, lại phạm vào một lỗi lầm như trong ngày hôm qua?"

Chàng thanh niên chao đảo và ném lên Ba-ni một tia nhìn oán trách.

- Không, thưa ông Gi-ri ! Tôi đã không nói gì hết - Người đây tớ kêu lên.

- "Nhưng bây giờ thì ông đã nói" - Holmes trả lời. "Coi nào, chàng trai ! Sau cái điều vừa thoát ra khỏi cổ họng Ba-ni, địa vị của ông hẳn là bớt đẹp. Ông chỉ còn có một cơ may : thành thật nhận lỗi".

Trong một lúc, Gi-ri giơ một bàn tay lên thử chế ngự mỗi cảm xúc và bất thành linh anh ta quỳ gối xuống bên cạnh bàn, vùi mặt vào trong hai bàn tay và khóc nức nở. Holmes dịu dàng nói.

- Coi nào, coi nào. Lỗi lầm là bản chất của con người, có thể anh thích để cho tôi nói thay anh? Anh sẽ đứng chính nếu tôi bị lầm lẫn. Anh đồng ý chứ? Tốt.

"Thưa ông giám học, kể từ lúc ông nói rằng không có ai biết những bản in thử ở trong văn phòng ông, thì vụ này đã làm cho tôi thích thú. Chúng ta có thể gạt bỏ người thợ in, bởi vì nếu muốn, anh ta có thể chép những bản văn đó ngay trong nhà mình. Tôi cũng loại bỏ người Ấn Độ : Nếu những bản in thử còn quấn thành cuộn, anh ta không thể đoán được rằng, đó là cái gì. Mặt khác, có thể có sự trùng hợp như thế này : Một người nào đó đã vào trong văn phòng ông và tình cờ nhìn thấy cái đề thi đang nằm ở trên bàn ! Tôi cũng gạt bỏ luôn giả thiết đó.

"Cái người vào đây phải là người đã biết nơi này đang có bản in thử. Vì sao người ấy biết được?"

“Khi tôi tới gần bàn giấy của ông, tôi quan sát kỹ cái khung cửa sổ. Ông đã làm tôi cười khi ông tin rằng có một ai đó đã lên vào văn phòng bằng cái ngã đó. Một giả thiết như thế thật là phi lý. Tôi đã tính cái chiều cao cần thiết mà người đó có thể đi ngang cửa nhà này và người ấy phải biết trước loại giấy tờ nào đang nằm trên bàn ông. Tôi cao hơn 1,80m và chỉ cần hơi gắng là sức tôi đã trông thấy xấp giấy trên bàn. Vậy, nếu một trong ba sinh viên của ông, người có thân hình thật cao, là mục tiêu của sự tìm kiếm. Tuy nhiên, lúc đứng trong văn phòng, tôi không rút ra được điều gì, nhưng ông đã mô tả với tôi rằng Gi-ri là một nhà vô địch chạy vượt rào và nhảy xa. Thế là tôi hiểu tất cả. Nhưng tôi cần có những chứng cứ xác minh.

“Chàng thanh niên này đã tập nhảy suốt buổi chiều trên sân thể thao. Anh trở về, mang theo đôi giày nhảy, là thứ có gắn những mũi nhọn, như ông đã thấy. Khi đi ngang qua cửa phòng ông, nhờ thân hình cao, anh đã trông thấy những bản in thứ đó để trên bàn, còn trên cánh cửa thì có cái chìa khóa để quên. Một sự thôi thúc đẩy anh vào phòng và để xem coi đó có phải là đề thi của ngày hôm sau không? Nếu bị bắt gặp, anh có thể nói rằng anh tới để hỏi ông thầy một câu gì đó.

“Khi thấy đó đúng là đề thi, thì anh đành chịu thua sự cám dỗ. Anh để đôi giày có gắn mũi nhọn lên bàn. Thế anh đã để cái gì lên trên cái ghế bành kê gần bên cửa sổ này?

- Đôi bao tay - Chàng trai trả lời.

Holmes nhìn Ba-ni với tư thế của người thắng cuộc.

- “Anh đặt đôi găng tay lên thành ghế và anh lấy từng tờ giấy để chép lại. Anh nghĩ rằng ông thầy sẽ trở về qua ngã cổng chính, và anh sẽ trông thấy. Thế nhưng ông thầy lại trở về qua ngã cổng nhỏ. Bất thành linh, anh nghe thấy tiếng của thầy ở đằng sau cánh cửa. Anh vội vàng quơ lấy đôi giày nhảy và bỏ trốn trong phòng ngủ, bỏ quên đôi bao tay trên thành ghế. Vết khắc trên mặt bàn in nhẹ ở một bên, nhưng lại hẳn

rõ trong hướng đi tới phòng ngủ. Điều đó cho thấy thủ phạm đã trốn trong phòng. Đất bám chung quanh một mũi nhọn vương lại trên bàn, và một mẩu đất thứ hai sút ra và rớt xuống trong phòng. Sáng nay tôi đã tới sân nhảy và đã thấy hố đó đầy thứ đất đen dính chắc này. Tôi đã mang về một ít và tôi cũng đã ghi nhận rằng người ta đã rắc mặt cửa lên trên mặt đất để các lực sĩ khỏi bị trượt chân. Tôi nói có đúng không, ông Gi-ri?

Chàng sinh viên đứng lên.

- Đúng, thưa ông.

- Nhưng anh không có gì để nói thêm sao? - Ông giám học kêu lên.

- Có, thưa thầy. Tôi có nhiều điều để nói thêm. Nhưng sự khám phá ra đó đã làm tôi kinh ngạc. Tôi có một lá thư gửi thầy. Tôi viết vào giữa một đêm mà lương tâm không yên ổn. Thư đó đây. Đây là câu đầu tiên : *"Tôi quyết định không dự thi; người ta đã đề nghị với tôi một chỗ làm trong sở cảnh sát ở Rhodésia ; tôi sẽ sang Nam Phi ngay tức khắc"*.

- Tôi thật sung sướng được biết anh không có ý định lợi dụng một sơ sót của tôi. Nhưng tại sao anh lại đổi ý?

Gi-ri chỉ vào Ba-ni nói :

- Đây là người đã đưa tôi trở lại chính đạo.

- "Coi nào, Ba-ni" ! Holmes kêu lên. "Sau điều tôi vừa giải thích, ông hiểu rõ rằng chính ông đã để cho chàng trai này đi ra khỏi phòng, bởi vì ông đã ở lại một mình trong phòng và ông đã khóa cửa lại sau khi bỏ đi. Ông có muốn cho chúng tôi biết tại sao ông hành động như vậy không."

- Thưa ông, một thời, tôi đã phục vụ như người quản gia nơi nhà thân phụ của chàng trai. Khi cụ bị phá sản, tôi trở thành nhân viên thuộc trường này, nhưng tôi không bao giờ quên được ông chủ cũ. Tôi đã chăm sóc con trai cụ hết sức mình để tưởng nhớ một thời êm đềm xa xưa. Hôm qua, khi

tôi vào trong văn phòng này, cái đầu tiên mà tôi trông thấy, đó là đôi bao tay của cậu đặt trên ghế bành. Tôi biết, nếu ông giám học cũng trông thấy chúng, là cậu bị thua ! Thế nên "tôi bèn xiêu xuống" cái ghế bành này và không gì có thể làm tôi động đậy, mãi cho tới khi ông giám học ra đi. Người chủ trẻ của tôi đã rời khỏi chỗ ẩn nấp và thú nhận với tôi. Thuở xưa, tôi đã từng đặt cậu ấy ngồi trên đầu gối tôi. Về phần tôi, thật là tự nhiên khi tôi làm đủ mọi cách để cứu cậu ấy? Mặt khác, tôi nói với cậu rằng chẳng nên làm như thế. Ông có chê trách tôi không, thưa ông Holmes?

Holmes đứng lên nồng nhiệt nói với Ba-ni và ông giám học rằng vấn đề đã được giải quyết êm đẹp. Quay sang chàng trai, Holmes tiếp :

- Về phần anh, người bạn trẻ, tôi tin chắc rằng ở một chân trời xa xôi kia, một tương lai xán lạn đang chờ đón anh.

Sáu bức tượng Napoléon

Chiều chiều ông Lê-tra thường ghé thăm chúng tôi, đem đến đủ loại tin tức của cảnh sát. Holmes thì chăm chú nghe, thỉnh thoảng đưa ra những lời khuyên.

Nhưng chiều hôm đó, Lê-tra chỉ nói về thời tiết và những tin tức đăng trên báo, rồi im lặng và trầm ngâm, thổi nhẹ tàn thuốc. Holmes đưa mắt nhìn xoáy vào ông :

- Ông có một vụ gì đó rất lý thú thì phải?

- Ồ không, có gì là lý thú đâu !

-Nếu vậy xin ông cứ kể ra.

Lê-tra cười phá lên :

- Khó mà giấu nổi ông điều gì. Đúng là tôi đang có một chuyện, nhưng nó vật vãnh thôi, nên không có ý làm phiền ông. Tuy là vật vãnh nhưng nó cũng khá kỳ lạ. Có lẽ nên để dành cho bác sĩ Watson thì hơn.

- Bệnh tật gì chẳng? - Tôi hỏi

- Một chứng điên rồ kỳ quái. Khó mà tưởng tượng ra một người sống trong thời đại chúng ta mà lại căm thù Napoléon đến mức hễ thấy một hình tượng nào về Ngài là hủy diệt cho bằng được.

Holmes ngả người trên chiếc ghế bành :

- Chuyện này không thuộc lĩnh vực của tôi.

- Đấy, thì tôi cũng đã bảo thế mà. Nhưng khi thằng cha đó bẻ khóa đập tượng của người khác thì chính chúng ta sẽ chăm lo việc "trị bệnh" cho hắn.

Holmes rướn cả người lên. :

- Ăn trộm có bẻ khóa? Chuyện đó đáng chú ý nhiều hơn rồi. Vậy thì ông kể cho tôi nghe với.

Lê-tra rút cuốn sổ ghi chép công vụ ra và lật từng trang.

- Lần thứ nhất cách đây bốn ngày. Sự việc xảy ra tại cửa hiệu của ông Hốt-xơn ở đường Kenning-ton. Tay quản lý có việc ra ngoài một lát, bỗng nghe có tiếng loảng xoảng. Anh ta vội quay vào thì thấy bức tượng Napoléon bán thân bằng thạch cao vỡ tan tành trên sàn nhà. Anh ta chạy vụt ra nhưng không đuổi kịp hung thủ. Bức tượng thạch cao chỉ đáng giá vài Shilling và toàn bộ sự việc đó xem ra nhỏ nhặt đến nỗi không đáng phải tiến hành điều tra nữa.

Chuyện thứ nhì xảy ra vào lúc gần sáng hôm nay. Ở đường Kenning-ton, cách cửa hiệu Hốt-xơn vài trăm bước là nhà của bác sĩ nổi tiếng Ba-ni, ông này là người rất sùng bái Napoléon. Mới đây ông mua được ở hiệu Hốt-xơn hai bức tượng Napoléon bán thân bằng thạch cao do nhà điêu khắc Đêvin nặn. Ông đặt một bức tại nhà riêng ở đường Kenning-ton còn bức thứ nhì đặt phía trên bếp lò trong phòng mổ ở đường Brixton. Sáng nay bác sĩ về nhà và phát hiện ra rằng đêm qua nhà ông có trộm vào, song trong nhà chỉ mất có một bức tượng thạch cao. Tên trộm đã mang bức tượng ra khỏi nhà và đập nát vào chần song sắt ngoài vườn. Sáng ra bên cạnh chần song sắt còn nguyên một đồng mảnh tượng vỡ.

Holmes xoa tay nói :

- Chuyện này quả là kỳ lạ đấy !

- Gần mười hai giờ trưa, bác sĩ đến phòng mổ, thấy cửa sổ phòng mổ bị mở toang và khắp sàn nhà đầy những mảnh vỡ của bức tượng thứ hai. Chúng tôi đã xem xét kỹ và cả hai trường hợp trên, song không tài nào tìm ra gã cường si.

- Thật là kỳ quặc. Tôi muốn biết hai bức tượng bị đập vỡ của bác sĩ Ba-ni có đúng là phiên bản cùng với bức tượng bị đập vỡ tại cửa hiệu ông Hốt-xơn không?

- Những bức tượng đó đúc ra từ một khuôn mà.

- Vậy thì hành động của kẻ đập tượng chưa chắc là do lòng căm thù Napoléon. Ở Luân Đôn có đến mấy ngàn bức tượng Napoléon, thì khó có thể cho rằng kẻ cuồng tín đó hoàn toàn tinh cờ khởi đầu hoạt động bằng cách tiêu hủy *ba phiên bản của cùng một bức tượng bán thân*.

- Chính tôi cũng suy nghĩ như vậy. Còn bác sĩ Watson ông nghĩ thế nào.

- Các chứng bệnh điên rồ vô cùng đa dạng. Có một hiện tượng mà các nhà tâm lý học gọi là “ý nghĩ ám ảnh”. Ý nghĩ đó có thể hết sức vớ vẩn, và người bệnh có thể khỏe mạnh về mọi phương diện. Nó cho rằng gã cuồng si nọ đọc đến một điều xúc phạm nào đó mà tổ tiên của hắn phải chịu đựng trong thời kỳ vị vua này gây ra các cuộc chiến tranh. Trong đầu hắn hình thành “ý nghĩ ám ảnh” và do vậy hắn có khả năng làm được những trò kỳ quái nhất.

- Lý lẽ của anh trong trường hợp này không thích hợp rồi. Bởi lẽ trong một ý nghĩ ám ảnh nào có thể mách cho gã biết được những bức tượng đó nằm ở đâu. - Holmes bác bỏ.

- Thế anh lý giải sự việc này như thế nào?

- Tôi không hề có ý định lý giải. Tôi chỉ thấy trong hành động cuồng ngông của gã có một hệ thống nào đó.

Sáng hôm sau, khi tôi đang mặc quần áo thì Holmes gõ cửa và bước vào, trong tay cầm một bức điện. Anh đọc to lên :

“Đến ngay số 131 đường Pitt ; Kensington, Lê-tra”.

- Thế này là thế nào nhỉ? - Tôi hỏi...

- Không rõ. Nhưng tôi cảm thấy đó là phần tiếp theo của câu chuyện những bức tượng nọ. Có thể ông bạn điên rồ của chúng ta đã chuyển hoạt động sang khu khác của Luân Đôn.

Nửa giờ sau, chúng tôi đã có mặt ở đường Pitt. Căn nhà số 131 là một tòa nhà xây cong khum khum đều đặn, dáng trang nghiêm. Lúc chúng tôi đến, một đám người hiếu kỳ đang

túm tụm trước hàng rào có chấn song sắt. Holmes huýt sáo.
miệng :

- Quý thần ơi, thế này thì ít ra cũng có án mạng !

Lê-tra ra đón chúng tôi và dẫn vào phòng khách, ở đó có một người đàn ông đứng tuổi, đầu tóc trông rũ rượi kỳ lạ, đang cuống quýt chạy ra chạy vào. Người ta giới thiệu ông với chúng tôi. Đó là nhà báo Hác-cơ.

- “Chuyện Napoléon lại tiếp diễn”. Lê-tra lên tiếng. “Ông Holmes, tôi nghĩ ông sẽ vui lòng tham gia việc điều tra”.

- Sự kiện nào đây?

- Án mạng. Ông Hác-cơ, phiên ông kể lại cho các vị ở đây nghe !

Người đàn ông quay bộ mặt rũ rượi về phía chúng tôi, nói :

- Suốt đời tôi viết cho các báo về mọi sự việc xảy ra nơi những người khác, thế rồi cuối cùng một việc tày đình đã xảy ra tại nhà tôi.

Holmes ngồi xuống và chăm chú nghe.

- Vụ án mạng này liên quan đến bức tượng Napoléon mà tôi đã mua bốn tháng trước. Tôi mua tại cửa hàng anh em nhà Hác-đi bên cạnh nhà ga ở đường High. Tôi viết bài vào ban đêm và thường ngồi làm việc đến tận sáng. Ngày hôm nay cũng vậy. Tôi ngồi trong hang kín của mình ở cuối tầng thượng ; gần ba giờ sáng, bỗng nghe có tiếng động dưới nhà. Tôi lắng tai nghe, nhưng chẳng thấy động tĩnh gì nữa. Nhưng độ dăm phút sau, bỗng dưng có tiếng gào lên kinh hãi. Tôi ngồi bất động một lúc, chờ người ra vì khiếp sợ. Sau đó tôi cầm chiếc gậy sắt thông lò và bước xuống nhà. Vừa bước vào phòng này, tôi thấy cửa sổ mở toang và bức tượng đặt phía trên lò sưởi đã biến mất... Như các ông thấy đấy, người nào nháy từ cửa sổ này xuống, thì thế nào cũng rơi vào bậc lên xuống cửa chính. Trong bóng tối, tôi vấp chân và suýt ngã đè lên một

xác chết ở đó. Tôi mang đèn tới. Cổ họng của kẻ bất hạnh bị một vết đâm rộng hoác. Tất cả máu bực lên xuống phía trên loang đầy máu. Người bị giết nằm ngửa, hai đầu gối co lên và miệng há hốc. Tôi thổi còi và ngắt xiú luôn. Tôi tỉnh lại ở phòng ngoài, lúc đó có một viên cảnh sát đứng kề bên.

- Người bị giết là ai thế? - Holmes hỏi.

- “Không tài nào xác định được”, Lê-tra nói. “Chúng tôi đã khám phá anh ta, nhưng chẳng biết được gì cả. Đó là một người cao lớn, da rám nắng, khỏe mạnh, chưa đầy ba mươi tuổi. Ăn mặc nghèo khổ nhưng trông không có dáng dấp người lao động. Bên cạnh vũng máu còn có chiếc dao xếp, cán bằng sừng. Không rõ đó là của người bị giết hay là của những hung thủ. Trên quần áo người bị giết chẳng có giấy tờ gì để có thể biết tên tuổi của anh ta. Trong túi áo có một quả táo, một sợi dây, bản đồ Luân Đôn và một tấm ảnh. Nó đây này”.

- Bức tượng có bị gì không? - Holmes hỏi, sau khi xem kỹ tấm ảnh.

- Mới tìm ra được. Nó ở trong vườn của một căn nhà hoang tại đường Campden. Nó bị đập nát. Chính tôi đang định tới đó để xem nó đấy. Các ông đi cùng tôi chứ?

Bức tượng bị đập vụn trên bãi cỏ. Holmes nhặt lên vài mảnh và xem xét kỹ lưỡng. Qua nét mặt căng thẳng của anh, tôi đoán rằng anh đã dò ra được tung tích. Lê-tra hỏi :

- Ông nghĩ sao? .

Holmes nhún vai :

- Chúng ta còn phải quần với vụ này khá nhiều đấy. Tuy vậy... tuy vậy chúng ta đã nắm được ít nhiều. Đối với tên tội phạm kỳ quặc đó, thì bức tượng này quý giá hơn cả mạng người. Đó là sự việc đầu tiên chúng ta xác định được. Sự việc thứ hai không kém kỳ lạ. Nếu mục đích duy nhất của tên tội phạm là đập nát bức tượng, tại sao hắn không đập ngay trong nhà hoặc bên cạnh nhà? Hắn sững sốt vì đụng độ với người

mà hắn đã buộc phải giết. Chính hắn cũng không hiểu hắn làm gì nữa. Ừ, điều đó có vẻ đúng. Song, tôi muốn các ông lưu ý đến ngôi nhà trong vườn, nơi bức tượng bị đập nát.

Lê-tra nhìn quanh một lượt :

- Đây là ngôi nhà bỏ hoang và thủ phạm biết rằng ở đây không ai gây phiền hà cho hắn cả.

- Phải, nhưng trên con đường này còn có một ngôi nhà bỏ không nữa, hắn phải đi qua ngôi nhà đó để đến đây. Tại sao hắn lại không đập bức tượng ngay bên cạnh ngôi nhà bỏ hoang đầu tiên? Hắn thừa hiểu rằng mỗi bước đi là tăng thêm nguy cơ đụng đầu với con người mà !

- Tôi chưa kịp để ý đến chuyện đó. - Lê-tra nói.

Holmes trở vào ngọn đèn đường treo ngay trên đầu chúng tôi :

- Ở đây hắn mới có thể thấy rõ việc hắn làm, còn đằng kia thì không.

- Anh nói đúng quá ! Bây giờ tôi nhớ lại bức tượng của bác sĩ Ba-ni bị đập vỡ cách đèn bảo vệ nhà ông không xa mấy. Chúng ta phải xử lý thế nào với sự việc này, hử ông Holmes.

- Phải ghi nhớ lấy nó. Về sau có thể chúng ta sẽ gặp những tình tiết buộc phải quay lại với nó đấy. Ông định tiến hành những bước gì, ông Lê-tra?

- Bây giờ tốt hơn là phải xác minh rõ người bị giết. Khi chúng ta biết hắn và đồng bọn của hắn là ai thì sẽ biết được hắn đã làm gì đêm qua ở đường Pitt, tại đây hắn đã gặp ai và ai đã hạ thủ hắn. Ông có đồng ý như vậy không?

- Đồng ý. Nhưng có lẽ tôi sẽ đi giải quyết bí ẩn này từ hướng khác cơ.

- Từ hướng nào?

- Ồ, tôi không muốn làm ảnh hưởng đến ông. Ông cứ tiến hành theo cách của ông. Sau đó chúng ta sẽ so sánh kết quả điều tra và như thế chúng ta mới hỗ trợ cho nhau được.

- Tốt lắm.

- Bây giờ ông về đường Pitt để gặp ông ký giả. Phiên ông bảo với ông ta rằng, theo ý của ông Holmes thì kẻ đột nhập vào nhà ông ấy chỉ là một tên điên rồ, mắc bệnh căm ghét Napoléon. Ông ta có thể sử dụng điều đó để viết bài đăng báo.

Lê-tra ngạc nhiên nhìn Holmes.

- Chẳng lẽ ông nghĩ vậy sao?

- Có thể không phải như thế. Nhưng lập luận đó sẽ gây hứng thú cho ký giả và những người mua báo... Ngày ông Lê-tra, vào khoảng sáu giờ chiều nay, ông có thể ghé vào nhà chúng tôi. Tôi xin giữ tám ảnh này cho đến lúc đó.

Tôi và Holmes đi bộ trên đường High và rẽ vô cửa hiệu anh em nhà Hác-đi. Người quản lý cho biết ông Hác-đi mãi đến chiều mới có mặt ở cửa hiệu, còn anh ta thì không thể cho chúng tôi biết một tí gì, vì anh mới đến làm việc ở đây. Holmes thất vọng và buồn bực, nói :

- Biết làm thế nào được. Có phải bao giờ cũng gặp may đâu. Chiều nay phải ghé vào đấy, bởi lẽ đến lúc đó ông Hác-đi mới có mặt cơ mà. Bây giờ chúng ta đến đường Kennington gặp ông Hốt-xơn.

Chúng tôi đi xe ngựa mất hẳn một giờ mới tới cửa hiệu bán tượng. Chủ hiệu là một người thấp bé phịch phịch, bộ mặt đỏ gay và tính tình lộ vẻ thâm độc.

- Vâng, thưa ngài. Hẳn đập vỡ ngay tại quầy của tôi. Chúng tôi đóng tiền thuế để được gì, nếu bất kỳ thành du côn nào cũng có thể ập vào phá hết hàng hóa ! Vâng, thưa ngài, đúng là tôi có bán cho bác sĩ Ba-ni hai bức tượng. Thật đáng xấu hổ và nhục nhã. Chỉ có tên vô chính phủ mới có khả năng đập vỡ tượng. Tôi mua những bức tượng ấy ở đâu ư? Tôi không hiểu chuyện đó có can hệ gì đến sự việc. Thôi được, nếu quả thực ngài cần biết, tôi sẽ nói. Tôi mua tại hãng buôn của ông Gen-đơ trên đường Church, khu Stepney. Tôi mua tất cả

ba bức. Hai bức tôi bán cho bác sĩ Ba-ni, còn một bức nữa bị đập nát giữa ban ngày ban mặt. Tôi có biết người trong ảnh này không à? Không, tôi không biết. Tuy vậy, tôi biết đấy. Hẳn là Bep-pô, thợ thủ công người Ý. Thỉnh thoảng hẳn có làm một vài việc cho cửa hiệu của tôi. Hẳn biết khắc gỗ, mạ vàng khung ảnh, mỗi việc biết một tí. Hẳn không còn ở đây từ tuần trước và từ đó tôi chẳng nghe thấy tin tức gì về hẳn nữa. Không, tôi không biết hẳn từ đâu tới. Bây giờ hẳn ở đâu tôi cũng chẳng hay. Tôi không than phiền gì về hẳn cả. Hẳn làm việc không đến nỗi tồi. Hẳn đi khỏi đây hai ngày trước khi bức tượng bị đập tan tại cửa hiệu của tôi.

Khi chúng tôi đã rời cửa hiệu, Holmes nói :

- "Hớt-xơn cho chúng ta biết nhiều tin tức rất quý báu. Như vậy, tên Bep-pô này có tham gia vào những sự việc xảy ra ở Kennington và ở cả Kensington. Anh Watson, bây giờ chúng ta đi gặp Hen-đơ và đến hăng của ông ta, ở đấy chúng ta sẽ biết được nhiều điều lý thú.

Chúng tôi vội vã đi vào một khu ven biển, đây những nhà cho thuê. Ở nơi này sống chen chúc một đám dân nghèo phiêu bạt từ khắp các vùng châu Âu về. Tại đây, trên một phố rộng, chúng tôi tìm ra xưởng điêu khắc. Xưởng nằm trong một khoảng sân rộng chất đầy bia mộ. Đó là một căn phòng lớn, trong đó có khoảng năm chục công nhân đang khắc chạm và đổ khuôn đúc tượng.

Chủ xưởng là một người cao lớn, có mái tóc vàng ; ông tiếp chúng tôi rất lịch sự và trả lời rõ ràng những câu hỏi của Holmes. Những điều ghi chép trong sổ của ông xác nhận rằng từ một bức tượng Napoléon bằng cẩm thạch, nơi đây cho đúc ra rất nhiều phiên bản, *nhưng 3 bức tượng ông giữ cho ông Hớt-xơn gần một năm trước, là một nửa của lò hàng riêng, gồm cả thầy 6 bức tượng. Ba bức tượng khác của lò hàng đó đã bán cho anh em nhà Hác-đi ở Kensington.* Không, cả sáu bức tượng đó chẳng có gì khác với mọi bức tượng ở đây. Giá bán

buôn của những bức tượng đó là sáu shilling, nhưng bán lẻ thì có thu được mười hai. Cách làm những bức tượng đó như sau : đúc hai khuôn thạch cao nửa mặt, sau đó ghép hai nửa lại với nhau. Công việc đó do các thợ người Ý thực hiện ngay tại căn phòng này. Khi tượng làm xong, người ta xếp lên bàn ngoài hành lang cho khô, rồi chuyển vào kho.

Holmes đưa cho ông xem tám ảnh. Mặt ông bưng bưng tức giận, đôi lông mày dựng ngược.

- "À, đồ vô lại !" Ông hét to lên. "Vâng, tôi biết hẳn rất rõ. Xưởng của tôi vốn được mọi người kính trọng, suốt cả bấy nhiêu năm tồn tại,, chỉ có mỗi một lần bị cảnh sát đến viếng. Cũng chỉ vì thằng này đây ! Chuyện đó xảy ra hơn một năm rồi. Hẳn dùng dao lụi một người Ý ở ngoài đường, và để trốn cảnh sát, hẳn đâm bổ vào xưởng của tôi. Hẳn đã bị tóm cổ ngay tại đây. Tên hẳn là Bep-pô. Tôi không biết họ của hẳn. Tôi bị phạt nặng vì đã nhận một người vào làm việc có bộ mặt như thế này. Tuy thế, hẳn là một tay thợ khá".

- Hẳn bị kết án gì?

- Người bị hẳn đâm không chết, và vì thế mà người ta chỉ kết án một năm tù. Tôi tin rằng hẳn đã được trả tự do, nhưng hẳn sẽ chẳng dám vác mặt đến đây nữa đâu. Người em họ của hẳn hiện đang làm việc ở chỗ tôi. Biết đâu anh ta có thể mách cho ông biết địa chỉ của Bep-pô.

- "Không, không !" Holmes kêu to lên, "ông đừng nói gì với em của hẳn cả. Tôi xin ông đừng nói gì ! Trong sổ bán hàng của ông có ghi rằng ông bán những bức tượng đó vào ngày 3 tháng 6 năm ngoái. Ông có thể cho chúng tôi biết ngày Bep-pô bị bắt được không?".

- "Tôi có thể tính ra gần đúng dựa theo sổ lương". Ông chủ xưởng đáp lại. "Đúng". Ông lại lên tiếng sau một hồi lật tìm trong mớ giấy tờ. "Tiền công cuối cùng đã trả dứt cho hẳn vào ngày 22 tháng 5".

- “Cám ơn ông”, Holmes nói. “Tôi không dám làm mất thời giờ và lạm dụng lòng kiên nhẫn của ông nữa”.

Sau khi dặn dò người chủ xưởng chó có kể lại cho biết câu chuyện vừa rồi, chúng tôi rời xưởng.

Quá trưa, chúng tôi mới kịp ăn vội bữa sáng ở một khách sạn. Bên cửa vào khách sạn có quầy bán báo. Trên tấm biển chuyên thông báo những tin tức cuối cùng, có một dòng chữ to : *“Tội ác ở Kengsington. Tên giết người điên rồ”*. Vừa nhìn vào tờ báo, chúng tôi biết ngay là ông Hác-cơ đã cho tin được bài báo của ông. Holmes vừa ăn vừa đọc. Vài lần anh phì cười.

- Anh Watson . Tôi đọc cho anh nghe nhé ! *“Đối với sự việc này, không thể có những quan điểm khác nhau ; bởi lẽ ông Lê-tra, một trong những vị cảnh sát giàu kinh nghiệm nhất ; và ông Sherlock Holmes, một cố vấn và chuyên gia nổi tiếng, đều thống nhất một điểm rằng cả chuỗi sự kiện kỳ quái đã nói lên chứng bệnh cuồng chữ không phải là tội lỗi. Những sự việc chúng tôi đã kể lại không ý giải bần; gì khác, ngoài bệnh điên rồ”*. Anh Watson , báo chí thực ích, nếu ta biết sử dụng nó. Còn bây giờ, chúng ta quay về Kengsington để xem chủ hiệu “Anh em nhà Hác-đi” kể lại cho chúng ta được những gì.

Chủ hãng buôn lớn này là một người khéo léo, hiểu động, nhanh nhẹn, khôn ngoan và lắm lời.

- Thưa ngài, tôi đã biết chuyện này qua các báo buổi chiều. Ông Hác-cơ là khách hàng thường xuyên của chúng tôi. Chúng tôi bán ba bức tượng đó cách mấy tháng. Ba bức tượng như thế chúng tôi mua tại hãng của ông Gen-đơ. Đã bán hết cả rồi. Cho ai ư? Để tôi xem sổ bán hàng và trả lời ngay. Đúng, trong này có ghi đầy đủ. Một bức tượng bán cho ông Hác-cơ, một bức tượng cho ông Jô-si nhà ở Chiswich, thung lũng Laburnum, còn bức tượng thứ ba bán cho ông San-đê ở đường Lower Grove.

Trong khi ông Hác-đi nói. Holmes ghi chép gì đó, nét mặt anh lộ vẻ hài lòng đặc biệt. Tuy vậy anh không giải thích gì cho tôi mà chỉ nói rằng chúng tôi phải đi nhanh, kẻo Lê-tra đang đợi. Quả thực, khi chúng tôi về đến đường Baker thì nhà thám tử đang đợi chúng tôi. Qua nét mặt quan trọng của ông, tôi có thể đoán ra ngay là ông ta đây phấn khởi lắm :

- Công việc thế nào rồi, ông Holmes?

- Chúng tôi đã gặp chủ của hai cửa hiệu và chủ xưởng điêu khắc. Tôi đã điều tra số phận của từng bức tượng từ lúc nó mới ra đời.

- Số phận của từng bức tượng ! Thôi được, thôi được, ông Holmes, mỗi người có phương pháp riêng mà, song tôi cảm thấy rằng ngày hôm qua, tôi đạt được nhiều hơn ông. Tôi đã biết kẻ bị nạn rồi.

- Ông nói gì thế !

- Và đã tìm ra nguyên nhân của tội ác.

- Tuyệt quá !

- Chúng tôi có một chuyên gia về các khu người Ý. Trên cổ người bị giết có cây Thánh giá. Ngoài ra, màu da ngăm ngăm của hắn làm ta suy ra rằng hắn là người phương nam. Ông thanh tra Hill đã nhận ra hắn ngay lập tức, hắn là Pi-ê-trô, quê ở thành phố Naples, là một trong những tên cướp kinh khủng nhất ở Luân Đôn. Kẻ giết hắn có lẽ cũng là người Ý, Pi-ê-trô sẵn tay này. Hắn mang tấm ảnh trong túi để không giết nhầm một người nào khác. Hắn đánh hơi ra được địch thủ, khi thấy tên này lên vào nhà, hắn đứng đợi cho đến lúc tên này ra thì xông vào. Trong cuộc ẩu đả đó, hắn bị toi mạng...

Holmes nồng nhiệt bắt tay viên mật thám.

- Tuyệt, ông Lê-tra thật là tuyệt ! Nhưng tôi chưa rõ ông sẽ lý giải như thế nào việc hủy diệt các bức tượng.

- Lại các bức tượng ! Những bức tượng đó chỉ là chuyện vớ vẩn. Một vụ trộm nhỏ mà có kết án nặng nhất cũng chỉ

sáu tháng tù là cùng. Còn vụ giết người mới là vụ đáng lưu tâm.

- Ông định xử lý tiếp như thế nào?

- Tôi và Hill cùng đến khu dân cư người Ý, chúng tôi sẽ tìm ra người trong ảnh nọ, và tôi sẽ bắt nó vì tội giết người. Ông đi cùng chúng tôi chứ?

- Tôi nghĩ rằng chúng ta đạt kết quả dễ dàng hơn nhiều. Tôi chưa dám nói chắc chắn, bởi lẽ điều này còn lệ thuộc... Tóm lại còn lệ thuộc vào một điều kiện không thuộc quyền lực của chúng tôi. Vậy tôi hy vọng, nếu đêm nay ông đi cùng với tôi thì chúng ta sẽ tóm được nó.

- Ở khu dân Ý ư?

- Không. Theo tôi, tìm bắt nó ở Chiswick là chắc hơn cả. Ông Lê-tra, nếu đêm nay ông đi cùng với tôi tới Chiswich thì ngày mai tôi sẽ đi cùng với ông đến khu dân Ý. Còn bây giờ phải ngả lưng một chút, bởi lẽ không việc gì phải xuất phát trước 11 giờ. Mời ông dùng bữa với chúng tôi, rồi hãy nghỉ trên chiếc đi-văng này. Phiên anh Watson bấm chuông gọi hộ người đưa thư. Tôi phải gửi gấp một bức thư.

Suốt buổi tối, Holmes lục tìm trong những đồng báo cũ chất đầy trong một phòng xép của chúng tôi. Cuối cùng anh bước ra khỏi phòng xép, ánh mắt đầy vẻ hân hoan. Tôi nắm rõ phương pháp điều tra của bạn tôi đến mức chưa cần hiểu hết ý đồ của anh mà tôi đã đoán được anh định tóm cổ tên tội phạm bằng cách gì. Tên tội phạm kỳ quái này bây giờ định diệt nốt hai bức tượng còn lại ; trong số đó, tôi nhớ có một bức hiện đang ở Chiswich. Không nghi ngờ gì nữa, mục đích chuyến đi ban đêm của chúng tôi là bắt quả tang tên tội phạm đó. Tôi không thể không khâm phục trò ranh mãnh của Holmes đã có dụng ý cấp cho tờ báo buổi chiều những - điều - phỏng - đoán - giả nhằm làm cho tên tội phạm tin rằng hẳn có thể hành động không phải liều lĩnh tí nào. Tối cũng chẳng ngạc nhiên khi Holmes bảo mang súng ngắn theo còn anh thì cầm chiếc roi da săn thú có đúc chì ở tay cầm.

Vào lúc mười một giờ. Chúng tôi qua cầu Hammersmith sang bờ bên kia của sông Thames. Người đánh xe được lệnh chờ tại đây. Chúng tôi đi bộ và một lúc sau đến con đường vắng vẻ, hai bên là những ngôi nhà xinh xắn. Nhà nào cũng có một vườn nhỏ. Nhờ ánh sáng ngọn đèn đường, chúng tôi đọc được dòng chữ trên cổng một ngôi nhà : "biệt thự Laburnum". Người nhà chắc đã đi ngủ, chiếc cửa sổ tròn phía trên cửa ra vào phát ra ánh sáng mờ nhạt in thành vệt sáng trên lối đi trong vườn. Chúng tôi đi qua cổng và nấp vào bóng tối dày đặc bên bờ rào bằng cây ngăn khu vườn với đường cái.

Bất thình lình cánh cửa vườn mở toang và một bóng đen nhanh nhẹn chạy vụt ra, theo lối đi trong vườn, và mất hút vào màn đêm đen. Rồi bốn bề im ắng khá lâu, chúng tôi vẫn đứng nín thở. Cuối cùng chúng tôi thoáng nghe có tiếng cọt kẹt nhẹ nhàng, đó là tiếng cửa sổ mở. Sau đó lại lặng như tờ. Tên tội phạm đi lượn trong nhà. Bỗng, chúng tôi thấy trong phòng lóe lên ánh sáng đèn của hần. Vật hần tim chắc không có ở đó, bởi vì một phút sau, vệt sáng đã chuyển sang phòng khác.

- Chúng ta tiến đến cửa sổ đã mở đi ! Chúng ta sẽ tóm lấy hần khi hần nhảy xuống, - Lê-tra nói thật nhỏ.

Nhưng tên tội phạm nhảy ra khỏi cửa sổ trước khi chúng tôi kịp chuyển chỗ. Hần dừng lại chỗ có ánh đèn, dưới nách cấp một vật màu trắng, rồi hần lăm lét nhìn quanh. Đường phố vắng lặng làm cho hần yên tâm. Hần đứng quay lưng về phía chúng tôi, đặt vật nặng xuống đất. Giây lát sau, chúng tôi nghe có tiếng đập mạnh, sau đó là tiếng đập liên hồi và tiếng mảnh vỡ lạo xạo. Hần mãi mê với công việc đó đến nỗi không nghe thấy tiếng chân rón rén của chúng tôi. Như một con hổ, Holmes nhảy phốc lên lưng hần, còn tôi và Lê-tra vịn tay hần và còng quay lại. Khi hần ngoảnh lại, tôi nhận ra đó chính là người trong ảnh.

Nhưng Holmes không chú ý đến tên bị bắt. Anh xem xét hết sức kỹ lưỡng vật mà tên đó vừa mang từ trong nhà ra.

Đó là bức tượng bán thân Napoléon giống hệt bức tượng chúng tôi đã thấy sáng nay. Holmes cầm từng mảnh vỡ soi dưới ánh đèn, không bỏ sót mảnh nào, những mảnh vỡ chẳng có gì khác so với những mẫu thạch cao bất kỳ nào khác. Anh vừa kết thúc việc xem xét thì cánh cửa mở toang và chủ nhà bước ra.

- Nếu tôi không nhầm thì ông là Jô-si? - Holmes cất tiếng hỏi.

- Vâng, thưa ông. Còn ông chắc là Sherlock Holmes? Sau khi nhận được thư ông, tôi đã làm như lời ông dặn. Chúng tôi đóng hết cửa và chờ xem sẽ xảy ra điều gì. Tôi vui mừng thấy tên vô lại đã bị bắt. Xin mời các vị vào nhà uống ly rượu trước khi đi.

Nhưng Lê-tra muốn nhanh chóng đưa tên bị bắt đến chỗ an toàn.

Tại đồn, cảnh sát đã khám kỹ người hấn nhưng chúng tôi không tìm ra được gì, ngoài mấy đồng Shilling và một con dao găm dài, trên chuôi dao còn thấy rõ những vết máu.

- "Mọi việc tốt đẹp cả", Lê-tra nói khi chia tay với chúng tôi. "Ông Hill biết mặt những tên này và sẽ xác minh xem hấn là ai. Thưa ông Holmes, tôi rất cảm ơn ông. Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa hiểu rõ làm sao ông nghĩ ra chuyện này được".

- Nửa đêm khuya khoát như thế này mà giải thích cặn kẽ là một điều không nên. Độ sáu giờ chiều mai, nếu ông đến nhà, tôi sẽ chứng minh cho ông thấy rằng đến tận bây giờ chúng ta vẫn chưa hiểu ý nghĩa của công việc độc đáo này.

Đến thăm chúng tôi vào chiều hôm sau, Lê-tra thông báo cho chúng tôi những điều đã xác minh về tên bị bắt. Không biết họ hấn là gì, nhưng tên hấn là Bep-pô. Đó là một kẻ du đảng bạt tử nhất trong cả hội kiều dân Ý. Có thời kỳ hấn từng là một thợ điêu khắc khéo tay, nhưng về sau sa đọa và đã hai lần ngồi tù : lần đầu vì một vụ trộm nhỏ, lần sau do hấn làm bị thương một người đồng hương của hấn. Đến tận lúc đó vẫn

không xác định được việc hấn đập các bức tượng nhằm mục đích gì, còn hấn thì vẫn khăng khăng không chịu trả lời. Nhưng cảnh sát đã xác định được rằng chính hấn cũng biết nạn tượng và hấn đã nạn tượng hồi làm việc tại xưởng điêu khắc Hen-đơ.

Mặc dù chúng tôi đã nắm được phần lớn những tin tức đó, nhưng Holmes vẫn lắng nghe với một vẻ chăm chú lịch sự. Bỗng anh bật dậy khỏi chiếc ghế, đôi mắt sáng long lanh. Có tiếng chuông cửa. Một phút sau, chúng tôi nghe tiếng bước chân và một người đàn ông đứng tuổi có bộ râu quai nón bước vào phòng. Tay phải ông cầm một chiếc va-li cũ rích. Ông bước vào và đặt nó lên bàn.

- Tôi xin gặp ông Sherlock Holmes?

Holmes cúi chào, gương mặt rạng rỡ, nói :

- Ông là ông San-đê ở đường Lower Grove, nếu tôi không nhầm?

- Vâng, thưa ông. Xin lỗi đã đến muộn. Ông viết thư hỏi tôi về bức tượng bán thân hiện có ở nhà tôi.

- Quả đúng như vậy.

- Tôi có cầm theo thư ông đây. Ông sẵn sàng trả mười đồng bảng để mua lại bức tượng hiện ở nhà tôi. Có đúng như vậy không?

- Chính thế.

- Bức thư của ông làm tôi ngạc nhiên. Vì sao ông biết tôi có bức tượng này.

- Ông chủ hiệu buôn "anh em nhà Hác-đi" cho tôi biết địa chỉ của ông.

- Tôi hiểu, ông ấy có cho ông biết tôi mua bức tượng với giá bao nhiêu không?

- Ông ấy không nói.

- Tôi mua bức tượng này với giá 15 shilling và bán lại cho ông với giá 10 đồng bảng Anh.

- Chính tôi đặt ra cái giá đó và không hề có ý định thay đổi nó.

- Ông thật là hào hiệp, tôi có mang theo bức tượng. Nó đây này.

Ông ta mở chiếc va-li và chúng tôi thấy một bức tượng bán thân hoàn toàn còn nguyên vẹn. Holmes rút trong túi ra một tờ giấy và đặt lên bàn tờ ngân phiếu giá trị mười bảng.

- Ông San-dê, ông làm ơn ký vào tờ giấy này trước sự có mặt của các vị đây. Trong giấy ghi rằng ông nhượng lại cho tôi mọi quyền sử dụng bức tượng này. Cảm ơn ông. Tiền của ông đây. Chúc ông mọi sự may mắn.

Khi vị khách đã đi khỏi, Holmes lấy trong chiếc tủ ngăn kéo ra một chiếc khăn trắng trải lên bàn, đặt bức tượng vào giữa khăn. Sau đó anh dùng roi đập vỡ bức tượng và xem kỹ từng mảnh vỡ. Cuối cùng anh hân hoan đưa cho chúng tôi mảnh vỡ trong đó có một vật tròn màu tối trông giống quả nho khô.

- Thưa các vị. Xin phép trình các vị viên ngọc đen nổi tiếng của gia tộc Borgia.

Tôi và Lê-tra đứng lặng. Sau đó, chúng tôi bắt đầu vỗ tay. Đôi má của Holmes ửng hồng lên và anh cúi đầu chào chúng tôi y hệt nhà soạn kịch được khán giả vỗ tay nhiệt liệt mời lên sân khấu.

- “Đúng, thưa các vị, bằng phương pháp suy diễn, tôi đã điều tra ra số phận của viên ngọc từ khi nó mất tích tại phòng ngủ của công tước Colona cho đến lúc nó chui vào bên trong bức tượng Napoléon bán thân này.

“Ông Lê-tra, vụ mất viên đá quý này đã làm xôn xao dư luận và cảnh sát Luân Đôn đã cố công tìm kiếm nhưng vô hiệu. Cảnh sát đã đến nhờ tôi, song tôi cũng bất lực. Người ta nghi cho cô hầu người Ý của công tước phu nhân. Cô gái này có một người anh ruột ở Luân Đôn nhưng ta không tìm

ra được mối liên hệ của họ. Tên cô hầu là Vê-nu, tôi tin chắc rằng Pi-ê-trô (kẻ bị giết hai hôm trước) chính là anh của cô ta. Tôi đã xem lại các số báo cũ và thấy rằng viên ngọc bị mất hai ngày trước khi Bep-pô bị bắt. Còn Bep-pô thì bị bắt tại xưởng điêu khắc của Hen-đơ đúng vào thời gian ở đó đang tạo những bức tượng bán thân họ.

“Lúc bấy giờ Bep-pô đang giữ viên ngọc ở trong người. Có thể hắn lấy trộm ở Pi-ê-trô hoặc có thể chính hắn là kẻ tòng phạm với Pi-ê-trô, cũng có thể hắn là người trung gian giữa Pi-ê-trô và cô em gái.

“Hắn chạy vào xưởng điêu khắc, nơi hắn làm việc. Hắn biết hắn chỉ còn có vài phút để cất giấu viên ngọc trước khi cảnh sát khám xét hắn. Lúc đó 6 bức tượng Napoléon bán thân bằng thạch cao đang phơi ở hành lang, trong đó có một bức còn rất mềm. Trong chớp nhoáng, Bep-pô ấn tay vào bức tượng thạch cao còn ướt để có một lỗ thủng rồi ấn ngay viên ngọc vào đó, và trám lại, làm cho bức tượng giữ nguyên hình thù như trước. Đó chính là một nơi cất giấu tuyệt vời. Nhưng Bep-pô bị kết án một năm tù và trong thời gian đó, cả 6 bức tượng đã bán đi khắp Luân Đôn. Hắn không thể biết viên ngọc nằm trong bức tượng nào. Chỉ còn cách đập vỡ hết các bức tượng ra.

“Hắn ráo riết tìm. Qua người em họ làm công cho Hen-đơ, hắn biết những bức tượng kia đã bán cho các hãng nào. Hắn may mắn tìm được việc làm ở nhà Hốt-xơn và hắn điều tra được 3 bức tượng. Trong 3 bức tượng này không có viên ngọc. Nhờ những người đồng hương, hắn đánh hơi ra nốt 3 bức tượng còn lại đang ở đâu. Một bức ở nhà ông Hác-cơ. Nhưng tại đây, tên tòng phạm vốn coi hắn là kẻ làm mất viên ngọc đã tìm thấy hắn và đã xảy ra một cuộc ẩu đả”.

- Nếu Pi-ê-trô đồng lõa với hắn, có sao tên này lại mang theo tấm ảnh của hắn? - Tôi hỏi.

- "Để có thể hỏi những người khác về hấn. Tóm lại, tôi đi đến kết luận rằng sau khi gây án mạng, Bep-pô không những không trì hoãn, ngược lại, hấn càng gấp rút tìm kiếm. Tất nhiên, tôi không dám khẳng định hấn vẫn chưa tìm ra viên ngọc trong bức tượng ở nhà Hác-cơ. Thậm chí tôi vẫn chưa biết chắc chắn đó chính là viên ngọc. Nhưng tôi thấy rõ là hấn tìm một cái gì đó, bởi lẽ hấn đập vỡ các bức tượng chỉ ở những nơi có ánh đèn. Bức tượng ở nhà Hác-cơ là một trong số ba bức cuối cùng, và như vậy còn lại hai bức và hấn sẽ bắt đầu từ bức tượng ở Luân Đôn. Tôi đã báo trước cho chủ nhà để tránh tấn thảm kịch thứ hai. Đến lúc đó, tôi mới biết chắc là chúng ta đang săn đuổi viên ngọc Borgia. Tên của kẻ bị giết đã nói mọi sự việc về một mối. *Chỉ còn lại một bức tượng của ông San-đê và viên ngọc chỉ có thể ở trong đó. Tôi đã mua lại bức tượng đó trước sự có mặt của các ông*".

Chúng tôi đứng lặng một lúc.

- "Đúng vậy". Lê-tra lên tiếng. "Đã nhiều lần tôi được chứng kiến tài năng kỳ lạ của ông, ông Holmes".

- "Cám ơn!". Holmes đáp lại. "Xin cám ơn".

Cái kính kẹp mũi bằng vàng

Những ngày cuối tháng mười một năm 1894. Buổi tối thật buồn. Holmes đang dùng kính lúp để cố đọc những gì còn sót lại của một câu văn viết trên da cừu, trong lúc tôi say mê đọc một cuốn chuyên luận về phẫu thuật. Bên ngoài gió gào rú, mưa đông mạnh. Tôi tới bên cửa sổ nhìn xuống đường phố vắng tanh. Những ngọn đèn đường chiếu sáng một mặt đường bùn lầy. Một chiếc xe ngựa chạy tới, làm nước văng tung tóe. Holmes đặt kính lúp xuống và gấp mảnh da cừu lại :

- Thật may mắn là bọn mình không phải đi ra ngoài. Tôi đã ngán cái trò tìm đoán này : thật tội nghiệp cho đôi mắt !
Ồ, có chuyện gì thế?

Nổi bật trên tiếng gió vù vù, tiếng móng ngựa đập đồm độp dọc theo nhà rồi tiếng bánh xe ngừng lại, kêu cọt kẹt khi cọ vào vỉa hè. Chiếc xe ngựa đậu lại trước nhà chúng tôi.

- Ông này muốn gì đây? - Tôi kêu lên khi thấy một người đàn ông từ trên xe bước xuống.

- Muốn gì à? Người đó muốn chúng ta ! Và chúng ta, chúng ta muốn những cái áo choàng ngoài, những khăn choàng cổ, những đôi giày cao su và tất cả những gì mà loài người đã phát minh ra để tự bảo vệ trước thời tiết xấu. Hãy chạy xuống dưới, và mở cửa ra mau, bởi vì vào giờ này tất cả những người có đạo đức đều đi ngủ cả rồi !

Khi ánh sáng ngọn đèn trong gian tiền sảnh chiếu rõ người khách, tôi nhận ra ngay đó là Hốp-kin, một thanh tra trẻ tuổi.

- Ông ấy có nhà không? - Anh ta ném cho tôi câu hỏi khi đi ngang qua.

- "Hãy lên đi" ! Holmes trả lời từ phía trên. "Chắc đêm nay ông không áp ủ những ý đồ đen tối chống lại chúng tôi?"

Viên thanh tra leo vọt lên cầu thang, từng bốn bậc một. Nước trên áo mưa của ông chảy rờn rờn. Tôi giúp ông cởi nó ra, trong lúc Holmes cời cao ngọn lửa.

- Hãy đến gần ngọn lửa mà sưởi ấm đôi chân. Đây là một điều xi-gà. Ông bác sĩ sẽ sẵn lòng thực hiện một ly thuốc, trong có nước sôi và một trái chanh. Có chuyện gì quan trọng lắm nên luồng gió độc địa này mới thổi anh tới đây !

- Ông đã đọc tin giờ chót của các báo chưa? Về vụ án Yoxley đó mà.

- Anh nói đi !

- Được. Đó là bản tin vắn, đầy rẫy những sai lầm. Chuyện đó xảy ra trong vùng Kent, cách Chatham 10 cây số và cách đường xe lửa 5 cây số. Người ta báo cho tôi bằng điện tín vào lúc 3 giờ 45, tôi tới Yoxley Old Place vào hồi 5 giờ, tôi đã mở cuộc điều tra, rồi quay trở về công trường Charing bằng chuyến xe lửa chót và lao thẳng tới đây.

- Vậy là anh chưa thấy rõ vụ này? - Holmes hỏi.

- Đây là vụ rối rắm nhất trong tất cả những vụ mà tôi đã đảm trách. Không có động cơ gây ra tội ác ; có người bị chết, nhưng không sao hiểu được tại sao có người muốn giết anh ta.

Holmes mời một điều xi-gà và ngồi nép vào trong ghế bành.

- Chúng tôi nghe anh đây.

- Cách đây vài năm, một người đứng tuổi, giáo cư Coram đến mua một căn nhà ở vùng quê Yoxley Old Place. Ông ta đau ốm, tàn tật, phân nửa thời gian nằm liệt trên giường, phân nửa thời gian chống gậy đi quanh nhà. Ông được láng giềng

yêu quý. Họ thường tới thăm ông và coi ông như một nhà thông thái. Đám gia nhân gồm có người gác cổng lớn tuổi. Bà Mác-kê, và bà hầu phòng Su-san. Đó là hai phụ nữ trung hậu. Ông giáo sư khởi công viết một cuốn sách. Năm vừa qua, ông mượn một thư ký. Hai người đầu không làm được việc, người thứ ba là một thanh niên tốt nghiệp đại học, đã đáp ứng được những mong muốn của giáo sư. Mỗi sáng, anh ghi chép những gì ông chủ đọc ; và buổi chiều, anh đọc kỹ những câu trích dẫn có quan hệ với công việc ngày hôm sau. Không thể nào tìm ra được một điều gì đó chống lại anh chàng Vi-lu này, hoặc là lúc anh ta hãy còn nhỏ, hoặc là lúc anh ta theo học ở đại học. Tôi đã xem các bằng cấp và những lá thư tiến cử. Anh ta luôn luôn là người trầm tĩnh, siêng năng, thật thà và đứng đắn. Ấy thế mà anh đã bị giết sáng nay trong văn phòng của giáo sư và những tình huống đã chỉ dẫn một cách dứt khoát rằng đây là một vụ ám sát.

Gió vẫn gào thét bên cửa sổ. Chúng tôi ngồi sát gần ngọn lửa, trong lúc viên thanh tra khai triển câu chuyện.

- Trong khắp nước Anh, chúng ta sẽ không gặp một ngôi nhà nào thu mình và thoát ra khỏi những ảnh hưởng bên ngoài như căn nhà đó. Nhiều tuần lễ đã trôi qua mà không một người lạ nào vượt qua hàng rào sắt quanh nhà. Ông giáo sư bị cuốn hút vào trong công việc. Chàng thanh niên không quen biết ai trong lối xóm, nghĩa là anh ta sống y như ông chủ anh. Hai người đàn bà không bị một mối liên hệ nào lôi họ ra khỏi nhà. Người làm vườn là một quân nhân về hưu. Ông ta không ở trong nhà, nhưng sống trong một biệt thự nhỏ ba gian ở đầu đằng kia khu vườn.

Bà Su-san khai rằng, sáng nay, trong khoảng từ 11 đến 12 giờ. Bà đang treo những tấm ri-đô trong căn phòng ở trên cao, mé trước nhà. Giáo sư còn ngủ. Bà Mác-kê thì đang bận rộn tận cuối căn nhà. Vi-lu đã đi tới phòng ngủ mà anh dùng như là văn phòng riêng. Nhưng bà Su-san lại nghe tiếng bước

chân anh đi ra, bước dọc theo hành lang và đi xuống văn phòng ở ngay mé dưới, nơi bà đang làm việc. Bà không trông thấy anh, không nghe thấy tiếng cánh cửa văn phòng đóng lại, nhưng ít lâu sau, một tiếng kêu kinh hoàng đã vang lên trong căn phòng phía dưới. Một tiếng thét chói tai và quá khác thường khiến cho bà không phân biệt được là tiếng của một người đàn ông hay đàn bà. Cùng lúc đó có tiếng té ngã vang lên, làm rung chuyển cả ngôi nhà rồi sau đó, hoàn toàn im lặng. Bà Su-san sống người, nhưng sau đó bà lấy lại can đảm và chạy xuống nhà dưới. Cánh cửa văn phòng đóng kín. Bà mở ra, ông Vi-lu nằm sòng sượt dưới đất. Thoạt tiên bà không thấy một vết thương nào ; nhưng khi bà thử đỡ ông lên thì có máu chảy ở dưới cổ. Vết thương thật nhỏ nhưng cái động mạch nhánh đã bị cắt đứt. Hung khí là một con dao nhíp loại nhỏ, dùng để cắt xi gấn niêm phong, một loại dùi mà thỉnh thoảng người ta còn bắt gặp trong những căn phòng cổ xưa, có cán bằng nà và một cái lưỡi bén. Nó là một trong những vật dụng văn phòng của giáo sư.

“Thoạt đầu bà Su-san tưởng Vi-lu đã chết, nhưng khi bà lấy nước trong một cái bình rưới lên đầu anh thì anh mở mắt ra ; anh thì thào :

- *Giáo sư ! Chính là bà ta đó ! Xong, anh chết.*

“Bà hầu phòng quả quyết rằng *chính hai lỗ tai bà nghe rõ câu nói đó.*

“Giữa lúc ấy, bà Mác-kê cũng tới nơi xảy ra tội ác. Bà này đã để bà Su-san ở lại bên cạnh xác chết và bà vội vàng chạy lên phòng ông chủ để báo tin. Ông giáo sư đang ở trong phòng, ngồi dậy, bị dao động một cách khủng khiếp. Bà Mác-kê làm chứng rằng giáo sư vẫn còn mặc quần áo ngủ và ông không thể mặc quần áo được, nếu không có sự phụ giúp của người làm vườn. Ông giáo sư khai rằng ông đã nghe thấy tiếng kêu, nhưng ông không biết gì khác. Ông không thể nào giải thích được những lời nói sau cùng của người thư ký trẻ : *“Giáo sư !*

Chính là bà ta đó !" Ông cho rằng đó là do tác dụng của sự mê sảng. Ông tin rằng chàng thanh niên không có kẻ thù nào. Giáo sư phái người làm vườn đi trình cảnh sát địa phương. Một lát sau, viên cảnh sát trưởng đã triệu tôi tới. Không có cái gì bị dời chỗ. Những mệnh lệnh nghiêm ngặt đã được ban ra để không cho một ai đi lại trên những lối đi trong vườn dẫn tới nhà. Thưa ông Holmes, đây là cơ hội mơ ước để ông đem ứng dụng những lý thuyết của ông, nó tuyệt đối không thiếu một thứ gì..."

- Chỉ thiếu có ông Sherlock Holmes", bạn tôi nói trong một nụ cười gần có phần chua chát. "Được, chúng tôi xin nghe phần tiếp theo. Vậy anh đã làm gì?"

- Trước hết, tôi mong ông liếc qua cái sơ đồ này.

Anh ta mở bản phác họa và trải nó ra trên đầu gối Holmes. Tôi đứng lên và quan sát nó qua vai bạn tôi.

- "Nó rất sơ sài. Sau này ông sẽ tự mắt quan sát phần còn lại. Giờ đây, điểm thứ nhất : *Nếu kẻ sát nhân đã vào trong nhà, thì y đi qua lối nào?* Chắc là đi qua lối vào trong vườn (A) và qua cánh cửa dành cho người giúp việc (B). Từ đó đi thẳng tới văn phòng (C). Tất cả mọi ngã đường khác đều đưa ra những khó khăn lớn. Lối y bỏ trốn cũng được thực hiện qua ngã đó, bởi vì trên hai lối ra khác của căn phòng, một bị chặn bởi Su-san đang chạy tới (D) và lối kia dẫn thẳng vào phòng của giáo sư (E). Vậy là tôi chú tâm vào lối đi trong vườn, bị làm nháo bởi một cơn mưa.

"Tôi không tìm thấy một dấu chân nào trên lối đi. Ngược lại, có ai đó đã men theo lối đi bằng cách bước trên cỏ khiến cho không để lại những dấu vết. Tôi đã không thể tìm ra một dấu chân rõ ràng nào, nhưng cỏ bị rạp xuống : hẳn là cỏ bị bàn chân của kẻ sát nhân đạp lên, bởi vì người làm vườn cũng như hai bà già kia, không ai đi dạo trong vườn vào buổi sáng và còn ban đêm thì trời đã đổ mưa".

- Lối đi này dẫn tới đâu? - Holmes hỏi.
- Tới con đường.
- Chiều dài là bao nhiêu?
- Gần một trăm mét.
- Ở cái chỗ mà lối đi đụng vào hàng rào, ắt hẳn anh đã thu thập được những dấu vết?
- Ở đó, lối đi lại được lát đá.
- Thế còn trên con đường, phía bên kia hàng rào?
- Đúng là một vũng bùn.
- Tốt. Hãy trở lại với những dấu vết trên cỏ : chúng đi về hướng nào?
- Không thể nói được. Không có những đường viên.
- Một bàn chân lớn hay một bàn chân nhỏ?
- Không thể nào xác định được ! Holmes thở dài, mất kiên nhẫn :

- Vấn đề này còn khó hiểu hơn là đọc trên miếng da cừu. Thế rồi, anh đã làm gì?

- "Tôi biết chắc là có một ai đó từ bên ngoài đã vào trong nhà. Sau đó tôi quan sát cái hành lang (F) có lót một tấm chiếu đan bằng sợi dừa : không một dấu vết nào. Cuộc khám xét đó đã đưa tôi vào ngay trong căn phòng. Đồ đạc chính là một cái bàn lớn đặt trên hai chõng ngăn kéo được nối liền với nhau bằng một thứ như tủ buýp-phê. Các ngăn kéo đều mở, cái tủ buýp-phê bị khóa. Dường như những ngăn kéo không bao giờ đóng lại và chúng không chứa những đồ vật đáng giá nào. Trong tủ buýp-phê có vài tờ giấy quan trọng, nhưng dường như người ta đã không đụng tới và ông giáo sư khai với tôi là không một giấy tờ nào bị mất cả. Chắc chắn là không có vụ trộm nào xảy ra.

"Thi hài của chàng trai gần bên cái tủ. Vết thương ở bên tay mặt cần cổ và trở từ sau ra trước ; khó mà kết luận rằng đây là một vụ tự tử".

- Ngoài trừ trường hợp mà anh ta bị té xuống trúng con dao. - Holmes nói.

- Rất đúng. Nhưng chúng tôi lại tìm thấy con dao ở cách thi hài khá xa, vậy là giả thiết đó không đúng vững. Và lại còn có những lời trời trắng của nạn nhân. Và sau chót, đây là vật bằng chứng rất quan trọng mà người chết đã nắm chặt trong bàn tay phải co quắp lại.

Hộp-kin rút từ trong túi ra một cái hộp nhỏ. Ông mở rộng tờ giấy và trưng ra một cái kính kẹp mũi bằng vàng với hai mấu dây bằng lụa đen đang đóng đưa. Ông nói thêm :

- Vi-lu có một thị lực hoàn hảo ! *Vậy cái kính kẹp mũi này đã được giật ra từ trên mặt hoặc trên người của kẻ sát nhân.*

Holmes cầm lấy và quan sát nó với thật nhiều chú tâm. Anh đặt kính lên mũi, thử đọc, đi tới bên cửa sổ và nhìn xuống đường phố, đoạn anh gỡ nó ra và đặt dưới ánh đèn. Sau cùng, anh bật ra một tiếng cười nhỏ, đến ngồi vào bàn và viết vài hàng trên một tờ giấy rồi đưa cho Hộp-kin.

- Đây là cái mà tôi có thể làm cho anh. Chúng ta sẽ thấy là nó có ích hay không.

Viên thanh tra ngạc nhiên, cất cao giọng, đọc tờ giấy :

"Người ta tìm kiếm một bà có dáng vẻ lịch thiệp, ăn vận thanh lịch. Bà có một cái mũi dày một cách dị thường và hai mắt ở sát gần hai bên mũi. Bà có vàng trán nhăn, hai bờ vai đã còng. Chắc chắn là trong những tháng gần đây bà đã đến tiệm bán kính ít nhất hai lần. Vì những tiệm bán kính không nhiều lắm, ắt hẳn không khó khăn gì để tìm ra dấu vết của bà".

Holmes cười trước cái vẻ ngơ ngác của Hộp-kin. Anh nói :

- Cặp kiếng kẹp mũi rất dễ cho ta suy diễn. Về việc cái kính thuộc về một phụ nữ, tôi suy diễn từ sự mảnh dẻ của cái kính và từ những lời nói sau cùng của nạn nhân. Về điều đáng

về thanh tao và lịch thiệp : cái kính này làm bằng vàng, cho thấy chủ nó giàu sang, tất nhiên bà phải ăn mặc thanh lịch. Hai cái kẹp của kính quá rộng, chứng tỏ rằng cái mũi của bà này rất nở ở dưới đáy. Tôi có một khuôn mặt hẹp, dài, ấy thế mà tôi không thể nhìn vào chính giữa hoặc gần trung tâm những tròng mắt này. Vậy thì đôi mắt của bà ta được đặt sát bên sống mũi. Một phụ nữ mà thị lực đã bị suy giảm đến như thế suốt đời, thì chắc chắn có những nét đặc trưng về cơ thể hợp với thị lực đó, như là một vầng trán nhân, và những bờ vai bị còng.

- Đúng, tôi theo dõi rất sát những suy diễn của anh, ngoại trừ một điều : làm thế nào mà anh biết bà ta đã hai lần đi tới nhà bán dụng cụ quang học? - Tôi hỏi.

Holmes cầm cặp kính kẹp mũi trong bàn tay.

- Những cái kẹp được viền bằng những vòng nhỏ xiù bằng bần, ngổ hầu làm dịu sức ép trên mũi. Một trong những cái vòng đó bị phai màu và hơi cũ, nhưng cái kia thì mới. Vậy là một cái đã bị rớt và bà đã thay cái khác. Theo ý tôi, cái vòng cũ hơn cũng không lâu tới quá vài ba tháng. Và vì chúng giống y như nhau, tôi suy luận ra rằng bà đó đã trở lại lần thứ hai ở cùng một nhà bán dụng cụ quang học.

- "Ông thật tuyệt vời !" Hốp-kin kêu lên, miệng há hốc vì khâm phục. "Tôi có trong tay tất cả những sự hiển nhiên đó mà tôi chẳng hề suy luận ra một điều nào !".

- Bạn thân mến, bạn còn có điều gì khác để nói với chúng tôi không?

- Không. Ông cũng đã biết nhiều như tôi... và có thể còn nhiều hơn tôi nữa. Chúng tôi đã điều tra về sự có mặt có thể có của một người đàn ông hoặc một người đàn bà xa lạ ; hoặc ở trên con đường, hoặc ở tại nhà ga : không có kết quả. Điều làm tôi băn khoăn là sự thiếu những động cơ gây ra tội ác.

- À ! Chỗ đó, tôi không có khả năng giúp được anh ! Nhưng ngày mai, chúng ta gặp nhau tại hiện trường, được không?

- Ta tới Yoxley Old Place từ 8 đến 9 giờ.

- Chúng ta sẽ đáp chuyến tàu đó. Này, Hốp-kin, cũng gần một giờ sáng rồi. Cái trường kỷ kê trước lò sưởi thuộc quyền sử dụng của anh đó.

Sáng hôm sau chúng tôi xuống tàu ở một ga xép cách Chatham vài cây số. Thời gian thặng một con ngựa vào đôi cày xe độc mã đủ để chúng tôi nuốt một bữa điểm tâm xoàng xĩnh. Khi tới Yoxley Old Place chúng tôi làm việc ngay. Một cảnh sát viên đón chúng tôi ở hàng rào quanh vườn.

- Thế nào, có gì mới lạ không?

- Không, thưa ông.

- Người ta vẫn chưa báo gì về một người lạ trong xứ à?

- Không, thưa ông.

- Ở dưới ga, họ tin chắc là không có một người lạ nào đã tới hoặc đã đi.

- Anh đã điều tra trong các quán ăn và các nhà trọ?

- Tất cả mọi người đều theo đúng luật lệ với những lý do vắng mặt đều chấp nhận được và đã kiểm tra.

- Từ đây đi Chatham đường không xa lắm. Bất cứ ai cũng có thể xuống đó và đáp tàu mà chẳng bị ai để ý tới... Đây là lối đi trong vườn mà tôi đã nói với ông, thưa ông Holmes.

- Về phía nào có những dấu vết ở trên cỏ?

- Qua đây. Trong cái dải chật hẹp giữa lối đi và những khoảng đất trồng hoa trong vườn.

- Đúng, đúng ! Có một ai đó đã đi qua ngã này. Người đàn bà xa lạ của chúng ta hẳn đã bước đi rất thận trọng, bởi

vi trên phía này bà hằn để lại một dấu vết trên lối đi và trên phía bên kia một dấu vết còn rõ hơn nữa, trên khoảng đất trồng hoa thật mềm, phải không?

- Bà ta phải là một người điềm tinh một cách khác thường.

Bất thành linh Holmes tập trung tư tưởng.

- Anh nói là bà ta đã đi ra qua ngã này?

- Vâng, không có một lối đi nào khác.

- Trên cái dải cỏ này à?

- Chắc chắn rồi.

- Hừm ! Vậy đúng là một kỳ tích rất đáng chú ý... Rất đáng chú ý. Tốt thôi ! Chúng ta hãy đi xa hơn. Cái cánh cửa vườn này thường được mở rộng, tôi phỏng đoán thế? Vậy là bà khách chỉ có việc vào. Ý nghĩ về một vụ ám sát không có trong đầu bà ta ; nếu không, thì bà đã mang theo một vũ khí nào đó thay vì sử dụng con dao nhíp trên bàn giấy. Bà ta đã đi trong hành lang, không để lại dấu vết khi đi qua trên cái chiếu dệt bằng sợi dứa. Rồi thì bà ta tới trong văn phòng này... Bà ta đã ở nơi đây bao lâu?

- Chúng mười lăm phút thôi, mà Mác-kê ở trong nhà khẳng định như vậy.

- Người đàn bà xa lạ đi vào trong văn phòng này và làm gì? Bà ta đi tới cái tủ. Tại sao? Không phải để tìm một cái gì đó trong những ngăn kéo. Nếu trong ngăn kéo mà có một cái gì quan trọng thì ắt hẳn chúng đã được khoá lại. Không, bà ta đã tìm một cái gì đó trong cái tủ buýp-phê bằng gỗ này. Coi này, thế còn cái vết xước này, đây này. Anh Watson, hãy quẹt cho tôi một que điềm. Tại sao ông lại không nói với tôi về cái vết xước này, ông Hốp-kin?

Cái vết mà Holmes quan sát bắt đầu từ mặt đồng hồ bên mé phải ổ khóa và nó kéo dài trên một chục centimét trong gỗ mà nước véc-ni đã bị cào xước vào chỗ đó.

- Tôi đã thấy nó. Nhưng luôn luôn chúng ta thấy chung quanh một ổ khoá có những vết xước giống như vết này.

- Vết này hoàn toàn mới... Rất mới. Anh hãy nhìn xem chỗ bị cào xước nè, màu đồng mới bóng làm sao. Một vết xước cũ hẳn đã lấy lại màu của mặt ổ khóa. Hãy dùng kính lúp của tôi mà coi. Chúng ta nhận thấy lớp vec-ni ở chỗ này, giống như đất ở mỗi bên của một luống cây. Bà Mác-kê có ở đây không nhỉ?

Một bà đứng tuổi, có nét mặt ủ ê, bước vào.

- Sáng hôm qua bà có quét bụi cái bàn giấy này không?

- Có.

- Bà có để ý thấy cái vết xước này không?

- Không, tôi không thấy nó.

- Ai giữ chìa khóa tủ này?

- Ông giáo sư gắn nó trong sợi dây đeo đồng hồ của ông.

- Đó có phải là một cái chìa thông thường không?

- Không, chìa khóa hiệu Chubb.

- Tốt lắm, bà Mác-kê, bà có thể về đi. Thế là chúng ta đã tiến được chút đỉnh. Người nữ khách của chúng ta vào trong phòng, tiến lại gần bàn giấy, và mở ra hoặc thử tìm cách mở tủ ra. Trong lúc bà đang tiến hành thì anh chàng Vi-lu xuất hiện. Trong lúc vội vã rút cái chìa khóa ra, bà đã gây nên vết xước trên cánh cửa. Vi-lu tóm lấy bà, nhưng bà quơ lấy món đồ đầu tiên nằm trong tầm tay (tình cờ lại là con dao nhíp) và đâm vào anh để anh buông bà ra. Không ngờ cú đâm lại làm chết người. Vi-lu gục xuống và bà bỏ trốn : có thể bà đã lấy được món đồ hoặc chưa lấy được. Thế còn bà hầu phòng Su-san có ở đây không? Bà Su-san ơi, có thể nào có ai đó lại có thể ra khỏi cửa này sau khi bà đã nghe thấy tiếng kêu không?

- Không thể nào được. Khi họ xuống cầu thang, tôi ắt hẳn đã trông thấy ai đó trong hành lang. Hơn nữa, người ta đã không mở cửa ra, nếu mở cửa ra thì tôi đã nghe thấy rồi.

- Thế là giải quyết dứt một điểm. Không còn nghi ngờ chút nào về việc người đàn bà đó đã bỏ đi bằng cùng một con đường mà bà ta đã vào. Cánh cửa dẫn thẳng tới phòng của giáo sư à? Không có lối nào qua ngã phòng của giáo sư sao?

- Không, thưa ông.

- Vậy thì chúng ta hãy theo lối đó và tới làm quen với ông giáo sư. Ồ, Hốp-kin ! Đây là điều rất quan trọng : Hành lang dẫn vào phòng giáo sư cũng được trải chiếu đan bằng sợi dừa phải không?

- Phải, nhưng có gì là quan trọng.

- Tôi thấy chi tiết đó rất là gợi ý. Anh hãy vào và giới thiệu tôi.

Đằng cuối của dãy hành lang có vài bậc thềm dẫn đến một cánh cửa. Người hướng dẫn chúng tôi gõ cửa, rồi chúng tôi đẩy nhau vào trong phòng của ông giáo sư.

Đây là một căn phòng rất lớn, sách chất đầy trên các kệ và nằm chõng đống trong tất cả mọi xó góc, hoặc xếp chõng dưới những tầng giá dọc theo căn phòng. Cái giường kê chính giữa. Chủ nhà ngồi dựa lên những cái gối. Một bộ mặt trơ xương, nhìn nghiêng như chim đại bàng hướng về chúng tôi, cặp mắt đen sắc sảo nép mình trong những hốc mắt sâu và được che chở bởi đôi lông mày rậm sệ xuống. Mái tóc và bộ râu ông đều bạc phơ như tuyết; chỉ khác là râu chung quanh miệng bị vàng khè một cách kỳ lạ. Một điều thuốc lá đang tàn dần giữa cái mớ lông trắng đó và không khí trong phòng thật ngọt ngào vì khói thuốc. Ông chia một bàn tay ra bắt tay Holmes : những ngón tay ông cũng bám đầy chất nicôtin.

- “Ông hút thuốc chứ, thưa ông Holmes?” Ông nói bằng một thứ tiếng Anh không chệ vào đâu được dẫu rằng có ẩn tàng một âm tiết xa lạ. “Tôi xin mời ông hút một điếu. Còn ông, thưa ông? Thuốc hút và công việc, đó là tất cả những gì còn nơi tôi”.

Holmes đã mời điều thuốc và anh ném những tia nhìn lên qua khắp căn phòng.

- Thuốc hút và công việc của tôi, nhưng giờ đây chỉ còn lại có thuốc hút. Than ôi, sự đứt đoạn mới nguy hại làm sao? Nào ai có thể ngờ một tai họa như vậy? Một thanh niên xứng đáng được quý mến đến thế! Tôi đoán chắc với ông là chỉ sau vài tháng khỏi công, anh ấy đã trở thành một cộng sự viên đáng phục. Ông nghĩ sao về chuyện này, thưa ông Holmes?

- Tôi chưa nghĩ gì?

- Tôi sẽ mang ơn ông rất nhiều, nếu như ông làm sáng tỏ được vụ này. Với một người tàn phế ham chuộng sách như tôi, vụ này làm tôi bị tê liệt luôn: tôi tin rằng tôi đã bị mất ngay cả đến năng lực suy nghĩ. Nhưng ông là chuyên gia phá án những vụ bí mật. Ông có khả năng giữ được thế quân bình trong bất cứ tình huống nào. Chúng tôi thật may mắn có ông ở gần bên!

Trong lúc ông giáo sư nói, Holmes đi đi lại lại trong một phần căn phòng. Tôi nhận thấy anh hút thuốc nhanh chóng khác thường.

- "Đây là một vố quá nặng nề," ông nói tiếp. "Đây là tác phẩm lớn của đời tôi, cái chõng giấy mà ông trông thấy xếp trên mặt bàn kế đó, tôi đã phân tích những tài liệu tìm thấy trong các tu viện giáo phái Cophte ở Syrie và ở Ai Cập; tác phẩm của tôi sẽ làm đảo lộn các nền móng của tôn giáo đã được phát hiện. Giờ đây, xét vì sức khỏe suy nhược và sự mất mát người cộng sự, tôi tự hỏi không biết rồi ra tôi có thể hoàn tất được nó hay chẳng. Chúa ơi, ông Holmes, thế là ông hút thuốc còn nhiều hơn tôi nữa!

- "Tôi là một người sành điệu!" Holmes nói, khi lấy một điều thuốc thứ tư trong hộp và nối vào cái mẩu còn cháy của điều thuốc trước. "Thưa giáo sư, tôi tin rằng vào giờ xảy ra tội ác, ông đang nằm trên giường và rằng ông không biết gì

cả. Tôi chỉ muốn nêu ra với ông một câu nói : *theo ý ông, người thanh niên đã muốn nói gì trước khi trút hơi thở cuối cùng qua câu : Giáo sư... Chính là bà ta đó*".

Ông giáo sư lắc đầu.

- Su-san là một người đàn bà quê mùa và ông dư biết sự ngốc nghếch của loại người đó. Tôi nghĩ rằng trong cơn mê sảng, anh chàng tội nghiệp đã thì thầm vài từ rời rạc và rằng chị ta đã dựa vào đó mà tạo ra một câu chẳng có ý nghĩa gì cả.

- Ông không có một lời giải thích riêng tư nào để đề xuất với chúng tôi hay sao?

- Có thể là một tai nạn. Có thể là... Có thể là một vụ tự tử. Máy người trẻ tuổi giữ kín những mối lo âu và những nỗi khổ đau của họ... Một chuyện yêu đương lỡ làng.

- Nhưng còn cặp kính kẹp mũi.

- A ! Tôi chỉ là một nhà trí thức. Một người chỉ biết nghiên cứu và mơ mộng. Tôi không có khả năng giải thích những sự việc thực tiễn của đời sống. Nhưng ít ra chúng ta cũng biết rõ rằng những bằng chứng của tình yêu có thể có những hiện tượng bề ngoài thật lạ lùng ! Dù thế nào đi nữa, xin ông hãy dùng thêm điều thuốc nữa. Thật là thích thú khi gặp người biết thương thức chúng đến thế. Một cây quạt, một đôi găng tay, cặp kính đeo mắt... Ai biết được là một người sắp chấm dứt cuộc sống ràng buộc cho món đồ nào một giá trị tượng trưng? Ông đây đã xác nhận với tôi là có những dấu chân trên cỏ : dù sao, trên một chi tiết tương tự, một sự nhầm lẫn luôn luôn là điều có thể xảy ra ! Còn về con dao nhíp, nó có thể bị kẻ bất hạnh liệng đi, khi anh ta té xuống. Có thể là các ông thấy tôi là ấu trĩ, nhưng cứ theo tôi thấy, thì Vi-lu đã tự sát.

Holmes dường như bị ngạc nhiên về cái lý thuyết mà anh vừa nghe. Anh tiếp tục sai bước trong gian phòng vừa suy nghĩ

vừa hút hết điếu thuốc này sang điếu thuốc khác. Sau cùng, anh nói :

- Thưa giáo sư, xin cho tôi biết ông cất giữ cái gì trong phần chính giữa bàn giấy ông?

- Chẳng có gì có thể gợi lòng tham của kẻ trộm. Những giấy tờ của gia đình, những lá thư của bà vợ... những bằng cấp mà nhiều viện Đại học đã trao tặng cho tôi... Đây là chìa khoá. Ông hãy tự mình xem lấy.

Holmes đón lấy cái chìa khoá và quan sát nó trong một lát. Đoạn anh giao trả cho người giữ.

- Không. Tôi không tin là nó có thể giúp ích cho tôi được điều gì nhiều. Tôi ưa thích được xuống vườn một cách bình thản để suy nghĩ về tất cả nội vụ, ngõ hầu có thể rút ra được một điều gì từ cái lý thuyết về sự tự sát mà ông đã triển khai. Tối 2 giờ trưa ! Chúng tôi sẽ quay lại và chúng tôi sẽ tường trình với ông về tất cả những gì có thể xảy ra.

Holmes tập trung tư tưởng một cách lạ lùng. Chúng tôi im lặng đi bách bộ trong vườn, rồi thì tôi không thể ngăn mình hỏi xem anh có một hướng điều tra nào không.

- Cái đó tùy thuộc vào những điếu thuốc lá mà tôi vừa hút. Có thể là tôi bị làm.

- Làm thế nào mà...?

- Rồi anh sẽ thấy. Nếu tôi bị làm thì cũng chẳng có gì là tai hại lắm. Đương nhiên, chúng ta vẫn còn cái hướng nhà bán dụng cụ quang học, nhưng tôi theo những hướng đi tắt, mỗi khi tôi thấy có con đường đó. A ! Đây là bà Mác-kê tốt bụng ! Chúng ta hãy nói chuyện với bà.

Không đầy 2 phút, anh đã chinh phục được người đàn bà này, anh tán chuyện với bà cứ y như anh đã quen biết bà từ nhiều năm qua.

- Vâng, đúng như ông nói đó. Cụ chủ hút thuốc thật là kinh khủng ! Suốt ngày và đôi khi suốt đêm. Buổi sáng, tôi

đã thấy phòng cụ... Tội nghiệp ông Vi-lu ! Ông cũng là một người hay hút thuốc nhưng không hút nhiều như giáo sư. Sức khoẻ của cụ... nói thật, tôi không biết là cụ khoẻ hơn hay yếu hơn !

- Nhưng hút thuốc nhiều thì đâu còn ăn ngon miệng được !

- Vậy thì tôi chẳng hiểu gì hết.

- Tôi áng chừng rằng ông giáo sư ăn ít?

- Ồ, cái đó cũng còn tùy !

- "Tôi cam đoan là sáng nay cụ đã không dùng bữa điểm tâm và cụ cũng chẳng ăn thật thà trong bữa, sau những liều thuốc mà tôi thấy cụ đã hút.

- Ông bị lầm rồi. Sáng nay, cụ đã ăn rất nhiều, cụ dọn bữa trưa dọn một đĩa lớn món sườn non ! Tôi là người đầu tiên ngạc nhiên, bởi vì kể từ hôm qua, sau lúc tôi trông thấy ông Vi-lu nằm sóng soài trên đất, thì tôi không đụng tới bất cứ món ăn nào. Ui cha, thế gian phải có người thế này người thế khác chứ, đúng vậy không? Cho nên cụ giáo sư đã không vì thế mà ăn mất ngon !

Suốt buổi sáng, chúng tôi đi thơ thẩn trong vườn. Hốp-kin xuống dưới làng để kiểm tra một lời đồn đại về một người đàn bà lạ mặt mà sáng nay lũ trẻ đã trông thấy trên con đường từ Chatham tới. Về phần Holmes, tôi chưa bao giờ thấy anh thờ ơ trước một vụ như vụ này. Ngay cả cái tin mà Hốp-kin đem về (cho biết rằng cảnh sát đã thẩm vấn những đứa trẻ và rằng mấy em đó đã trông thấy một người đàn bà có nhận dạng giống hệt với người mà Holmes đã miêu tả) cũng không lôi anh ra khỏi sự lãnh đạm. Ngược lại, anh đồng tai lên nghe bà Su-san, trong lúc hầu bàn, báo cho anh biết rằng buổi sáng trước ông Vi-lu đã đi ra khỏi nhà và chỉ trở về chừng nửa tiếng đồng hồ trước khi xảy ra thảm trạng. Bất thình lình, Holmes đứng lên và coi đồng hồ, rồi nói :

- Hai giờ rồi. Chúng ta phải lên gặp giáo sư. Ông già vừa dùng xong bữa trưa và cái đĩa đựng thức ăn trống trơn, chứng tỏ sự ngon miệng mà bà Mác-kê đã ghi nhận. Điều thuốc lá đang phì phèo trong miệng ông. Ông đã thay quần áo và ngồi trong ghế bành ở một góc bên ngọn lửa.

- Thế nào, ông Holmes, ông đã làm sáng tỏ được sự bí ẩn chưa?

Ông đẩy cái hộp thuốc lá lớn lại phía Holmes. Cùng lúc đó, Holmes cũng duỗi tay ra. Hai tay của hai người đã làm đổ tung cái hộp. Trong một lúc lâu, tất cả chúng tôi đều quỳ xuống đất để lượm những điều thuốc lá đã văng vào trong những xó góc rất khó lượm. Khi đứng lên, tôi thấy đôi mắt Holmes long lanh và cặp má anh đã hồng lên : anh đang dương ra lá cờ quyết đấu. Anh trả lời câu hỏi của ông chủ nhà :

- Có, tôi đã làm sáng tỏ được điều bí ẩn.

Hớp-kin và tôi chăm chú nhìn anh với vẻ ngạc nhiên. Trên những nét khổ hạnh của ông giáo sư già có thoáng qua một cái gì như một nét cười ngạo.

- Đúng vậy ư? Trong vườn à?

- Không, ở đây.

- Ở đây ! Bao giờ?

- Ngay lúc này.

- Chắc chắn là ông đang đùa cợt rồi, vụ này quá nghiêm trọng, nên không hợp với sự đùa cợt.

- "Tôi đã rèn và đã thử từng mắt một trong sợi xích của tôi, thưa giáo sư ; và tôi tin chắc rằng sợi xích đó vững chắc. Vì động cơ nào mà giáo sư tuân theo, hoặc giáo sư thủ một vai trò nào trong tấn thảm kịch này, thì tôi chưa có khả năng để nói rõ. Trong vài phút nữa, chắc chắn là tôi sẽ được chính miệng giáo sư nói ra. Trong khi chờ đợi, tôi sẽ lập lại những sự việc theo ý giáo sư, ngõ hầu để giáo sư biết là tôi còn cần được chỉ bảo thêm điều nào.

"Ngày hôm qua, một người đàn bà đã vào trong văn phòng giáo sư. Bà ấy đã tới với ý định lấy một số tài liệu ở trong bàn giấy. Bà ấy có một chìa khóa riêng. (Cái chìa khóa của giáo sư không phải là chìa khóa đã tạo ra một vết xước trên mặt đánh véc-ni của ổ khóa). Vậy giáo sư không phải là một tông phạm. Bà nọ đã tới để đánh cắp tài liệu của ông và ông không hay biết gì về những ý định của bà ta".

Ông giáo sư thả khỏi cặp môi một đám mây khói thật dày :

- Điều đó cũng lý thú như là bố ịch ! Ông không có gì để thêm vào sao? Bởi vì ông đã theo dõi người đàn bà tới đó, ông có thể nào cho chúng tôi biết là bà ta đã ra sao không?

- "Thoạt đầu, bà ta bị người thư ký của ông tóm bắt và bà ta đã đâm anh ta để bỏ trốn. Tôi nghiêng về việc coi cái thảm họa này như một việc rủi ro, bởi vì tôi tin chắc rằng người đàn bà này không có ý định gây ra một vết thương trầm trọng đến thế. Nếu là kẻ sát nhân thì họ phải có khí giới. Kinh hoàng về việc mà bà đã làm, bà bỏ trốn như một người điên. Nhưng trong lúc giành giật, bà ta bị mất cái kính kẹp mũi. Vì bị cận thị quá nặng, bà đã làm đường. Bà đi theo một hành lang mà cứ tưởng rằng đó là hành lang đã đưa bà vào đây. Cả hai hành lang đều được lót chiếu đan bằng sợi dứa. Và khi bà nhận ra sự sai lầm thì đã quá muộn và bà hiểu rằng lối rút lui của bà đã bị chặn. Bà không thể quay gót trở lại. Bà cũng không thể đứng hoài một chỗ. Bà phải tiếp tục tiến lên phía trước, tiến lên trong hành lang, leo lên một cầu thang, đẩy một cánh cửa ra : bà thấy mình lọt vào trong phòng ông".

Ông già miệng há hốc nhìn Holmes. Sự sửng sốt và sự sợ hãi trộn lẫn trên gương mặt. Ông cố gắng buông ra một tràng cười lớn và nhún vai.

- Toàn hảo, thưa ông bói toán ! Nhưng rất lấy làm tiếc, bên trong cái "mu rùa" của ông có một khuyết tật nhỏ : tôi ở trong phòng này suốt cả ngày.

- Tôi biết điều đó, thưa giáo sư. - Holmes đáp.

- Và ông muốn hỏi vì sao tôi nằm đây mà không nhận thấy người đàn bà đã bước vào phòng tôi?

- "Giáo sư đã nói chuyện với người đàn bà đó. Ngài đã nhận ra bà ta. Ngài đã giúp bà ta ẩn mặt".

Lần nữa, ông giáo sư lại phá ra cười. Ông đã đứng hẳn lên. Đôi mắt lấp lánh như hai cục than hồng, kêu lớn lên :

- Ông Sherlock Holmes, ông điên rồi ! Ông nói toàn những điều tâm bậy tâm bạ ! Tôi mà lại giúp cho bà ta trốn thoát ư? Thế thì bây giờ bà ta ở đâu?

- Bà ấy ở đây này ! - Holmes nói, tay chỉ vào một tủ sách cao kê trong một góc phòng.

Tôi thấy ông già giơ hai cánh tay lên. Một sự co giật kinh khủng làm cho mặt ông ta biến dạng. Ông buông mình xuống ghế bành. Cùng lúc đó, cái tủ sách mở tung và một người đàn bà từ bên trong vọt ra.

- "Ông đã có lý", bà ta kêu lên với một âm tiết xa lạ. "Ông đã nói đúng ! Tôi đây".

Mặt bà dơ dáy. Nhưng, trông bà ta có một cái gì đó nó bao quát sự kính trọng và sự cảm phục ! Hộp-kin đã đặt một bàn tay lên cánh tay bà ta và bắt giữ bà, nhưng bà ta gạt anh ta ra một cách nhẹ nhàng với vẻ nghiêm khắc khác thường. Ông già ngồi khuyu xuống trong ghế bành, nhìn bà với đôi mắt tuyệt vọng. Bà già nói :

- Thưa ông, tôi là tù nhân của ông ! Từ chỗ ẩn nấp, tôi đã nghe tất cả và tôi biết là quý ông đã hiểu được sự thật. Chính tôi đã giết chàng trai đó. Nhưng như ông đã nói, đó là do *rủi ro*. Tôi còn không biết là trong tay mình có một con dao, bởi vì trong lúc tuyệt vọng, tôi đã quơ đại vật đầu tiên mà tôi thấy trên bàn.

- Thưa bà, tôi tin chắc sự việc là như vậy. Tôi thấy bà không được khỏe trong người !

Bà ta đã tái xanh, dưới lớp bụi bặm, mặt bà trắng bệch. Bà ngồi xuống trên mép giường, trở lại bình tĩnh :

- Tôi chỉ còn có một chút thời gian. Nhưng tôi muốn cho quý ông biết rõ mọi sự thật. Tôi là vợ của người đàn ông này. Ông ta không phải là người Anh. Ông ta là người Nga. Nhưng tôi sẽ không nói tên ông ra.

Lần đầu tiên ông già tựa quây, kêu lên :

- Chúa sẽ ban phúc lành cho em, An-na.

Bà nhìn ông, khinh bỉ :

- Khi chúng tôi lấy nhau, ông ta đã năm mươi tuổi, còn tôi là một thiếu nữ xuân ngốc. Chuyện đó xảy ra bên nước Nga, trong một trường đại học... mà tôi sẽ không nêu tên ra !

- Chúa ban phúc lành cho em, An-na ! - Lão già lặp lại trong một tiếng thì thầm.

- Lúc đó, chúng tôi là những nhà cách mạng : ông ấy, tôi và nhiều người khác nữa. Khi một sĩ quan cảnh sát đã bị giết chết thì liền đó có nhiều vụ bắt bớ. Để cứu mạng mình và để lãnh một món tiền thưởng lớn, chồng tôi đã phản bội ngay chính vợ mình và các đồng chí của mình. Vậy là tất cả chúng tôi đã bị bắt theo lời điểm chỉ của chồng tôi. Một vài người trong chúng tôi bị đưa lên đoạn đầu đài và nhiều người khác bị đày sang Sibérie. Tôi ở trong đám những người đó, nhưng tôi không bị tù chung thân. Chồng tôi tới định cư tại nước Anh với số tiền dơ bẩn. Nhưng ông ta biết rõ rằng nếu tổ chức của chúng tôi biết nơi cư trú của ông thì công lý sẽ được thực thi ngay.

Ông lão vươn tay ra, rút lấy một điều thuốc :

- Em tùy ý sử dụng số phận đời anh đó, An-na ! Em luôn luôn tốt với anh mà !

- Trong số các đồng chí thuộc Tổ chức, có một người đã từng là bạn lòng tôi. Anh ấy cao thượng, vô tư và gần bó : tất cả những cái mà chồng tôi không được như thế. Anh ấy ghét bỏ bạo lực. Anh ấy đã viết thư cho tôi để thuyết phục tôi đứng

về “phe ôn hòa”. Chồng tôi đánh cắp lấy những lá thư của anh ấy và cuốn sổ nhật ký của tôi. Ông đã đem giấu chúng đi, tìm cách làm cho chàng trai đó bị xử bắn. Nhưng Alexis chỉ bị lưu đày sang Sibérie, hiện đang lao động trong một hầm muối. Hãy nghĩ tới việc đó, thằng hèn ! Ngày hôm nay, vào cái giờ mà ta đang nói đây, con người cao đẹp kia đang sống như một nô lệ. Còn ta, ta là người nắm giữ sinh mệnh mi trong tay, thế mà ta lại để cho mi được sống !

- Em luôn luôn là một tâm hồn cao thượng, An-na ! - Lão già kêu lên, khi rít trên điếu thuốc lá.

Bà đứng lên, nhưng lại té về phía sau với một tiếng kêu đau đớn nhỏ :

- Tôi cần phải nói cho xong. Khi mãn hạn tù, tôi bắt đầu đi tìm cuốn sổ tay và những lá thư mà một khi nó tới được chính phủ Nga, chắc chắn anh ấy sẽ được trả tự do. Tôi đã biết lão già này sang nước Anh. Sau nhiều tháng truy lùng, tôi tìm ra nơi trốn lánh của y. Tôi đã biết là y vẫn còn giữ cuốn sổ tay, bởi vì trong lúc tôi còn bị lưu đày ở Sibérie, tôi đã nhận được một lá thư của y đầy những lời trách móc và những câu trích dẫn rút ra từ trong cuốn nhật ký. Nhưng y là một người hèn hạ, chắc sẽ không trả lại cho tôi. Vậy thì tôi phải đích thân đi lấy lại thôi. Trong mục đích đó, tôi mượn một thám tử tư đã vào trong nhà này làm thư ký riêng. Đó là người thư ký thứ hai của mi đó, tên tôi ! Cái người đã rời bỏ mi thật vội vã. Anh ta đã biết những giấy tờ đó được cất giữ trong phần giữa của bàn giấy mi và anh đã lấy cái dấu chia khóa. Anh ta không muốn đi xa hơn. Anh ta thông báo cho ta biết sơ đồ căn nhà và bảo ta rằng buổi sáng, trước lúc giữa trưa, văn phòng luôn luôn trống vắng vì người thư ký sẽ phải làm việc tại trong phòng này cùng với mi. Tôi đã thu hết can đảm đi lấy lại cuốn sổ.

“Tôi vừa lấy lại được những giấy tờ và đóng cái tủ lại thì người thanh niên nắm lấy tay tôi. Tôi đã từng gặp anh ta buổi

sáng. Chúng tôi đã gặp nhau trên đường và tôi đã xin anh cho biết giáo sư ở đâu. Lúc đó tôi không biết anh ta làm việc ở đây.

- “Đúng thế !” Holmes nói. “Người thư ký đã quay về nhà và đã nói với ông chủ về người đàn bà mà anh vừa gặp. Rồi thì, trong hơi thở sau cùng, anh đã cố đưa tin rằng chính bà là người đàn bà mà anh ta vừa nói với ông chủ”.

- “Hãy để cho tôi nói dứt”, bà ta nói với một giọng khẩn thiết trong lúc mặt bà co lại một cách đau đớn. “Tôi vùng vẫy và anh ta té xuống, lập tức tôi vội chạy ra khỏi phòng, nhưng tôi đã đi lạc vào trong phòng của tên hèn này. Y đe dọa là sẽ tố giác tôi. Tôi nói nếu y làm thế, mạng sống của y sẽ bị chấm dứt. Nếu y bỏ rơi tôi lại cho luật pháp thì tôi sẽ bỏ rơi y cho tổ chức Huynh đệ. Y buộc lòng phải che chở cho tôi. Y ném tôi vào trong cái chỗ trốn lánh tối tăm này. Y dùng bữa trưa trong phòng, ngõ hầu có thể nuôi tôi. Y thỏa thuận rằng khi cảnh sát rời khỏi nhà, thì y sẽ để cho tôi trốn đi trong ban đêm với điều kiện là tôi không trở lại nữa. Nhưng ông Holmes đã ngăn trở dự định của chúng tôi...”

Bà rút từ trong vạt áo ra một gói nhỏ và nói thêm :

- ... Và giờ đây, đây là cái sẽ cứu Alexis. Tôi xin gửi gắm gói này vào lòng tôn trọng danh dự và lòng yêu công lý của ông. Hãy cầm lấy, và trao lại cho tòa Đại sứ nước Nga. Giờ đây, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ, và...

- Ngưng lại ! - Holmes kêu lên.

Anh đã nhảy chồm tới và giật ra một cái lọ nhỏ.

- “Muộn quá rồi” bà thì thầm khi lăn xuống giường. “Quá muộn rồi ! Tôi đã uống thuốc độc trước khi ra khỏi nơi trú ẩn. Đầu tôi quay cuồng ! Tôi chết đây ! Hãy nhớ đến cái gói”

Trên đường về Luân Đôn, Holmes giải thích cho chúng tôi biết rằng nếu chàng trai không tóm bắt được cái kính kẹp mũi thì không biết bao giờ chúng tôi mới tìm ra đáp số. Anh nói :

- Nhìn những tròng kính, tôi biết chủ cặp kính bị cận thị nặng, như thế thì mắt kính bà ta dễ lạc đường. Khi anh bảo tôi hãy tin là bà đã đi trên một dải cỏ hẹp mà không để lại dấu chân bước, tôi trả lời rằng việc đó hẳn là một kỳ tích. Tôi thật sự nghĩ rằng kỳ tích đó không thể nào thực hiện nổi ; nếu không, thì bà ta phải có một cặp kính thứ hai. Vậy là tôi phải xem xét nghiêm túc cái giả thiết theo đó bà ta chưa ra khỏi nhà. Khi nhận thấy hai dây hành lang giống hệt nhau, tôi nghi bà có thể bị lâm đường và trong trường hợp này bà đã vào phòng ông giáo sư. Do đó tôi đi theo giả thiết này. Tôi đã kiểm tra rất kỹ căn phòng khi hy vọng tìm ra một nơi trú ẩn. Tăm thắm được trái ký và liền một tấm nên tôi đã bỏ ý nghĩ về một cánh cửa mở xuống hầm. Có thể có một nơi kín đáo đằng sau các cuốn sách. Như các anh đều biết, điều đó thường gặp trong những thư viện xưa. Mặt khác, tôi thấy những cuốn sách được xếp thành đồng trên sàn gác, ngoại trừ trước một tủ sách. Sự dọn dẹp gọn ghẽ đó có thể tạo ra một lối đi vào. Tôi không thấy một dấu vết nào để hướng dẫn tôi, nhưng tăm thắm màu sậm nên tôi đã hút thật nhiều thuốc lá rồi vung vẩy tàn thuốc xuống trước cái tủ sách bị nghi ngờ. Đó là một mảnh khước đơn giản nhưng lại tỏ ra hữu hiệu. Tôi đi xuống dưới nhà, tìm cách thu lượm tin tức. Thật may bà giúp việc cho tôi biết giáo sư đã ăn rất nhiều, đó là điều phải nghi ngờ trong trường hợp ông nuôi ăn một người thứ hai. Sau đó chúng ta lên phòng và sau khi lật đổ cái hộp đựng thuốc lá, tôi có cơ hội khám xét cái sàn ván. Lúc đó, căn cứ theo những dấu vết để lại trên tàn thuốc lá, tôi nhận thấy rõ, rằng trong lúc chúng ta vắng mặt, người nữ tù đã ra khỏi nơi trú ẩn... Vậy thì, Hốp -kin, chúng ta đã tới ga công trường Charing và tôi có lời khen anh đã thành công trong vụ án này. Chắc hẳn là anh về Scotland Yard? Anh Watson, về phần chúng ta, chúng ta hãy mượn xe ngựa đi tới tòa đại sứ nước Nga.

Một trung vệ bị mất tích

"Xin vui lòng chờ tôi. Bất hạnh kinh khủng. Một trung vệ cánh phải. Cần thiết cho ngày mai. Ô-vơ".

- "Bưu án từ Strand. Giờ gởi : 10 giờ 36 phút". Holmes nói, sau khi đã đọc bức điện tín. "Thần kinh ông Ô-vơ bị căng thẳng lắm nên mới viết một văn bản rời rạc như vậy. Mấy ngày nay nhàn rỗi quá, bất cứ một vấn đề nhỏ nào cũng sẽ được hoan nghênh.

Đó là một người trẻ tuổi, to con, mạnh khoẻ với cả trăm kí-lô xương và cơ bắp, hai bờ vai của ông dựng sát hai bên khung cửa ra vào. Ông lần lượt nhìn chúng tôi với một vẻ lo âu :

- Thưa, ông là Sherlock Holmes ?

Holmes chào người khách.

- Tôi vừa từ Scotland Yard ra. Ông thanh tra Hốp-kin khuyên tôi tới gặp ông. Ông ấy nói rằng việc này thích hợp với ông hơn.

- Ông hãy ngồi xuống. Và cho tôi biết đó là chuyện gì.

- Tôi tự hỏi không biết vì sao mà tóc tôi chưa bạc. Tô-tân... chắc chắn là ông đã có nghe nhắc đến anh ta?... Anh ta là cái bản lề của toàn đội. Dù anh ta chuyển bóng, dù anh ta móc bóng, dù anh ta dắt bóng, không một ai có thể cản được. Và chẳng, anh ta còn có đầu óc. Bên cạnh anh, chúng tôi đều là những đứa trẻ. Tôi phải làm sao đây? Nếu ông không giúp tôi tìm cho ra Tô-tân thì chúng tôi bị thua là cái chắc.

Khi người thanh niên dứt lời, Holmes duỗi tay, lấy bộ sưu tập ra, nhưng anh không tìm thấy tên Tô-tân. Tới lượt người khách của chúng tôi tỏ vẻ ngạc nhiên.

- Coi nào, thưa ông Holmes, tôi cứ tưởng là ông đã biết anh ta chứ ! Nếu ông chưa từng nghe nhắc tới Tô-tân thì ông cũng chẳng biết ai là Ô-vơ.

Với tâm trạng vui vẻ, Holmes ra dấu là anh cũng không biết.

- “Kinh khủng thật” nhà lực sĩ gầm lên. “Tôi là người chỉ huy đội bóng nhà trường. Tôi chẳng là cái thá gì cả. Nhưng tôi không thể ngờ được là tại nước Anh lại có một người không biết đến Tô-tân, nhà vô địch trong các trung vệ, tay cừ của Cambridge, của Blackheath, 5 lần đoạt giải quốc tế... Nhưng thưa ông Holmes, ông đã sống ở đâu vậy ?

Holmes phá ra cười trước vẻ ngạc nhiên ngây thơ của chàng trai khổng lồ trẻ tuổi.

- Chúng ta không cùng sống trong một vũ trụ, thưa ông Ô-vơ. Ông sống trong một thế giới lành mạnh hơn, thú vị hơn tôi. Nhưng mà này ông bạn tốt bụng, hãy ngồi xuống và nói một cách từ tốn về chuyện gì đã xảy ra.

Ô-vơ để lộ sự bối rối của một người quen sử dụng những cơ bắp hơn là trí tuệ. Giữa vô số những câu nói lặp đi lặp lại, anh đã trình bày chi tiết câu chuyện kỳ lạ như sau :

- Tôi là người điều khiển đội bóng bầu dục của đại học Cambridge và Tô-tân là cột trụ của đội. Ngày mai chúng tôi sẽ đấu với đội của đại học Oxford. Hôm qua chúng tôi đến Luân Đôn và cư ngụ ở khách sạn. Lúc mười giờ, tôi đảo qua một vòng các phòng để xem các bạn đồng đội đã đi ngủ chưa. Tôi trao đổi vài câu với Tô-tân trước khi anh lên giường. Tôi thấy anh xanh xao, có vẻ lo lắng. Tôi hỏi anh vì sao. Anh trả lời là anh rất khỏe, chỉ hơi nhức đầu thôi. Nửa tiếng đồng hồ sau, người gác cửa tới cho tôi hay là có một người có râu, đem một lá thư tới cho Tô-tân. Vì Tô-tân chưa ngủ, người gác cổng

đã cầm thư đó lên trao tận tay anh. Đọc xong, anh ta xiu xuống cái ghế dựa, tựa hồ như anh đã bị quất một dùi cui. Người gác cổng kinh hoàng, muốn đi tìm tôi nhưng Tô-tân đã ngăn lại, anh đã uống một ly nước lớn, mặc quần áo rồi đi xuống, nói vài lời với người đợi dưới gian tiền sảnh, rồi cả hai ra đi. Sáng nay, căn phòng của Tô-tân trống tuênh, chăn nệm vẫn còn y nguyên, đồ đạc cũng vẫn nguyên. Tôi có cảm tưởng rằng chúng tôi sẽ không bao giờ còn gặp lại anh nữa !

- Anh đã làm những gì? - Holmes hỏi.

- Tôi điện về Cambridge để xem coi có tin tức gì về anh không. Cambridge điện trả lời là "*Không một ai trông thấy anh ta cả*".

- Liệu anh ta có thể trở về Cambridge được không?

- Có một chuyến tàu chót vào hồi 11 giờ 15.

- Nhưng, theo tin tức của anh, thì anh ta không đáp chuyến tàu đó?

- Vâng, không ai thấy anh ấy ở Cambridge cả.

- Thế rồi sau đó anh làm gì?

- Tôi đánh điện cho huân tước Giêm.

- Tại sao lại gọi cho huân tước.

- Tô-tân là trẻ mồ côi, và huân tước Giêm là bác ruột của anh.

- Điều đó soi sáng nội vụ một cách đặc biệt. Huân tước Giêm là một trong những người Anh giàu có nhất. Tô-tân đã nói với tôi như vậy.

- Và bạn anh là người thừa kế di sản của ông Giêm.

- Vâng, ông già đã tám mươi tuổi, và lại mắc bệnh nữa. Ông chưa bao giờ cho Tô-tân một xu. Đó là một người cực kỳ hà tiện, nhưng rồi tất cả gia tài sẽ về tay anh ấy một ngày gần đây thôi.

- Anh có nhận được thư trả lời của huân tước không?

- Không.

- Tại sao bạn anh lại đi tới nhà huân tước?

- Tối hôm qua, có một cái gì đó làm cho anh ấy lo lắng. Nếu đó là một vấn đề tiền bạc, có thể là anh đã đi tới nhà ông ấy.

- Được. Tôi sẽ chăm lo vụ này. Tôi không biết nói gì hơn là khuyên anh nên chuẩn bị cho cuộc thi đấu mà đừng có trông mong gì vào chàng trai đó nữa. Chắc chắn phải có một sự gì cực kỳ quan trọng mới khiến anh ta bỏ đi như vậy. Có thể điều quan trọng đó đã giữ anh ta lại. Chúng ta hãy tới khách sạn và nói chuyện với người gác cổng.

Holmes mau chóng làm thân với người gác khách sạn và thu được nhiều tin tức :

- Người đem tin ăn mặc không hẳn đáng hoàng mà cũng không hẳn là một người thợ. Ông ta “thuộc loại trung gian”. Một người trạc năm mươi tuổi, có bộ mặt xanh xao, tóc hoa râm. Bàn tay ông ta run lên khi ông lấy lá thư ra. Tô-tân đã nhét lá thư vào túi, không bắt tay người đó. Họ đã nói chuyện rất ngắn, rồi cả hai vội vàng bỏ đi. Lúc đó là 10 giờ rưỡi.

- Anh là người gác cổng ban ngày, phải thế không?

- Vâng. Tôi hết phiên vào lúc mười một giờ.

- Có lẽ người gác cổng ban đêm đã không thấy gì.

- Vâng. Một toán người đi coi hát về muộn. Không có ai khác.

- Hôm qua, anh gác suốt ngày?

- Vâng.

- Anh đã được một tin nhắn gửi cho ông Tô-tân.

- Có. Một bức điện.

- Lúc mấy giờ?

- Khoảng 6 giờ.

- Lúc đó ông Tô-tân ở đâu?

- Tại đây.
- Anh có mặt ở đây khi ông ấy đọc bức điện?
- Vâng. Tôi chờ đợi để xem có trả lời không.
- Thế là có điện trả lời phải không?
- Vâng. Ông ấy đã viết một bức điện trả lời.
- Anh có cầm lấy bức điện đó không?
- Không. Chính ông ấy mang đi.
- Nhưng ông ấy đã viết trong lúc anh có mặt ở đây?
- Vâng. Khi ông ấy viết xong. Ông bảo tôi : *Tốt lắm, anh bạn ! "Tôi sẽ đích thân lo liệu việc này"*.
- Ông ấy viết bằng gì?
- Ngòi bút.
- Ông ấy đã dùng một trong những tờ giấy in sẵn để trên bàn này à?

- Vâng. Viết trên tờ giấy thứ nhất.

Holmes đứng lên, cầm lấy mẫu in sẵn, đem tới bên cửa sổ và quan sát kỹ lưỡng tờ bên trên.

- Đáng tiếc là anh ấy không viết bằng bút chì ! Bút chì thường để lại bên dưới một dấu ... Tuy nhiên, tôi vui mừng là anh ta đã viết bằng một cây bút có ngòi lớn, mực nhiều và có thể còn vết tích trên tờ giấy thấm... Đây rồi !

Anh giật lấy một tờ giấy thấm trên có những nét chữ ngược. Ô-vơ tỏ ra rất sôi động, kêu lên :

- Hãy đặt ngược nó trước tấm gương.

- "Không cần", Holmes nói. "Tờ giấy thấm này mỏng, cứ nhìn vào mặt sau là chúng ta có thể đọc được.

Anh lật ngược tờ giấy thấm lại và chúng tôi đọc :

"Đừng bỏ rơi chúng tôi, vì lòng kính Chúa !"

- Đó là cái đoạn chót của bức điện tín mà Tô-tan đã gửi vài tiếng đồng hồ trước khi anh ta biến mất. Ít ra cũng có sáu từ đã vượt khỏi chúng ta, nhưng mấy chữ còn lại : *"Đừng bỏ*

rơi chúng tôi, vì lòng kính Chúa” chứng tỏ rằng chàng trai này đã thấy một mối nguy hiểm kinh khủng đang tới gần, và một ai đó có thể che chở được anh. Danh từ “chúng tôi” cho thấy có một người khác nữa bị dính líu vào.

- Cần phải tìm hiểu xem bức điện đã được gửi cho ai !

- Tôi nói.

- Đúng vậy. Nhưng nếu anh vào một nhà bưu điện để yêu cầu được đọc cái cuống của số biên nhận thì các nhân viên sẽ tỏ ra ít sẵn lòng làm vừa lòng anh. Trước sự hiện diện của ông, ông Ô-vơ, tôi muốn được coi qua những giấy tờ mà Tô-tân đã để lại trên bàn.

Holmes kiểm tra cẩn thận các thư từ, biên lai và cuốn sổ tay.

- Không có gì trong này cả. Nhân đây, tôi thấy là bạn ông có một sức khỏe thật tốt đấy chứ? Anh ta không có những trở ngại vụn vặt về sức khỏe chứ?

- Anh ấy vững như bàn thạch !

- Ông có thấy anh ấy bị đau ốm bao giờ không?

- Không một ngày nào !

- Có thể là anh ấy không được khỏe như ông nghĩ. Tôi thiên về việc tin rằng anh ấy có những sự buồn phiền bí mật. Nếu được ông cho phép, tôi sẽ đem theo hai hoặc ba tờ giấy, để đi điều tra tiếp.

- Xin chờ một chút ! - Một giọng ảo não kêu lên.

Chúng tôi quay lại và thấy một ông già nhỏ bé trên ngưỡng cửa. Ông ăn vận đồ đen màu gỉ sắt, đội một cái mũ cao, thành có vành rộng, trang điểm một cái cà-vạt trắng, thất vọng về.

- Ông là ai mà lại đụng tới giấy tờ của người vắng mặt.

- Tôi là một thám tử tư và tôi thử tìm cách giải thích sự biến mất của ông Tô-tân.

- Ai muốn ông làm việc đó?

- Ông này đây, bạn của Tô-tân.
- Ông là ai?
- Tôi là Ô-vơ, người diu dặt đội bóng.
- Vậy ra ông là người đã gọi điện cho tôi đây. Tôi là huân tước Giêm. Như vậy là ông đã nhờ tới một thám tử?
- Vâng.
- Mà ông sẵn lòng chi trả các phí tổn.
- Anh Tô-tân sẽ chi trả, khi chúng tôi tìm ra ảnh.
- Nhưng nếu người ta không tìm ra nó, thì ai trả tiền.
- Trong trường hợp đó, chắc chắn rằng gia đình Tô-tân sẽ...

- “Đừng trông mong gì”, ông già hét lên. “Đừng trông mong ở tôi, dù chỉ một xu ! Một xu, ông nghe chứ ! Thưa ông thám tử. Về phần những giấy tờ mà ông đang tự ý cầm trong tay đó, ông phải tường trình cho tôi biết một cách nghiêm túc !”.

- “Được lắm”, Sherlock Holmes nói. “Trong lúc chờ đợi, tôi xin mạn phép hỏi xem ông có ý nghĩ nào về sự mất tích của cháu ông?”.

- Tôi chẳng có một ý nghĩ nào hết. Anh ta đã trưởng thành, vậy anh ta hãy tự chăm sóc lấy mình và nếu anh ta đi lạc như một đứa trẻ, thì tôi không chịu tốn tiền để tìm kiếm anh ta”.

- “Tôi hiểu quan điểm của ông”, Holmes trả lời với một ánh mắt tinh nghịch. “Nhưng có thể ông lại chưa hiểu quan điểm của tôi. Tô-tân là một người nghèo. Nếu như anh ta bị bắt cóc, thì chắc chắn đó không phải là người muốn cướp một món của cải nào của anh. Nhưng danh tiếng của ông thì lừng lẫy khắp toàn cầu, thưa huân tước, rất có thể một toán trộm cướp đã bắt cóc cháu ông với hy vọng sẽ khai thác được những tin tức về ngôi nhà của ông, những thói quen của ông, những của cải của ông...”.

Gương mặt người khách trở nên trắng bệch.

- Chúa ơi, chưa bao giờ tôi nghĩ đến điều đó. Nhưng Tô-tan là một chàng trai dũng cảm, sẽ không bao giờ phản bội người bác ruột của mình. Ngay chiều nay, tôi sẽ đem các đồ bằng bạc gửi vào ngân hàng. Trong lúc chờ đợi ! Thưa ông thám tử, ông hãy xem xét kỹ từng hòn đá. Còn về tiền bạc. .. Coi nào, cho tới con số là 5 bảng, chúng ta cứ nói là 10 bảng đi, ông có thể tin cậy nơi tôi !

Ngay khi đã dụ đi, ông già keo kiệt cũng không thể cho chúng tôi một tin tức gì, bởi lẽ ông ta biết rất ít về đời sống của người cháu ông. Vậy thì hướng điều tra duy nhất nằm trong cái mẩu điện tín này. Holmes chép lại nội dung bức điện, chúng tôi bắt tay ông già. Ô-vơ bỏ đi, để tham khảo ý kiến các bạn đồng đội về cách ra quân của đội bóng. Holmes và tôi đi đến bưu cuộc gần nhất. Đến trước cổng, chúng tôi dừng lại, anh nói :

- Với một trát tòa thì chúng ta có thể đòi hỏi được xem cái cuống điện báo, nhưng chúng ta không phải là cảnh sát chính thức. Tuy vậy chúng ta cứ thử xem !

- "Tôi rất tiếc phải làm phiền bà", anh nói một cách lễ độ với một thiếu phụ ngồi sau ghi-sê, "nhưng hẳn phải có một sự sai lầm về bức điện tín mà tôi đã gửi đi ngày hôm qua. Tôi đã không nhận được điện trả lời, và tôi e là mình đã quên ghi tên ở cuối bức điện. Bà có thể nào kiểm tra lại giúp được chăng?"

Người thiếu phụ lật cuốn sổ ra xem.

- Ông đã gửi đi hồi mấy giờ?

- Sau sáu giờ một chút.

- Bức điện gửi cho ai?

Holmes đặt một ngón tay lên môi và thì thầm với giọng tâm sự.

- Những chữ chót là "*Vi lòng kính Chúa*".

Người đàn bà gỡ ra một cái cuống điện báo.

- Nó đây. Ông đã không đề tên ông ! - Bà ta nói khi bày bức điện ra trên quây.

- "Chính vì thế mà tôi không nhận được hồi âm !" Holmes reo lên. "Ồ, tôi mới thật dại dột làm sao ! Xin chào bà, và xin cảm ơn bà nhiều".

Anh phát ra một tiếng cười nhỏ trong cuống họng và xoa hai bàn tay vào nhau ngay khi chúng tôi ra tới phố. Tôi hỏi :

- Thế nào?

- Tốt. Tôi đã hình dung ra bảy mảnh khoe để có thể liếc nhìn qua bức điện đó, thành công ngay trong mảnh khoe đầu tiên.

- Anh đã thấy gì?

- Đi ra ga công trường King ! - Anh kêu lên với người xà ích mà anh đã gọi xe.

- Chúng ta đi du lịch à?

- Phải, chúng ta phải đi tới Cambridge Anh hẳn đã thấy rằng sự mất tích này xảy ra trước một trận đấu quan trọng, và rằng người cầu thủ đó lại là cột trụ của đội bóng. Có thể đó chỉ là một sự trùng hợp, nhưng nó thật đáng quan tâm. Thể thao tài tử không có những vụ đánh cá lớn, nhưng tổng số tiền đánh cá rải rác trong quần chúng cũng không nhỏ, và rất có thể là một ai đó có lợi khi bắt cóc một cầu thủ trong vài ngày, như một tên cướp cá ngựa đã bắt cóc những con ngựa nòi. Đó là một lối giải thích. Một lối thứ hai cũng có thể chấp nhận vì chàng trai đó đúng là người thừa kế một gia sản lớn.

- Những giả thiết đó không tính đến bức điện tín !

- Rất đúng. Chính vì muốn tìm hiểu một điều gì đó về bức điện tín mà chúng ta mới đi Cambridge.

Khi chúng tôi tới nơi thì trời đã sẩm tối. Holmes mượn xe ngựa ở nhà ga và đưa ra địa chỉ của bác sĩ Lê-li. Vài phút

sau cỗ xe dừng lại trước một ngôi nhà lớn trên đường phố chính. Chúng tôi bước vào, và sau một hồi chờ đợi khá lâu, chúng tôi gặp một bác sĩ ngồi đằng sau cái bàn trong phòng mạch : bác sĩ Lê-li.

Ông cầm tấm danh thiếp của Holmes và nhìn chúng tôi với một dáng vẻ kém nhả nhận.

- Tôi có biết danh ông, thưa ông Sherlock Holmes, và tôi biết ông làm nghề gì : một trong những nghề mà tôi chê bai.

- Sự đánh giá đó được chia sẻ bởi những kẻ phạm tội, thưa bác sĩ ! - Holmes trả lời một cách bình thản.

- Cái chỗ mà ông dễ bị chỉ trích, đó là việc ông lục lọi vào trong những bí mật của các cá nhân, đào bới những việc riêng tư của người khác và làm mất thời giờ của những người còn bận rộn hơn ông nữa. Chẳng hạn như vào lúc này đây, tôi đang soạn thảo một bản chuyên luận thay vì ngồi nói chuyện với ông.

- Tất nhiên rồi ! Nhưng cuộc nói chuyện này có thể còn quan trọng hơn bản chuyên luận của ông. Tuy vậy, tôi có thể nói với ông rằng chúng tôi cố gắng để tránh đưa ra công luận những việc riêng tư... Tôi tới đây để nói với ông về ông Tô-tân.

- Về việc gì?

- Ông biết ông ấy mà.

- Đó là một người bạn thân của tôi.

- Anh ta đã bị mất tích.

- A, vậy sao...?

Gương mặt ông bác sĩ vẫn bình thản.

- Đêm vừa qua, anh ấy rời khách sạn. Từ đó, bặt vô âm tín.

- Chắc chắn là anh ấy sẽ trở về?

- Ngày mai là cuộc đấu lớn giữa hai đội Oxford - Cambridge.

Tôi không có thiện cảm với những trò trẻ con đó. Nhưng số phận của chàng trai thì khiến tôi quan tâm một cách sâu xa.

- Vậy thì tôi xin ông dành mối thiện cảm cho cuộc điều tra về số phận của ông Tô-tân. Ông biết anh ấy ở đâu không?

- Không.

- Hôm qua, ông không gặp anh ấy?

- Không.

- Ông Tô-tân có được mạnh khỏe không?

- Sức khỏe toàn hảo.

- Ông chưa bao giờ thấy anh ấy bị đau ốm sao?

- Chưa bao giờ.

Holmes đặt một tờ giấy trước mặt bác sĩ :

- Vậy thì ông giải thích như thế nào về tờ biên nhận 13 đồng ghi-nê do Tô-tân trả cho bác sĩ Lê-li trong tháng trước. Tôi đã thấy tờ giấy này trong số những tờ giấy khác của anh ta.

Ông bác sĩ đỏ mặt tía tai.

- Tôi không cần giải thích với ông, thưa ông Holmes.

Holmes nhét tờ biên nhận vào trong bóp.

- Chẳng lẽ ông thích giải thích trước công chúng. Tôi đã thưa với ông rằng tôi sẽ giữ im lặng. Người ta sẽ khôn ngoan biết bao khi thổ lộ riêng với tôi.

- Tôi không biết gì cả.

- Ông có nhận được tin gì của Tô-tân từ Luân Đôn không?

- Không !

- “A ! Nhà bưu điện này kỳ cục thật”. Holmes thở dài. “Một bức điện khẩn đã do Tô-tân đánh đi từ Luân Đôn vào hồi 6 giờ 15 chiều hôm qua... Một bức điện có liên quan tới sự

- Gã xà ích của ông.

- Tôi có ngờ lời với hẳn, nhưng gã mất dạy đó đã thả chó ra. May mắn là không có con chó nào chịu nổi cây can của tôi. Nhưng một người địa phương đã cho tôi biết những thói quen và chuyển đi hàng ngày của ông ta.

Giữa lúc chúng tôi đang nói chuyện thì cỗ xe lại ra đi.

- Anh không thể theo dõi xe à?

- Hoan hô, anh thật là chói lọi. Hồi chiều tôi đã làm như anh vừa nói : tôi tới tiệm bán xe đạp, mượn một chiếc theo sau xe, cách khoảng chừng 100 thước cho tới khi chúng tôi rời xa thành phố. Khi đi vào con đường lớn thì cỗ xe dừng lại. Tôi cũng dừng lại, ông bác sĩ xuống xe và đi nhanh tới tôi. Ông ta nói rằng con đường chật hẹp quá và mong muốn cỗ xe của ông không làm cản trở cho việc đạp xe của tôi. Ngay đó tôi vượt qua xe ngựa, tôi đạp trong nhiều cây số rồi dừng lại ở một nơi thích hợp để chờ xem cỗ xe có đến không. Xe không đi qua chỗ đó, nó đã rẽ sang một trong những con đường phụ. Tôi chạy ngược lại, nhưng không thấy cỗ xe. Nhưng vì ông ta đã nói rằng ông ta nhất quyết không cho một ai theo dõi ông, nên việc này là quan trọng và tôi quyết lời nó ra ánh sáng.

- Ngày mai chúng ta sẽ theo dõi ông ta.

Tôi đã gọi điện cho Ô-vơ, nhờ anh ta cho biết là ở đây có phương tiện nào kín đáo để đi theo dõi không? Trong lúc chờ đợi, chúng ta phải theo dõi bác sĩ Lê-li : ông ta biết chàng trai đó ở đâu, tên ông có trên cái cuống điện báo.

Ngày hôm sau, vào giờ ăn điểm tâm, người ta đem đến cho chúng tôi một lá thư :

"Thưa ông !

Ông chi phí thì giờ khi theo dõi tôi. Tôi có một tấm kính gắn sau cỗ xe ngựa. Nếu ông muốn đi trong 30 cây số mà cuối cùng nó sẽ dẫn ông về điểm khởi hành, thì ông cứ việc bám theo tôi. Ngoài ra, tôi báo cho ông biết rằng không phải cứ tò

mắt tích của anh ta... ấy thế mà người nhận lại không nhận được ! Tôi sẽ tới bưu điện làm đơn khiếu nại !”.

Bác sĩ Lê-li nhảy cẫng lên. Mặt ông chuyển sang màu đỏ sẫm.

- “Tôi ra lệnh cho ông ra khỏi nhà tôi”. Ông ta kêu lên. “Ông có thể nói với ông chủ của ông, huân tước Giem, rằng tôi không có việc gì cần giải quyết với ông ta cả ; cũng như với những nhân viên của ông ta”.

Ông nhấn chuông một cách giận dữ.

- ... John, hãy đưa hai ông này về.

Một người quản gia oai vệ đẩy chúng tôi ra cửa. Ra tới ngoài đường, Holmes phá ra cười :

- Anh Watson, thế là chúng mình bị thất bại ở hiệp thứ nhất. Ta đấu tiếp nhé. Cái lũ quán nhỏ kia, ngay trước mặt căn nhà của Lê-li rất thích hợp với các nhu cầu của chúng ta. Anh chịu phiền tới đó hỏi mượn một phòng trọ ở mé trước , tôi đi lo vài việc lặt vặt.

Holmes trở về lữ quán trước chín giờ tối. Anh mệt mỏi, ủ rũ, bụi bặm bám đầy người. Một bữa ăn nhẹ được dọn trên bàn. Sau khi ăn xong, anh mời tẩu thuốc nhưng lúc đó tiếng động của một cỗ xe khiến anh đứng lên và ngó ra ngoài khung cửa sổ. Một cỗ xe và một cặp ngựa lông xám đang đứng bất động trước cửa nhà bác sĩ.

- Cỗ xe này đã ra đi vào lúc 6 giờ rưỡi ; bây giờ đã hơn 9 giờ. Sau 3 tiếng đồng hồ đi và về. Vậy nơi ông ta đến cách đây 15 hoặc 18 cây số. Và ông ta đi như vậy mỗi ngày một lần, có khi tới hai lần.

- Điều đó chẳng có gì đáng ngạc nhiên đối với một y sĩ có đồng thân chủ.

- Nhưng Lê-li không có thân chủ. Đó là một diễn giả, một thầy thuốc tham vấn, ông ta ít chịu trị bệnh, cốt để không bị chia trí trong lúc viết sách. Tại sao ông ta lại ra đi như thế? Đi để gặp ai?

- Gã xà ích của ông.

- Tôi có ngờ lời với hắn, nhưng gã mất dạy đó đã thả chó ra. May mắn là không có con chó nào chịu nổi cây can của tôi. Nhưng một người địa phương đã cho tôi biết những thói quen và chuyển đi hàng ngày của ông ta.

Giữa lúc chúng tôi đang nói chuyện thì cỗ xe lại ra đi.

- Anh không thể theo dõi xe à?

- Hoan hô, anh thật là chói lọi. Hồi chiều tôi đã làm như anh vừa nói : tôi tới tiệm bán xe đạp, mượn một chiếc theo sau xe, cách khoảng chừng 100 thước cho tới khi chúng tôi rời xa thành phố. Khi đi vào con đường lớn thì cỗ xe dừng lại. Tôi cũng dừng lại, ông bác sĩ xuống xe và đi nhanh tới tôi. Ông ta nói rằng con đường chật hẹp quá và mong muốn cỗ xe của ông không làm cản trở cho việc đạp xe của tôi. Ngay đó tôi vượt qua xe ngựa, tôi đạp trong nhiều cây số rồi dừng lại ở một nơi thích hợp để chờ xem cỗ xe có đến không. Xe không đi qua chỗ đó, nó đã rẽ sang một trong những con đường phụ. Tôi chạy ngược lại, nhưng không thấy cỗ xe. Nhưng vì ông ta đã nói rằng ông ta nhất quyết không cho một ai theo dõi ông, nên việc này là quan trọng và tôi quyết lời nó ra ánh sáng.

- Ngày mai chúng ta sẽ theo dõi ông ta.

Tôi đã gọi điện cho Ô-vơ, nhờ anh ta cho biết là ở đây có phương tiện nào kín đáo để đi theo dõi không? Trong lúc chờ đợi, chúng ta phải theo dõi bác sĩ Lê-li : ông ta biết chàng trai đó ở đâu, tên ông có trên cái cuống điện báo.

Ngày hôm sau, vào giờ ăn điểm tâm, người ta đem đến cho chúng tôi một lá thư :

"Thưa ông !

Ông chi phí thì giờ khi theo dõi tôi. Tôi có một tấm kính gắn sau cỗ xe ngựa. Nếu ông muốn đi trong 30 cây số mà cuối cùng nó sẽ dẫn ông về điểm khởi hành, thì ông cứ việc bám theo tôi. Ngoài ra, tôi báo cho ông biết rằng không phải cứ tò

tò theo tôi mà ông sẽ tìm thấy ông Tô-tân. Trái lại, ông hãy trở về Luân Đôn mà tìm, đồng thời báo cho ông chủ của ông biết rằng ông đã không thành công tại nơi này. Chắc chắn là tại đây, ông chỉ phí thì giờ mà thôi.

Người tận tâm với ông.

Bác sĩ Lê-li"

- Một đối thủ trung thực, thẳng thắn, ông ta kích thích óc tò mò của tôi và tôi muốn làm quen với ông ta. - Holmes nói.

- Cổ xe của ông ta giờ đây đang đứng trước cửa, ông ta đang lao vào xe kia. Tôi thấy ông liếc nhìn về khuôn cửa sổ của chúng ta. Anh có muốn tôi thử cầu may với cái xe đạp không? - Tôi nói.

- Anh Watson, tôi không tin là anh ngang tâm với ông ấy. Tôi hy vọng từ giờ tới tối, tôi sẽ thuật lại với anh một vài tin tức.

Thêm một lần nữa, bạn tôi trở lại về, đây chân nản.

- Tôi đã theo cái hướng mà ông ta đã đi cả ngày hôm nay, tôi đi thăm từng thôn xóm nhỏ ở bên phía Cambridge, tôi đã tán gẫu với các chủ quán và các bà nội trợ. Tôi đã thám hiểm mà không thành công. Trong cái vương quốc của những người uể oải này, chẳng ai buồn để ý đến sự xuất hiện của một cỗ xe do hai con ngựa kéo. Ông bác sĩ lại ghi thêm một điểm nữa. Một bức điện cho tôi à?

- Phải : "*Hãy hỏi Pom-pê của ông Di-xơn, Trinity College*". Tôi chẳng hiểu gì hết.

- Ồ, nó khá rõ mà ! Ông bạn Ô-vơ trả lời cho tôi đấy. Tôi sẽ viết ít hàng gửi ông Di-xơn và cơ may của chúng ta có cơ xoay chiều. Nhân đây, đã có kết quả trận đấu bóng chưa?

- Rồi, Oxford đã thắng một bàn. Những câu chót viết : "*Sự thất bại của một đội mặc đồ xanh là do thiếu cầu thủ Tô-tân*".

- Những dự đoán của anh bạn Ô-ơ đã thành sự thực. Chúng ta hãy đi ngủ sớm, bởi vì ngày mai sẽ có những biến chuyển lớn.

Lúc thức giấc, tôi thấy Holmes đang ngồi bên ngọn lửa.

- Tôi vừa làm một cuộc dạo chơi nho nhỏ và tất cả đều thuận lợi. Anh hãy ăn một bữa điểm tâm chắc bụng, bởi vì chúng ta sẽ không ăn trước khi theo tới tận cái hang của ông ta.

- Vậy, ta mang theo bữa điểm tâm, bởi vì cỗ xe đã đậu trước cửa nhà ông ta rồi kia.

- Không sao. Cứ để cho ông ấy đi. Khi anh đã ăn xong, tôi sẽ giới thiệu anh với một nhà thám tử lỗi lạc.

Tôi gặp Holmes trong sân chuồng ngựa ; anh ta mở cửa một cái chuồng chó và dắt ra một con chó béo lùn, có đôi tai thông xuống, lông trắng và vàng. Holmes nói bạn *Pom-pê* là niềm kiêu hãnh của giống chó săn.

Anh dẫn nó tới cửa nhà ông bác sĩ. Con chó đánh hơi chung quanh nó một lúc, rồi với một tiếng ào ào bị kích động, nó chạy nhanh xuống đường phố, lao về phía trước. Trong gần nửa tiếng đồng hồ, chúng tôi đã rời khỏi thành phố và chúng tôi đã đi vội trên một con đường nông thôn. Holmes nói :

- Sáng nay tôi đã đi dạo trong sân nhà bác sĩ và tôi đã dùng ống chích xịt đầu hời vào bánh sau cỗ xe. Một con chó săn tài giỏi sẽ đuổi theo một hương có mùi đầu hời cho tới tận chân trời góc biển.Ồ, thằng cha ranh mãnh ! Đây là ngả mà hần đã thoát đi vào tối hôm trước.

Bất chợt, con chó bỏ con đường lớn để lao vào trong một lối mòn cỏ cỏ.

- Như vậy là con đường mòn này dành để bỏ rơi chúng ta? Bên tay phải chúng ta hần là làng Trumpington. À, kia là cỗ xe ngựa đang đỗ ra khúc quanh. Mau lên, Watson ! Tối lúc ăn thua rồi.

Anh lao vào trong một chỗ trống trong cánh đồng. Kéo theo Pom-pê đang bực bội. Chúng tôi vừa kịp núp vào sau hàng dâu thì cỗ xe vượt qua. Trong xe có bác sĩ Lê-li, ông cầm hẳn xuống, đầu gục trong hai bàn tay. Bộ mặt của Holmes cũng trở thành nghiêm trọng :

- Cuộc điều tra sẽ có một kết quả bi thảm ! Nào ta đi, Pom-pê ! Có một biệt thự trong cánh đồng.

Pom-pê buông ra những tiếng cầu nhau ở bên ngoài hàng rào sắt, nơi mà những dấu xe ngựa hãy còn thấy rõ. Một lối đi dẫn vào trong biệt thự, Holmes cột con chó vào hàng rào, và chúng tôi vội vã bước vào. Holmes gõ lên cánh cửa nhiều lần mà không có ai trả lời. Ấy thế mà ngôi biệt thự không hoang vắng, bởi vì có một tiếng động bị nghẹt, vọng tới tai chúng tôi : một thứ tiếng rên rĩ tuyệt vọng, một thứ tiếng râm rĩ buồn bã một cách kinh khủng. Holmes dừng lại, ngó lại phía sau chúng tôi. Trên con đường mà chúng tôi vừa đi, một cỗ xe ngựa lại hiện ra. Holmes reo lên.

- Ông bác sĩ lại trở lại, vậy là giải quyết xong tất cả một lần. Chúng ta buộc phải xem chuyện gì xảy ra nơi đây trước khi ông ta tới.

Anh mở cửa ra và chúng tôi bước vào trong gian tiền sảnh. Tiếng rĩ râm nổi bật lên ; nó từ trên cao vọng xuống. Holmes leo lên và tôi theo anh. Anh đẩy một cánh cửa hé mở. Chúng tôi đứng bất động, sửng sốt vì cái cảnh tượng hiện ra trước mắt : một phụ nữ, trẻ và đẹp, nằm dài trên giường, đã chết. Dưới chân giường, một chàng trai đang khóc nức nở. Anh ta chỉ ngẩng đầu lên khi Holmes đặt một bàn tay lên vai anh.

- Có phải ông là Tô-tân.

- Phải... Nhưng quý ông đã đến muộn mất rồi. Cô ấy đã chết.

Kẻ bất hạnh bị bối rối đến nỗi đã làm chúng tôi với những thầy thuốc được mời tới khám bệnh. Holmes chưa kịp nói vài

lời an ủi thì tiếng bước chân trên cầu thang và cái bóng khắc khổ của bác sĩ Lê-li hiện ra nơi ngưỡng cửa. Bác sĩ nói :

- Vậy là, quý ông đã tới đích. Trước mặt người chết, tôi xin thề là nếu như tôi còn trẻ, thì thái độ quái gở của quý ông chắc chắn sẽ bị trừng trị.

- "Xin bác sĩ thứ lỗi. Tôi tin là có sự hiểu lầm !" Holmes nói, giọng trang nghiêm. "Nếu bác sĩ vui lòng xuống dưới, chúng ta sẽ hiểu lẫn nhau".

Chúng tôi ngồi trong phòng khách ở tầng trệt.

- Xin mời ! - Ông bác sĩ nói.

- Tôi không phải là người làm công cho huân tước Giêm và trong vụ này, những thiện cảm của tôi không hề dành cho nhà quý tộc đó. Khi có một người bị biến mất, tôi có nhiệm vụ tìm hiểu số phận của anh ta ra sao. Tôi đã tìm thấy. Vậy là công việc của tôi đã xong. Nếu sự mất tích này không kéo theo những điều gì phạm pháp, thì ông có thể tin cậy ở sự kín tiếng của tôi.

Bác sĩ Lê-li tiến lên một bước và bắt tay Holmes :

- Ông là một người dũng cảm. Tôi đã hiểu lầm ông. Ông đã biết nhiều : nhưng tôi cũng xin được nói thêm đôi câu : Cách đây một năm, Tô-tân tới cư ngụ tại Luân Đôn và yêu say đắm cô gái con bà chủ nhà. Anh cưới cô ta. Cô ấy đẹp, thông minh và tốt bụng. Nhưng Tô-tân lại là kẻ thừa kế ông già quý phái kia, và tin báo về đám cưới chắc chắn sẽ làm tiêu tan tất cả "*những hy vọng thừa kế của anh ta*". Tôi biết rõ chàng trai đó. Tôi yêu thương anh ta vì anh ta có nhiều phẩm chất lớn. Chúng tôi đã cố che giấu đám cưới với mọi người. Nhờ ở ngôi biệt thự cách biệt này và cũng nhờ ở sự kín tiếng riêng, Tô-tân đã thành công cho tới nay. Nhưng bất thành linh, cô gái bị bệnh lao phổi ác tính. Chàng trai gần như điên lên vì buồn rầu. Anh ta buộc phải tới Luân Đôn, nơi anh phải tham dự trận đấu. Việc rời bỏ hàng ngũ trong giờ quyết đấu sẽ làm lộ hết

mọi chuyện. Tôi đã trấn an anh ta bằng một bức điện, và anh ta đã trả lời bằng một bức điện, van nài tôi hãy làm hết sức mình. Đó là bức điện mà dường như ông đã đọc bằng một cách nào đó tôi không sao hiểu nổi. Tôi đã không hề nói rõ về căn bệnh của cô gái ; nhưng tôi có viết thư nói rõ cho ông-già-vợ anh ta, và ông đó, quá đỗi vụng về, đã tìm cách báo tin cho Tô-tân biết. Kết quả là anh ta đã bỏ trận đấu, quay về đây trong một trạng thái gần như điên loạn. Từ khi về đây, anh ta luôn luôn ngồi ở chỗ đó, quỳ ở bên giường. Nhưng sáng nay, thần chết đã hoàn thành công việc. Đó là tất cả, ông Holmes? Tôi tin chắc rằng tôi có thể hoàn toàn tin cậy vào sự kín tiếng của ông và của bạn ông.

Holmes siết chặt bàn tay bác sĩ, rồi nói :

- Anh Watson, chúng ta đi thôi.

Chúng tôi buồn bã rời khỏi ngôi nhà có đám tang.

Ba cái ly đựng rượu

Vào một buổi sáng mùa đông năm 1897, tôi bỗng tỉnh giấc vì có ai đó lay vai tôi. Té ra đó là Holmes.

- Dậy đi, anh Watson ! Ván bài đã bắt đầu rồi ! Chúng mình đi ngay thôi.

Mười phút sau, chiếc xe lao âm ỉm qua các đường phố yên tĩnh tới nhà ga Charing. Trời bình minh mùa đông vừa mới ánh lên nhàn nhạt và qua màn sương mù, hiện ra lờ mờ bóng dáng của vài người thợ vội đi làm. Holmes choàng kín chiếc áo bành tô, yên lặng ; tôi cũng làm như anh. Holmes rút trong túi ra một mảnh giấy và đọc to :

"Abbaye, Marsham, Kent, 3,30 sáng.

Ông Holmes thân mến ! Tôi sẽ rất vui mừng nếu ông khẩn trương giúp đỡ tôi trong việc hứa hẹn nhiều lý thú. Đành phải thả nam tước phu nhân ra, tôi sẽ giữ nguyên hiện trường. Mong ông đừng chậm trễ một phút nào cả, bởi lẽ rất khó để ngài Ở-ta lại đây. Người bạn trung thành của ông. Hốp-kin".

- Đã bảy lần Hốp-kin mời tôi. Nếu tôi không làm thì mọi sự việc của bảy lần đó đã được anh đưa vào bộ sưu tập, anh Watson. Anh biết lựa chọn những gì hay nhất, nhưng anh nhìn mọi việc theo quan điểm của một nhà văn, chứ không phải của một nhà khoa học. Anh chỉ đựng tôi một phần công việc tinh vi và tế nhị nhất của tôi, dừng lại ở những chi tiết giắt gân để lời cuốn đọc giả, nhưng lại không nếu được điều gì đáng học tập cả.

- Vậy tại sao anh không tự mình viết ra những câu chuyện đó? - Tôi hỏi, kèm theo một chút bực bội.

- Tôi sẽ viết, thế nào tôi cũng sẽ viết. Hiện nay, tôi quá bận, về già tôi sẽ viết một cuốn sách chỉ dẫn, trong đó đúc kết lại toàn bộ nghệ thuật khám phá tội ác. Theo tôi thì hôm nay Hốp-kin mời chúng ta vì có một vụ án mạng.

- Như vậy, anh cho rằng ông Ó-ta nọ bị giết ư?

- Đúng. Qua mảnh giấy đủ thấy rõ là Hốp-kin bị xúc động mạnh. Tôi nghĩ đó là vụ án mạng và xác nạn nhân được giữ lại để chờ chúng ta đến điều tra. Câu "*dành phải thả nam tước phu nhân ra*" có nghĩa là trong lúc xảy ra tấn bi kịch thì bà ta bị nhốt chặt ở đâu đó. Anh bạn Hốp-kin sẽ được nổi tiếng hơn nữa, và sáng nay chúng ta sẽ không phải chán ngán đâu. Án mạng xảy ra lúc gần nửa đêm.

- Căn cứ vào đâu?

- Căn cứ vào giờ tàu hỏa mà tính toán thời gian. Lúc bấy giờ, phải gọi cảnh sát địa phương, từ đó báo về Scotland Yard. Hốp-kin phải đi tới đó và đến nơi là gửi thư mời tôi. Phải mất suốt đêm mới làm được ngần ấy việc. Nhưng kia, đã đến Chislehurst rồi.

Vượt qua 5 cây số theo những con đường làng, chúng tôi đến cổng vào vườn cây. Người gác cổng già cho chúng tôi vào, khuôn mặt rầu rĩ của ông chứng tỏ ông vừa trải qua một cơn kinh hoàng. Giữa hai hàng du già có lối đi qua khu vườn hoa lệ dẫn đến một tòa nhà không cao lắm. Phần chính của tòa nhà trông rất cổ xưa, có dây trường xuân leo quanh, nhưng những tấm cửa sổ lớn có tu bổ lại theo kiểu hiện đại, còn một chái nhà thì hoàn toàn mới xây dựng. Bên cánh cửa ra vào mở rộng, chúng tôi nhìn thấy thân hình trẻ trung cân đối của viên thanh tra hình sự Hốp-kin.

- Tôi rất mừng vì ông đã tới, ông Holmes. Và cả ông nữa, bác sĩ Watson. Nhưng thật tình mà nói, nếu như tôi có thể bắt tay ngay từ đầu thì tôi đã không dám làm phiền các ông. Ngay khi tỉnh lại, nam tước phu nhân đã cung cấp những điều

rõ ràng, cho nên công việc cũng chẳng còn mấy nữa. Các ông còn nhớ bọn trộm chuyen bê khóa ở Lewisham chứ?

- Ba tên Răn-đa không phải?

- Đúng thế. Hai tuần trước, chúng làm ăn ở Sydenham, và bây giờ ở đây người ta cũng tả lại diện mạo của chúng. Lần này thì chúng không thể thoát khỏi giá treo cổ.

- Như vậy là ông Ó-ta đã chết?

- Bọn chúng đập vỡ đầu ông ấy bằng cái móc lò lấy từ lò sưởi ra. Ông ấy là một trong những người giàu có nhất ở Kent. Phu nhân Ó-ta bây giờ nằm trong phòng khách. Bà vừa phải trải qua một sự việc hãi hùng ! Các ông vào gặp phu nhân. Sau đó chúng ta sẽ cùng xem xét kỹ phòng ăn.

Tôi hiếm được thấy một phụ nữ có thân hình kiều diễm, phong thái thùy mị và khuôn mặt xinh đẹp như thế. Phu nhân có mái tóc vàng óng ả, đôi mắt xanh và làn da chắc phải hồng mịn, nhưng bây giờ nhợt nhạt và hết sức mệt mỏi ; trên mắt của phu nhân có một vết bầm tím lớn, sưng vù mà người hầu phòng đang dùng nước giấm chườm kỹ. Phu nhân kiệt sức nằm trên chiếc đi-văng.

- "Tôi đã kể hết cho ông rồi, ông Hốp-kin". Phu nhân ướ oải nói. "Ông không thể kể lại được hay sao? Nhưng nếu các ông cho là cần thiết thì tự tôi sẽ kể lại vậy. Hai ông đây đã đi qua bên phòng ăn chưa ạ?"

- Trước tiên, các ông ấy cần phải nghe hết câu chuyện của phu nhân đã.

- Chỉ khi nào chấm dứt được câu chuyện khủng khiếp này thì tôi mới dễ thở được.

Phu nhân rùng mình và lấy tay che mặt trong giây lát. Ống tay áo thùng thình của phu nhân tuột lên để lộ tận khuỷu tay.

- Tay phu nhân còn có thêm những vết thương. Vết gì đây này?

Hai vết đỏ bầm hằn lên trên làn da tay trắng mịn của phu nhân. Phu nhân vội kéo áo che lại.

- "Không sao. Cái đó không liên can gì đến những sự việc đêm qua. Ông và bạn của ông hãy ngồi xuống đây."

Chúng tôi lấy nhau gần một năm nay. Cuộc hôn nhân của chúng tôi không được hạnh phúc. Có lẽ tất cả láng giềng chúng tôi đều có thể cho các ông biết như vậy. Có thể lỗi lầm phần nào là do tôi. Tôi lớn lên trong những điều kiện thoải mái, vì thế cuộc sống trên đất Anh với những phép xã giao nghiêm ngặt và có tính cách cầu kỳ không hợp với tôi. Nhưng cái chính là, ông Ông-ta nghiện rượu nặng. Các ông thử tưởng tượng một phụ nữ trẻ trung, nhạy cảm và sôi nổi phải sống cùng với một người say cả ngày lẫn đêm !"

Phu nhân nhồm người lên trong giây lát, đôi má hồng rục và ánh mắt long lanh. Tôi cảm thấy vết đỏ bầm càng kinh khủng hơn. Bàn tay khỏe mạnh và dịu dàng của bà hầu phòng đặt đầu phu nhân lên gối và cơn tức giận vừa bùng lên, chuyển thành tiếng nức nở nghẹn ngào.

Nhưng rồi phu nhân lại nói tiếp :

- "Tất cả mọi người hầu đều ngủ ở chái nhà mới. Phần chính của nhà là các phòng ở, đằng sau là bếp, phòng ngủ của chúng tôi ở tầng trên. Bà hầu phòng này thường nghỉ phía trên phòng ngủ của tôi. Ngoài ra, ở đây không có ai nữa, và không một tiếng động nào có thể vọng đến những người trong chái nhà mới làm thêm."

"Ông Ông-ta lui về phòng riêng vào khoảng gần 10 giờ 30. Những người hầu đều đã đi ngủ hết. Chỉ có bà hầu phòng của tôi ngồi chờ ở phía trên, xem tôi có gọi làm gì không. Tôi ngồi đọc sách trong phòng này. Lúc hơn 11 giờ, trước khi lên phòng trên, tôi đi xem thử mọi thứ trong nhà đã xếp đặt gọn gàng chưa. Tôi đảo qua bếp, vào phòng dựng đồ ăn gần chỗ ngủ của tay quản lý, vào phòng để vũ khí, phòng chơi bi-da, phòng

khách và cuối cùng vào phòng ăn. Lúc bước tới gần cửa có những tấm màn treo che kín, tôi thấy có gió lùa và hiểu ngay là cửa đã bị mở ra. Tôi kéo bức màn cửa và thấy một gã đàn ông đứng tuổi. Lúc đó tôi cầm trong tay ngọn nến nên trông thấy đằng sau gã đàn ông còn có hai người nữa, cũng vừa bước vào nhà. Tôi lùi lại, nhưng gã nhẩy xổ vào tôi, tóm lấy tay tôi, rồi hấn chặn ngang cổ họng tôi. Tôi định kêu lên, nhưng hấn nện luôn một quả đấm như trời giáng lên đầu và quật tôi ngã xuống sân nhà. Hình như tôi ngất xỉu đi, vì mấy phút sau, khi tôi tỉnh lại thì bọn cướp đã đứt một đoạn dây chuông và trói chặt tôi vào chiếc ghế bành. Tôi bị nhét khăn vào miệng. Lúc đó chòng tôi bước vào phòng. Ông ấy vẫn mặc quần áo ngủ, nhưng trong tay cầm chiếc đuôi cui, vốn là vũ khí ông ấy ưa dùng. Ông ấy nhẩy xổ vào một tên cướp nhưng gã đàn ông vớ lấy chiếc móc sắt thông lò và bỏ một nhát mạnh vào đầu ông ấy. Chòng tôi ngã gục ngay xuống không kịp kêu một tiếng. Tôi lại ngất đi, nhưng mấy phút sau tôi tỉnh lại. Mở mắt ra, tôi nhìn thấy bọn cướp đã dọn hết tất cả đồ dùng bằng bạc trong tủ đựng đồ ăn và còn lấy ra cả một chai rượu vang nữa. Mỗi tên làm một cốc. Tôi đã nói với các ông là một tên trong bọn cướp đã già, có râu, còn hai tên kia là thanh niên. Chúng thàm thì với nhau chuyện gì đó, rồi chúng tiến đến chỗ tôi, kiểm tra xem đã trói tôi chặt chưa. Xong rồi chúng bỏ đi, khép chặt chân cửa lại. Mãi đến mười lăm phút sau, tôi mới đẩy được chiếc khăn ra khỏi miệng. Tôi kêu to lên, bà hầu phòng chạy xuống. Những người hầu khác cũng tỉnh dậy, rồi chúng tôi cho người đi báo cảnh sát. Đây là tất cả những gì tôi có thể kể lại, thưa các ông”.

- Ông có muốn hỏi gì nữa không, ông Holmes? - Hốp-kin lên tiếng hỏi.

- “Không, tôi không muốn thử thách sự chịu đựng và lạm dụng thời gian của phu nhân nữa”. Holmes quay sang phía bà

hầu phòng: “Nhưng trước khi sang xem xét phòng ăn, tôi rất muốn được nghe bà kể lại sự tình”.

- “Tôi trông thấy chúng trước khi chúng vào nhà. Tôi ngồi bên cửa sổ phòng tôi và bỗng nhìn thấy ba người đàn ông đứng gần chòi canh của người gác cổng. Buổi tối có trăng. Nhưng lúc đó tôi không nghĩ tới điều gì xấu cả. Chẳng một giờ sau, tôi nghe tiếng cô chủ rên rỉ, tôi chạy nhào xuống và thấy cô chủ bị trói chặt vào chiếc ghế này. Ông chủ nằm gục trên sàn nhà, óc và máu của ông vương khắp phòng, thậm chí bắn lên cả áo cô chủ. Ai mà chẳng ngất đi trước một cảnh tượng như vậy. Nhưng cô chủ của tôi vốn là một phụ nữ can đảm. Cô ấy chẳng thay đổi tí nào sau khi trở thành phu nhân Ó-ta. Các ông đã hỏi cung cô ấy đã lâu quá rồi đấy, thưa các ông. Người hầu già này xin đưa cô chủ về phòng ngủ”.

Người đàn bà gầy gò, khắc khổ, bằng cử chỉ dịu dàng như một người mẹ, đưa tay ôm ngang lưng cô chủ mình và dẫn ra khỏi phòng.

- “Bà ta sống với phu nhân suốt đời”. Hốp-kin nói. “Bà ta trông nom phu nhân từ hồi phu nhân còn bé. Một năm rưỡi trước đây, họ rời khỏi Australia cùng nhau sang đất Anh. Bà ta tên là Rai-tơ”.

Khuôn mặt lạnh lợi của Holmes trở nên lãnh đạm. Tôi biết đối với anh bây giờ, tất cả sự hấp dẫn của sự việc đã biến mất. Thật vậy, chỉ còn lại việc truy tìm và tóm cổ thủ phạm. Mà việc đó thì quá tầm thường, không đáng để Holmes bỏ công sức vào. Nhưng khi bước vào phòng ăn và tận mắt nhìn thấy quang cảnh tội ác, Holmes linh hoạt hẳn lên.

Phòng ăn là một căn phòng lớn, trần cao, ghép bằng gỗ sồi và chạm trổ, những tấm xà ngang cũng bằng gỗ sồi, khắp bốn bức tường treo đầy sừng hươu và vũ khí cổ. Đối diện với lối vào, ở xó trong cùng của căn phòng là cánh cửa lắp kính mà phu nhân Ó-ta nói tới. Bên phải có ba cửa sổ để ánh mặt

trời rọi vào. Phía trái có một chiếc lò sưởi to, đáy sau nằm dưới khung gỗ sồi đồ sộ. Cửa mở ra rộng hoác. Cạnh lò sưởi là chiếc ghế bành làm bằng gỗ sồi nặng. Một đoạn dây đỏ xuyên qua khe hở của cửa chạm trở, hai đầu dây buộc vào thanh ngang phía dưới. Khi người ta đến cúi trối cho phu nhân thì dây trối tuột xuống, nhưng những nút buộc vẫn chưa được cởi ra.

Nạn nhân nằm sóng soài trên tấm da hổ trước lò sưởi.

Đó là một người đàn ông chừng 40 tuổi, thân hình cao lớn, có bộ râu đen tua tủa, nhe răng trắng nhớn như đang cười gằn. Hai bàn tay nắm chặt, đưa lên phía trên đầu, chiếc dùi cui nặng nề còn nằm ngang trên cánh tay. Đầu nạn nhân bị đập vỡ, và mọi vết tích trong phòng đều nói lên cú đánh thật mạnh. Bên cạnh nạn nhân là que sắt nặng, dùng để thông lò đã bị cong lại. Holmes xem kỹ que sắt thông lò và vết thương.

- Tên cướp Rắn-đa già chắc phải là một gã cực khỏe - Anh nhận xét.

- Đúng. Tôi có một ít số liệu về hắn đấy. Hắn là một tên tội phạm nguy hiểm.

- Ông có thể tóm nó một cách dễ dàng.

- Tất nhiên. Chúng tôi theo dõi hắn từ lâu rồi. Có tin đồn là hắn đã chuẩn sang Mỹ. Té ra hắn còn ở đây. Bây giờ thì hắn khó thoát khỏi tay chúng tôi. Tôi chỉ không hiểu một điều : sao chúng lại dám gây ra một vụ liều lĩnh như thế này một khi chúng thừa biết rằng phu nhân sẽ tả lại hình dáng của chúng cho chúng tôi, và dựa vào đó, chúng tôi sẽ nhanh chóng nhận dạng ra chúng.

- Vì sao chúng không giết luôn phu nhân Ó-ta nhỉ?

- Có lẽ chúng nghĩ rằng còn lâu phu nhân mới tỉnh lại.

- Tôi đưa ra giả thiết.

- Rất có thể. Chúng thấy phu nhân bất tỉnh nhân sự nên thương hại. Thế ông có thể cho biết được gì về nạn nhân này, ông Hốp-kin? Hình như tôi có nghe tiếng đồn về ông ta không lấy gì làm hay cho lắm.

- Lúc tỉnh rượu, ông ta là một người không đến nỗi tồi. Nhưng khi uống vào thì ông ta trở thành một con quái vật thực sự. Mặc dù có tước vị và tiền của, ông ta đã hai lần suýt rơi vào tay chúng tôi. Một lần ông ta tưởi đầu hỏa lên con chó của phu nhân và châm lửa đốt. Chúng tôi đã cố tình im đi chuyện lôi thôi đó. Lần khác ông ta ném cả một chiếc bình đựng nước vào người bà hầu phòng, chính bà Rai-tơ chứ còn ai. Ừ, ông làm gì thế, ông Holmes ?

Holmes quỳ xuống và xem rất kỹ những nút buộc trên sợi dây mà bọn cướp đã trói phu nhân vào ghế. Xong rồi, anh cũng xem xét tỉ mỉ đầu dây bị đứt xơ hết cả ra.

- Khi chúng giật đoạn dây này thì cái chuông trong bếp chắc đã kêu to lên mới phải - Holmes nhận xét.

- Đúng, nhưng không ai có thể nghe được tiếng chuông. Bếp ở bên phải, phía đối diện của tòa nhà.

- Do đâu mà tên cướp biết được rằng mọi người không nghe được tiếng chuông? Sao hắn dám giật đứt dây chuông một cách bất cẩn như thế nhỉ?

- Đúng, bọn cướp phải biết rõ ngôi nhà và có cả cách sắp xếp trong nhà. Như vậy thì có kẻ nào đó trong số những người hầu phải là đồng lõa của chúng. Nhưng trong nhà có tám người hầu và người nào cũng được nhận xét rất tốt cả.

- Xét những hoàn cảnh ngang bằng của mọi người đó, thì có thể nghi ngờ bà hầu phòng mà có lần ông chủ ném chiếc bình nước vào người. Nhưng nếu làm như thế có nghĩa là phản lại cô chủ, mà bà Rai-tơ lại trung thành vô hạn với cô chủ. Tuy nhiên, điều đó chỉ là tình tiết phụ. Sau khi bắt tên Răn-đa, ông sẽ chẳng khó khăn gì xác định ra cả những tên tòng phạm với hắn. Tất cả những gì chúng ta thấy ở đây hoàn toàn xác nhận lời kể của phu nhân.

Anh bước đến bên cánh cửa lắp kính và mở ra.

- Không có một dấu vết nào cả, mà cũng chẳng thể nào có được : mặt đất cứng như đá. Hơn nữa, những ngọn nến để trên lò sưởi cháy suốt đêm.

- Đúng. Chính những ngọn nến này và ngọn nến trong phòng ngủ của phu nhân đã làm vật định hướng cho bọn cướp.

- Bọn cướp đã cướp đi những gì?

- Chẳng nhiều lắm đâu. Chỉ nửa tá bộ đồ ăn bằng bạc trong tủ đựng thức ăn. Phu nhân cho rằng sau khi giết chồng bà, bọn chúng hoảng hốt và không cướp đi bằng hết mọi thứ.

- Có thể như vậy. Chỉ có điều ngạc nhiên là chúng vẫn đủ bình tĩnh để nán lại và uống rượu vang.

- Chắc là chúng muốn trấn tĩnh tinh thần.

- Có lẽ, ngày hôm nay chưa ai dụng đến những chiếc cốc này chứ?

- Chưa, chai rượu vẫn còn để trong tủ.

- Bây giờ chúng ta cùng xem. Thế cái gì đây?

Ba chiếc cốc đứng thành một hàng, cốc nào cũng có dấu rượu vang. Ở đáy một chiếc cốc có cạnh đen như thường thấy trong rượu vang cất lâu năm. Cạnh đáy là chai rượu còn lại hai phần ba, kề bên có cái nút chai dài thắm đầy rượu vang.

Ánh mắt của Holmes bỗng thay đổi hẳn, sinh động hẳn lên. Anh nhặt cái nút chai lên và xem xét một lúc lâu.

- Bọn chúng đã mở nút chai ra bằng cách nào nhỉ?

Hộp-kín hát hàm về phía chiếc ngăn tủ bị kéo ra nửa chừng. Trong ngăn kéo có mấy chiếc khăn trải bàn và một cái mở nút chai khá to.

- Phu nhân có nhắc đến cái mở nút chai này không?

- Không. Khi chúng mở nút chai thì phu nhân đã ngất đi rồi.

- Ừ, đúng thế. Chúng mở nút chai bằng cái ruột gà chuyên mở nút của con dao xép có bộ dụng cụ kèm theo. Cái ruột gà đó dài không quá 4 cm. Nếu xem xét kỹ đầu nút chai thì thấy rõ cái ruột gà này xoáy vào ba lần mới rút được nút chai ra. Còn cái mở nút chai dày này chắc phải xuyên qua nút

chai và rút nó ra ngay từ lần đầu tiên. Bao giờ các ông bắt được tên này, nhất định các ông phải tìm trong người hắn con dao xếp nhé.

- Tuyệt ! - Hốp-kin thốt lên.

- Nhưng thú thực, mấy chiếc cốc này đặt tôi vào thế bí. Phu nhân có thực nhìn thấy ba tên nọ uống rượu vang hay không?

- Có, phu nhân có nhìn thấy.

- Thế thì chẳng biết nói gì nữa ! Tuy nhiên, ông Hốp-kin này, ông phải thừa nhận là những chiếc cốc này đáng được để ý tới. Sao? Ông không nhận thấy gì cả ư? Thôi được, không sao cả. Có thể, những chiếc cốc này không có ý nghĩa gì cả. Thôi, chúc ông vạn sự như ý. Bao giờ bắt được tên Răn-da, ông nhớ báo cho tôi biết. Chúng ta đi thôi, anh Watson.

Trên đường trở về, tôi thấy có một điều gì đó làm Holmes không yên tâm. Thình thoảng anh dùng ý chỉ để xoa khỏi mình ấn tượng không hợp lý nào đó. Nhưng mỗi hoài nghi lại cứ ám ảnh tâm trí anh. Đôi lông mày anh chau lại, đôi mắt nhìn lơ đãng chứng tỏ mọi suy nghĩ của anh lại hướng về cái phòng ăn rộng ở Abbaye. Và cuối cùng, tại một ga ngoại ô, khi con tàu đã chuyển bánh, Holmes không cưỡng nổi những mối hoài nghi nữa, anh nhảy xuống mép sân ga, và kéo tôi xuống luôn.

- Xin lỗi, tôi lấy làm xấu hổ khi biến anh thành nạn nhân của tính kỳ quặc của tôi mỗi khi nó xuất hiện. Nhưng tôi không thể để vụ án trong tình trạng như thế được. Lời kể của phu nhân khá chính xác và rõ ràng, trong lời khai của bà hầu phòng cũng không hề có điều gì mâu thuẫn cả, mọi tình tiết đều ăn khớp với nhau. Tôi lấy gì để bác lại những điều đó ư? *Ba chiếc cốc*. Chỉ có thể thôi. Ngồi xuống chiếc ghế này đã, anh Watson, chúng ta đợi tàu để đi tới Chislehurst. Còn bây giờ, tôi yêu cầu anh phải coi những lời khai của cô chủ nhà

và bà hầu phòng không còn là sự thật bất di bất dịch nữa. Không được để nét duyên dáng của phu nhân gây cản trở những kết luận của chúng ta. Có những chi tiết đáng ngờ. Những tên trộm bẻ khóa nọ cách đây hai tuần vừa mới làm một phi vụ táo bạo ở Sydenham. Báo chí đã đăng một số tin tức về chúng và đưa ra những đặc điểm của chúng. Vì vậy nếu ai có ý định phịa ra giả thuyết về một vụ cướp, người đó hoàn toàn có thể sử dụng những điều trên báo chí. Thử nghĩ, chẳng lẽ bọn chúng vừa mới thực hiện một phi vụ rất đạt, nay lại lao ngay vào vụ mới đây nguy hiểm thay vì ngồi yên ở một chỗ nào đó mà hưởng? Hơn nữa, chẳng lẽ bọn cướp lại hành động vào thời điểm sớm như thế, đánh một phụ nữ để cô ta im miệng. Để lại chai rượu uống dở cũng không hợp quy tắc của hạng người này. Những điều phi lý không làm anh ngạc nhiên hay sao, anh Watson?

- Điều kỳ quái nhất trong vụ này là việc chúng trói phu nhân vào chiếc ghế.

- Cái đó không lạ lẫm, anh Watson. Hoặc là chúng phải giết cô ta, hoặc là phải làm sao để cô ta không hô toáng lên ngay khi chúng chuẩn đi. Tuy nhiên, trong câu chuyện, không phải tất cả đều đáng tin. *Nhưng tệ nhất vẫn là mấy chiếc cốc đó.*

- Sao anh cứ để ý mãi đến mấy chiếc cốc đó? - Anh có thể hình dung ra chúng được không?

- Có thể.

- Phu nhân nói rằng cả ba tên đều uống bằng những chiếc cốc đó. Điều đó có làm cho anh hồ nghi không?

- Không. Bởi vì trong cốc nào cũng còn dấu rượu vang cả.

- *Nhưng tại sao trong một cốc lại có cặn, còn hai chiếc kia thì không có... Anh giải thích cái đó như thế nào?*

- Chiếc cốc có cặn chắc là được rót sau cùng.

- Hoàn toàn không phải thế. Chai rượu còn đầy, cặn phải lắng ở đáy chai, bởi vậy rượu trong cốc thứ ba nhất thiết phải giống như rượu ở hai cốc đầu tiên. Chỉ có hai cách lý giải : Sau khi rót rượu vào cốc thứ hai, bọn cướp lắc mạnh chai cho nên tất cả cặn lắng vào cốc thứ ba.

- Còn cách lý giải thứ nhì?

- *Người ta chỉ uống rượu trong hai cốc thôi, còn cốc thứ ba là họ đổ phần cặn vào, bởi thế mà chỉ một cốc có cặn còn hai cốc kia thì không.* Đúng. Sự việc đã xảy ra như thế đấy. Nhưng như vậy thì đêm qua trong phòng ăn chỉ có hai người, chứ không phải ba, và thế là câu chuyện từ những chi tiết tâm thường lập tức trở thành một sự việc hết sức lý thú. Như vậy, hai người đàn bà đó đã nói dối. Chắc hẳn họ có những lý do hết sức xác đáng để che giấu cho tên hung thủ thật. Bởi thế chúng ta buộc phải tự mình khôi phục lại toàn bộ khung cảnh của sự việc mà không trông cậy vào sự giúp đỡ của họ. Kia, con tàu đi Chislehurst đã đến kia rồi.

Việc chúng tôi quay lại làm cho mọi người ở Abgaye rất đổi ngạc nhiên. Hay tin Hốp-kin đã đi về báo cáo với sếp, Holmes vào phòng ăn, khóa cửa bên trong lại và suốt hai giờ liền nghiên cứu nơi xảy ra tội ác hết sức tỉ mỉ. Cửa sổ, bức màn treo, tấm thảm, chiếc ghế bành, đoạn dây thừng - mọi vật đều được nghiên cứu kỹ và đều có nhận xét từng đồ vật. Thi thể của vị nam tước xấu số đã được đưa đi, những vật còn lại vẫn để nguyên chỗ cũ. Holmes leo lên tấm gỗ sồi làm khung ngang trên lò sưởi. Đoạn dây màu đỏ vẫn còn nối liền với dây chuông treo lưng lửng phía trên đầu anh. Holmes nhìn lên đó khá lâu, sau đó anh ti gối lên gờ tường và đưa cánh tay lên phía đầu đoạn dây đứt. Chỉ còn một tác nữa là với tới đoạn dây. Nhưng ngay lúc đó anh chú ý đến gờ tường. Quan sát xong, anh rất hài lòng và nhảy xuống sàn nhà.

- Vụ án đã được khám phá. Đây sẽ là một trong những vụ lý thú nhất trong bộ sưu tập của anh. Tuy nhiên quả là tôi tối dạ quá chừng, suýt nữa thì tôi phạm một sai lầm lớn.

- Anh đã biết những kẻ đó là ai rồi ư?

- *Những kẻ đó, chỉ là một người thôi !* Nhưng là một nhân vật đáng gờm. Hấn khỏe như sư tử. Hấn cao gần 1,9 mét, nhanh nhẹn như một con sóc, có những ngón tay rất khéo léo. Thông minh và nhanh trí. Toàn bộ vở kịch này là do hấn sáng tác. Đúng, anh Watson, chúng ta đụng độ với một nhân vật đặc biệt. Tuy nhiên, hấn vẫn còn để lại dấu vết. Đoạn dây chuông chính là chìa khóa để giải quyết toàn bộ sự việc.

- Tôi không hiểu được.

- Giả sử anh cầm đoạn dây này và anh giật mạnh nó thì liệu nó sẽ đứt ở khúc nào? Tất nhiên nó sẽ đứt ra ở chỗ nối với dây kim loại chứ. Tại sao nó lại đứt phía dưới, cách mấy in-sơ?

- Bởi vì ở khúc đó bị sờn.

- Chính vì thế. Và đầu dây đứt đúng là bị sờn thật. Tên này có đủ thông minh để dùng dao tạo ra vết sờn giả. Nhưng đầu dây trên kia lại còn nguyên vẹn. Đứng dưới này không thấy rõ đầu. Nhưng nếu đứng lên tấm gỗ trên lò sưởi thì có thể giải thích một cách dễ dàng. Đầu dây bị cắt đứt rất trơn, và trên đó không hề có một vết sờn nào cả. Tên đó không giật đứt sợi dây vì sợ chuông reo gây động. Để cắt được đoạn dây, hấn thấy như vậy vẫn còn thấp quá. Lúc bấy giờ hấn tì gối lên bờ tường, trên lớp bụi bám trên đó vẫn còn dấu vết, hấn đưa tay ra và dùng dao cắt đứt đoạn dây. Tôi còn thiếu 8 cm nữa mới với tới đầu dây bị cắt. Dựa vào đó tôi kết luận là hấn ta cao hơn tôi ít nhất là 8 cm. Còn bây giờ, anh hãy nhìn lên mặt ghế bành. Cái gì đây?

- Máu.

- Máu. Chỉ mỗi chi tiết này cũng chứng tỏ câu chuyện của phu nhân là một sự bịa đặt từ đầu đến cuối. Nếu phu nhân đã ngồi ở ghế khi án mạng xảy ra thì lấy đầu ra những vết máu trên mặt ghế? Không, người ta đặt phu nhân ngồi lên ghế

sau khi ông chồng đã bị giết. Chúng ta mở đầu từ thất bại, nhưng kết thúc bằng thắng lợi. Còn bây giờ tôi muốn nói chuyện với bà Rai-tơ một tí.

Bà hầu phòng người Australia ít nói, da nghi, lạnh lùng và mãi sau bà mới dịu giọng nhờ thái độ nhã nhặn của Holmes và nhờ anh sẵn lòng lắng nghe tất cả những gì bà ta nói ra.

- Vâng, việc ông ấy ném cả bình nước vào người tôi là có thật. Ông ấy chửi rủa cô chủ hết sức tục tằn trước mặt tôi, và tôi đã bảo cho ông ấy biết nếu anh của cô ấy có mặt ở đây thì ông ấy không dám lẳng mạ như vậy. Thế là ông ấy ném luôn cái bình vào người tôi. Hàng ngày ông ấy có ném bình ném lọ vào tôi thì cũng chẳng sao, miễn là đừng xúc phạm đến cô chủ. Ông ấy hành hạ cô chủ đến thế là cùng ! Vậy mà cô chủ không khi nào phàn nàn. Các ông đã trông thấy những vết xây xước trên tay cô ấy chưa? Cô ấy không hề nói cho tôi biết vì sao mà có những vết đó. Nhưng tôi biết chứ, đó là do ông ấy dùng chiếc ghim cài mũ đâm vào tay cô ấy. Cách đây một năm rưỡi, khi chúng tôi gặp ông ấy lần đầu, ông ấy ngọt ngào như mật ong. Lúc bấy giờ con bò câu nhỏ bé vừa mới tới Luân Đôn, lần đầu tiên sống xa nhà. Ông ấy làm cho cô ấy ngợp cả lên vì tước vị, tiền của và cái hào nhoáng đối trá của Luân Đôn. Cô chủ đã phạm sai lầm và phải trả bằng một giá quá đắt. Chúng tôi làm quen với ông ấy vào tháng nào ư? Ngay sau khi chúng tôi sang đây. Chúng tôi đến vào tháng sáu, quen ông ta vào tháng bảy. Họ cưới nhau vào tháng giêng năm ngoái.

Vâng, bây giờ cô ấy đang nằm trong phòng khách. Tất nhiên, cô ấy sẽ nói chuyện với các ông. Nhưng mong các ông đừng làm tình làm tội cô ấy bằng những câu cật vấn nữa, cô ấy đã phải chịu đựng nhiều rồi !

Phu nhân nửa nằm nửa ngồi trên chiếc đi-văng có gối, nhưng trông đã khá lên nhiều.

- Tôi hy vọng rằng các ông tới không phải để hỏi cung tôi.

- “Không đâu”, Holmes đáp lại hết sức nhẹ nhàng. “Tôi sẽ không dám làm phiền phu nhân nhiều. Tôi chỉ có một nguyện vọng là giúp đỡ phu nhân, bởi lẽ tôi biết phu nhân đã chịu nhiều đau khổ rồi. Phu nhân cứ đối xử với tôi như một người bạn, phu nhân cứ tin vào tôi, và phu nhân sẽ không phải ân hận đâu”.

- Thế tôi phải làm gì cơ?

- Kể hết sự thật cho tôi.

- Ông Holmes !

- Không, không, thưa phu nhân, làm như thế là vô ích. Chắc rằng phu nhân đã nghe tiếng tôi. Vậy thì tôi xin đánh liều cả tên tuổi và danh tiếng của mình để quả quyết câu chuyện của phu nhân kể từ đầu đến cuối chỉ là chuyện hư cấu.

- Thật là càn rỡ ! Các ông muốn nói là cô chủ của tôi nói dối hay sao? - Bà Rai-tơ kêu lên.

Holmes rời ghế đứng lên.

- Như vậy là phu nhân không còn gì để nói với tôi ư?

- Tôi đã kể hết mọi chuyện.

- Mong phu nhân suy nghĩ lại đi. Thành thực kể lại mọi chuyện chẳng tốt hơn sao?

Nét phân vân hiện lên trên khuôn mặt tuyệt đẹp của phu nhân. Nhưng ngay khoảnh khắc đó, khuôn mặt ấy lại lạnh lùng như mặt nạ.

- Tôi không biết gì hơn nữa.

- Thật đáng tiếc ! - Holmes nhún vai và cầm lấy mũ. Hai chúng tôi lặng lẽ bước ra cửa phòng và rời khỏi ngôi nhà.

Trong vườn có một cái ao. Holmes bước ra phía đó. Nước trong ao đóng băng hết. Nhưng trên mặt băng có một hố nước, dành cho một con thiên nga độc thân trú đóng ở đây.

Holmes đưa mắt nhìn vào lỗ nước không đóng băng ; xong, chúng tôi đi về phía chòi canh của người gác vườn. Tại đó Holmes viết một mảnh giấy gởi cho Hốp-kin và gửi lại chỗ người gác vườn.

- Dầu chúng ta bắn trúng hoặc bị trượt đi chẳng nữa, thì Hốp-kin cũng phải biết một điều gì đó. Nếu không thì anh ta nghĩ như thế nào về chuyến đến thăm lần thứ hai của chúng ta? Tuy nhiên, cho anh ta biết tường tận mọi việc thì còn quá sớm. Bây giờ địa điểm hoạt động của chúng ta sẽ là Ban quản trị đường biển tuyến Adelaide- Southampton.

Tấm danh thiếp của Holmes chuyển cho ông chủ nhiệm ban quản trị đã có hiệu lực màu nhiệm. Chẳng mấy chốc, Holmes đã nắm được mọi tin tức mà anh quan tâm.

Vào tháng 6-1895 chỉ có một chiếc tàu của công ty "Rock of Gibraltar" về nước cập bến. Trong danh sách hành khách có tên tiểu thư Ma-ry (đi từ Adélaide tới) và bà hầu phòng. Hiện nay chiếc tàu này đang trên đường đến Australia chắc đang ở đâu đó phía nam kênh Suez. Đội thủy thủ vẫn nguyên như hồi năm 1895, trừ một trưởng hợp thay đổi : phó thuyền trưởng thứ nhất Crâu-cơ được bổ nhiệm làm thuyền trưởng tàu "Bass Rock" hai ngày nữa sẽ rời cảng Southampton. Crâu-cơ sống ở Sydenham, nhưng sáng nay anh ta phải đến cảng nhận chỉ thị. Có thể chờ gặp anh ta tới.

Holmes không muốn gặp anh ta, nhưng nếu được xem bản hồ sơ lý lịch anh ta và biết anh ta là người như thế nào thì cũng hay. Trong cả hạm đội không có một sĩ quan nào có thể sánh được với thuyền trưởng Crâu-cơ. Anh ta là người cần mẫn và chính xác, nhưng ngoài giờ làm việc đôi lúc anh ta biểu hiện tính nóng nảy không gì kiềm chế được. Nhưng nói chung, anh ta là người rất tốt bụng, trung thực và đáng tin cậy trong công việc.

Đó là những điều Holmes biết được tại ban quản trị tuyến đường Adelaide-Southampton.

Từ đó chúng tôi đi xe ngựa tới Scotland Yard. Nhưng khi tới Sở cảnh sát, Holmes không bước ra mà vẫn ngồi yên trên xe, châu mày và đăm chiêu suy nghĩ. Dứt tỉnh ra khỏi dòng suy nghĩ, anh ra lệnh cho xe chạy tới trạm điện báo, tại đây anh gửi đi một bức điện gì đó. Và chỉ sau lúc đó, chúng tôi mới quay về phố Baker.

- Không, tôi không thể làm thế được, anh Watson ạ. Nếu người ta viết lệnh bắt thì không có gì trên đời này có thể cứu được anh ta. Đây là lần thứ hai, tôi cảm thấy rằng sau khi phát hiện ra thủ phạm, tôi sẽ gây ra tai hại lớn hơn cả thủ phạm đã gây ra tội ác. Tôi đã biết được cách thận trọng và tốt nhất là tôi sẽ làm trái với luật pháp nước Anh, còn hơn là làm trái với lương tâm. Trước khi hành động, chúng ta phải biết rõ thêm một vài điều nữa.

Gần chiều, viên thanh tra hình sự Hóp-kin đến chỗ chúng tôi. Công việc của anh ta tiến hành không đạt lắm.

- Ông đúng là bậc tiên tri, ông Holmes ạ. Quả thực, do có phép lạ gì mà ông biết được những đồ vật bằng bạc bị mất nọ lại nằm dưới đáy ao?

- Thế mà tôi lại không biết chuyện đó cơ đấy.

- Nhưng ông đã chẳng khuyên tôi xem kỹ cái ao là gì?

- Và ông đã tìm ra những đồ bằng bạc ư?

- Tìm ra rồi.

- Tôi rất mừng, vì đã giúp được ông.

- Nhưng ông không giúp được tôi ! Ông chỉ làm cho vụ án thêm rắc rối. Đâu lại có những tên bẻ khóa trộm, cuỗm đi những đồ bằng bạc rồi sau đó lại ném xuống một cái ao?

- Bọn cướp này khá là kỳ quặc. Những người đi lấy những đồ bằng bạc để đánh lạc hướng thì phải cố gắng tìm cách nhanh chóng vứt bỏ nó đi.

- Nhưng làm sao mà ông lại có thể nghĩ ra như thế được.

- Chẳng qua là tôi đã nghi ngờ như thế. Khi bọn cướp ra khỏi nhà, sát ngay mũi chúng là một cái ao có lỗ thủng trên

bằng đây sức quyền rũ. Liệu có thể nghĩ ra một chỗ tốt hơn để giấu những đồ bằng bạc đó không?

- Đúng là phải giấu đi !

Hộp-kin reo lên. Đúng, bây giờ thì tôi rõ cả rồi? Vào lúc nửa đêm trên đường vẫn còn có người. Bọn thủ phạm sợ người ta sẽ nhìn thấy chúng ôm đồ bằng bạc, và thế là chúng vứt xuống ao để về sau có thể quay lại lấy. Tuyệt thật. Điều này có lý hơn là giả định của anh về việc cuộm đồ bằng bạc để đánh lạc hướng mọi người.

- Có lẽ ông nói đúng. Những điều lý giải của tôi, tất nhiên, nghe rất phi lý. Nhưng ông phải công nhận rằng những điều đó đã giúp tìm ra những đồ bằng bạc bị mất trộm.

- Đúng. Đó là công lao của ông. Nhưng đến đó vẫn chưa hết chuyện. Một điều thất vọng chua chát đã đến với tôi.

- Thất vọng?

- Sáng nay, bọn cướp Răn-đa đã bị tóm cổ ở New York.

- Thật là kinh khủng, ông Hộp-kin. Giả thiết của ông đồ vỡ rồi. Nếu bắt được chúng ở New York thì đêm qua làm sao chúng có thể gây ra án mạng ở Kent được !

- Đối với tôi đó là một đòn sét đánh. Thật ra thì vẫn còn những băng cướp ba tên nữa. Mà cũng có thể đây là hoạt động của một bọn khác mà cảnh sát chưa biết đến chẳng.

- Rất có thể như vậy. Thế ông định làm gì bây giờ?

- Tôi sẽ tiếp tục điều tra, liệu ông có thể mách giùm tôi điều gì không?

- Thì tôi đã mách nước cho ông rồi còn gì.

- Cụ thể là gì nhỉ?

- Ông còn nhớ là để đánh lạc hướng chứ?

- Nhưng với lý do gì?

- Tôi gọi cho ông một ý như vậy, ông cứ suy nghĩ đi. Có thể nó dẫn đến một điều gì đó. Ông ở lại dùng bữa trưa cùng

chúng tôi nhé? Không à? Thôi, chào ông. Ông nhớ báo cho chúng tôi biết tình hình nhé.

Chỉ đến bữa trưa, khi bàn ăn đã dọn đi rồi, Holmes mới nhắc tới vụ án mạng ở Abbaye. Anh châm tẩu hút. Sau đó anh bỗng liếc nhìn đồng hồ.

- Tôi đang chờ có sự kiện, anh Watson.

- Bao giờ thế?

- Bây giờ, còn vài phút nữa. Tôi dám đánh cược là anh cho rằng tôi đã xử sự không tốt đối với Hốp-kin.

- Tôi tin vào ý kiến sáng suốt của anh.

- Anh rất có nhã ý, anh Watson. Anh phải có cách nhìn nhận vấn đề này : tôi là nhân vật không chính thức, còn Hốp-kin mới là nhân vật chính thức. Tôi có quyền hành động theo ý kiến riêng của tôi, còn anh ta thì không. Anh ta phải tiến hành mọi việc ở mức độ hiểu biết của anh ta, làm khác đi là phản lại công vụ. Trong trường hợp còn nghi vấn, tôi không thể đưa anh ta vào tình trạng khó giải quyết được. Bởi vậy chúng ta hãy chờ cho đến lúc sự việc sáng tỏ.

- Thế bao giờ sự việc sẽ sáng tỏ?

- Chóng thôi mà. Ngay bây giờ anh hãy xem cảnh cuối của vở kịch ngắn, nhưng thực là tuyệt vời đấy nhé !

Có tiếng bước chân vội lên cầu thang, cánh cửa phòng chúng tôi bật ra và một thủy thủ xuất hiện.

Đó là một thanh niên cao to, mắt xanh, có bộ ria mép màu vàng kim, nước da sạm nắng : dáng đi nhẹ nhàng, lanh lợi, chứng tỏ anh ta vừa khỏe lại vừa nhanh nhẹn.

Anh ta khép cánh cửa lại sau lưng và đứng yên, hai tay nắm chặt, thở hổn hển vì xúc động.

- Mời ông ngồi, thuyền trưởng Crau-cơ. Ông nhận được bức điện của tôi rồi chứ?

Người khách ngồi xuống trên chiếc ghế bành và đưa mắt dò xét nhìn Holmes quay sang phía tôi.

- Tôi đến đúng giờ hẹn, tôi sẵn sàng lắng nghe.

- Anh mời thuyền trưởng một điếu xì gà, anh Watson. Ông hút thuốc đi, thuyền trưởng Crau-cơ ! Chúng ta sẽ không cùng ngồi ở đây hút xì gà, nếu tôi coi ông là một kẻ phạm tội bình thường. Nếu ông chân thành với tôi, thì có lẽ tôi sẽ giúp đỡ ông. Nếu không, thì ông chỉ nên trách mình thôi.

- Ông muốn biết gì ở tôi ?

- Ông hãy kể lại cho chúng tôi, không giấu giếm điều gì, đừng che giấu gì cả. Tôi đã biết khá nhiều, cho nên nếu ông nói sai lệch sự thật, tôi sẽ thổi chiếc còi cảnh sát này ; lúc đó thì công việc từ tay tôi sẽ chuyển sang tay cảnh sát.

Nhà hàng hải đắm chiều một lúc, rồi đưa bàn tay to, vỗ mạnh vào đầu gối.

- "Tôi cứ liệu vậy ! Tôi tin rằng ông là người quân tử. Nhưng trước hết tôi có vài lời về vấn đề quan trọng nhất. Tên súc sinh đó thật đáng nguyên rủa ! Dầu hấn có đến mười lần sống thì hấn cũng phải đền cả mười tính mạng. Nhưng Ma-ry, tôi không thể gọi nàng theo tên họ của con quỷ kia được. Mỗi khi nghĩ rằng tôi đã gây ra bất hạnh cho nàng, là lòng tôi lại run lên vì sợ hãi. Nhưng tôi biết làm gì được nữa ?

"Tôi làm quen với Ma-ry trên chiếc tàu "Rock of Gibraltar" trong khi nàng sang Anh hồi tôi làm phó thuyền trưởng thứ nhất. Ngay từ phút gặp gỡ đầu tiên, nàng đã trở thành người phụ nữ duy nhất trên đời tôi. Càng ngày tôi càng yêu nàng hơn. Biết bao lần trong những phiên gác, tôi quỳ gối trong bóng đêm để hôn boong tàu bởi vì đôi chân xinh xắn của nàng đã bước qua đó. Tôi yêu nàng, còn nàng đối với tôi chỉ là tình bạn. Khi chúng tôi chia tay, nàng là một phụ nữ tự do, còn tôi thì đã vĩnh viễn mất tự do.

"Lần sau, khi đi biển về, tôi được biết nàng đã lấy chồng. Ừ, có gì mà nàng không được lấy chồng. Nàng sinh ra là để cho những gì kiêu diễm và diệu kỳ. Việc hôn nhân của nàng

không làm tôi bực mình. Thậm chí tôi mừng cho hạnh phúc của nàng : trong chuyến đi biển vừa qua, tôi được thăng chức nhưng chiếc tàu của tôi vẫn chưa hạ thủy, vì thế tôi phải chờ khoảng hai tháng. Tôi sống với những người thân thích ở Sydenham. Một lần đang đi dạo trên đường làng, tôi bỗng gặp bà hầu xưa nay của nàng. Bà ấy kể cho tôi nghe về nàng, về hần và về cuộc sống của họ. Nghe xong câu chuyện, tôi suýt phát điên. Làm sao mà con quái vật đó dám cả gan giơ tay đánh nàng ! Tôi gặp bà Rai-tơ một lần nữa. Và sau đó, tôi được gặp Ma-ry. Chúng tôi gặp nhau hai lần. Nàng không muốn gặp tôi nữa. Cách đây vài ngày, tôi được biết là một tuần nữa tôi sẽ ra khơi. Thế là tôi quyết định bằng bất cứ giá nào tôi cũng đến thăm nàng một lần nữa. Bà Rai-tơ luôn luôn làm người bạn của tôi, vì cũng như tôi, bà yêu quý Ma-ry và căm thù tên vô lại đó. Qua lời của bà, tôi biết được cách bố trí trong nhà. Nàng ngồi đọc sách trong phòng khách nhỏ của nàng ở tầng một. Đêm đến tôi lần tới bên cửa sổ phòng nàng và đưa tay cao nhẹ vào cửa kính. Nàng không muốn mở cửa cho tôi, nhưng tôi biết nàng đã yêu tôi và không muốn để tôi rét cóng ngoài cửa sổ. Nàng thì thầm bảo tôi vòng ra cửa lớn dẫn vào phòng ăn. Cánh cửa đã mở sẵn và tôi bước vào nhà. Một lần nữa tôi lại được nghe từ miệng nàng nói ra những điều khiến máu trong người tôi sôi lên. Tôi và nàng đứng bên cửa ra vào của phòng ăn, và nói đến chuyện hết sức đứng đắn. Lúc đó hần như một thành điên, lao vào phòng, chửi rửa nàng một cách thậm tệ và cầm gậy đánh vào mặt nàng. Tôi vớ lấy cái móc sắt thông lò để trên lò sưởi. Đó là trận giao tranh trung thực. Ông thấy đấy, trên tay tôi còn vết đòn hần đánh trước. Đòn đánh của tôi là đòn đánh sau. Tôi nện bẹp dí đầu hần như nện một quả bí thối. Hai cuộc đời đã được đưa ra thí mạng : cuộc đời của hần và của tôi, chính xác hơn là cuộc đời của hần và của nàng. Bởi lẽ nếu hần sống thì hần nhất định giết nàng. Nếu ở địa vị tôi, các ông sẽ làm gì?

“Khi hấn đánh nằng, nằng kêu to lên. Bà Rai-tơ nghe tiếng kêu, chạy đến. Nhưng mọi việc đã kết liễu. Trên tủ đựng thức ăn có chai rượu vang, tôi mở nút chai và nhỏ vài giọt vào miệng Ma-ry vì nằng vẫn còn ngất xỉu. Tôi cũng uống vài ngụm. Chỉ còn một mình bà Rai-tơ vẫn bình tĩnh như không. Toàn bộ kế hoạch hành động tiếp theo là do tôi và bà ấy cùng vạch ra. Chúng tôi quyết định dàn dựng ra cảnh bọn cướp đột nhập. Trong lúc tôi trèo lên cất sợi dây chuông, bà Rai-tơ mấy lần nhắc lại cho Ma-ry biết kế hoạch của chúng tôi. Sau đó tôi trói nằng lại thật chặt vào chiếc ghế bành, dùng dao cạo sơn đầu dây để nhìn có vẻ tự nhiên và để không ai ngạc nhiên vì sao tên trộm lại trèo cao được như thế. Chỉ còn việc lấy đi một số bộ đồ ăn bằng bạc. Trước lúc ra đi, tôi dặn họ kêu cứu không sớm hơn mười lăm phút. Vứt mấy thứ bạc xuống ao xong, tôi quay về Sydenham, lần đầu tiên trong đời tôi thấy mình là một kẻ phạm tội thực sự.



Holmes im lặng hút thuốc một lúc. Rồi anh đứng lên, đi lại từ góc này sáng góc nọ trong phòng và vẫn im lặng, anh bắt tay người khách :

- Tôi biết rằng ông đã nói thật. Chỉ có diễn viên nhào lộn hoặc thủy thủ mới có thể với tay từ gò tường nơi sợi dây, và chỉ có thủy thủ mới có thể thắt những nút buộc dây trói Ma-ry vào chiếc ghế thôi. Nhưng phu nhân mới chỉ một lần trong đời tiếp xúc với thủy thủ. Và người thủy thủ đó chắc chắn thuộc vào số người thân của phu nhân, bởi vì phu nhân cứ kiên trì bảo vệ anh ta. Từ đó tôi suy ra rằng phu nhân rất yêu người thủy thủ đó. Bởi thế, tôi tìm ông không khó khăn gì.

- Tôi nghĩ cảnh sát không bao giờ đoán ra được mưu chước của chúng tôi. - Hốp-kin không đoán ra được, và anh ta sẽ không đoán ra dù cố công đến mấy đi nữa. Ông thuyền

trưởng, vụ này rất nghiêm trọng, mặc dù tôi thừa nhận ông đã hành động dưới áp lực của những hoàn cảnh đặc biệt. Tôi không thể, nói là ông có vượt quá mức tự vệ cần thiết hay không. Điều đó do tòa án quyết định. Nhưng nếu ông muốn đi trong vòng hai tư tiếng đồng hồ tới, tôi hứa với ông, ông sẽ làm được việc đó mà không có gì trở ngại đâu.

- Nhưng sau đó ông sẽ báo cho cảnh sát biết chứ?

- Tất nhiên rồi.

Khuôn mặt người thủy thủ bùng lên phần nộ :

- Sao ông lại có thể đề xuất việc đó với tôi? Tôi biết pháp luật và hiểu rằng Ma-ry sẽ bị coi là kẻ tòng phạm. Không được, thưa ông. Mặc cho điều xấu nhất đe dọa tôi, tôi sẽ không đi đâu cả. Tôi chỉ van ông một điều, mong ông nghĩ ra cách cứu nàng khỏi phải ra tòa.

Holmes bắt tay người thủy thủ một lần nữa.

- Ông khỏi lo, đó là tôi thử ông thôi. Nhưng tôi đã cho Hốp-kin biết đầu mối, và nếu anh ta không nắm được nó thì không phải lỗi của tôi. Ông biết bây giờ chúng tôi sẽ làm gì không? Chúng tôi sẽ xét xử ông như luật pháp đòi hỏi. Đây ông thuyền trưởng, ông là bị cáo. Còn anh Watson, anh là quan tòa - tôi không thấy ai xứng đáng hơn anh trong vai này. Tôi là biện lý. Nào, thưa các vị, các vị đã nghe lời khai rồi chứ? Ngài có thừa nhận bị cáo có tội không?

- Tòa tha bổng bị cáo.

- Ông được trắng án, thuyền trưởng Crâu-cơ. Và trong khi cơ quan tư pháp chưa tìm ra thủ phạm khác, ông được tự do. Một năm nữa, ông hãy trở về với người phụ nữ yêu dấu của ông, và cuộc sống của ông sẽ chứng minh sự đúng đắn của lời tuyên án hôm nay.

Vết máu thứ nhì

Một buổi sáng của mùa thu, trong căn hộ chúng tôi xuất hiện hai người nổi danh khắp châu Âu... Người thứ nhất có cái nhìn trịch thượng, trông nghiêm khắc và kiêu kỳ. Đó là huân tước Bê-li, người hai lần giữ chức Thủ tướng. Người thứ hai tóc đen, hơi thấp, có khuôn mặt cân đối. Người ông ta toát ra một vẻ lịch thiệp, trang nhã. Đó là Trê-la, bộ trưởng đặc trách các công việc của châu Âu.

Hai vị khách ngồi cạnh đi-văng. Đôi tay gầy gò của thủ tướng bóp chặt lấy cái cán dù. Ông ta hết nhìn Holmes lại nhìn tôi, buồn rầu và lo ngại.

Bộ trưởng đặc trách các công việc châu Âu thì gầy gầy những đồ trang sức trên dây đồng hồ.

- Ông Holmes, tôi đã bị mất cấp. Tôi báo cho Thủ tướng và Ngài muốn gặp ông.

- Ông không báo cảnh sát sao?

- "Không", Thủ tướng lên tiếng. "Không báo và sẽ không báo. Báo cho cảnh sát nghĩa là công bố sự việc. Mà chúng tôi muốn né tránh việc này".

- Vì sao, thưa Ngài?

- Tài liệu quan trọng tới mức nếu công bố nó, thì có thể dẫn đến một cuộc xung đột có tính quốc tế. Có thể nói rằng vấn đề chiến tranh và hòa bình phụ thuộc vào tài liệu này. Nếu đi truy tìm mà không giữ bí mật thì không nên truy tìm.

- Tôi hiểu. Còn bây giờ, ông Trê-la, tôi sẽ rất biết ơn ông, nếu ông kể cho tôi nghe tài liệu bí mật trong trường hợp nào.

- Đó là bức thư của quốc vương nước ngoài đến cách đây sáu ngày. Bức thư có ý nghĩa hệ trọng đến nỗi tôi quyết định không cất nó trong cái-tủ-không-bị-cháy của chính phủ. Chiều đến, tôi mang nó về nhà cất trong cái tráp, đặt ở trong phòng ngủ của tôi. Tráp này chuyên dùng để cất giữ những tài liệu quan trọng. Chiều hôm qua, lá thư vẫn nằm ở đấy. Khi mặc quần áo đi ăn trưa, tôi lại mở tráp ra và tài liệu vẫn còn nguyên. Thế mà sáng nay nó biến mất. Suốt đêm, cái tráp được đặt ngay cạnh giường trên bàn rửa mặt của tôi. Tôi ngủ rất tỉnh, vợ tôi cũng vậy. Cả hai chúng tôi thề rằng không một ai vào phòng ban đêm cả.

- Ông ăn tối lúc mấy giờ?

- 7 giờ 30.

- Ông đi ngủ khi nào?

- Nhà tôi đi xem hát. Tôi chờ cô ấy. Gần 12 giờ, chúng tôi đi vào phòng ngủ.

- Nghĩa là trong khoảng gần bốn giờ đồng hồ, tráp không được một ai bảo vệ.

- Không một ai được phép vào phòng ngủ, ngoài nữ hầu phòng, người hầu và vợ tôi. Tuy nhiên, cả hai người này đều là những gia nhân đáng tin cậy. Hơn nữa, họ không thể biết trong tráp đựng thứ gì.

- Ai biết có lá thư này?

- Trong nhà tôi, không một ai biết cả.

- Thế nhưng, bà nhà biết chứ?

- Không, thưa ông ! Sáng hôm nay, khi không tìm thấy lá thư, tôi cũng không nói gì với nhà tôi cả.

Thủ tướng gật đầu tán đồng :

- Tôi biết ông luôn có một ý thức trách nhiệm rất cao. Trong công việc này, ý thức đó còn cao hơn nữa, ngay cả với gia đình.

Ông bộ trưởng cúi chào.

- Thật vậy, thưa ông ! Sáng hôm nay, tôi không hề nói một lời về lá thư với nhà tôi.

- Bản thân bà nhà liệu có đoán ra không?

- Không, cô ấy không thể đoán được. Thêm vào đó, không thể có ai đoán được.

- Trước đây, có khi nào ông bị mất tài liệu không?

- Không, thưa ông.

- Có ai ở nước Anh biết lá thư này không?

- Các thành viên của nội các đã được thông báo về lá thư. Nhưng việc yêu cầu giữ gìn bí mật được Thủ tướng nhấn mạnh bằng lời cảnh cáo nghiêm khắc. Nhưng ai mà ngờ rằng chỉ vài giờ sau đó, chính tôi đã làm mất nó !

Sự tuyệt vọng đã làm cho khuôn mặt của ông bộ trưởng thay đổi nhiều. Ông vò đầu ân hận. Trong khoảnh khắc hiện ra trước chúng tôi là những tình cảm chân chính của một con người bùng bật, nhiệt thành. Tuy nhiên, ngay sau đó cái nét kiêu kỳ lại hiện lên trên khuôn mặt ông ta. Với giọng điềm tĩnh, ông tiếp :

- Ngoài các thành viên của nội các còn có hai hoặc ba quan chức của bộ biết sự hiện diện của bức thư. Còn kỳ dư, trong cả nước Anh, không một ai biết.

- Thế còn ở nước ngoài?

- Ở nước ngoài, tôi cũng tin là không một người nào biết lá thư, trừ tác giả của nó. Ngay cả bộ trưởng của nhà vua cũng không biết.

Holmes ngẫm nghĩ ít phút rồi nói :

- Bây giờ, tôi cần biết cái gì ở đằng sau tài liệu? Vì sao việc lấy lá thư sẽ đem tới những hậu quả nghiêm trọng?

Hai nhà hoạt động chính trị nhìn nhau rất nhanh. Thủ tướng chau mày :

- Bức thư nằm trong phong bì màu xanh da trời, dài và hẹp. Dấu đóng trên xi màu đỏ có hình sư tử đang ở thế tiến công. Địa chỉ được viết bằng những nét cứng và đậm...

- “Những chi tiết này tất nhiên là rất thú vị và quan trọng”. Holmes ngắt lời Thủ tướng. “Có điều tôi cần biết về nội dung của lá thư ! Lá thư nói về chuyện gì?”

- Đó là bí mật quốc gia. Tôi e không thể trả lời ông được. Hơn nữa, tôi chưa rõ điều ông hỏi cần thiết ở chỗ nào. Nếu bằng tài năng hiếm thấy như người ta thường nói về ông, thì ông sẽ có thể tìm được chiếc phong bì cùng với lá thư ở trong đó. Ông sẽ xứng đáng với lòng biết ơn của đất nước, và sẽ nhận bất kỳ phần thưởng nào mà khả năng chúng ta cho phép.

Holmes mỉm cười và đứng dậy :

- Tất nhiên Ngài là một trong những người bận rộn nhất nước. Nhưng nghề nghiệp đã tước mất khá nhiều thời gian của tôi. Rất tiếc là trong công việc này, tôi không hữu ích cho Ngài, và tôi coi sự tiếp xúc trò chuyện giữa chúng ta là sự tiêu xài thời giờ vô ích.

Thủ tướng nhồm phất dậy. Trong đôi mắt sâu của ông lóe lên một ngọn lửa :

- Tôi không quen... thưa ông ! - Ông ta bắt đầu nói. Tuy nhiên sau khi tự trấn tĩnh được, ông lại ngồi xuống.

Chúng tôi ngồi im lặng đến một phút. Sau đó ông siết chặt lấy vai mình. - Ông Holmes ! Ông hoàn toàn đúng. Thật là vô lý nếu chờ đợi sự giúp đỡ của ông mà chưa tin ông.

- Tôi tán thành với Ngài ! - Nhà ngoại giao trẻ tuổi nói.

- Được, tôi sẽ nói cho ông nghe tất cả. Tôi tuyệt đối trông cậy vào lòng trung thành và lòng yêu nước của các ông.

- Ngài có thể hoàn toàn tin cậy vào chúng tôi.

- Chuyện thế này, đó là bức thư của một quốc vương nước ngoài. Ông ta tỏ ra lo ngại bởi sự mở rộng thuộc địa gần đây của nước ta. Bức thư được viết vào giây phút bức bối. Sự tìm hiểu tin tức đã chỉ rõ rằng các bộ trưởng của ông cũng không hay biết gì về lá thư. Lời lẽ trong thư rất gay gắt, một vài câu mang tính khiêu khích. Vì vậy, nếu lá thư được công bố, dư

luận sẽ xao động, đất nước chúng ta sẽ bị cuốn hút vào một cuộc chiến tranh lớn.

Holmes viết tên một người trên mảnh giấy và đưa cho Thủ tướng coi.

- Ông ta đấy ! Bức thư có khả năng cuốn theo nó những chi phí khổng lồ, sự hủy diệt hàng trăm nghìn người. - Thủ tướng nói.

- Ngài đã báo tin cho người viết lá thư chưa?

- Báo rồi. Bức thư viết bằng mật mã và đã được chuyển đi.

- Nhưng rất có thể ông ta đã tính đến chuyện công bố lá thư?

- Không. Chúng tôi có cơ sở để tin rằng ông ấy đã hiểu được tính thiếu thận trọng và sự bông bột của mình. Việc công bố lá thư là quả đấm mạnh sẽ giáng vào ông ta.

- Nếu vậy, người ta đánh cắp nó để làm gì?

- Ông Holmes, thế là ông buộc tôi phải nói tới tình hình chính trị thế giới. Ông đã thấy châu Âu là một trại lính được vũ trang. Có hai liên minh cân bằng về lực lượng đang tồn tại. Nước Anh thi hành chính sách trung lập. Nếu chúng ta bị lôi kéo vào một cuộc chiến tranh với một liên minh thì liên minh kia sẽ có ưu thế hơn. Hơn thế, điều này không phụ thuộc vào việc liên minh thứ hai có tham gia hay không tham gia vào cuộc chiến.

- Vậy là những kẻ thù của ông vua này (những người muốn thấy có sự hiềm khích giữa ông ta với chúng ta) rất quan tâm đến lá thư?

- Đúng vậy.

- Nếu tài liệu rơi vào tay đối phương thì ai có thể chuyển nó đi?

- Bất cứ chính phủ nào ở châu Âu. Rất có thể hiện giờ bức thư đang lao đi với tốc độ chỉ có tàu thủy mới đuổi kịp !

Ông bộ trưởng đứng cúi đầu với một tâm trạng nặng nề. Thủ tướng nhẹ nhàng đặt tay lên vai ông ta :

- Nỗi bất hạnh đã xảy ra với ông bạn của tôi ! Không ai có ý định kết tội ông đâu. Chúng ta sẽ áp dụng mọi biện pháp để phòng ngừa... Bây giờ, ông khuyên chúng tôi nên làm gì ?

Holmes lắc đầu buồn rầu :

- Thưa Ngài ! Nếu tài liệu này không được hoàn lại thì chiến tranh sẽ xảy ra ?

- Chắc chắn như vậy !

- Nếu vậy, hãy chuẩn bị cuộc chiến thôi ! - Đây là những lời tàn nhẫn, ông Holmes.

- Hãy chú ý đến sự thật, thưa Ngài ! *Tôi không tin là bức thư bị mất sau mười hai giờ khuya đâu.* Vì từ lúc ấy cho đến khi phát hiện ra, ông bộ trưởng và phu nhân đều ở trong phòng ngủ. Thế nghĩa là *tài liệu bị mất vào tối qua trong khoảng từ 7 giờ rưỡi tới 12 giờ*, bởi kẻ cắp khi biết bức thư ở đâu, tất nhiên hắn sẽ gắng đoạt lấy nó sớm nhất. Còn nếu tài liệu bị mất vào hôm qua thì hiện giờ nó ở đâu ? Kẻ cắp đã nhanh chóng chuyển cho người đang quan tâm. Vậy thì chúng ta còn có cơ hội nào để tóm được hắn hoặc lần ra dấu vết của hắn trên đất nước của chúng ta.

Thủ tướng đứng dậy :

- Ông lập luận rất lô-gích. Tôi thấy quả thực không nên làm gì ở đây nữa.

- Ví như chúng ta cho rằng người hầu của ông bà bộ trưởng ăn cắp tài liệu ?

- Họ là những gia nhân quen thuộc và đáng tin cậy.

- Phòng ngủ ở lầu hai và không có lối riêng ăn thông ra ngoài phố. Vậy thì không ai có thể trèo lên cửa trước của căn phòng mà không bị để ý. *Nghĩa là có một người nào đó ở trong nhà đã phạm tội.* Kẻ cắp có thể chuyển nó cho ai ? Chỉ có thể chuyển cho một trong những điệp viên quốc tế mà tôi biết rõ

tên của họ. Ba người có thể nói là cầm đầu bọn này. Tôi sẽ bắt đầu tìm xem một trong số ba người đó. Nếu một người nào đó trong bọn họ đã đi khỏi thành phố và nhất là đã ra đi vào chiều hôm qua thì chúng ta sẽ biết tài liệu này biến đi đâu.

- "Vì sao người đó phải ra đi?" Bộ trưởng hỏi. "Hắn có thể mang bức thư tới một đại sứ quán nào đó ở Luân Đôn chứ?"

- Các điệp viên này thường có những quan hệ rất căng thẳng với các đại sứ quán.

Thủ tướng gạt đầu khẳng định điều đó :

- Tôi nghĩ ông rất có lý ! Hắn sẽ tự tay mình mang lá thư. Kế hoạch hành động của ông, tôi cảm thấy tuyệt đối chính xác. Tuy nhiên, ông bộ trưởng, ông đừng vì chuyện này mà quên đi những trách nhiệm khác của chúng ta.

Các vị khách cúi chào rất trân trọng rồi rời khỏi căn phòng.

Holmes bắt đầu im lặng. Thời gian trôi đi. Anh mê mải với những suy tưởng của mình. Tôi giữ các báo buổi sáng đọc bài nói về một tội ác vừa xảy ra vào chiều hôm trước. Đột nhiên, bạn tôi nhồm phất dậy, đặt tẩu thuốc lên lò sưởi, kêu lên.

- Đúng. Tình thế rất căng nhưng chưa hết hy vọng. Bây giờ cần biết ai là kẻ ăn cắp. Suy cho cùng, chỉ có tiền mới làm bọn hắn quan tâm. Ngân khố của nhà nước sẽ giúp tôi. Nếu hắn bán, tôi sẽ mua... Rất có thể hắn còn giữ bức thư. Hắn cần biết ở đây người ta trả giá bao nhiêu trước khi đem bán ở nước ngoài. Chỉ ba người có khả năng dự vào trò chơi này. Đó là Ô-bê, Rô-thi, và Lu-ca. Tôi sẽ tới thăm họ.

Tôi liếc vào tờ báo buổi sáng.

- Lu-ca ở đường Godolphin phải không?

- Đúng rồi !

- Anh không thể tới thăm ông ta được !

- Tại sao?

- Ông ấy bị giết rồi.

Holmes sững sốt, dán mắt vào tôi, vẻ hoài nghi. Sau đó anh giạt lấy tờ báo.

"VỤ GIẾT NGƯỜI Ở WESTMINSTER"

Chiều hôm qua, tại ngôi nhà số 16 đường Godolphin, đã xảy ra một án mạng. Đường Godolphin là một trong những con đường yên tĩnh trải dài giữa dòng sông và tu viện Westminster. Phần lớn những ngôi nhà ở đây được xây vào cuối thế kỷ XVIII. Ông Lu-ca nổi tiếng trong xã hội như một người dễ mến, một trong những giọng hát nam cao được ưa chuộng nhất. Ông đã sống nhiều năm liền tại một biệt thự nhỏ trên phố này. Ông 34 tuổi, chưa lập gia đình. Đây tổ của ông gồm người quản gia, bà nội trợ Pơ-rin và người hầu Mi-tôn. Người nội trợ thường không làm vào buổi chiều. Bà ta lên phòng mình ở gác thượng rất sớm. Còn chiều hôm đó, người hầu đi thăm một người bạn ở Hammesmith.

Từ 10 giờ, ông Lu-ca ở một mình trong ngôi nhà. Cho tới bảy giờ, chưa ai rõ chuyện gì đã xảy ra trong thời gian ấy. Nhưng lúc 12 giờ kém 15, ông Ba-re đi qua đường Godolphin, thấy cửa ngôi nhà số 16 bị mở toang. Ông gõ cửa, nhưng không có tiếng trả lời. Sau khi nhìn thấy ánh đèn trong căn phòng đầu tiên, ông bước vào hành lang và gõ cửa một lần nữa. Vẫn không có ai trả lời. Khi đó ông đẩy cửa bước vào.

Căn phòng rất hỗn độn. Tất cả đồ gỗ bị xô dịch về một phía, một chiếc ghế nằm lỏng chỏng ở ngay giữa nhà. Chủ nhà nằm cạnh chiếc ghế. Ông bị giết bằng một nhát dao xuyên thẳng vào tim. Vũ khí giết người là con dao găm Ấn Độ được lấy từ bộ sưu tập vũ khí phương Đông trang trí trên một bức tường của căn phòng. Kẻ giết người không phải với mục đích ăn trộm, bởi vì toàn bộ đồ đạc trong nhà vẫn còn nguyên vẹn.

Ông Lu-ca là một người danh tiếng. Cái chết này đã gây ra nỗi đau xót cho các thân hữu của ông".

- Anh Watson ! Anh nghĩ gì về chuyện này?

- Một sự trùng hợp kỳ lạ !

- Một trong số ba người có khả năng tham dự vào tấn kịch này đã bị chết. Thật là một sự trùng hợp kỳ lạ ! Không. Hai sự việc này chắc chắn có liên quan với nhau, chúng ta phải tìm cho ra mối liên hệ này.

- Nhưng rồi cảnh sát sẽ biết tất cả.

- Không. Họ chỉ biết những gì mà mọi người đều biết ở đường Godolphin thôi ! Chỉ có chúng ta mới rõ cả hai trường hợp. Có một điểm làm cho tôi nghi ngờ Lu-ca. Đường Godolphin nằm cạnh Whitehall Terrace vài bước đi bộ. Những điệp viên khác thì sống ở cuối West-End. Cho nên, Lu-ca dễ nhận được tin từ nhà ông bộ trưởng hơn những người kia. Đây là điểm nhỏ, nhưng nếu tính đến sự khai triển với tốc độ nhanh thì nó có thể biến thành điểm chủ yếu. A ! Lại có điều gì mới chăng !

Bà Hôt-xơn xuất hiện, mang chiếc khay trên có một tấm danh thiếp phụ nữ. Holmes nhìn bà, nhíu lông mày và chuyển cho tôi.

- Hãy mời khách vào ! - Holmes nói.

Chỉ một thoáng sau, một phụ nữ đẹp nhất Luân Đôn bước vào căn hộ chúng tôi. Tôi thường nghe nói về vẻ đẹp của người con út của công tước Ben-ni, nhưng không một sự mô tả nào có thể truyền đạt được vẻ duyên dáng của bà. Tuy nhiên, vào buổi sáng mùa thu này, vẻ đẹp của bà có một nét gì khang khác ; khuôn mặt bà vẫn tuyệt vời nhưng xanh xao và xúc động, đôi mắt bà lấp lánh, nhưng ánh mắt đỏ như đang lên cơn sốt. Cái miệng tinh tứ khép chặt lại. Bà đang cố gắng tự trấn tĩnh.

- Nhà tôi đã ở chỗ ông, phải không. Ông Holmes?

- Vâng.

- Ông Holmes, tôi van ông, ông đừng nói cho nhà tôi biết là tôi đã đến đây.

Holmes cúi chào lạnh nhạt :

- Về lộng lẫy của bà đặt tôi vào một tình huống rất khó xử. Mời bà ngồi xuống đây và nói cho tôi biết bà cần gì. Song đáng tiếc là tôi không thể đem lại những lời hứa. - Holmes nói.

- Ông Holmes ! Tôi biết là ở tại nhà chúng tôi có một tài liệu nào đó đã bị thất lạc. Nhưng vì nó đụng đến vấn đề chính trị nên nhà tôi không nói gì với tôi. Tôi van ông, ông giải thích cho tôi biết cái gì đã xảy ra và hậu quả của nó như thế nào?

- Bà đã đòi hỏi ở tôi cái điều vượt quá khả năng của tôi.

Bà ta thở dài rồi lấy tay ôm mặt.

- Bà cần hiểu tôi hơn, thưa bà ! Nếu ông, nhà không cho bà biết việc này thì bà tìm hiểu làm chi? Thậm chí bà cũng không nên hỏi nơi tôi. Bà nên hỏi chồng bà.

- Tôi đã hỏi anh ấy. Thôi, nếu ông không muốn nói thì thôi. Nhưng mong ông vui lòng trả lời một câu hỏi khác.

- Câu hỏi như thế nào?

- Do vụ này, sinh mạng chính trị của chồng tôi có bị tổn thất không?

- Nếu công việc không được thu xếp ổn thỏa thì nó dẫn tới các hậu quả nghiêm trọng.

Bà thở dài :

- Những hậu quả ấy như thế nào?

- Tôi không đủ sức trả lời câu hỏi này.

- Nếu thế, tôi sẽ không làm phí thời giờ của ông nữa. Tôi thực lòng muốn chia sẻ sự lo lắng với chồng tôi. Một lần nữa, yêu cầu ông đừng nói với nhà tôi về chuyện gặp gỡ hôm nay.

Đến ngưỡng cửa, bà ngoảnh đầu lại và một lần nữa tôi nhìn thấy khuôn mặt đẹp, xúc động, đôi mắt lo sợ và cái miệng xinh xắn mím chặt lại. Sau đó bà biến mất.

- “Anh Watson, phái đẹp là một phần của cuộc đời anh”. Holmes vừa cười vừa nói khi cánh cửa được đóng mạnh lại và

tiếng sột soạt của váy phụ nữ đã im bật “Người đàn bà này muốn gì đây?”

- Bà ta lo sợ cho chồng là điều dĩ nhiên.

- Hãy hình dung lại khuôn mặt bà ta : nỗi lo sợ, sự mất bình tĩnh và lòng kiên nhẫn.

- Đúng, bà ấy rất lo lắng.

- Đồng thời bà đã cố gắng thuyết phục chúng ta tin rằng bà ta hành động chỉ xuất phát từ lợi ích của chồng mình, và vì vậy bà ta cần biết hết thảy mọi chuyện. Qua việc đó, bà ta muốn nói gì? Có lẽ anh cũng nhận ra là bà đã cố ý ngồi quay lưng về phía ánh sáng. Bà không muốn để chúng ta nhìn thấy rõ mặt bà.

- Đúng vậy, bà ấy đã ngồi chính chỗ này.

- Nói chung, đàn bà thật khó hiểu. Rất nhiều điều được che đậy ở đằng sau các hành vi bình thường nhất của đàn bà mà thôi. Chào Watson nhé !

- Anh đi à?

- Vâng. Tôi đi tới Sở cảnh sát về vụ Lu-ca. Anh hãy tiếp khách giùm tôi.

Suốt ngày hôm đó và hai ngày tiếp theo, Holmes im lặng như những hạt gạo. Anh đi, rồi lại về, hút thuốc liên miên, kéo vi-ô-lông với những giai điệu du dương, hay trầm ngâm suy nghĩ, ăn bánh săng-uych bất kỳ lúc nào và trả lời nhất gừng các câu hỏi của tôi. Tôi hiểu anh chưa đem lại kết quả, anh không hề kể cho tôi nghe về điều gì. Chỉ qua báo chí, tôi mới được biết người ta bắt giữ Mi-tôn, gia nhân của người quá cố.

Cuộc điều tra đã xác minh đây là vụ giết người có chủ tâm từ trước. Thế nhưng vẫn chưa tìm ra thủ phạm. Trong phòng có nhiều vật dụng giá trị, nhưng không mất một thứ nào. Giấy tờ của người quá cố cũng không bị đụng đến. Người ta xem xét chúng tỉ mỉ và xác nhận người quá cố rất quan tâm

đến tình hình thế giới. Ông quen biết những nhà hoạt động chính trị danh tiếng của một vài nước. Có điều trong các tài liệu chất đầy ngăn bàn ông, không tìm thấy cái gì đáng quan tâm. Đối với phụ nữ, ông quen nhiều nhưng không yêu một ai. Cái chết của ông còn là một câu hỏi bí ẩn. Điều gì liên quan tới người hầu Mi-tôn. Vào chiều hôm đó, Mi-tôn đi thăm bạn bè. Anh về tới nhà lúc 12 giờ. Và đã thực sự xúc động trước tấn thảm kịch bất ngờ. Mi-tôn luôn có quan hệ thân tình với chủ nhà. Một vài vật dụng của người quá cố - ví như hộp dao cạo râu- được tìm thấy trong va-li của người hầu, nhưng anh nói rõ đây là quà của ông chủ. Người nội trợ Pơ-rin cũng đã khẳng định điều này. Mi-tôn phục vụ trong nhà Lu-ca được ba năm. Đáng lưu ý là Lu-ca không bao giờ cho Mi-tôn cùng đi với mình ra nước ngoài. Đôi khi ông sống liên tục ở Paris suốt ba tháng liền, thế mà vẫn để Mi-tôn ở lại trông nom nhà cửa.

Theo báo chí thì đã ba ngày rồi, các bí mật vẫn còn nguyên. Mặc dầu Holmes biết nhiều hơn báo chí, song anh vẫn không kể cho tôi nghe điều gì cả. Chỉ có một lần, nhân câu chuyện hàng ngày, anh có nói rằng thám tử Lê-tra đã đưa anh vào thực chất của vấn đề. Do vậy tôi hiểu anh đã nắm bắt được nhiều tin tức mới. Bước sang ngày thứ tư, có một bức điện dài từ Paris chuyển đến :

Tờ báo lớn "Trung tâm Điện tín Daily Tétégraph" viết : Cảnh sát Paris đã vén bức màn bí mật về cái chết của ông Lu-ca. Bạn đọc còn nhớ rằng thi thể của ông được phát hiện ra trong căn phòng cùng với con dao găm, rằng mỗi ngõ vực đã đổ xuống đầu người hầu phòng, song anh ta đã chứng minh được tình trạng ngoại phạm của mình. Hôm qua, gia nhân của bà Phu-na, người đang sống ở Paris, tại đường Auterlitz, đã nói với cảnh sát rằng bà chủ của mình bị điên. Các khám nghiệm đã chứng tỏ rằng bà ta thực sự mất trí. Trong lúc điều tra, cảnh sát xác minh là vào thứ ba vừa rồi, bà ta trở về sau

chuyến đi tới Luân Đôn. Có nhiều cơ sở cho rằng chuyến đi này có liên quan đến án mạng tại Westminster. Sự đối chiếu các bức ảnh cho phép khẳng định chồng bà Phu-na và ông Lu-ca chỉ là một, và không rõ vì sao người quá cố đã sống hai cuộc đời ở Luân Đôn và ở Paris. Bà Phu-na xuất thân trong một gia đình theo chủ nghĩa thực dân. Bà mắc chứng động kinh và do vậy không hoàn toàn làm chủ được mình. Sáng thứ ba, có một người đàn bà rất giống bà ta đứng trên sân ga Charing với vẻ mặt rờ dại và những hành vi quái đản. Cho nên, rất có thể chồng bà chết là do bà gây ra trong cơn điên loạn, hoặc cái chết ấy đã tác động đến bà, khiến bà bị mất trí, vẫn chưa có hy vọng bà sẽ khỏi bệnh. Có nhiều tin tức cho hay rằng vào chiều thứ hai có một người đàn bà nào đó - có thể là bà Phu-na, - đã đứng quanh ngôi nhà trên đường Godolphin chừng vài tiếng đồng hồ...".

Tôi đọc bức điện cho Holmes nghe khi anh dùng xong bữa điểm tâm.

- Anh Watson, anh là người kiên nhẫn vô cùng. Ba ngày vừa rồi tôi chưa kể điều gì cho anh nghe, chỉ vì không có gì để kể. Ngay bây giờ các tin tức từ Paris vẫn chưa giúp chúng ta bao nhiêu.

- Thế nhưng cái chết của người ấy hiện giờ đã hoàn toàn được sáng tỏ.

- "Cái chết ấy chỉ là một phần rất nhỏ so với nhiệm vụ của chúng ta. Chúng ta phải tìm cho được bức thư và cứu châu Âu ra khỏi thảm họa chiến tranh. Trong ba ngày vừa qua, chỉ có một sự kiện đáng lưu ý là : chưa có cái gì xảy ra cả. Khắp châu Âu chưa có dấu hiệu bất an. Lẽ nào bức thư đã bị thất lạc... Nếu nó chưa bị thất lạc thì hiện giờ nó ở đâu? Tại sao người ta lại cất giữ nó? Phải chăng Lu-ca bị giết đúng vào cái buổi tối bị mất lá thư. Nói chung, bức thư có ở chỗ ông ta hay không. Nếu có, thì vì lẽ gì lại không tìm thấy nó. Tại sao người vợ điên loạn của Lu-ca lại không mang nó theo mình? Nếu bà

ta mang lá thư đi thì vì lẽ gì nó không có ở chỗ bà tại Paris? Tôi có thể tìm nó ở đây mà không làm cho cảnh sát Pháp nghi ngờ được chăng? Nếu như tôi thành công trong việc này thì nghề nghiệp của tôi sẽ kết thúc một cách hiển hách... à đây rồi ! Cái tin tức mới nhất từ những cảnh sát tiên phong” anh liếc nhanh vào mẫu thư chuyển cho anh. “A ha ! Hình như Lê-tra đã tìm ra một điều gì thú vị sao đó. Watson chúng ta cùng đi đến Westminster”.

Trước tiên, chúng tôi đến nơi xảy ra án mạng. Đó là ngôi nhà cao, mặt tiền hẹp, trông không đẹp lắm.

Khuôn mặt Lê-tra lấp ló qua cửa sổ. Người giúp việc mở cửa ra và ông ta thân mật chào chúng tôi.

Căn phòng chúng tôi bước vào chính là nơi Lu-ca bị giết, có điều giờ đây dấu tích của tội ác không còn nữa, ngoài vết máu hiện rõ trên tấm thảm. Chiếc thảm là một miếng nỉ dày, hình vuông. Bộ sưu tập vũ khí nổi tiếng treo lơ lửng trên lò sưởi.

- Ông đã được nghe những tin tức mới từ Paris chưa?

- Lê-tra hỏi.

Holmes gật đầu.

- Lần này các bạn Pháp đã nói trúng cái điều cần thiết. Vụ giết người tất nhiên đã diễn ra đúng như họ trình bày. Vợ ông ta gõ cửa. Ông ta đưa bà vợ vào nhà. Bà ấy đã kể cho ông ta nghe là đã tìm thấy ông ta bay bướm như thế nào, rồi sau đó mắng xa xả vào mặt chồng. Sau đấy, nhân có con dao găm trong tay, bà nhanh chóng đi đến kết thúc. Mọi chuyện diễn ra cố nhiên phải ngay một lúc vì tất cả chiếc ghế được chất thành đống. Một chiếc ghế nằm trong tay ông ta, hình như ông ta có dùng chiếc ghế này để tự vệ.

Holmes nhướn lông mày :

- Ông có tin tức gì cho tôi đấy?

- Ồ, đây là chuyện khác, một chuyện đáng khả nghi.

- Chuyện gì?

- Sau khi được báo tin, chúng tôi đến đây, cẩn thận canh giữ hiện trường : đồ đạc được giữ nguyên như cũ. Sáng hôm nay, sau khi người chết đã được mai táng và việc xem xét căn phòng này đã kết thúc, chúng tôi cho thu dọn đồ đạc trong phòng, xếp lại cho nó ngăn nắp... *Và tấm thảm này nó không được dính chặt xuống nền nhà mà chỉ đặt sơ sài trên đó. Vô tình chúng tôi nâng nó lên và tìm thấy...*

- Thấy? Thấy cái gì?

Sự quan tâm hiện rõ trên khuôn mặt Holmes.

- Ồ ! Ông có nhận ra vết máu trên tấm thảm này không? Quả thật phải có một lượng máu đáng kể mới thấm qua tấm nỉ như thế này.

- Phải.

- Hãy hình dung rằng trên sàn ván, ở chỗ ngay tấm thảm đặt lên mà lại không có một dấu máu nào.

- Không có dấu máu? Sao vậy? Phải có chứ !

- Đúng như ông nghĩ. Vậy mà nó không có, mới là kỳ lạ.

Ông ta khẽ nâng rìa tấm thảm lên. Và chúng tôi nhận thấy trên sàn ván (nơi tiếp xúc với tấm thảm) không có vết máu.

- *Thế nhưng, mặt dưới của tấm thảm cũng bị vấy máu nhiều như ở mặt trên kia mà ! Phải có một mặt nào đó lưu lại dấu vết trên sàn nhà chứ !*

Nhận thấy vẻ ngạc nhiên của người chuyên gia nổi tiếng. Lê-tra cười hi hi khoái trá :

- *Vết máu trên sàn ván cũng có đấy, nhưng nó không nằm ở vị trí đó. Hãy nhìn coi !*

Vừa nói, ông ta khẽ lật phía diềm khác của tấm thảm lên. Quả thật trên những ô vuông sáng bóng của sàn ghép gần phía cánh cửa, chúng tôi nhìn thấy một vệt đỏ loang lổ.

- Ông nói gì về điều này, ông Holmes?

- Ở đây mọi chuyện thật đơn giản. Hai vết máu vẫn hoàn toàn trùng lên nhau. Nhưng tấm thảm đã bị lật trở lại. Vì rằng tấm thảm hình vuông và không được ghim chặt xuống nền nhà nên chuyện đó làm rất dễ.

- Ông Holmes. Chuyện đó là hoàn toàn hiển nhiên. Nếu đặt tấm thảm y vào vị trí cũ thì vết bẩn (một ở mặt trên tấm thảm và một ở trên sàn ván) bắt buộc phải chồng lên nhau. Còn tôi xin hỏi ông : Ai đã lật tấm thảm lên? Và người ấy lật lên để làm gì?

Holmes cố gắng kiềm chế nổi xúc động đang xâm chiếm lấy mình...

- Ông Lê-tra ! Người canh sát đứng ở hành lang luôn luôn trực ở đây, phải không? - Vâng.

- Tôi khuyên ông thế này vậy : Hãy tra hỏi hắn đến nơi đến chốn. Nhưng chúng tôi sẽ không chứng kiến. Chúng tôi chờ ở đây. Hãy nói vì sao hắn dám cả gan cho một người nào đó vào đây và để cho người ấy ở lại một mình trong phòng này. Hãy nói với hắn là ông đã biết rõ như vậy. Hãy đe dọa hắn.

Hãy nói rằng chỉ có sự thú thực mới có thể giúp hắn chuộc lỗi lầm.

- Tôi thề là tôi sẽ ép hắn đến cùng.

Ông chạy vào phòng bên cạnh. Chỉ sau một phút, chúng tôi đã thấy tiếng quát tháo ầm ĩ.

- Mau lên. Watson mau lên ! - Holmes cuống quýt.

Tất cả sức lực siêu nhiên trong người Holmes đột ngột trở dậy. Anh lật tấm thảm lên, quỳ xuống bắt đầu lần từng ô vuông gỗ lát sàn dưới chân mình. Một ô vuông đã vắng ra. Đó là một nắp hộp nhỏ, phía dưới có một lỗ tối om. Holmes thọc tay vào đó. Thế nhưng, sau khi lôi chiếc hộp ra, anh bắt đầu rên lên vì buồn bực và thất vọng : chiếc hộp trống không.

- Nhanh lên Watson ! Hãy đặt nó vào chỗ cũ !

Chúng tôi vừa kịp giấu chiếc hộp và đặt tấm thảm lên thì đã nghe thấy giọng của Lê-tra ở ngoài hành lang. Khi ông ta bước vào, Holmes đã tựa vào lò sưởi với vẻ ngạo mạn, phớt đời.

- Xin lỗi, không biết điều gì đã giữ chân ông ở lại đây, ông Holmes ! Tôi thấy những chuyện này đã làm ông ngăn đến tận cổ rồi ! Cuối cùng hẳn phải thú nhận ! Vào đi, Mắc !
- Một cảnh sát to lớn, mặt đỏ lửng rón rén bước vào căn phòng.

- Chiều hôm qua một người đàn bà trẻ tuổi rẽ vào đây. Bà nói bà bị lâm nhà. Chúng tôi có trò chuyện với nhau một chốc. Suốt ngày đứng một mình ở đây quả có buồn thật...

- Được rồi ! Vậy chuyện gì đã xảy ra ?

- Bà ta muốn coi tận mắt vụ giết người mà báo chí đã đưa tin. Đó là một người đàn bà trẻ trung và đứng đắn. Lúc đó tôi nghĩ rằng sẽ không có gì xấu xa, nếu tôi đưa bà ta vào coi. Nhưng sau khi trông thấy vết bẩn trên tấm thảm, bà ta đã ngã quy xuống, nằm bất động như một người chết. Tôi chạy vào bếp, mang nước ra, thế nhưng vẫn không làm sao cho bà ấy tỉnh lại ; tôi lại chạy ra góc phố, mua một chai cô-nhắc. Nhưng lúc tôi bước vào phòng thì bà đã tỉnh dậy và đi ra... Có lẽ bà mắc cỡ khi gặp tôi.

- Thế không có ai đụng vào tấm thảm chứ ?

- Khi tôi quay lại, tấm thảm có bị xô dịch chút xíu, bởi vì bà ta ngã lên nó mà ! Thêm vào đó, tấm thảm lại không được đóng chặt xuống nền nhà. Sau đấy, tôi đặt nó ngay ngắn trở lại.

- “Đó là bài học cho ông đấy ! Ông Mắc, không lừa nổi tôi đâu”. Lê-tra nói với vẻ quan trọng. “Chắc ông nghĩ rằng việc đó sẽ không bị phát hiện. Thế mà tôi chỉ cần ném một cái nhìn vào tấm thảm là tôi lập tức hiểu ngay là đã có một ai đó rẽ vào căn phòng này. Thật may cho ông, là đã không mất gì cả. Ông chỉ phải mang tiếng xấu thôi ! Ông Holmes,

rất tiếc là tôi đã gọi ông tới đây vì cái trò nhảm nhí này. Thế nhưng tôi cho rằng *cái vết máu thứ hai, cái vết không trùng lên vết thứ nhất sẽ khiến ông thích thú.*

- Cố nhiên... Ông Mắc, người đàn bà ấy vào đây chỉ một lần thôi sao?

- Vâng, chỉ một lần.

- Tên bà ta là gì.

- Tôi không biết. Bà ta nói là đi tìm việc làm, nhưng nhảm số nhà. Bà ta rất lịch thiệp và thoải mái.

- Bà ấy có cao không? Có đẹp không?

- Vâng ! Bà ta hơi cao. Cũng có thể nói là bà ta đẹp, thậm chí rất đẹp. "*Ôi ! Ông sĩ quan, xin hãy cho phép tôi liếc nhìn một chút xiu thôi !*" Phong thái bà ta dễ coi và dễ thương như thế nên tôi khó lòng từ chối.

- Bà ấy ăn mặc ra sao?

- Áo choàng dài phủ đến tận gót.

- Chuyện đó xảy ra từ lúc mấy giờ ?

- Khi tôi từ tửu quán quay trở lại, thì đèn phố đã được bật sáng.

- Rất tốt ! Ta đi thôi, Watson !

Chúng tôi bước ra, Lê-tra ở lại trong phòng. Mắc chạy ra, mở rộng cửa cho chúng tôi với vẻ hối hận. Holmes quay lại, đứng ở ngưỡng cửa, đưa ra một cái gì đó. Mắc chăm chú nhìn.

- Trời ơi ! - Ông ta kinh ngạc kêu lên.

Holmes đặt ngón tay lên môi rồi nhét vật đó vào túi. Anh cười khanh khách, khi chúng tôi bước ra ngoài đường.

- Thật tuyệt vời ! Ta đi nào ! Bức màn đang được vén lên. Chiến tranh sẽ không thể xảy ra được. Danh vọng chói lọi của huân tước sẽ không bị lu mờ. Quốc vương thiếu cần trọng kia sẽ ngủ ngon, Thủ tướng sẽ không phải tháo gở tình hình phức tạp ở châu Âu.

Lòng tôi tràn ngập niềm khâm phục đối với con người đáng khâm phục này.

- Anh đã giải bài toán ra sao?

- Bây giờ thì chưa. Chúng ta sẽ đi thẳng tới Whitehall Terrace và sẽ kết thúc công việc.

Khi đến nhà ông bộ trưởng, Holmes nói rõ là anh muốn gặp bà.

- "Ông Holmes?". Bà ta nói, mặt ửng hồng lên vì giận dữ. "Ông không cao thượng chút nào. Tôi đã nói là tôi muốn giữ bí mật chuyến viếng thăm của tôi, kéo nhà tôi nghĩ rằng tôi nhúng tay vào công việc của anh ấy. Bằng việc đến đây, ông đã làm tổn hại thanh danh của tôi".

- Rất tiếc là tôi không thể làm gì khác, thưa bà ! Người ta bảo tôi phải tìm cho ra tài liệu. Tôi đề nghị bà trao nó cho tôi.

Người đàn bà đứng phất dậy. Đôi mắt của bà mờ đi. Bà ta dao động dữ dội, tôi có cảm giác bà sắp ngất xỉu đi. Nhưng không, bà ta có một nghị lực thật phi thường. Bà ta giận dữ, quát :

- Ông đã xúc phạm đến tôi.

- Xin hãy nghe đây, thưa bà Hil-đa ! Giận dữ cũng vô ích. Hãy đưa bức thư cho tôi.

Bà ta lảng xảng chạy tới máy điện thoại.

- Người quản lý sẽ đưa tiền ông.

- Dừng gọi ! Nếu bà làm như vậy thì mọi ý định chân thành của tôi nhằm giúp bà sẽ vô ích. Hãy trả lại bức thư cho tôi thì mọi chuyện sẽ được ổn thỏa. Còn nếu bà không nghe, buộc lòng tôi phải tố giác bà.

Bà ta đứng trước chúng tôi, uy nghi và kiêu hãnh, tay không rời khỏi máy điện thoại, nhưng vẫn chưa gọi.

- Ông không cao thượng đâu, ông Holmes ạ. Ông nói là ông biết một điều gì đó, vậy ông biết điều gì?

- Thưa bà Hil-da, xin bà hãy ngồi xuống ! Bà sẽ bị thương nếu bà ngã? Tôi sẽ không nói chừng nào bà chưa ngồi. Vâng, xin cảm ơn bà !

- Ông Holmes, tôi cho ông năm phút.

- Chỉ một phút thôi. Tôi biết bà đến gặp ông Lu-ca, đưa lá thư cho ông ta. Tôi cũng biết chiều hôm qua, bà lại vào căn phòng của ông ta, lấy lại lá thư bên dưới tấm thảm.

Mặt bà Hil-da trở nên tái mét. Bà không dám nhìn Holmes. Hơi thở bà nghẹn lại, không nói một lời.

- Ông quần trí rồi, ông Holmes... Ông quần trí mất rồi !
- Cuối cùng bà kêu lên.

Holmes rút từ túi ra một mảnh các-tông nho nhỏ. Đây là tấm ảnh của người đàn bà.

- "Tôi cảm lấy nó vì tôi cho rằng nó có thể sẽ hữu ích". Anh nói. "Cảnh sát đã nhận ra bà".

Bà ta thở dài một cách khó nhọc, đầu bà ngã xuống lưng ghế.

- Thưa bà ! Bà đang giữ bức thư. Tôi không muốn làm bà phiền muộn. Nhiệm vụ của tôi sẽ chấm dứt khi tôi hoàn lại lá thư cho ông nhà. Hãy nghe lời khuyên nhủ của tôi.

Cho tới lúc đó, bà vẫn chưa chịu thua.

- Ông Holmes, tôi xin nhắc lại với ông rằng ông đang bị một thứ tưởng tượng nào đấy điều khiển.

Holmes đứng dậy khỏi ghế :

- Thật đáng tiếc. Tôi đã làm tất cả những gì có thể làm được để cứu giúp bà. Nhưng thôi. Tùy bà.

Anh bấm chuông. Viên quản lý bước vào.

- Ông bộ trưởng có ở nhà không?

- Sau mười lăm phút nữa.

Holmes liếc nhìn đồng hồ :

- Rất tốt, tôi sẽ chờ.

Đúng lúc viên quản lý khép cửa lại, bà Hil-đa dang rộng hai tay, phủ phục dưới chân Holmes giữa nước mắt.

- Hãy lượng thứ cho tôi, ông Holmes ! Xin đừng nói với anh ấy ! Tôi yêu anh ấy ! Tôi đau lòng nếu làm cho anh ấy nhiều phiền muộn.

Holmes nâng bà dậy.

- Xin cảm ơn bà ! Thế là vào phút chót, bà đã nghĩ lại. Không nên mất một giây nào nữa. Bức thư đâu ?

Bà ta lao đến bàn giấy, mở khoá và rút ra tấm phong bì dài, màu xanh da trời.

- Nó đây, ông Holmes...

- Chúng tôi cần cho nó vào chỗ cũ. Mau lên ! Mau lên ! Cái tráp đựng tài liệu đâu ?

- Trong phòng ngủ.

- Mau lên ! Hãy để nó vào đấy.

Một phút sau, bà xuất hiện với cái tráp đựng.

- Bà có chìa khoá thứ hai không? Mở đi !

Bà Hil-đa rút ra từ trong người chiếc chìa khoá nhỏ. Tráp được mở. Trong đó, đây giấy tờ. Holmes đặt chiếc phong bì vào chính giữa, kẹp vào những tài liệu khác. Tráp được khoá và được đặt trở lại phòng ngủ.

- "Bây giờ chúng ta chuẩn bị tiếp ông nhà", Holmes nói, "chúng ta còn mười phút nữa. Tôi sẽ che chở cho bà, bà Hil-đa ! Trong thời gian còn lại, bà hãy kể cho tôi nghe câu chuyện này đi !

- Ôi ! Ông Holmes ! Chặt cánh tay phải của tôi còn dễ hơn là để cho anh ấy đau khổ, dù chỉ một phút thôi ! Khấp Luân Đôn này, không thể có người đàn bà nào yêu chồng mình hơn tôi. Tuy vậy, nếu nhà tôi biết rằng tôi phải làm cái điều bắt buộc phải làm, anh ấy vẫn không tha thứ cho tôi. Hãy giúp tôi, ông Holmes !

- Trước lúc xây dựng gia đình, tôi có viết một lá thư dai dột và thiếu thận trọng. Đó là thư của một cô gái đã cảm đang yêu. Trong thư, không có điều gì xấu xa cả, vậy mà nhà tôi sẽ coi hành vi này là tội lỗi. Nếu như nhà tôi đọc lá thư đó, chắc chắn anh ấy sẽ không còn tin tôi. Nhiều năm đã trôi qua. Tôi ngỡ rằng "chuyện lá thư" đã rơi vào quên lãng. Thế nhưng, đột nhiên Lu-ca báo cho tôi biết là lá thư đã rơi vào tay ông ta và ông ta có ý định chuyển cho nhà tôi coi. Tôi van nài ông ta, xin ông ta hãy buông tha cho tôi. Ông ta hứa sẽ hoàn lại lá thư nếu tôi mang đến cho ông ta một tài liệu. Ông ta nói tài liệu này hiện nhà tôi đang cất trong tráp đựng các công văn khảm. Ông ta có một điệp viên nào đấy trong chính phủ và hẳn đã báo cho ông ta biết về tài liệu này. Lu-ca cam đoan với tôi là điều đó không làm tổn hại chút nào tới nhà tôi. Nếu ông ở đó vào địa vị của tôi, ông sẽ làm gì".

- Kể tất cả cho ông nhà nghe.

- "Ôi, không thể làm như vậy được ! Tôi đã đánh cắp, ông Holmes à. Tôi lấy khuôn chia khóa và Lu-ca làm được chiếc chìa khóa thứ hai. Tôi mở tráp, lấy tài liệu và mang tới đường Godolphin".

- Rồi tại đó, chuyện gì đã xảy ra?

- "Tôi gõ cửa vào giờ hẹn. Lu-ca ra mở cửa. Tôi đi theo ông ta vào phòng. Cửa được tôi khép hờ. Tôi nhớ rằng khi tôi bước vào nhà thì ở ngoài đường có một người đàn bà nào đó đang đứng. Hai lá thư nhanh chóng được trao nhau. Đúng lúc đó, tôi nghe có tiếng động mạnh ở cạnh cửa và tiếng bước chân vang lên ở hành lang. Lu-ca nhanh chóng lật tấm thảm lên, nhét tài liệu xuống đó, rồi đặt tấm thảm vào như cũ. Tiếp theo, tôi trông thấy một bộ mặt xám đen ngầy dại và nghe giọng đàn bà quát mắng bằng tiếng Pháp : "Sự chờ đợi của tao quả không vô ích ! Cuối cùng tao đã bắt gặp mày với nó". Tôi nhìn thấy ông ta cầm chiếc ghê, còn trong tay bà ta lấp loáng một con dao găm. Tôi lao ra khỏi nhà vì khiếp đảm. Chỉ vào sáng hôm

sau, nhờ đọc báo, tôi mới biết về vụ giết người đó. Tối hôm ấy tôi rất mừng vì đã đốt xong lá thư thời xa xưa.

"Nhưng sáng hôm sau, tôi biết một tai họa khác sắp đổ xuống đầu tôi. Khó khăn lắm tôi mới không quỳ lạy anh ấy. Sáng hôm sau, tôi đến chỗ ông, và đã thấy rõ ràng tình hình nghiêm trọng. Từ giây phút đó, tôi luôn nghĩ là phải hoàn lại tài liệu cho nhà tôi. Tài liệu đang nằm ở chỗ Lu-ca cất giấu. Nếu bà ta không xuất hiện, tôi không bao giờ biết được nơi cất giấu tài liệu. Phải đột nhập vào căn phòng đó. Nhưng bằng cách nào? Tôi theo dõi ngôi nhà suốt hai ngày, nhưng cánh cửa không được mở lấy một lần. Mỗi tối chiều hôm qua, tôi mới thành công. Tôi đem tài liệu về nhà, quyết định tiêu hủy nó, và sẽ không kể cho anh ấy nghe chuyện gì đã xảy ra. Bởi vì tôi không biết cách hoàn lại lá thư cho nhà tôi. Ôi ! Tôi đã nghe thấy tiếng chân của anh ấy ở ngoài cầu thang rồi".

Ông bộ trưởng chạy bổ vào phòng, kêu lớn. - Có gì mới không, ông Holmes? Có gì mới?

- Có hy vọng !

- "May quá !" Nét mặt ông rạng rỡ hẳn lên. "Thủ tướng đang ăn sáng với tôi. Có thể chia sẻ nỗi hân hoan với Ngài được không? Thần kinh của Ngài rất vững. Vậy mà Ngài hầu như không ngủ được, từ khi xảy ra vụ này. Ja-cốp ! Hãy mời Thủ tướng đến đây. Có gì liên quan tới mình đâu, hỡi em yêu quý !".

Cứ theo ánh mắt của Thủ tướng, cứ theo sự cử động đôn dập của đôi tay ông, tôi thấy ông đang chia sẻ nỗi xúc động với ông bộ trưởng.

- Ông Holmes, tôi rất hiểu là ông muốn báo cho chúng tôi biết một điều lành?

- Sau khi thăm dò tất cả những nơi tôi có điều kiện thăm dò, tôi tin rằng chúng ta không còn gì phải lo ngại.

- Nhưng quả là không đầy đủ, ông Holmes ! Chúng ta không thể sống mãi trên núi lửa được. Chúng ta cần biết một cách rõ ràng.

- Tôi hy vọng sẽ tìm ra bức thư, vì vậy tôi mới đến đây. Càng nghĩ về công việc này, tôi càng tin rằng bức thư không bao giờ vượt ra khỏi ranh giới của ngôi nhà này !

- Ông Holmes !

- Nếu quả thật nó đã bị mất thì cố nhiên người ta đã công bố nó từ lâu, từ rất lâu rồi !

- Nhưng vì sao có thể cho rằng bức thư được cất giấu trong ngôi nhà này?

- Nói chúng tôi không tin có kẻ đã lấy nó.

- Vậy nó biến mất từ tráp làm sao được?

- Tôi cũng không tin là nó đã ra khỏi cái tráp.

- Ông Holmes ! Bây giờ không phải là lúc để đùa cợt. Tôi cam đoan với ông là trong đó không có lá thư.

- Thì ta hãy nhìn lại một lần nữa, xem sao ?

- Không. Điều đó hoàn toàn vô ích !

- Có thể ông không để ý đến nó.

- Không đời nào có chuyện ấy cả !

- Ai mà biết được ! Những chuyện tương tự như thế vẫn thường xảy ra. Vì ở đây có lẽ còn có những tài liệu khác nữa. Bức thư có thể bị lẫn trong số tài liệu đó.

- Bức thư nằm ở trên cùng.

- Có thể một ai đấy xóc nó lên và bức thư đã bị dịch chuyển.

- Không, không ! Tôi đã lấy tất cả ra rồi !

- Nhưng có thể dễ dàng kiểm tra lại điều đó, ông Trê-la, " ông Thủ tướng nói. "Hãy ra lệnh mang tráp lại đây !"

Ông Bộ trưởng ấn nút chuông.

- "Ja-cốp !, Hãy mang cái tráp đựng giấy tờ của tôi ra đây ! Chúng ta sẽ phí thì giờ, nhưng nếu điều đó làm ông hài lòng thì ... Chúng tôi sẽ kiểm tra lại. Cảm ơn Ja-cốp, hãy đặt nó xuống đây... Chia khóa tôi luôn để trên dây đeo đồng hồ. Đây mọi giấy tờ đây ! Ông coi đi ! Bức thư của huân tước Mê-rô, báo cáo của ngài Hác-đy, bị vong lục từ Belgrade, các tài liệu về thuế lúa mì Đức-Nga, bức thư từ Madrid, bản báo cáo của huân tước Flô... Trời ơi ! Cái gì thế này !

Ông Thủ tướng giật lấy tấm phong bì màu xanh da trời từ tay ông bộ trưởng.

- Đúng, nó đây ! Và bức thư còn nguyên vẹn... Xin chúc mừng ông, ông Trê-la !

- Cảm ơn Ngài ! Xin cảm ơn Ngài ! Một sức nặng ghê gớm đã trút khỏi vai tôi !... Thế nhưng không thể hiểu nổi... Ông Holmes, ông là phù thủy ! Do đâu ông biết được tài liệu ở đây?

- Bởi vì tôi biết rằng đối với nó không ở đâu tốt hơn là ở đây cả.

- "Tôi không thể tin vào đôi mắt của mình nữa rồi !" Ông lao vút ra khỏi phòng. "Vợ tôi đâu rồi? Hil-đa !Hil-đa !" Chúng tôi nghe rõ giọng nói của ông vang lên ở ngoài cầu thang.

Ông Thủ tướng nheo nheo đôi mắt, rồi nhìn vào Holmes.

- "Hãy nghe đây, ông Holmes". Ông ta nói. "Ở đây ẩn giấu một điều gì đó. Bức thư trở lại trong tráp bằng cách nào vậy?"

Holmes mỉm cười quay lưng lại để lẩn tránh cái nhìn từng trái của Thủ tướng.

- Chúng ta còn có những bí mật xã giao của mình nữa !- Holmes nói, và sau khi cầm lấy mũ, anh bước ra phía cửa.

Con chó của dòng họ Baskerville

1. ÔNG SHERLOCK HOLMES

Sherlock Holmes ngồi vào bàn và ăn sáng. Tòì đứng trên tấm thảm nhỏ cạnh lò sưởi, tay vân vê chiếc gậy mà người khách bỏ quên. Chiếc gậy to và rất tốt, được coi là "Bằng chứng đáng tin cậy". Mảnh bạc bẻ rộng chừng một tấc được đóng vào ngay phía dưới chỗ phồng lên của chiếc gậy. Có một hàng chữ được kẻ trên mảnh bạc : "*James Mortimer M. R. C. S. "Những bằng hữu ở C. C. H. 1884"*".

- Anh Watson, ý kiến của anh ra sao?

Holmes ngồi quay lưng về phía tôi.

- Do đâu anh biết tôi đang quan tâm tới cây gậy? Cứ như là mắt của anh ở phía sau gáy ấy ! - Tôi nói.

- Chúng ta đã mất cơ hội để biết ông ta đến đây để làm gì... Thôi thì anh hãy tìm hiểu cây gậy và qua đó thử hình dung lại người chủ của nó, còn tôi thì ngồi nghe.

- Theo tôi, bác sĩ Moc-ti là một thầy thuốc trạc tuổi trung niên, được bạn bè kính trọng.

- Được đấy ! - Holmes nói.

- Là bác sĩ nông thôn, ông thường phải đi bộ trên những quãng đường xa.

- Tại sao vậy?

- Trước đây cây gậy rất tốt, nhưng giờ đây nó bị mòn đến mức tôi không thể hình dung nổi là nó đang ở trong tay một bác sĩ thành phố.

- Lập luận thật là sáng suốt.

- Còn về hàng chữ "Những bằng hữu ở C.C.H (1)" tôi cho rằng những chữ cái "C" có nghĩa là Hội và "H" có nghĩa là săn bắn, đúng hơn là *Hội những người đi săn*. Ông ấy đã săn sóc sức khỏe cho các thành viên của Hội và Hội đã tặng món quà này.

- "Anh đã đạt được những kết quả không thể ngờ", Holmes nói, ngả người ra ghế và bắt đầu hút thuốc. "Tôi không thể không chú ý tới điều này : Trong khi ghi chép những cống hiến của tôi, anh thường đánh giá thấp những khả năng vốn có của mình. Nếu ánh hào quang không xuất phát từ nơi anh, thì trong mọi trường hợp, anh đều là chất dẫn truyền ánh sáng. Có nhiều người tài năng trội hẳn lên, nhưng lại có khả năng kích thích tài năng ở người khác".

Những lời nói của Holmes làm tôi hài lòng. Tôi tự hào vì tôi chẳng những đã thành công trong việc nắm bắt phương pháp của Holmes mà còn biết vận dụng nó trong các công việc.

Holmes cầm lấy cây gậy, chăm chú xem đến vài phút. Rồi sau đó anh đặt điếu thuốc về một phía, đi đến cạnh cửa sổ và quan sát cây gậy bằng kính lúp.

- Chẳng có gì đặc biệt cả, nhưng rất là thú vị. - Anh nói khi trở lại cạnh đi-văng.

- "Phải chăng có một cái gì đó lọt ra ngoài sự quan sát của tôi?" Tôi hỏi, không khỏi có cảm giác tự mãn. "Hy vọng là tôi không bỏ qua một chi tiết quan trọng".

- Than ôi ! Phần lớn các kết luận của anh đều sai lầm. Khi tôi nói rằng anh là một chất kích thích tốt cho tôi, thì điều

1. Tiếng Anh : Club = hội ; Hunting = săn bắn.

đó cần được hiểu thế này : Những sơ sót của anh sẽ dẫn tôi đến con đường đúng đắn. Nhưng, trong trường hợp cụ thể này, không phải là anh sai lầm hoàn toàn. Quả thật ông ta là một y sĩ ở nông thôn. Ông ta buộc lòng phải đi bộ trên con đường xa.

- Vậy là tôi đã nói đúng?

- Chẳng hạn thế này nhé : Cứ giả thiết rằng bác sĩ nhận tặng vật của một bệnh viện nào đó, chứ không phải là Hội các thợ săn và nếu trước cửa một bệnh viện (hospital) có tấm bảng mang các chữ C.C.H. thì cái tên này tự nhiên nảy ra là : *Charing-Cross Hospital* (Bệnh viện Charing-Cross).

- Rất có thể anh đúng. - Tôi nói.

- Tất cả đều gợi ý nên giải thích như thế. Còn nếu anh cho giả thiết của tôi là có cơ sở thì chúng ta sẽ có thêm nhiều tư liệu bổ sung cho việc tái lập đặc điểm của người khách này.

- Được. Chúng ta cứ cho rằng chữ cái C.C.H. có nghĩa là : Bệnh viện Charing-Cross (Charing-Cross Hospital). Vậy những kết luận tiếp theo sẽ như thế nào?

- Không có ý nghĩ gì nảy ra trong đầu anh hay sao. Anh thử vận dụng nó đi.

- Kết luận hiển nhiên là : Trước khi về nông thôn, con người này đã từng hành nghề ở Luân Đôn.

- Rõ ràng là vào lúc bác sĩ rời khỏi bệnh viện để đi đến nông thôn, người ta biếu ông món quà này. Điều này liệu có đúng không?

- Có thể như vậy.

- Bây giờ anh hãy lưu ý là ông ta không phải là một trong những bác sĩ lãnh đạo của bệnh viện (những bác sĩ lãnh đạo như vậy ắt hẳn có địa vị vững vàng với số thân chủ đông đảo, và họ chẳng khi nào rời bỏ thú đồ để đi lập nghiệp ở nông thôn). Vậy lúc đó ông ta làm gì? Phục vụ ở bệnh viện mà không được làm bác sĩ chỉ đạo chuyên môn thì có nghĩa là...

- Vai trò của ông chỉ lớn hơn một chút so với vai trò của một thực tập sinh.

- Ông rời khỏi chỗ đó 5 năm trước đây. Hãy nhìn vào năm tháng ghi trên chiếc gậy. Như vậy, người bác sĩ này không già như anh tưởng. Ông ta chỉ khoảng ba mươi tuổi. Đó là một người dễ mến, không tham vọng, đáng trí và rất yêu con chó của mình.

Tôi phá lên cười hoài nghi, còn Holmes thì ngã lưng vào đi-văng, thả lên những vòng khói nhỏ biến nhẹ nhàng trong không khí.

- Bây giờ chúng ta sẽ tìm hiểu về tuổi tác của con người ấy, và cả về con chó của ông ta nữa. - Tôi nói.

Tôi rút từ giá sách ra một quyển hướng dẫn y học và lật tìm. Có vài tên Móc-ti ở đó, nhưng tôi lập tức tìm thấy tên của vị khách của chúng tôi.

- "*Mortimer, James, M. R. C. S. thành viên Hội phẫu thuật Hoàng gia từ năm 1882. Sinh ở Grimpen, Dartmoor, hạt Devon. Từ năm 1882 đến 1884 : y sĩ phẫu thuật thuộc bệnh viện Charing-Cross. Được giải thưởng Jackson về môn bệnh-lý-học-so-sánh với luận đề : "Bệnh tật có phải là sự đột biến nghịch không?" Hội viên thông tấn của Hội bệnh lý học Thụy Điển. Tác giả của bài báo "Vai hiện tượng bất thường của đột biến nghịch" (Báo Lancet năm 1882), "Chúng ta có tiến bộ không?" (Báo tâm lý học, tháng ba, 1883). Bác sĩ của các giáo chủ Grimpen, Thorsley và Hing Barrow".*

- "Anh Watson, không có một lời nào nói tới Hội sản bản cả", Holmes nói, nở một nụ cười tinh quái. "Nhưng ông ta đúng là bác sĩ nông thôn như anh đã nhấn mạnh." Vậy sự suy diễn của tôi là đúng. Vì sao tôi dùng những tính từ dễ mến, không tham vọng và đáng trí : Chỉ có những người dễ mến mới nhận những món quà lúc chia tay, chỉ những người không có tham vọng mới đổi phạm vi hành nghề từ Luân Đôn về

nông thôn, và chỉ những người *dăng trí* mới để lại chiếc gậy cùng tám danh thiếp sau khi chờ đợi hơn một tiếng đồng hồ.

- Còn con chó?

- Con chó đi theo chủ. Chiếc gậy được làm bằng gỗ cứng, con chó cắn vào đoạn giữa, dấu vết của hàm răng in hẳn rất rõ. Phỏng đoán theo khoảng cách giữa các dấu vết thì đây là giống chó lông xoắn.

Khi nói đến đó, Holmes bắt đầu đi đi lại lại trong phòng, rồi dừng lại cạnh cửa sổ. Trong các lời nói sau chừng của anh mang theo niềm tin quả quyết tới mức khiến tôi nhìn anh ngỡ ngác.

- Tại sao anh không tin vào điều đó? Nguyên do đơn giản là tôi đang trông thấy con chó ở cạnh cửa ra vào và đấy, tiếng chuông của chủ nó đấy. Dừng đi khỏi đây, anh Watson, anh là bạn đồng nghiệp của ông ta. Anh có nghe tiếng bước chân trên cầu thang không. Hãy vào đi !

Về ngoài của vị khách khiến tôi ngạc nhiên. Bác sĩ Móc-ti là một người gầy gò, cao ngẩng, cái mũi dài trôi lên giữa cặp mắt xám, ánh lên rạng rỡ dưới gọng kính vàng. Ông ta ăn mặc giống như một bác sĩ, nhưng hơi luộm thuộm một chút : áo và quần tây sờn rách. Lưng ông hơi khòm mặc dầu chưa già. Ngay lúc vừa bước vào phòng, ông lập tức hướng mắt vào chiếc gậy, rồi với một tiếng kêu vui mừng, ông rướn cả người về phía Holmes.

- Thật là may mắn ! Tôi không thể nhớ được là tôi đã để nó ở chỗ nào, ở đây hay là ở hăng tàu thủy. Mất cái gậy là một điều khủng khiếp.

- Vật kỷ niệm chẳng? - Holmes hỏi.

- Vâng, thưa ông.

- Cửa bệnh viện Charing-Cross phải không?

- Vâng, những người bạn ở đó tặng, nhân ngày cưới của tôi.

- Chúa ơi, tệ quá ! - Holmes lắc đầu nói.

Bác sĩ Móc-ti bắt đầu chớp mắt một cách ngạc nhiên.

- Điều ấy có gì là xấu xa?

- Chỉ vì ông đã làm đảo lộn suy luận của chúng tôi. Thế nghĩa là món quà cưới?

- Đúng, thưa ông. Tôi lấy vợ, rời bệnh viện. Tôi phải tạo lập sự nghiệp cho riêng mình.

- "Ồi thế đấy, chúng tôi đã không quá làm lẫn". Holmes nói. "Còn bây giờ bác sĩ Móc-ti..."

- Xin cứ gọi tôi là ông Móc-ti thôi, tôi chỉ là thành viên của Hội phẫu thuật Hoàng gia. Nếu tôi không lầm, thì tôi đang có diễm phúc tiếp chuyện với ông Sherlock Holmes và với ông...

- ... Bác sĩ Watson . Ngay trước mặt ông.

- Rất sung sướng được làm quen, thưa ông. Tên của ông thường được nhắc đến cùng với tên của bạn ông. Ông Holmes, tôi cảm thấy bất ngờ vì sự của ông kéo dài đến thế và cánh cung lông mày của ông lại được phát triển mạnh đến thế. Cho phép tôi sờ vào cái đường thóp của ông. Thưa ông, người nào mà có cái sọ như vậy thì có thể làm nổi bật bất kỳ viên bảo tàng nhân chủng học nào. Xin đừng cho tôi là nịnh bợ, quả thật tôi ganh tị về cái sọ của ông đấy.

Holmes mời khách ngồi, nói :

- Tôi với ông, cả hai đều là những người nhiệt tâm với công việc của mình, thưa ông. Nếu suy luận theo ngón tay trở của ông thì ông ưa loại thuốc cuốn hơn. Xin đừng khách sáo, hãy cứ hút đi !

Bác sĩ Móc-ti rút thuốc từ túi ra và ông vắn giấy với một sự khéo léo đến kinh ngạc. Những ngón tay dài và hơi run run chuyển động khá mau lẹ.

Holmes ngồi yên lặng, song những cái nhìn nhanh và thoảng qua lướt trên người vị khách đã chứng tỏ rằng anh rất quan tâm tới ông ta.

- “Thưa ông, tôi cho rằng”, cuối cùng anh nói, “cuộc viếng thăm hôm qua và hôm nay của ông chắc không chỉ vì để khám nghiệm cái sọ của tôi !”.

- Tất nhiên là không. Sự thật là trước mắt tôi đột nhiên xuất hiện một nhiệm vụ cực kỳ nghiêm trọng và cực kỳ khủng khiếp. Tôi coi ông là một chuyên gia lỗi lạc thứ hai ở châu Âu.

- Vậy kia đấy, thưa ông ! Cho phép tôi tò mò hỏi ai ở vị trí thứ nhất vậy? - Holmes hỏi, giọng bực bội.

- Ngài Bertillon ⁽¹⁾ người được mọi người kính trọng.

- Vậy tại sao ông không đến chỗ ông ta?

- Đó là một nhà tư duy khoa học. Còn về thực hành, thì ông không nhường bất cứ một ai. Thưa ông, hy vọng là tôi không nói quá mức...

- “Chỉ là chuyện vặt vãnh. Tuy nhiên, bác sĩ Móc-ti ạ, ông sẽ xử sự hoàn toàn đúng nếu ngay bây giờ, ông kể cho tôi nghe công việc của ông ra sao và ông yêu cầu những gì?”

2. NỖI BẤT HẠNH CỦA DÒNG HỌ BASKERVILLE

- Trong túi tôi có một bản chép tay - Bác sĩ Móc-ti nói.

- Tôi nhận ra điều đó ngay từ lúc ông mới vào đây.

- Bản chép tay xa xưa lắm rồi.

- Đầu thế kỷ XVIII, nếu không phải là đồ giả mạo.

- Do đâu ông biết được điều đó ?

- Khi nói chuyện với tôi, ông luôn luôn cho tôi thấy mép bản chép tay đó, nó rộng hai tấc. Sẽ là một chuyên gia tồi nếu

1. Bertillon (1853 - 1914) : Nhà nhân chủng học người Pháp.

anh ta không thể xác định được năm tháng của tài liệu với một sai số chừng một, hai thập kỷ. Tôi xác định bản chép tay của ông ở vào năm 1738.

- "Chính xác là năm 1742 !" Bác sĩ Móc-ti rút bản viết tay từ túi áo bên phải ra. "Vật quý báu này được ngài Charles Baskerville trao cho tôi. Cách đây 3 tháng, cái chết của ngài đã làm xúc động cả vùng Devonshire. Tôi coi mình không chỉ là bác sĩ riêng mà còn là người bạn tâm tình của ngài. Ngài là một người có quyền lực, thông minh, rất từng trải".

Holmes đưa tay ra nhận xấp giấy rời (trai nó trên đầu gối).

- Watson này, anh có thấy những chữ "s" dài và chữ "s" ngắn viết xen nhau không? Chính chi tiết này giúp tôi xác định niên đại của văn tự ⁽¹⁾.

Qua vai anh, tôi nhận ra những tờ giấy đã úa vàng. Phía trên trang giấy có dòng chữ : "Lâu đài Baskerville." Còn phía dưới các con số to, nét chữ rộng : "1742".

- Đây có lẽ là bản ghi chép gì đó hay tờ cùng khai?

- Vâng. Bản ghi chép một truyền thuyết lưu truyền trong dòng họ Baskerville. Thưa ông, vấn đề không trì hoãn được, cần phải giải quyết nó trong vòng một ngày đêm. Thủ bản có quan hệ trực tiếp tới vụ án. Nếu được phép của ông, tôi sẽ đọc nó.

Sau khi ngả người vào lưng ghế bành, Holmes khép các đầu ngón tay lại với nhau, nhắm mắt lại với tư thế hoàn toàn thoải mái. Bác sĩ Móc-ti quay lưng về phía ánh sáng, và bắt đầu đọc chuyện thời xưa :

"Về nguồn gốc con chó của dòng họ Baskerville, có rất nhiều lời đồn đại khác nhau. Tuy nhiên, vì ta là hậu duệ trực tiếp của Hugo Baskerville, và vì ta được nghe chính cha ta kể

1. Trong văn tự viết tay thời xưa, hai chữ "s" liền nhau được viết một chữ dài, một chữ ngắn.

lại, cũng như người đã được nghe chính thân phụ của người, nên ta phải viết lại câu chuyện này, bằng giấy trắng mực đen, tin tưởng chắc chắn rằng sự việc đã xảy ra đúng như lời kể. Ta mong muốn con cháu của ta nên hiểu rằng Công ty vốn luôn luôn trừng phạt mọi tội lỗi cũng có thể ban ân tha thứ : và mọi lỗi, dù nặng nề đến mấy, cũng có thể giải trừ được bằng sự cầu nguyện và hối cải. Ta mong ước câu chuyện này sẽ dạy cho con cháu ta biết rằng những dục vọng xấu xa đã gây cho gia đình ta biết bao đau khổ phải được kiềm chế để khỏi làm hại dòng họ ta nữa (điều đó không phải để các người e sợ những hậu quả trong quá khứ, mà chính là để cho các người thận trọng trong tương lai).

"Các người nên biết rằng vào thời Cuộc Đại Cách Mạng 1642 - 1649, chủ nhân của điền trang Baskerville là Hugo - chắc chắn ông ấy là người vô đạo, báng bổ thần thánh, một người hơi hoang dã. Thật vậy, láng giềng của ông có lẽ bào chữa cho ông đến thế thôi, vì nên biết rằng cả xứ lúc ấy cũng chưa được khai hóa gì mấy. Nhưng tính tình hung bạo của ông ấy thì cả miền đều biết tiếng. Bỗng một hôm, ông ấy si mê cô con gái một tiểu điền chủ trong vùng. Cô thiếu nữ thận trọng lắm tránh ông, vì tai tiếng của ông làm cô kinh hãi. Vào ngày lễ Thánh Michel, với sự giúp sức của năm hay sáu đồng bạn, Hugo đã bắt cóc cô gái trong lúc cha và các anh cô đi vắng. Ông đưa cô về điền trang, nhốt trên gác, rồi cùng đồng bạn mở tiệc ăn mừng. Hẳn nhiên cô gái sợ đến điên người khi nghe những tiếng ca hát lẫn với những lời chửi rủa gớm ghiếc từ dưới nhà vọng tới : khi đã say sưa thì Hugo chẳng lịch sự gì và ngôn ngữ của ông đáng để thiên lôi thưởng cho một lưỡi tầm sét ! Nhưng trong cơn sợ hãi, cô gái đánh bạo làm một điều mà những người đàn ông can đảm cũng chẳng ngần ngại : cô bám vào đám dây leo phủ mặt tường lần tới ống máng xối, leo xuống đất, chạy băng qua đầm lầy về hướng trang trại của cha, cách điền trang ba dặm.

"Một lúc sau, Hugo rời bàn tiệc với ý định mang cho nữ tù nhân của mình một ít thức ăn và rượu vang, và có lẽ mang tới cả nhiều điều lời tệ hơn nữa. Ông thấy cái lồng trống rỗng và con chim xanh đã cất cánh bay cao. Thế là ông như bị ma quỷ nhập vào. Ông chạy bay xuống cầu thang từng bốn bậc một, ào vào phòng tiệc, nhảy lên bàn, đá văng tất cả bình rượu và thức ăn, thề trước mặt bạn bè rằng ngay trong đêm đó ông sẽ dâng cả xác và hồn cho quỷ sứ nếu ông bắt lại được cô gái. Trong khi cả bọn còn ngây người trước cơn giận dữ điên cuồng đó thì có một gã độc ác nhất trong bọn, hoặc có lẽ do uống say hơn hết, đề nghị thả chó ra đuổi theo cô gái. Lập tức Hugo chạy ra khỏi phòng, ra lệnh thẳng ngựa và thả chó ra. Ông cho đàn chó người chiếc khăn tay của cô gái, để cho chúng định hướng; rồi trong tiếng sủa hoang dại của đàn chó, cuộc săn đuổi diễn ra trên khu đầm lầy ngập ánh trăng.

"Các thực khách khác đứng ngơ ngác một lúc. Nhưng một lúc sau, họ chợt hiểu sẽ có chuyện gì đó sắp xảy ra. Thế là trong cảnh nhốn nháo cực kỳ, người đòi súng, kẻ đòi ngựa, kẻ khác kêu thêm vài bình rượu. Có mười ba tên tinh táo hơn một chút, nhảy phốc lên ngựa đuổi theo Hugo và đàn chó. Có ánh trăng sáng hướng dẫn, cả bọn thúc ngựa phi nước đại theo con đường mà cô gái nhất định phải chạy về nhà.

"Đi được vài dặm, bọn họ gặp một người chăn cừu. Họ lớn tiếng quát hỏi anh ta có trông thấy đàn chó không. Người chăn cừu run sợ đến nỗi nói không ra tiếng. Sau cùng anh ta mới ấp úng nói rằng có trông thấy cô gái đang bị đàn chó rượt theo.

- "Nhưng tôi còn trông thấy chuyện khủng khiếp hơn kia. Hugo Baskerville cưỡi con ngựa cái đen vượt qua tôi, còn phía sau ông ta là một con chó, chắc là từ địa ngục sống ra, đang lẳng lẳng chạy theo ... Cậu Chúa đứng cho con phải gặp nó!".

"Bọn kỵ sĩ say sưa chửi rủa người chăn cừu rồi tiếp tục đuổi theo nhưng chỉ một lúc sau, cả bọn thấy lạnh toát người :

họ nghe tiếng ngựa phi nước đại, rồi họ thấy con ngựa đen, sùi bọt mép, lao qua trước mặt họ, dây cương kéo lê trên đất và không có người cưỡi. Cả bọn sợ hãi, xúm xít lại sát nhau. Tuy nhiên, họ vẫn tiếp tục tiến bước, mặc dù mỗi người trong bọn họ, nếu có một mình, sẽ rất vui lòng quay ngựa trở về. Được một lúc thì họ bắt gặp đàn chó. Đàn chó săn róc giống, nổi tiếng gan dạ mà bây giờ chen chúc nhau bên bờ một cái dốc, một vài con len lén lảng ra xa, những con khác lòng dưng ngược, nhìn chằm chằm về phía đáy thung lũng trước mắt.

"Cả bọn kỵ mã dừng hẳn lại, tỉnh hẳn người ! Phần đông không chịu đi tới nữa, nhưng có ba người bạn của Hugo, những người can đảm nhất, hoặc có thể còn say rượu, cứ đi xuống cái dốc. Họ đi tới một bãi rộng, có hai cột đã được dựng lên từ thời tiền sử, và bây giờ vẫn còn đó. Ánh trăng soi sáng vùng đất trống này : nằm giữa bãi cỏ là cô gái bất hạnh, đã chết vì sợ hãi và kiệt lực. Ba kỵ mã sợ xanh mặt, không phải vì tử thi của cô gái, cũng không phải vì cái xác của Hugo Baskerville. Một quái vật, một con thú to tướng, đen ngòm, giống như chó nhưng to hơn chó rất nhiều, đang đứng trên mình Hugo. Trong khi cả ba người đang đứng chết sững thì con quái vật cắn xé cổ họng của Hugo rồi quay đầu nhìn họ, quai hàm trề xuống và cặp mắt sáng long lanh. Thế là họ mất hết hồn vía, kéo cương quay đầu ngựa chạy thục mạng vừa kêu rú vang động cả đêm lẫn. Người ta quả quyết rằng một người đã chết ngay đêm đó, còn hai người kia thì suốt đời cũng không hoàn hồn.

"Đó là câu chuyện về nguồn gốc con chó mà người ta cho là kẻ giáng tai họa khủng khiếp xuống dòng họ chúng ta từ ấy đến nay. Sở dĩ ta chép lại chuyện này là vì điều gì được hiểu thấu rõ ràng sẽ gây ít sợ hãi hơn những điều được hiểu ngầm hay được gài thích sai lạc. Không thể phủ nhận là nhiều người trong dòng họ chúng ta đã kết thúc đời mình một cách đột ngột, đẫm máu và bí ẩn. Tuy nhiên, chúng ta có thể ẩn

nấu trong lòng nhân từ vô hạn của Chúa Quan phòng, là Đấng sẵn lòng tha thứ những con cháu vô tội thuộc đời thứ ba hay thứ tư. Ta xin giao phó con cháu ta cho Chúa Quan phòng, và khuyên thêm các người chớ lang thang vào khu đầm lầy trong giờ tâm tối là thời khắc hoành hành của ma quỷ."

(Chức thư này để lại cho hai con Rod và John, yêu cầu đừng nói gì với Elizabeth, em gái của các con).

Đọc xong, bác sĩ Móc-ti dịch kính lên trán và dán mắt vào Holmes. Nhà thám tử ngáp dài, ném mẩu thuốc vào lò sưởi, hỏi :

- Thế nào?

- Theo ông, điều đó có thú vị không?

- Thú vị đối với những người ưa thích truyện cổ tích.

Bác sĩ Móc-ti rút từ trong túi ra một tờ báo được gấp làm tư.

- Thôi được. Đây là số báo "Tin văn Devonshire" ra ngày 14 tháng 6 của năm nay. Trong đây có đăng bài tường thuật ngắn về các sự kiện liên quan tới cái chết của ngài Charles được phát hiện vài ngày trước đó.

Holmes hơi rướn người về phía trước. Bác sĩ Móc-ti sửa lại chiếc kính, và đọc :

"Cái chết mới được phát hiện cách đây không lâu của ngài Charles, ứng cử viên có triển vọng của đảng Tự do trong kỳ bầu cử sắp tới, đã gây ra một ấn tượng nặng nề cho cả miền Trung Devonshire. Mặc dầu ngài Charles đến sống tại lâu đài Baskerville chưa lâu, nhưng ngài đã chiếm được lòng yêu mến và kính trọng của tất cả những ai từng tiếp xúc với ngài. Như mọi người đều biết, ngài Charles đã tiến hành việc kinh doanh rất có lãi ở miền Nam châu Phi. Với óc sáng suốt, ngài đã thành công lớn và trở về Anh quốc với một gia tài đáng kể. Ngài đến ở tại lâu đài Baskerville chỉ mới hai năm trước, đưa ra một kế hoạch xây dựng lại thái ấp rất tuyệt vời. Lúc còn

sống, nhiều lần ngài bày tỏ ý định cải thiện sinh hoạt cho những người đồng hương của mình, và nhiều người trong số những cư dân ở đây đã có lý do riêng để thương tiếc ngài. Sự đóng góp hào phóng của ngài cho địa phương cũng như cho toàn địa phận đã được nhắc lại nhiều lần trên những trang báo của chúng tôi.

Mặc dầu cuộc điều tra đã kết thúc, nhưng cái chết của ngài Charles vẫn chưa sáng tỏ. Ngài góa vợ và là một con người có nhiều đức tính lạ lùng. Mặc dầu rất giàu có, ngài vẫn sống giản dị, tổng số người phục vụ trong nhà ở lâu đài chỉ gồm cặp vợ chồng ông Mô-rơ : ông chồng đảm trách nhiệm quản lý còn bà vợ thì làm nội trợ. Theo những lời khai của họ - những lời khai này trùng hợp với những lời khai của bạn hữu gần gũi với người đã khuất - thì vào thời gian gần đây, sức khỏe của ngài Charles có suy giảm. Ngài có bệnh đau tim. Bác sĩ Móc-ti, người bạn thân thiết, đồng thời là bác sĩ gia đình ngài, cũng nhấn mạnh điều này trong bản cung khai của mình.

"Cái chết diễn ra rất đơn giản. Ngày 4 tháng 6, ngài Charles có ý định đi Luân Đôn vào sáng hôm sau và ra lệnh cho ông Mô-rơ chuẩn bị hành trang. Buổi tối, ngài đi dạo, trong thời gian đó, luôn luôn hút thuốc. Lúc nửa đêm, khi nhận thấy cánh cửa dẫn tới lâu đài vẫn còn mở, Mô-rơ cảm thấy lo sợ, bèn đốt đèn lên và đi tìm ông chủ. Ngày hôm đó mưa ẩm, những vết chân của ngài Charles in rõ trên con đường. Khoảng giữa con đường này có một cửa hàng rào nhỏ dẫn tới khu đầm lầy than bùn. Nếu phán đoán theo một vài tư liệu thì ngài Charles có đứng cạnh cửa nhỏ này vài phút và sau đó tiếp tục đi... Thi thể của ngài được tìm thấy ngay cuối con đường.

Ở đây có một điểm chưa rõ : Mô-rơ nói là ngay sau khi ngài Charles rời khỏi cửa hàng rào thì đặc điểm của vết chân ngài có thay đổi (có lẽ ngài bắt đầu nhón trên mũi giày). Vào

thời gian này, có một người Di-gan đi buôn, tên là Móc-ph. đi qua khu đầm lầy, cách không xa con đường. Ông ta nghe thấy những tiếng kêu, nhưng không thể xác định là những tiếng kêu vọng tới từ hướng nào. Không tìm thấy dấu tích bạo lực nào trên cơ thể của ngài. Nhưng gương mặt người chết bị biến dạng đến khó nhận ra. Tuy nhiên, hiện tượng tương tự vẫn thường đi kèm với cái chết do ngạt thở và do sự suy kiệt trong hoạt động của tim. Trên cơ sở những tư liệu của phẫu thuật y học, người ta đã đi tới kết luận về cái chết như sau : Người bị nạn chết vì bệnh. Bởi vậy dư luận mong sao người thừa kế ngài Charles sẽ mau chóng đến ở lâu dài và tiếp tục những sáng kiến cao cả mà người đi trước đã phải ngừng lại. Như người ta nói thì người gần gũi nhất của ngài là ông Henry, cháu kêu ngài Charles bằng bác ruột. Theo nguồn tin cuối cùng có được của chúng tôi thì người trẻ tuổi này hiện đang sống ở Mỹ. Giờ đây người ta đang tìm kiếm và thông báo cho ông ta biết về các tài sản khổng lồ mà ông ta được hưởng."

Bác sĩ Móc-ti gấp tờ báo lại, bỏ vào túi :

- Thưa ông Holmes, đó là tất cả những gì được thông báo về cái chết của ngài.

- Vào thời gian trước đây, tôi có dịp đọc vụ án này trên báo, nhưng khi ấy tôi bận tới mức đã bỏ qua một vụ án đáng lưu ý. Có nghĩa đây là toàn bộ những tin tức về cái chết của ngài Charles.

- Vâng.

- Vậy thì ông hãy cho tôi biết những sự thật chưa được công bố đi ! - Holmes ngả người vào lưng ghế bành, đan những ngón tay vào nhau, có vẻ của vị quan tòa công minh và nghiêm khắc.

- "Tôi chưa hề nói với bất cứ người nào, bởi vì tôi không đồng ý với những dư luận nảy sinh từ cái đầu óc mê tin. Nhưng với ông, tôi có thể nói thẳng.

“Khu đầm lầy có than bùn là nơi hoàn toàn vắng vẻ. Cho nên những láng giềng thường xuyên cố gắng gặp gỡ nhau. Ngài Charles ưa sống cô độc, thế nhưng bệnh tình của ngài đã khiến chúng tôi gần gũi nhau. Ngài đã chuyển từ Nam Phi về những tư liệu khoa học rất quý và chúng tôi đã dùng nhiều buổi tối để trao đổi về giải phẫu học.

“Thời gian gần đây, cứ mỗi tháng, tôi lại cảm thấy thân kinh của ngài căng thẳng hơn lên. Ngài tin vào truyền thuyết tôi vừa đọc, nên những lúc dạo chơi trên lãnh địa của mình, ngài không hề đi vào khu đầm lầy vào ban đêm. Ngài tin chắc là tai họa khủng khiếp luôn luôn đe nặng lên dòng họ ngài. Ý tưởng về một bóng ma nào đó ám ảnh dai dẳng không cho ngài được yên tĩnh. Ngài thường hỏi tôi là khi đi thăm bệnh nhân, tôi có nhìn thấy cái gì lạ không. *“Ông có nghe tiếng chó sủa không?”* Câu này ngài hỏi rất thường xuyên và mỗi lần hỏi, giọng ngài run run vì lo ngại.

“Ba tuần trước khi xảy ra tai nạn, tôi đã đến lâu đài vào buổi chiều. Ngài đứng ở cửa ra vào. Tôi bước xuống xe ngựa. Lúc đến gần ngài, tôi đột nhiên nhận thấy ngài đang nhìn qua vai tôi tới một chỗ nào đó. Mắt ngài biểu lộ sự khiếp đảm cùng cực. Tôi ngoảnh đầu lại và kịp nhìn thấy ở ngay cuối con đường có một con vật nào đó trông tựa tựa nai, đen và lớn. Ngài hoảng sợ tới mức buộc phải đi tới nơi con vật thoáng xuất hiện và nhìn xem nó lẩn vào đâu. Nhưng ở đấy không còn gì cả.

“Sự việc này đã gây một ấn tượng rất nặng nề đối với ngài. Suốt buổi tối tôi ở chỗ ngài và thế là đến một lúc nào đấy, sau khi giải thích cho tôi biết nguyên nhân do nỗi lo ngại của mình, ngài yêu cầu tôi giữ gìn thủ bản này.

“Sau khi tìm thấy thi thể của ngài, người quản gia đã phái người chặn ngựa bay đến chỗ tôi. Tôi làm việc muộn, nên tôi đã đến lâu đài sau một giờ đồng hồ. Tôi đã kiểm tra tất

cả những sự kiện có ghi trong biên bản điều tra. Tôi đi theo vết chân của ngài trên suốt con đường rậm rì cây cối, xem xét kỹ chỗ cạnh cửa hàng rào, nơi chắc có lẽ ngài đã dừng lại, để ý tới đặc điểm thay đổi của vết chân ngài và dám chắc rằng ngoài những vết đó ra, còn có những dấu vết khác trên con đường đất lộn sỏi. Ngài nằm sấp, dang hai tay ra, những ngón tay bám chặt vào đất, bộ mặt của ngài méo mó đến mức tôi không nhận ra ngài ngay. Không có sự xây xát nào ở ngài. Thế nhưng Mô-rơ đã khai không đúng trong bản điều tra. Theo lời của ông ta thì trên mặt đất cạnh thi thể không có một dấu vết nào cả. Thật ra cách thi thể ngài không xa, có những dấu vết rất mới và rất rõ.

- Những dấu chân.
- Vàng, những dấu chân.
- Đàn ông hay đàn bà?

Bác sĩ Móc-si nhìn chúng tôi dăm dăm và thăm thăm :

- *Những vết chân của một con chó khổng lồ !*

3. NHIỆM VỤ

Phải thú nhận là những lời này đã khiến tôi lạnh cả xương sống. Cả người Holmes ngả ra phía trước. Trong mắt anh loé lên những tia sáng lạnh lùng và hằn học. Mọi quan tâm đã thức dậy trong anh.

- Chính mắt ông nhìn thấy?
- Như tôi đang nhìn thấy ông !
- Vậy mà ông không nói gì về chuyện đó.
- Để làm gì chứ?
- Sao không có ai ngoài ông nhìn thấy?

- Những dấu vết đó ở cách thi thể ba mươi bước, và không ai chú ý tới chúng. Chính tôi cũng sẽ không nhận thấy, nếu không nhớ tới truyền thuyết kia.

- Chắc trên đầm lầy có nhiều chó chăn cừu ?

- Tất nhiên. Nhưng đó không phải là dấu chân chó chăn cừu.

- Những vết chân rất lớn phải không?

- To tướng !

- Nhưng nó không lại gần tử thi?

- Không.

- Thời tiết lúc đó ra sao?

- Ấm và lạnh.

- Không có mưa chứ?

- Không.

- Con đường ấy có gì?

- Hai bên đường có hàng rào xanh và cao, giữa là lòng đường rộng một mét.

- Trên con đường có cửa hàng rào nhỏ?

- Vâng, cửa hàng giậu này dẫn tới khu lầy.

- Tới đó không còn lối đi nào khác.

- Không.

- Phải chăng để đi tới con đường, chỉ có thể đi từ cửa hoặc đi qua cửa hàng rào.

- Có một lối khác : qua nhà hóng mát ở cuối con đường.

- Ngài Charles đã đến đó?

- Không. Ngài nằm cách đó khoảng năm mươi bước.

- Bác sĩ Móc-ti. Đây là một câu hỏi rất quan trọng :
Những dấu vết mà ông thấy, không ở trên cỏ mà ở trên con đường?

- Không thấy dấu vết trên cỏ.

- Chúng ở phía có cửa hàng giậu phải không?

- Vâng, ngay ở rìa đường, gần cửa hàng rào.

- Rất tuyệt ! Còn một câu hỏi nữa : Cửa hàng rào được đóng kín?

- Chẳng những nó được đóng kín mà còn được khóa bằng ổ khóa treo.

- Cửa cao bao nhiêu?

- 1,25 mét.

- Nghĩa là có thể trèo qua được?

- Vâng.

- Không tìm thấy một cái gì ở ngay cạnh cửa hàng rào chứ?

- Không. Không thấy cái gì đặc biệt cả.

- Phải chăng ông đã không để mắt đến đó ?

- Không. Chính tôi nhìn mà.

- Nhưng vẫn không tìm thấy gì?

- Khó lòng nhận biết một cái gì ở đó cả. Rất có thể ngài đã đứng cạnh cửa hàng rào chừng năm mười phút.

- Tại sao ông lại nghĩ như thế?

- Bởi vì tàn thuốc ngài hút đã hai lần rơi xuống.

- Tuyệt vời ! Điều đó thật bổ ích ! Mà sao lại không có dấu vết?

- Chỉ có dấu chân của ngài trên nền đất sỏi. Tôi không nhận ra dấu vết khác.

• Holmes vỗ đánh đét vào đùi mình :

- Ôi ! Nếu tôi ở đó chắc chắn đây là một vụ án đáng chú ý. Sỏi đá. Đây là trang sách, mà ở đó tôi có thể đọc được tất cả ! Còn bây giờ mưa đã tẩy sạch nó, những gót giày của các điền chủ hiếu kỳ đã xéo lên nó... Ôi bác sĩ Móc-ti. Tại sao ông không gọi tôi ngay? Thật tiếc biết chừng nào.

- Tôi không thể đến chỗ ông được, bởi vì khi đó tôi phải công bố những sự việc. Ngoài ra và ngoài ra...

- Vì sao ông lại ngần ngại?

- Có một lĩnh vực nào đó mà những thám tử giàu kinh nghiệm nhất cũng phải bất lực.

- Ông muốn nói rằng công việc đó có sức mạnh siêu nhiên?

- Tôi không nói như vậy.

- Không nói, nhưng nghi, đúng không?

- Ông Holmes ạ, từ khi nổi bất hạnh xảy ra, người ta đã cho tôi biết nhiều sự kiện khó lòng giải thích được.

- Chẳng hạn...?

- Trước khi xảy ra cái chết, một vài người dân địa phương đã trông thấy khu đầm lầy một sinh vật kỳ lạ phù hợp với sự mô tả về con quỷ của dòng họ Baskerville. Nó không giống với bất cứ loài động vật nào được khoa học nói đến. Tất cả những người đã trông thấy đều khẳng định rằng : *Đấy là bóng ma có kích thước khổng lồ, người tỏa sáng và trông rất quái đản.* Tôi tìm hỏi những người này. Họ gồm ba người ; *một người láng giềng của chúng tôi, ông này có một cái nhìn rất tinh táo, người thợ rèn địa phương và một điền chủ.*

Cả ba hầu như đều mô tả lại cái con chó được nói tới trong truyền thuyết.

- Một nhà khoa học như ông mà lại tin vào hiện tượng siêu nhiên này sao?

- Chính tôi cũng không rõ mình tin cái gì.

- Cho đến bây giờ, hoạt động của tôi chỉ trong phạm vi của thế giới này. Tôi đấu tranh với cái ác theo khả năng của mình ; có điều, chống lại với ông tổ của cái ác thì là quá sức đấy. Tuy nhiên, ông không phủ nhận rằng vết tích trên sỏi là một cái gì rất hiện thực chứ?

- Cũng không thể cho rằng con chó là không hiện thực, nếu nó đã cắn chết người. Ở con chó có cái gì đấy rất ma quái.

- Tôi nhận thấy ông đã đứng vào hàng ngũ của những nhà thần bí rồi đấy, bác sĩ ! Và nếu ông đứng trên quan điểm ấy thì ông cần đến tôi làm gì? Một mặt, ông nói việc tìm hiểu thực trạng của cái chết của ngài Charles là vô ích ; mặt khác ông lại yêu cầu tôi nắm bắt lấy thực trạng của nó.

- Tôi chưa hề yêu cầu ông làm việc đó.

- Nếu thế, tôi có thể giúp ông được gì?

- "*Bằng lời khuyên.* Hãy cho tôi biết tôi cần xử sự với ngài Henry như thế nào?" Bác sĩ Móc-ti nhìn đồng hồ. "Một giờ mười lăm phút nữa, ngài sẽ đến nhà ga".

- Đó là người thừa kế.

- Vâng, chúng tôi dò hỏi tin tức về ngài và biết ngài đang điều hành trang trại của mình ở Canada. Đó là một người trẻ tuổi, rất đáng kính trọng. Bây giờ tôi nói chuyện với ông ấy không phải với tư cách thầy thuốc, mà với tư cách một người thực hiện di chúc.

- Không có người nào khác muốn chiếm đoạt gia tài chứ?

- Không. Người họ hàng duy nhất khác là ông Rod, em trai của ngài Charles. *Họ có ba anh em tất cả : Người em giữa chết lúc trai trẻ, là cha của Henry, em út là Rod, giống Hugo như hai giọt nước.* Ở Anh quốc, Rod sống không quen và đã sang Trung Mỹ và chết vào năm 1876 vì bệnh sốt rét. Tóm lại, Henry là người nối dõi cuối cùng của dòng họ Baskerville. Một giờ 5 phút nữa ngài có mặt ở sân ga Waterloo. Vậy đấy, thưa ông Holmes, ông hãy nói xem, ông khuyên tôi phải làm gì?

- Vì sao ông ta không đến ngay thái ấp của dòng họ mình?

- Vâng, tôi cũng tự hỏi như vậy. Nhưng, xin nhớ rằng tất cả những người trong dòng họ Baskerville sống ở đó đều chết

một cách bí hiểm. Trước khi chết, ngài Charles đã căn dặn rằng tôi không được đưa người nối dõi cuối cùng của dòng họ này đến chỗ đó. Đồng thời ta cũng không thể quên điều này : nếu lâu đài không có người ở thì tất cả những sáng kiến của ngài sẽ bị lãng quên, và địa phương đó sẽ không được phát triển. Cho nên tôi đến đây nhờ ông khuyên bảo.

Holmes trầm ngâm suy nghĩ, cuối cùng anh nói :

- Tôi hiểu thế này : ông cho rằng sức mạnh tội lỗi nào đó đã làm cho vùng đất đó trở nên khá nguy hiểm đối với dòng họ Baskerville.

- Dầu sao cũng còn một vài cơ sở để tin như thế.

- Thôi được. Nhưng nếu lý thuyết về những sức mạnh siêu nhiên của ông là đúng, thì chúng vẫn có thể huỷ diệt được người nối dõi ấy, không chỉ ở tòa lâu đài mà còn ở cả Luân Đôn. Thật khó hình dung rằng một con quỷ dữ chỉ có uy lực trong một phạm vi nhỏ hẹp như thế.

- Nếu ông chưa gặp những hiện tượng ấy, xin ông chờ vội cười cợt. Theo ông, người trẻ tuổi này vẫn cứ yên ổn, dù ông ta sống ở Devonshire hay ở Luân Đôn? Năm mươi phút nữa ngài sẽ đến. Hãy khuyên tôi nên làm gì !

- Ông hãy đi gọi xe mui, rồi cùng với con chó săn đến nhà ga đón ông Henry.

- Rồi sau đó?

- Sau đó ông sẽ chờ cho đến khi tôi nghĩ ra kế hoạch hành động. Cho tới lúc đó, xin ông đừng nói với ông ta điều gì.

- Ông làm việc đó trong bao lâu?

- Một ngày đêm. Tôi sẽ rất biết ơn ông, nếu ông có mặt ở đây vào mười giờ sáng ngày mai cùng với ông Henry. Tôi muốn làm quen với ông ta.

- Được.

Móc-ti ghi lại ngày và giờ của cuộc gặp gỡ trên cổ tay áo, rồi lơ dềnh nhìn quanh và bước nhanh ra khỏi phòng.

Holmes gọi giật ông ta từ đầu cầu thang.

- Còn một vấn đề nữa, bác sĩ Móc-ti, ông có nói là bóng ma xuất hiện ở đêm lây vào buổi sớm phải không?

- Vâng, cả ba người đều kể như vậy.

- Sau khi ngài Charles chết thì không có gì nữa chứ?

- Tôi không biết, tôi không nghe thấy gì nữa.

- Cám ơn ông. Chúc ông mọi sự tốt đẹp.

Holmes ngồi xuống chỗ mình ở góc đi-văng, mỉm cười điềm tĩnh và hài lòng, nụ cười đó thường hiện trên gương mặt anh khi có một nhiệm vụ xứng đáng nào đó.

- Anh đi chứ, Watson?

- Nếu tôi giúp anh được điều gì đó.

- Bây giờ thì chưa. Tôi sẽ nhờ anh giúp sức khi cần. Vụ án thật tuyệt vời ! Có quan hệ với hàng loạt sự kiện. Khi qua chỗ Bradley anh nhớ rẽ vào đó và yêu cầu ông ta chuyển cho tôi một cân thuốc loại tốt nhất. Gắng đừng trở về trước buổi tối đấy. Nếu việc này không làm xáo trộn gia đình anh lắm thì xin anh vui lòng trở lại đây thay vì về nhà, vì tôi muốn trao đổi ý kiến với anh...

Sự cô độc và yên tĩnh cần thiết cho Holmes khi anh cân nhắc mọi chi tiết nhỏ nhất của vụ án, thiết lập giả thiết này đến giả thiết khác, đối chiếu chúng với nhau, và xem xét những thông tin nào là căn bản và có thể xem nhẹ thông tin nào. Bởi vậy, tôi ở câu lạc bộ suốt cả ngày và trở về đường Baker lúc 9 giờ tối.

Tôi đẩy cửa phòng khách và hoảng hốt - có hỏa hoạn chăng? Bởi vì trong phòng đầy khói, ngọn lửa đèn dầu lập lòe. Mùi thuốc xộc vào mũi khiến tôi thấy ngọt ngọt. Xuyên qua bức màn khói, tôi nhận ra Holmes đang ngồi thoải mái trong ghế bành. Anh mặc áo dài, môi ngậm chặt chiếc tẩu thuốc. Xung quanh bày la liệt những cuộn giấy.

- Bị cảm lạnh sao Watson?

- Không. Quả thật cái thứ hương trầm này thật khó thở.
- Vâng, anh nói đúng. Có hơi nhiều khói thuốc ở đây.
- Hơi nhiều sao ! Chẳng thể thở nổi !
- Vậy thì hãy mở cửa sổ ra. Tôi thấy anh suốt ngày ở câu

lạc bộ?

- Anh bạn thân mến ơi, anh đoán mò rồi !
- Nhưng có đúng như vậy không?
- Tất nhiên là đúng, nhưng làm sao anh...

Anh nhìn vào bộ mặt bối rối của tôi và phá lên cười.

- Anh Watson, sự hồn nhiên của anh quả là đáng mến ! Nếu anh biết được tôi sáng khoái như thế nào, khi qua anh, tôi kiểm tra lại trí lực khiếm tốn của mình ! Anh từ nhà ra đi vào lúc có mưa. Buổi chiều anh trở về sạch sẽ, không có lấy một vết bẩn. Cái mũ lễ và đôi giày cao cổ ở anh cũng sáng loáng như trước. Quả thật là anh ngồi lì suốt ngày ở đâu đó. Ở đâu nữa? Phải chăng điều này đã quá rõ ràng?

- Đúng, rất rõ ràng. - Tôi đáp.

- Trên đời này đây rấy những điều hiển nhiên như thế, vậy mà không mấy ai nhận ra chúng. Anh nghĩ thế nào, tôi đã đi đâu? - Holmes hỏi.

- Anh cũng ngồi lì suốt ngày phải không?

- Ồ không. Tôi đến Devonshire.

- Bằng cách tưởng tượng hả?

- Phải. Anh vừa ra khỏi nhà, tôi liền cho người đi lấy tám bản đồ khu đầm lầy. Trí óc tôi đi lục lọi khắp khu này suốt cả ngày. Và bây giờ tôi đã nắm được những chỗ ấy.

- Bản đồ tỉ lệ lớn phải không?

- "Vâng, rất lớn". Anh giữ một phần tám bản đồ này ra và đặt nó lên đầu gối. "Đây chính là khu vực khiến chúng ta lưu tâm, ở giữa là lâu đài Baskerville."

- Bao quanh lâu đài là rừng?

- Rất đúng. Ở đây con đường nhiều bóng cây không được nổi rõ, nhưng nó ở bên phải của khu đầm lầy. Đây là khu nhà nhỏ chính là làng Grimpen, địa bàn hoạt động của bác sĩ Móc-ti. Còn đây là biệt thự Laften mà bác sĩ có nhắc đến ; còn đây là hai trang trại : “Các cột đá” và “đầm lầy ướt”. Cách trang trại này 14 dặm có nhà tù khổ sai. Cảnh hoang vắng trải ra giữa các điểm riêng rẽ này là nơi tấn bi kịch đã được trình diễn và rất có thể sẽ được trình diễn một lần nữa.

- Đúng vậy, chỗ đó rất hoang dã.

- Nếu như con quý thật sự muốn xen vào công việc của con người, thì không nơi nào thuận tiện cho nó bằng nơi này.

- Nghĩa là anh cũng có khuynh hướng giải thích câu chuyện này bằng tính siêu nhiên ?

- Chúng ta cần phải giải đáp hai câu hỏi : Thứ nhất, ở đây có tội ác không? Thứ hai, tội ác liên quan tới cái gì và nó được tiến hành như thế nào? Nếu điều mà bác sĩ Móc-ti dự đoán là đúng và ở đây chúng ta phải đương đầu với những sức lực siêu nhiên thì lúc ấy chúng ta buộc lòng phải hạ vũ khí. Nhưng trước hết, chúng ta cần phải kiểm tra tất cả các giả thiết khác; mà anh đã kịp nghĩ về vụ án này chưa?

- Suốt ngày nó không rời khỏi đầu tôi.

- Anh đã có kết luận như thế nào?

- Câu chuyện rất rắc rối.

- Đúng, câu chuyện rất độc đáo, đặc biệt là trong một vài chi tiết. Ví như đặc điểm thay đổi của các vết chân.

- Bác sĩ Móc-ti nói là hình như ngài Charles đi nhón chân trên một phần của con đường.

- Ông ấy chỉ nhắc lại lời nói của một kẻ ngu dốt nào đó thốt ra vào thời điểm điều tra. Vì sao người này lại cần đi nhón chân?

- Vậy sự thật ra sao?

- Ông ta chạy, Watson ạ. Ông ấy chạy thực mạng để mong thoát nạn. Ông ta chạy và đồng thời tim của ông ta không chịu đựng được. Ông ta ngã và chết.

- Thoát nạn? Ai đe dọa?

- Cái gút là ở đó. Cứ xét theo một vài cứ liệu thì trước khi chạy, ông ta đã mất trí vì sợ hãi.

- Tại sao anh nghĩ như thế.

- Nếu "cái" làm cho ông ta sợ hãi đến từ khu đầm lầy, thì chỉ có con người mất trí mới không chạy về nhà mình mà chạy ngược lại. Còn một bí ẩn nữa : Vào buổi chiều hôm đó, ông ta chờ ai và tại sao lại gặp nhau trên con đường nhiều bóng cây mà không phải ở trong nhà?

- Anh cho rằng ông ta chờ một ai đó?

- Anh thử nghĩ mà xem : Một người đứng tuổi, bệnh tật đi dạo chơi vào buổi tối. - Không có gì đáng ngạc nhiên về chuyện đó cả. - Thế nhưng ngày hôm ấy ẩm ướt và lạnh lẽo ! Khi để ý tới tàn thuốc lá, bác sĩ Móc-ti đã khẳng định là ông ta đã đứng ở cạnh cửa hàng giậu khoảng năm mười phút. Ông ta đứng vô ích ở đó để làm gì? Nhân thể nói thêm, bác sĩ Móc-ti có mắt quan sát đấy.

- Hàng ngày vào các buổi tối, ông ta đều đi dạo như thế, trước khi đi ngủ.

- Và mỗi buổi tối ông ta lại dừng lại ở cạnh cửa hàng giậu phải không? Chưa chắc. Đêm hôm đó ông ta chờ một người ở đây. Đó là đêm trước chuyến đi Luân Đôn mà ông đã định sẵn. Hãy nhìn xem, Watson, như tất cả đã đầu vào đấy : Mắt xích này tới mắt xích khác. Còn bây giờ hãy làm ơn chuyển cho tôi cây đàn vi-ô-lông.

4. NGÀI HENRY BASKERVILLE

Khi đồng hồ điểm mười tiếng, bác sĩ Móc-ti và nam tước trẻ tuổi bước vào phòng. Người đi sau chừng ba mươi tuổi, vóc dáng không lớn, nhưng nhanh nhẹn và chắc nịch. Gương mặt ông biểu lộ một cái gì ương ngạnh; cặp mắt nâu sẫm dưới hàng lông mày đen rậm nhìn thẳng vào chúng tôi. Bộ com-lê màu da lươn cắt theo kiểu thể thao và nước da rám nắng cho biết đó là một con người ưa hoạt động ; đồng thời, một phong thái điềm tĩnh, tự tin.

Ngài Henry Baskerville. - Bác sĩ Móc-ti giới thiệu ông ta với chúng tôi.

- "Đây chính là ông Holmes?" - Vị nam tước hỏi. "Thật là thú vị, ông Holmes, nếu bạn tôi không đề nghị đến thăm ông, thì tôi cũng sẽ đến chỗ ông. Người ta nói rằng ông biết cách giải những bí ẩn nho nhỏ".

- Mời ngài ngồi xuống đây, ngài Henry. Nếu tôi không làm thì trong chuyến đến Luân Đôn này, có một cái gì đó đáng lưu ý đã xảy ra với ngài?

- Không có gì đặc biệt quan trọng, ông Holmes ạ. Nhưng sáng nay tôi nhận được lá thư này, nếu nó đáng được gọi bằng cái tên như vậy.

Ông ta đặt phong bì lên bàn và chúng tôi bắt đầu xem xét. Phong bì rất bình thường, làm bằng giấy xám. Địa chỉ : "*Khách sạn Northumberland, ngài Henry*" được viết bằng chữ cái in lớn. Trên dấu bưu điện có hàng chữ "*Charing-cross*" và thời gian chuyển : chiều ngày hôm trước.

- Có ai biết là ngài ngụ ở khách sạn Northumberland không? - Holmes, sau khi tò mò nhìn người khách.

- Không ai biết. Chỉ sau khi gặp bác sĩ Móc-ti tôi mới quyết định nơi nghỉ chân.

- Nhưng bác sĩ cũng nghỉ chân ở đó?

- Không, tôi ở nhà người quen. Không một ai có thể biết là chúng tôi sẽ đến khách sạn này. - Bác sĩ nói.

- Chà ! Nghĩa là có ai đây rất quan tâm tới việc đi lại của các ông.

Holmes rút từ phong bì ra một tờ giấy gấp làm tư, giở ra và đặt nó lên bàn. Ở giữa trang giấy chỉ có một câu duy nhất, người ta đã cắt từng chữ ở trong báo rồi dán ghép thành câu.

- “Nếu Ngài sáng suốt và còn quý trọng cuộc sống thì Ngài hãy tránh xa khu đầm lầy than bùn”. Các chữ “*khu đầm lầy than bùn*” được viết tay và bằng mực.

- “Thế đây, ông Holmes”, Nam tước nói, “điều đó có nghĩa là thế nào và ai đã quan tâm đến công việc của tôi như vậy?”

- Ông nghĩ sao, bác sĩ Móc-ti? Lần này thì không có cái gì siêu phàm chứ?

- Vâng, thưa ông, nhưng rất có thể người gửi thư này tin rằng câu chuyện đó hoàn toàn là siêu nhiên.

- “Câu chuyện nào?” Ngài Henry đánh giọng hỏi, “Dường như các ông hiểu rõ công việc của tôi hơn chính tôi đây !”

- “Chúng tôi sẽ nói tất cả, thưa ngài, trước khi ngài rời khỏi đây, hãy tin tôi”. Holmes nói. “Còn bây giờ hãy trở lại với tài liệu này, nó được thảo ra và bỏ vào thùng bưu điện chiều qua. Anh Watson, chúng ta có báo Times ngày hôm qua không?”

- Ở trong góc ấy.

- “Hãy cho tôi cái trang có bài xã luận ấy”. Anh lướt mắt nhanh trên trang báo. “*Mộ dịch tự do...* Bài xã luận tuyệt vời” ! Cho phép tôi đọc thành tiếng một đoạn : “Nếu có ai nói với Ngài rằng ngành công nghiệp của Ngài được đặt dưới sự bảo hộ thuế quan thì Ngài hãy tránh xa những người đó, bởi vì sự sáng suốt sẽ chứng tỏ với Ngài rằng một hệ thống

tương tự rồi cuối cùng sẽ giảm lượng hàng xuất khẩu của chúng ta ; và cũng sẽ phá vỡ cuộc sống yên lành của gia đình chúng ta ; mà, các nhu cầu của cuộc sống gia đình thì hãy còn quý trọng đối với tất cả chúng ta". Watson, anh nghĩ như thế nào? - Holmes thốt lên, xoa tay một cách vui sướng.

- Bác sĩ Móc-ti nhìn Holmes như những lương y nhìn những bệnh nhân mắc bệnh nặng. Còn ngài Henry nhìn tôi, vẻ phân vân.

- Tôi cảm thấy chúng ta đã hơi đi ra ngoài vấn đề chúng ta đang quan tâm ! - Ngài Henry nói.

- Ngược lại ! Chúng ta đang đi ngay liền sau đó, thưa ngài ! Phương pháp của tôi quen thuộc với Watson hơn ngài ; thế mà tôi vẫn e rằng ý nghĩa của đoạn vừa đọc vẫn có thể lọt ra ngoài nhận thức của anh ấy.

- Vâng, xin thú thực là tôi chưa thấy có mối liên hệ nào giữa nó với bức thư.

- Mối liên hệ chặt chẽ biết bao ! "Nếu", "Ngài", "tránh xa", "sáng suốt", "cuộc sống", "quý trọng". Lẽ nào anh không đoán ra những chữ đó được lấy từ đâu?

- Ôi, lời giải đoán thật xuất sắc ! - Ngài Henry thốt lên.

- Nếu ngài còn một chút nghi ngờ thì hãy chú ý tới các từ "thì ngài hãy tránh xa". Chúng được cắt liền mạch.

- Ôi, đúng vậy !

- "Ông Holmes !" Bác sĩ Móc-ti ngạc nhiên nhìn bạn tôi và nói. "Ông có biết không, chúng tôi cũng không tưởng tượng được là có thể có những chuyện như vậy ! Do đâu mà ông đoán ra những chữ được cắt ra từ bài báo".

- Sự hiểu biết về các kiểu chữ in typô là một trong những yêu cầu sơ đẳng đối với người thám tử, vì vậy tôi không thể nhầm lẫn giữa bài xã luận của báo "Times" với bất cứ tờ nào khác ; những kiểu chữ này chỉ có thể được cắt ra từ đó. Bức thư được chuyển vào hôm qua. Vậy trước tiên, chúng ta cần xem số báo ngày hôm qua.

- "Ông Holmes", ngài Henry nói. "Thế nghĩa là một ai đó đã tháo bức thư này sau khi đã cắt tờ báo bằng...

- "... Bằng kéo sửa móng tay". Holmes ngắt lời ông ta. "Ngài hãy chú ý xem đoạn cắt ở chúng ngăn đến mức nào? Để cắt cụm chữ "thì ngài hãy tránh xa", người ấy phải tiến hành hai nhất cắt.

- Hoàn toàn đúng. Một người nào đấy đã cắt các chữ này bằng kéo, với đoạn cắt ngăn và dán chúng...

- ... Bằng gồm a-ra-bic - Holmes nhắc.

- ... Bằng gồm a-ra-bic trên giấy. Nhưng vì sao những chữ "khu đầm lầy có than bùn" lại viết bằng tay.

- Bởi vì tác giả bức thư không tìm được chúng trên báo.

- Lời giải thích rất giống với sự thật. Ông còn có thể đọc được điều gì ở đây nữa, ông Holmes?

- Chúng ta vẫn còn có thể thu được một cái gì đó nữa, mặc dầu tác giả của lá thư đã gắng hủy những tang chứng nhỏ nhất. Đây này, địa chỉ được viết bằng chữ cái in lớn, báo Times là tờ báo hiếm khi rơi vào tay những người bình thường. Vậy ta có thể rút ra kết luận : Tác giả lá thư là một người có học, nhưng người ấy cố gắng tỏ ra mình là người thiếu học bằng cách cố ý thay đổi nét chữ, chắc họ sợ rằng ngài sẽ nhận ra người viết, hoặc bây giờ hoặc sau này. Ngoài ra, cần chú ý điều này : các chữ dán không được khéo. Chẳng hạn "cuộc sống" nằm không ngay ngắn. Điều này chỉ ra tính không cẩn thận của tác giả bức thư, có thể là do lo lắng và vội vã. Bởi vì bức thư được gởi vào hôm qua, cần bằng mọi cách để đến tay ngài ở khách sạn. Có thể tác giả sợ có sự cản trở nào đó chăng? Nhưng ai có thể cản trở vậy?

- Hình như chúng ta đang bước vào lãnh vực của những giả thiết. - Bác sĩ Móc-ti nhận xét.

- Đúng hơn là lãnh vực mà tất cả những khả năng đều được cân nhắc để chọn lựa một khả năng gần với sự thật nhất.

Tất nhiên ông sẽ coi điều tôi nói là giả thiết thuần túy, nhưng hầu như tôi tin rằng địa chỉ được viết tại khách sạn nào đấy.

- Do đâu ông nghĩ như thế?

- Hãy xem xét kỹ phong bì, ông sẽ nhận ra rằng người viết đã không gặp may : Ngòi bút phải hai lần chấm vào lọ mực mới xong địa chỉ ngắn đến thế. Nghĩa là lọ mực đã cạn kiệt tận đáy, ít khi bút và mực rơi vào tình trạng ấy. Đây là một trường hợp đặc biệt hiếm có. Thế nhưng, ai cũng biết, ở các khách sạn hầu như không có bút khác và mực khác. Vâng, tôi không lường lự mà cho rằng nếu chịu lục soát tất cả các giỏ rác trong tất cả các khách sạn gần Charing-Cross thì sẽ tìm thấy mẫu xă luận Times bị cắt rời, và chúng ta lập tức tìm ra tác giả của bức thư kỳ lạ này... Ối ! Ối ! Cái gì thế này?

Anh chăm chú nhìn vào tờ giấy có dán chữ. Anh đặt nó cách mắt chừng 1,2 tấc.

- Cái gì vậy?

- “Không, không có gì cả”. Holmes nói và đặt lá thư lên bàn. “Tờ giấy rất phẳng phiu, thậm chí không có những vết xước nữa. Chúng ta sẽ khai thác bức thư. Còn bây giờ, ngài Henry, hãy kể bất kỳ một điều gì đã xảy ra với ngài từ khi ngài đến Luân Đôn đi”.

- Không, ông Holmes, hình như không có gì xảy ra cả.

- Không có ai theo dõi ngài sao?

- “Hình như tôi sa vào cuốn tiểu thuyết trinh thám nào đó rồi”. Vị khách của chúng tôi nói. “Ai có thể theo dõi tôi vậy?”

- Thư thả, rồi chúng ta sẽ bàn chuyện đó. Còn bây giờ, lẽ nào ngài không thấy cần thiết kể cho chúng tôi nghe về một điều gì chăng?

- Ông cần chú ý tới điều gì?

- Tất cả những điều diễn ra ngoài phạm vi nếp sống bình thường, dưới hình thức này hay hình thức khác.

Ngài Henry mỉm cười :

- Hầu như tất cả tuổi thơ và tuổi thanh niên của tôi trôi qua ở Mỹ và Canada, bởi vậy nếp sống ở Anh còn mới mẻ đối với tôi. Nhưng chưa chắc ông coi là một sự bình thường khi tự nhiên người ta mất một chiếc giày.

- Ông mất một chiếc giày?

- Giày của ngài chỉ thất lạc đầu đó thôi ! Rồi sẽ tìm ra mà ! Có nên làm cho ông Holmes day dứt vì những điều nhỏ mọn như vậy không ! - Bác sĩ Móc-ti nói.

- Ông ấy muốn biết có cái gì khác thường xảy ra với tôi hay không kia mà.

- Mỗi điều vặt vãnh cũng khiến tôi quan tâm. Nghĩa là ngài mất giày? - Holmes nói.

- Vâng, nhưng có thể thật sự có người chủ ý lấy nó. Buổi tối qua, tôi đặt đôi giày ở cửa phòng để người hầu phòng đánh xi, sáng dậy chỉ còn một chiếc. Đáng tiếc ! Tôi mới mua đôi này vào ngày hôm trước, chưa kịp mang nó nữa.

- Ngài muốn đánh xi đôi giày mới? Sao vậy?

- Đôi giày màu nâu sáng. Tôi có ý định đánh xi đen.

- Vậy là đến Luân Đôn, ngài đi mua giày ngay?

- Nói chung tôi đi khắp cửa hàng. Bác sĩ Móc-ti đi chung với tôi. Kể ra chủ nhân của một thái ấp lớn cũng cần ăn mặc cho phù hợp. Đôi giày này giá 6 đô la.

- “Nếu đó là chuyện mất cắp thì hoàn toàn chẳng có gì đáng suy nghĩ.” Holmes nói. “Phải thừa nhận là tôi đồng ý với bác sĩ Móc-ti : chiếc giày của ngài sẽ mau chóng được tìm thấy”.

- “Và bây giờ, thưa quý bạn”, Nam tước nói một cách quả quyết. “Quý bạn cần cho tôi biết những chuyện mà các bạn đã biết”.

- “Đòi hỏi thật chính đáng”. Holmes đồng ý. “Bác sĩ Móc-ti, theo tôi, ông cần tự mình kể cho ngài nghe những gì ông đã kể cho chúng tôi”.

Người bạn khoa học của chúng tôi rút từ túi ra bản chép tay và tờ báo, rồi nhắc lại câu chuyện hôm qua của mình. Nam tước lắng nghe với sự chú ý sâu sắc, thỉnh thoảng ông ta ngắt lời bác sĩ bằng những tiếng kêu kinh ngạc. Khi câu chuyện chấm dứt, ông ta nói :

- Ôi ! Thì ra không phải cứ ung dung thừa hưởng một gia tài ! Về con chó, vào thời thơ ấu, tôi có nghe nói. Thật vậy, đó là một huyền thoại của gia đình chúng tôi. Còn điều liên quan đến cái chết của bác sĩ thì tôi hết sức rối trí. Tôi cũng chưa biết cần nhờ ai giúp đỡ : linh mục hay cảnh sát !

- Rất đúng.

- Giờ đây lại là lá thư kỳ lạ. Có lẽ nó có liên quan tới các sự kiện.

- Vâng, nếu phán đoán theo lá thư thì một người nào đó biết rõ hơn ngài về cái điều đang diễn ra ở khu đầm lầy than bùn. - Bác sĩ Móc-ti nói.

- “Một người nào đó rất có thể cảm tình với ngài.” Holmes nói. “Vì ông ta muốn báo cho ngài biết trước mối nguy hiểm”.

- Cũng có thể “một người nào đó” cảm thấy có lợi nếu đuổi được tôi ra khỏi lâu đài Baskerville.

- Cũng có thể như thế... Tôi rất biết ơn ông, bác sĩ Móc-ti ạ, vì ông đã trao cho tôi nhiệm vụ phức tạp và lý thú này. Nhưng bây giờ, ngài Henry, cần đi vào thực chất của vấn đề : Ngài có đi đến lâu đài Baskerville hay là không?

- Tại sao tôi không đến đó?

- Rất có thể điều này khá nguy hiểm.

- Mối nguy hiểm này phát sinh từ đâu. Từ con ngáo ộp của gia đình chúng tôi hay từ những người khác?

- Đó là điều chúng ta phải tìm cho ra.

- “Dù ở đây có xảy ra chuyện gì, thì không một thế lực nào, không một mưu kế nào có thể tìm chân tôi được. Tôi dứt

khoác sẽ đến ngôi nhà của tổ tiên mình". Đồi lông mày sẫm của ông ta nhú thành một đường dài, da mặt đỏ ửng lên. Tính bất trị của dòng họ Baskerville biểu hiện rõ rệt trong người kế tục cuối cùng này. "Tôi còn chưa kịp cân nhắc kỹ càng về cái điều ông vừa nói. Không dễ dàng hiểu ngay và quyết định ngay được. Tôi sẽ suy nghĩ kỹ về chuyện đó vào lúc rảnh rỗi. Ông Holmes, bây giờ là 11 giờ rưỡi. Tôi sẽ đi thẳng về khách sạn ; ông và bạn ông, bác sĩ Watson, tới chỗ chúng tôi dùng bữa vào lúc 2 giờ có được không?"

- Ý anh thế nào anh Watson?

- Rất sẵn lòng.

- Như vậy thì chúng tôi sẽ đến. Gọi xe cho các ông chứ?

- Không, tốt hơn cả là đi bộ.

- Tôi rất vui lòng cùng đi với ông - Người bạn đường của nam tước nói. - Nghĩa là vào lúc 2 giờ, chúng ta sẽ gặp nhau. Xin chúc các ông mọi sự tốt đẹp.

Sau khi hai người khách ra về, Holmes thay đổi hẳn. Tính uể oải ở anh không còn nữa. Anh lại trở thành con người hành động.

- Anh Watson, mặc áo quần vào, mau lên ! Không nên phí một giây nào cả.

Vừa cởi áo dài ra, anh vừa nhanh chóng đi về phòng mình, và 2, 3 phút sau, anh trở lại với chiếc áo khoác ngoài. Chúng tôi theo cầu thang chạy xuống phía dưới ra ngoài phố. Bác sĩ Móc-ti và Henry đang ở phía trước cách chúng tôi chừng 200 bước. Họ hướng tới đường Oxford.

- Đuổi kịp họ chăng?

- Không cần đâu, cứ thư thả. Những người bạn của chúng ta nói đúng. Đạo chơi vào một buổi sáng như thế này thật là sáng khoái.

Anh rảo bước và khoảng cách giữa chúng tôi với những vị khách giám dân, giám dân chỉ còn bằng nửa so với trước.

Tiếp tục giữ đúng cự ly này, chúng tôi theo họ đến đường Oxford và sau đó là đường Regent. Cạnh một cửa hàng, ngài Henry và bác sĩ Móc-ti dừng lại xem tủ trưng bày, Holmes cũng dừng lại. Một thoáng sau, anh đột nhiên kêu lên sung sướng. Dõi theo hướng nhìn của anh, tôi nhận thấy một chiếc xe mui đậu ở góc kia của phố. Trong cửa sổ của nó hiện ra một hành khách. Chiếc xe chậm chậm tiến về phía trước.

- Đấy, con người chúng ta cần tìm đấy, Watson ! Nào ! Chúng ta sẽ gắng nhận ra mặt y.

Đúng vào lúc đó, trong ô cửa sổ bên hông của xe mui xuất hiện một chòm râu đen, đôi mắt của ai đó soi vào chúng tôi bằng cái nhìn sắc như dao. Ngay lập tức chiếc cửa sổ ấy đóng sập lại, người hành khách kêu lên một tiếng gì đó với người đánh xe ngựa và chiếc xe lao nhanh về hướng đường Regent. Holmes nhìn quanh, tìm xe ngựa chưa có khách, nhưng vô ích. Xe nào cũng có người. Thế là anh cố gắng chạy vào đám người đang đi sau chiếc xe mui trên phố. Chiếc xe nhanh chóng mất hút.

- “Quái quỷ !” Bực tức, anh khó nhọc thốt lên sau khi rời khỏi đám người trên phố “Thế là không gặp may rồi ! Đúng, trong chuyện này, tôi là người có lỗi, anh hãy ghi kỹ vào cuốn sổ biên niên điều sơ suất này”.

- Đó là người thế nào?

- Tôi không có ý niệm gì cả.

- Một tên do thám?

- Đúng, rõ ràng là có ai đó theo dõi Henry ngay từ khi ông ta đến Luân Đôn. Từ đó hẳn biết được ông ta lưu lại ở khách sạn “Northumberland”. Nếu đã theo dõi ông ta vào ngày đầu tiên thì hẳn sẽ tiếp tục theo dõi ông ta vào ngày sau đó. Chắc anh có chú ý : tôi đã hai lần đến gần cửa sổ vào lúc bác sĩ Móc-ti đọc câu chuyện truyền thuyết chứ?

- Vâng, có nhớ.

- Tôi muốn để ý xem có ai lảng vảng ở cạnh nhà không, nhưng tôi không nhận ra ai khả nghi cả. Chúng ta đang đối đầu với một kẻ thông minh, Watson ạ. Khi những người bạn mới của chúng ta đi khỏi, ngay tức khắc tôi cố gắng đuổi theo họ với hy vọng sẽ phát hiện ra cái kẻ theo dõi họ trong bóng tối. Kẻ ranh mãnh nào quyết định không đi bộ mà dùng xe mui thì có thể lùi lại phía sau hoặc đuổi theo con mồi mà vẫn không bị phát hiện. Phương pháp của hắn thuận lợi ở chỗ con mồi có dùng xe thì hắn vẫn theo dõi được họ. Thế nhưng phương pháp này cũng có một điểm yếu.

- Người đánh xe có thể nghi ngờ ?

- Đúng vậy.

- Đáng tiếc là chúng ta không để ý đến số xe !

- Watson thân mến ! Quả thật lần này tôi chẳng có gì đáng khen cả. Thế nhưng có lẽ nào tôi lại không để ý đến số xe? Đây này, 2704. Và chẳng bây giờ chúng ta cần làm gì với nó đây?

- Anh vẫn còn có thể làm được nhiều điều.

- Sau khi nhận thấy hắn, đáng lẽ tôi phải rẽ sang phía đối diện với xe mui và giữ một khoảng cách đáng kể để theo dõi. Tốt hơn cả là đi thẳng tới khách sạn và chờ những sự kiện tiếp theo ở đây. Con người này sẽ đưa tiễn Henry đến tận cửa và chúng ta có thể theo dõi xem sau đó hắn sẽ đi đâu. Đối thủ của chúng ta khéo léo lợi dụng sự vội vã không đúng lúc của tôi, vì sự vội vã này đã để lộ chúng ta và làm lạc hướng theo dõi của tôi.

Trong khi nói chuyện, chúng tôi chậm rãi đi theo đường Regent và không còn nhìn thấy hai người ở phía trước nữa.

- Kẻ theo dõi họ đã biến mất và sẽ không xuất hiện nữa. Anh có nhìn rõ bộ mặt của người trong xe mui không?

- Tôi không nhìn thấy mặt, mà chỉ thấy râu.

- Tôi cũng thế. Tôi đoán rằng y mang râu giả. Vào đây đi, anh Watson !

Holmes rẽ vào một trong những văn phòng phát thư của vùng này. Người phụ trách đón anh rất niềm nở :

- Ôi, Uyn-xơn, tôi thấy ông đã không quên tôi là người đã giúp ông trong vài việc nhỏ bé ấy !

- Lẽ nào tôi quên được điều đó?

- Ông Uyn-xơn, tôi còn nhớ ông có một cậu bé tên là Các rất khéo léo và thông minh?

- Vâng, thưa ông, bây giờ cậu ấy đang làm việc ở chỗ tôi.

- Với nó đến được chăng? Ông làm ơn đổi cho tôi 5 bảng Anh này.

Sau tiếng gọi của người phụ trách, một thiếu niên khoảng mười bốn tuổi xuất hiện. Cậu bé đứng nhìn người thám tử danh tiếng với vẻ tôn kính.

- “Hãy đưa cho tôi cuốn sách hướng dẫn các khách sạn”. Holmes nói. “Cám ơn cháu Các. Đây, đây là tên của 23 khách sạn vùng Charing-Cross”. Thấy chưa?

- Vâng, thưa ông.

- Cháu hãy đi giáp vòng theo thứ tự nhé !

- Vâng, thưa ông.

- Để bắt đầu, cháu cho người gác cổng một shilling. Đây 23 shilling.

- Cháu nghe thấy rồi, thưa ông.

- Cháu hãy nói rằng cháu cần xem xét rác rưởi trong các thùng đựng rác. Hãy giải thích điều đó thế này : Cần tìm lại một bức điện tín rất quan trọng do làm địa chỉ, cháu được sai đi tìm kiếm nó. Hiểu chưa?

- Vâng, thưa ông.

- Nhưng thực tế là cháu sẽ tìm một trang báo Times bị cắt một vài chỗ, đây là số báo Times và đây là trang cần thiết. Cháu có phân biệt nó với những tờ báo khác không?

- Vâng, thưa ông.

- Những người gác cổng chắc chắn đưa cháu tới các hành lang. Cháu cho họ tiền. Có lẽ, trong 20 khách sạn, rác rưởi bị đổ hoặc bị đốt đi. Nhưng trong 3 khách sạn còn lại người ta sẽ chỉ cho cháu coi hàng đóng giấy mà trong số đó cháu sẽ tìm kiếm trang báo này. Rất ít có cơ hội thành công. Nhưng trong bất kỳ trường hợp nào, ta cũng cho cháu 10 shilling. Buổi tối cháu hãy chuyển điện đến cho ta ở đường Baker xem công việc ra sao. Còn bây giờ, anh Watson, tôi với anh đành phải tìm kiếm chiếc xe mui mang số 2704. Cũng bằng đường bưu điện, sau đây chúng ta sẽ thăm phòng trưng bày hội họa ở đường Bond để chờ đến giờ hẹn.

5. BA SỢI CHỈ BỊ ĐỨT

Sherlock Holmes có tài làm cho đầu óc thư giãn lúc nào anh muốn. Anh say mê chiêm ngưỡng tranh của các họa sĩ Bì hiện đại và suốt hai giờ, anh dường như không nhớ tới câu chuyện lạ lùng đã muốn cuốn hút chúng tôi. Suốt đoạn đường từ nhà triển lãm đến khách sạn, anh toàn nói về hội họa mặc dầu trong lĩnh vực này trình độ của anh chưa cao.

- "Ngài Henry đang đợi các ông ở trên lầu". Người trực phòng ngoài nói với chúng tôi. "Ngài yêu cầu mời khách đến chỗ ngài ngay lập tức".

- Ông cho phép tôi coi danh sách khách sạn trọ được chứ? - Holmes hỏi.

- Xin mời ông.

Sau họ Baskerville trong cuốn sổ còn có hai dòng nữa : "Theo Philus Johnson cùng gia đình đến từ Newcastle" và "Bà Oldmore với người nữ hầu đến từ vùng Alton".

- “Đây là ông Johnson quen biết của chúng ta phải không?” Holmes nói với người trực phòng. “Ông ta là trạng sư, tóc bạc và chân đi hơi khập khiễng”?

- Không, thưa ông, ông Johnson này là chủ mỏ than, chưa già, chỉ trạc tuổi ông thôi.

- Ông biết chắc ông ta không phải là luật sư?

- Tôi tin như vậy, ông ta là khách trọ thường xuyên của chúng tôi...

- Vậy à? Bà Oldmore... tôi có nghe tới cái họ này ở đâu đó rồi. Xin thứ lỗi cho tôi vì quá tò mò nhưng đã có lần xảy ra thế này : muốn tìm một người quen mà lại tìm thấy một người khác.

- Bà Oldmore không được khoẻ mạnh, có một thời gian chồng bà là thị trưởng của Gloucester, mỗi khi đến thành phố, bà chỉ ngụ tại khách sạn của chúng tôi.

- “Xin cảm ơn ông. Có lẽ tôi làm bà ta với người phụ nữ khác... Những vấn đề này đã giúp chúng ta xác định một sự thật rất quan trọng Watson ạ !” Holmes tiếp tục thăm thì khi chúng tôi theo cầu thang lên gác. “ Bây giờ chúng ta mới rõ là những người chúng ta đang quan tâm không có ở đây”.

- Thí dụ?

- Chẳng hạn... Ô hay ! Có chuyện quý quái gì vậy anh Watson?

Chúng tôi bước vào sân thượng và gặp ngài Henry ở đây. Ông ta chạy vào cầu thang, trong tay cầm một chiếc giày cũ đầy bụi, cả người đỏ bừng vì giận dữ. Lưỡi ông ta lú lút vì bức tức, và khi ông bật lên thành lời thì ngay lập tức bị lấn sang âm Bắc Mỹ một cách rõ rệt. Điều này, lúc sáng chúng tôi không nhận thấy ở ông.

- “Ồ khách sạn này người ta coi tôi là một thằng ngốc chắc?” Ngài Henry la lên. “ Tôi không cho phép đùa giỡn như vậy. Nếu thằng ngu ngốc ấy không tìm thấy chiếc giày của tôi

thì sẽ to chuyện cho mà coi ! Tôi cũng thích cười cợt, nhưng lần này thì những kẻ ưa bốn cợt ở đây đã hơi quá đáng”.

- Ngài vẫn tìm chiếc giày bị mất phải không?

- Vâng, đang tìm và tôi sẽ tìm thấy !

- Nhưng ngài đã nói đó là một chiếc giày màu nâu mới cơ mà?

- Vâng, thưa ông, còn bây giờ là chiếc giày đen.

- Thế đấy ! Lễ nào ngài sực nhớ ra và...

- Chính vậy ! Tôi có tất cả ba đôi giày : một đôi màu nâu, một đôi đen cũ kỹ và một đôi giày đánh xi mà tôi đang mang đây. Chiều qua một chiếc giày nâu bị mất. Còn hôm nay thì bị cuốn chiếc giày đen... A, anh tìm thấy rồi hả? Sao anh nhìn chằm chằm vào tôi như thế?

Nhân viên hầu phòng người Đức xuất hiện với vẻ mặt lo ngại :

- Không , thưa ông. Tôi đã hỏi tất cả mọi người rồi, không ai mảy may biết gì cả.

- Vậy đấy, hãy nghe đây, hoặc là trong chiều nay anh tìm được chiếc giày của ta, hoặc là ta sẽ đến chỗ viên quản lý nói rõ với ông ấy là ta sẽ mau chóng rời khỏi nơi đây.

- Chúng tôi sẽ tìm được thôi... Xin kiên nhẫn một chút, thưa ngài !

- Nền nhớ đây là lần cuối cùng đấy. Ta sẽ không cho phép ai lấy cắp của ta trong cái ổ gian phi này nữa đâu ! ... Ông Holmes, hãy thứ lỗi cho tôi vì tôi đã làm ông bận tâm bởi những chuyện vặt vãnh.

- Vậy mà những chuyện vặt vãnh ấy lại đáng để chúng ta bận tâm đấy !

- Ông cho chúng có nhiều ý nghĩa đến thế kia ư?

- Bản thân ngài giải thích chuyện này như thế nào?

- Tôi không có ý định giải thích. Trong đời tôi, chưa bao giờ xảy ra một chuyện phi lý và quái lạ hơn thế.

- Không có cái gì quái lạ hơn sao... Đúng, đúng vậy - Holmes trầm ngâm nói.

- Bản thân ông nghĩ sao về chuyện đó?

- Xin thú nhận là tôi vẫn chưa có kết luận dứt khoát, câu chuyện còn rất rắc rối, ngài Henry ạ. Nếu gắn nó với cái chết của bác ngài thì trong số 500 vụ án tôi đã có dịp phanh phui, đây sẽ là vụ án phức tạp nhất. Thế nhưng, trong tay tôi đã có những manh mối, mà rồi một manh mối trong số đó sẽ đưa chúng ta đến lời giải đáp.

Sau bữa ăn, câu chuyện giữa chúng tôi diễn ra vô cùng thoải mái, chỉ dả động chút ít vấn đề đưa bốn chúng tôi đến cuộc gặp mặt này. Khi chúng tôi sang phòng khách, Holmes mới hỏi ngài Henry Baskerville định làm gì.

- Tôi sẽ đến lâu đài Baskerville. - Henry nói.

- Khi nào?

- Cuối tuần này.

- Tôi nghĩ quyết định của ngài là đúng đắn. Giờ đây tôi có đủ lý do để tin rằng ở Luân Đôn ngài đang bị giám sát chặt chẽ. Ở một thành phố lớn như thế này thật khó lòng mà xác định họ là ai và họ muốn gì. Nếu họ hành động với những ý đồ xấu xa thì ngài có thể bị nguy. Bác sĩ Móc-ti, ông có biết là sáng nay lúc các ông rời khỏi nhà tôi, ai đã theo dõi các ông không?

Bác sĩ Móc-ti nhồm phất lên :

- Theo dõi? Ai vậy?

- Đáng tiếc, tôi không thể nói là ai. Trong số những người láng giềng hoặc quen thuộc của ông ở Dartmoor có ai râu đen và rậm không?

- Không... nhưng, gớm đá ... mà tất nhiên... Viên quản lý của ngài Charles, ông Mô-rơ có râu đen và rậm.

- Hừ ! Vậy hiện giờ ông ta ở đâu?

- Ở lâu dài Baskerville. Tòa nhà đang được ông ta trông nom.

- Cần kiểm tra xem quả thật ông ta có ở đấy không hay là ở Luân Đôn ?

- Làm sao làm được?

- Đưa cho tôi mẫu điện tín. “Đã chuẩn bị để ngài Henry trở về chưa?”. Chúng ta ghi địa chỉ thế này : “Lâu đài Baskerville gọi ông Mô-rơ.” Bưu điện gần nhất ở chỗ ông là ở đâu? Grimpen phải không? Được lắm ! Chúng ta sẽ gửi bức điện thứ hai cho người phụ trách bưu điện : *“Yêu cầu chuyển tận tay ông Mô-rơ theo địa chỉ được ghi trên bức điện. Nếu ông ta tình cờ vắng mặt, hãy chuyển trở lại cho ngài Henry Baskerville, khách sạn Northumberland.* Thế là được rồi. Đến tối là chúng ta sẽ biết Mô-rơ có mặt tại Devonshire hay không?

- “Thật tuyệt !”. Ngài Henry nói. “Bác sĩ Móc-ti này, nhân tiện hỏi thêm, Mô-rơ là ai vậy?”

- Ông ta là con của viên quản lý thái ấp đã chết. Đó là thế hệ thứ tư của dòng họ ông ta sống ở lâu đài Baskerville. Ông và vợ ông ta là những người đáng kính trọng.

- “Tuy vậy”, ngài Henry hỏi. “Tôi cũng rất rõ là chừng nào lâu đài Baskerville còn chưa có chủ thì những người này còn được sống no đủ, nhàn nhả và vô tư lự”.

- Vâng, đúng thế.

- Mô-rơ có được nhận một cái gì đó theo di chúc của ông Charles chứ?

- Theo chúc thư, ông ta và bà vợ mỗi người được nhận 500 bảng Anh.

- Hừ ! Họ đã biết điều đó à?

- Vâng, ngài Charles ưa nói về những quyết định của mình trong trường hợp ngài qua đời.

- Một sự kiện đáng quan tâm đấy.

Bác sĩ Móc-ti nói :

- Tôi hy vọng là ông sẽ không bắt đầu ngờ vực tất cả những ai nhận tiền theo di chúc của ngài Charles chứ? Ngài cũng để lại cho tôi một ngàn bảng Anh.

- Còn ai nữa không?

- Trong di chúc còn quy định nhiều khoản tiền nhỏ cho những người khác và một món tiền lạc quyền lớn dành cho các mục đích từ thiện. Tất cả tài sản còn lại thuộc về ngài Henry.

- Tổng số là bao nhiêu?

- Bảy trăm bốn mươi ngàn bảng Anh.

Holmes nhú mày kinh ngạc :

- Tôi không thể không ngạc nhiên về số tiền khổng lồ như thế. - Holmes nói.

- Ngài Charles nổi tiếng là một người giàu có nhưng số tiền xác thực của gia tài ngài chỉ được biết sau khi chúng tôi xem xét các giấy tờ có giá trị. Tổng số tài sản của ngài lên tới bạc triệu.

- Quả thật, vì một khoản tiền kếch sù như vậy, người ta có thể sẵn sàng nhúng tay vào những trò mạo hiểm. Còn một vấn đề này nữa, bác sĩ Móc-ti, chúng ta giả thiết là một chuyện gì đó xảy ra với người bạn trẻ của chúng ta... giả thiết không lấy gì làm dễ chịu lắm, mong ngài thứ lỗi cho tôi... vậy khi đó ai sẽ kế thừa thái ấp?

- Bởi vì em út của ngài Charles, ngài Rod đã chết mà không có vợ, lâu đài Baskerville sẽ chuyển về tay những người họ hàng xa. Cho James Desmond không còn trẻ nữa, ông là linh mục đang sống ở Westmorland.

- Xin cảm ơn ông. Tất cả những chi tiết này đều đáng lưu ý. Ông đã có dịp gặp gỡ James Desmond chứ?

- Vâng, ông ta có đến chỗ ngài Charles. Đó là người có bề ngoài rất đáng kính trọng, và có nếp sống thật hoàn hảo.

Tôi nhớ là ngài Charles muốn chu cấp cho ông, nhưng ông khăng khăng chối từ.

- Con người khiêm tốn đó có thể kế thừa tài sản của ngài Charles chứ?

- Thái ấp chỉ thuộc về ông ta, trong trường hợp nếu người cai quản hiện giờ không sử dụng chúng. Hoàn toàn có khả năng như vậy, vì ngài Henry rất có thể tự do dùng gia tài theo quan điểm riêng của mình.

- Ngài đã lập di chúc phải không, ngài Henry?

- Không, ông Holmes. Tôi chưa có thì giờ, chỉ vì tới hôm qua, tôi mới rõ sự thế là thế nào. Tuy vậy, cũng như bác tôi, tôi nghĩ rằng tiền bạc phải đi đôi với tước vị và thái ấp, vì nếu không có tiền thì làm thế nào trùng tu được thái ấp Baskerville?

- Hoàn toàn đúng. Vậy đó ; ngài ạ, tôi cũng cho rằng ngài cần đi Devonshire ngay tức khắc, nhưng với một điều kiện : trong tình huống nào ngài cũng không được đi đâu một mình cả ! - Holmes nói.

- Bác sĩ Móc-ti sẽ trở về cùng với tôi.

- Nhưng công việc nghề nghiệp làm mất nhiều thời giờ của bác sĩ Móc-ti, vả lại ông ấy sống cách lâu đài Baskerville tới vài dặm. Không, dù mong muốn đến mức nào, bác sĩ cũng không thể giúp ngài được. Ngài cần có một người đáng tin cậy bên mình và người này lúc nào cũng phải ở cạnh ngài.

- Ông có thể đi theo tôi không?

- Nếu công việc đến mức nguy kịch thì dù sao tôi cũng đến chỗ ngài. Nhưng, phạm vi hoạt động rộng rãi cũng như các mối quan tâm thường xuyên của tôi không cho phép tôi rời khỏi Luân Đôn với thời gian vô định được.

- Ông sẽ khuyên ai thay thế ông?

Holmes đặt tay lên vai tôi :

- Nếu bạn tôi chấp thuận thì trong những giây phút khó khăn, ngài có thể trông cậy vào sự giúp đỡ của anh ấy.

Lời đề nghị trút xuống người tôi như một gáo nước lạnh đổ vào đầu, thế nhưng không chờ đợi câu trả lời của tôi, Henry Baskerville đã nồng nhiệt lắc lắc tay tôi.

- Bác sĩ Watson, xin ông vui lòng chấp thuận. Nếu ông đến lâu đài Baskerville và sống ở đó với tôi thì tôi sẽ không bao giờ quên điều đó !

Những lời của Holmes cùng sự nồng nhiệt của Nam tước trong việc đáp lại lời đề nghị của anh đã thực sự lôi cuốn tôi.

- Tôi vui lòng tới lâu đài Baskerville với ngài.

- Anh sẽ chuyển đến cho tôi các bản phúc trình chi tiết. Tôi sẽ chỉ đạo các hoạt động của anh. Tôi cho rằng có thể ấn định chuyến đi vào thứ bảy.

- Bác sĩ Watson, ông có đồng ý không?

- Hoàn toàn nhất trí.

- Nghĩa là nếu không có gì thay đổi, chúng ta sẽ đi chuyến tàu 9 giờ 30 ngày thứ bảy từ ga Paddington.

Chúng tôi đứng lên sửa soạn giã từ đột nhiên Henry kêu lên, và với vẻ mặt vui mừng, ông rút từ dưới chiếc tủ đứng ở góc phòng ra chiếc giày màu nâu sáng.

- Đây rồi, vật thất lạc của tôi đây rồi !

- Phải chi những chuyện khó khăn khác đều được giải quyết suôn sẻ thì hay biết mấy ! - Holmes nói.

- “ Nhưng dấu sao điều đó cũng rất lạ lùng”. Bác sĩ Móc-ti lưu ý. “Trước khi ăn cơm, tôi đã lùng sục khắp căn phòng mà”.

- Và tôi cũng chú ý đến tất cả các góc. Không ở đâu có chiếc giày cả. - Henry nói.

- Nghĩa là người hầu phòng nó vào đây lúc chúng ta ăn cơm.

Như vậy, lại thêm một điều bí ẩn vào hàng loạt những điều bí mật khác. Chưa kể cái chết thê thảm của ngài Charles, trước mắt chúng tôi trải ra một chuỗi sự kiện chưa được sáng tỏ xảy ra trong vòng chỉ hai ngày. Lá thư được xếp bằng những chữ cắt từ báo : Người lạ mặt râu rậm trong xe mui. Sự thất lạc ban đầu của chiếc giày nâu mới và sau đó là chiếc giày đen cũ, còn bây giờ là sự xuất hiện chiếc giày nâu đó.

Trên đường trở về đường Baker, Holmes ngồi im lặng trong xe mui và cứ xét theo đôi lông mày nhíu lại và cái nhìn căng thẳng của anh, có thể nhận thấy là anh cũng như tôi đang mong muốn xây chuỗi tất cả các sự kiện lạ lùng tưởng như không liên quan gì với nhau này thành một hệ thống duy nhất. Cả chiều và tối hôm đó, anh ở trong phòng làm việc của mình, chìm đắm trong suy nghĩ triền miên.

Ngay trước bữa ăn trưa có hai bức điện chuyển cho chúng tôi. Bức điện đầu tiên viết :

Vừa được biết là Mô-rơ vẫn ở lại điền trang Baskerville."

Và bức điện thứ hai viết :

"Đã đi khắp 23 khách sạn, tiếc là không tìm thấy những trang báo Times bị cắt. Các".

- Thế là hai sợi chỉ đã bị đứt ngay tức khắc, Watson. Thôi được, chúng ta sẽ lần theo dấu vết khác vậy.

- Anh còn có cơ sở ở người đánh xe chở kẻ lạ mặt kia mà !

- Rất đúng. Tôi đã hỏi họ tên và địa chỉ của hắn ở văn phòng cho thuê xe và tôi đã không ngạc nhiên nếu tiếng chuông gọi cửa ta đang nghe sẽ cho ta câu trả lời.

Câu trả lời thậm chí còn hơn cả sự mong đợi của Holmes, bởi vì sau cánh cửa phòng làm việc thấy xuất hiện một chàng trai cao lớn.

- "Ở văn phòng họ nói với tôi là có một vị ở địa chỉ này muốn hỏi về số xe 2704". Anh ta nói. "Đã bảy năm điều khiển xe, tôi không bao giờ phải nghe một lời khiêu nại nào cả. Tôi

nghe chính mình phải rẽ lại đây để trực tiếp nhận ra sự sai sót của mình là ở đâu”.

- Ông không có sai sót nào cả. Ngược lại tôi sẽ trả tiền công hậu hĩ ; chỉ xin ông trả lời thẳng vào các câu hỏi của tôi.

- Ông cần gì, thưa ông?

- Trước hết tôi cần biết họ, tên và địa chỉ của ông, để khi cần, tôi có thể tìm ông.

- Tôi tên là Clay, ở tại đường Tarpi, nhà số 3, xe mui đậu ở Shipley Yard, cạnh ga Waterloo.

Holmes ghi lại tất cả điều đó.

- Còn bây giờ, ông hãy kể cho tôi nghe về người hành khách của ông, cái người đã quan sát ngôi nhà, rồi sau đó theo dõi hai người ở đường Regent vào lúc 10 giờ sáng nay ấy.

Người lái xe mui nhìn vào Holmes, vẻ kinh ngạc và hình như hơi lo ngại. - “Biết kể với ông ra sao, khi chính ông biết những chuyện đó hơn cả tôi !”. Anh ta trả lời. “Người hành khách nói với tôi rằng ông ta là thám tử và không được tiết lộ về chuyện đó...”

- Anh bạn ạ, ở đây có một vụ án nghiêm trọng. Nếu ông có ý định che giấu tôi một điều gì thì có thể ông sẽ rơi vào một tình trạng không hay. Thế nghĩa là ông ta nhận mình là một thám tử?

- Vâng, thưa ông !

- Ông ta nói câu đó vào lúc nào?

- Lúc lên xe.

- Ông ta còn nói chuyện gì nữa không?

- Còn nói họ tên của mình.

Holmes nhìn tôi vẻ đắc thắng.

- Họ tên của ông ấy? Vậy là rất thiếu thận trọng. Tên ông ta là gì?

- "Tên ông ấy". Viên lái xe cười nói. "Là Sherlock Holmes".

Câu trả lời của người lái xe cười quả đã làm bạn tôi sửng sốt. Trong cuộc đời mình, tôi chưa từng nhìn thấy vẻ bàng hoàng biểu lộ trên nét mặt của anh đến mức như thế. Tôi hai phút liền, anh không thể mở miệng nói được một lời, sau đấy anh cười khanh khách và nói lớn :

- Một quả đấm Watson ạ ! Một quả đấm đích đáng. Thanh kiếm trong tay đôi thủ không chịu nhường tôi cả về tốc độ lẫn sự chính xác. Lần này hẳn đã thắng tôi một cách ngoạn mục. Vậy tên ông là là Sherlock Holmes phải không?

- Vâng, thưa ông, ông ta nói như thế.

- Thật xuất sắc ! Bây giờ hãy kể cho tôi biết ông nhận người hành khách ở chỗ nào và cái gì đã xảy ra tiếp theo đó.

- Ông ta gọi tôi vào lúc 9 giờ rưỡi sáng tại quảng trường Trafalgar. Ông ấy nói : "Tôi là thám tử" và hứa trả cho tôi hai souverain ⁽¹⁾ nếu tôi thực hiện chính xác những mệnh lệnh của ông và nếu tôi không gạn hỏi một điều gì cả. Tôi chở ông ta tới khách sạn Northumberland và dừng lại tại đấy : Sau đó từ trong khách sạn, có hai người đi ra gọi xe mui và đi đến phố của ông.

- Tôi chính ngôi nhà tôi đây. - Holmes nói.

- Ông ấy bảo tôi dừng ở giữa ngã tư và chúng tôi đợi ở đó chừng nửa giờ. Sau đấy có hai người đi qua, và thế là chúng tôi đi theo sau họ, dọc đường Baker rồi rẽ ngoặt vào...

- Điều ấy thì tôi biết rồi. - Holmes nói.

- Khi tới đường Regent, ông ta đóng cửa sổ xe và nói lớn : "Hãy phóng đến ga Waterloo !" Tôi quất đen đét vào con ngựa và mười phút sau chúng tôi đã tới chỗ cần đến. Tại đó, ông ta đưa tiền cho tôi theo đúng lời hứa rồi đi ra ga. Vào phút

1. Souverain: Đồng tiền vàng của Anh.

cười, ông ta quay lại nói : “Có lẽ ông muốn biết ông vừa chờ ai chứ? Tôi là Sherlock Holmes đây !”.

- Được, tôi hiểu. Ông không nhìn thấy ông ta nữa chứ?

- Không, vì ông ta đã đi vào nhà ga.

- Thế bây giờ ông hãy tả cho tôi biết dáng vẻ của ông Sherlock Holmes đi.

Người đánh xe mui gãi gãi vào gáy.

- Khó tả lắm. Ông ta khoảng dưới 40 tuổi, vóc người tầm thước, thấp hơn ông chừng một hoặc hai tấc thừa ông. Ăn mặc tươm tất, râu đen, mặt thì tai tái. Tôi không thể kể điều gì hơn được nữa, thưa ông !

- Màu mắt ra sao?

- Tôi không để ý...

- Ông không nhớ được điều gì khác nữa?

- Không, thưa ông.

- Thôi được rồi. Tiền thưởng của ông đây. Ông sẽ còn nhận được thêm, nếu ông hỏi dò một điều gì nữa về con người ấy. Chúc ông mọi sự tốt đẹp.

- Chúc ông luôn khỏe mạnh, thưa ông. Xin cảm ơn ông.

Clay vừa cười vừa lui ra, còn Holmes thì nhún vai và với một nụ cười ngao ngán, anh quay lại chỗ tôi.

- Thế là sợt chỉ thứ ba cũng dứt rồi. Giờ đây hãy làm ơn bắt tay vào công việc từ khởi đầu vậy. Thật là một gã ranh mãnh ! Hẳn biết số nhà của chúng ta, biết ông Henry Baskerville đến đây để nhờ khuyên bảo, nhìn thấy tôi ở đường Regent, đoán ra số xe mui có thể bị chú ý rồi người ta sẽ tìm ra người đánh xe, và hẳn nhạo báng tôi. Anh Watson, chúng ta có một đối thủ xứng đáng. Tôi bị thất bại ở Luân Đôn. Chúng ta hy vọng là anh sẽ gỡ gạc lại ở Devonshire. Nhưng dấu sao điều đó cũng khiến tôi lo ngại.

- Về cái gì?

- Về chuyện đi của anh. Vụ án không hay và nguy hiểm. Càng nghĩ về nó, tôi càng thấy lo ngại hơn. Anh có thể cười nhạo tôi, nhưng tôi sẽ rất vui nếu như anh trở về đường Baker bình an vô sự.

6. LÂU ĐÀI BASKERVILLE

Chúng tôi lên đường đi như đã giao ước. Lúc tiễn tôi ra sân ga, trong suốt đoạn đường, Holmes đã chỉ dẫn và khuyên bảo tôi những điều cần thiết.

- Tôi không nói với anh là tôi nghi ngờ ai và cũng không thiết lập những giả thiết như thế nào để anh khỏi có định kiến nào cả. Tôi cần các sự kiện được trình bày một cách tỉ mỉ, rồi tự bản thân tôi sẽ đối chiếu chúng với nhau.

- Vậy cái gì khiến anh quan tâm?

- Tất cả những gì có liên quan tới vụ án, đặc biệt là mối quan hệ giữa ngài Henry và những láng giềng của ông ta. Còn nếu anh biết được điều gì mới mẻ về cái chết của ngài Charles thì hãy lưu ý đến nó. Những ngày gần đây, tôi có dò hỏi, nhưng đáng tiếc chỉ mới rõ được một điều: người thừa kế gần nhất, ông James Desmond, quả là một con người hiền hậu. Ông ta không thể có một mưu đồ thâm hiểm nào cả. Tôi nghĩ, chúng ta có thể mạnh dạn loại trừ việc tìm hiểu ông vào những ngày sắp tới. Nghĩa là chỉ còn lại những người trực tiếp sống quanh ngài Henry Baskerville.

- Chẳng phải tốt hơn cả là sa thải ngay vợ chồng Mô-rơ hay sao?

- Sao lại thế được ! Nếu họ không có tội thì đó sẽ là một bất công ghê gớm. Còn nếu họ có tội thì chính ta bị mất đầu mối dẫn tới hung thủ. Không ! Nếu tôi không lầm, trong danh

sách tinh nghi có người đánh xe ngựa, hai điền chủ ; bác sĩ Móc-ti, có lẽ là một người hoàn toàn ngay thẳng, và vợ của ông thì chúng ta chưa biết gì cả. Chớ quên nhà tự nhiên học Xép-tôn với cô em gái. Nghe người ta nói đó là cô gái trẻ trung và vô cùng quyến rũ. Thêm vào đó, còn có ông Phờ-răn ở lâu đài Lafter. Rồi hai, ba người láng giềng khác nữa. Đây là những người cần được anh theo dõi.

- Tôi sẽ cố gắng hết sức.

- Anh có mang theo vũ khí không.

- Có. Tôi cho vậy là khôn ngoan hơn.

- Dĩ nhiên. Hãy mang theo súng lục cả ban ngày lẫn ban đêm.

Những người bạn của chúng tôi đã kịp mua vé hạng nhất và đang chờ chúng tôi trên sân ga.

- “Không, không có gì mới xảy ra cả”. Bác sĩ Móc-ti nói để đáp lại câu hỏi của bạn tôi. “Tôi có thể xin thề rằng trong hai ngày vừa qua, không có ai bám gót chúng tôi cả”.

- Tôi hy vọng là những ngày vừa rồi các vị luôn ở cạnh nhau chứ?

- Vâng, trừ ngày hôm qua. Tôi dành trọn một ngày để tiêu khiển nhân chuyến đi tới thành phố này. Hôm qua tôi ở Viện bảo tàng của Trường đại học Y khoa.

- Còn tôi thì đi tới công viên để ngắm người qua lại. Mọi chuyện đều tốt đẹp. - Henry nói.

Holmes chau mày và lắc đầu, nói :

- Như vậy không được thận trọng lắm đâu. Tôi yêu cầu ngài đừng có đi đâu khi không có ai đi cùng, nếu không, ngài sẽ không thoát khỏi tai họa đâu. Ngài đã tìm thấy chiếc giày cũ rồi à?

- Chưa, nó vẫn biệt tăm.

- “Thật vậy ư? Kỳ thật ! Xin chúc ngài mọi sự tốt đẹp”. Holmes nói thêm khi tàu bắt đầu chuyển bánh. “Ngài Henry,

mong ngài hãy nhớ lời khuyên bảo của truyền thuyết kỳ lạ, xin đừng vào khu đầm lầy than bùn lúc ban đêm, lúc mà những thế lực ác độc còn thống trị ở đó”.

Tôi ngoái nhìn ra ngoài cửa sổ và nhận thấy bóng hình gầy gò cao cao của Holmes ở phía xa. Anh đứng bất động trên sân ga và nhìn theo con tàu đang đi xa dần.

Con tàu lướt nhanh, tôi thấy thích thú khi ngắm bác sĩ Móc-ti ngủ gà ngủ gật. Qua chừng hai, ba giờ, đất đai dọc con đường đã thay sắc nâu bằng sắc đỏ, gạch đã nhường chỗ cho đá hoa cương, còn những cánh đồng cỏ mượt được ngăn ra, có những con bò cái đang nhón như gặm cỏ.

Nhà quý tộc trẻ tuổi không rời mắt khỏi cửa sổ, mồm luôn trầm trồ trước phong cảnh của quê hương. Ông nói :

- Chỉ có tôi là chưa có dịp đến thăm từ khi rời khỏi đây, bác sĩ Watson ạ ! Dẫu sao vẫn không thể so sánh nơi đây với một nơi nào khác.

- Có người nào lại không ca ngợi quê hương của mình !

- Ngài Henry, hình như từ buổi ấu thơ đến giờ ngài vẫn chưa nhìn thấy lâu đài Baskerville?

- Tôi chưa bao giờ trông thấy, bởi chúng tôi sống tại một biệt thự nhỏ trên bờ biển phía Nam. Lúc cha tôi qua đời, tôi mới mười ba tuổi. Tôi lập tức di đến Mỹ. Ở đây đối với tôi hầu như toàn mới lạ, và quả thật tôi đang chờ xem khi nào thì đầm lầy than bùn sẽ xuất hiện.

- Thế ư ! Vậy thì ước mong của ngài sẽ được thực hiện. Ngài có thể ngắm nhìn nó kia ! - Bác sĩ Móc-ti vừa nói vừa chỉ ra ngoài cửa sổ.

Xa xa, phía sau những ô hình vuông xanh non của các bãi chăn gia súc, phía sau bìa rừng lượn sóng là quả núi với đỉnh hình răng cưa màu xám nổi lên hiu quạnh. Nam tước không rời mắt nhìn cảnh tượng đó. Cái nhìn nồng cháy. Con người trẻ tuổi mặc bộ quần áo thể thao với giọng nói lơ lớ Bắc

Mỹ áy ngồi cạnh tôi trong toa tàu đường sắt xoàng xĩnh. Cặp lông mày rậm, lỗ mũi thanh nhỏ và đôi mắt to màu nâu sẫm chứng tỏ lòng tự hào, tính can trường và sức mạnh của ông. Nếu những cánh đằm lây than bùn đặt chúng tôi đối diện với một nhiệm vụ khó khăn và nguy hiểm, thì chúng tôi cũng có thể vì con người này mà không quản ngại điều gì, bởi lẽ ông cũng sẽ đứng cảm chia sẻ với chúng tôi bất kỳ hiểm nguy nào.

Con tàu dừng cạnh nhà ga nhỏ bé, hiu quạnh. Chúng tôi bước xuống toa tàu. Phía sau hàng rào thấp, có một cỗ xe bốn bánh được thặng bằng một cặp ngựa vạm vỡ. Sự có mặt của chúng tôi rõ ràng là một sự kiện lớn ở đây, bởi vì ngay cả người trưởng ga cùng các phu khuân vác đều tranh nhau xách hành lý của chúng tôi. Đó là một thị trấn thôn quê đáng yêu, tuy vậy tôi rất ngạc nhiên khi thấy cạnh cửa ra vào của sân ga có hai người lính trong bộ quân phục màu sẫm đứng tựa vào súng các-bin và chăm chú nhìn chúng tôi. Người xà ích nhỏ bé, ngả mũ chào ngài. Vài phút sau, chúng tôi đã lao nhanh theo con đường trắng rộng rãi. Dọc hai bên đường hiện lên những triền cỏ xanh tươi, những ngôi nhà nhỏ mái nhọn nhô ra từ chòm lá cây rậm rạp, nhưng ở phía trước, nổi lên những đường viên mờ mờ của khu đằm lây than bùn đang sẫm lại nơi chân trời buổi chiều, bị đứt đoạn bởi đỉnh nhọn hoắt của những quả đồi ẩn chứa muôn vàn điềm dữ.

Xe chúng tôi rẽ vào con đường dốc và bắt đầu chạy giữa kê đất cao phủ những cây mộc tặc mập mập và làn rêu ẩm ướt. Những cây dương xỉ lấp loáng trong ánh chiều tà. Khi tiếp tục lên cao, chúng tôi đi qua chiếc cầu hẹp bằng đá vắt qua con suối chảy xiết, nước đập mạnh vào những tảng đá xám tung bọt trắng xoá. Cả con đường lẫn con suối uốn lượn theo thung lũng rậm rạp cây sồi và cây thông.

Ở chỗ rẽ nào, nhà quý tộc cũng sáng khoái kêu lên, và khi tò mò ngoảnh nhìn khắp mọi phía, ông luôn đôn dập hỏi chúng tôi, những câu hỏi hầu như vô cùng tận. Theo quan

điểm của ông, mọi thứ ở đây đều tuyệt vời, thế nhưng tôi lại không thoát khỏi nỗi buồn rầu mà những cánh đồng cỏ cùng những quả đồi thoải thoải phẳng phất dấu vết của mùa thu. Những chiếc lá vàng bay bay trên mặt đất phủ lên những con đường mòn như những tấm thảm. Tiếng bánh xe không ngừng kêu bồng như bị chìm vào trong lớp cỏ mục dày đặc. "Thiên nhiên đã ném xuống dưới chân ông chủ mới của lâu đài Baskerville những món quà thiếu não làm sao". - Tôi chợt nghĩ.

- "Hãy nhìn kia !" Bác sĩ Móc-ti đột nhiên kêu lên. "Cái gì thế?"

Trước mắt chúng tôi hiện ra quả núi dựng đứng : Sấp tới khu đầm lầy than bùn rồi. Trên đỉnh núi nổi rõ hình người cưỡi ngựa vươn về phía trước với khẩu súng trường trong tay.

- Kỳ lạ thật ! Thế là thế nào? - Bác sĩ Móc-ti hỏi.

Người đánh xe ngựa ngoái cổ lại :

- Thưa ngài, một người tù đã trốn khỏi trại giam Princetown. Người ta lùng hấn ba ngày nay. Người ta đặt các trạm canh trên tất cả các con đường và ở tất cả các nhà ga mà vẫn vô ích.

- Tôi nghe rằng người ta thưởng 5 bảng cho ai cung cấp tin tức về tên đào tẩu.

- Quả vậy, thưa ngài. Nhưng chỉ 5 bảng Anh mà có thể bị hấn ta cửa cổ thì ít quá. Đó không phải là tên ăn cắp vặt đâu.

- Vậy hấn là ai?

- San-den, kẻ giết người ở Notting Hill.

Tôi nhớ rõ vụ án San-den, vì có thời gian Holmes đã tìm hiểu nó khi quan tâm tới tính chất hung bạo và dã man không cần thiết của hung thủ.

Chiếc xe bốn bánh bò lên quả đồi. Trải dài trước mắt chúng tôi là khoảng không gian rộng rãi của khu đầm lầy. Gió

lạnh quét qua đôi, và chúng tôi run rẩy. Đầu đó trong vùng hoang vắng này, tên tội phạm đang ẩn náu, oán hận loài người đã đẩy y ra ngoài lề xã hội.

Những vùng màu mỡ lùi lại ở đằng sau và phía dưới chúng tôi. Ngóanh lại nhìn, chúng tôi thấy những tia nắng ban chiều giống như những dải băng vàng rực rỡ trên đất cây vớ và trên những bụi cây rậm rạp. Con đường vượt qua những đỉnh đèo màu ô liu pha đỏ càng trở nên tiêu điều và hoang vắng hơn. Thỉnh thoảng, trước mắt chúng tôi hiện ra những vi-la nhỏ có tường đá bao quanh. Và sau đó, chúng tôi nhận thấy một thung lũng giống như cái chén sâu với những cây sồi và những cây thông khẳng khiu, quần quai và xác xơ. Nổi lên trên cây sồi là hai cái tháp hẹp và cao. Người xà ích lấy roi chỉ về phía chúng và nói :

- Lâu đài Baskerville đấy !

Người chủ thái ấp đứng lên để nhìn cho rõ, má ửng đỏ, mắt sáng hẳn lên. Vài phút sau, chúng tôi đến gần cánh cổng lớn bằng gang có hoa văn với hai chiếc cột phủ đầy rêu có hình đầu gấu. Đó là biểu tượng của dòng họ Baskerville. Ngôi nhà bằng đá với những chiếc vì kèo lồi hẳn ra, trong tình trạng hoang phế. Tuy nhiên, phía trước ngôi nhà tồi tàn này lại là một ngôi nhà mới, chưa hoàn thành, đó là công trình đầu tiên mà ngài Charles tạo nhờ số vàng mang từ Nam Phi về.

Hai hàng cây cao già cỗi chạy phía sau cánh cổng. Cành lá chập lại làm thành vòm cây mờ mờ tối ở trên đầu chúng tôi. Tiếng bánh xe chim đi trong âm thanh lạo xạo của lá cây. Ngài Henry rùng mình khi nhìn con đường hun hút rợp bóng cây, ở cuối con đường hiện lên hình dáng ngôi nhà hư hư ảo ảo.

- Chuyện xảy ra ở đây phải không? - Ông thăm thì hỏi.

- Không, không phải. Con đường thông đỏ ở phía kia cơ !

Người thừa kế trẻ tuổi ném một cái nhìn u ám vào cảnh vật quanh mình, nói :

- Tôi chẳng ngạc nhiên vì sao bác tôi ở một nơi như thế này, lại thường xuyên chờ đợi một nỗi bất hạnh nào đấy. Nỗi kinh hoàng sẽ đổ xuống đầu bất kỳ ai. Trong vòng 6 tháng, tôi sẽ kéo điện đến đây và rồi các ông sẽ không nhận ra những chỗ này nữa đâu ! Ở cạnh cửa ra vào hàng ngày, những ngọn đèn một nghìn nến sẽ cháy sáng.

Cuối con đường là một thảm cỏ rộng, chúng tôi vòng qua đó, đi đến tòa nhà. Trong lúc nhá nhem tối, tôi chỉ có thể trông thấy mặt tiền và bậc thềm nhà ; nổi lên trên một bên của tòa nhà là hai chiếc tháp hình răng cưa với những lỗ châu mai cũ kỹ. Tiếp giáp với chúng, cả phía bên phải và bên trái là hai chái nhà ngang làm bằng đá hoa cương đen. Ánh đèn tù mù hắt qua những ô cửa sổ trông ra bãi cỏ, làn khói đen lơ lửng bên trên mái nhà nhọn dựng đứng với những ống khói cao nhất.

- Nồng nhiệt chúc mừng ngài Henry ! Chúc mừng ngài đã đến lâu đài.

Từ bóng tối đổ xuống nơi bậc thềm, một người cao cao xuất hiện. Ông ta mở cửa xe. Trong lối cửa ra vào được chiếu sáng của tòa lâu đài, một bóng đàn bà hiện ra. Bà ta cũng đi lại chỗ chúng tôi, giúp người đàn ông xách va-li.

- Ngài Henry, ngài sẽ không phản đối nếu tôi đi thẳng về nhà chứ? Nhà tôi đang chờ tôi.- Bác sĩ nói.

- Hãy nán lại ăn tối với chúng tôi đã.

- Thôi, quả là không thể được. Tôi sẽ rất vui lòng chỉ dẫn cho ngài ngôi nhà của mình, thế nhưng Mô-rơ sẽ làm việc đó tốt hơn tôi. Xin chúc mọi sự tốt đẹp. Nhớ là bất cứ lúc nào ngài cần đến tôi, thì hãy gọi tôi đến, đừng ngại ngần gì cả đấy !

Tiếng bánh xe chìm dần vào trong con đường rợp bóng cây, cánh cửa nặng nề đóng sầm lại phía sau chúng tôi.

Lâu đài là một tòa nhà rất đẹp, thoáng rộng với những chiếc xà to chắc bằng gỗ sồi thâm lại vì thời gian. Trong lò

sười cũ kỹ có thanh ngang để những thanh củi nổ lép bép, cháy xèo xèo. Bị buốt lạnh sau một chuyến đi kéo dài, tôi và ngài Henry cùng hơ tay trên ngọn lửa. Sau đây, chúng tôi bắt đầu quan sát sự trang trí trong lâu đài : cửa kính màu cao và hẹp, những đầu hươu và gia huy trên tường lơ mờ nổi lên trong ánh sáng mờ ảo của đèn chùm.

- "Chính tôi cũng hình dung tất cả mọi thứ như thế này".
Ngài Henry nói. "Đây là tổ ấm thực sự của dòng họ, tổ tiên tôi đã sống ở ngay ngôi nhà này trong những năm thế kỷ. Tôi gần như cứng người lại khi tưởng tượng lại cảnh huy hoàng".

Khuôn mặt rắn rỏi của ông ánh lên một nỗi sáng khoái hồn nhiên. Ông đứng trong quảng ánh sáng đổ xuống từ đèn chùm còn những chiếc bóng dài đổ xuống các bức tường và đặc quánh lại như một bức màn đen trên đầu ông.

Mô-rơ mang va-li của chúng tôi về phòng từng người rồi ông ta trở lại, kính cẩn sẵn sàng tuân thủ đòi hỏi của chúng tôi. Ông ta có cái dáng oai vệ, với bộ râu đen rậm làm nổi rõ gương mặt tái tái

- Ngài muốn dùng cơm tối ngay không?

- Đã chuẩn bị rồi chứ?

- Vài phút nữa, thưa ngài. Nước nóng đã có ở trong phòng của các ngài. Tôi và vợ tôi sẽ rất sung sướng ở lại đây phục vụ ngài, nhưng chính trong những nê nếp mới, ngài sẽ cần số lượng biên chế lớn hơn chăng.

- Những nê nếp mới nào vậy?"

- Ngài Charles có nếp sống biệt lập và cả hai chúng tôi hoàn toàn có thể phục vụ ngài ấy. Còn ngài chắc sẽ sống khoáng đạt hơn và sẽ sắp xếp lại tất cả theo trật tự mới.

- Nghĩa là ông cùng vợ ông muốn đi khỏi nơi này?

- Nếu như điều đó không gây sự phiền lòng nào cho ngài.

- Tuy nhiên tổ tiên của ông trong vài thế hệ đã từng sống ở lâu đài Baskerville. Ta không muốn phá bỏ những mối liên hệ gia đình lâu đời ấy.

Tôi nhận thấy những dấu hiệu lo ngại trên bộ mặt tái nhợt của viên quản lý.

- Chúng tôi rất gắn bó với ngài Charles và cho đến giờ chúng tôi vẫn chưa trấn tĩnh lại được sau cái chết của ngài. Chúng tôi cảm thấy nặng nề nếu ở lại đây. Từ nay, tại lâu đài này, chúng tôi sẽ không thể thấy thoải mái như trước đây.

- Thế ông đã có ý định làm gì rồi?

- Thưa ngài, tôi hy vọng là chúng tôi sẽ thành công trong việc thu xếp một công việc nào đó. Còn bây giờ, hãy cho phép tôi đưa các ngài về phòng.

Cầu thang hai nhịp dẫn lên gác của lâu đài cổ kính được bao quanh bởi hành lang có tay vịn. Từ đó chạy dọc theo tòa nhà là hai hành lang dài dẫn vào các phòng ngủ. Phòng của tôi nằm cùng phía với phòng của Henry. Hầu như cửa hai phòng ăn thông với nhau. Thì ra những căn phòng này lại hiện đại hơn so với phần trung tâm của ngôi nhà. Những tấm giấy dán tường sáng sủa, rất nhiều ngọn nến cháy sáng ngay lập tức đã làm dịu đi những ấn tượng nặng nề ở trong tôi.

Tuy vậy, phòng ăn ở tầng dưới lại làm chúng tôi kinh ngạc bởi cái vẻ âm đạm của nó. Đây là một căn phòng chạy dài có bệ làm bàn cho chủ nhà, được tách ra với phần kia của phòng ăn dành cho những người ở địa vị thấp hơn. Phần cuối của căn phòng là nơi dành cho ban hát rong. Phía trên cao là những chiếc xà nhà đen trùi, trần nhà ám đầy khói. Ngày xưa những bó đuốc rực cháy trong những bữa tiệc lớn có lẽ đã làm cho bầu không khí vui tươi hơn. Nhưng giờ đây, trong vùng ánh sáng của ngọn đèn dầu duy nhất, giữa hai người đàn ông ăn mặc toàn màu đen, như có cái gì chùng xuống và họ không buồn trò chuyện. Câu chuyện trong bàn ăn tẻ nhạt thế nào ấy, tôi cảm thấy dễ chịu hơn khi bữa ăn kết thúc và chúng tôi chuyển sang hút thuốc trong phòng chơi bi-da.

- "Biết nói thế nào được, tình cảnh không có gì là vui vẻ cả" - Ngài Nam tước nói. "Cố nhiên, có thể rồi cũng chịu được

tất cả những cảnh tượng ấy, thế nhưng giờ đây tôi cảm thay áy náy không nguôi. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên nếu bác tôi đã phát cuồng lên khi sống một mình trong ngôi nhà này. Có lẽ sáng mai không khí sẽ đỡ buồn tẻ hơn”.

Trước khi đi ngủ, tôi vén rèm, nhìn qua cửa sổ thăm cỏ trước cửa ra vào. Những cây cao phía sau thăm cỏ rên siết, vẫy mình trong gió. Mặt trăng lấp ló giữa những đám mây trôi quanh. Và trong quầng ánh sáng lạnh lùng của ánh trăng phía sau lùm cây nổi lên những dãy núi dài và đường viền dài của khu đầm lầy. Tôi kéo kín rèm lại : ấn tượng sau cùng của tôi về lâu đài Baskerville không có gì là vui vẻ và tôi chỉ muốn đi ngủ.

Nhưng tôi trấn trở hoài mà giấc ngủ vẫn không đến. Xa xa ở một nơi nào đó, đồng hồ cứ mười lăm phút lại điểm một lần. Đột nhiên trong đêm khuya vắng vẻ một âm thanh rõ rệt vang đến tai tôi. Đúng vậy, đó là tiếng thốn thốn mãnh liệt, cố nén của một người đàn bà. Tôi nhổm dậy trên giường và chăm chú lắng nghe. Tiếng nức nở vọng đến từ nơi nào đó rất gần, ngay trong ngôi nhà. Tôi chờ chừng nửa tiếng, cố gắng không để ảo giác lừa dối mình, thế nhưng không còn nghe thấy âm thanh gì khác ngoài tiếng đồng hồ và tiếng xào xạc của cây trường xuân.

7. NHÀ TỰ NHIÊN HỌC

Khi tôi cùng ngài Henry ngồi ăn sáng, ánh mặt trời rực rỡ hắt vào những ô cửa sổ hẹp đổ xuống nền nhà những mảng sáng loang lổ nhiều màu sắc. Các trang trí bằng gỗ sồi đen sẫm trong những tia nắng vàng tươi lóng lánh như đồng thau. Và bây giờ chúng tôi khó lòng hình dung nổi là chỉ mới tối

hôm qua thôi, căn phòng này đã đè nặng lên chúng tôi những cảm giác âm đạm như thế nào. Nam tước nói :

- Tôi nghĩ chính chúng ta mới đáng trách chứ không phải ngôi nhà. Sau khi nghỉ ngơi, chúng ta cảm thấy trong người thoải mái và mọi vật chung quanh cũng tươi tắn theo.

- Nhưng cũng không thể đổ tất cả cho tâm trạng của chúng ta được, phải chăng ngài đã không nghe thấy tiếng khóc nức nở của một ai đấy vào lúc giữa đêm?

- Trong lúc mơ màng, tôi cũng cảm thấy một cái gì tương tự như thế. Tôi lắng nghe hồi lâu và sau đó cả quyết rằng đó chỉ là giấc mơ.

- Không, tôi nghe rất rõ và tin rằng có một người đàn bà đang khóc.

- Ngay bây giờ cần hỏi ông Mô-rơ xem sao.

Nam tước dùng chuông gọi viên quản lý tới và yêu cầu ông ta giải thích. Tôi cảm thấy bộ mặt xanh xao của Mô-rơ trở nên nhợt nhạt hơn khi ông ta nghe xong câu hỏi của ông chủ :

- Trong nhà có cả thầy hai người đàn bà, thưa ngài . Một là người rửa bát, ngủ ở chái nhà bên kia và người thứ hai là vợ tôi, nhưng tôi xin cam đoan với ngài rằng nhà tôi không khóc.

Ông ta nói không đúng sự thật, bởi vì sau bữa ăn sáng, tôi có dịp đối mặt với bà Mô-rơ trong hành lang. Tôi thấy một người đàn bà cao cao với những vết nhăn lớn trên mặt, môi mím lại một cách nghiêm nghị. Bà đi đứng rất điềm tĩnh, thế nhưng đôi mắt đỏ hoe và mí mắt lại sưng tấy. Nghĩa là đêm qua bà đã khóc. Lê nào người chồng không thể không biết chuyện đó. Ông ta nói dối để làm gì? Tại sao bà ta khóc?

Phảng phất từ con người có bộ râu đen ấy, là một cái gì đây bí ẩn và mờ ám. Ông ta là người đầu tiên tìm thấy thi thể của ngài Charles. Phải chăng chúng tôi đã nhìn thấy Mô-rơ

trong xe mui trên phố Regent? Người lái xe mui nói về một người tầm thước, nhưng ấn tượng này có thể bị sai lệch. Làm sao xác định sự thật? Trước tiên, cần phải gặp viên phụ trách văn phòng bưu điện ở Grimpen để biết xem ông ấy có chuyển bức điện đến tận tay Mô-rơ hay không.

Sau bữa sáng, Nam tước soát xét lại những giấy tờ kinh doanh và tôi có thể tùy ý sử dụng thời gian của mình. Theo con đường bằng phẳng chạy dọc khu đầm lầy, tôi vượt qua bốn dặm và tới một ngôi làng nhỏ bé, xấu xí. Tại đó, khách sạn và ngôi nhà của bác sĩ Móc-ti là hai công trình xây dựng sang trọng hơn cả. Người phụ trách văn phòng bưu điện có nhớ tới bức điện của chúng tôi.

- "Tất nhiên, thưa ngài". Ông ta nói. "Tôi đã chuyển nó cho ông Mô-rơ đúng như yêu cầu của ngài".

- Ai mang tới cho ông ta?

- Đưa con trai nhỏ của tôi. Này James, con đã chuyển bức điện cho ông Mô-rơ chứ?

- Dạ.

- Cháu trao tận tay ông ấy chứ ?

- Không, ông Mô-rơ ở đâu đó trên gác thượng và cháu đưa bức điện cho vợ của ông. Bà ấy hứa là sẽ lập tức chuyển cho ông.

- Chính mắt cháu thấy ông Mô-rơ chứ?

- Không, cháu nói là ông ấy ở trên gác thượng.

- Sao cháu biết ông ấy ở đâu, nếu chính cháu không nhìn thấy?

- "Vợ ông ấy phải biết ông ấy ở đâu chứ". Người phụ trách văn phòng bưu điện nói. "Vấn đề là ở chỗ bức điện được chuyển đến hay chưa? Còn nếu có gì sai sót thì chính ông Mô-rơ sẽ phải hối tiếc.

Thế là mưu chước tinh khôn của Holmes không có kết quả và chúng tôi vẫn không rõ Mô-rơ có đi Luân Đôn hay

không. Mô-rơ hành động theo sự xúi bẩy của ai hay là ông ta có mưu kế gian trá riêng? Tôi nhớ đến sự phòng xa lạ lùng được sắp đặt từ những mẩu giấy cắt rời trên báo. Có phải đó là công việc của chính đôi tay Mô-rơ hay một kẻ khác có ý ngăn cản ông ta? Ngài Henry đã nói rằng nếu ông không thích sống ở thái ấp của tổ tiên mình thì cặp vợ chồng Mô-rơ sẽ được đảm bảo một cuộc sống yên lành cho đến cuối đời. Nhưng giải thích như vậy thì không đủ làm sáng tỏ cái mạng lưới tinh vi đang vây bọc Nam tước. Chính Holmes chẳng đã thú nhận là trong số tất cả những vụ điều tra đã gây ấn tượng mạnh cho mình, vụ án này là rắc rối và phức tạp nhất là gì?

Khi trở lại con đường âm đạm vắng vẻ, tôi có cầu trời cho bạn tôi được rảnh rỗi để có thể mau chóng đi đến thay tôi lãnh trách nhiệm nặng nề này.

Tiếng bước chân đi gấp ở phía sau và tiếng gọi tên tôi đã đột nhiên cắt đứt dòng suy nghĩ của tôi. Tôi ngoảnh lại, thấy một người đàn ông tóc vàng, trạc 35 - 40 tuổi. Ông ta không cao, gầy gò, mặt mũi cao鼻梁, chiếc cằm dài và hẹp. Ông ta mặc bộ đồ màu xám, đội mũ rơm, tay cầm chiếc vợt bắt bướm màu xanh lục, vai đeo một hộp gỗ.

- Hãy thứ lỗi cho tôi, bác sĩ Watson. Ở đây chúng tôi không câu nệ nghi thức, không cần chờ đợi sự giới thiệu. Chắc có lẽ ông đã nghe bác sĩ Móc-ti nói về tôi. Tôi là Xép-tôn.

- "Nhìn chiếc hộp và chiếc vợt thì nhận ra ông ngay". Tôi nói thế vì tôi biết ông Xép-tôn là nhà tự nhiên học. "Nhưng làm sao ông nhận ra tôi?"

- Tôi ở chỗ Móc-ti, và lúc ông đi qua đấy, ông ta nói cho tôi biết. Tôi với ông đi cùng đường và thế là tôi có ý định tự giới thiệu mình. Hy vọng là ngài Henry không quá mệt mỏi sau chuyến đi dài ngày chứ?

- Không, xin cảm ơn ông, ông ấy bình thường.

- Tất cả chúng tôi đều lo ngại là Nam tước không thích sống ở đây. Thật khó yêu cầu một người sống dư dật lại phải chôn vùi cuộc đời ở chốn thâm sơn cùng cốc. Tuy nhiên, sự có mặt của Nam tước lại có nhiều ý nghĩa đối với cuộc sống của mọi người tại đây. Câu chuyện đau buồn ấy không gợi lên ở ngài Henry nỗi khiếp đảm mê tín chứ?

- Không, tôi không nghĩ như vậy.

- Tất nhiên, ông biết truyền thuyết về con chó quái đản hình như luôn luôn ám ảnh dòng họ Baskerville..

- Vâng, tôi biết.

- Truyền thuyết đã hoàn toàn làm chủ trí tưởng tượng của ngài Charles và chính nó đã đưa ngài tới sự kết thúc bi thảm.

- Bằng cách nào thế?

- Khi thần kinh của một người căng thẳng đến như vậy thì sự xuất hiện của bất kỳ con chó nào cũng có thể có ảnh hưởng tai hại tới trái tim bệnh hoạn. Tôi nghĩ rằng vào tối hôm đó ngài Charles quả đã trông thấy một cái gì tương tự trên con đường.

- Do đâu ông biết ngài Charles bị đau tim?

- Bác sĩ Móc- ti cho tôi biết.

- Quả thật ông nghĩ là có một con chó nào nhảy bổ vào ngài Charles và ngài đã chết vì khiếp sợ phải không?

- Dĩ thường ông có những bằng chứng đáng tin cậy hơn chăng?

- Không.

- Thế còn ông Sherlock Holmes?

Trong khoảnh khắc tôi nghệt thờ vì những lời này, tuy nhiên nét mặt trầm tĩnh và cái nhìn bình thản của người tiếp chuyện khiến tôi tin rằng ông ta không có ẩn ý gì.

- Bác sĩ Watson, vì sao chúng ta giấu giếm nhau thế nhỉ. Những tin đồn về người thám tử danh tiếng đã vang đến vùng

chúng tôi. Và nếu như ông có mặt ở đây thì có nghĩa là ông Sherlock Holmes rất quan tâm đến vụ này. Cố nhiên, tôi tò mò muốn biết quan điểm của ông ấy ra sao? - Than ôi ! Tôi không thể trả lời được câu hỏi của ông.

- Vậy thì hãy cho phép tôi được hỏi : Ông ấy sẽ đến thăm chúng tôi chứ?

- Bây giờ anh ấy đang có những vụ án khác.

- Đáng tiếc ! Ông ấy có thể rọi ánh sáng vào cái còn đang được giấu kín trong bóng tối. Nhưng ông cũng đang tiến hành điều tra, bác sĩ Watson, tôi đủ sức giúp đỡ ông. Hãy sai bảo tôi khi cần thiết.

- Xin cam đoan với ông là tôi chỉ tới thăm ngài Henry.

- “Thật tuyệt vời !” Xép-tôn thốt lên. “Ông xử sự hoàn toàn đúng : Trước hết phải thận trọng. Tôi rất đáng bị từ chối như vậy. Tôi xin hứa là sẽ không đụng tới vấn đề này nữa”.

Chúng tôi đi tới một địa điểm ở phía bên phải con đường, nơi bắt đầu lối mòn dẫn qua khu đầm lầy. Chéch về phía trái là quả đồi dựng đứng. Trên đó, trước kia có công trường khai thác đá, sườn đồi hướng về phía chúng tôi là một triền dốc thẳng đứng phủ đầy cây dương xỉ. Xa xa, ở phía chân trời, những làn khói xám cuộn lên.

- “Từ đây tới Merripit, không còn bao xa”? Xép-tôn nói. “Nếu ông vui lòng nhìn chút thì giờ, tôi sẽ giới thiệu ông với em gái của tôi”.

Ban đầu tôi nghĩ rằng : Mình cần ở cạnh ngài Henry, nhưng rồi lại nhớ đến sự tính toán của và những giấy tờ chất đống trên bàn làm việc của ông. Mặt khác, Holmes lại yêu cầu tôi làm quen với những người sống kế cận lâu đài Baskerville. Tôi chấp nhận lời mời của Xép-tôn.

- “Vùng này thật tuyệt vời !”. Ông ta nói và ngược nhìn dải đồi màu xanh lợt sáng, không bao giờ ông hiểu rõ vùng này đâu. Nó có chứa một vài bí mật. Thật bao la, hoang vắng và bí ẩn !”.

- Ông biết rõ vùng này chứ?

- Tôi ở đây tới hai năm. Những người sống lâu ở địa phương gọi tôi là lính mới. Nhưng tôi đã kịp tìm hiểu từng ngõ ngách ở đây; hiện giờ, tại đây ít ai hiểu khu này bằng tôi.

- Chẳng lẽ việc này lại khó khăn đến thế?

- Rất khó. Nay nhé, ông hãy nhìn cái bình nguyên với những quả đồi kỳ lạ trời lên ở đằng kia. Theo ông vì sao nó đáng chú ý?

- Có thể phi nước đại trên đó.

- Bất kỳ ai ở cương vị của ông cũng sẽ nói như thế, vậy ấy mà đã có không ít những sai lầm. Hãy nhìn xem có bao nhiêu bãi cỏ xanh trên đó?

- Có lẽ ở đó đất tốt hơn phải không?

Xếp-tôn phì cười :

- Trước mắt ông là vùng đầm lầy Grimpen rộng lớn. Tại đó, chỉ cần một bước không thận trọng là đi đời nhà ma. Mới hôm qua, tôi trông thấy con ngựa của ai đó đi lạc vào đấy và tất nhiên là không bao giờ về nữa. Cái đầu của nó nổi lên trên mặt đầm lầy. Nó cố gắng ngoi lên nhưng rồi cuối cùng vẫn không thoát khỏi. Ở đấy thậm chí vào mùa khô cũng nguy hiểm. Tuy vậy, tôi đã nhiều lần lọt vào ngay giữa trung tâm của nó và lần nào cũng trở về an toàn. Hãy nhìn xem, lại một con ngựa bất hạnh nữa kia !

Trong khu cỏ lác có một vật gì đó đang giãy giụa. Rồi phía trên đám cỏ thấp thoáng chiếc cổ đang ngoái lại một cách đau đớn, khu đầm lầy vang lên một tiếng kêu thê thảm. Tôi ớn lạnh, nhưng người bạn đường của tôi vẫn vững vàng.

- Con thứ hai trong vòng hai ngày. Còn bao nhiêu con nữa sẽ bị chết, thì không biết ! Chúng quen thói bèn mẫn đến đây vào mùa khô và tưởng rằng sẽ không có gì nguy hiểm. Vâng, vùng đầm lầy Grimpen là một nơi thật kinh hoàng.

- Tuy nhiên, chính ông thì lọt vào đấy được?

- Vàng, ở đây có hai, ba đường mòn mà người khôn ngoan có thể đi theo đó. Tôi đã phát hiện ra chúng.

- Nhưng ông cần đi vào cái chốn nguy hiểm ấy để làm gì?

- Ông có trông thấy những quả đồi phía xa kia không? Đó thật sự là những cù lao ở giữa vùng lầy. Nhưng ở đó có bao nhiêu là bướm và thực vật quý hiếm !

- Vậy à, tôi sẽ thử vào đó.

Xép-tôn ngạc nhiên nhìn tôi.

- Hãy xua đuổi ý nghĩ ấy ra khỏi đầu ông đi ! Tôi sẽ bị dẫn vật bởi cái chết của ông. Ông sẽ không trở ra an toàn đâu, tôi dám cả gan đi vào đấy chỉ vì tôi có một hệ thống dấu hiệu phức tạp.

- Ôi ! Cái gì thế? - Tôi kêu lên.

Tiếng rống nhỏ nghe thảm thiết đến mức khó diễn tả, vang lên trên khu đầm lầy, lan tràn khắp không trung ; nhưng nó từ đâu vọng tới thì không thể xác định được. Bất đầu từ tiếng rên rĩ không rõ, âm thanh dần dần chuyển sang trầm trầm và lại rên rĩ đến não ruột. Xép-tôn lạ lùng nhìn tôi :

- Khu đầm lầy này thật là đầy bí ẩn. - Xép-tôn nói.

- Nhưng cái gì vậy?

- Các điền chủ nói rằng con chó của dòng họ Baskerville đang kêu la đòi lẽ vật. Trước đây tôi cũng có dịp nghe tiếng nó, nhưng hôm nay là những tiếng kêu rất lớn.

- Lạnh toát người vì kinh sợ, tôi lướt nhìn bình nguyên rộng lớn lấm tấm điểm những bụi lau sậy xanh mướt trải dài đến tận chân trời. Không có tiếng xào xạc của lá, không có cái gì động đậy. Chỉ có một con quạ đậu trên cột đá phía sau chúng tôi đang kêu âm ỉ.

- Là người có học thức, chắc ông không tin vào những điều quỷ quái như thế. Vậy ông giải thích tiếng kêu đó ra sao?
- Tôi hỏi.

- Đôi khi tiếng hươu kêu cũng biến thành những âm thanh lạ lùng. Lúc thì trầm lắng, lúc thì vút lên, khi thế này khi thế khác, ai mà biết được !

- Không, không phải ! Đây chỉ là tiếng kêu của một vật sống.

- Cũng có thể. Có khi nào ông nghe giống chim đầm lầy kêu ban đêm chưa ?

- Chưa.

- Hiện giờ, ở Anh quốc loại này rất hiếm. Thế mà tại khu đầm lầy này tất cả lại có thể xảy ra. Tôi không lấy làm ngạc nhiên nếu quả thật chúng ta vừa nghe tiếng của một trong số những đại biểu cuối cùng của loại chim này.

- Trong đời, tôi chưa từng nghe thấy những âm thanh nào ghê rợn và nặng nề hơn.

- Đã nói đây là một vùng đây bí ẩn mà ! Hãy nhìn ngọn đồi kia ! Theo ông, cái gì thế ?

Sườn đồi dựng đứng được phủ bằng những vòng đá xám. Tôi đếm phải gần hai mươi vòng.

- Chuông cừu phải không ?

- Không, đó là nhà ở của các ông tổ tiên đáng kính của chúng ta. Người tiên sử ở khu đầm lầy này rất đông đúc. Về sau họ không ai ở đây nữa nên tất cả tiện nghi nhà ở hãy còn nguyên vẹn, chỉ có mái là bị dỡ đi. Nếu muốn, ta có thể đi tới đó và sẽ nhìn thấy bếp lò và giường nằm.

- Đúng là một khu phố thật sự ! Người tiên sử ở đây vào thời nào ?

- Đó là giống người ở thời đại đồ đá mới. Niên đại chính xác không thể xác định được.

- Giống người ấy làm gì ?

- Họ nuôi cừu và tìm quặng sắt. Hãy nhìn cái hố ở trên quả đồi đối diện kia. Đó là những dấu tích công việc của họ.

Này bác sĩ Watson, ông sẽ tìm thấy nhiều điều thú vị trên khu đầm lầy của chúng tôi. Xin thứ lỗi cho, có lẽ là con bướm Cyclope.

Một con bướm nhỏ bay qua chỗ chúng tôi, với tốc độ đáng kinh ngạc. Xép-tôn đuổi theo nó. Tôi kinh hãi nhìn thấy con bướm lao thẳng xuống đầm lầy, nhưng người bạn của tôi nhảy từ mô đất này đến mô đất khác. Vùng vẫy chiếc vạt xanh lá cây, trông ông ta giống như một con bướm khổng lồ. Tôi đứng lại nhìn theo ông với một cảm giác pha trộn giữa khâm phục và kinh ngạc. Tôi cứ hình dung ra là ông sẽ lao xuống và sẽ không ra khỏi vùng đầm lầy. Đột nhiên tôi nghe thấy sau mình tiếng bước chân của một ai đó. Tôi ngoảnh lại và nhận thấy một người phụ nữ đang ở cạnh mình. Cô ta xuất hiện từ hương khói cuộn lên.

Chắc chắn đây là cô Xép-tôn. Thật khó lòng hình dung ra sự khác biệt giữa em gái và anh trai. Ông ta là người tóc vàng, mắt xám, thiếu bản sắc ; còn cô lại tóc đen duyên dáng, cân đối và cao dong. Những đường nét thon thả kiêu hãnh hài hoà đến mức gương mặt dễ thương sẽ trở nên cứng đờ nếu cái miệng không tinh tú và đẹp. Thân hình lý tưởng- bộ cánh đẹp đẽ. Lúc tôi ngoảnh nhìn lại thì cái nhìn của người phụ nữ đang hướng về phía Xép-tôn nhưng rồi cô ta rảo bước đi đến gần tôi. Tôi ngả mũ định giải thích sự có mặt của mình ở đây thì đột nhiên cô ta nói :

- Hãy đi khỏi đây đi ! Hãy trở về Luân Đôn đi ! Nhanh đi !

Để trả lời, tôi chỉ có thể nhìn cô với vẻ kinh ngạc. Mắt cô sáng long lanh, một chân cô dậm dậm tỏ vẻ sốt ruột.

- Tại sao tôi phải rời khỏi đây? - Tôi hỏi.

- “Chớ có hỏi”. Cô ta nói nhỏ, nhanh và ngọt ngào. “Xin hãy nghe lời khuyên của tôi ! Hãy đi khỏi đây và đừng trở lại khu đầm lầy này nữa”.

- Nhưng tôi mới đến đây mà !

- Lê nào ông không hiểu là tôi chỉ mong điều tốt lành cho ông? Hãy đi ngay, bằng mọi cách ! Khế chứ ! Anh tôi đang đến đây ! Ông đừng có nói với anh ấy lời nào... Làm ơn ngắt cây phong lan này cho tôi. Nơi đây có rất nhiều phong lan, nhưng ông đến đã hơi muộn mất rồi : tới mùa thu chúng bắt đầu tàn, và thiên nhiên ở đây phần nào mất đi vẻ đẹp của mình.

Xép-tôn đã ngừng đuổi bướm, đang đi đến chỗ chúng tôi, toàn thân đỏ bừng, hớn hển.

- Em đấy à ! - Ông ta nói và tôi cảm thấy rõ nỗi bức tức trong lời chào hỏi.

- Người anh nóng nực rồi đấy. Jack ạ !

- Đúng, anh vừa đuổi bắt một mẫu vật Cyclope tuyệt trần. Ở đây, vào cuối thu, ít khi trông thấy chúng, tiếc làm sao.

Ông ta nói với giọng dửng dưng, nhưng không ngắt đảo mắt nhìn em gái sang tôi.

- Hình như hai người đã kịp làm quen với nhau?

- Vâng. Em nói với ngài Henry rằng bây giờ khu đầm lầy đã bớt đẹp rồi. Hoa phong lan đang tàn.

- Cái gì? Em nghĩ ai đang ở trước mặt em vậy?

- Ngài Henry Baskerville.

- Không, không phải đâu. Tôi là Watson, bạn của ngài Henry.

Vẻ hoang mang hiện rõ trên khuôn mặt nhiều diễn cảm.

- Nghĩa là chúng ta nói mà không hiểu nhau.

- Đúng, ông ấy không có nhiều thời gian để chuyện trò đâu. - Xép-tôn nói, tiếp tục tò mò nhìn em gái.

- Em làm bác sĩ Watson với người láng giềng của chúng ta. Rất có thể ông ta không để ý bây giờ phong lan có nở hay không. Nhưng dù sao, ông cũng rẽ vào chỗ chúng tôi ở Merripit chứ? - Cô gái nói.

Vài phút sau chúng tôi đã đến gần một trang trại vẻ tiêu điều. Bao quanh trang trại là một khu vườn nhỏ. Cây cối ở đây cũng giống như khắp nơi trong khu đầm lầy : thấp bé và còi cọc. Phảng phất trong vùng là vẻ nghèo nàn và buồn bã. Người hầu mở cửa cho chúng tôi trong bộ áo ngoài màu vàng trông nhàn nhèo, già cả y hệt như ngôi nhà. Nhưng chính các căn phòng lại khiến tôi ngạc nhiên bởi sự rộng rãi và vẻ lịch sự trong cách bài trí. Tôi không thể không thốt mác. “Điều gì đã đẩy con người học thức cùng cô em gái xinh đẹp đến chốn hoang vu này?”.

- “Chúng tôi đã chọn một nơi kỳ cục để nương thân phải không?” Xép-tôn nói, hình như để trả lời những ý nghĩ của tôi “Dẫu sao chẳng nữa ở đây chúng tôi vẫn sống tốt. Có đúng không, em Bê-rin?”.

- Vâng, rất tốt. - Cô gái trả lời, nhưng dường như những lời nói của cô không được tự tin cho lắm.

- “Tôi có một trường học tại một trong những địa phận miền Bắc”. Xép-tôn nói. “Đó là một công việc khô khan và kém hứng thú, thế nhưng tôi bị cuốn hút vào. Lý do là sự gần gũi với tuổi trẻ. Thật hạnh phúc biết bao khi chính mình truyền đến cho họ những kiến thức. Nhưng các trận dịch bộc phát ở trong trường làm chết ba đứa trẻ : phần lớn vốn của tôi đã không sao hoàn lại được. Giá như không có sự ly biệt với những chú bé thân yêu thì tôi đã không buồn phiền, bởi lẽ đối với một người say mê động vật và thực vật như tôi thì ở đây vẫn còn nhiều việc phải làm, và cả em gái tôi nữa. Đây là một người rất yêu thích thiên nhiên”.

- Vâng, sống ở đây không hẳn đã khiến ông buồn, nhưng chắc chắn đã làm em gái ông buồn.

- Không, tôi không buồn. - Cô gái trả lời.

- Chúng tôi bận bịu với công việc khoa học, chúng tôi có một thư viện lớn và những láng giềng thật thú vị. Bác sĩ

Móc-ti là một người rất uyên thâm trong lĩnh vực của mình. Ngài Charles cũng là người láng giềng tuyệt vời. Ông sẽ nói sao nếu hôm nay tôi sẽ đến ~~thăm~~ ngài Henry? Việc đó sẽ không cản trở ngài chứ?

- Tôi tin là ngài rất vui khi được quen biết ông.

- Vậy thì hãy làm ơn báo trước cho ngài biết. Còn bây giờ, bác Watson, hãy cùng lên trên lầu, tôi sẽ cho ông coi bộ sưu tập của tôi. Vào lúc chúng ta kết thúc thì bữa sáng sẽ được dọn xong.

Nhưng tôi đã kịp nghĩ tới ngài Henry. Về hieu quạnh của khu đầm lầy, cái chết của con ngựa, tiếng rống bí ẩn, những lời nói mập mờ của cô Bè-rin. Tất cả khiến tôi buồn náo lòng. Tôi từ chối lời mời ăn sáng và trở về nhà bằng chính con đường mòn hồi nãy.

Thế nhưng, ngoài lối mòn ấy ra, ở đây còn một đường khác ngắn hơn, bởi vì lúc tôi còn chưa kịp ra con đường lớn thì đã trông thấy cô Xép-tôn ở ngay trước mặt mình. Nước da ứng hồng sáng lên trên đôi má càng khiến cô đẹp lộng lẫy hơn. Cô ngồi trên tảng đá bên đường, thở mạnh, một tay đặt lên ngực.

- “Tôi đã chạy suốt chặng đường để bắt kịp ông”. Cô ta nói. “Thậm chí mũ tôi cũng không kịp mang nữa. Tôi phải gấp lên kéo anh trai tôi phát hiện sự vắng mặt của tôi. Tôi đã nhầm ông với ngài Henry. Xin ông hãy quên tất cả những gì tôi đã nói đi. Điều đó không có quan hệ gì tới ông đâu”.

- Tôi làm sao có thể quên được điều đó, thưa cô. Số phận của bạn tôi, ngài Henry, khiến tôi rất quan tâm. Hãy nói cho tôi biết vì sao cô lại yêu cầu ông ấy trở về Luân Đôn?

- Tính bất thường của phụ nữ mà.

- Không phải, giọng nói và đôi mắt của cô. Chỉ mới vừa đặt chân đến đây mà tôi đã cảm thấy có những bóng ma nào

đó quanh tôi. Xin hãy nói rõ rằng ngài Henry cần phòng ngừa như thế nào.

Một thoáng do dự lướt trên khuôn mặt, nhưng chỉ một khoảnh khắc sau cô lại trở nên bình thường.

- Bác sĩ Watson ạ ! Cái chết của ngài Charles đã gây chấn động mạnh trong anh em tôi. Chúng tôi thường xuyên gặp người đã khuất, vì ngài dạo chơi theo đường mòn này đến nhà chúng tôi. Giờ đây, việc trở về của người thừa kế ngài Charles làm tôi rất day dứt và tôi coi việc báo trước cho ngài biết về mối nguy hiểm này là cần thiết. Đây là tất cả, tôi không muốn nói một điều gì khác nữa đâu.

- Nhưng mối nguy hiểm nào?

- Ông biết truyền thuyết về con chó chú?

- Tôi không tin vào điều nhảm nhí ấy.

- Còn tôi thì tin. Nếu ông có ảnh hưởng đối với ngài Henry, thì ông hãy đưa ngài ra khỏi đây... Đây là một nơi rất nguy hiểm đối với dòng họ Baskerville. Vì sao ngài Henry cần phải sống ở nơi có mối nguy hiểm lớn đe dọa mình?

- Ông ấy có lý do riêng. Nếu cô chưa bày tỏ rõ ràng thì chưa chắc tôi thuyết phục ông ấy được.

- Tôi không biết điều gì nữa đâu.

- Xin được phép đặt một câu hỏi : *"Nếu đúng đây là tất cả những gì cô cần nói với tôi thì tại sao cô lại sợ anh cô nghe thấy?"*

- Anh ấy không muốn lâu đài Baskerville không có chủ nhân. Điều đó sẽ ảnh hưởng xấu tới dân nghèo sinh sống trên khu đầm lầy. Anh ấy sẽ nổi giận nếu biết rằng tôi đã gắng sức ngăn cản ngài Henry. Nhưng tôi đã làm xong nghĩa vụ của mình và tôi sẽ không nói thêm một điều gì cả. Bây giờ tôi phải đi đây, kéo anh tôi biết. Xin tạm biệt.

Cô ta quay trở về, và chẳng bao lâu đã khuất sau mấy tầng đá, còn tôi thì lòng tràn ngập những nỗi khiếp đảm mơ hồ, hướng tới lâu đài Baskerville rảo bước.

8. BẢN PHÚC TRÌNH ĐẦU TIÊN CỦA BÁC SĨ WATSON

Lâu đài Baskerville, 13 tháng 10

Holmes thân mến.

Qua những lá thư và những bức điện của tôi, anh đã biết được tất cả những gì xảy ra trong thời gian gần đây tại xứ xinh buồn bã nhất thế giới này. Càng ngày nỗi buồn của khu đầm lầy càng thấm sâu vào tâm hồn tôi. Tôi cảm thấy nước Anh hiện đại đã lưu lạc ở một nơi nào đó, xung quanh tôi toàn là những dấu tích sinh hoạt và lao động của con người thời tiền sử. Đây là hang động của họ, kia là các nấm mồ, và kia nữa là các tảng đá khổng lồ có lẽ chứng minh cho tinh thần của họ. Khi nhìn những triền núi bị đào bới bởi những công cụ thô sơ làm thành những hang động này, ta như quên mất là mình đang sống ở thế kỷ nào. Và nếu như dưới vòm mái thấp của một trong những hang động đó đột nhiên xuất hiện một người choàng lông thú, râu ria xồm xoàm, đặt mũi tên có đầu bịt đá vào cây cung thì anh sẽ thấy rằng sự tồn tại của con người ấy thích hợp hơn so với sự tồn tại của anh. Điều lạ lùng hơn hết là tại sao những người này đến ở rất đông tại một nơi chẳng màu mỡ chút nào. Tôi không phải là nhà khảo cổ, nhưng theo tôi, đây là một bộ lạc bị đe dọa cưỡi cổ nên thỏa mãn với nơi mà các bộ lạc khác từ chối.

Tuy nhiên, tất cả những điều vừa nói không hề có liên quan chút nào tới sự có mặt của tôi ở đây, và chắc có lẽ cũng không hề làm anh quan tâm. Cho đến bây giờ, tôi vẫn không đủ sức quên đi thái độ thờ ơ của anh tới vấn đề : Mặt trời quay quanh trái đất hay trái đất quay quanh mặt trời. Vậy thì hãy chuyển sang những sự kiện có quan hệ trực tiếp với ngài Henry vậy. Một vài ngày gần đây anh đã không nhận được một tin tức nào, là vì tôi không biết kể về cái gì cả. Thế nhưng

từ khi một sự kiện kỳ lạ vừa xảy ra, thì giờ đây chúng ta đã nắm được những tình tiết khá quan trọng đối với vụ án.

Một trong những tình tiết ấy, là có một người tù khổ sai ẩn náu trong khu đầm lầy. Có cơ sở vững chắc để nói rằng hắn đã rời khỏi vùng này và sống yên ổn tại những trang trại đơn độc nào đó. Từ khi hắn vượt ngục đến giờ, đã hai tuần trôi qua. Thật khó tưởng tượng nổi một người có thể sống qua thời gian như thế trên khu đầm lầy. Thật ra ở đây cũng có nơi trú thân. Bất kỳ hang đá nào cũng có thể thành nơi nương náu của hắn. Nhưng thiếu ăn thì không thể sống nổi, nếu hắn không bắt cừu để ăn, rõ ràng là hắn đã rời khỏi vùng này và người sống ở các trang trại yên tâm hơn.

Chúng tôi, bốn người đàn ông khỏe mạnh, lực lưỡng sống ở lâu đài Baskerville trong tình trạng lúc nào cũng tự bảo vệ được mình, nhưng xin thú thật với anh : Khi nghĩ tới Xép-tôn, tôi lo ngại không yên. Họ không có những láng giềng gần gũi nên khó nhờ cậy vào sự giúp đỡ của ai cả. Người nữ hầu phòng, một đầy tớ già, em gái và anh trai. - Đây là tất cả những người sinh sống ở Merripit. Họ sẽ ở trong tay tên giết người này nếu hắn đột nhập vào nhà của họ. Tôi và ngài Henry rất lo ngại cho họ, và thậm chí muốn để người chăn ngựa ngủ lại ở Merripit, nhưng Xép-tôn không chịu nghe. Có điều là Nam tước bắt đầu quan tâm đặc biệt đến cô láng giềng xinh đẹp. Điều đó không có gì đáng ngạc nhiên cả, bởi vì ông ta là một người ưa hoạt động, còn cô gái, là người phụ nữ đẹp mê hồn. Trong cô có cái gì sôi nổi của người dân vùng nhiệt đới, ngược lại hẳn với ông anh. Vào thời gian này, trong ông anh rõ ràng là có một bí ẩn nào đấy nung nấu ông ta. Cứ xét theo mọi phương diện thì ông ta có ảnh hưởng lớn tới em gái mình. Nhiều lần trong khi nói chuyện, tôi có dịp bắt gặp những cái nhìn của cô hướng về ông anh minh hình như đón chờ sự đồng tình của ông.

Ông đến thăm ngài Henry vào ngày hôm đó và sáng ngày hôm sau, ông đã đưa chúng tôi đến nơi diễn ra sự cố có quan hệ tới truyền thuyết về Hugo. Chúng tôi đi sâu vào khu đầm lầy tới vài dặm, lọt vào một bình nguyên không lớn, trông huyền ảo. Một lối hẹp nằm giữa những cột đá đưa chúng tôi tới bãi cỏ thoáng dang. Ở giữa bãi cỏ có hai tảng đá lớn co lại ở phía trên khiến người ta liên tưởng tới những chiếc nanh khổng lồ của con quái vật nào đấy. Mọi thứ ở đây hoàn toàn phù hợp với sự mô tả khung cảnh bùng nổ tấn bị kịch xưa kia. Ngài Henry chăm chú quan sát mọi hướng, nhiều lần hỏi Xép-tôn rằng "lẽ nào Xép-tôn lại tin vào sức mạnh siêu nhiên ảnh hưởng tới công việc của con người". Giọng ngài có vẻ khinh mạn nhưng ngài lại rất nghiêm chỉnh chú ý tới chuyện này. Xép-tôn trả lời một cách dè dặt. Ông ta không nói nhiều và tỏ ra thông cảm với nỗi lòng của Nam tước. Ông ta kể cho chúng tôi nghe một vài trường hợp tương tự trong các gia đình khác và làm cho chúng tôi có cảm giác là ông cũng tin vào truyền thuyết về con chó của dòng họ Baskerville.

Khi quay trở lại, chúng tôi tạt vào ăn sáng ở nhà Xép-tôn. Ngài Henry làm quen với cô Xép-tôn từ lúc nào chẳng rõ. Cô ta đã cuốn hút ngài ngay từ lúc mới gặp nhau. Lúc chúng tôi trở về thì thỉnh thoảng ngài lại nói về cô ta và từ đó trở đi, không ngày nào là chúng tôi không gặp gia đình Xép-tôn. Hôm nay họ ăn cơm trưa ở chỗ chúng tôi và ngài Henry đã nói đến chuyện viếng thăm họ vào tuần tới.

Hình như ông Xép-tôn không mong mỗi một người chồng tốt cho em gái của mình, vì tôi nhiều lần nhận thấy ông ta tỏ vẻ khó chịu trước sự sẵn đón của ngài Henry với cô ta. Có lẽ Xép-tôn gắn bó với em gái và sợ sống đơn độc một mình. Trong thực tế, rõ ràng Xép-tôn không muốn tình bạn này chuyển thành tình yêu, và theo sự quan sát của tôi thì ông ta đã bằng mọi cách, cố gắng không để họ ở lại một mình với nhau. Nhân thế nói thêm, nếu vụ án này bị mối tình làm rối

rầm thềm thì lời dặn theo sát ngài Henry của anh hầu như sẽ không được hoàn thành.

Gần đây, bác sĩ Móc-ti có ăn sáng ở chỗ chúng tôi. Ông khai quật một ngôi mộ cổ ở vùng Longdown và tìm thấy chiếc sọ người tiền sử. Điều này khiến ông thích thú khôn xiết. Anh em Xép-tôn có mặt sau bữa ăn. Theo yêu cầu của ngài Henry, bác sĩ dẫn chúng tôi tới con đường rậm bóng cây để chỉ cho mọi người biết vào cái đêm thảm khốc ấy mọi chuyện đã diễn ra như thế nào. Con đường chạy dài, mờ ảo, cả hai phía đều có những rãnh đất trồng cỏ hẹp và những cây thủy tùng được xén tỉa làm thành bức tường khá dày.

Nhà hóng mát đồ nát nằm ở phía cuối con đường. Chính giữa có hàng giậu dẫn ra khu đầm lầy mà cạnh đó ông Charles đã gãy tàn thuốc lá. Cửa bằng gỗ, có khóa. Vùng đầm lầy bao la trải ra phía sau nó. Tôi nhớ tới lý thuyết của anh về sự cố đã xảy ra ở đây và gắng hình dung tất cả điều đó. Khi đứng cạnh cửa hàng rào, Charles nhìn thấy một cái gì đó từ khu đầm lầy tiến đến gần ngài. Bóng ma này đã khiến ngài sợ hãi đến kinh hoàng. Ngài bỏ chạy, chạy cho đến lúc ngã vật xuống, tắt thở vì kiệt sức. Thế nhưng, con vật nào đã khiến ngài chạy? Con chó chăn cừu nào đấy từ khu đầm lầy chăng? Hay là con chó ma quái, to lớn, đen thui và lạng thình nọ? Cũng có thể đó là việc làm của bàn tay con người? Có lẽ Mô-rơ biết nhiều hơn những gì ông ta nói ra?

Kể từ lá thư cuối cùng tôi viết cho anh đến giờ, tôi còn làm quen được với một trong số những láng giềng của chúng tôi. Ông Pên-kên ở lâu đài Lafter, cách chúng tôi 4 dặm về phía Nam. Đây là một ông già tóc bạc phơ, mặt đỏ và rất cầu kỳ. Ông Pên-kên là một người sùng bái pháp luật, đã tiêu cả một tài sản vào các vụ kiện tụng đủ loại. Ông ta thưa kiện chỉ vì thích cái cọ và ông sẵn sàng phát đơn kiện với tư cách nguyên cáo, và lại cũng sẵn sàng hầu tòa với tư cách bị cáo. Đột nhiên ông ngăn cấm việc đi lại cạnh lãnh địa của ông và

thách thức hội đồng xử đạo buộc ông mở lại con đường đó. Sau đó tự tay ông phá hàng giậu của ai đó và tuyên bố rằng ở đây từ xưa đã có một con đường đi qua : mặc cho chủ nhân kiện ông vi phạm ranh giới đất đai của người khác. Ông biết rành rọt những đạo luật phong kiến và ông đã sử dụng những hiểu biết của mình : lần này thì ủng hộ làng bên cạnh, lần khác thì lại chống lại họ, vì thế dân làng ở đây khi thì kính ông lên, khi thì đốt hình nộm ông . Người ta nói rằng hình như bây giờ trong tay ông Pên-kên có tới bảy vụ kiện, chắc chúng sẽ ngốn hết số tài sản còn lại của ông. Như vậy ông ta sẽ bị tị ngại và sẽ trở thành một người vô hại.

Hiện giờ ông Pên-kên đã tìm cho mình một công việc rất kỳ quặc. Là một người thích thiên văn học, lại có trong tay chiếc kính viễn vọng nên suốt ngày ông ngồi trên mái nhà mình quan sát khu đám mây với hy vọng phát hiện ra tên tù vượt ngục.

Sau khi thông báo cho anh tất cả những gì có thể thông báo được về người tù khổ sai chạy trốn, về anh em Xép-tôn, về bác sĩ Móc-ti, về ông Pên-kên, bây giờ tôi sẽ kể về vợ chồng Mô-rơ, và về những sự kiện lạ lùng xảy ra vào đêm hôm nay.

Tôi sẽ bắt đầu từ bức điện được anh chuyển từ Luân Đôn với mục đích xác nhận xem vào ngày hôm ấy Mô-rơ có ở nhà hay không. Tôi có kể cho ngài Henry về sự thất bại này, ngài đã gọi ngay Mô-rơ đến.

- Chú bé đã chuyển bức điện tận tay ông phải không, ông Mô-rơ? - Ngài Henry hỏi.

Mô-rơ ngạc nhiên nhìn ngài và suy nghĩ chừng một phút.

- Không. Lúc đó tôi ở trên gác thượng, và vợ tôi mang bức điện đến cho tôi.

- Chính ông viết điện trả lời?

- Không, tôi nói với vợ tôi nên trả lời ra sao, cô ấy xuống dưới và viết.

Buổi chiều Mô-rơ lại đề cập chủ đề này theo sáng kiến riêng của mình.

- Ngài Henry, tôi không thật hiểu tại sao ngài lại hỏi tôi về bức điện ấy. Phải chăng tôi đã có lỗi gì đó, và đã làm mất sự tin cậy của ngài. Ngài Henry cố gắng thuyết phục Mô-rơ rằng điều đó không phải như vậy và để an ủi ông ta, ngài đã tặng cho ông ta khá nhiều đồ dùng cũ của mình.

Bà Mô-rơ rất đáng quan tâm. Đây là người đàn bà rất đứng đắn, đáng kính. Nhưng, vào đêm đầu tiên khi đến đây, tôi đã nghe thấy những tiếng khóc thốn thức của bà. Và từ ngày đó, nhiều lần tôi vẫn có dịp thấy dấu vết của những giọt nước mắt trên khuôn mặt bà. Có nỗi đau khổ nặng nề nào đó hành hạ người đàn bà này. Rất có thể đó là những nỗi giày vò của lương tâm không trong sạch chăng? Có khi tôi nghi ngờ rằng Mô-rơ là một tên bạo chúa trong gia đình. Tôi thường xuyên cảm thấy đây là một người kỳ cục, khả nghi. Và những sự kiện của đêm qua càng làm tăng thêm mối ngờ vực của tôi.

Chắc anh biết tôi ngủ không say lắm, và tại lâu đài Baskerville, khi lúc nào cũng phải cảnh giác đề phòng thì tôi càng sẽ thức. Đêm qua, lúc gần hai giờ, tôi nghe thấy những bước chân len lén cạnh phòng mình. Tôi trở dậy, mở cửa và nhìn ra hành lang, thấy loáng thoáng bóng của một ai đó. Chiếc bóng của một người trên tay cầm ngọn nến bước rón rén theo hành lang. Ông ta mặc áo lót, quần dài, đi chân đất. Tôi chỉ nhận ra được hình dáng lơ mơ của con người ấy, nhưng theo vóc người, tôi đoán đây là Mô-rơ. Ông ta bước chậm chạp, lặng lẽ và trong từng cử động của ông có cái gì vụng trộm, lo ngại.

Qua những lá thư của tôi, anh đã biết rằng cả hai hành lang được giao nhau bởi một hành lang khác bao quanh lâu đài. Chờ cho tới khi Mô-rơ đi khuất, tôi bắt đầu lần theo vết của ông ta. Lúc tôi bước tới hành lang giao nhau thì ông đã ở hành lang phía bên kia, và sau đó ánh sáng lóe lên trong cửa ra vào

để ngỏ của một căn phòng. Thế có nghĩa là ông ta đã vào đấy. Các phòng này không có người ở, cũng không có đồ gỗ. Bởi thế, hành vi của Mô-rơ là hoàn toàn bí ẩn. Ông ta đứng ở đó, bất động vì ngọn lửa của cây nến không hề lung lay. Tôi gắng bước nhẹ nhàng hơn, vượt qua suốt hành lang rồi từ ngoài liếc nhìn qua cánh cửa hé mở.

Mô-rơ đứng nép mình cạnh cửa sổ, đưa cây nến đến gần tấm kính. Tôi trông nghiêng thấy khuôn mặt ông lơ đãn trong sự chờ đợi căng thẳng ; mặt ông hướng ra bóng đêm mờ mịt của khu đầm lầy. Ông ta chăm chăm nhìn qua cửa sổ vài phút, sau đó ông khẽ rên rĩ và bằng một cử chỉ nôn nóng, ông tắt ngọn nến đi. Lúc bấy giờ tôi quay trở về phòng mình và chẳng bao lâu tôi nghe thấy tiếng những bước chân lén lút phía ngoài cửa ra vào. Sau một thời gian khá lâu, xuyên qua giấc ngủ mơ màng, tôi nghe thấy ở một nơi nào đó có ai đang vặn chìa khóa trong ổ, nhưng thật khó xác định âm thanh này vọng tới từ đâu.

Tôi không hiểu tất cả những cái đó nghĩa là thế nào, nhưng trong ngôi nhà âm đạm này, rõ ràng có những việc làm bí ẩn nào đó đang được tiến hành. Sáng nay tôi nói chuyện với ngài Henry. Dựa trên những điều quan sát ban đêm của tôi, chúng tôi đã thảo ra kế hoạch hành động.

9. BẢN PHÚC TRÌNH THỨ HAI CỦA BÁC SĨ WATSON

Lâu đài Baskerville, 15 tháng 10

Holmes thân mến,

Tôi đã kết thúc bản phúc trình gần đây bằng việc mô tả tấn kịch của Mô-rơ cạnh cửa sổ của căn phòng trống không. Từ đó đến nay tôi đã góp được hàng đống tin tức.

Vào buổi sáng sau cuộc trinh sát ban đêm của tôi, tôi có xem xét căn phòng mà Mô-rơ đã vào. Cửa sổ mà ông ta đã chăm chú nhìn qua đó rất tiện lợi cho việc nhìn ra khu đầm lầy, hơn tất cả các cửa sổ khác. Qua khe hở giữa hai hàng cây, khu đầm lầy hiện rõ mồn một; trong khi đó, từ những ô cửa sổ khác hầu như không nhìn thấy nó. Bởi vậy, Mô-rơ chọn cửa sổ này để nhìn ai đó hoặc cái gì đó trên khoảng rộng bao la của khu đầm lầy. Tuy nhiên đêm tối mịt, tôi không biết ông ta có thể phân biệt được cái gì. Rất có thể đó là chuyện đàn diu yêu đương nào chăng? Điều đó có thể giải thích tính thận trọng trong hành động của ông và nỗi khổ đau của vợ ông. Một người với vẻ bề ngoài như ông có đủ điều kiện để quyến rũ trái tim của cô gái thôn quê nào đấy, và vì vậy, giả thiết này không phải không có cơ sở. Sau lúc trở về phòng mình, tôi nghe thấy tiếng mở cửa ở đâu đó. Có lẽ ông Mô-rơ đã đi đến cuộc hẹn hò bí mật nào chăng? Sau bữa sáng, tôi cùng Nam tước đi vào phòng làm việc của ngài. Tại đây tôi đã kể cho ngài nghe tất cả. Ngài nghe với một thái độ rất điềm tĩnh.

- Tôi biết Mô-rơ đêm đêm hay đi dạo và tôi định hỏi ông ấy từ lâu rồi. Một vài lần tôi có nghe thấy bước chân của ông ta vào khoảng thời gian như ông vừa nói.

- Rất có thể đêm nào ông ấy cũng đi đến cửa sổ này chăng?

- Rất có thể, nếu thế thì cần theo dõi xem ông ta làm gì ở đây. Chẳng biết trong trường hợp này Holmes sẽ làm như thế nào. - Tôi tin rằng anh ấy cũng sẽ lên theo sau Mô-rơ.

- Vậy thì chúng ta sẽ cùng giám sát ông ta.

- Nhưng ông ấy sẽ nghe thấy chúng ta mất.

- Không, ông ta ngễnh ngãng. Và dẫu sao ta cũng cần bạo dạn mà làm thôi. Nào, đêm nay chúng ta sẽ đợi ông ấy ở phòng tôi vậy !

Nam tước thích thú xoa xoa hai tay vào nhau khi nghĩ tới cơ hội nhỏ nhất làm cho dòng đời có thêm một vẻ đa dạng nào đó.

Nam tước đã liên lạc với viên kiến trúc sư, và đồng thời cho mời người thầu khoán từ Luân Đôn tới. Cho nên ở đây không bao lâu nữa sẽ có những biến đổi lớn lao. Những họa sĩ trang trí và những thợ đóng đồ gỗ cũng từ Plymouth đến. Rõ ràng người bạn của chúng ta đã không tiếc cả công sức lẫn tiền của để tái lập lại sự huy hoàng xưa kia của dòng họ mình. Khi ngôi nhà trong tương lai được sửa sang và xếp đặt lại, Nam tước chỉ còn thiếu một người vợ. Ngài rất say đắm người láng giềng. Tuy vậy mối tình không thật phẳng lặng, hôm nay trên bề mặt của mối tình đó xuất hiện những gợn sóng lăn tăn làm người bạn của chúng ta hoang mang và lo ngại.

Sau câu chuyện về Mô-rơ, ngài Henry đội mũ và định đi đâu đó. Cố nhiên tôi cũng làm y như thế.

- Ông đi với tôi chứ, Watson? - Ngài hỏi sau khi nhìn tôi là lạ thế nào ấy.

- Nếu đi tới khu đầm lầy thì tôi đi. - Tôi trả lời.

- Tôi khu đầm lầy.

- Tôi không muốn cản trở ngài, nhưng Holmes đã không bảo tôi để ngài ở một mình, nhất là trên khu đầm lầy. Chính ngài cũng được nghe điều đó.

Với nụ cười hiền dịu, ngài Henry vỗ vào ai tôi nói :

- Bạn thân mến ạ, Holmes không thể thấy rõ mọi chi tiết trong sự biến chuyển của cuộc sống của tôi ở đây được. Ông hiểu tôi chứ? Vậy chắc không có ai muốn ngăn cản tôi. Không, ông cho phép tôi đi một mình.

Tự anh cũng thấy được tình cảnh của tôi ra sao rồi ! Tôi bối rối, trong lúc ngài đã cầm lấy gậy của mình và đi ra.

Nhưng sau ít phút suy nghĩ, lương tâm bắt đầu hành hạ tôi. "Tại sao tôi cho phép ông ấy đi ra ngoài sự giám sát của

minh, rồi sau khi trở lại Luân Đôn, tôi sẽ phải thú nhận với anh là sự dễ dãi của tôi đã đẩy chúng ta tới thảm họa như thế nào?". Tôi như bị ném vào lửa trong ý nghĩ này. Vẫn còn chưa muộn, có thể đuổi kịp ông ấy. Và tôi lập tức đi tới Merripit.

Tôi rảo bước theo con đường lớn. Vẫn chưa thấy ngài Henry. Vài phút sau, tôi đến gần chỗ bắt đầu con đường mòn đi sâu vào khu đầm lầy. Tôi phân vân không biết nên chọn đường nào. Thế là tôi trèo lên quả đồi và từ đó nhìn xuống khu đầm lầy.

Tôi đã thấy Nam tước. Ông bước theo con đường mòn cách tôi chừng bốn trăm thước, đi cạnh ông là một người phụ nữ : cô Xép-tôn, họ bước đi rất chậm. Nhìn theo điệu bộ của cô gái thì cô đang cố gắng thuyết phục ngài Henry tin vào điều gì đấy. Ngài Henry chăm chú nghe, thỉnh thoảng lắc đầu. Khi không biết ẩn mình vào đâu, tôi đành đứng vào giữa các tảng đá. Đuổi theo họ, phá vỡ câu chuyện thân tình này là không thể được. Nhưng nhiệm vụ của tôi ở đâu? Là ở chỗ không được một giây phút nào rời mắt khỏi ngài Henry. Thế mà tôi không có cách giải quyết nào khác và cứ tiếp tục đứng trên đỉnh đồi để quan sát họ. Nhưng như vậy, nếu ngài đột nhiên bị nguy hiểm thì tôi không thể giúp gì được.

Đi được vài bước, ngài Nam tước và cô gái dừng lại, và lúc đó tôi bất ngờ nhận ra rằng tôi không phải là người duy nhất chứng kiến cuộc gặp gỡ của họ. Thấp thoáng giữa hai tảng đá có cái gì đó màu xanh lục. Tôi nhìn kỹ và nhận ra đó là một mảnh màu xanh trên chiếc gậy đi đường. Người mang gậy này đang hướng tới con đường mòn. Hóa ra đó là nhà động vật học Xép-tôn với chiếc vợt bắt bướm. Ông ta ở gần đôi uyên ương hơn tôi và đang đi thẳng tới chỗ họ. Vào giây phút ấy, ngài Henry đang ôm chầm lấy cô Xép-tôn, nhưng cô ta xoay lưng lại, cố gắng thoát khỏi tay ngài. Thế rồi ngài cúi xuống gần cô, còn cô thì lánh xa ngài... Sau đấy, họ nhanh chóng lùi xa nhau ra, ngoảnh lại nhìn phía sau. Thì ra Xép-tôn

đang đi tới. Ông ta đang ba chân bốn cẳng chạy về phía họ, khoa chân múa tay trước mặt cặp tình nhân.

Tôi không nghe được ông ta nói gì, nhưng hình như ông ta đang lên án ngài Henry, còn người này thì cố phân trần. Cô gái đứng bên cạnh, hoàn toàn im lặng. Sau cùng Xép-tôn đột nhiên quay trở lại, vẫy tay ra lệnh cho em gái, cô ta đưa nhanh đôi mắt nhìn ngài Henry rồi đi theo sau anh mình. Những cử chỉ bông bột của nhà tự nhiên học chứng tỏ rằng ông ta đang trút nỗi giận dữ của mình lên đầu cô gái. Vị Nam tước nhìn theo họ, rồi ngài chán nản, lưng thẳng đi ngược trở lại.

Tôi không hiểu tí nào về cuộc cãi vã ấy. Tôi lao nhanh xuống đôi và gặp Nam tước ở dưới đó. Mặt ngài đỏ bừng vì giận dữ, đôi lông mày nhíu lại.

- Chào bác sĩ ! Ông ở đâu ra vậy? Có lẽ ông đã theo dõi tôi chăng?

Tôi buộc phải giải thích cho ngài hiểu rằng tôi cảm thấy không thể để ngài đi một mình nên đã đi theo ngài và trở thành người chứng kiến cuộc gặp gỡ. Ngài quắc mắt nhìn tôi, nhưng rồi ngài phá lên cười.

- Cứ như là các ông cố rình xem tôi tán tỉnh cô gái và thất bại như thế nào ấy ! Ông thuê dài hạn cho mình chỗ ngồi nào đấy?

- Trên quả đồi kia kia.

- Nghĩa là trên gác thượng. Còn anh của cô ta thì được thu xếp ở những dãy ghế đầu tiên. Ông có nhận thấy ông ta đã mắng chúng tôi ra sao không?

- Vâng.

- Có bao giờ ông thoáng nghĩ rằng ông ta mất trí không?

- Chưa, chưa bao giờ.

- Tôi cũng vậy. Trước ngày hôm nay, tôi coi Xép-tôn là một người phát triển bình thường. Còn bây giờ tôi cảm thấy

là cần tìm một bác sĩ thần kinh cho ông ta hoặc cho tôi. Phải chăng tôi đã tột độ đến thế? Xin ông hãy nói thẳng ! Cái gì sẽ ngăn cản tôi trở thành chồng của cô gái ấy?

- Theo tôi, không có gì ngăn cản cả.

- Ông ta không thể bắt bẻ về cương vị xã hội của tôi được. Vậy ông ta có cái gì để không đồng ý tôi? Trong đời, tôi không gây điều ác cho ai cả. Thế mà con người ấy không muốn để tôi đến gần cô ta.

- Ông ta nói thế à?

- Vâng. Ông biết không, Watson, tôi mới quen cô ta cách đây vài tuần. Thế mà ngay từ buổi gặp gỡ ban đầu, tôi đã thấy rõ ràng người này sinh ra là để dành cho tôi. Và cô ta... cô ta cũng sẽ sung sướng ở cạnh tôi. Tôi sẵn sàng thề như vậy ! Đôi mắt của người đàn bà nói nhiều hơn so với lời của họ. Thế nhưng, ông ta phản đối sự gần gũi của chúng tôi. Chỉ đến hôm nay tôi mới chọn được cơ hội nói chuyện riêng với cô ấy. Cô sung sướng chấp thuận cuộc gặp gỡ này. Nhưng, cô chỉ nói một lời : *ở đây nguy hiểm và cô sẽ không yên lòng chừng nào tôi chưa đi khỏi lâu đài.* Tôi nói rằng từ sau cuộc gặp gỡ với cô, tôi sẽ không bao giờ rời khỏi đây, còn nếu việc ra đi là cần thiết, thì cô hãy cùng đi với tôi. Tóm lại, tôi đã ngỏ lời cầu hôn với cô ta, nhưng cô còn chưa kịp đáp lại thì vào giây phút ấy, ông anh đã ào tới mắng chúng tôi. Tôi còn làm gì được ! Giá ông ta không phải là anh của cô ấy, thì tôi sẽ biết cách trả lời, nhưng tôi không nỡ làm thế và chỉ nói rằng không có gì là xấu xa trong tình cảm của tôi cả, rằng tôi hy vọng vào một lúc nào đó sẽ gọi cô Xép-tôn là vợ của mình. Nhưng, cuối cùng tôi đã không giữ bình tĩnh được nữa và nổi xung lên. Đáng lý không nên nổi nóng khi thấy cô đang đứng ở đó thì hơn. Sau đấy, ông ta ra đi cùng với em gái. Còn tôi ở lại một mình trong một tâm trạng hoàn toàn phân vân.

Anh Holmes, câu chuyện này đã khiến tôi không ít băn khoăn. Tước vị của Nam tước, sự giàu có, tuổi trẻ, tính cách và vẻ ngoài đều có lợi cho ngài. Có lẽ, ngoài số mệnh đen tối đè nặng lên gia đình ngài, tôi không thấy ngài có gì là bất lợi.

Thật là lạ lùng nếu lời cầu hôn của ngài Henry đã bị cự tuyệt gay gắt. Tuy nhiên, vào ngày hôm ấy, chính Xép-tôn đã xin lỗi Nam tước, rồi nói chuyện hồi lâu với ngài trong phòng làm việc. Chúng tôi nhận lời mời tới ăn trưa ở Merripit vào thứ sáu tới.

- "Tôi vẫn chưa hết hoài nghi về sự phát triển bình thường của con người này." Ngài Henry nói. "Nhưng, cần thừa nhận những lời xin lỗi của ông ta thật chân thực, cũng đừng nên gây sự với ông ta làm gì".

- Ông ấy giải thích cơn bộc phát của mình như thế nào?

- Em gái đối với ông ta là tất cả. Điều đó thì chấp nhận được. Họ đã cùng sống với nhau trong suốt cuộc đời, bởi thế ông ấy sợ phải xa cách em gái mình. Ông ta rất lấy làm tiếc về những gì đã xảy ra, và nói là sẽ không ngăn cản chúng tôi nữa, nếu như tôi hứa là sẽ không nói gì về tình yêu với cô gái trong vòng ba tháng sắp tới, chỉ nên coi như tình bạn mà thôi. Tôi đã hứa, và đến đây thì câu chuyện chấm dứt.

Holmes, anh thấy đấy, một trong số những bí mật nhỏ nhoi của chúng ta đã được sáng tỏ.

Bây giờ, chúng ta sẽ chuyển sang nói về tiếng khóc bí ẩn ban đêm, về bộ mặt bi thảm của bà Mô-rơ và về thái độ khó hiểu của viên quản lý với cánh cửa sổ hướng ra khu đầm lầy. Phải cần một đêm mới giải thích được điều bí mật này bạn ạ.

Tôi nói là "một đêm" nhưng đúng hơn là phải "hai đêm". Tôi và ngài Henry đã ngồi trong phòng làm việc của ngài tới ba giờ sáng, thế mà không nghe thấy gì cả. Sau đó chúng tôi ngủ thiếp đi cho tới sáng. Tuy vậy, sự thất bại này không làm cho chúng tôi chán nản mà cương quyết thử lại một lần nữa.

Đêm hôm sau, chúng tôi vắn bớt bắc đèn, ngồi im lặng hoàn toàn. Thời giờ trôi đi vô cùng chậm chạp.

Chuông đồng hồ điểm một giờ, rồi hai giờ. Chúng tôi đã sắp thất vọng thì đột nhiên sự mệt mỏi của chúng tôi bay biến đầu mất. Tôi và ngài Nam tước đều ưỡn thẳng người lại. Ngoài hành lang có tiếng cọt két của ván sàn nhà. Tiếng những bước chân lên lút đi ngang qua phòng chúng tôi rồi dần dần lặng đi ở phía xa. Nam tước khẽ mở cửa. Chúng tôi bắt đầu lần theo vết con thú săn. Con thú đã đi qua hành lang nối liền lâu đài, còn trong hành lang này thì tối om. Hết sức thận trọng, chúng tôi đi đến chái nhà phía bên kia. Ở đó thấp thoáng hình của một người có bộ râu đen. Hấn rón rén bước dọc theo hành lang. Sau đấy hấn chạy lảng xàng tới cánh cửa, và một tia sáng vàng mỏng mảnh trải ra khu hành lang. Chúng tôi đi tới luồng ánh sáng này, dò từng mảnh đất, vậy mà những tấm ván cũ kỹ vẫn khe rên và kêu cọt két, nhưng thật là may, Mô-rơ ngảnh ngang, và lại khi đó công việc thu hút hết tâm trí của ông ta.

Cuối cùng, chúng tôi cũng bước tới được cửa phòng, nhìn vào căn phòng. Viên quản lý tay cầm cây nến, đứng ở cạnh cửa sổ, hầu như mắt ông ta ghé sát vào mặt kính, nghĩa là trong dáng điệu y hệt như tôi đã trông thấy lần trước.

Nam tước mạnh dạn đi vào phòng. Mô-rơ lùi nhanh ra khỏi cửa sổ, thở hổn hển, toàn thân run rẩy. Nỗi kinh hoàng lơ mơ hiện ra trong đôi mắt sẫm sáng trên bộ mặt trắng nhợt.

- Mô- rơ, ông làm gì ở đây thế?

- "Không làm gì cả, thưa ngài". Vì xúc động ông ta nói rất khó nhọc, cây nến run run trên tay ông hắt những bóng loang lổ trên tường và lên trần nhà. "Cửa sổ, thưa ngài... đêm đêm tôi kiểm tra xem xét tất cả có được khóa kỹ không".

- Ngay cả trên lầu hai?

- Vàng, cả khu nhà.

- “Hãy nghe đây, Mô-rơ”. Ngài Henry nghiêm khắc nói. “Chúng tôi cương quyết tìm cho ra sự thật. Cho nên ông càng mau thú nhận lỗi lầm thì càng tốt. Nay, ông làm gì ở đây?”

Người quản gia ném một cái nhìn tuyệt vọng về phía chúng tôi.

- Tôi không làm gì xấu xa cả, thưa ngài ! Tôi chỉ soi cây nến vào cửa sổ.

- Để làm gì?

- Xin đừng hỏi tôi, ngài Henry ... Xin thề với ngài đây là bí mật không phải của tôi. Nếu bí mật này chỉ liên quan đến tôi, tôi sẽ không giấu giếm điều gì cả.

Đột nhiên trong óc tôi thoáng nảy ra một ý nghĩ bất ngờ, tôi cầm lấy cây nến ở trên bệ cửa sổ.

- Có lẽ đây là mật hiệu. Bây giờ chúng ta chờ câu trả lời.

Tôi đưa ngọn nến đến gần tấm kính như Mô-rơ đã làm, tôi nhìn vào bóng đêm. Mặt trăng ẩn mình sau đám mây. Vào phút đầu tiên, tôi chỉ trông thấy hàng cây của khu đầm lầy. Đột nhiên tôi reo lên khi trông thấy trong khung màu đen của cửa sổ một điểm màu vàng tắp ra chọc thủng đêm tối.

- Hãy nhìn này !

- Không, không phải, thưa ngài...

- “Chuyển cây nến sang bên phải, Watson !”. Nam tước kêu lên. “Nhìn thấy gì không? ở đấy ngọn lửa cũng di động... Nay, đồ vô lại, đó chính là tín hiệu ! Hãy tự thú đi ! Ông mưu toan làm gì đó?”

Viên quản lý bất ngờ ném một cái nhìn thách thức về phía ngài.

- Đây là việc của tôi, nó không liên quan gì tới ngài. Tôi sẽ không nói gì cả.

- Vậy ông đã bị sa thải.

- Rõ rồi, thưa ngài.

- Tôi tưởng cố ông đi một cách dễ nhọc ! Tổ tiên của tôi và của ông hơn một trăm năm nay sống cùng một căn nhà với nhau, vậy mà ông định lập mưu kế chống lại tôi.

- Không, thưa ngài ! Chúng tôi không chống lại ngài đâu !

Những lời này vang lên the thé. Sau khi ngoảnh lại nhìn, chúng tôi nhận ra bà Mô-rơ hôn xiêu phách lạc ở cửa ra vào, vể tái nhợt trên khuôn mặt bà có thể đua tranh với chồng mình.

- Người ta đã sa thải chúng ta, em ạ, tất cả được kết thúc như thế đấy !... Hãy thu xếp đồ đạc đi. - Mô-rơ nói.

- Minh ạ, em đã đẩy mình tới nông nỗi này đấy ! ... Mọi chuyện đều là lỗi lầm của tôi thôi, ngài Henry. Chỉ vì tôi mà ông ấy làm việc đó, chỉ vì một mình tôi thôi.

- Bà nói gì vậy !

- Em trai tôi đang chết đói trên khu đầm lầy. Chồng tôi dùng tín hiệu báo cho chú ấy biết là đồ ăn đã được chuẩn bị, còn chú ấy báo cho biết cần mang đồ ăn đến đâu.

- Thế nghĩa là... Em bà là...

- Người tù vượt ngục, kẻ giết người, San-den.

- "Đấy là tất cả sự thật, thưa ngài". Mô-rơ khẳng định. "Tôi đã nói với ngài là tôi không thể phanh phui bí mật của người khác. Và nếu có một âm mưu nào đó thì nó hoàn toàn không nhằm làm hại ngài".

Cuộc du ngoạn ban đêm với cây nến được sáng tỏ như vậy đấy ! Tôi và ngài Henry sững sờ nhìn bà Mô-rơ.

- Đúng vậy. Thưa ngài. Chú ấy là em út của tôi. Chúng tôi cưng chiều chú ấy ngay từ nhỏ. Thế rồi chú ấy lớn lên, nhập bọn với đám du thủ du thực và sa vào tội lỗi. Nhưng đối với tôi, thưa ngài, chú ấy vẫn chỉ là một cậu bé tóc xoắn đáng

yêu mà tôi đã từng chơi đùa và chăm sóc. Chú đã vượt ngục, biết tôi hiện ở đây. Lúc lẻ bước tới đây vào ban đêm, chú ấy mệt mỏi, bụng đói mà lại đang bị truy lùng. Chúng tôi đã để cho chú vào, giúp đỡ chú ấy bằng tất cả khả năng của mình. Thế rồi ngài về đây, thưa ngài. Chú quyết định đi vào khu đầm lầy. Sau một đêm, chúng tôi lại kiểm tra xem chú ấy đã đi hay chưa. Chúng tôi soi đèn qua cửa sổ và nếu nhận được tín hiệu trả lời thì chúng tôi mang bánh mì và thịt tới nơi hẹn ước. Chúng tôi mong mỗi từng ngày là chú đã bỏ đi, nhưng chừng nào chú ấy còn ở đây thì chúng tôi không thể bỏ rơi. Thưa ngài. Nếu ở đây có điều gì xấu xa thì chồng tôi không hề có lỗi : ông ấy làm việc đó là vì tôi thôi !

Bà ta nói với một tình cảm khiến người khác không thể không tin vào bà/

- Có đúng như vậy không, Mô-rơ?

- Vâng, thưa ngài, từ đầu đến cuối đều là sự thật.

- Tôi không trách ông đã giúp vợ mình. Hãy quên những điều tôi nói với ông đi. Giờ thì hai người hãy về phòng mình, sáng mai chúng ta sẽ bàn bạc.

Khi họ đi khỏi, ngài Henry mở toang cửa sổ ra, gió lạnh lùa vào mặt chúng tôi. Xa xa, trong bóng đêm mịt mù, ngọn lửa nhỏ vẫn còn nhấp nháy.

- Sao hấn không biết sợ. - Ngài Henry hỏi.

- Có lẽ chỉ đứng tại đây mới nhận thấy ngọn lửa.

- Cũng có thể. Theo ông thì hấn ở đâu?

- Ở chỗ nào đó cạnh những cột đá hoa cương.

- Hai dặm?

- Sẽ không hơn thế.

- Đúng, nếu Mô-rơ mang đồ ăn đến đây có nghĩa là sẽ không xa lắm. Và bây giờ, Watson, tôi sẽ đi, và sẽ tóm được tên ác ôn này.

Chính ý nghĩ này cũng thoáng qua trong óc tôi. Vợ chồng Mô-rơ không biến chúng tôi thành những kẻ tòng phạm được. Con người này thật nguy hiểm cho xã hội.

- Tôi đi với ngài.

- Vậy hãy cầm súng ngắn theo. Cần khẩn trương lên, nếu không, hấn sẽ đập tắt ngọn lửa và tẩu thoát mất.

Chưa đầy năm phút sau, chúng tôi đã bước nhanh theo con đường tối om rậm rạp bóng cây, lắng nghe tiếng rít đơn điệu của ngọn gió mùa thu và tiếng xào xạc của lá cây. Trong không khí có mùi hăng hăng của vật thối rữa và sự ẩm ướt. Mặt trăng lúc ẩn lúc hiện sau những đám mây đen. Mưa lâm thâm. Ngọn lửa nhỏ màu vàng vẫn nhấp nháy.

- Ngài có cầm cái gì đó theo người không?

- Có, roi gân bò.

- Hãy hành động thật nhanh, người ta nói hấn rất táo tợn.

- “ Watson”, đột nhiên Nam tước lên tiếng, “ Holmes sẽ nghĩ sao đây? Ông có nhớ không? Vào lúc ban đêm khi mà uy lực của cái ác hoàn toàn thống trị...”

Và hình như để đáp lại những lời nói của ngài, ở một nơi nào đó rất xa trên khu đầm lầy vang lên âm thanh lạ lùng. Gió đẩy đến tai chúng tôi, ban đầu là tiếng gầm gừ không rõ, sau là tiếng rống rồi lại dần dần chuyển sang tiếng rên bi thảm. Những âm thanh hoang dã, dọa dẫm này được lặp đi lặp lại liên tục, tràn ngập cả không trung. Nam tước túm lấy vạt áo tôi.

- Trời ơi, Watson, cái gì thế?

- Tôi không rõ. Người ta nói rằng những âm thanh như vậy thường vang lên trên khu đầm lầy. Tôi cũng đã từng nghe thấy.

Tiếng kêu lặng dần, rồi hoàn toàn yên lặng. Chúng tôi đứng căng thẳng, lắng nghe, nhưng không có gì vang lên nữa.

- Con chó rống đấy ! - Nam tước thì thầm.

Máu trong người tôi như đông lại, giọng của ngài Nam tước run lên vì kinh hãi.

Người ta giải thích âm thanh này ra sao?

- Ai?

- Những người sống ở đây ấy.

- Đấy chỉ là những người dốt nát ! Không phải tất cả mọi người đều giải thích tiếng kêu như thế.

- Watson, họ nói về cái gì vậy?

Vào giây phút ấy tôi do dự, nhưng đã đặt vấn đề ra thì không thể nào im lặng được.

- Họ nói rằng đấy là tiếng con chó của dòng họ Baskerville rống.

Ngài Henry bắt đầu rên rỉ :

- “Đúng, chỉ có chó mới tru lên như vậy”. Sau khi im lặng hồi lâu, ngài nói. “Nhưng con chó ở rất xa, đâu ở hướng kia kia !”.

- Khó có thể xác định tiếng rống từ đâu vọng lại.

- Nó được gió thổi tới. Vùng đầm lầy Grimpen ở đâu? Ở đây phải không?

- Đúng.

- Vậy là tiếng kêu từ đó vọng đến, Watson. Chính ông cho rằng đấy là tiếng rống của con chó, đừng e ngại. Hãy nói thật đi.

- Một lần Xép-tôn nói rằng có một giống chim nào đó kêu như thế.

- Không, đấy là con chó. Than ôi ! Chẳng lẽ câu chuyện huyền bí này là sự thật? Chẳng lẽ có một mối nguy hiểm bí ẩn nào đấy đang đe dọa tôi? Ông không tin vào điều đó sao, Watson?

- Không tin !

- Vậy còn bác của tôi? Cảnh thi thể của Người có những vết chân chó. Tất cả chỉ là một mắt xích mà thôi . Tôi hoàn

toàn không phải kẻ nhát gan, Watson ạ , thế nhưng tôi hết hồn khi nghe thấy những âm thanh như thế. Hãy rời vào tay tôi này !

Bàn tay ông giá lạnh.

- Không sao cả, ngày mai tất cả sẽ qua khỏi thôi !

- Không, tôi không bao giờ quên tiếng kêu ấy đâu. Chúng ta cần làm gì bây giờ?

- Ta quay về nhà chăng?

- Sao lại thế ! Phải tóm cổ tên dê tiện ấy. Tôi với ông săn đuổi tên tù khổ sai, còn con chó lại săn lùng chúng ta. MẶc ! Hãy đi thôi, Watson !

Chúng tôi tiếp tục lê từng bước chậm chạp. Bên phải và bên trái chúng tôi chòng chắt hình thù những quả núi lởm chởm mờ ảo trong đêm tối. Ngọn lửa màu vàng bé nhỏ vẫn nổi lên mờ mờ xa xa ở phía trước. Cuối cùng chúng tôi đã nhìn thấy nguồn ánh sáng và hiểu rằng giờ chúng tôi ở cách đây không xa. Đó là ngọn nến được đặt lơ lửng ở kẽ nứt giữa những tảng đá. Những tảng đá này bảo vệ cây nến, tránh gió và tránh cả ánh mắt của con người, chỉ để hở ra một hướng quay về phía lâu đài. Chúng tôi ẩn mình sau tảng đá, rồi thận trọng nhìn ra ngoài. Kỳ lạ thay, chúng tôi chỉ nhìn thấy một ngọn nến cô độc giữa đêm lay. Chung quanh không hề có dấu hiệu của sự sống.

- Cần làm gì bây giờ?

- Chờ một lát. Hẩn ở gần đây thôi.

Tôi chưa kịp nói xong thì đã nhìn thấy hẩn. Bên trong kẽ đá, nơi đặt cây nến, lộ ra một khuôn mặt xấu xa, trên đây không hề thấy dấu vết khuôn mặt người. Bộ mặt bết đầy bùn, râu lởm chởm, mớ tóc rối tung, trông như một trong số những người tiên sử từng sống ở đây. Ngọn lửa cây nến phản chiếu trong cặp mắt bé nhỏ ranh mãnh, thâm độc nhìn vào mọi hướng. Đây đúng là cặp mắt của con thú khi nhận ra tiếng

bước chân của người thợ săn trong đêm tối. Có lẽ một điều gì đấy đánh thức mối hoài nghi ở hắn. Chỉ một loáng sau hắn đã thổi tắt ngọn nến và lẩn vào trong bóng tối. Tôi chạy về phía trước, ngài Nam tước chạy sau tôi. Tên tù khổ sai la lên một tiếng, viên đá bay vèo về phía chúng tôi, văng ra làm nhiều mảnh sau khi đập vào tảng đá bên cạnh. Tôi kịp nhìn thấy hắn mặt lùn, vai rộng. Đúng vào lúc ấy, mặt trăng hiện ra. Chúng tôi leo lên quả đồi, còn tên tù khổ sai thì lao nhanh theo sườn bên kia, nhảy qua những tảng đá với sự khéo léo của một con dê núi. Một phát đạn có thể làm hắn bị thương, nhưng tôi mang súng ngắn theo chỉ để phòng thân chứ không phải để bắn vào lưng một người không có vũ khí.

Chúng tôi cố sức đuổi theo. Hắn hiện lên hời lợt ở phía trước và cuối cùng chuyển thành một điểm nhỏ chuyển động trên sườn đồi. Khoảng cách giữa chúng tôi và hắn càng tăng thêm, chúng tôi hoàn toàn kiệt sức, ngồi trên những tảng đá, đưa mắt nhìn theo bóng hắn đang mất hút dần.

Chúng tôi quyết định không đuổi theo nữa. Mặt trăng ở bên phải chúng tôi, đỉnh cột đá hoa cương nổi rõ mờ mờ. Ngay trên cột đá này tôi nhìn thấy một hình người đứng bất động tựa như bức tượng bằng gỗ mun. Tôi nhìn thấy rất rõ đó là một người cao và gầy. Hắn đứng, chân hơi dang ra một chút, hai tay đặt lên ngực, đầu cúi xuống, hình như đang chiêm ngắm nhìn vương quốc của than bùn ở phía trước mặt. Đó không phải là tên tù khổ sai. Hắn ở cách xa nơi tên tù ẩn nấp, đồng thời hắn cao hơn. Tôi rú lên kinh ngạc, chỉ cho Nam tước xem, nhưng một loáng sau, người ấy mất hút. Đỉnh cột đá hoa cương nhọn hoắt vẫn như trước đây, nhưng hình người bất động trên đó thì không còn nữa.

Tôi quyết định đi tới đó, xem xét cột đá này, nhưng Nam tước không muốn phiêu lưu. Ngài chưa yên lòng sau tiếng rú kinh hoàng nhắc ngài nhớ tới truyền thuyết huyền ảo nọ. Hơn

nữa, chính ngài lại không nhận thấy điều gì, và không thể chia sẻ xúc động của tôi.

- Chắc có lẽ là lính canh. Từ khi có vụ vượt ngục, khu đầm lầy nhan nhản lính canh. - Ngài nói.

Có lẽ ngài nói đúng, Holmes thân mến ! Hôm nay chúng tôi đã biết được nơi ẩn nấp của tên tù vượt ngục. Nhưng tiếc là không tóm được hắn.

Các sự cố trong đêm gần đây là như thế. Holmes thân mến, anh cần phải thừa nhận đây là bản phúc trình hoàn toàn đầy đủ về sự cố này. Phần lớn các câu chuyện của tôi không có quan hệ nào tới vụ án, nhưng tôi coi việc thông báo tất cả những sự kiện trong các bức thư của mình là việc làm cần thiết. Hãy chọn lựa ở trong đó những gì có lợi cho anh. Chúng ta đã có những thành công nào đấy. Tuy nhiên, bí mật của khu đầm lầy than bùn vẫn còn nguyên. Có thể trong lá thư tiếp theo, tôi sẽ ít nhiều phanh phui được tấm màn che trên đó. Tốt hơn cả là anh hãy thân hành đến đây !

10. NHỮNG ĐOẠN TRÍCH TỪ NHẬT KÝ CỦA BÁC SĨ WATSON

Lâu đài Baskerville, 16 tháng 10.

Ngày âm dầm, mưa lất phất. Những đám mây đen trôi rất thấp trên lâu đài Baskerville, đôi khi chúng tản ra, lúc ấy xuyên qua luồng ánh sáng phía xa nổi lên khoảng rộng của vùng đầm lầy than bùn, trên đó những sườn núi và những tảng đá ẩm ướt lấp lánh ánh bạc. Những ngôi nhà dưới bầu trời hé mở chỉ phủ lên một vẻ sẫm thâm ở khắp mọi nơi. Sau cơn thử thách đêm qua, thần kinh của Nam tước như chùn lại. Linh cảm về một tai họa không tránh khỏi day dứt tôi.

Phải chăng không có cơ sở để lo ngại? Chỉ cần nhớ tới chuỗi sự kiện chứng tỏ sự tồn tại của những lực lượng hắc ám đang vây bọc chúng tôi. Cái chết của Charles hoàn toàn phù hợp với truyền thuyết về gia đình ông, những lời đồn đại giữa các điền chủ về một con quái vật xuất hiện trên khu đầm lầy. Chính tai tôi đã hai lần nghe những âm thanh giống tiếng chó sủa. Chẳng lẽ tất cả điều đó lại nằm ngoài quy luật của tự nhiên hay sao? Con chó hư ảo để lại dấu vết trên mặt đất chính là con chó rống to lên đó chăng? Không, điều đó thật quá quái ! Xép-tôn và Móc-ti có thể ngã theo tâm trạng chúng, thế nhưng một trí óc lạnh mạnh thì không khi nào tin vào những điều mê tín.

Tuy vậy, sự thực vẫn là sự thực : Tôi đã hai lần có dịp nghe tiếng rống này. Nếu thực sự có một con chó khổng lồ nào đó chạy khắp khu đầm lầy thì sao? Khi đấy tất cả sẽ trở nên dễ hiểu ! Nhưng nó ẩn náu ở đâu, nó ăn gì, nó từ đâu sinh ra, tại sao không một ai nhìn thấy nó ban ngày? Tuy nhiên, nếu gác chuyện con chó qua một bên, thì phải giải thích ra sao về những sự kiện đã xảy ra ở Luân Đôn? Con người bí ẩn trên xe mui, bức thư mà tác giả của nó van nài ngài Henry đừng đi vào khu đầm lầy. Người này còn ở lại Luân Đôn hay đã theo chúng tôi về đây? Phải chăng... Phải chăng tôi đã trông thấy hắn trên đỉnh cột đá hoa cương?

Thật ra hắn chỉ mới loáng thoáng hiện ra trước mắt tôi, nhưng tôi đã nhớ lấy một nét gì đấy. Hắn không phải là dân địa phương. Giờ đây, tôi đã biết tất cả dáng giềng của ngài Henry. Hắn cao hơn Xép-tôn và gầy hơn Phờ-răn. Có thể lẫn hắn với Mô-rơ, song Mô-rơ đang ở lại nhà. Mô-rơ không thể lẫn đằng sau chúng tôi đến mức không thể nhận thấy được. Bởi vì, ở đây cũng như ở Luân Đôn có một kẻ lạ mặt nào đó theo dõi chúng tôi. Nếu như tôi thành công trong việc săn lùng con người này thì mọi nỗi băn khoăn của chúng tôi sẽ

được giải quyết. Đây là mục tiêu của tôi, và tôi sẽ huy động tất cả sức lực của mình để đạt được mục tiêu này.

Ý định trước tiên của tôi là cần trao đổi các kế hoạch của mình với ngài Henry. Nhưng, sau khi suy nghĩ kỹ, tôi quyết định tiến hành độc lập trò chơi này và càng nói ít hơn về nó. Nam tước im lặng và mãi mê với ý nghĩ của mình. Tiếng rống chúng tôi nghe thấy trên khu đầm lầy tác động tới ngài rất mạnh. Tôi quyết định không làm tăng thêm nỗi lo ngại của ngài, nhưng tôi sẽ không rời vũ khí, sẽ hứng chịu mọi trách nhiệm khi hành động. Hôm nay, sau bữa sáng, Mô-rơ yêu cầu ngài Henry cho phép được nói chuyện với ông ta và họ lui đến phòng làm việc. Tôi ngồi ở phòng chơi bi-da, nghe giọng nói cao hơn lúc bình thường của họ. Lát sau cửa phòng làm việc mở ra, Nam tước gọi tôi đến, nói :

- Mô-rơ trách chúng ta đã truy nã em vợ của ông sau khi chính ông ta cho chúng ta biết điều bí mật.

Mô-rơ đứng tái mặt, nhưng vẫn giữ được bình tĩnh.

- Có lẽ tôi quá nóng nảy, thưa ngài, xin hãy thứ lỗi cho tôi. Nhưng tôi vô cùng kinh ngạc khi nghe tiếng những bước chân của các ngài vào lúc rạng sáng, tôi hiểu rằng các ngài muốn lùng bắt San-đen. Cậu ấy đã có quá đủ kẻ thù rồi !

- “Nếu ông tự nguyện phát giác San-đen thì đây là chuyện khác”. Nam tước nói. “Nhưng đằng này, chính vợ ông thú nhận do sức ép của chúng tôi. Ông chẳng phải áy náy một chút gì ở trong lòng cả”.

- Tôi đã không nghĩ là ngài sẽ lợi dụng cơ hội. Thật tình, tôi đã chẳng nghĩ như vậy.

- San-đen nguy hiểm cho xã hội. Hắn không chịu dừng chân trước bất kỳ việc gì cả. Ông nên nhớ là nhà cửa ở đây thưa thớt. Hãy nghĩ tới gia đình Xép-tôn chẳng hạn. Trong trường hợp bị tiến công, ông ấy làm sao mà tự vệ được. Không, chừng nào con người này còn chưa bị khóa chân khoá tay thì chúng ta chưa thể cảm thấy an toàn.

- Không, thưa ngài !

- Vậy thì sao?

- Tôi biết tại sao ngài đứng cạnh cửa hàng rào vào thời gian muộn màng như thế. Ngài có hẹn gặp một người đàn bà?

- Hẹn gặp một người đàn bà? Ngài Charles có hẹn gặp một người đàn bà?

- Vâng, thưa ngài !

- Người đàn bà ấy là ai vậy?

- Tôi chỉ biết tên bà ta bắt đầu bằng hai chữ "L. L."

- Do đâu ông biết được điều này, Mô-rơ?

- Vào sáng hôm đó, bác ngài có nhận thư. Thường có rất nhiều thư chuyển đến. Nhưng sáng hôm ấy chỉ có một lá thư chuyển đến nên tôi nhớ rõ. Nét chữ trên phong bì là nét chữ đàn bà, trên dấu bưu điện có hàng chữ *Coombe Tracy*.

- Rồi sao nữa?

- Tôi sẽ quên hẳn lá thư này nếu không có vợ tôi. Vài tuần sau đó, cô ấy có lên dọn dẹp phòng làm việc của ngài Charles. Đó là lần đầu tiên chúng tôi lên đấy sau khi ngài qua đời. Vợ tôi tìm thấy trong góc sâu của lò sưởi một mảnh giấy nhỏ. Phần lớn mảnh giấy đã thành tro, nhưng còn một mẩu nhỏ-phần cuối cùng thì nguyên vẹn. Có lẽ đấy là đoạn tái bút, chúng tôi đọc thấy thế này : "*Cầu mong ngài xử sự như một bậc quân tử, hãy đốt lá thư này và hãy ở cạnh cửa hàng rào vào lúc 10 giờ tối*". Phía dưới có hai chữ cái "L.L."

- Ông còn giữ mảnh giấy đó không?

- Không, nó nát vụn trong tay tôi.

- Trước đây, ngài Charles có nhận được lá thư nào được viết bằng nét chữ ấy không?

- Tôi không biết.

- Ông không biết người đàn bà "L.L." hay sao ?

- San-đen không đụng tới một ai đâu, thưa ngài, xin thề với ngài đấy ! Cậu ấy giờ đây không đáng sợ đối với dân địa phương nữa. Chỉ vài ngày nữa là mọi chuyện sẽ được giải quyết ổn thỏa, cậu ấy sẽ đến Nam Mỹ. Tôi van ngài, xin đừng báo cho cảnh sát. Họ sẽ ngưng việc tìm kiếm và cậu ấy có thể yên lòng chờ tàu thủy. Nếu ngài tố giác, tôi và vợ tôi không tránh khỏi tai họa đâu.

- Watson, ông nghĩ sao?

Tôi nhún vai :

- Nếu con người này đi khỏi nước Anh thì những người dân thường sẽ sống thoải mái hơn.

- Đột nhiên hắn gây ra một tai họa nào đó trước khi đi thì sao?

- Không thể thế được, thưa ngài ! Cậu ấy quả không phải là thằng điên ! Tội ác mới sẽ làm lộ tẩy cậu ấy.

- “Đúng vậy”, ngài Henry nói. “Được rồi, Mô-rơ”.

- Xin chúa phù hộ ngài ! Nếu cậu ấy bị bắt lại thì vợ tôi sẽ chết mất !

- Watson này, chúng ta đang che chở một tội phạm. Nhưng nghe Mô-rơ van nài, tôi không thể làm khác được. Ông có thể đi được rồi, Mô-rơ !

Với giọng run run, viên quản lý lúng búng nói một vài lời cảm ơn và đi ra, nhưng khi đến ngưỡng cửa, ông ta đột nhiên ngừng lại :

- “Ngài đã đối xử với tôi tốt đến mức tôi muốn trả ơn ngài bằng cách nào đây”. Ông ta bắt đầu không được quả quyết lắm. “Tôi có biết một điều nào đó, ngài Henry. Đáng lẽ tôi phải nói sớm hơn, nhưng tôi chỉ khám phá ra sau cuộc điều tra... Tôi chưa hề nói chuyện với ai về chuyện đó... Về cái chết của ngài Charles ấy”.

Tôi và Nam tước cùng nhồm phất dậy :

- Ông có biết lý do ngài Charles chết?

- Không, thưa ngài. Nhưng tôi cho rằng giá chúng ta tìm được người đàn bà này, chúng ta sẽ biết các chi tiết liên quan tới cái chết của ngài Charles.

- Tôi quả thật không hiểu nổi ông, ông Mô-rơ ạ ! Vì sao ông giấu những tin tức quan trọng như thế cho đến bây giờ?

- Ngài có biết không, thưa ngài, sau đó một nỗi bất hạnh đã giáng xuống chính chúng tôi. Ngoài ra, tôi và vợ tôi không quên những ân huệ của ngài Charles. Chúng tôi nghĩ bởi lại chuyện cũ mà làm gì? Nó sẽ không giúp ích gì cho ông chủ bất hạnh của chúng tôi.

- Được, Mô-rơ, ông có thể đi được rồi.

Lúc viên quản lý đi khỏi, ngài Henry quay lại chỗ tôi.

- Đây, Watson, ông nghĩ sao về tia sáng mới mẻ này?

- Theo tôi, nó làm cho bóng tối càng tối hơn.

- Vâng, đúng vậy, nhưng nếu lần ra được cái người đàn bà "L.L." ấy thì mọi chuyện sẽ được sáng tỏ đấy. Chỉ cần tìm được người đàn bà ấy, nhưng bằng cách nào đây?

- Cho Holmes biết. Có lẽ đây là một chỉ dẫn mà anh ấy còn thiếu. Tôi tin rằng anh ấy sẽ đến đây.

Tôi lui về phòng làm việc, viết gửi Holmes bản phúc trình chi tiết về các sự kiện sáng nay.

17 tháng 8

Hôm nay mưa suốt ngày. Những giọt mưa nặng nề xào xạc trong đám trường xuân. Tôi nhớ tới tên tù khổ sai đang lẩn lút trong vùng sâu của khu đầm lầy buồn bã và trống trải. Một kẻ đáng thương ! Dù hắn đã gây ra những tội ác gì thì hắn cũng đang chịu thống khổ để chuộc tội. Và sau đấy, tôi nhớ tới một người, một người khác ... Bộ mặt thấp thoáng trong ô cửa sổ xe mui, thân hình mờ ám. Chẳng lẽ, kẻ bí mật theo dõi khó nhận ra ấy, kẻ tiếp tay cho bóng đêm ấy lúc này cũng đang đi lang thang dưới trời mưa tầm tã.

Buổi chiều, tôi khoác áo mưa, đi vào vùng sâu của khu đầm lầy, trong óc luôn hiện lên bức tranh đen tối. Mưa tạt vào mặt, gió rít bên tai. Vào thời tiết như thế này, đến ngay những quả đồi nhỏ ở đây cũng biến thành bãi lầy đặc sệt. Tôi tìm cột đá được xếp thành những bậc không đều nhau, trên đó có người đứng đưa mắt nhìn xuống khu đầm lầy. Những dòng nước mưa chảy xiết đổ xuống các chỗ thấp màu nâu, và xuyên qua những đám mây nặng xám đen bay là là mặt đất, và xuyên qua những đám mây hình những ngôi nhà kỳ quái hiện ra. Xa xa, từ phía tay phải tôi, những chiếc tháp hẹp mờ mờ của lâu đài Baskerville nổi lên phía trên cây cối. Không ở đâu còn dấu vết nhỏ nhất của người lạ mà tôi đã trông thấy hai đêm trước đây trên chính cột đá nọ.

Trên đường tôi quay trở lại, bác sĩ Móc-ti đi trên chiếc xe tải nhỏ từ hướng trang trại Foulmire đã đuổi kịp tôi. Vào thời gian này, bác sĩ rất quan tâm đến chúng tôi. Hầu như không ngày nào là ông không tạt qua lâu đài Baskerville thăm hỏi xem chúng tôi sống ra sao. Bác sĩ mời tôi lên xe và đưa tôi về nhà. Ông rất buồn vì con chó săn đã bị thất lạc. Nó chạy vào khu đầm lầy và không trở về nữa. Tôi an ủi bác sĩ, còn chính mình thì nhớ lại con ngựa sa lầy ở vùng đầm lầy và cho rằng chưa chắc ông còn có dịp gặp lại con chó.

- "Nhân tiện xin hỏi thêm". Tôi nói. "Có lẽ ông biết hết những người ở trong khu vực này chứ?"

- Tôi nghĩ mình biết tất cả.

- Vậy chắc ông biết tên và họ của người đàn bà có các chữ cái đầu là "L.L."?

- "Không. Có một số người Di-gan và những người làm việc ở các trang trại mà tôi không biết rõ, nhưng trong số những điền chủ và những nhà quý tộc nhỏ thì hình như không có ai có tên và họ khởi đầu bằng chữ đó. Hượm đã !" Sau khi

ngừng lời, ông thêm. "Cô Laura Lyons nào đó, đấy là "L.L" của ông chàng. Thế nhưng bà ta sống ở tận Coombe Tracy kia".

- Là ai vậy? - Tôi hỏi.

- Con gái của ông Phờ-răn.

- Ôi ! Con gái của lão gàn dở ấy à?

- Phải. Bà ta lấy một họa sĩ, có họ là Lyons. Hắn là một tên vô lại và đã bỏ rơi bà ta. Người cha cũng không thừa nhận bà, bởi vì bà đi lấy chồng không được sự chấp thuận của cha và có thể không chỉ bởi lý do đó đâu. Tóm lại, đấy là hai kẻ vô công rồi nghề - một già một trẻ - ra sức đẩy dọa người đàn bà bất hạnh bằng tất cả những gì có thể làm được.

- Vậy bà ta sống bằng cách nào?

- Ông già Phờ-răn cũng cho bà ta một cái gì đó, lẽ tất nhiên không nhiều. Những cái gọi là tội lỗi của bà chỉ là vậy thôi, chớ nên làm cho bà ấy bị đẩy xuống thấp hơn mà làm gì. Chuyện này mọi người ở đây đều biết. Những láng giềng, ngay cả Xép-tôn và ngài Charles cũng đã giúp bà, tạo điều kiện cho bà sống một cách lương thiện. Tôi cũng đã quỳn góp một cái gì đó. Chúng tôi muốn bà ta tập đánh máy.

Anh Holmes thân mến.

Sáng mai tôi sẽ đi Coombe Tracy, và nếu tôi gặp được người đàn bà có cái tên ấy, thì chúng tôi sẽ tiến được một bước đáng kể.

Nhân thế nói thêm, kẻ phục vụ ngoan ngoán của anh, dân dả đã biến thành con yêu quái mất rồi. Lúc Móc-ti mới gạn hỏi vì sao tôi quan tâm tới bà "L.L" thì tôi đã chuyển sang hỏi ông ta xem xương sọ của Phờ-răn thuộc kiểu nào và thế là tôi đã cứu vãn được tình thế. Sau đó trên đoạn đường còn lại, tôi chỉ còn nghe giảng về môn khoa học nghiên cứu sọ người và động vật.

Để kết thúc lá thư này, tôi xin nhắc lại cuộc trò chuyện với Mô-rơ.

Móc-ti ở lại chỗ chúng tôi, và sau bữa trưa, họ cùng với Nam tước tổ chức chơi bài. Viên quản lý đem cà phê vào phòng làm việc cho tôi, và tôi đã yêu cầu ông ta trả lời một vài câu hỏi.

- Này Mô-rơ, em vợ ông đã đi khỏi khu đầm lầy chưa?

- Tôi không biết, thưa ngài. Mong sao cậu ấy mau chóng rời khỏi đây ! Từ lúc tôi mang thức ăn cho chú ấy lần cuối cùng cách đây ba ngày, tôi không biết điều gì về chú ấy nữa.

- Vậy là ông gặp anh ta?

- Không, thưa ngài. Nhưng hôm sau tôi không thấy thức ăn ở đó nữa.

- Một khi thức ăn không còn, nghĩa là anh ta vẫn còn ở đấy.

- Hình như thế, thưa ngài, nếu không có một người nào khác đã lấy thức ăn.

Tôi đang bung cà phê định uống thì ngừng lại giữa chừng. Tôi nhìn thẳng vào Mô-rơ.

- Ông biết là ở đấy có một người à?

- Vâng, thưa ngài, trên đầm lầy còn có một người khác đang lẩn trốn.

- Ông thấy người ấy ra sao?

- Không, thưa ngài.

- Vậy làm sao ông biết?

- San-đen nói cho tôi biết mười ngày trước đây. Hắn cũng trốn tránh, nhưng theo tôi, con người này không phải là tù khổ sai. Tôi không ưa chuyện đó, bác sĩ Watson ạ, tôi không ưa chuyện đó chút nào !

- Ông bạn của tôi ! Ở đây tôi hành động chỉ theo những yêu cầu của chủ ông. Tôi đến đây là để giúp ngài. Vậy, Mô-rơ, ông hãy nói thẳng ra cho tôi biết : Cái gì khiến ông không ưa thích vậy?

- "Tất cả những gì đang diễn ra ở đây".

Cuối cùng ông ta thốt lên sau khi chỉ vào ô cửa sổ quay ra khu đầm lầy. Người ta đang toan tính một việc làm mờ ám.

- Giờ đây tôi chỉ muốn nói một điều : Ngài Henry sẽ mau chóng đi ngay, đi tới Luân Đôn.

- Cái gì khiến ông lo lắng quá?

- Ông hãy nhớ tới cái chết của ngài Charles ! Ban đêm hãy lắng nghe những gì đang xảy ra ở khu đầm lầy. Con người này lẩn lút ở đây và theo dõi một người nào đó, ai vậy? Không, điều đó sẽ không tốt đẹp cho tất cả những ai có cái tên Baskerville. Tôi sẽ rất sung sướng vào cái ngày những người phục vụ mới của ngài Henry đến thay chỗ tôi.

- Hãy kể cho tôi biết về con người ấy đi ! Ông biết gì về hắn ta? San-đen nói gì vậy? Anh ta biết hắn ẩn nấp ở đâu và để làm gì chứ?

- San-đen gặp hắn hai lần, nhưng hắn thận trọng và tinh quái. Ban đêm, San-đen làm hắn với cảnh sát, rồi sau đấy chú ấy dám chắc rằng hắn không phải như vậy. Nhìn bề ngoài, hắn có vẻ một người thành thị, nhưng cậu ta không đoán ra hắn làm gì.

- Hắn ẩn nấp ở đâu?

- Trong những hang động cổ xưa trên các triền núi.

- Nhưng hắn sống bằng cách nào?

- Có một chú bé nào thường đi đến chỗ hắn. Cậu ta mang theo đồ ăn và những thứ khác từ Coombe Tracy tới.

- Thôi được, Mơ- rơ, vào lúc khác chúng ta sẽ nói chuyện thêm về điều đó.

Lúc viên quản lý ra khỏi phòng , tôi dừng lại cạnh cửa sổ, xuyên qua tấm kính mờ, tôi đưa mắt nhìn những đám mây đang trôi nhanh trên bầu trời và những lùm cây đang bị gió quật mạnh. Vào thời tiết này, ngay ở trong nhà còn thiếu tiện nghi, nói gì đến trong hang đá ở khu đầm lầy ! Lòng oán thù

sỏi sục nào đã khiến hấn mai phục ở một nơi như thế vào thời điểm như vậy ! Cái gì đã thúc đẩy con người ấy lao vào cơn thử thách cực kỳ gian khổ này !

11. NGƯỜI ĐỨNG TRÊN CỘT ĐÁ HOA CƯƠNG

Vào tối hôm đó, tôi không kể được cho Nam tước nghe về bà Laura, vì bác sĩ Móc-ti ngồi chơi bài với ngài đến tận khuya. Nhưng vào ngày hôm sau, trong lúc ăn sáng, tôi đã thông báo với ngài về sự khám phá của mình và mời ngài đi Coombe Tracy cùng với tôi. Ban đầu ngài đồng ý nhưng sau đó ngài cho rằng tôi nên đi một mình. Cuộc viếng thăm này càng chính thức bao nhiêu thì tin tức thu được càng ít đi bấy nhiêu.

Khi đến gần Coombe Tracy, tôi bảo dừng ngựa, đi dò hỏi về người đàn bà. Việc tìm kiếm không khó khăn lắm. Ngôi nhà nằm ở ngay giữa làng. Không cần lễ nghi thủ tục gì cả, người gia nhân dẫn tôi vào phòng khách, nơi có một người đàn bà đang ngồi sau máy chữ. Với nụ cười, bà ta đứng dậy đón tôi, nhưng khi nhận ra tôi là người lạ, bà lại ngồi xuống ghế, hỏi về mục đích cuộc viếng thăm.

Ngay từ phút đầu tiên, sắc đẹp của bà đã làm tôi kinh ngạc. Cặp mắt nâu sáng, tóc màu hạt dẻ, nước da mịn màng ửng đỏ trên đôi má điểm nhiều tàn hương. Đó là nước da tuyệt đẹp của hoá hồng bạch ẩn dấu trong trái tim. Tôi xin nhắc lại,

ấn tượng ban đầu là rất mạnh mẽ. Tuy nhiên, sau khi nhìn kỹ, tôi cảm thấy dung nhan bà có sự thiếu hài hoà. Trên khuôn mặt ấy có cái gì đó thô thiển, cứng rắn. - Tôi đã có hân hạnh được quen biết cụ thân sinh ra bà. - Tôi nói.

- Tôi không còn gì liên quan đến cha tôi nữa. Tôi đã cắt đứt mọi quan hệ với ông ấy và tôi không thể coi bạn của ông ấy là bạn của mình được. Nếu không có ngài Charles và một vài người từ tâm khác thì tôi đã chết đói rồi.

- Tôi muốn nói chuyện về ngài Chrles.

Những nốt tàn nhang hiện rõ trên khuôn mặt tái nhợt của bà.

- Có chuyện gì khiến ngài quan tâm vậy? - Bà ta hỏi, những ngón tay xúc động chạm vào các núm máy chữ.

- Bà quen biết ngài chứ?

- Nếu tôi còn có thể xoay trở mà sống được, đó là nhờ có ngài ấy.

- Bà đã trao đổi thư từ với ngài phải không?

Người đàn bà nhìn tôi rất nhanh và trong đôi mắt bùng lên một tia lửa độc ác.

- Hãy cho tôi biết mục đích của những câu hỏi này.

- Để tránh một vụ tai tiếng không hay. Nào, chúng ta cùng bàn chuyện ở đây, nếu không thì sẽ đến lúc điều đó nằm ngoài khả năng kiểm soát của chúng ta.

Người đàn bà càng tái nhợt hơn. Bà im lặng hồi lâu. Sau đấy bà nhìn tôi và nói, giọng thách thức.

- Được, ông muốn biết gì nào?

- Bà đã trao đổi thư từ với ngài Charles?

- Vâng, tôi đã hai lần viết thư cảm ơn ngài.

- Bà còn nhớ ngày tháng của các lá thư ấy không?

- Không.

- Bà ít khi trao đổi thư từ với ngài, ít khi gặp gỡ ngài. Tuy nhiên ngài lại rất quan tâm tới công việc của bà. Điều ấy giải thích thế nào?

Không cần phải suy nghĩ, bà ta trả lời ngay câu hỏi hóc búa của tôi :

- Có nhiều người biết quá khứ đau buồn của tôi, và giúp đỡ tôi. Một người trong số họ là ông Xép-tôn : ngài Charles đã quen tôi là nhờ có ông Xép-tôn giới thiệu.

- Trong các lá thư gửi cho ngài Charles, bà có hẹn gặp riêng ngài không?

Bà tức giận đỏ mặt :

- Tôi coi câu hỏi như thế là không thích hợp, thưa ông !

- Hãy thứ lỗi cho tôi, thưa bà, nhưng tôi phải buộc lòng nhắc lại câu hỏi đó.

- Được, tôi sẽ trả lời. Tất nhiên, không !

- Ngay cả vào cái ngày mà ngài Charles qua đời cũng thế?

Trong khoảnh khắc, nước da đỏ ửng trên má bà dịu hẳn đi. Nét mặt quay về phía tôi phủ một vẻ nhợt nhạt. Cặp môi khô lại run run và tôi đã thấy trước là một tiếng “không” nữa sẽ được thốt ra.

- Trí nhớ đã bội bạc với bà thì phải. Tôi có thể trích một câu từ bức thư của bà. Ở đấy viết thế này : *“Cầu mong ngài xử sự như một bậc quân tử, hãy đốt lá thư này, và hãy ở cạnh cửa hàng rào lúc 10 giờ tối”*.

Tôi ngỡ rằng chỉ một giây sau là bà Laurau sẽ ngắt xiu đi, thế nhưng bà đã tự kiềm chế được mình.

- Nghĩa là trên đời này không hề có người đàn ông chân chính !

- Bà thật không công minh với ngài Charles. Ngài đã thực hiện đúng yêu cầu của bà. Nhưng có người đã đọc lá thư bị cháy. Bây giờ bà hãy thú nhận đi. Bà đã viết thư cho ngài ngày hôm ấy phải không?

- "Vâng, tôi viết. Tôi làm gì phải chối !" Bà thốt lên những lời tâm huyết. "Tôi không hề hổ thẹn vì lá thư này. Tôi yêu cầu được nói chuyện với ngài và tin rằng ngài sẽ không từ chối việc giúp đỡ tôi".

- Nhưng tại sao lại vào một giờ khuya khoắt như vậy?

- Tôi vừa biết là hôm sau ngài sẽ đi Luân Đôn, có lẽ phải tới vài tháng. Tôi không thể đi tới đây sớm hơn.

- Tại sao bà hẹn gặp ngài ở ngoài trời, mà không ở trong nhà?

- Theo ông, người đàn bà có thể xuất hiện một mình ở nhà một người chưa có gia đình vào lúc muộn màng như thế hay sao?

- Thôi được. Chuyện gì đã xảy ra lúc bà đi đến chỗ hẹn?

- Tôi đã không đi tới đó.

- Bà Laura !

- Xin thề với ông, tất cả chuyện ấy là thiêng liêng đối với tôi, tôi đã không đi đâu cả. Tôi đã bị ngăn cản.

- Cái gì cản trở bà?

- Đây là việc riêng của tôi, tôi không thể nói được.

- Như vậy, đúng vào lúc ngài chết, bà không có mặt tại điểm hẹn?

- Sự thật là thế !

Tất cả những mưu chước của tôi không dẫn tới đâu cả, bà ta vẫn đứng nguyên ở vị trí của mình.

- Bà Laura, bà không muốn nói thật và bởi thế bà sẽ chịu trách nhiệm về điều đó. Nếu tôi nhờ cảnh sát thì thanh danh của bà sẽ bị tổn hại. Giả sử là bà không có lỗi làm gì cả, vậy thì tại sao ngay từ lúc đầu bà không chịu nhận đã gửi thư cho ngài Charles vào ngày ngài qua đời?

- Tôi e rằng người ta sẽ hiểu lầm và tôi sẽ gặp những chuyện chẳng dễ chịu gì.

- Vì sao bà khẩn khoản yêu cầu ngài Charles hủy bức thư?

- Nếu đọc lá thư thì ông đã rõ vì sao rồi.

- Tôi không nói là tôi đã đọc lá thư. Ông đã nhớ trọn vẹn một câu kia mà.

- Chỉ là phần tái bút thôi. Tôi đã nói với bà là lá thư đã bị đốt, không ai đọc được toàn bộ lá thư. Xin nhắc lại câu hỏi của tôi một lần nữa :

Vì lẽ gì mà bà đã khẩn khoản yêu cầu ngài Charles hủy lá thư ?

- Điều đó chỉ có liên quan đến tôi thôi.

- Vậy thì bà cần phòng ngừa cuộc điều tra công khai đấy.

- Được, tôi sẽ kể cho ông nghe tất cả. Ông đã biết rằng tôi lấy chồng một cách hấp tấp và tôi đã phải luyến tiếc về điều đó.

- Vâng, tôi đã biết điều đó.

- Tôi muốn chia tay với người đàn ông độc ác đó. Nhưng hẳn cứ ép buộc tôi phải sống chung. Trước khi viết thư cho ngài Charles, tôi biết rằng tôi có thể được tự do, nhưng phải có tiền... Biết rõ tấm lòng hào hiệp của ngài Charles, tôi nghĩ : "Nếu nói cho ngài biết về nỗi cay đắng của mình, chắc ngài sẽ không từ chối".

- Vậy tại sao bà không đến nơi hẹn ?

- Bởi vì tôi đã nhận được sự giúp đỡ của người khác.

- Vậy cần phải viết thư nói rõ vì sao bà không thể đến được?

- Tôi đã làm như thế nếu tôi không đọc được bài báo viết về cái chết của ngài vào sáng hôm sau.

Câu chuyện hoàn toàn chặt chẽ, những câu hỏi của tôi không thể làm lay chuyển về hợp lý của nó. Chỉ có thể kiểm tra tất cả điều này bằng một cách : làm sao biết được bà Laura

có thật sự định lý dị với chồng vào thời gian xảy ra vụ án mạng hay không.

Tôi từ biệt bà, rời trí và chán chường. Tuy nhiên khi nhớ lại khuôn mặt của người phụ nữ, cách cư xử của bà vào thời gian nói chuyện, tôi càng ngày càng tin rằng bà còn giấu nhiều điều. Tại sao bà đột nhiên tái xanh như thế? Tại sao bà buộc phải thú nhận từng điều chỉ sau khi bị bắt bẻ? Tại sao bà không đến nơi hẹn vào lúc tấn bi kịch xảy ra? Chắc nguyên do của mọi chuyện đó không đơn giản. Quá không thể làm gì thêm ở đây nữa ! Buộc phải lần theo những dấu vết khác đưa tới các hang đá trên khu đầm lầy vầy.

Mô-rơ nói rằng người lạ ẩn náu tại một trong những hang động bỏ hoang, nhưng ở đây có vô số hang động. May mắn là tôi đã nhìn thấy con người ấy trên đỉnh cột đá hoa cương. Như vậy, cần bắt đầu tìm kiếm ở đây. Tôi sẽ khám xét từng hang động ở chỗ đó, tôi sẽ buộc hẳn phải tự xưng danh, phải thú nhận là tại sao hẳn lại đeo đẳng việc theo dõi chúng tôi. Nếu cần, tôi sẽ phải dùng súng. Hẳn đã thoát khỏi tay Holmes trên đường đồng người Regent; còn ở đây, trên khu đầm lầy trống không này, hẳn sẽ không làm nổi điều đó. Tôi sẽ rất hân hoan nếu truy lùng được hẳn và làm về vang cho ông thầy của tôi.

Biết bao lần sự may mắn đã chống lại chúng tôi, nhưng giờ đây nó đã quay lại giúp tôi dưới bộ cánh của ông Phờ-răn.

- "Chào bác sĩ Watson !" Ông Phờ-răn chào hỏi hết sức vui vẻ. "Hãy cho ngựa nghỉ ngơi chút đã ! Rẽ vào đây uống cạn chén, mừng tôi".

Sau khi biết mối quan hệ của ông Phờ-răn với cô con gái, tôi không thể có tình thân ái với ông. Tuy nhiên, vì tôi cần cho người đánh xe ngựa trở về nhà, để đi một mình nên tôi xuống ra khỏi xe ngựa, dặn người đánh xe ngựa báo cho ngài Henry biết là tôi sẽ trở về vào lúc ăn trưa, rồi theo Phờ-răn đến thẳng phòng ăn.

- "Hôm nay là một ngày trọng đại". Ông ta nói trong tiếng cười thích thú. "Tôi thắng hai vụ kiện liên. Bây giờ, bọn người ở đây sẽ hiểu rằng luật pháp là luật pháp, rằng tôi sẵn sàng giáng đòn trừng phạt xuống đầu những kẻ không biết điều. Tôi đã đạt được quyền tự do đi qua vườn của ông già Mit. Họ thật đáng nguyên rủa ! Họ hãy biết rằng không một ai được phép chà đạp lên những luật lệ hương thôn mà không bị trừng trị. Ngoài ra, tôi cũng đã rào con đường đi vào rừng, nơi bọn người của lão Phét thường đến cắm trại. Họ tưởng rằng họ có thể để lại những chai không và những mẩu giấy vụn ở đâu cũng được ! Hai vụ án đã kết thúc và cả hai đều có lợi cho tôi, thưa bác sĩ Watson. Từ lâu tôi chưa có một ngày sung sướng như thế kể từ khi tôi bắt ngài Mọt-lăng phải chịu trách nhiệm về việc săn bắn trái phép ngay trong rừng săn của ông ta.

- Ông đạt được điều đó bằng cách nào vậy?

- Ngài hỏi cái phòng lưu trữ của tòa án ấy, thưa ngài. Đáng công đọc lắm, thưa ngài ! "*Phờ-ran chống Mọt-lăng*". Vụ án sẽ lan tới Luân Đôn. Nó làm tôi tốn phí đến hai trăm bảng Anh, nhưng tôi đã thắng ông ta !

- Vụ này đem lại cho ông cái gì?

- Không có gì cả, hoàn toàn không có gì cả. Tôi chỉ thực hiện nghĩa vụ công dân của mình. Nhưng đêm nay dân làng sẽ lại đốt hình nộm của tôi, nhà chức trách ở địa phận chúng ta xử sự hoàn toàn đáng hổ hẹn, thưa ngài ! Tôi có quyền nhờ cậy vào sự bảo trợ của họ, thế mà họ đã không bảo vệ tôi ! Ngài hãy nhớ đấy, rồi đây vụ án "*Phờ-ran chống Nữ hoàng*" sẽ thu hút sự chú ý của xã hội cho mà coi. - Bằng cách nào vậy?

Ông già ném cho tôi một cái nhìn nhiều ý nghĩa :

- Vì tôi có thể cho họ biết một chuyện mà họ thêm khát muốn biết. Nhưng tôi sẽ không giúp những tên vô lại ấy.

Tôi nóng lòng tìm cứ nào để mau chóng thoát khỏi ông già ba hoa này, thế nhưng những lời nói sau cùng của ông ta đã khiến tôi lưu tâm. Vì vậy khi ông vừa ngừng lời, tôi đã hỏi với giọng dừng dừng :

- Có lẽ lại vụ săn bắn trái phép chứ gì?

- Ha ha ! Không, ông bạn của tôi ơi, đấy là một công việc cực kỳ nghiêm trọng. Nếu liên quan tới tên tù khổ sai vượt ngục kia !

Tôi giật thót mình :

- Ông biết chỗ hán ăn náu?

- Chỗ chính xác thì tôi không biết, nhưng tôi có thể đưa cảnh sát lần theo dấu vết của hán. Chẳng lẽ để lũng bắt hán, chúng ta không cần biết ai mang đồ ăn cho hán hay sao?

Ông già càng đến gần sự thật, tôi càng tỏ ra e dè :

- Vâng, đúng vậy. Nhưng làm sao ông biết được tên tù khổ sai vẫn còn lẩn lút ở trong đầm lầy?

- Thì chính mắt tôi đã trông thấy người mang đồ ăn kia mà.

Tim tôi thất lại khi nghĩ tới Mô-rơ. Nếu ông ta rơi vào tay lão già này thì tình thế của ông sẽ rất nguy nan.

- "Ngài hãy tưởng tượng xem, một thằng nhóc mang đồ ăn". Phờ-ran tiếp tục. "Hàng ngày tôi nhìn thấy hán qua ống viễn kính ở trên mái nhà tôi. Nó luôn luôn theo một con đường và vào thời gian nhất định. Nó đi gặp ai, nếu không phải là tên tù khổ sai !".

Tôi thở phào nhẹ nhõm, mừng cho Mô-rơ. Thế là cuối cùng cái may mắn đã đến.

Nghĩa là Phờ-ran đã lần ra dấu vết của một người trốn trong khu đầm lầy, nhưng đó không phải là người tù khổ sai. Nếu tôi có thể moi ở ông già tất cả những gì ông ta biết thì điều đó sẽ giúp tôi đỡ nhọc công và đỡ tốn thời giờ.

- Thế mà tôi cứ tưởng đấy là con trai của một người chân cừu nào ở đây.

Có lẽ chú ta mang đồ ăn cho cha mình.

Ông già hách dịch trợn mắt nhìn tôi :

- “Ngài tưởng thế à?”. Ông chỉ tay về phía khu đầm lầy, nói tiếp. “Ngài có nhìn thấy cột đá hoa cương kia không? Rồi quả đồi ở phía sau đó nữa? Đó là một nơi nhiều đá nhất trên cả khu đầm lầy, ở đấy thì làm gì có cừu? Giả thiết của ngài quả là không có cơ sở, thưa ngài”.

Tôi nhìn nhận là tôi không để ý tới điểm này. Phờ-răn thích chí, tiếp tục nói huyền thuyên :

- Thưa ngài, ngài có thể tin rằng không bao giờ tôi lại đưa ra những kết luận vội vàng cả. Đâu có phải là lần đầu tôi trông thấy chú bé. Mỗi ngày, cứ hai lần nó... Gượm đã, Watson !... Đây là ảo giác hay có một cái gì đang chuyển động trên sườn đồi thế kia?

Thật vậy, ở cách tới vài dặm có một điểm đen nhỏ trên sườn đồi.

- “Hãy lên đây, thưa ngài, hãy lên đây !”. Ông già vừa kêu vừa theo cầu thang leo lên trên. “Ngài sẽ tận mắt mình nhìn thấy nó”.

Trên mái nhà bằng phẳng có một kính viễn vọng cỡ lớn. Phờ-răn lao nhanh tới ống kính, la hét âm ỉ :

- Mau lên, bác sĩ Watson, mau lên ! Nó lẩn vào sau núi mất.

Quả vậy, một chú bé với tay nài sau vai đang chậm chạp theo sườn núi leo lên trên. Rồi chú lên đến đỉnh núi. Hình dáng của chú in lên trên khoảng trời xanh biếc. Chú bé lén lút đưa mắt nhìn khắp mọi hướng, rồi lẩn vào sau núi.

- Thế nào, tôi nói có đúng không?

- Đúng là một cậu bé đang làm một việc bí mật.

- Tôi thề sẽ không hé răng nói nửa lời cho cảnh sát biết, bác sĩ Watson ạ, ngài cũng phải im lặng. Ngài có hiểu không? Tuyệt đối im lặng !

- Tùy ý ông thôi.

- Họ coi thường tôi. Khi mọi tình tiết của vụ án "*Phở-rờn chống Nữ hoàng*" được phơi bày thì làn sóng công phẫn sẽ nổi lên trên khắp đất nước. Thế nào, đã đến lúc ngài cần đi rồi phải không? Lê nào ngài không nốc hết bình rượu để chào mừng sự kiện đáng vui này hay sao !

Tôi từ chối lời mời uống thêm rượu và cũng thuyết phục ông khỏi phải đưa tôi về. Khi ông ta còn có thể nhìn thấy tôi thì tôi đi theo đường lớn, nhưng sau đấy tôi rẽ thẳng tới quả núi nhiều đá, nơi chú bé lẩn vào đó.

Lúc tôi lên đến đỉnh núi thì mặt trời đã khuất. Những triền đồi thoai thoải một bên còn vàng óng, bên kia đã chìm trong bóng tối. Xa xa, ở phía chân trời, một đám sương mù bay là là và từ đó hiện ra hình dáng huyền ảo của thị trấn Belliver và Vixentor. Chung quanh vắng vẻ và yên tĩnh. Chỉ có con chim lớn màu xanh tựa như chim hải âu đang lượn lơ trên bầu trời xanh thẫm. Con chim và tôi, đấy là hai sinh vật duy nhất giữa vòm trời rộng lớn và vùng hoang vắng. Khoảng rộng bao la tràn trệ của **khư đăm** lầy, sự thiếu vắng con người, bí mật chưa được khám phá, tầm quan trọng của nhiệm vụ đặt ra cho tôi, tất cả đã làm buốt giá trái tim tôi. Không trông thấy chú bé ở đâu cả. Nhưng ở giữa các quả núi ngay phía dưới tôi, có những hang đá cổ sơ mà giữa vòng cung của chúng có một cái hang, vòm mái vẫn còn nguyên vẹn có thể che chở con người vào lúc thời tiết xấu. Tim tôi đập mạnh khi nhận ra cái hang này.

Tôi len lén đến gần cái hang đá vắng vẻ đó. Tôi đi đến gần hơn và tin rằng nơi đây có người ở. Một lối mòn hiện lên lơ mờ giữa tảng đá dẫn tới khe hở dùng làm lối ra vào. Bên

trong hoàn toàn im lặng. Con người bí ẩn này hoặc đã trốn tránh ở đây hoặc đang đi lang thang trên khu đầm lầy. Thần kinh tôi căng đến tột độ trong khi chờ cuộc đụng độ. Tôi quảng điếu thuốc đi, tay nắm chắc chuôi súng lục, tiến nhanh tới lối ra vào, rồi nhìn vào bên trong : hang đá trống không.

Trên chiếc giường đá của người thời đại đồ đá có cái mền được bọc trong áo mưa. Trong bếp lò là một đồng tro, cạnh đó có nồi niêu và một chiếc thùng còn đến một nửa nước. Đồng vỏ đồ hộp rỗng không, chứng tỏ người ta sinh sống ở đây không phải ngày đầu tiên. Và khi mắt đã quen với cảnh tranh tối tranh sáng, tôi nhìn thấy ở trong góc chiếc ca sắt và một chai rượu nặng. Ở giữa là phiến đá bằng phẳng dùng làm bàn, trên bàn có chiếc tay nải nhỏ. Trong tay nải có bánh mì và nước trái cây. Sau khi xem xét tất cả những thứ ấy, tôi có ý đặt tay nải trở lại chỗ cũ, đột nhiên trái tim tôi thất lại. Trên phiến đá có một mảnh giấy viết những hàng chữ gì đó. Tôi cầm lấy tờ giấy, và sau khi phân biệt rất khó nhọc những nét chữ viết ngoáy bằng bút chì, tôi đã đọc được những từ này :

"Bác sĩ Watson đã đi đến Coombe Tracy"

Đứng bất động với mẩu giấy trong tay, tôi suy ngẫm về ý nghĩa của lá thư ngắn này. Kẻ lạ mặt không phải đang săn đuổi ngài Henry mà đang săn đuổi tôi chăng? Không phải chỉ một mình hấn theo dõi tôi, mà hấn và một người khác, có lẽ là chú bé này. Và đây chính là bản báo cáo mới nhất của người ấy? Có lẽ từng bước đi của tôi đều bị theo dõi từ lúc tôi sống ở đây? Vậy mà trong suốt thời gian ấy, tôi không hề có cảm giác rằng ở đây có những lực lượng đang hoạt động, rằng những lực lượng đó đã giăng những tấm lưới tinh vi nhất mà mãi tới bây giờ tôi mới cảm thấy sự rung động mỏng mảnh của tấm lưới ấy !

Tôi đưa mắt nhìn khắp mọi phía nhưng không tìm thấy cái gì thêm nữa. Tôi không tìm được những dấu vết qua đó có thể phán đoán về hắn, về những ý định của hắn. Chỉ có thể nói như sau về hắn : *Hắn hình như là một kẻ khở hạnh, hắn không coi các tiện nghi sinh hoạt có ý nghĩa gì đáng kể. Nhớ lại những trận mưa vào những ngày gần đây, nhìn khe đá toang hoác ở cửa ra vào của hang đá, tôi hiểu rằng hắn đã bị cuốn hút vào công việc của mình thật ghê gớm. Hắn là ai vậy? Tôi thề là sẽ không rời khỏi hang đá khi chưa tìm hiểu tất cả chuyện đó đến nơi đến chốn.*

Mặt trời đã lặn, bầu trời ở phía tây đỏ rực, ánh hoàng hôn trải ra trên mặt nước phía xa của vùng đầm lầy những vệt đỏ sẫm. Xa xa nổi lên những chiếc tháp của lâu đài. Cách xa những chiếc tháp này là một làn khói nhẹ bay lơ lửng trên mái nhà Grimpen. Giữa mái nhà đó và lâu đài Baskerville, phía sau quả đồi, là ngôi nhà của anh em Xép-tôn. Buổi chiều đem lại cho tất cả cảnh vật vẻ êm ả thanh bình. Nhưng tôi lại không tin vào sự êm ả trải lên khắp thiên nhiên ấy. Tôi lo ngại về sự bất ngờ khủng khiếp đang đến gần từng giây. Thần kinh tôi căng thẳng, nhưng tôi ngồi trong hang tối với vẻ hoàn toàn quả quyết, kiên trì chờ đợi kẻ trú ngụ trong hang.

Và cuối cùng, tôi nghe hắn tới. Gót giày hắn đạp phải đá. Một lần... Lại lần nữa... Tiếng những bước chân càng gần hơn, gần hơn nữa... Tôi lùi nhanh vào góc tối nhất, lên cò súng ngắn. Bên ngoài, tất cả đều im ắng, dường như hắn đã dừng lại. Rồi tiếng những bước chân lại nổi lên, và bóng của ai đó che khuất cửa hang. Bỗng có một giọng nói rất quen thuộc vang lên :

- "*Một buổi chiều thật tuyệt vời, anh Watson ! Tại sao lại ngồi tại một nơi ngột ngạt như thế? Ở ngoài trời dễ chịu hơn nhiều*".

12. CÁI CHẾT TRÊN KHU ĐÀM LẦY

Tôi đứng lặng đi trong một lúc, không tin vào tai mình, không thể thở được. Sau đấy tài ăn nói mới trở lại với tôi, và tôi cảm thấy một sức nặng lớn đã trút khỏi vai tôi. Giọng nói xỏ xiên ấy trên khắp thế giới này, chỉ có thể thuộc về một người mà thôi !

- "Holmes !" Tôi kêu lên " Sherlock Holmes !"

- Hãy ra đây ! Và hãy cẩn thận với khẩu súng đấy !

Từ trong hang, tôi bò lẩn ra và nhận ra anh. Holmes ngồi trên phiến đá, nhìn gương mặt kính ngạc của tôi với vẻ tinh nghịch trong cặp mắt xám của mình. Vào thời gian này, anh gầy xẹp đi, thế nhưng trông anh vẫn điềm tĩnh, bàn tay đầy sinh lực, khuôn mặt ngả màu đồng thau vì rám nắng. Trong bộ quần áo thể thao và chiếc mũ cát-két, trông anh như một du khách nhàn nhã. Thậm chí anh vẫn còn giữ được sự ưa thích về sạch sẽ của loài mèo nữa : râu được cạo nhẵn nhụi, áo sơ mi không có một vết dơ. Tưởng như mọi chuyện diễn ra trên phố Baker vậy.

- Không có sự xuất hiện nào làm cho tôi sung sướng bằng. Tôi vừa nói vừa siết chặt lấy anh.

- Đồng thời ngạc nhiên nữa chứ?

- Vâng, đúng vậy.

- Nhưng không phải chỉ một mình anh ngạc nhiên đâu. Tôi không thể nào ngờ rằng anh sẽ tìm ra nơi trú ẩn của tôi, mà cũng không nghĩ được rằng lại gặp anh ở đây, trước lúc tôi ở cách hang đá hai mươi bước.

- Anh trông thấy dấu giày của tôi ư?

- Không ! Nếu anh muốn đánh lừa tôi, thì trước tiên hãy thay đổi hiệu thuốc lá đi. Máu thuốc hút dở của anh nằm lẩn lóc cạnh đường mòn. Chắc anh ném nó đi từ lúc anh quyết định đột nhập vào đây.

- Phải.

- Tôi nghĩ như vậy đấy... Và đoán ra rằng anh đã mai phục ở trong hang, với cây súng ngắn. Có đúng là anh làm tôi với kẻ phạm tội không?

- Tôi quyết định tìm hiểu người khách lạ của đêm ấy.

- Thật tuyệt. Mà anh phát hiện ra nơi trú ẩn của tôi bằng cách nào vậy?

Có lẽ anh đã nhìn thấy tôi vào lúc anh đuổi bắt người tù khổ sai?

- Vâng, tôi đã trông thấy anh lúc đó.

- Anh đã lùng sục lần lượt tất cả các hang trước khi chưa đụng phải cái hang này, phải không?

- Không, cậu bé đã đưa tôi tìm đến dấu vết của anh. Ở đây có một ai đó theo dõi cậu ta.

- A ! Người già quý phái với ống viễn vọng ! Tôi nhìn thấy mặt trời lấp lánh trên ống kính. Ban đầu tôi không thể đoán nổi đấy là cái gì cả. A ha ! Cậu bé Các đã có mặt ở đây. Mảnh giấy gì đây ! À, anh đi Combe Tracy phải không?

- Vâng.

- Đến thăm bà Laura Lyons?

- Phải.

- Tuyệt lắm ! Tôi và anh rõ ràng là tiến hành song song với nhau. Bây giờ ta cần trao đổi những tin tức đã thu lượm được.

- Tôi rất vui là anh đã ở đây ! Thần kinh của tôi bắt đầu chùn lại dưới gánh nặng những bí ẩn và trọng trách đặt lên tôi. Nhưng anh lọt vào đấy bằng cách nào? Và anh làm gì ở đây vậy? Thế mà tôi cứ nghĩ rằng anh đang ngồi ở đường Baker kia đấy !

- Tôi muốn chính anh nghĩ như vậy !

- Thế nghĩa là anh nhờ cậy sự giúp đỡ của tôi mà lại không tin vào tôi.

Tôi nghĩ là tôi xứng đáng được hơn thế chứ !

- Ông bạn, trong vụ án này cũng như trong nhiều vụ án khác, sự giúp đỡ của anh đối với tôi là vô giá. Nếu anh cảm thấy là tôi đã lừa gạt anh thì xin anh tha lỗi ! Chân thành mà nói, tôi cảm thấy là anh đang lâm vào vòng nguy hiểm, nên tôi đã đến đây. Nếu tôi ở cùng một chỗ với anh và ngài Henry thì kẻ thù sẽ cảnh giác đề phòng. Còn ngược lại, tôi có thể hành động rất tự do khi đứng ở sau cánh gà và sẵn sàng bước vào sân khấu vào giờ phút nguy kịch nhất.

- Nhưng vì lẽ gì anh lại phải giấu tôi?

- Nếu anh biết tôi ở đây thì chẳng những không ích lợi gì mà rất có thể tôi sẽ bị phát giác ! Thật vậy, lúc đó anh có thể muốn kể cho tôi nghe một cái gì đấy, hoặc là anh sẽ nảy ra ý định thu xếp tiện nghi cho tôi ở đây. Tôi mang theo chú bé Các, Chú phục vụ tôi một cách tuyệt vời. Anh biết những nhu cầu đơn giản của tôi rồi đấy : Mẩu bánh mì và chiếc cổ áo sạch sẽ. Người ta còn cần gì hơn nữa? Ngoài ra, Các còn là cặp mắt rất tinh nhạy và đôi chân rất nhanh nhẹn.

- Thế nghĩa là tất cả những bản phúc trình của tôi được viết ra một cách vô ích. - Tôi run run nói, sau khi nhớ lại biết bao công sức và niềm tự hào đã được đặt vào những bản tường trình ấy. Holmes rút từ trong túi ra một đồng thư tín.

- Nó đây này, bạn ơi. Chúng đã được nghiên cứu tỉ mỉ nhất. Tôi sắp xếp khéo léo đến mức chúng đến với tôi chỉ sau một ngày. Xin nồng nhiệt chúc mừng anh. Lòng kiên trì và tài quan sát mà anh đã bộc lộ trong công việc cực kỳ khó khăn này cao hơn bất cứ lời ngợi khen nào.

Những lời nói nồng nhiệt của Holmes đã làm nguôi cơn tức giận của tôi. Tự trong thâm tâm, tôi thừa nhận rằng vì những đòi hỏi của vụ án, tôi không cần thiết phải biết sự có mặt của anh ở tại đây.

- “VẬY ĐÂY !” Holmes vừa nói vừa nhìn vào khuôn mặt đã tươi tỉnh của tôi. “Còn bây giờ, hãy kể cho tôi nghe cuộc viếng thăm bà Laura Lyons đi ! Tôi đoán ra ngay là anh sẽ đến chỗ ấy, vì tôi đã rõ đấy là người duy nhất mà chúng ta có thể khai thác được một cái gì đó. Thú thật là nếu hôm nay anh không ở đây thì chắc có lẽ ngày mai tôi sẽ phải thân chinh đến chỗ bà ta”.

Mặt trời đã khuất sau núi, hoàng hôn bao phủ lên khu đầm lầy. Ngoài trời đột nhiên lạnh lẽo, chúng tôi đi vào trong hang. Ở đó tôi ngồi cạnh Holmes, kể cho anh nghe câu chuyện của mình với bà Laura. Anh chú ý đến câu chuyện này tới mức nhiều điều phải nhắc lại đến hai lần. Lúc tôi ngừng lời, anh nói :

- Tất cả chuyện đó là rất quan trọng. Trong vụ án có một khoảng trống mà cho tới lúc này, chúng ta vẫn không sao lấp cho đầy được. Có lẽ anh biết Xép-tôn rất thân tình với bà Laura chứ?

- Không, tôi không hề nghe nói gì về chuyện đó.

- Đó là sự thực. Họ gặp nhau, trao đổi thư từ với nhau. Nói chung, giữa họ có sự đồng cảm hoàn toàn, và điều đó trao vào tay chúng ta con chủ bài quan trọng. Nếu đưa con bài này tới vợ của ông ta...

- Vợ của ông ta?

- Phải, cô Xép-tôn ấy, thực chất là vợ của ông.

- Chúa ơi, Holmes ! Vậy mà ông ấy lại cho phép ngài Henry yêu cô ta?

- Những tình cảm lãng mạn của ngài Henry chỉ đem lại tại họa cho chính ngài thôi ! Anh không nhận thấy là Xép-tôn bảo vệ cô ta một cách chặt chẽ hay sao. Tôi nhắc lại, người đàn bà ấy là vợ của Xép-tôn. - Nhưng họ làm cái chuyện rắc rối ấy để làm gì cơ chứ?

- Nguyên do thế này : Xép-tôn nhìn thấy trước là trong vai trò người đàn bà tự do, cô sẽ có lợi nhiều hơn cho ông ấy.

Tất cả những mối ngờ vực chưa được sáng tỏ, mọi điều mạch máu của linh cảm tự nhiên lộ hết ra ngoài và tập trung vào nhà tự nhiên học. Từ con người trầm tĩnh với chiếc mũ rơm và cây vợt bắt bướm ấy, tôi hình dung ra một con người ghê gớm, mưu mô và kiên nhẫn, đi liền với nụ cười trên môi và sự độc ác thâm hiểm trong lòng.

- Nghĩa là đây chính là đối thủ của chúng ta? Nghĩa là hấn đã theo dõi chúng ta ở Luân Đôn?

- Đúng, tôi đã phanh phui điều bí ẩn này.

- Còn bức thư cảnh giác... có phải do cô ta gởi không?

- Đúng.

- Anh có chắc không, Holmes? Do đâu mà anh biết cô ấy là vợ của hấn?

- Vào cuộc gặp gỡ đầu tiên với anh, Xép-tôn đã nói cho anh biết một phần tiểu sử của mình. Hình như cho đến giờ, hấn vẫn còn hối hận về chuyện đó. Hấn quả thật có một trường học ở miền Bắc nước Anh. Tìm kiếm tin tức một người thầy giáo là một công việc chẳng khó khăn gì. Để làm việc đó có những cơ sở thông tin ngành sư phạm. Tôi đã dò hỏi và chẳng bao lâu đã biết đúng là có những việc không may xảy ra trong một trường học. Hiệu trưởng của nó (họ của ông ta không giống như vậy) đã cùng vợ lẩn trốn. Mọi dấu hiệu trùng hợp hoàn toàn với nhau và khi tôi biết hấn còn ham mê côn trùng học thì tôi không còn nghi ngờ gì nữa.

Bóng tối che phủ lấy tôi bắt đầu dần dần tan ra, nhưng nhiều điều vẫn còn nằm trong bóng râm.

- Nếu người đàn bà ấy là vợ của hấn, thì bà Laura Lyons giữ vai trò gì?

- Tôi hỏi.

- Sau chuyến đi của anh tới Coombe Tracy, nhiều điều đã bắt đầu sáng tỏ. Ví như, bà Laura muốn ly dị với chồng để kết hôn với Xép-tôn. Bởi vì bà không ngờ rằng hấn đã có vợ.

- Khi nào bà ta sẽ được biết sự thật?

- Khi người đàn bà trẻ ấy trở nên thật có lợi đối với chúng ta. Ngày mai, cả hai chúng ta cần đến thăm bà. Còn bây giờ. Chỗ của anh là ở lâu đài Baskerville.

Những tia đỏ cuối cùng của hoàng hôn đang phai dần ở phía tây, và đêm tối đã buông xuống khu đầm lầy. Những ngôi sao nhấp nháy yếu ớt trên bầu trời tím nhạt.

- "Còn một câu hỏi cuối cùng". Tôi vừa đứng lên vừa nói. "Tất cả chuyện đó nghĩa là thế nào? Hắn đang đeo đuổi mục đích gì?"

- Một vụ giết người. Một vụ giết người được bình tĩnh cân nhắc một cách kỹ lưỡng. Xếp-tôn lừa ngài Henry vào lưới của mình, còn tôi thì lừa hắn vào lưới của tôi. Với sự giúp đỡ của anh, hắn hầu như đang nằm trong tay tôi. Chỉ có một mối nguy hiểm đang đe dọa chúng ta : Hắn có thể hành động trước. Còn một ngày, quá lắm là hai ngày nữa thôi, tôi đã chuẩn bị mọi thứ để đến lúc đó sẽ che chở ngài Henry như người mẹ yêu thương bảo vệ đứa con. Sự vắng mặt của anh hôm nay hoàn toàn tha thứ được, nhưng tôi thích anh đứng để ông ấy ở lại một mình. Anh nghe thấy gì không?

Một tiếng gào thét kinh hãi kéo dài, ghê sợ và đau đớn, phá tan bầu không khí trên khu đầm lầy tĩnh mịch. Máu tôi như đông lại.

- Chúa ơi ! Cái gì vậy? Đó là cái gì vậy?

Holmes nhồm phất dậy, bóng dáng cao của anh che khuất lối vào hang. Anh cúi người đứng đó. Và sau khi ngoái cổ ra, anh vừa chăm chú nhìn vào bóng đêm vừa chỉ kịp thăm thẳm thì với tôi.

- Im lặng ! Hãy im lặng !

Tiếng kêu khiến chúng tôi kinh ngạc bởi nó vọng tới từ trong lòng sâu của khu đầm lầy. Nhưng nó vang lên mỗi lúc một gần hơn và rõ hơn...

- "Ở đâu vậy?" Holmes thì thào và giọng của anh run run. Đó là giọng của một người có một thần kinh vững vàng hay sao? Tôi hiểu tiếng thét xuyên vào tận đáy tâm hồn anh. "Tiếng kêu ở đâu vậy, Watson?"

- Phía này. - Tôi đưa tay chỉ vào bóng đêm.

- Không phải, ở phía kia cơ !

Tiếng kêu hấp hối lại vang lên trong đêm yên tĩnh, nhưng giờ nó ở gần và rõ hơn nữa. Hòa trộn vào đó là những âm thanh khác, gầm gừ, trầm trầm.

- "Con chó đấy !". Holmes kêu lên. "Chạy đi Watson, chạy đi ! Chúa ơi, chỉ mong sao đừng có muộn quá".

Anh chồm vào bóng tối, tôi bám theo sau anh. Rồi đột nhiên ở một nơi nào đó vang lên một tiếng la tuyệt vọng và sau đó là tiếng động nặng nề, trầm đục. Chúng tôi dừng lại, lắng nghe. Nhưng không còn tiếng động nào phá tan bầu không khí im ắng trong đêm lạnh gió nữa.

Tôi thấy Holmes ôm đầu, dậm chân xuống đất như người mất trí.

- Watson ! Chúng ta đã muộn mất rồi !

- Không, không thể có chuyện đó được !

- Tôi trì hoãn để làm gì, đồ ngốc ! Còn anh, anh có thấy hậu quả việc để Nam tước ở lại một mình chưa? Nhưng nếu không thể cứu chữa được nữa thì tôi sẽ giết tên chó má ấy !

Không phân biệt đường sá gì cả, chúng tôi lao tới nơi tiếng kêu khủng khiếp vọng đến. Chúng tôi trèo lên đỉnh dốc, rồi chạy xuống. Trong bóng tối, chúng tôi đụng phải những tảng đá nằm lộn xộn giữa lùm cây. Mỗi khi lên được một chỗ cao, bạn tôi đều đưa mắt nhìn khắp bốn phía, nhưng lớp sương mù dày đặc, chúng tôi không thấy có sự di động nhỏ nhất nào.

- Anh có trông thấy gì không?

- Không thấy gì cả.

- Suyt. Lắng nghe xem !

Tiếng rên rĩ vọng đến, đầu dó từ phía bên trái. Dây đá đột nhiên bị đứt đoạn, ở giữa tảng đá có một vật gì đó đen thẫm. Chúng tôi càng chạy đến gần thì cái vật đen thẫm đó càng rõ nét. Đó là một người nằm úp mặt xuống đất, đầu cup xuống, hai vai hơi nâng lên, lưng cong xuống, như chuẩn bị nhảy. Chúng tôi cúi mình trên người đó : không có tiếng thở, cũng không có qua một cửa động nào. Holmes dưng vào tấm thân bất động. Anh kêu lên và rứt tay lại. Anh quẹt một que diêm và chúng tôi thấy những ngón tay dầm đìa máu và cái sọ bị dập nát. Trong ánh sáng của que diêm, chúng tôi nhận ra ngài Henry đang nằm trước mặt chúng tôi.

Chúng tôi không thể quên bộ quần áo màu cỏ úa hơi đặc biệt mà Nam tước đã mặc trong lần đầu tiên xuất hiện trên đường Baker. Chỉ trong tích tắc cũng đủ để chúng tôi nhận ra ông. Sau đấy que diêm lại được bật sáng, rồi tắt lịm, như tia hy vọng cuối cùng trong lòng chúng tôi. Holmes bắt đầu rên rĩ, thậm chí ngay trong bóng tối tôi vẫn nhìn thấy khuôn mặt của anh nhợt nhạt ra sao.

- "Đồ dã man ! Đồ dã man !" . Tay tôi siết lại thành nắm đấm. " Holmes, tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho mình vì đã bỏ rơi ông ta".

- Tội lỗi của tôi còn lớn hơn, Watson ạ ! Tôi đã hy sinh tính mệnh của người khách chỉ để tính toán xem làm thế nào giải quyết vụ án này nhanh gọn hơn. Tôi đã phòng ngừa từ trước, thế mà ông ta vẫn cả gan một mình đi vào khu đầm lầy !

- Chúng ta nghe thấy tiếng kêu thảm thiết của ông ta, mà không thể đến giúp ông được ! Con chó quái quỷ ấy lần đi đâu rồi? Còn Xép-tôn thì ở đâu? Hắn sẽ phải chịu trách nhiệm về việc này !

- Đúng. Tôi sẽ bắt hắn phải trả lời ! Bác và cháu, cả hai người đều bị giết. Một người chết vì kinh hãi khi nhìn thấy

con quái vật mà ông coi đấy là một sinh vật siêu phàm ; còn người kia chết khi không thoát khỏi con quái vật. Nhưng bây giờ chúng ta cần phải xác minh mối liên quan giữa con người ấy và con chó. Chúng ta nghe thấy tiếng rống của nó, nhưng đó chưa phải là bằng chứng, bởi vì rõ ràng ngài đã chết vì té ngã.

Sau đó, lúc ánh trăng từ đám mây ló ra, chúng tôi leo lên dây đá mà từ đó người bạn của chúng tôi rơi xuống rồi đưa mắt nhìn khu đầm lầy. Xa xa nổi lên ngọn lửa màu vàng cạnh Grimpen. Ngọn lửa chỉ có thể phát ra từ ngôi nhà biệt lập của gia đình Xép-tôn. Tôi giờ nắm đám về phía đó, nguyên rủa.

- Sao không tới bắt ngay hấn?

- Một bước đi hấp tấp là tên vô lại sẽ lọt khỏi tay chúng ta.

- Vậy khi nào mới hành động?

- Ngày mai cũng không sao ! Còn hôm nay chúng ta phải làm bốn phận cuối cùng với người đã mất.

Chúng tôi đi xuống sườn dốc dựng đứng, đến bên tử thi, trái tim thất lại và mất nhòa đi.

- Sẽ phải kêu người đến giúp đỡ thôi, Holmes ạ. Chúng ta không đưa ông ấy về đến nhà được. Chúa ơi, anh làm sao vậy? Anh mất trí rồi !...

Holmes rú lên, cúi mình trên thi thể Henry. Rồi anh nhảy nhót, cười khanh khách và lắc lắc tay tôi. Phải chăng đây là bạn tôi, một người luôn luôn tự kiểm chế được mình?

- Có râu ! Ông ta có râu !

- Có râu à?

- Đây không phải là ngài Henry !... Chúa ơi, đây là người tù khổ sai.

Chúng tôi cuống cuồng lật thi thể trở lại. Không còn hoài nghi nữa ! Trán thấp, mắt sâu hoắm như loài khỉ.

Trong khoảnh khắc, tôi hiểu ra tất cả. Tôi có nhớ là Nam tước đã tặng cho Mô-rơ hầu như toàn bộ những trang phục cũ của mình. Nghĩa là Mô-rơ đã cho San-đen để hẩn mặc trong lúc ra đi. Đôi giày, áo sơ mi và mũ cát-két. Nhưng dấu sao người tù này đáng nhận cái chết do các tội lỗi của anh ta. Đứng ngồi không yên vì vui sướng, tôi giải thích cho Holmes nghe mọi chuyện đã xảy ra như thế nào.

- “Nghĩa là kẻ bất hạnh đã chết vì bộ quần áo.” Anh nói. “Chắc chắn người ta đã cho con chó đánh hơi vật gì đó của ngài Henry. Có lẽ chính chiếc giày bị thất lạc ở khách sạn. Và con chó đã lần theo vết của người tù khổ sai. Chỉ còn một điều chưa được rõ : Làm sao San-đen trông thấy con chó rượt đuổi theo hẩn trong bóng tối”.

- Có lẽ, hẩn nghe thấy.

- Nghe thấy con chó chạy khắp khu đầm lầy và đã kêu cứu hay sao? Ông ta đang còn bị sấn lũng kia mà. Không, đúng ra là thế này : San-đen trông thấy con chó rượt theo mình.

- Theo tôi có những việc còn quái lạ hơn thế nữa. Tại sao con chó này được thả ra? Cứ cho rằng những giả thiết của chúng ta là đúng...

- Tôi không hề giả thiết như thế.

- Được. Vậy tại sao người ta thả con chó này vào khu đầm lầy vào đêm nay?

- Thôi được, chúng ta sẽ tìm hiểu sau. Bây giờ chúng ta không thể đề tên này ở đây làm mồi cho cáo và điều hâu được.

- Khi chúng ta chưa báo cho cảnh sát thì cứ đặt hẩn nằm trong hất kỳ hang đá nào.

- Đúng. Nhìn kia, Watson ! Cái gì vậy? Phải chăng chính là hẩn? Không, lẽ nào hẩn lại liều mạng như thế?

Một người đang đi đến gần chỗ chúng tôi. Hẩn hút thuốc, đóm lửa của điếu thuốc lập lòe từ xa. Mặt trăng chiếu vào hẩn

rất rõ. Ngay lập tức, tôi nhận ra thân hình gầy guộc và dáng đi nhanh, nhún nhảy của nhà tự nhiên học. Nhận ra chúng tôi, hắn dừng lại, rồi lại bắt đầu đi về phía trước.

- Bác sĩ Watson ! Phải ông đấy không? Tôi chẳng thể nghĩ rằng lại gặp ông tại đây vào ban đêm đây ! Ừa, cái gì thế này? Chuyện gì đã xảy ra thế này? Có ai bị thương phải không? Lê nào đây là bạn của chúng ta, ngài Henry ?

Xếp-tôn chạy qua tôi, cúi người trên thi thể...

Tôi nghe tiếng thở mạnh, điều thuốc từ tay hắn rơi xuống đất.

- Ai ... Ai đấy? - Hắn áp ứng, nói lắp bắp.

- Đây là tên tù khổ sai đã vượt ngục.

Xếp-tôn xoay bộ mặt tái nhợt về phía chúng tôi, nhưng cố che giấu vẻ ngạc nhiên và tuyệt vọng. Cái nhìn chăm chú của hắn dừng lại trước tiên ở Holmes và sau đó ở tôi.

- Chúa ơi, thật là kinh khủng ! Làm sao mà y chết vậy?

- Có lẽ hắn ngã từ trên núi kia xuống và bị gãy cổ. Tôi và bạn tôi đang đi dạo trên khu đầm lầy thì nghe thấy tiếng kêu.

- Còn tôi cũng nghe thấy tiếng kêu và chạy tới đây. Tưởng là tiếng kêu của ngài Henry nên tôi rất lo.

- Tại sao là ngài Henry ? - tôi không kim lòng được, phải hỏi.

- "Hôm nay ngài có hứa là sẽ rẽ vào chỗ chúng tôi, nhưng ngài lại không đến. Điều đó làm tôi rất ngạc nhiên. Lúc nghe thấy tiếng kêu thì tự nhiên tôi rất lo cho ngài. Tiện thể xin hỏi". Xếp-tôn lại chuyển cái nhìn từ tôi sang Holmes "Ngoài những tiếng kêu này ra, các ông có nghe thấy tiếng nào khác nữa không?"

- Không. Thế còn ông?

- Cũng không.

- Vậy tại sao ông hỏi như vậy?

- Ôi, ông không biết đây thôi, ở chỗ chúng tôi người ta có kể về con chó ma quái ! Các điền chủ địa phương nói rằng hình như đêm nào con chó cũng lang thang khắp khu đầm lầy. Tôi muốn biết xem có thể các ông nghe thấy tiếng của nó chăng?

- Không, chúng tôi không nghe thấy tiếng gì như thế cả.

- Vậy kẻ bất hạnh này chết như thế nào?

- Đầu óc hắn quay cuồng vì sợ bị săn lùng. Và có lẽ trong cơn mất trí, hắn chạy khắp khu đầm lầy rồi cuối cùng ngã xuống sườn núi gãy cổ.

- “Vâng, hoàn toàn có thể như thế”. Hắn nói và thở phào nhẹ nhõm. “Còn ông, ông nghĩ thế nào về điều đó, ông Holmes?”

- Thật tinh ý làm sao ! - Bạn tôi cúi người chào hắn và nói.

- Chúng tôi chờ ông từ lâu rồi. Ông đến đúng lúc tấn thảm kịch xảy ra?

- Vâng ! Tôi tin rằng bạn tôi giải thích đúng tấn thảm kịch này. Còn tôi, ngày mai tôi sẽ trở về Luân Đôn với kỷ niệm đáng buồn.

- Thế nào, mai ông sẽ đi à?

- Tôi có ý định như thế.

- Nhưng sự có mặt của ông sẽ rọi ánh sáng vào những sự cố đã đẩy chúng tôi vào ngõ cụt.

Holmes nhún vai :

- Sự thành công không phải luôn luôn nằm trong tầm tay ta. Tôi vẫn chưa rút ra một điều gì từ vụ án này.

Bạn tôi nói bằng giọng điệu tự nhiên nhất và vẻ thật thà nhất. Xếp-tôn chăm chú nhìn anh. Sau đấy, hắn hướng về phía tôi.

- Tôi vui lòng đề nghị chuyển thi thể về nhà chúng tôi, nhưng em gái tôi sẽ sợ hãi. Chúng ta sẽ lấy cái gì đó đập lên mặt hắn và để hắn lại đây thôi ! Cho tới sáng sẽ không có gì xảy ra với cái xác chết này đâu.

Công việc được tiến hành như thế. Tôi và Holmes từ chối lời mời rẽ vào nhà của Xép-tôn. Chúng tôi để cho hắn trở về nhà một mình và đi về phía lâu đài Baskerville.

- “Thế là cuối cùng chúng ta đã đánh giáp lá cà” Holmes bước cạnh tôi và nói. “Hắn thật là điềm tĩnh ! Hắn tự kiểm chế mới giỏi làm sao ! Cứ đắm thật đắm người. Chúng ta còn chưa có dịp nào độ sức với đối thủ xứng đáng hơn thế !”.

- Dấu sao đáng tiếc là hắn đã nhận ra anh !

- Nhưng biết làm sao được !

- Cuộc gặp gỡ này có ảnh hưởng tới những dự định của hắn không?

- Chắc thế, hắn sẽ hành động thận trọng hơn, nếu điều đó không thúc đẩy hắn tới những quyết định tuyệt vọng tức thì. Như phần lớn những tên tội phạm xuất sắc khác, Xép-tôn hình như rất trông cậy vào sự khôn khéo của mình, và tưởng tượng ra rằng hắn đã khéo đánh lừa chúng ta.

- Vì sao anh còn chưa muốn bắt hắn?

- Giả sử là đêm nay hắn bị bắt, thì thử hỏi điều ấy đem lại cho chúng ta cái gì nào? Chúng ta không chứng minh được gì cả. Đấy, sự tinh ranh, quý quyết của hắn là ở đấy. Nếu kẻ tiếp tay cho Xép-tôn là con người, chúng ta phải tìm cho ra những bằng cứ nào đó, nhưng đằng này là con chó. Lời khai của nó là gì?

- Nhưng một phần lớn của tội ác đã rõ rồi kia mà?

- Tất cả chỉ là những phỏng đoán, những giả thiết. Tại phiên tòa, chúng ta sẽ bị cười cợt nếu chúng ta đến đấy bằng câu chuyện hoang đường, không chứng cứ.

- Còn ngài Charles.

- Tìm được xác chết, nhưng không phát hiện ra dấu vết bạo hành. Tôi với anh biết ông ta chết vì kinh hãi, và ta cũng biết ông ta kinh sợ cái gì. Nhưng liệu mười hai ông thẩm phán có tin vào chuyện đó hay không? Những vết cắn của con chó ở đâu? Tôi và anh đều biết là con chó chưa cắn chết người, và ngài Charles chết trước lúc nó nhảy xổ vào ông ta. Cần phải chứng minh điều đó, mà hiện giờ chúng ta chưa thể chứng minh được.

- Còn đêm nay thì sao?

- Cũng không có mối liên quan trực tiếp giữa con chó với cái chết của người tù. Không một ai trông thấy con chó này. Quả thật chúng ta có nghe thấy tiếng của nó, nhưng chúng ta không có bằng chứng về việc con chó cắn lũng người tù, mà ông không có lý do gì để nó đuổi theo anh ta.

- Anh định bắt tay vào việc gì?

- Tôi đặt nhiều hy vọng vào bà Laura. Khi bà ta biết rõ tình trạng gia đình của Xép-tôn, có lẽ bà sẽ giúp chúng ta. Ngoài ra, tôi còn có kế hoạch khác. Dù thế nào, tôi cũng hy vọng là ngày mai, chiến thắng sẽ đến với chúng ta.

Tôi không moi thêm được ở Holmes điều gì nữa. Trước khi đến chỗ rẽ vào lâu đài Baskerville, anh bước đi im lặng, đắm chìm trong các ý tưởng của mình.

- Anh có rẽ vào không?

- Có. Giờ thì không cần tránh mặt nữa. Nhưng còn điều này, Watson, anh đừng nói với ngài Henry về con chó. Cứ gán cái chết của San-đen cho các nguyên nhân mà Xép-tôn đã gợi ý cho chúng ta vậy? Như thế, ông ta sẽ cảm thấy nhẹ nhàng hơn khi đi ăn trưa ở Merripit.

- Nhưng người ta cũng mời tôi đến đấy.

- Vậy anh phải từ chối. Hãy để ông ấy đi một mình và điều đó dễ sắp xếp...

13. GIẢNG LƯỚI

Sự xuất hiện của Holmes khiến ngài Nam tước rất vui sướng, vì ông tin rằng Holmes không còn có thể ngồi lý ở Luân Đôn được nữa. Tuy nhiên ông ngạc nhiên khi được biết bạn tôi chẳng mang hành lý theo. Sau bữa tối muộn màng, chúng tôi nói cho Nam tước biết một phần cuộc phiêu lưu của chúng tôi mà ông cần phải biết. Và đến lúc này tôi buộc phải báo cho vợ chồng Mô-rơ biết về cái chết của San-đen. Viên quản lý tiếp nhận cái tin này với cảm giác nhẹ nhõm, nhưng bà vợ lấy tạp dề che mặt khóc một cách cay đắng. Bà vẫn coi hấn là một cậu bé ngộ nghịch, một đứa trẻ vào tuổi thơ ấu từng níu lấy tay bà.

- "Từ lúc ông đi khỏi, Watson ạ, tôi ngồi lý ở nhà và buồn đến nẫu ruột". Nam tước nói. "Nếu ông không can đảm là đừng vào khu đầm lầy một mình thì tôi đã đến nhà Xép-tôn để hưởng một buổi tối vui vẻ".

- "Vâng, tôi cũng tin là có lẽ ngài hưởng được một buổi tối thật vui vẻ". Holmes lạnh lùng nói. "Nhưng ngài có biết chắc rằng lúc nhìn thấy thi thể ngài, chúng tôi đã khóc hay không?".

Ngài Henry trợn trừng mắt :

- Chuyện như thế nào?

- Bởi lẽ người bất hạnh mặc quần áo của ngài. Cảnh sát có thể sẽ hỏi thăm người giúp việc cho ngài đấy !

- "Tốt hơn là hãy soát lại công việc của chúng ta." Nam tước nói. "Ông đã thành công trong việc tháo gỡ mớ bòng bong này chưa?".

- Vụ án cực kỳ khó khăn và rối rắm. Cho đến giờ còn một đôi điều cần được làm sáng tỏ, nhưng cuối cùng chúng ta sẽ thành công".

- “ Watson hình như có cho ông biết là tôi đã nghe thấy gì trên khu đầm lầy rồi chứ”. Nam tước nói. “Ồ Mỹ, tôi đã từng có công việc với loài chó, đừng hòng mà lừa nổi tôi. Tôi không thể không nhận ra tiếng chó tru được. Nếu ông đeo được rọ bịt mõm con chó này và xích được nó, tôi sẽ coi ông là người thám tử kiệt xuất nhất thế giới”.

- Nó sẽ bị bịt mõm, và sẽ bị xích, nếu ngài chịu giúp tôi.

- Tôi sẽ làm tất cả những gì ông ra lệnh.

- Tốt lắm ! Nhưng tôi yêu cầu phục tùng một cách tuyệt đối. Không được hỏi vì sao, tại sao?

- Đồng ý.

- Nếu vậy, chúng ta sẽ thành công. Tôi không nghi ngờ rằng...

Đột nhiên, Holmes ngưng bật, và chăm chăm nhìn ở đâu đó trên đầu tôi. Ngọn đèn chiếu thẳng vào mặt anh. Bộ mặt căng thẳng, biểu lộ sự tập trung tựa như bộ mặt của pho tượng cổ điển?

- Có chuyện gì vậy? - Tôi và ngài Henry cùng thốt lên.

Holmes quay nhìn chúng tôi, và tôi cảm thấy anh đang gắng kiềm chế xúc động của mình. Khuôn mặt anh vẫn còn căng thẳng, nhưng cặp mắt thì long lanh vì vui sướng.

- “Thứ lỗi cho tôi, nhưng tôi không thể kiềm nổi thích thú của mình được”. Anh vừa nói vừa chỉ lên những bức chân dung treo trên bức tường đối diện. “ Watson đã cả quyết rằng tôi không am hiểu hội họa, nhưng điều đó chỉ vì chúng tôi không hợp nhau trong việc đánh giá các tác phẩm nghệ thuật. Nhưng các bức chân dung quả thật là tuyệt vời”.

- “Tôi vui lòng khi nghe ông nói thế”. Ngài Henry ngạc nhiên nhìn bạn tôi và nói. “Tôi không được thông thạo về tranh lắm. Thế nhưng, ai có thể nghĩ được rằng ông còn có thời giờ để quan tâm đến nghệ thuật !”.

- Tôi biết đánh giá những tác phẩm có giá trị. Tôi đảm bảo người đàn bà trong chiếc áo lụa màu xanh da trời kia và người đàn ông trong bộ tóc giả có lẽ là những bức chân dung dòng họ.

- Vàng, tất cả đều là những người trong dòng họ.

- Ngài có biết tên của họ không?

- Từ lâu Mô-rơ kèm tôi môn học này và dường như tôi có thể trả lời lưu loát bài học của mình.

- Người đàn ông với chiếc kính viễn vọng kia là ai vậy?

- Đây là phó đô đốc Baskerville phục vụ ở Tây Ấn. Còn người trong bộ lễ phục màu xanh và cầm cuộn giấy là ngài William Baskerville, chủ tịch hạ nghị viện trong chính phủ Pitt ⁽¹⁾

- Còn người ky mã mặc áo ngắn nhưng đen thêu đăng ten đối diện với tôi là ai?

- Ôi, ông cần làm quen với ông ta. Đây chính là Hugo, kẻ gây ra mọi nỗi bất hạnh và đã đặt cơ sở đầu tiên cho truyền thuyết về con chó của dòng họ Baskerville.

Tôi nhìn bức chân dung với vẻ chăm chú và có phần phân vân, Holmes nói :

- Sao trông bề ngoài ông ta có vẻ hiền từ và bình thân thế kia. Chỉ cặp mắt quả là có cái gì quý quyết. Thế mà tôi đã hình dung Hugo của ngài là một chàng trai vạm vỡ với dáng vẻ kẻ cướp cơ đấy !

- Chân dung chính xác, không mấy may có sự nghi ngờ nào đâu. Đằng sau bức họa có ghi tên ông ta và năm tháng-1647.

Suốt buổi tối còn lại, Holmes ít nói, nhưng hình như bức chân dung của Hugo cuốn hút tâm trí của anh. Suốt bữa ăn,

1. Pitt William (1708 - 1778) : Nhà hoạt động nhà nước Anh ; từ 1776 đến 1768 là Thủ tướng.

anh không thôi nhìn nó. Lúc ngài Henry đã về phòng, Holmes cầm cây nến đến gần bức chân dung và đã thắm lại vì thời gian.

- Anh có nhận thấy cái gì không?

Tôi quan sát hồi lâu chiếc mũ rộng vành có ngù lông, chiếc cổ áo đính đàng-ten màu trắng, ở tóc xoắn dài, khuôn mặt nghiêm khắc.

- Ông ta không nhắc anh nhớ tới ai hay sao?

- Phần dưới của khuôn mặt có hao hao giống ngài Henry

- Đúng, chút xiu thôi. Nhưng hãy chờ một lát !

Anh đứng lên ghế, tay trái cầm cây nến, tay phải khum lại che chiếc mũ rộng vành và mở tóc xoắn dài.

- Chúa ơi ! - Tôi thốt lên kinh ngạc.

Bộ mặt của Xép-tôn từ bức tranh nhìn tôi.

- A ha ! Giờ thì anh thấy rồi đấy. Mắt tôi đã quen khảo sát bộ mặt thật chứ không phải những trang điểm cho bộ mặt.

- Đáng ngạc nhiên thật ! Cứ như là bức chân dung của chính hắn !

- Đúng vậy, một ví dụ hay về chứng phân biến di truyền cả về hình thể lẫn tinh thần. Hắn cũng là Baskerville. Điều đó hoàn toàn rõ rệt.

- Và gấp ghé kế thừa gia tài.

- Cố nhiên. Bức chân dung này là mất xích còn thiếu. Giờ đây chúng ta đã phát hiện ra nó. Phải, giờ đây chúng ta đã phát hiện ra nó rồi. Xin thề với anh rằng vào đêm mai hắn sẽ sa vào lưới của chúng ta như những con bướm sa vào vợt của hắn. Kim găm, nút chai, nhãn hiệu - Bộ sưu tập trên đường Baker sẽ còn được bổ sung một mẫu vật nữa.

Holmes cười khảnh khách và lùi ra khỏi bức chân dung. Mỗi khi tôi có dịp nghe tiếng cười của anh, tôi biết rằng đó là điềm báo trước một tai họa ghê gớm sẽ giáng xuống đầu một tên hung bạo nào đó.

Vào sáng hôm sau, lúc đang mặc quần áo, tôi nhìn ra cửa sổ, thấy Holmes hình như dậy từ sớm tinh mơ.

- “Chúng ta sẽ có một ngày thật bận rộn”. Anh vừa nói vừa sung sướng xoa tay khoan khoái. “Lưới đã được giăng ra. Tối chiều tối sẽ rõ là con cá măng vùng vẫy ở trong đó hay là bị sống mất”.

- Anh đã kịp đến khu đầm lầy?

- Tôi đến Grimpen và chuyển bức điện tới Princetown thông báo về cái chết của San-den. Ngoài ra, tôi cũng đã liên lạc với Các, kéo chú ấy cũng sẽ chết ở cửa hàng như con chó nằm trên nấm mộ của chủ mình.

- Hôm nay, anh sẽ bắt đầu từ đâu?

- Trước hết phải nói cho ngài Henry biết. Đấy, ông ta đến rồi kia !

- “Chúc buổi sáng tốt đẹp, ông Holmes !” Nam tước nói. “Ông cứ như là vị tướng đang trao đổi với tham mưu trưởng về kế hoạch của trận đánh sắp tới”.

- Có một trận đánh như thế. Watson theo lệnh, đã có mặt.

- Tôi cũng vậy.

- Thật tuyệt. Nếu tôi không lầm, hôm nay Xép-tôn mời ngài tới ăn tối thì phải?

- Mong rằng các ông cũng sẽ đi chứ? Họ là những người mến khách; họ sẽ rất vui khi gặp các ông.

- Đáng tiếc là tôi cùng Watson cần phải trở về Luân Đôn.

- Về Luân Đôn sao?

- Vâng.

Mặt Nam tước buồn thiu.

- Tôi tưởng các ông ở lại với tôi tới khi xong vụ này chứ. Sống một mình ở đây không được ấm cúng lắm.

- Ngài cần phải tin tôi, và làm đúng những gì tôi yêu cầu ngài. Hãy nói với những người bạn của chúng ta rằng nếu

không có những công việc khẩn cấp ở Luân Đôn thì chúng tôi sẽ đến dự. Tuy vậy, không bao lâu nữa, chúng tôi sẽ quay trở lại đây. Ngài đừng quên thông báo với họ.

- Nếu ông đã muốn như thế.

- Xin cam đoan với ngài là không có cách nào khác.

Cứ theo vẻ nhân nhó của Nam tước, tôi hiểu là ông ta đã phật ý và coi chuyến đi của chúng tôi là hành vi đào ngũ.

- Các ông định đi lúc nào? - Ông ta lạnh nhạt hỏi.

- Ngay sau bữa sáng. Chúng tôi sẽ đi đến Coombe Tracy bằng ngựa. Tội nghiệp Watson ! Nghèo đến thế này? Nhưng Watson sẽ gửi đồ đạc lại đây để bảo đảm là anh ấy sẽ trở lại. Watson, anh hãy viết cho Xép-tôn vài dòng, cáo lỗi là anh không thể dự tiệc.

- "Tôi cũng muốn đi Luân Đôn." Nam tước nói. "Vì sao tôi phải ngồi ở đây một mình kia chứ?"

- Bởi vì ngài đã hứa với tôi là sẽ luôn tuân theo ý muốn của tôi, và bây giờ tôi nói với ngài : *Ngài hãy ở lại đây !*

- Được, tôi sẽ ở lại.

- Còn một yêu cầu nữa. Hãy đi đến Merripit bằng xe, rồi ra lệnh cho xe ngựa quay trở lại và nói với gia đình Xép-tôn là ngài sẽ đi bộ về nhà.

- Đi bộ qua khu đầm lầy?

- Vâng.

- Nhưng chính ông đã nhiều lần ngăn tôi làm việc đó?

- Bây giờ ngài có thể đi qua đấy tuyệt đối an toàn. Tôi yêu cầu ngài như thế chỉ vì tôi tin vào lòng can đảm của ngài. Nhưng ngài cần làm như thế !

- Được, tôi sẽ làm như thế.

- Nếu ngài còn quý trọng cuộc đời mình thì đừng có đi ra khỏi đường mòn dẫn từ Merripit tới con đường Grimpen.

- Được, tôi sẽ làm như thế.

- Thế thì tốt lắm. Còn chúng tôi sẽ gắng đi ngay sau khi ăn sáng xong, để tới Luân Đôn vào ban ngày.

Chẳng mấy chốc, chúng tôi chia tay với Nam tước. Hai giờ sau, chúng tôi cho xe ngựa trở về nhà và bước vào sân ga ở Coombe Tracy. Một chú bé vóc người không lớn đã đợi chúng tôi ở đây.

- Ông có mệnh lệnh gì cho cháu không?

- Hãy ngồi vào tàu hỏa đi Luân Đôn. Lúc tới nơi, ngay tức khắc, nhân danh ta mà chuyển điện tới ngài Henry. Nội dung điện tín hỏi ngài có tìm thấy cuốn sổ tay ta hay không. Nếu ngài tìm thấy, hãy chuyển nó bằng bưu kiện bảo đảm tới đường Baker giùm.

- Rõ rồi, thưa ông.

- Còn bây giờ, hãy xem tại văn phòng nhà ga có cái gì mang tên ta không ?

Chú bé nhanh chóng trở lại với bức điện trong tay. Holmes đọc xong và đưa cho tôi coi. Bức điện như sau :

"Đã nhận được điện. Sẽ ra lệnh bắt. Sẽ tới lúc 5 giờ 40. Lê-tra".

- Đây là câu trả lời bức điện lúc sáng của tôi, chúng ta sẽ cần tới sự giúp đỡ của Lê-tra. Anh Watson, chúng ta vẫn còn thời gian để tới thăm bà Laura Lyons chứ?

Kế hoạch của chiến dịch được Holmes sắp đặt mỗi lúc một sáng tỏ. Với sự giúp đỡ của Nam tước, Xép-tôn sẽ tin rằng chúng tôi không có ở đây, nhưng thật ra chúng tôi sẽ trở về vào đúng lúc. Nếu ngài Henry cho hẳn biết bức điện của Holmes thì điều đó sẽ xóa sạch những mối hoài nghi cuối cùng của Xép-tôn. Và tôi mừng tượng ra tấm lưới của chúng tôi ngày càng được căng ra quanh con cá hung dữ.

Bà Laura Lyons ngồi trong phòng làm việc của mình. Holmes khởi đầu bằng câu chuyện thẳng thắn và cởi mở đến mức khiến bà trợn tròn mắt.

- "Tôi đang điều tra về cái chết của ngài Charles". Holmes nói. "Bạn tôi, đã cho tôi rõ tất cả những gì bà đã nói và những gì bà chưa muốn nói".

- Tôi chưa nói về điều gì vậy? - Bà xác xược hỏi.

- Bà thú nhận là bà đã mời ngài Charles tới cửa hàng rào vào lúc mười giờ tối. Ngài đã chết tại đó, vào giờ đó. Bà chưa nói tới mối liên hệ giữa hai sự kiện này.

- Giữa chúng, không có mối liên hệ nào cả.

- Nhưng tôi nghĩ rằng rồi cuối cùng chúng tôi cũng sẽ xác định được mối liên hệ này. Tôi sẽ hoàn toàn thành thật với bà, bà Laura. Chúng tôi đang nói về vụ giết người, mà các tang chứng nếu được xác minh, sẽ không chỉ liên lụy tới bạn bà, tới ông Xép-tôn, mà còn liên lụy tới vợ của ông ta nữa.

Bà Laura nhồm phất dậy.

- Vợ ông ta !

- Điều này không còn bí mật với bất kỳ ai nữa. Cái người mà ông ta nhận là em gái, thực ra là vợ ông ta.

Bà Laura buông mình xuống ghế bành, những ngón tay bám chặt vào tay vịn đến mức các móng tay trắng bết.

- Vợ của ông ta ! Vợ của ông ta ! Nhưng ông ta độc thân kia mà !

Holmes nhún vai.

- Ông Holmes, ông hãy chứng minh điều đó đi ! Nếu ông trưng ra được bằng chứng thì...

Những tia mắt giận dữ ở bà nói nhiều hơn bất cứ lời nào.

- "Vâng, việc gì cũng phải có bằng cứ chứ". Holmes rút từ trong túi ra những tờ giấy gì đó. "Đây là bức ảnh của cặp vợ chồng này chụp hồi 4 năm trước ở Yorkshire. Mặt sau có dòng chữ : Ông bà Vandeleur. Nhưng chắc bà sẽ nhận ra cả ông ta lẫn người phụ nữ này, nếu bà có dịp gặp lại. Còn đây là ba tài liệu được những người đáng tin cậy khác nhau ký,

liên quan đến ông và bà Vandeleur vào thời đó, lúc họ đang điều khiển trường học St.Oliver. Đọc xong những tài liệu này, bà sẽ thấy rõ mọi chuyện.

Bà Laura nhìn thoáng qua những tờ giấy đặt trước mặt rồi nhìn chúng tôi, nét mặt âm thầm, tuyệt vọng.

- Tèn đê tiện ấy đã hứa sẽ lấy tôi, nếu tôi li dị xong. Vậy là hắn đã luôn lừa gạt tôi? Tôi nghĩ hắn chỉ quan tâm tới tôi thôi. Thì ra, tôi là công cụ trong tay hắn. Vì sao phải trung thành với một kẻ tráo trở như thế? Vì sao phải che chở hắn? Hắn phải đền mạng về hành vi tội lỗi của mình ! Tôi sẽ không giấu giếm gì cả. Xin thề với ông là khi tôi viết bức thư ấy, tôi tuyệt nhiên không ngờ rằng điều đó sẽ khiến ngài Charles phải chết !

- "Tôi tin vào từng lời nói của bà, thưa bà". Holmes nói. "Chắc có lẽ bà cảm thấy nặng nề nếu phải kể lại chuyện đó. Hãy làm thế này vậy : Tôi sẽ nói, và nếu tôi làm lẫn một điều chủ yếu nào đấy thì bà sẽ sửa lại giúp tôi. Bức thư chắc được viết theo sự gợi ý của Xép-tôn".

- Theo lời hắn đọc.

- Có lẽ hắn nói với bà rằng ngài Charles sẽ cho tất cả các khoản chi phí của vụ li dị chứ?

- Vâng.

- Còn sau khi lá thư được chuyển đi, hắn thuyết phục bà dừng đến chỗ hẹn.

- Hắn nói là hắn không đáng được kính trọng, nếu để cho một người khác chu cấp tiền cho việc tiến hành vụ li dị. Hắn thề rằng hắn sẽ hiến đồng xu cuối cùng để tiêu diệt chương ngại ngăn cách chúng tôi.

- Hắn rất nhất quán trong các hành vi của mình. Còn những sự kiện sau đó, bà đã nghe và biết điều gì đấy về cái chết của ngài Charles chỉ xuyên qua báo chí hay sao?

- Vâng.

- Và Xép-tôn bắt bà hừa không được thổ lộ về cuộc gặp mặt định trước với ai chứ?

- Vâng. Hấn nói cái chết của ngài Charles xảy ra trong những tình huống rất bí ẩn, và nếu người ta biết về lá thư thì tôi sẽ bị ngờ vực. Hấn đe dọa tôi, và buộc tôi phải im lặng.

- Thế đấy, tôi hiểu rồi. Nhưng dấu sao, bà cũng vẫn hoài nghi điều gì chứ?

Bà Laura đưa mắt nhìn xuống, hình như không dám trả lời.

- "Tôi biết rõ con người này", cuối cùng bà nói, "nhưng nếu hấn không lừa dối tôi thì tôi cũng không tố giác hấn làm gì".

- "Nói chung, bà đã thoát nạn". Holmes nói. "Bà nằm trong tay hấn và hấn biết rõ như vậy, mà bà vẫn còn sống được ! Những tháng gần đây, bà đã đi quanh bờ vực thẳm. Còn bây giờ, bà Laura ạ, xin chúc bà mọi sự tốt đẹp. Chúng ta sẽ còn gặp lại nhau".

- "Thế đấy, tất cả đang dần dà sáng tỏ, sương mù đang tản đi". Holmes nói khi chúng tôi lại bước vào sân ga tới cửa ra vào của tàu tốc hành Luân Đôn. "Chẳng bao lâu nữa, tôi có thể cho diễn lại tội ác này từng điểm một. Đây chính là tội ác gây chấn động mạnh nhất vào thời đại chúng ta".

Chuyến tàu tốc hành Luân Đôn rầm rập tiến vào ga. Từ toa tàu hạng nhất nháy xuống sân ga một con người nhỏ bé mà chắc nịch. Chúng tôi chào hỏi nhau.

- Thế nào, vụ án nghiêm trọng chứ? - Lê-tra nhanh nhẩu hỏi.

- Đã lâu chưa có vụ nào như thế ! Chúng ta còn có hai giờ để dự phòng. Nào, hãy dùng thời gian đó để ăn trưa. Chưa khi nào ông ở đây phải không? Vậy thì ông hãy làm quen với miền đất này.

14. CON CHÓ CỦA DÒNG HỌ BASKERVILLE

Một trong những khiếm khuyết của Holmes là mãi cho đến tận lúc thực hiện, anh vẫn không chia sẻ với ai về những kế hoạch của mình. Sự kín đáo này một phần là do bản tính cao ngạo của anh, mặt khác, cũng do tính thận trọng nghề nghiệp. Dầu sao điều này đã gây nhiều khó chịu cho những ai hành động chung với anh. Bản thân tôi cũng thường chịu khổ sở về điều đó. Chúng tôi đã trải qua biết bao thử thách, đợi chờ lúc giáng quả đấm quyết định xuống kẻ độc ác. Thế mà Holmes vẫn im lặng. Tôi chỉ có thể đoán mò về những ý định của anh. Đúng lúc thần kinh tôi căng thẳng đến tột độ thì đột nhiên những luồng gió lạnh phả vào mặt chúng tôi. Qua bóng đêm, tôi nhận ra khoảng không vắng vẻ trải ra hai phía con đường hẹp và hiểu rằng chúng tôi lại đang ở trên khu đầm lầy. Mỗi bước đi của ngựa, mỗi chỗ rẽ của xe lại đưa chúng tôi đến gần điểm kết thúc.

Không thể bàn tính công việc trước mặt người xà ích thuê ở Coombe Tracy được. Và mặc dầu rất hồi hộp, chúng tôi vẫn nói về những chuyện tầm phào nào đó. Tôi thở phào nhẹ nhõm lúc qua khỏi vi-la của Phờ-răn. Từ đây tới biệt thự Baskerville còn chừng hai, ba dặm. Không dừng lại ở cạnh cổng ra vào, chúng tôi đi đến cửa hàng dầu dẫn tới con đường rợp bóng cây. Sau khi thanh toán tiền cho người đánh xe, chúng tôi cho ông ta quay trở lại Coombe Tracy và bắt đầu đi về hướng Merripit.

- Ông có mang theo vũ khí không, Lê-tra?

Người thám tử mỉm cười :

- Từ lúc tôi mặc quần dài, nghĩa là lúc có túi sau thì trong túi sau của tôi chẳng bao giờ trống rỗng cả.

- Vậy thì tốt, tôi với Watson cũng đã chuẩn bị xong.

- Tôi nhận thấy ông kín đáo quá, ông Holmes, trò chơi này đòi hỏi chúng ta cái gì?

- Lòng kiên nhẫn. Chúng ta sẽ cố chờ.

- “Vùng này quả thật không lấy gì làm vui lắm !”. Viên thám tử vừa nói vừa rùng mình. “Mà có lửa sáng ở chỗ kia kia”.

- Đây là nhà Xép-tôn, đích cuối cùng của chuyến đi này. Bây giờ các vị bước lạng lẽ hơn và hãy nói thật khẽ thôi.

Chúng tôi thận trọng bước theo lối mòn dẫn tới ngôi nhà, nhưng khi còn cách tòa nhà chừng hai trăm mã thì Holmes dừng lại.

- Không cần tiếp tục đi nữa. Những tảng đá kia có thể làm chỗ che chở tốt cho chúng ta.

- Chúng ta sẽ chờ ở đây sao?

- Chúng ta mai phục. Hãy đứng vào đó, Lê-tra ! Watson. Ô cửa sổ có khung lưới kia là phòng nào vậy?

- Nhà bếp.

- Còn cửa sổ kế liền sang sáng kia?

- Phòng ăn.

- Họ không buông rèm. Anh biết cách lên tới đó. Hãy nhìn qua cửa sổ, xem họ làm gì. Chỉ cần im lặng, đừng để họ nghe thấy anh đấy !

Tôi nhón chân len lén tới gần hàng rào thấp bằng đá bao quanh khu vườn cần cỗi của gia đình Xép-tôn. Thế rồi tôi lẩn vào bóng tối, tiến đến chỗ có thể nhìn vào ô cửa sổ không buông rèm. Trong phòng có hai người đàn ông. Ngài Henry và Xép-tôn. Họ ngồi đối diện với nhau quanh bàn tròn, quay nghiêng về phía tôi, hút thuốc. Trước mặt họ bày mấy tách cà phê và chai rượu vang. Xép-tôn đang sôi nổi nói về chuyện gì đó, nhưng Nam tước ngồi nghe hẩn nói, lơ đãng, mặt mày buồn thiu. Có lẽ ý nghĩ về việc phải quay trở về nhà qua khu đầm lầy đã khiến ông không yên tâm.

Trong lúc tôi đang rình rập, Xép-tôn bỗng đứng lên, rời khỏi phòng. Ngài Henry rút dây ly và dựa ghế hút xì-gà. Tôi nghe tiếng mở cửa và tiếng chân rào rạo trên sỏi. Tiếng chân đi dọc theo bức tường tôi đang núp. Tôi rón rén nhòm lên và thấy nhà tự nhiên học dừng chân trước một gian chái ở góc vườn. Ông ta mở khóa và vào trong. Có tiếng xô đẩy trong đó vọng ra. Ông ta chỉ ở lại trong đó một, hai phút. Rồi tôi lại nghe tiếng khóa cửa. Ông ta quay lại, đi dọc bức tường rồi vào nhà. Tôi bò trở lại chỗ Holmes.

- Anh nói bà Xép-tôn không có mặt? - Holmes hỏi.

- Bà ta không có trong nhà.

- Bà ta có thể ở đâu nhỉ, vì ngoài nhà bếp ra thì không còn chỗ nào có đèn sáng !

- Tôi cũng tự hỏi như thế.

Trên không Grimpen lúc này sương mù dày đặc. Màn sương bay tới chỗ chúng tôi như một bức tường chắn. Holmes lo lắng, lăm bắm.

- Màn sương đi thẳng tới phía mình.

- Như vậy có hại gì? - Tôi hỏi.

- Có hại lắm chứ ! Sương mù là nhân tố duy nhất có khả năng làm xáo trộn kế hoạch của tôi. Không thể tri hoãn được nữa. Đã mười giờ rồi. Sự thành công của chúng ta và cả sinh mạng của ông ấy đều tùy thuộc vào chỗ ông ấy có ra về trước khi sương mù che khuất hay không.

Trong nhà bếp lúc này đèn đóm đã tắt, gia nhân đã ra khỏi đó. Chỉ còn ánh đèn sáng ở phòng ăn. Chủ nhà sát nhân và người khách ngây thơ tiếp tục tâm sự và rít thuốc.

Bức màn sáng trắng lan tỏa khắp nơi và bắt đầu bao phủ các góc nhà. Holmes đặt năm tay run rẩy lên tảng đá trước mặt chúng tôi và dậm chân.

- Nếu mười lăm phút nữa mà ông ta chưa ra về thì ta không thể nhìn thấy cả bàn tay của mình.

- Có lẽ ta phải lui lại một chút, tìm một chỗ cao hơn.

- Tôi cũng nghĩ như vậy thì tốt hơn.

Chúng tôi dừng lại ở chỗ cách ngôi nhà bảy, tám trăm mét. Nhưng màn sương cũng tiếp tục đuổi theo.

- "Ta đi quá xa rồi". Holmes nói. "Coi chừng ông ta bị đuổi kịp trước khi đến chỗ chúng ta. Phải dừng lại ở đây thôi !".

Anh quỳ xuống, đặt sát tai xuống đất :

- Cảm ơn Chúa. Tôi nghĩ là ông ấy đang tới gần.

Từ phía sau những tảng đá, chúng tôi cúi xuống dán mắt nhìn qua bức tường trắng trắng đã tiến sát chúng tôi. Tiếng bước chân gần hơn, rồi từ màn sương hiện ra con người chúng tôi đang đợi. Ông ta nhìn xung quanh. Sau đó, ông rảo bước trên con đường mòn, vượt qua chỗ chúng tôi và bắt đầu leo lên sườn dốc thoải ngay sau những tảng đá. Trong lúc đi, ông thường ngoảnh nhìn ra phía sau, có vẻ lo lắng.

- "Trời !". Holmes thì thào lên cò súng đến rộp một cái. "Hãy chú ý ! Con chó đấy !"

Tiếng dậm thình thịch đều đều vang lên ngay trong đám sương mù tiến gần đến chỗ chúng tôi. Bức tường sương ở cách chúng tôi chừng 50 mã, cả ba chúng tôi đều cùng dán mắt vào đó. Và đột nhiên Holmes nhìn chăm chú và nghiêm nghị, còn miệng anh thì hé mở vì kinh ngạc. Lê-tra rú lên vì sợ hãi, rồi ngã vật xuống đất. Tôi uốn thẳng người lên, hầu như bị tê liệt khi nhìn thấy con vật đang chạy tới. Tôi đưa tay nắm lấy khẩu súng lục. Đúng rồi ! Đấy là con chó khổng lồ, đen tuyền. Nhưng chưa một ai trong chúng tôi trông thấy một con chó như thế. Ngọn lửa phun ra từ cái mồm rộng toang hoác của nó, đôi mắt sáng rực như than hồng, mồm và bốn chân thì có ánh sáng nhấp nháy. Con vật dữ tợn đang từ màn sương mù chồm về phía chúng tôi.

Con quái vật vừa đánh hơi vừa nhảy vun vút theo vết của Nam tước. Chúng tôi chỉ kịp lấy lại bình tĩnh khi con vật qua khỏi chỗ chúng tôi, cả tôi và Holmes đồng loạt nổ súng. Tiếng rống đinh tai vang lên liền sau đó khiến chúng tôi tin rằng ít nhất cũng có viên đạn trúng đích. Nhưng con chó vẫn không dừng lại mà tiếp tục phóng về phía trước. Chúng tôi nhìn thấy ngài Henry ngoảnh đầu lại, mặt tái xanh, hai tay chơi với gờ lên cao vì kinh hãi. Thế rồi ông đứng lặng đi, mắt không rời khỏi con quái vật đang chồm lên về phía mình.

Nhưng tiếng kêu đau đớn của con chó đã làm tiêu tan nỗi khiếp đảm của chúng tôi. Nếu nó đã bị thương thì nó không phải là ma quỷ gì, và nếu chúng tôi đã bắn trúng nó thì cũng có thể giết nó được. Tôi thường được xem là người chạy giỏi, vậy mà Holmes vượt cả tôi. Chúng tôi chạy như điên, nghe thấy tiếng kêu của ngài Henry và tiếng rống khàn khàn của con chó. Chúng tôi đến đúng lúc con vật đang chồm lên miếng mồi của mình. Nhưng Holmes đã nã vào hông nó năm phát súng liền. Con chó tru lên lần cuối cùng, ngã vật ra, cả bốn chân co giật rồi nằm im bất động. Tôi thở hổn hển, cúi nhìn con vật, dí nòng súng ngắn vào chiếc mõm lóng lánh gồm ghiếc. Nhưng tôi không phải bóp cò nữa, con chó khổng lồ đã tắt thở.

Ngài Henry nằm bất tỉnh nhân sự ở ngay chỗ con vật. Chúng tôi mở nút cổ áo cho ông. Thế rồi mí mắt của ngài động đậy, ngài khế cửa mình, Lê-tra đút miệng bình rượu cô-nhắc vào giữa hai hàm răng của ông. Một lúc ngài mở mắt, nhìn chúng tôi, vẫn còn kinh hãi.

- Cái gì thế này? Nó đâu rồi? - Nam tước thì thào.

- Nó đã chết rồi ! Cái bóng ma theo đuổi dòng họ của ngài đã bị kết liễu vĩnh viễn. - Holmes nói.

Con quái vật nằm trước mặt chúng tôi thật ra vẫn còn có thể làm bất kỳ ai kinh hãi bởi kích thước và sức mạnh của

nó. Dường như con vật này là sự pha trộn giữa giống chó ngao và chó chăn bò vạm vỡ, với sức mạnh của con sư tử cái trẻ trung. Cái mõm to sụ của con vật dường như vẫn còn tỏa ra những tia lửa màu lam nhạt, còn đôi mắt hung dữ sâu hoắm của nó được phủ những vòng lửa chung quanh. Tôi dưng vào cái đầu lấp lánh của nó, và sau khi rút tay lại, tôi nhận thấy những ngón tay tôi bỏng rát và cũng nhấp nhánh sáng trong bóng tối. - Lân tinh ! - Tôi nói.

- "Đúng vậy, một loại chế phẩm đặc biệt nào đó". Holmes đưa mũi lại gần và khắng định. "Hãy thứ lỗi cho chúng tôi, ngài Henry, vì chúng tôi đã bắt ngài trải qua cơn thử thách khủng khiếp đến mức này. Tôi tin là sẽ trông thấy một con chó nhưng không ngờ rằng con quái vật này lại như thế. Sương mù cản trở nên chúng tôi không thể đón đầu con chó được".

- Các ông đã cứu sống tôi.

- Sau khi đã đặt ngài vào tình thế nguy hiểm, thế nào, bây giờ ngài có thể đứng dậy được chứ?

- Cho tôi một hộp cô-nhắc nữa... Bây giờ chúng ta làm gì?

- Tạm thời, chúng tôi để ngài ở đây cho đến khi ngài hồi tỉnh lại, rồi một người nào đó trong chúng tôi sẽ cùng trở về nhà với ngài.

Nam tước thử đứng lên nhưng không được. Mặt tái mét như gà bị cắt tiết, toàn thân run rẩy. Chúng tôi đỡ ngài đến gần tảng đá. Ngài ngồi xuống đó, cả người vẫn run rẩy, hai tay che mặt.

- "Còn bây giờ chúng ta phải đi thôi". Holmes nói. "Cần kết thúc công việc. Thì giờ cấp bách : tiếng súng đã báo động cho y".

- "Hắn không còn ở trong nhà nữa". Holmes cùng chúng tôi bước nhanh trên lối mòn, tiếp tục nói. "Hắn không thể

không nghe thấy tiếng súng và hẳn hiểu là trò chơi đã bị thất bại”.

- Tiếng súng ở cách xa ngôi nhà, hơn nữa sương mù làm nhỏ âm thanh đi.

- Anh có thể tin chắc là hắn cũng lao theo sau con chó, bởi hắn cần kéo con chó ra khỏi thi thể. Không, chúng ta sẽ không gặp hắn. Nhưng dấu sao cũng cần phải lục lợi khắp mọi nơi.

Cửa ra vào mở toang. Chúng tôi chạy vào trong nhà, nhanh chóng xem xét từ phòng này tới phòng khác khiến người hầu già rất ngạc nhiên. Chỉ có ánh sáng ở trong phòng ăn, nhưng Holmes đã cầm đèn lồng sục mọi xó xỉnh trong nhà. Con người chúng tôi đang tìm kiếm đã không cánh mà bay. Tuy vậy, cửa vào trong những phòng ngủ ở lầu hai bị khóa chặt.

- Có người ở trong này ! - Lê-tra kêu lên.

Trong phòng có tiếng loạt soạt và tiếng rên rỉ yếu ớt. Holmes đập vào ổ khóa thì cánh cửa mở toang ra. Lăm lăm súng lục trong tay, chúng tôi ập vào.

Thế nhưng tên vô lại không có ở đây. Thay thế hắn, hiện ra trước mắt chúng tôi là một hình thù kỳ lạ.

Căn phòng này là một bảo tàng nhỏ. Các bức tường chỉ chất đầy toàn những hộp kính bảo quản bộ sưu tập bướm và côn trùng. Giữa phòng có một cây cột chống đỡ đỡ trần nhà mục nát. Một người bị trói vào cây cột, tám vải trải giường quấn chặt lấy người đó từ đầu đến chân. Một mảnh vải quấn quanh cổ, mảnh vải khác che phần dưới của khuôn mặt, chỉ có cặp mắt mở to là nhìn chúng tôi dò hỏi và tràn ngập nỗi khiếp đảm và xấu hổ. Chúng tôi nhanh chóng tháo bỏ dây buộc, lấy giẻ bịt miệng ra. Đó chính là cô Xép-tôn. Cô ngã gục xuống chân chúng tôi. Tôi trông thấy những vết roi lần đò trên cổ cô?

- “Quân dê tiện !” Holmes thốt lên. “Lê-tra, cô-nhắc đâu? Hãy đặt bà ấy lên ghế? Bất kỳ ai chịu sự tra tấn như thế cũng chết ngất cả thôi”.

Cô Xép-tôn mở mắt ra.

- Ông ấy có được cứu thoát không? Ông ấy đã chạy đi rồi sao?

- Ông nhà sẽ không bao giờ thoát khỏi tay chúng tôi, thưa bà.

- Không, không, tôi không hỏi về hắn. Ngài Henry có được cứu sống không?

- Thoát rồi.

- Còn con chó?

- Đã bị giết.

Cô bật ra tiếng thở phào nhẹ nhõm.

- “Cảm ơn Chúa ! Ôi ! Quân chó má ! Các ông thấy hắn đã đối xử với tôi như thế đấy !” Cô vén tay áo lên và chúng tôi trông thấy tay cô bầm tím. “Nhưng điều đó cũng không sao... Hắn đã giày vò, đã dày dạn tâm hồn tôi. Trong khi tôi vẫn hy vọng là hắn còn yêu tôi, tôi đã chịu đựng tất cả : sự đối đãi ngang ngược, cảnh cô độc, cuộc sống tràn ngập những điều giả tạo... Nhưng hắn đã lường gạt tôi, biến tôi thành công cụ trong tay hắn”. Không kìm lòng được, cô ta khóc nức nở.

- Đúng vậy, thưa bà. Đừng giấu chúng tôi, cần tìm hắn ở đâu? Nếu bà đã từng là kẻ tiếp tay cho hắn thì hãy tận dụng thời cơ này để làm giảm nhẹ lỗi lầm của mình.

- Ngay giữa đầm lầy có một hòn đảo nhỏ. Hắn giữ con chó tại đó. Cũng tại đó, hắn chuẩn bị mọi thứ để phòng ngừa trường hợp buộc phải ẩn mình vào đấy.

Holmes soi đèn vào cửa sổ. Sương mù buông trắng dính đầy vào kính.

- Hãy trông kia ! Đêm như thế này không một ai có thể lọt vào đầm lầy Grimpén được đâu.

Cô Xép-tôn bật cười, cặp mắt cô nhấp nháy những tia lửa hân học.

- "Hắn sẽ tìm thấy đường vào nhưng sẽ không quay trở lại được nữa". Cô reo lên. "Làm sao hắn có thể nhận ra cột mốc vào một đêm như thế này. Chúng tôi đã cùng đặt những cột mốc để đánh dấu lối mòn sang vùng đầm lầy. Ôi ! Nếu hôm nay tôi có thể thu dọn chúng đi ! Thì hắn đã nằm trong tay các ông rồi !"

Không thể nghĩ đến chuyện đuổi bắt vào một đêm như thế. Chúng tôi để Lê-tra ở lại canh chừng ngôi nhà còn chúng tôi đưa ngài Henry quay trở lại lâu đài Baskerville.

Tuy nhiên cơn chấn động trải qua trong đêm ấy đối với ngài Henry vẫn chưa qua khỏi. Ông nằm mê man tới sáng dưới sự chăm sóc của bác sĩ Móc-ti. Có lẽ cần một cuộc du lịch vòng quanh thế giới thì ngài Henry mới phục hồi được.

Giờ đây câu chuyện kỳ lạ của tôi sắp kết thúc. Ghép lại câu chuyện này, tôi cố gắng để bạn đọc chia sẻ cùng chúng tôi mọi nỗi khủng khiếp cùng những phán đoán mơ hồ đã phủ lên cuộc sống của chúng tôi lâu đến thế và đã được kết thúc bằng tấn kịch như vậy.

Đến sáng, sương mù tản đi. Cô Xép-tôn đưa chúng tôi tới nơi bắt đầu lối mòn đi qua đầm lầy. Chúng tôi từ biệt cô trên dải than bùn hẹp lấn sâu vào vùng đầm lầy thành một bán đảo nhỏ. Những cành cây nhỏ trụi lá cắm khắp nơi làm thành lối mòn uốn lượn theo hình chữ chi từ mô đất này tới mô đất khác, giữa những khoảng trống có phủ lá cây chắn ngang con đường ở mọi chỗ. Hơi độc bốc lên từ lau sậy mục ruỗng và từ những cây rong bị phủ bùn bay là đà trên mặt đầm lầy. Thỉnh thoảng chúng tôi trượt ngã, đầu gối lê trên khu đất lầy đen sẫm. Bùn lầy nhầy nhụa bám vào chân chúng tôi. Trên mô đất mọc lên một loại cỏ đầm lầy còn in hằn những vết thẫm. Holmes nhào người tới đó và ngay lập tức anh bị thụt đến

ngang nách trong vũng lầy, và nếu không có chúng tôi thì chưa chắc anh đã thoát chết. Anh cầm trong tay chiếc giày đen cũ kỹ. Bên trong có đóng dấu : Meyers, Toronto".

- "Thu hồi được cái này thì tám bần một trận cũng đáng". Anh nói. "Chiếc giày thất lạc của người bạn chúng ta đây !".

- Bị Xép-tôn vội vàng quẳng đi chăng?

- Rất đúng. Hắn đã cho con chó đánh hơi chiếc giày khi hướng dẫn nó lần theo vết ngài Henry. Rồi hắn cầm chiếc giày chạy trốn, sau đó hắn ném đi. Ít nhất chúng ta cũng biết được là hắn đã lọt đến chỗ này bình yên vô sự.

Nhưng chúng tôi không biết được gì thêm nữa, mặc dầu có thể phỏng đoán nhiều điều. Không thể nào nhận ra những dấu vết trên con đường mòn. Bùn lầy ngay tức khắc phủ kín lấy chúng. Chúng tôi tìm kiếm dấu vết ở chỗ khô ráo hơn, nhưng mọi sự tìm kiếm đều vô ích. Nếu đất mà nói đúng sự thật thì Xép-tôn đã không tới được cù lao. Con người lãnh đạm nhẫn tâm này đã vĩnh viễn bị chôn vùi ngay giữa trung tâm vùng đầm lầy Grimpen.

Chúng tôi tìm thấy thật nhiều dấu vết sinh hoạt của hắn trên đảo. Cái tời khổng lồ, giếng lò lưng lưng đá dăm và chứng tỏ vào thời gian nào đó ở đây đã có công trường khai thác mỏ. Cạnh đó là những túp lều đổ nát của thợ mỏ. Ở một trong những túp lều này, chúng tôi tìm thấy một cái vòng treo trên tường, dây xích và rất nhiều xương bị gặm. Có lẽ Xép-tôn giữ con chó của mình tại đây. Lăn lóc giữa rác rưởi và bộ xương chó hung hung còn lại một nhúm lông trên mình.

- "Một con chó !" Holmes thốt lên. "Đúng là con chó lông xoắn. Bác sĩ Móc-ti sẽ không bao giờ tìm thấy con chó đáng yêu của mình nữa. Còn thứ bột nhào trong hộp sắt tây này là hợp chất phát sáng mà hắn đã bôi vào con chó của mình. Chính truyền thuyết về con chó của dòng họ Baskerville đã

nảy ra trong óc hẳn ý nghĩ đó và hẳn đã quyết định thanh toán ngài Charles bằng cách này. Đến giờ chẳng có gì đáng ngạc nhiên là vì sao tên tù khổ sai bất hạnh vừa tháo chạy vừa la hét khi con ngáo ộp từ trong bóng đêm nhảy bổ vào hắn. Xép-tôn quả ranh mãnh ! Vì ngoài khả năng giết chết nạn nhân, con chó này còn làm người ta hoảng sợ. Khi đã trông thấy nó một lần - và may mắn thoát chết - thì còn ai dám mạo hiểm đi tìm nó nữa?"

15. HỒI TƯỞNG

Đã cuối tháng mười một. Vào một tối sương mù u ám, tôi và Holmes ngồi cạnh lò sưởi cháy rừng rực trong phòng làm việc tại đường Baker. Từ sau chuyến đi của chúng tôi đến Devonshire tới giờ, bạn tôi đã điều tra xong hai vụ án rất nghiêm trọng nữa. Tâm trạng Holmes vô cùng phấn chấn.

Đồng thời vào những ngày này, ngài Henry và bác sĩ Móc-ti cũng đang ở Luân Đôn. Họ chuẩn bị đi du lịch ở nước ngoài theo lệnh của các bác sĩ nhằm hồi phục tinh thần sa sút của Nam tước. Sau khi họ đi rồi, tôi thấy đã đến lúc gợi chuyện về đề tài cần thiết. Holmes nói :

- Từ đó đến giờ, tôi đã hai lần nói chuyện với cô Xép-tôn và mọi chuyện đã sáng tỏ. Tôi nghĩ, hiện giờ không còn điều bí ẩn nào cả. Anh có thể xem qua những ghi chép của tôi về vụ án này trong hồ sơ có chữ "B".

- Anh có thể trình bày tóm tắt các sự kiện chỉ dựa vào trí nhớ được không?

- Xin vui lòng, mặc dầu không dám bảo đảm là tôi nhớ hết mọi chi tiết. Nếu tôi có quên một điều gì thì anh hãy nhắc giùm tôi.

Những tài liệu thu thập được đã khiến tôi tin chắc rằng bức chân dung của dòng họ Baskerville cho biết một sự thật, rằng Xép-tôn thuộc dòng họ Baskerville, con trai của ngài Rod Baskerville, em út của ngài Charles. Ông Rod phải chạy sang Nam Mỹ, lập gia đình và sau đó sinh được một người con mang họ cha. Chàng trai này kết hôn với Béry Garcia, một trong những mỹ nhân ở Costarica. Hắn tham ô một khoản tiền của nhà nước, nên sau khi đổi họ thành Vandeleur, hắn trốn về Anh quốc, nơi không lâu sau đó hắn mở một trường học ở phía đông Yorkshire. Hắn chọn loại hoạt động này vì hắn biết lợi dụng những tri thức và kinh nghiệm của một nhà giáo mà hắn quen trên đường về Anh quốc. Thế nhưng người bạn của hắn đã lâm vào giai đoạn cuối cùng của bệnh ho lao và chẳng bao lâu đã chết. Công việc của nhà trường càng ngày càng sa sút. Hai vợ chồng có ý định đổi họ và từ đây bắt đầu mang danh là Xép-tôn. Thời gian sau, với phần dư tài sản của mình, với những dự định mới trong tương lai, và với lòng ham thích môn côn-trùng học, Xép-tôn dọn đến ở miền Nam nước Anh. Tôi đã dò hỏi Viện bảo tàng Anh và được biết hắn trở thành người có uy tín, được mọi người thừa nhận trong lĩnh vực này.

Xép-tôn tìm hiểu rất cặn kẽ và biết rằng giữa hắn với thái ấp rộng lớn chỉ có hai sinh mệnh tất cả. Lúc mới chuyển đến Devonshire, các kế hoạch của hắn có lẽ còn mơ hồ. Nhưng rồi ý định độc ác từ đâu hắn nhận vợ mình là em gái. Ý định lợi dụng cô ta làm con mồi đã nảy ra ngay trong óc hắn. Mục đích cuối cùng của hắn là phải nhận được thái ấp. Để khởi đầu, cần chuyển đến ở gần lâu đài Baskerville hơn, và sau đây sẽ đặt mối quan hệ thân thiết với ngài Charles cùng các láng giềng khác.

Chính Charles đã kể cho hắn nghe truyền thuyết về con chó, nghĩa là Charles tự mình dọn đường đi đến cái chết. Xép-tôn biết rằng tim ông già bị đau, rằng chỉ một xúc động

manh cũng có thể làm ngài chết. Hắn biết được điều này là do bác sĩ Móc-ti. Ngoài ra, hắn cũng biết là ngài Charles là một người mê tín. Đầu óc linh hoạt của Xép-tôn đã nhanh chóng vạch bảo hắn phươg kế giết ngài Charles mà chính hắn sẽ không hề bị nghi ngờ.

Xép-tôn đã bắt tay thực hiện ý định đó với tất cả sự sành sỏi. Một tên giết người tâm thường trong trường hợp này có lẽ hài lòng với một con chó độc, nhưng hắn tạo ra một con quỳ dữ ! Hắn mua con chó hung dữ nhất, to lớn nhất. Thế rồi, hắn cùng con chó theo con đường phía Bắc trở về Devonshire, đi vòng qua khu đầm lầy, mang con chó về nhà mà không bị ai để ý. Trong thời gian đi bắt bướm, hắn phát hiện ra con đường đi sâu vào đầm lầy Grimpen và tìm ra một nơi nhốt con chó dữ. Hắn đã để con chó ở đây, xích lại và chờ đợi thời cơ.

Nhưng chờ đợi lâu mà thời cơ vẫn chưa xuất hiện : Không thể lừa ngài Charles đi ra ngoài thái ấp vào ban đêm nổi. Nhiều lần, Xép-tôn mang chó theo ngòì rình ông già, nhưng đều uổng công. Lúc đó, Xép-tôn đặt tất cả niềm hy vọng của mình vào người vợ. Nhưng lần ấy cô ta đã từ chối. Cô ta không chịu quyến rũ ông Charles khi biết rằng việc đó có thể huỷ hoại đời ông. Cả dọa dẫm lẫn đánh đập, vẫn không đem lại kết quả. Cô không muốn tham gia vào âm mưu thâm độc của chồng. Thế là Xép-tôn rơi vào tình trạng bế tắc.

Nhưng rồi lối thoát cho Xép-tôn đã được tìm thấy. Ngài Charles biểu lộ tình cảm thân ái đặc biệt đối với Xép-tôn, đã phái hắn đi gặp bà Laura Lyons với tư cách là người trung gian của mình. Nhận là mình chưa có gia đình, hắn hoàn toàn chinh phục được người đàn bà bất hạnh này và làm cho bà ta tin rằng hắn sẽ lấy bà làm vợ nếu bà ly dị chồng. Hắn phải hành động thật khẩn trương. Khi hắn hay tin ngài Charles sửa soạn đi Luân Đôn theo yêu cầu khẩn khoản của bác sĩ Móc-ti thì hắn cũng làm ra vẻ tán thành. Hắn thấy mình không thể

chậm trễ ; nếu không thế, miếng mồi có thể bị mất. Xép-tôn đã ép bà Laura viết thư cho ngài Charles, van nài ngài cho gặp trước khi ngài đi khỏi lâu đài Baskerville. Sau đấy, làm bộ cao thượng, hấn khuyên bà không đi đến cuộc gặp mặt. Thế là thời cơ chờ đợi bấy lâu nay đã xuất hiện.

Chiều hôm đó, sau khi từ Coombe Tracy trở về, hấn kịp chạy tới chỗ con chó, bôi lên người nó chất phosphor rồi dẫn nó tới nơi ngài Charles sẽ phải đến. Con chó bị chủ kích thích, nhảy qua cửa hàng giậu, lao theo ngài Charles. Ông già quý tộc vừa chạy vừa kêu cứu. Cảnh tượng hấn là khủng khiếp ! Chung quanh là bóng đêm. Rượt theo sau ông ta trong bóng đêm ấy, là một con vật khổng lồ mồm phát sáng, còn mắt thì rực lửa. Tim của ngài Charles không chịu nổi, ông đã ngã xuống tắt thở. Sau khi ngài Charles ngã hình như con chó có ngửi rồi bỏ đi mà không đụng vào người ông. Bác sĩ Móc-ti có nhận ra những dấu vết này. Xép-tôn gọi con chó của mình, vội vàng dắt nó trở lại rồi đi sâu vào vùng đầm lầy.

Đấy là tất cả những gì có liên quan tới cái chết của ngài Charles. Hai người đàn bà bị lôi kéo vào vụ này, cô Xép-tôn và bà Laura Lyons đều nghi ngờ kẻ giết ngài Charles là ai. Cô Xép-tôn biết là người chồng đang mưu toan chống lại ông già và còn biết về sự hiện diện của con chó. Tuy bà Laura Lyons không hề may mắn biết về điều này, nhưng cái chết của ngài Charles trùng với thời gian cuộc gặp mặt, đã làm cho bà có ấn tượng mạnh. Mặc dầu vậy, cả hai người hoàn toàn nằm trong sự thao túng của hấn, hấn có thể không e ngại gì họ. Như thế, nửa đầu của nhiệm vụ đã được thực hiện thành công, còn nửa thứ hai của nhiệm vụ đó thì khó hơn nhiều.

Ban đầu, rất có thể Xép-tôn không nghĩ tới sự tồn tại của người thừa kế tài sản ở Canada. Nhưng hấn đã biết ngay về điều đó từ bác sĩ Móc-ti, ông này đồng thời cũng là người báo cho hấn biết ngày trở về của ngài Henry. Ý nghĩ nảy ra trước tiên trong đầu hấn là liệu có thể thanh toán người đàn ông

Canada trẻ tuổi này ở Luân Đôn trước khi ông ta đến Devonshire được hay không. Xép-tôn không thuyết phục vợ nữa vì hẳn còn nhớ là cô ta đã cự tuyệt việc lôi cuốn ông già Charles vào bẫy của mình. Để cô ta ở lại một mình, hẳn cũng không dám. Có thể hoàn toàn làm tổn hại uy quyền của hẳn trước người vợ. Thế là vợ chồng hẳn cùng đi Luân Đôn. Như sau này tôi được rõ thì cả hai người nghỉ chân tại khách sạn Mexborough trên phố Craven nơi cậu Các có rẽ vào khi đi tìm trang báo Times bị cắt rời. Xép-tôn nhốt vợ trong phòng thuê ở khách sạn, còn bản thân hẳn thì mang bộ râu giả theo dõi bác sĩ Móc-ti tới đường Baker, đến sân ga, và đến tận khách sạn. Cô Xép-tôn hoài nghi về những ý định của chồng nhưng cô sợ hẳn, sợ tới mức không dám viết thư cho ngài Henry mà cô biết đang bị đe dọa. Nếu lá thư rơi vào tay Xép-tôn thì hẳn sẽ giết cô ta. Cuối cùng, như chúng ta đã biết, cô cắt những chữ cần thiết trong tờ báo và viết địa chỉ bằng nét chữ đã thay đổi. Bức thư đến tay Nam tước và lần đầu tiên nhà quý tộc phải đề phòng. Xép-tôn cần xoay sở để đoạt bằng được bất kỳ một thứ trang phục nào của ngài Henry để cho con chó ngửi trước khi lần theo dấu vết của ông. Vẫn như mọi khi, hẳn hành động khôn khéo và mau lẹ, chắc chắn là tên hầu phòng hoặc người nhân viên đánh giày đã nhận một món tiền thưởng hào phóng để giúp hẳn. Chẳng may là chiếc giày đầu tiên lại là giày mới, bởi thế nó thành vô ích. Hẳn đã trả lại và nhận cái khác thay thế. Từ sự kiện có ý nghĩa này, tôi suy luận là chúng ta đang đối đầu với một con chó thực sự, vì chỉ điều đó mới giải thích được tại sao tên lưu manh lại cố gắng đoạt được chiếc giày cũ.

Sáng hôm sau, những người bạn tới thăm chúng ta. Xép-tôn đã ngồi trên xe mui theo dõi họ. Rõ là hẳn đã biết mặt tôi, biết địa chỉ của tôi và căn cứ vào tính khí của hẳn, tôi cho rằng sự nghiệp tội phạm của hẳn không chỉ giới hạn ở vụ án Baskerville. Chẳng hạn ba năm trở lại đây, ở các tỉnh phía tây

xây ra bốn vụ cướp giật lớn mà không phát hiện ra tội phạm. Vụ cướp giật sau cùng trong số đó xảy ra ở Folkstone vào tháng 5. Kẻ cướp mang mặt nạ đã dùng súng quật ngã một chú bé bắt chột bắt gặp hắn. Hiện giờ, tôi hầu như chắc chắn rằng Xép-tôn đã khôi phục sự nghiệp tài chính bằng cách như vậy, rằng đã từ lâu hắn là một tên tội phạm nguy hiểm.

Buổi sáng hôm đó, chính hắn đã khéo léo thoát khỏi tay chúng ta rồi sau đó đã táo bạo mạo danh tôi vì hắn biết rõ thế nào tôi cũng sẽ tìm được chiếc xe mui này. Từ lúc đó, hắn hiểu là ở Luân Đôn sẽ không thành công được. Hắn lui về Grimpen, chờ Nam tước đến đây.

- "Khoan đã !" - Tôi ngắt lời Holmes "Còn một điểm tôi chưa được rõ. Con chó sẽ ra sao sau khi chủ của nó đi Luân Đôn?"

- Vấn đề rất quan trọng. Chính tôi cũng nghĩ tới, chắc chắn hắn có người tâm phúc. Anh còn nhớ người phục vụ ở Merripit, ông già Anthony không? Ông ta sống trong gia đình Xép-tôn nhiều năm, ngay cả khi họ còn cai quản trường phổ thông kia. Tất nhiên ông ta biết họ là vợ chồng. Thế rồi, chính ông lão Anthony này đã biệt tăm, không còn thấy ông ta ở Anh nữa. Chính mắt tôi đã trông thấy ông ta đi vào vùng đầm lầy Grimpen theo lối mòn do Xép-tôn đánh dấu. Cho nên rất có thể khi người chủ vắng mặt, Anthony đã nuôi con chó, mặc dầu có thể ông ta không ngờ tới là người ta giữ con chó ở đây với mục đích gì.

Thế là vợ chồng Xép-tôn đã quay về Devonshire và chẳng bao lâu anh cùng ngài Henry đi tới đó. Có lẽ anh còn nhớ là khi bóc lá thư chuyển cho ngài Henry ra, tôi đã lưu ý xem có hình lộng ở trong đó không. Tôi đem giấy đến gần mắt và phát hiện ra mùi nước hoa "bông nhài trắng" thoang thoảng. Có 75 loại nước hoa mà người thám tử dày dặn cần phải phân biệt. Nếu có mùi bông nhài, chứng tỏ tác giả của lá thư là đàn bà,

và lúc đó tôi đã nghi ngờ vợ chồng Xép-tôn. Vậy là tôi đã biết có con chó trong vụ này và đoán ra ai là thủ phạm, trước khi đến Devonshire, kế hoạch của tôi là phải theo dõi Xép-tôn. Nhưng nếu tôi theo các anh về lâu dài thì hẳn sẽ đề phòng ngay lập tức. Tôi buộc phải lừa dối tất cả mọi người, trong đó có anh. Tôi nói là tôi ở tại Luân Đôn nhưng chính tôi lại xuất hiện sau anh. Thật ra tôi sống ở Coombe Tracy, còn hang đá ở khu đầm lầy chỉ được dùng đến khi cần phải ở gần nơi hành động hơn. Cậu bé Các đến Devonshire cùng tôi. Khi đi lại khắp nơi với dáng dấp của một chú bé thôn quê, Các đã giúp tôi rất nhiều. Ngoài ra, chú còn cung cấp đồ ăn và quần áo sạch cho tôi, theo dõi anh khi tôi bận để mắt tới Xép-tôn.

Anh đã biết là các bản phúc trình của anh được mau chóng chuyển từ đường Baker đến Coombe Tracy. Tôi thu nhận được rất nhiều điều từ chúng, đặc biệt là tiểu sử của Xép-tôn. Nhờ đó, tôi xác định được cá nhân của họ, và tôi đã hiểu mình đang đương đầu với ai. Tuy nhiên, cuộc điều tra đã trở nên phức tạp bởi một điểm phụ : đó là vụ vượt ngục của tên tù khổ sai và mối liên hệ giữa hắn với vợ chồng Mô-rơ. Nhưng anh đã gỡ nút này ra.

Khi anh gặp tôi trong hang đá thì tôi đã hiểu rõ vụ án, nhưng hồ sơ buộc tội thì chưa đầy đủ. Thậm chí vụ mưu hại không thành công của Xép-tôn đối với ngài Henry được kết thúc bằng cái chết của tên tù, không thể xem là bằng chứng buộc tội Xép-tôn. Tôi chỉ còn một cách duy nhất : Dùng ngài Henry làm con mồi để bắt quả tang hắn ngay tại nơi gây ra tội ác. *Nam tước phải đi một mình và làm như không được ai bảo vệ cả.* Chúng ta đã làm như thế, và chúng ta không chỉ kết thúc cuộc điều tra mà còn đẩy Xép-tôn đến cái chết.

Bây giờ tôi chỉ còn kể về vai trò của cô Xép-tôn. Tôi tin chắc là Xép-tôn hoàn toàn bắt cô tuận phục mình. Cô gái đồng ý nhận mình là em gái của hắn, nhưng cô ta khăng khăng cự tuyệt việc trở thành kẻ tòng phạm tích cực với kẻ giết người.

Cô đã nhiều lần toan báo động cho ngài Henry về mối nguy hiểm đang đe dọa ông, mà không phải tố giác chồng mình. Về phần Xép-tôn, y có thể ghen tuông. Khi Nam tước bắt đầu biểu lộ tình cảm triu mến đối với người đàn bà đó thì Xép-Tôn không kim hãm nổi lòng mình được, mặc dù điều này nằm trong kế hoạch của hắn. Trong cơn giận dữ, hắn đã bộc lộ toàn bộ bản tính trước đó được che đậy một cách khéo léo. Tuy nhiên hắn vẫn kích lệ sự sẵn đón của ngài Henry để đưa ngài vào tròng và rồi sớm muộn ngài cũng sẽ rơi vào tay hắn. Nhưng vào giờ phút quyết định thì cô ta nổi loạn. Cô đã nghe biết về cái chết của tên tù khổ sai vượt ngục, biết rằng vào tối hôm đó ngài Henry đến ăn cơm thì người ta đã đưa con chó tới nhà chứa củi ở ngoài sân. Cuộc cãi vã dữ dội xảy ra liền sau đó : Cô Xép-tôn nói rằng cô biết chồng có tình nhân. Cô gọi chồng là kẻ giết người. Lòng thủy chung trước đây nhường cho lòng căm ghét. Xép-tôn hiểu ngay rằng vợ hắn sẽ tố giác hắn, và thế là trối cô lại để cô không thể báo trước cho ngài Henry. Có lẽ hắn hy vọng rằng : sau khi biết về cái chết của Nam tước, người ta sẽ tin đó là do lời nguyền của dòng họ Baskerville. Thế là hắn sẽ lại đoạt sự phục thù của người vợ và sẽ bắt cô im lặng. Xép-tôn đã tính lầm.

- Lẽ nào Xép-tôn không hy vọng gì ngài Henry cũng chết vì sợ hãi khi trông thấy con gáo ộp đó? - Tồi hỏi.

- Con chó rất hung dữ, và còn bị bỏ đói. Nếu ngài Henry không chết ngay tại chỗ thì cái tình cảnh khủng khiếp như thế, cũng có thể làm tê liệt sức lực của ông, và rồi ông sẽ không sống nổi với con chó.

- Đúng vậy, bây giờ chỉ còn lại một câu hỏi : Nếu xưng là người kế thừa tài sản, Xép-tôn làm sao giải thích được việc này : với tư cách là người thừa kế, tại sao hắn lại sống ẩn lánh ở sát ngay thái ấp? Lẽ nào điều đó không gọi ra những mối ngờ vực?

- Theo lời của cô Xép- tôn thì người chồng của cô đã nhiều lần nghĩ về chuyện đó. Hắn có thể tìm thấy ba lối thoát . Một là, đi đến Nam Mỹ, thiết lập mối quan hệ với lãnh sự quán Anh ở đó, rồi từ đấy yêu cầu nhận tài sản mà không trở về Anh quốc. Hai là, thực hiện tất cả những điều đó ở Luân Đôn sau khi đã thay đổi mình đến mức không thể nhận ra được. Ba là, dựng lên một người giả mạo làm kẻ thừa kế sau khi cung cấp cho người này một tài liệu cần thiết với sự thoả thuận một phần thu nhập nhất định nào đó. Nếu nhận xét kỹ Xép-tôn, chúng ta có thể tin chắc rằng hắn có thể thực hiện được một trong ba lối thoát đó.

Nhưng thôi, bây giờ, bạn thân mến, chúng ta hãy nên nghĩ tới những gì thoả mái hơn. Làm ơn sửa soạn trong vòng nửa tiếng đồng hồ thôi, rồi ta đi nghe nhạc kịch.

Bàn chân của quý

Con người mình đồng da sắt đã bắt đầu biểu lộ vài triệu chứng mệt mỏi. Tháng 3 năm đó, bác sĩ A-ga ở đường Harley ra lệnh cho Holmes phải nghỉ ngơi hẳn, nếu muốn tránh một sự suy thoái tâm thần nghiêm trọng. Holmes có bao giờ để ý đến sức khoẻ của mình, nhưng khi nghe hoạ sẽ vĩnh viễn mất khả năng làm việc, anh liền đi thay đổi không khí. Do vậy vào đầu mùa xuân năm 1897, hai chúng tôi đến ngụ trong một biệt thự nhỏ bé gần vịnh Polhu, ở mòm cực của đảo Cornouailles.

Nơi đây rất thích hợp cho tính khí u buồn của con bệnh. Qua các cửa sổ của ngôi nhà nhỏ, tường trắng, chúng tôi nhìn thấy trọn cái vòng bán nguyệt thê lương của cái vịnh Núi Đồi, từ lâu đã là tử địa của các thuyền buồm, với những mòm đá ngầm.

Ở phía đất liền, quang cảnh cũng khá âm đạm. Đó là một vùng rừng chồi màu nâu. Xa xa, tháp chuông của một nhà thờ đánh dấu vị trí của một ngôi làng cổ. Khắp nơi trên rừng chồi này, người ta tìm thấy các dấu vết của một chủng tộc diệt vong với những kiến trúc quái dị bằng đá, những mô đất hình thù kỳ lạ chứa đựng tro của người chết và những công trình quái đản có thể là những đài tưởng niệm tử sĩ trong thời kỳ xa xưa. Cái nơi huyền bí này kích thích mạnh mẽ tư tưởng của Holmes. Anh dành khá nhiều thời giờ để đi dạo và suy ngẫm, lưu tâm đến ngôn ngữ xưa ở vùng Cornouailles. Đối với anh, nó cùng tộc với ngôn ngữ của người Chaldée mà các thương nhân Phénicie đưa vào đó trên đường đi bán thiếc. Trước đây, khi Holmes vừa nhận được một bưu kiện sách triết và đang bắt đầu viết luận án thì ngẫu nhiên chúng tôi lọt vào mảnh

đất thơ mộng này. Tôi rầu rĩ, nhưng Holmes thì vui vẻ vô cùng: một bài toán với nhiều diễn biến và nhiều bí hiểm đang chờ đợi anh.

Chúng tôi lọt vào một chuỗi biến cố làm rung chuyển không chỉ ở vùng Cornouailles mà ở cả nước Anh nữa. Người ta gọi đó là "*Sự kinh tởm tại Cornouailles*".

Tôi có nói rằng tại vùng đất này, rải rác đó đây có những cái tháp làm dấu vị trí các ngôi làng. Thôn Wollas Tredannik có nhà cửa qui tụ quanh một nhà thờ cổ rêu phong. Linh mục chánh xứ Rô-hây 40 tuổi, có biết chút ít về khảo cổ học. Ông là một người dễ thương, hiểu tất cả các ngõ ngách của địa phương. Ông mời chúng tôi uống trà tại một chánh xứ. Nơi đây chúng tôi được giới thiệu với nhà quý tộc Móc-ti. Ông này thuê một căn hộ trong toà nhà mênh mông của chánh xứ. Ông Móc-ti gầy, da màu nâu, mang kiếng và còng lưng như bị tật. Tôi nhớ hôm đó trong cuộc thăm viếng ngắn ngủi tại toà chánh xứ, nhân vật này ít nói, u buồn, rụt rè và hình như đang ưu tư về chuyện riêng.

Ngày thứ ba, 16 tháng 3, không lâu sau bữa cơm sáng, lúc chúng tôi đang hút một điếu thuốc trước khi ra rừng dạo chơi theo lệ thường, thì hai người đàn ông ấy đến. Linh mục chánh xứ nói với giọng xúc động:

- Thưa ông Holmes, đêm hôm qua xảy ra sự việc bi thảm, làm chấn động nhất từ trước đến nay. Chúng tôi xem sự có mặt của ông tại họ đạo này là phước lành, vì kiểm lại trên toàn nước Anh, ông là người duy nhất mà chúng tôi cần trong giây phút này.

Tôi nhìn nhà tu hành với cái nhìn thiếu thiện cảm. Nhưng Holmes vứt thuốc, ngồi ngay ngắn lại. Anh chỉ cái ghế dài. Hai người khách ngồi sát bên nhau. Ông Móc-ti tự chủ hơn nhà tu, nhưng đôi mắt u buồn rực sáng và hai bàn tay run rẩy, cho thấy rằng ông ấy cũng xúc động như người chủ nhà.

- Ai nói, cha hay là tôi? - Ông Móc-ti hỏi cha xứ.

- “Thưa cha”, Holmes nói. “Vì chính cha phát hiện sự việc, nên tôi đề nghị cha trình bày”.

Tôi lần lượt quan sát nhà tu, rõ ràng ông đã rất vội vã khi mặc quần áo, còn người ở trọ ăn mặc rất chỉnh tề. Vị mục sư nói:

- Đêm qua, bạn Móc-ti đến chơi nhà của hai anh Ô-ven, Gioóc và cô em Băng-đa của Móc-ti tại thôn Tredannick Wartha, trên rừng chồi. Ông Móc-ti ra về lúc hơn 10 giờ. Ba người em tiếp tục đánh bài trong phòng ăn. Mọi người đều khoẻ mạnh và vui vẻ. Sáng nay, ông Móc-ti thức dậy sớm, đang đi dạo về hướng đó, thì xe của bác sĩ Ri-sa đuổi theo, cho biết rằng mình vừa nhận được một lời mời khẩn cấp từ thôn Wartha. Tất nhiên ông Móc-ti liền leo lên xe cùng đi. Khi tới đó, ông thấy tình trạng dị thường. Hai em trai, cô em gái vẫn còn ngồi tại bàn, y hệt như lúc ra ông về. Các con bài vẫn ở trước mặt họ, đèn nến cháy cạn chén, nhưng cô em gái tựa lưng vào ghế, chết cứng. Còn hai người em trai thì ngồi la cười và hát như hai thằng điên. Cả ba (một chết và hai điên) đều biểu lộ trên mặt họ cùng một sự kinh hoàng vô cùng ghê rợn. Trong nhà không có ai, trừ bà già Pô-tê, người nấu bếp kiêm lao công. Bà này khai rằng mình ngủ ngon lành, chẳng nghe tiếng động nào trong đêm.

Không vật gì bị đánh cắp hoặc bị dời chỗ. Người ta đoán mò lung tung về tính chất của sự kinh hoàng.

Holmes lặng thinh hồi lâu, chìm đắm trong cái thảm kịch quái dị.

- Tôi sẽ đảm trách nội vụ. Ông tới đó chưa ông mục sư?

- Chưa. Khi ông Móc-ti tường thuật các chi tiết đó, ngay tức khắc chúng tôi chạy tới đây.

- Nơi xảy ra thảm kịch cách đây bao xa?

- Một cây số rưỡi.

- Như vậy thì chúng ta đi bộ. Nhưng trước khi đi, tôi muốn hỏi mông Móc-ti vài câu.

Ông này ngồi im, mặt tái xanh, đường nét căng, nhìn Holmes một cách âu lo, hai bàn tay co giật liên hồi. Đôi môi trắng bệch run rẩy từ khi nghe kể về biến cố hải hùng giáng xuống đầu các em của ông. Ông ta nói một cách nhiệt thành:

- Tôi sẽ thành thật trả lời ông.

- Nói về tối hôm qua.

- Tối hôm qua, tôi ăn cơm tối với linh mục chánh xứ và anh cả của tôi là Gioóc đê nghị đánh bài. Chúng tôi bắt đầu chơi lúc 9 giờ. Tôi đứng dậy ra về lúc 10 giờ kém 15. Lúc tôi về, anh Gioóc và hai em tôi vẫn ngồi quanh bàn vui tươi hơn hở. Bà Pô-tê đã đi ngủ. Do đó chính tôi mở và đóng cửa chính. Cửa sổ cạnh bàn họ đánh bài thì đóng rồi. Nhưng bức màn không có kéo xuống. Cửa lớn và cửa sổ sáng nay vẫn như cũ. Vậy là không có lý do để nói rằng có một kẻ vô danh đã lén vào nhà. Nhưng hai anh tôi đã điên vì sợ, còn em Băng-đa thì đã chết.

- Theo như ông tường thuật thì các sự kiện này quả là phi thường. Nếu tôi không lầm thì ông không thể giải thích được cái thảm kịch này? - Holmes nói.

- "Trò yêu tinh mà, thưa ông Holmes. Đó là một trò yêu tinh", Móc-ti la lớn. "Sức mạnh của con người không thể làm được như thế!".

- Nếu câu chuyện thuộc bình diện siêu nhân, tôi phải bó tay. Nhưng chúng ta thử vận dụng tất cả các giả thiết tự nhiên trước khi chấp nhận giả thiết huyền bí. Ông Móc-ti, dù ít dù nhiều ông đã không sống chung với gia đình phải không? Những người kia sống chung với nhau, còn ông thì ở riêng?

- Vâng, thưa ông Holmes, chúng tôi là một gia đình thợ mỏ thiếc ở Redruth. Chúng tôi đã bán cái xí nghiệp của mình cho một công ty và kiếm được một số tiền khá lớn dành cho

tuổi già. Tôi không phủ nhận rằng sự chia chác có gây ra vài bực dọc trong một thời gian. Nhưng giờ đây, tất cả đã đi vào quên lãng. Và anh em chúng tôi đã trở lại thân thiết với nhau.

- Hãy suy nghĩ thêm về cái đêm đoàn tụ! Ông không nhớ một sự kiện nào có thể soi sáng cái bi kịch sao? Cố nhớ đi ông, chỉ cần một chỉ dẫn nhỏ nhất cũng có ích cho tôi.

- Tôi không thấy gì cả.

- Không khí của gia đình cũng bình thường như mọi ngày?

- Chưa bao giờ họ vui như thế!

- Các anh và em gái của ông có vẻ gì lo lắng không? Họ có biểu lộ một mối lo sợ mơ hồ về một mối hiểm nguy nào đó không?

- Tuyệt đối không!

- Vậy là ông không có chi tiết gì để giúp tôi. Móc-ti suy nghĩ nghiêm túc trong giây lát.

- Tôi có nhớ một điều. Trong lúc chúng tôi ngồi quanh bàn, tôi quay lưng ra cửa sổ, còn anh Gioóc thì nhìn ra cửa sổ. Có một lần tôi thấy anh nhìn đăm đăm qua vai tôi đến nỗi tôi phải quay ra sau và cùng nhìn. Bức màn thì kéo lên, cửa sổ kính thì đóng kín. Tôi không thấy gì xa hơn các bụi cây trên bồn hoa. Và hình như tôi thấy một cái gì đó đang di động. Tôi không thể nói chính xác đó là một con người hay một con thú, nhưng tôi tin là có một sự lạ. Tôi có hỏi xem anh ấy nhìn cái gì thì anh cho biết cũng có cảm giác như tôi.

- Ông không có kiểm chứng tại chỗ?

- Không. Câu chuyện ngừng tại đó.

- Ông đã rời họ mà không cảm thấy có điều gì sắp xảy ra chứ!

- Tuyệt đối không!

- Tôi không hiểu rõ nhờ đâu ông hay tin sớm thế?

- Tôi luôn luôn thức sớm, và thường thường tôi đi bộ một lúc trước khi dùng điểm tâm. Sáng nay mới vừa ra khỏi nhà thì bác sĩ đuổi kịp bằng xe. Ông cho biết rằng bà lão Pê-tê sai một thằng bé chạy tới mời ông. Tôi nhảy tót lên cạnh ông và cùng đi. Ngay khi tới nơi, chúng tôi đến cái căn phòng ghé rợn. Nền và lửa lò sưởi đã tắt từ lâu. Họ ngồi trong bóng tối cho tới mặt trời mọc. Bác sĩ cho tôi biết, em gái tôi chết cách đó ít nhất là 6 giờ. Không thấy có dấu vết nào của bạo hành. Cô ấy cúi đầu, ngồi chết trong ghế bành, Gioóc và Ô-ven đang ca hát và thốt ra những âm thanh rời rạc như hai con khỉ khổng lồ. Tôi không thể chịu đựng được cảnh tượng này. Chính gương mặt bác sĩ cũng trắng bệch như tấm "ra", gằn ngất xỉu và chúng tôi còn phải lo chăm sóc ông ấy nữa.

- "Quái dị!", Holmes đứng dậy và lấy nón, "Thực là quái dị! Tôi nghĩ rằng ta nên tức tốc đi tới Tredannick Wartha. Tôi thú thật là ít khi gặp một bài toán quái dị như vậy".

Chúng tôi đã chọn một con đường hẹp, ngoằn ngoèo quanh co để đến hiện trường. Nghe tiếng lộc cộc của xe ngựa trước mặt chạy tới, chúng tôi nép sát lề. Khi xe đó chạy ngang qua, chúng tôi thấy một khuôn mặt đang nhăn nhó, bị biến dạng một cách kinh dị, mắt trợn trắng, răng nghiêng ken két.

- "Anh và em tôi", Móc-ti la to, mặt mày tái lét. "Họ được chở đi Holmes!".

Nhìn chiếc xe gập ghềnh xa dần, chúng tôi tiếp tục lộ trình.

Căn nhà rộng và sáng sủa, khu vườn mênh mông được tô điểm bằng hoa xuân. Cái cửa sổ của phòng khách nhỏ ngó ra vườn. Chính từ cửa sổ đó, ông Móc-ti nhìn thấy cái quỷ quái nào đó. Holmes chậm rãi và nghĩ ngợi, đi dạo qua các bồn hoa trên lối đi, trước khi vào nhà. Anh trầm tư đến nỗi vấp phải bình tưới, lật nhào nó, làm ướt chân chúng tôi. Vào bên trong, bà lão lao công Pê-tô đón tiếp chúng tôi. Bà ta mau mắn

trả lời tất cả các câu hỏi của Holmes: suốt đêm bà không hề nghe tiếng động nào. Đến sáng lúc vào xa-lông, bà ngất xỉu trước cảnh rừng rợn quanh cái bàn. Sau khi hoàn hồn, bà mở cửa sổ cho khí trời của buổi sáng tràn vào, rồi bà đi dọc lối đi, sai một thằng bé trong trang trại đi mời bác sĩ.

Bà không còn muốn ở thêm tại đây một ngày nào nữa. Ngay chiều nay bà sẽ ra đi, trở về với gia đình.

Chúng tôi leo lên cầu thang để nhìn xác cô gái. Trước đây chắc chắn cô rất đẹp. Người ta vẫn còn thấy vết tích của sự co giật hoảng sợ. Từ phòng của cô, chúng tôi xuống xa-lông, hiện trường của bi kịch. Tro và đay còn trong lò sưởi. Trên bàn có bốn khúc đèn nến cháy dở và bộ bài. Ghế dựa thì đã được xếp sát tường. Ngoại trừ chuyện đó, tất cả còn y nguyên. Holmes đi qua đi lại trong phòng. Anh liền tiếp ngồi vào cái ghế sau khi đặt chúng trở lại vị trí của đêm qua. Anh kiểm chứng những cái gì có thể thấy được ngoài vườn, khám nghiệm sàn trước và lò sưởi.

- Tại sao lại đốt lò sưởi? Chật chội như thế này mà lại đốt lò sưởi, nhất là vào một đêm xuân?

Ông Móc-ti giải thích rằng đêm đó lạnh và ẩm. Đó là lý do lửa được đốt lên sau khi ông ta về.

- Ông sẽ làm gì bây giờ, thưa ông Holmes. - Ông ta hỏi.

Holmes nhướn miệng cười rồi để bàn tay anh trên vai tôi:

- Watson! Có lẽ tôi phải chơi lại cái thuốc lá, đọc được mà anh đã bài bác. Giờ đây chúng ta đi về, bởi vì tại đây tôi không tìm được yếu tố nào mới mẻ và hữu ích. Ông Móc-ti, tôi sẽ liên lạc với ông và ông mục sư. Trong khi chờ đợi, tôi chúc cả hai ông một buổi sáng an lành.

Về tới biệt thự Poldhu, Holmes nằm co ro trong ghế bành, chung quanh khói thuốc mịt mù, lạnh thình, chân mày cau lại, trán nhăn mặt, mắt rỗng vu vơ. Cuối cùng anh đặt ống vớ xuống và đứng lên.

- Anh Watson! Chúng ta cùng nhau đi dạo dọc các tầng đá vôi và kiểm những mũi tên bằng đá lửa có kết quả hơn là đi tìm đáp số cho bài toán này. Bất trí óc làm việc mà không có nguyên liệu đủ, thì giống hết như cho máy nổ chạy mà không đổ xăng vào.

Chúng ta hãy rà soát lại tình hình một cách bình tĩnh trong lúc đi dạo. Tôi bắt đầu khẳng định rằng cả anh lẫn tôi không ai chấp nhận cái giả thiết có yêu quái. Chỉ còn lại cái sự kiện ba người là nạn nhân của sự can thiệp của người trần mắt tục. Vậy thì thảm kịch xảy ra lúc nào? Nếu tin theo lời thuật lại của người kể chuyện thì tai hoạ xảy ra ngay sau khi Móc-ti về. Đó là một điều quan trọng. Trong tất cả các sự phỏng đoán thì phải vài phút sau: *Các lá bài hãy còn trên bàn, giờ đi ngủ đã qua lâu rồi. Tuy nhiên họ vẫn ngồi y chỗ, bàn ghế vẫn y nguyên. Tôi lập lại rằng tai biến đã xảy ra ngay sau khi ông ta ra về và trước 11 giờ đêm.*

Như vậy là chúng ta phải kiểm lại các hành động của Móc-ti sau khi ông rời xa-lông. Các hành động của ông này đều có vẻ thoát khỏi mọi ngờ vực. Anh hiểu rằng qua việc lật đổ cái bình tưới, tôi lấy được dấu chân rất rõ của ông ta. Cát ẩm ướt của lối đi tạo thuận lợi cho công việc này. Đêm trước cũng ẩm, anh nhớ không, nhờ vậy, dựa vào một dấu, tôi có thể phân biệt và theo dõi đường đi của anh chàng. Anh chàng có vẻ đi nhanh về hướng toà chánh xử.

Vậy thì khi anh chàng này mất dạng rồi, thì ai đến đó hốt hồn các tay bài. Làm sao nhận dạng người này và xác định nguyên nhân gây ra tội ác. Ta có thể loại trừ bà lão Pê-tê ra? Có thể nào chứng minh rằng có một người bò sát cửa sổ và tạo ra hiệu quả làm ai cũng sợ phát điên? Cái gợi ý độc nhất về hướng này phát xuất từ anh chàng Móc-ti rằng anh của ông ta thấy một cái gì động đậy ngoài vườn. Đó là điều nực cười, vì đêm đó có mưa, có mây, tối đen như mực. Bất cứ ai tới đó với ý định hù dọa cũng đều phải dán mặt vào cửa kính. Phía

ngoài, dưới cửa sổ có một bồn hoa bè ngang một thước. Tôi không kiếm ra một dấu chân nào. Trong trường hợp này, khó tưởng tượng một kẻ vô danh đã có thể tạo một cảm giác hãi hùng như thế. Mặt khác, cho tới nay, chúng ta chưa tìm ra một động cơ nhỏ nhoi nào giải thích được một mưu toan vừa quái đản vừa rắc rối. Anh thấy rõ các khó khăn của chúng ta chứ, anh Watson?

- Rõ ràng là khó! - Tôi đáp.

- Tuy nhiên, tôi tin rằng trong hồ sơ lưu trữ của anh, anh có thể tìm ra vài vụ án cũng tối tăm tương tự. Trong khi chờ đợi, chúng ta tạm xếp vụ này, chờ có thêm tin tức chính xác và dùng thời gian còn lại của buổi sáng này để săn đuổi con người thời đồ đá mới.

Có lẽ tôi đã ca tụng cái khả năng siêu thoát tâm thần của Holmes. Tuy nhiên chưa bao giờ anh làm tôi kinh ngạc hơn buổi sáng mùa xuân đó tại vùng Cornouailles. Trong suốt 2 giờ liền, Holmes thuyết trình về người Celtes, về các đầu mũi tên, về cái mảnh vỡ của lọ hũ một cách lưu loát như không hề bận tâm về một bài toán học búa. Khi chúng tôi về nhà vào lúc xế chiều, một người khách đến. Chúng tôi nhận ra khách từ xa. Thân hình khổng lồ, khuôn mặt xương, đôi mắt hung ác, mũi quặp, bộ tóc muối tiêu, râu quai nón vàng óng ở đuôi. Tướng mạo này quen thuộc tại Luân Đôn, cũng như tại Phi châu.

Chúng tôi có nghe tin ông ta hiện diện trong vùng và đôi lần có thấy thoáng qua dáng dong dỏng cao của ông nổi bật trong rừng chồi. Ông không làm quen với chúng tôi, chúng tôi cũng không làm quen với ông vì ai cũng trọng sự thanh vắng của nhau. Ông sống đời ẩn dật, tại một nơi sâu trong của khu rừng Beau Champ Ariance, chìm đắm trong sách vở và bản đồ, ông tự lo việc nội trợ, và có vẻ không để ý đến việc của người chung quanh. Do đó, tôi rất kinh ngạc khi nghe ông hỏi

Holmes một cách nồng nhiệt xem có tiến được bước nào trong việc giải thích cái thảm kịch.

- Ông Holmes, cảnh sát quận hoàn toàn bối rối. Nhưng do kinh nghiệm dồi dào của ông, ông có thể đưa ra một giả thiết hợp lý. Về phần tôi, lý do độc nhất khiến tôi tò mò là vì trong nhiều lần lui tới vùng này, tôi có quen gia đình Móc-ti. Có thể nói rằng tôi quen họ rất nhiều. Sự bất hạnh đó không khỏi làm tôi đau buồn. Tôi đã đến cảng Plymouth để chuẩn bị xuống tàu đi châu Phi. Nhưng sáng nay khi nghe tin, tôi vội vàng quay trở về để tiếp tay với các nhà điều tra.

Holmes trở mắt:

- Ông bỏ vé tàu vì chuyện này?

- Tôi đi chuyến sau.

- Ông thật là tốt bụng.

- Chúng tôi là bà con mà.

- Đúng vậy! Các nạn nhân có họ hàng với ông. Hành lý của ông đều đã lên tàu rồi chứ gì?

- Chỉ một phần, phần lớn vẫn còn tại khách sạn.

- Tôi hiểu rồi. Biến cố này chưa được báo chí đăng tải?

- Chưa, nhưng tôi có nhận một điện tín. - Tôi xin phép được biết tên người gửi?

Một bóng mờ thoáng qua trán của nhà thám hiểm.

- Ông quá tò mò, thưa ông!

- Nghề nghiệp mà!

Phải cố gắng lắm, bác sĩ Tê-đan mới lấy lại bình tĩnh.

- Tôi không thấy có lý do để giấu ông, ông mục sư là người đánh điện cho tôi.

- Cám ơn, để trả lời câu hỏi của ông, tôi xin nói rõ với ông rằng tôi chưa giải thích được trọn vẹn nội vụ. Tuy nhiên, tôi hy vọng sẽ đi tới một kết luận.

- Ông có thể nói chính xác rằng các ngõ vực của ông có hướng hẳn về một phía nào không?

- Không, tôi không thể nói chính xác với ông được.

- Như vậy là tôi đã mất thời giờ vô ích. Tôi không còn lý do để kéo dài cuộc thăm viếng này.

Nói xong người khách chia tay với chúng tôi. Không đầy 5 phút sau, Holmes cũng ra đi, bám theo ông ta. Mãi cho tới tối, khi về thì bước đi uể oải. Qua điện mạo, tôi đoán biết chả có gì tiến bộ hơn. Holmes liếc qua cái điện tín nằm chờ, rồi liệng nó vào lửa, nói:

- Cửa khách sạn Plumouth. Tôi biết tên của khách sạn qua ông mục sư và tôi đánh điện để nắm chắc rằng bác sĩ Tê-dan không nói láo. Hình như ông ta có ngủ đêm tại đó, và có cho một số hành lý lên tàu trong khi ông quay về đây để chứng kiến cuộc điều tra. Anh nghĩ gì, anh Watson?

- Tại sao ông ấy để ý đến cuộc điều tra một cách tha thiết thế?

- Đúng! Đó là một sợi chỉ mà chúng ta chưa phăng đến. Vì tôi tin rằng chúng ta chưa qui tụ đủ các yếu tố. Khi đủ rồi thì các khó khăn của chúng ta chỉ còn là một kỷ niệm.

Sáng hôm sau, tôi đang cạo râu ở cửa sổ thì nghe tiếng vó ngựa chạy vội vã. Đến cửa chúng tôi, xe ngừng lại. Mục sư nhảy ngay xuống đất lao vào lối đi trong vườn hoa. Chúng tôi chạy ra đón. Ông rối trí đến nỗi không nói được rõ ràng và câu chuyện bị đứt đoạn.

- Chúng tôi hiện là nạn nhân của quỷ. Xứ đạo của tôi luôn bị quỷ phá, Satan thân chinh. Chúng tôi lọt vào quyền năng của quỷ dữ...

Ông lẳng xăng múa tay chân. Cuối cùng, ông đưa cái tin bất ngờ.

- Ông Móc-ti đã chết đêm qua. Triệu chứng giống hệt như các người trước.

Holmes nhảy bỗng lên.

- Cho chúng tôi quá giang!

- Vâng.

- Ông mục sư! Chúng tôi hoàn toàn thuộc quyền sử dụng của ông. Nhanh lên! Nhanh lên! Tôi phải tới đó trước khi người ta xáo trộn hiện trường.

Người ở trọ chiếm hai căn phòng trên gác, cả hai đều ở một góc. Căn dưới là phòng khách. Bên trên là phòng ngủ. Hai phòng ngó ra sân gôn nhỏ trải dài cho tới tận cửa sổ. Chúng tôi tới đó trước cả pháp y và cảnh sát. Chưa có cái gì bị đụng tới hoặc dời chỗ.

Phòng bốc mùi mốc rất khó chịu. Cô gái làm công vào trước mở cửa sổ, nếu không thì không tài nào thở nổi. Có thể do cái đèn dầu đang cháy dở bốc khói mịt mù trên cái bàn giữa phòng. Cảnh bàn, xác chết được đặt ngồi dựa vào ghế. Chòm râu quai nón nhọn chìa ra phía trước, cặp mắt kính lật ngược trên trán; cái khuôn mặt gầy gò màu nâu hướng ra cửa sổ và cũng bị méo mó vì kinh hoàng y hệt như khuôn mặt xác chết của cô em. Tay chân bị còng queo và các ngón tay cong lên như ông ấy đã trải qua một cơn khiếp đảm cùng cực. Ông mặc áo quần đầy đủ nhưng chúng tôi được biết ông đã ngủ trên giường và cái chết thê thảm xảy ra vào sáng sớm. Ngay khi vượt ngưỡng cửa của căn hộ, Holmes hoạt động năng nổ. Anh đi ra ngoài bồn hoa nhảy cửa sổ trở vào, đi vòng quanh xa-lông; leo lên phòng ngủ trên gác như con chó săn hùng hổ khi đã tìm ra con mồi. Holmes nhìn nhanh vào phòng rồi mở cửa sổ, có điều gì như kích thích anh thêm vì anh chồm ra ngoài và thốt ra những lời thích thú! Rồi anh lại tụt xuống cầu thang và nhảy cửa sổ, úp mặt sát cỏ, leo trở lên phòng một lần nữa. Holmes tỉ mỉ khám xét cái đèn thuộc loại làm theo chuẩn, rồi dùng bàn chân đo đạc. Anh dùng kính lúp khám nghiệm tấm thiếc bên trên cái bóng đèn, cào cào một

tí tro còn dính ở phần trên vào một phong bì rồi kẹp vào cuốn sổ con khi pháp y và cảnh sát xuất hiện. Anh ra hiệu cho mục sư rời tất cả chúng tôi đi ra ngoài. Anh nói:

- Tôi sung sướng loan báo rằng các cuộc điều tra của tôi không hoàn toàn tiêu cực. Tôi không thể nán lại để thảo luận nội vụ với cảnh sát. Tôi thỉnh cầu ông mục sư chuyển lời chào của tôi đến viên thanh tra và lưu ý ông ta về cái cửa sổ phòng ngủ và cái đèn trong xa-lông. Hai cái đó tách riêng ra gọi cho ta nhiều ý. Gộp lại, chúng đưa ta tới kết luận. Nếu cảnh sát muốn biết hơn, tôi sẵn sàng gặp bất cứ người đại diện nào của họ. Còn bây giờ, Watson à, chúng ta sẽ có việc làm ích lợi hơn tại chỗ khác.

Có thể cảnh sát không thích sự chõ mũi của một tay nghiệp dư, hoặc có thể vì họ tự cho đã đi đúng hướng; nên trong hai ngày đầu, chúng tôi không nghe nói về họ.

Trong khi đó Holmes hút thuốc liên tục và suy ngẫm miên man, nhất là anh thường một mình đi bộ ngoài đồng. Một thí nghiệm hé lộ cho tôi thấy hướng đi của cuộc điều tra. Anh mua một cái đèn giống y cái đèn chiếu sáng phòng của Móc-ti, đổ vào đó loại dầu giống y dầu dùng tại toà chánh xứ rồi kỹ lưỡng đo thời gian dầu cháy. Anh lại làm một cái thí nghiệm khác có tính chất khó chịu hơn, tôi còn nhớ hoài.

- Anh còn nhớ không, Watson! Chỉ có một điểm tương đồng duy nhất giữa các lời tường thuật mà chúng ta được nghe. Đó là sự tác động của không khí trong phòng trên người đầu tiên bước vào. Anh còn nhớ Móc-ti có nói rằng bác sĩ gần ngất xỉu, té xuống ghế bành. Anh cũng còn nhớ rằng bà lão lao công có nói rằng chính bà cũng xỉu khi bước vào phòng. Còn trong trường hợp mới đây, chắc chắn anh chưa quên cái không khí cực kỳ khó chịu của căn phòng Móc-ti khi chúng ta đến, dù cô người làm đã mở cửa rồi. Cô này như tôi được biết đã nhuộm bệnh về chuyện này. Watson à, anh hãy nhìn

nhận rằng, những sự kiện này rất có ý nghĩa. Trong cả hai trường hợp, không khí đều bị nhiễm độc. Trong cả hai trường hợp đều có sự cháy đang tiếp diễn trong phòng. Trong trường hợp thứ nhất, có bếp lửa; trong trường hợp thứ hai có cái đèn. Bếp là cần vì trời quá lạnh. Nhưng mà đèn, nếu dựa vào số đầu tiêu thụ thì được thắp khá lâu sau khi mặt trời mọc. Chắc chắn có một tương quan giữa ba chuyện: sự cháy, không khí ngột thở và cuối cùng là hai cái đèn và hai cái chết. Sáng tỏ chưa nào?

- Hình như đã sáng tỏ.

- Chúng ta có thể chấp nhận nó làm giả thiết xuất phát. Theo đó ta có thể cho rằng trong cả hai trường hợp, một chất gì đó đã cháy và tạo ra một chất khí cực kỳ độc hại.

Đúng thế! Trong thí dụ thứ nhất, liên quan tới gia đình Móc-ti chất này được bỏ vào bếp lửa. Cửa sổ đóng, lửa đương nhiên theo khói vào trong ống khói. Hiệu quả chắc chắn kém độc hại so với trường hợp thứ hai trong đó chất độc không có lối thoát. Kết quả thực tế cho thấy rằng sự suy đoán của ta không sai. Trong trường hợp thứ nhất, chỉ có người đàn bà có lẽ vì thể chất yếu nhất nên gục chết, còn hai người anh thì chỉ đèn, tạm thời hay vĩnh viễn chịu hiệu quả sơ khởi cái chất độc. Trong trường hợp thứ hai, có một chất độc dễ cháy đã giết chết người.

Theo hướng này, tôi lục lạo trong phòng của Móc-ti với hy vọng kiếm ra chất đó. Đương nhiên phải khám nghiệm cái miếng thiếc che hoặc cái bóng đèn. Tại hai nơi này, tôi thấy có tro trắng viên bột nâu chưa cháy hết.

- Tôi có lấy phân nửa số bột nâu này, bỏ vào một bi.

- Tại sao chỉ phân nửa vạy Holmes?

- Tôi không có quyền thọc gậy bánh xe của cảnh sát. Tôi có để lại cho họ toàn thể bằng chứng của những gì tôi đã thấy. Với một chút xú thông minh, họ sẽ kiếm ra. Giờ đây, chúng

ta sẽ thấp cái đèn của chúng ta. Phải nhớ mở cửa sổ để khỏi chết sớm. Anh hãy ngồi gần cửa sổ...

À, anh muốn tận mắt thấy rõ mọi việc ư? Được lắm. Tôi để cái ghế dựa này trước cái ghế bành của anh để hai đứa mình cùng cách đều với chất độc, mặt đối mặt, cửa lớn hả? Ta để nó hé mở. Giờ đây, chúng ta có thể canh chừng lẫn nhau và hãy ngưng cuộc thí nghiệm nếu các triệu chứng có vẻ báo động. Hiểu rõ? Tốt. Vậy thì tôi lấy cái bột trong phong bì và rắc nó trên cái đèn đang cháy. Xong rồi! Giờ đây, Watson! Ta hãy ngồi xuống chờ các biến cố diễn biến.

Vừa ngồi vào ghế bành thì mũi tôi ngửi mùi xạ hương, vừa nặng vừa khó chịu, muốn buồn nôn. Ngay cái hít đầu tiên, tôi mất hẳn sự kiểm soát của não bộ và trí tưởng tượng. Một đám mây đen ngòm và dày cộm bắt đầu quay trước mắt tôi. Tâm trí tôi nhắc tôi có một đám mây. Những hình thù mờ ảo quay cuồng trong đám mây đen đó. Mỗi một cái hình có vẻ báo hiệu về một cái gì hung tợn sẽ tới, báo trước rằng một quái vật khó tả, xâm nhập vào tôi. Một cơn kinh hoàng lạnh xương sống xâm chiếm tôi. Tôi cảm thấy tóc dựng đứng lên, mắt muốn lồi khỏi tròng, mồm há hốc, lưỡi cứng lại như da thuộc. Tôi thử kêu lên. Tôi nghe thấy tiếng nói của tôi như xa xôi và lạ tai. Cùng lúc đó, tôi thấy mặt của Holmes trắng như ma, cứng như xác chết, đầy đủ các triệu chứng của kinh hoàng, đầy đủ các đường nét tôi đã thấy trên các nạn nhân.

Thấy được Holmes thì tôi hơi tỉnh. Tôi nhảy khỏi ghế bành, ôm chầm lấy Holmes, khập khiễng dìu nhau ra cửa, nhảy lặn xuống bồn cỏ nằm sát bên nhau, dăm dăm nhìn mặt trời sáng rực. Sự tỉnh trí trở về với chúng tôi. Ngồi trên cỏ, chúng tôi lau trán ướt đẫm mồ hôi và khám nghiệm lẫn nhau, không khỏi rùng mình về cuộc thí nghiệm vừa qua.

- "Lấy danh dự mà nói, Watson à!", Holmes nói có phần ấp úng. "Tôi vừa cảm ơn vừa xin lỗi anh. Cuộc thử nghiệm

đó đối với một người đã nguy hiểm rồi, đang này đến hai người lận. Tôi xin lỗi”.

- “Anh dư biết rằng”, tôi nói với sự xúc động, “được tiếp tay với anh làm cho tôi vui và hạnh diện vô cùng”.

- Có người sẽ liệt chúng ta vào hạng người điên ngay từ khi chúng ta chưa lao mình vào cái thí nghiệm hãi hùng ấy. Thú thực tôi không ngờ hiệu quả có thể đột ngột và nghiêm trọng đến thế!

Anh chạy vào nhà, trở ra với cái đèn đang cháy sáng trên tay, rồi liệng nó vào bụi gai.

- Nên làm cho phòng thoáng khí! Tôi nghĩ rằng bây giờ anh đã thấy rõ ràng diễn biến của các thảm kịch?

- Rõ.

- Tuy nhiên, nguyên nhân hãy còn mịt mù. Hãy đi tới vòm cây và nghiêm chỉnh thảo luận về nội vụ.

- Cái chất độc ác dường như vẫn còn trong cuống họng của tôi... Tóm lại, Móc-ti là thủ phạm trong thảm kịch thứ nhất, và là nạn nhân trong thảm kịch thứ hai. Ta hãy nhớ lại rằng chuyện tranh chấp trong gia đình được nối tiếp bằng một sự giải hoà. Cuộc tranh chấp đạt tới mức độ nào và cuộc giải hoà có thành thật không? Chúng ta không biết gì cả. Tôi nhớ lại Móc-ti với cái đầu chồn, đôi mắt gian xảo đằng sau cặp kính và theo tôi thì y không phải là loại người dễ dàng tha thứ cho bất cứ ai. Ngoài ra, anh còn nhớ các lời khai của y về cái gì đó quậy quọ ngoài vườn! Chính lời khai này đã một thời đánh lạc hướng chúng ta về nguyên nhân đích thực của cái thảm kịch. Chắc chắn y phải có một động cơ. Cuối cùng, nếu không phải y liệng chất độc đó vào lửa thì ai khác đây? Thảm kịch xảy ra ngay sau khi y ra về. Nếu có ai khác vào nhà thì gia đình đã phải rời bàn... Mặt khác tại cái vùng Cornouailles thanh tịnh này, khách không đến sau 10 giờ đêm. Do đó chúng ta có thể nhận rằng tất cả các yếu tố đều qui kết Móc-ti là thủ phạm.

- Rồi sau đó y tự tử?

- Suy luận của anh không nghịch lý đâu. Người bị lương tâm cắn rứt vì tội tày đình có thể do ăn năn lại giáng cho chính mình cái vận đen mình đã đem lại cho kẻ khác. Tuy nhiên, những mâu thuẫn vững chãi bác bỏ giả thiết này. May thay, có một người độc nhất tại nước Anh này biết rõ sự thật và tôi đã thu xếp để chiều nay chúng ta được nghe đích thân ông ấy nói chuyện. À, ông ấy tới hơi sớm đó.

- Bác sĩ Tè-dan hãy vào đây? Hai anh em chúng tôi mới tiến hành một thí nghiệm hoá học, do đó phòng khách của chúng tôi không xứng đáng để tiếp đón một khách quý.

Tôi nghe cửa vườn kêu kịt kịt: dáng vóc đồ sộ của nhà thám hiểm châu Phi nổi tiếng xuất hiện trên lối đi. Với vẻ ngạc nhiên, ông đi về hướng cái vòm cây, nơi chúng tôi đang ngồi.

- Ông có cho mời tôi, hờ ông Holmes? Hồi nãy tôi có nhận miếng giấy và tôi đã đến đây. Tôi không hiểu tại sao tôi phải tuân lời ông.

- Sau khi cuộc nói chuyện này chấm dứt, chúng ta sẽ hiểu rõ cái điểm đó. Trong khi chờ đợi, tôi hết sức cảm ơn sự thuận tình đầy lễ độ của ông. Mong ông miễn chấp sự tiếp đãi ông giữa trời; vì ông bạn thân Watson của tôi và tôi gần hoàn tất một chương phụ cho cái mục mà báo chí gọi là "*sự kinh tởm vùng Cornouailles*". Do đó trong tạm thời, chúng tôi chọn một bầu không khí thuần khiết. Vì vấn đề mà chúng ta phải thảo luận liên quan đến ông một cách rất riêng tư, nên ta tìm chỗ vắng vẻ, tránh "tai vách mạch rừng".

Nhà săn thú gõ diều xì gà ra khỏi miệng rồi nhìn Holmes đăm đăm.

- Thưa ông, chuyện gì lại liên quan đến tôi một cách rất riêng tư?

- Về việc giết Móc-ti. - Holmes đáp.

Gương mặt ông Tê-dan đỏ như gạch, mắt toé lửa, các mạch máu nổi u và sôi sục, cái trán căng phồng, ông ta tiến bước về phía Holmes, hai nắm tay siết chặt... May thay, ông ngừng lại và qua một cố gắng vượt bậc, lấy lại bình tĩnh tâm thần. Nhưng cái bình tĩnh mà ông biểu lộ đối với tôi có vẻ còn nguy hiểm hơn sự nổ bùng của giận dữ.

- Tôi sống giữa bọn mọi và xa luật pháp quá lâu, đến nỗi trong một chừng mực nào đó, tôi thay trời làm luật! Ông Holmes nên nhớ điều đó! Trong thâm tâm, tôi không muốn hại ông.

- Thưa bác sĩ, tôi cũng không muốn hại ông. Bằng chứng là tuy có nắm một cái gì đó, tôi thưa chuyện với bác sĩ, chứ không với cảnh sát. - Holmes từ tốn đáp.

Tê-dan ngồi xuống, có lẽ đây là lần đầu tiên trong cuộc đời phiêu lưu của ông, ông bị chế ngự. Nhìn thái độ của Holmes, ông thấy Holmes có một sự tự tin và một cái quyền lực bất khả bại. Trong khi nói chuyện, hai bàn tay to kèn của ông liên tục xoè ra và nắm lại.

- Ông muốn sao? Nếu ông muốn hù tôi thì ông đã chọn sai đối tượng. Đập quanh quanh bụi cây là vô ích, thẳng vào đê đi, ông muốn nói gì?

- Ông sẽ biết thôi. Lý do khiến tôi nói là vì tôi hy vọng sự thành thật của tôi được bác sĩ đáp lại. Bước thứ hai của tôi hoàn toàn tùy thuộc vào tinh chất của sự biện minh của ông.

- Sự biện minh của tôi?

- Vâng, thưa ông.

- Biện minh về việc gì?

- Để khỏi bị cáo buộc về tội giết chết Móc-ti. Tê-dan lấy mùi soa lau trán.

- Xưa nay ông thành công là nhờ cái khả năng hù dọa phi phàm?

- "Hù dọa", Holmes cương quyết trả lời, "là từ phía ông, chứ không phải từ phía tôi, thưa bác sĩ. Để chứng minh điều đó, tôi sẽ kể cho ông nghe vài dữ kiện làm cơ sở cho cái kết luận của tôi. Dựa trên việc ông rời Plymouth mà về đây và trên sự gửi một phiếu hành lý đi Phi châu trước, tôi kết luận tức khắc rằng ông là một trong các yếu tố mà tôi phải xét tới, khi diễn lại tám thảm kịch".

- Tôi đã trở về vì...

- Tôi còn nhớ các lý do ông nêu ra. Nhưng đối với tôi, các lý do đó không có sức thuyết phục. Ông có tới đây hỏi xem tôi ngờ vực ai, tôi từ chối trả lời. Ông đứng ngoài chờ đợi một lúc rồi đi về nhà.

- Làm thế nào ông biết được?

- Tôi đi theo ông.

- Tôi có thấy ai đâu?

- Nghề nghiệp mà! Ông ngủ một đêm không ngon lành tại biệt thự của ông. Và ông đã nghĩ ra vài kế hoạch mà ông bắt đầu thực hiện sáng hôm sau. Sáng hôm sau, lúc mở cửa, ông lượm một mớ sỏi đỏ gần cổng sắt.

Tê-đan rung mình và rời nhìn Holmes một cách kinh ngạc.

- Rồi ông nhanh bước về toà chánh xứ, cách nhà ông khoảng 1500 thước. Tôi xin nói thêm rằng hôm đó ông mang đôi giày ten-nít như đôi này. Tới toà chánh xứ, ông băng qua vườn cây ăn trái và hàng rào ngang để đến dưới cửa sổ của phòng Móc-ti. Sáng trưng rồi, nhưng chưa ai thức cả. Ông móc sỏi trong túi và liệng lên cửa sổ bên trên.

Tê-đan nhảy dựng lên.

- Tôi tin rằng ông là hiện thân của quỷ sứ.- Ông ấy la to.

- Phải liệng hai hoặc có thể ba đợt thì Móc-ti mới ra cửa sổ. Ông ra dấu kêu xuống. Y lật đặt mặc quần áo đi xuống

xa-lông! Ông leo cửa sổ mà vào. Một cuộc nói chuyện ngắn ngủi xảy ra; trong lúc đó ông đi tới đi lui. Rồi ông ra ngoài, đóng cửa sổ lại, đứng ở bồn cỏ, hút gà và chờ cái điều chắc chắn phải xảy ra. Sau rớt, khi Móc-ti chết rồi, ông rút lui bằng con đường đã dùng để đi tới. Giờ đây, thưa bác sĩ Tê-đan, làm sao biện minh cho việc làm của ông? Động cơ nào thúc đẩy ông vậy? Nếu ông dối tôi, tôi quả quyết rằng nội vụ sẽ không tùy thuộc vào một mình tôi đâu.

Khuôn mặt người khách tái xanh, ông lấy tay ôm đầu. Rồi trong một cử chỉ bốc đồng, ông rút từ túi trong một cái ảnh, liệng nó trên chiếc bàn thô sơ dưới vòm lá:

- Đó là lý do tại sao tôi đã giết người!

Ảnh bán thân và đầu của một người đàn bà đẹp. Holmes cúi xuống nhìn kỹ.

- Cô Băng-đa?

- Vâng, chính nàng. Từ mấy năm nay, tôi yêu nàng. Từ mấy năm nay nàng cũng yêu tôi. Đó là lý do tôi lui tới nghỉ ngơi tại Cornouailles khiến nhiều người thắc mắc; tôi muốn gần thân tượng của tôi. Tôi không thể cưới cô ta, vì tôi có vợ, vợ tôi bỏ tôi lâu rồi, tuy nhiên vì luật pháp Anh quốc lằng nhằng quá, tôi không lý dị được. Trong nhiều năm ròng rã, nàng vẫn chờ. Trong nhiều năm ròng rã tôi cũng chờ.

Một thốn thức làm rung rinh dáng bộ đồ sộ của ông. Ông lấy tay để lên cuống họng rồi tiếp tục kể:

- Ông mục sư có biết. Hai chúng tôi có tâm sự với ông ta. Ông ta có thể cho ông biết rằng Băng-đa đúng là một thiên thần. Đó là lý do vì sao ông ấy đã đánh điện cho tôi, và tại sao tôi quay về. Một mơ hành lý hoặc cuộc sống giàu sang ở châu Phi có ý nghĩa gì trước cái tin nàng đã thọ nạn! Đó là động cơ mà ông thiếu, ông Holmes à!

- Ông hãy nói tiếp đi!

Bác sĩ rút trong túi ra một cái gói, rồi đặt nó trên bàn. Trên gói có mấy chữ; "*Radix pedis diaboli*" (rễ chân quỷ). Bên dưới thì có nhãn đỏ cho biết nó là thuốc độc. Ông đẩy cái gói đó về phía tôi.

- Tôi đoán rằng ông là bác sĩ, thưa ông!

Ông có nghe về tên thuốc này chưa?

- Rễ cây chân quỷ? Chưa, chưa bao giờ!

- "Không có quan hệ chi đến kiến thức nghề nghiệp của ông", ông ta nói. "Tôi tin rằng ngoài cái mẫu mà tôi gặp tại Buda, không có mẫu nào khác tại châu Phi đâu. Nó chưa được ghi vào sách thuốc hay sách độc dược. Loại rễ cây này có một cái tên ngông do một nhà truyền đạo kiêm thực vật học đặt ra. Nó được các phù thủy Tây Phi sử dụng làm thuốc độc để trừng phạt và họ giữ bí mật về cách điều chế. Cái mẫu này tôi kiếm được tại Onbangui trong một trường hợp rất đặc biệt.

Ông mở cái gói và để lộ một mớ bột màu đỏ nâu giống thuốc lá.

- Rồi sao nữa, thưa ông? - Holmes lãnh đạm hỏi.

- Do tình yêu đối với cô em mà tôi trở thành bạn trai của ba anh em họ. Một cuộc thảo luận về tiền đã làm cho Móc-ti bực bội. Tuy nhiên mối bất hoà đã được dàn xếp nhanh chóng. Sau này tôi vẫn tối lui y hết như đối với mấy người kia. Y xảo quyệt già dặn, những đặc điểm khiến tôi nghi ngờ sự trung tín của y. Nhưng không có lý do gì để tôi cãi lộn công khai với y. "Một ngày nọ, cách đây hai tuần, y đến tôi và tôi cho y xem vài vật lạ ở châu Phi. Trong số này có bột rễ chân quỷ. Tôi có tiết lộ cho y cái tính chất dị thường của nó, đặc biệt là cái khả năng kích thích tế nào não bộ nắm quyền chỉ huy các cảm xúc sợ sệt. Tôi có nói với y rằng sự điên loạn hoặc sự chết chắc chắn sẽ đến với người thổ dân xui xẻo bị thầy cúng của bộ tộc trừng phạt bằng thứ này. Tôi có giải thích cho y rằng khoa học châu Âu không thể phát hiện ra lối hại người

này. Bằng cách nào y đã lấy cắp, tôi không biết. Tôi không rời phòng giấy lát nào cả, nhưng tôi chắc chắn vào một lúc nào đó, có thể vào lúc tôi mở các ngăn kéo hoặc cúi xuống các tủ kiếng. Tôi nhớ y có hỏi về hiện tượng và thời gian thuốc thấm. Tôi không ngờ y có những ý đồ đen tối. Tôi quên hẳn cuộc thăm viếng này cho tới khi nhận cái điện tín của linh mục chánh xứ. Thằng khốn tưởng rằng tôi đã lên tàu và sẽ ở châu Phi vài năm. Nhưng tôi quay trở lại ngay tức khắc. Khi tôi dò qua các chi tiết, tôi biết ngay rằng thuốc độc của tôi đã bị y sử dụng. Tôi đến thăm ông lần đó là để chắc ăn rằng không thể có giả thiết khác được. Quả nhiên đúng thế. Móc-ti là thủ phạm. Có lẽ y nghĩ rằng nếu tất cả anh em trong gia đình đã diên, thì một mình y hưởng hết tài sản của họ. Y đã sử dụng bột chân quỷ làm cho hai em trai diên và giết em gái của y. Băng-đa, người yêu độc nhất của tôi đã chết về tay y. Phải trị tội y bằng cách nào? Đưa ra luật pháp ư? Bằng chứng đâu? Tôi biết rằng các dữ kiện là đúng nhưng làm sao thuyết phục một đoàn hội thăm quê mùa dốt nát. Tâm hồn tôi khát khao một sự phục thù.

Sau một đêm trần trọc, tôi rời nhà rất sớm. Tiên liệu sẽ khó đánh thức y, tôi mới lấy một mớ sỏi để liệng lên cửa sổ. Y đã đi xuống và để cho tôi vào nhà y, qua cửa sổ phòng khách. Tôi đã trình bày cho y biết cái tội ác của y. Tôi cho y biết tôi đến với tư cách vừa làm phán quan, vừa làm người đao phủ. Tên khốn kiếp sụp xuống ghế khi thấy cái súng lục của tôi. Tôi thấp đèn, bỏ thuốc độc lên trên, rồi đứng bên ngoài cửa sổ, sau khi nói với y rằng: "Nếu mi rời căn phòng, ta sẽ bắn mi ngay". Năm phút sau y chết.

Holmes ngồi lặng thinh một hồi.

- Ông có những dự định gì? - Cuối cùng Holmes hỏi.

- Tôi dự định chết già tại Trung Phi. Tôi chỉ mới hoàn thành nửa công trình tại đó.

- “Bác sĩ hãy đi đi và hoàn tất cái phân nửa còn lại”, Holmes nói. “Tôi không phải là người phá rối bác sĩ”.

Bác sĩ Tê-dan đứng dậy, cúi đầu một cách cung kính, rồi khỏi vòm lá.

- Anh Watson, cuộc điều tra của chúng ta có tính độc lập, lối xử thế của ta cũng phải độc lập. Anh sẽ tố cáo người đó không?

- Chắc chắn là không!

- Tôi chưa bao giờ yêu, Watson à! Tuy nhiên nếu tôi yêu và người đàn bà tôi yêu chết thê thảm như thế, có thể tôi cũng đã xử sự giống hệt người săn sư tử của chúng ta! Biết đâu được?

Sherlock Holmes hấp hối

Bà Hốt-xơn, chủ nhà trọ của Sherlock Holmes là người cực kỳ kiên nhẫn. Chẳng những căn hộ của Holmes lúc nào cũng đầy ắp những người quái dị, mà Holmes thì lại lười thối lếch thếch cực cùng, sự ghiền nhạc vào giờ ngủ của mọi người, thói quen tập bắn súng lục trong phòng, các cuộc thử nghiệm hoá học vừa kỳ lạ, vừa hôi thối, các thô bạo và nguy hiểm bao quanh biến anh thành người thuê nhà tệ nhất tại Luân Đôn.

Tuy nhiên anh thanh toán tiền thuê nhà một cách vượng giá. Tôi chắc chắn rằng với tiền thuê căn hộ đó trong mấy năm thì bằng với số tiền mua toàn bộ ngôi nhà của bà Hốt-xơn.

Bà này kính trọng và sợ anh; không bao giờ bà dám làm mất lòng anh. Bà cũng thương mến anh, bởi vì đối với phái yếu, Holmes cực kỳ dễ thương và lễ phép.

Vì tôi biết rõ mức độ tận tụy của bà Hốt-xơn, nên tôi chăm chú nghe câu chuyện bà kể tại nhà riêng của tôi trong năm thứ hai sau khi lấy vợ. Chuyện liên quan đến tình trạng đáng thương của nhà thám tử tư tài ba này.

- "Ông gần chết rồi, thưa bác sĩ!", bà báo như thế. "Ông sụm cách đây ba ngày, ngày nào tôi cũng tưởng ông không qua khỏi. Ông không muốn tôi đi mời bác sĩ. Sáng nay tôi thấy xương của ông gần như đâm thủng da mặt. Trong cơn sốt, ông nhìn tôi bằng đôi mắt rực lửa, tôi nổi nóng: *"Ông có cho phép hay không cũng mặc, tôi đi mời bác sĩ ngay bây giờ"*. Ông ấy đáp: *"Trong trường hợp đó, tôi muốn bà mời anh Watson"*. Tôi chạy vút giò lên cổ tôi đây ngay. Bác sĩ hãy đến đó mau để còn kịp vượt mắt ông Holmes.

Tôi kinh hoàng. Trong lúc ngồi xe ngựa tới phố Baker, tôi hỏi chi tiết, thì được bà chủ nhà trả lời như sau:

- Tôi không biết gì nhiều. Ông ấy đi điều tra ở phía dưới khu Rotherhithe, gần sông Thames và mang bệnh này về. Ông nằm liệt giường vào chiều thứ tư và không ngồi dậy nổi. Ba ngày nay không ăn uống gì cả.

- Sao bà không mời bác sĩ?

- Ông ấy đâu có chịu. Ông dư biết ông khó tính mà. Tôi đâu dám cãi lời. Ông không còn sống mấy phút nữa đâu, chỉ nhìn sơ cũng đoán được.

Quả thật một cảnh tượng nát lòng đang chờ đợi tôi. Dưới ánh sáng lờ mờ của một ngày sương mù tháng 2, căn phòng đã ảm đạm thê lương, lại thêm cái khuôn mặt xương xẩu cạn kiệt từ trên giường đang nhìn tôi, càng làm tôi lạnh người. Đôi mắt bốc lửa của cơn sốt, má đỏ au, những vẩy đen dán chặt vào môi, đôi tay run lập cập, tiếng rên rĩ, co giật từng cơn.

Khi tôi vào, Holmes nằm bất động hoàn toàn. Khi nhìn thấy tôi, một ánh chớp thoáng qua trong cái nhìn của anh:

- Anh Watson, tôi đang trải qua một giai đoạn ngặt nghèo, phải không? - Holmes nói với một giọng yếu ớt.

- Anh Holmes! - Tôi la lớn và bước tới.

- "Lui, lui ngay!", Holmes hùng hổ ra lệnh cho tôi. "Nếu anh tới gần, tôi sẽ mời anh ra khỏi nhà!".

- Tại sao?

- Đó là ý muốn của tôi?

Rõ ràng là bà Hốt-xơn không nói ngoa. Anh ấy không dễ tính tí nào. Tuy nhiên, nhìn tình trạng đó, tôi vô cùng ái ngại.

- Thiệt sao, Holmes?

- Sự nghiêm khắc của anh tan biến.

- Anh không giận tôi chứ? Đó là vì quyền lợi của anh, Watson à! - Holmes nói rõ từng tiếng.

- Quyền lợi của tôi ư?

- Tôi biết bệnh của mình. Đó là một bệnh thường xảy ra trong giới phu ở Sumatra (In-đô-nê-xia); căn bệnh mà người Hoà Lan rành hơn chúng ta. Nhưng cho tới nay, họ cũng phải bó tay. Có một điều chắc chắn là: nó truyền nhiễm khủng khiếp và ai mắc bệnh thì phải chết.

Holmes nói năng một cách cường vội. Hai bàn tay gầy gò run rẩy, ra lệnh cho tôi đứng yên.

- Bệnh lây lan qua sự sờ mó, Watson à. Đứng rồi, qua xúc giác. Đứng xa thì không sao.

- Vậy tôi phải dừng bước sao? Làm sao tôi có thể tránh né nhiệm vụ đối với một bạn cố tri?

Tôi bước tới nhưng Holmes lại giận dữ.

- Nếu anh đứng yên tại đó, thì tôi tiếp chuyện với anh. Bằng không thì anh đi về đi.

Tôi tôn kính các biệt tài của Holmes đến nỗi tôi không bao giờ dám coi thường lệnh anh, kể cả những lệnh mà tôi không hiểu.

Nhưng hôm đó tất cả bản năng nghề nghiệp của tôi đều nổi dậy. Trong tất cả các phạm vi khác, anh ấy là chủ tôi; nhưng trong căn phòng và người bệnh này, tôi lại là chủ của anh ấy.

- Holmes à, một người bệnh chỉ là một trẻ thơ. Anh chịu hay không cũng mặc, tôi sẽ khám bệnh và chữa trị cho anh.

Anh ấy nhìn tôi dăm dăm.

- Nếu bị bắt buộc, tôi phải được điều trị bởi một thầy thuốc mà tôi tin tưởng.

- Anh không tin vào tài năng của tôi?

- Vào tình bạn của anh thì tin chứ, nhưng nghĩ cho kỹ, anh chỉ là một y sĩ tổng quát, kinh nghiệm rất hạn chế và học vị rất tầm thường. Thật xót xa phải nói như thế. Anh không cho tôi chọn lựa. Tôi đau xót lắm.

- Nói năng như thế là bất xứng, Holmes à. Chính cái cách nói năng của anh đã cho tôi thấy tình trạng tâm thần của anh. Nhưng nếu anh không tin tôi thì tôi sẽ đi tìm các danh y của thủ đô này.

- “Anh quá tốt bụng!”, Holmes thốt ra, vừa gầm gừ vừa rên siết. “Anh muốn trình diễn sự ngu tối của anh à? Anh biết gì, anh biết gì về sốt Tapanuli? Anh biết gì về sự nhiễm độc đen Đài Loan”.

- Tôi chưa bao giờ nghe nói tới!

- Ở phương Đông có nhiều bệnh lạ lắm...

Anh ngừng để thở.

- ... Tôi biết được khá nhiều qua những cuộc nghiên cứu y khoa hình sự. Do các nghiên cứu đó mà tôi bị mắc bệnh. Anh không làm được gì đâu.

- Có thể. Tôi được biết rằng bác sĩ Ainstree, cuốn tự điển sống về bệnh nhiệt đới, hiện có mặt tại Luân Đôn này. Đừng bảo thủ quá, tôi đi tìm ông ấy ngay bây giờ.

Tôi cương quyết quay về hướng cửa. Bỗng tôi giật mình hoảng hốt. Chỉ trong một giây đồng hồ, người đang hấp hối nhả bỏ ôm chặt lấy tôi, và tiếng chìa khoá kêu cái cách trong ổ khoá. Anh ấy chập chững đi rồi ngã ùng xuống giường, cạn kiệt, thở hỗn hển.

- Tha lỗi nhé. Lỡ đến đây rồi phải ngồi đó chờ ngẫu hứng của tôi thay đổi.

Anh nói dứt quãng, luôn xen kẽ những giây phút ngừng để thở.

- ... Anh luôn lo cho tôi, tôi biết rõ. Tôi sẽ nhượng bộ anh, nhưng cho tôi thời gian để lấy lại sức cái đã. Bây giờ thì chưa được đâu. Mới có 4 giờ, đến 6 giờ anh được ra về.

- Đó là một sự xuẩn ngốc Holmes à.

- Chỉ hai giờ mà thôi, Watson tôi! Hứa rằng tôi sẽ cho anh về lúc 6 giờ. Gắng chờ đi.

- Tôi tin rằng tôi không có tự do chọn lựa.

- Đúng thế, Watson à, cảm ơn! Tôi không cần người trải "ra" giường đâu. Hãy đứng ra xa, Watson à. Ngoài ra tôi cần đưa thêm một điều kiện khác. Anh sẽ đi câu vện: nhưng không phải người anh nêu tên, mà người tôi chỉ định.

- Tuỳ anh.

- Đó là hai tiếng hay nhất. Anh có thể đọc mở sách kia để giải khuây. Tôi hơi mệt. Lúc 6 giờ, chúng ta sẽ nói chuyện trở lại.

Nhưng định mạng buộc chúng tôi phải nói chuyện trở lại.

Vài phút đầu, tôi ngồi nhìn chăm chăm cái hình dạng người nằm trơ trơ trên giường. Tắm ra che phủ gần hết khuôn mặt và hình như anh đang ngủ. Rồi vì không thể đọc được gì, tôi chậm rãi đi giáp phòng, nhìn chân dung các tên sát nhân nổi tiếng trang hoàng nơi các bức tường. Cuối cùng, tôi tới trước lò sưởi. Một mớ hổ lốn gồm có ống vớ, bao da đựng thuốc sợi, ống tiêm, dao nhỏ, vỏ đạn súng lục nằm la liệt trên bệ.

Ở ngay giữa có một hộp nhỏ bằng ngà voi, có nắp, có khe trượt. Thấy một đồ vật đẹp nên tôi thò tay cầm lấy thì...

- Ê! - Anh la lên một tiếng vang rền như sấm, ngoài đường cũng nghe được.

Tôi nổi da gà, tóc dựng đứng. Tôi quay lại và hoảng vía trước cái nhìn hoang dại trong khuôn mặt nhăn nhó. Tôi trơ như phỗng đá với cái hộp trên tay.

- Để nó xuống tức khắc! Tức khắc!

Đầu Holmes rơi lại xuống gối và anh thở phào nhẹ nhõm khi tôi đã để cái hộp trên lò sưởi trở lại.

- Tôi không thích người ta rờ vào đồ đạc của tôi. Anh biết mà, anh làm tôi giận quá mức. Y sĩ chọc bệnh nhân phát điên. Ngồi yên ông bạn, và để tôi nghỉ ngơi!

Biến cố này không làm cho tôi vui tí nào. Sự nóng nảy thô bạo và vô cơ của Holmes, tỏ rõ sự rối loạn thần kinh.

Trong các sự sụp đổ, sự sụp đổ của một tâm trí siêu việt thì rất là bi thương. Tôi ngồi tuyệt vọng, cảm như hến, chờ thời hạn quy định trôi qua. Hình như anh cũng canh giờ một cách sít sao, vì trước 6 giờ một chút, anh bắt đầu nói với một giọng bực dọc.

- Anh Watson, có tiền trong túi không?

- Có.

- Một đồng?

- Nhiều.

- Bao nhiêu đồng nửa "cua ron".

- Năm.

- À, quá ít, bỏ vào hầu bao. Còn tiền khác bỏ vào túi trái của quần dài. Cám ơn, làm vậy có quân bình hơn.

Một sự mê sáng xuẩn động, anh ấy run lập cập, thốt ra từng tiếng giữa cơn ho và thổn thức.

- Giờ thì vặn gaz lên. Canh sao khoá không bao giờ được xoay quá nửa vòng. Cám ơn, đúng vậy. Đừng! Khỏi hạ bức sáo. Giờ thì vui lòng để thư từ sách báo trên bàn này vừa tầm tay tôi. Cám ơn! Giờ thì mang lại đây vài thứ trong mơ hồ lớn trên lò sưởi. Tốt lắm. Có một cái kẹp gấp đường, vui lòng dùng nó để cầm cái hộp nhỏ bằng ngà đem về ở đây, giữa các tờ báo. Được, giờ thì anh đi tới ông Cự-vệ số 13 đường Lower Burke.

Nói thật, lòng tôi không còn muốn đi kêu đồng nghiệp nữa vì Holmes mê sáng đến nỗi tôi sợ không dám bỏ anh ấy một mình. Tôi thấy anh ta có vẻ thích được gặp người vừa nêu tên.

- Tôi chưa bao giờ nghe đến tên đó, - tôi đáp.

- Có thể lắm. Có thể anh sẽ ngạc nhiên khi biết rằng, người rành về bệnh này không là một y sĩ mà là một chủ đồn điền. Ông Cự-vệ là một nhà trồng trọt nổi danh tại đảo Sumatra. Hiện nay, ông ta đang có mặt ở Luân Đôn. Trước đây, một bệnh dịch hoành hành trong đồn điền của ông, sự

tách biệt với mọi tiếp cứu y khoa buộc ông phải đích thân nghiên cứu nó và ông đã đạt những kết quả khả quan. Do đó anh đến trước 6 giờ thì chắc chắn anh không gặp. Nếu anh thuyết phục được ông ấy đến đây và chia sẻ với chúng ta cái kinh nghiệm hiếm có của ông ấy thì tôi hy vọng sẽ được cứu sống.

Tôi ghi lại lời của Holmes như không biết những lần ngắt đoạn để thở hoặc bởi sự co giật của đôi tay, sức khỏe của anh càng tồi tệ hơn kể từ khi tôi tới thăm. Má đỏ hơn, mắt có quầng rục lửa hơn, trán nhễ nhại mồ hôi lạnh.

- “Anh cho ông ấy biết tình trạng của tôi”, Holmes căn dặn. “Anh mô tả cho ông ấy cảm giác chính xác của anh về tình trạng đang chờ chết và hôn mê của tôi. Thực vậy, tôi đang thắc mắc tại sao toàn cái sàn đại dương không là một khối rắn chắc làm bằng vỏ sò, vì vỏ sò thì hàng hà sa số mà. À, tôi đang nói sảng, óc chi phối óc, chuyện thiệt lạ. Tôi vừa nói gì thế, Watson?”.

- Tôi phải làm gì khi gặp ông Cự-vê?

- Ừ, đúng rồi, tôi nhớ ra rồi! Mạng sống của tôi tùy thuộc vào cuộc gặp gỡ này. Cố gắng nấn nỉ, nghe Watson! Giữa ông ấy và tôi có chuyện hiem khịch đó. Cháu trai của ông ấy, Watson... Tôi thấy có sự bất nghĩa nghiêm trọng. Tôi giải thích cho ông ấy, thằng bé chết, một cái chết thể thảm. Ông ấy ghim tôi. Anh dỗ ngọt ông ấy, Watson, bằng mọi cách, hãy đưa ông ấy tới đây. Ông ấy có thể cứu tôi, chỉ có ông ấy mà thôi.

- Tôi sẽ đưa ông ấy tới đây bằng xe ngựa, dù phải sử dụng vũ lực.

- Đừng... đừng làm như thế! Thuyết phục thôi, và anh phải về đây trước khi ông ấy tới. Đặt điều nói láo sao đó để về trước. Đừng quên, anh chưa bao giờ thật hiểu về tôi đó. Hiển nhiên là có sự tương quan tương khắc để hạn chế sự tăng trưởng của muôn loài. Tôi và anh mỗi đứa chúng ta đã đóng

vai trò của mình. Thế giới sẽ bị xâm lăng bởi sò huyết không? Không đâu, vì sẽ không khiếp lắm. Truyền đạt cho ông ấy tất cả những gì anh nghĩ về tôi.

Tôi ra đi, tâm trí nghĩ vẩn vơ về cảnh một trí thông minh siêu quần bạt chúng nói năng ngớ ngẩn như một đứa con nít dân đen. Anh đã trao chìa khoá cho tôi. Tôi mang chìa khoá đi để anh ấy không tự nhốt mình. Bà Hớt-xơn đứng đợi ngoài hành lang, run lập cập và nước mắt đầm đìa. Khi tôi xuống cầu thang, tôi nghe tiếng cao vót và chát tai của Holmes hát một bài điên loạn. Khi tôi gọi xe ngựa thì một người đàn ông băng qua đường trong sương mù.

- Ông Holmes ra sao, thưa ông?

Đó là một người quen biết lâu năm: thanh tra Mơ-tông thuộc Scatland Yard, mặc thường phục.

- Ông ấy đau nặng lắm!

Viên thám tử nhìn thẳng vào mặt tôi một cách kỳ dị. Tôi thấy rõ vẻ mặt há dạ của ông ta.

- Tôi có biết - Ông ta thì thâm.

Chúng tôi chia tay.

Tới nơi, tôi xuống xe. Con đường Lower Burke hai bên có nhà đẹp nằm trong một khu giữa Notting Hill và Kensington. Nhà tôi tìm có bề ngoài hùng vĩ với các ban công bằng sắt, cửa lớn đồ sộ với hai cánh tay nắm bằng đồng bóng loáng. Cảnh được bổ sung một cách hài hoà bằng một quần gia đứng trên thềm, dưới ánh sáng màu hồng phát sinh từ một đèn điện để ở đằng sau.

- Vâng, ông Cự-vê có ở đây. Bác sĩ Watson ư? Vâng, tôi sẽ trình danh thiếp của ông.

Học vị và danh tính khiêm nhường của tôi hình như không tác động gì đến ông Cự-vê. Xuyên qua cánh cửa hé mở, tôi nghe một tiếng nói lớn, giọng hùng hổ, gây hấn:

- Ai? Muốn gì? Trời ơi! Táp, đã bao lần tôi nói với anh rằng tôi không muốn bị quấy rầy trong những giờ nghiên cứu.

Một tràng tiếng nói nhỏ nhẹ phát sinh từ miệng của người quản gia.

- Nhưng mà tôi không tiếp y. Tôi không để công việc của mình bị gián đoạn. Nay, nói rằng tôi vắng nhà. Bảo ông ấy trở lại vào một buổi sáng, nếu quả thật cần gặp tôi.

Lại có tiếng thì thầm van lơn.

- Không, không, cứ chuyển lời của tôi. Phải đến vào buổi sáng. Không thì thôi, tôi không muốn ai quấy rầy.

Tôi nghĩ tới Holmes đang nằm trên giường bệnh và có lẽ đang chờ sự cứu viện từng giây. Mạng sống của Holmes tùy thuộc vào sự lanh lẹ của tôi. Trước khi người quản gia xá trước xá sau, tôi đã gạt y qua bên và lọt vào trong phòng.

Một tiếng thét lên giận dữ! Một người đàn ông đứng lên khỏi ghế bành, gằn lò sưởi. Tôi thấy một khuôn mặt to tướng màu vàng, da mỡ và thô, cằm đôi nặng trĩch, mắt xám, cau có, nhấp nháy dưới đôi chân mày rậm rạp. Chênh vênh trên một góc đầu cao, sói, một cái mũ chồm bằng nhung đỏ được đặt một cách xinh xinh. Cái sọ đồ sộ. Tuy nhiên khi nhìn xuống, ta kinh ngạc thấy người này lùn tịt.

- “Cái mản gì đây?”, ông ta la lớn. “Sao lại đột kích vào đây như vậy? Tôi đã bảo sáng mai tôi mới tiếp mà”.

- “Tôi vô cùng hối tiếc”, tôi nói. “Công chuyện quá khẩn cấp! Ông Herlock Holmes...”

Tên của Holmes đã tạo ra một hiệu quả phi thường. Tất cả các vết tích giận dữ biến khỏi khuôn mặt người đàn ông nhỏ con. Diện mạo trở nên căng thẳng, ngóng tin.

- Ông Holmes nhờ ông tới đây?

- Tôi mới tới ông ấy.

- Ông ấy ra sao?

- Trong tình trạng tuyệt vọng. Đó là lý do khiến tôi tới đây.

Chủ nhà chỉ cho tôi một cái ghế, rồi quay lưng lại ngồi xuống. Nhìn trên cái kính soi để trên lò sưởi, tôi thấy rõ mặt ông, một nụ cười ác độc, ghê tởm rực sáng. Nhưng khi ông ta quay về hướng tôi, thì các đường nét của ông hoàn toàn bình thản:

- "Tôi rất buồn trước cái tin này", ông chậm rãi nói. "Tôi chỉ quen ông Holmes qua vài công việc phải hợp tác với nhau. Tôi vô cùng kính trọng tài năng và tính tình của ông ấy. Ông ấy thích nghiên cứu tội ác, y hệt như tôi thích nghiên cứu về bệnh. Kìa là những nhà tù của tôi", ông chỉ tay về một dãy chai lọ trên một cái bàn ngang. "Vài thằng trong đám sát nhân của thế giới đang thọ hình trong các lọ đó".

- Do kiến thức đặc biệt của ông mà ông Holmes ước mong được gặp ông. Ông ấy coi ông là một danh tài và nghĩ rằng ông là người duy nhất có thể cứu sống ông ấy.

Người đàn ông nhỏ con nhảy dựng lên và cái mũ chòm rơi xuống thảm.

- Sao? Tại sao ông Holmes cho rằng tôi có thể cứu sống ông ấy?

- Tại vì ông rành về các bệnh ở Đông phương.

- Nhưng do đâu ông ấy cho rằng bệnh của mình là một bệnh phương Đông.

- Vì trong một cuộc điều tra hình sự, ông có làm việc với một công dân Trung Hoa tại bến tàu.

Ông Cự-vê cười khoái trá, cúi nhặt cái mũ chòm.

- A! Đây là nguyên nhân, đúng thế à? Tôi hy vọng rằng bệnh không đến nỗi nghiêm trọng như bạn đoán. Từ bao lâu rồi?

- Ba ngày.

- Hôn mê không?

- Thịnh thoàng thôi.

- Ừm, ừm! Có vẻ nghiêm trọng. Không đáp lời kêu cứu là vô nhân đạo. Nhưng tôi rất ghét bị quấy rầy lúc đang làm việc, bác sĩ Watson à! Nhưng việc này có tính đặc biệt. Tôi đi theo ông ngay.

Nhớ lời Holmes dặn...

- Tôi còn một cái hẹn khác. Tôi xin khiêu từ.

- Được thôi, tôi sẽ đi một mình. Tôi có địa chỉ của ông Holmes, ông yên tâm. Trong vòng nửa giờ hay hơn một chút, tôi sẽ có mặt tại đây đó.

Tôi bước vào phòng của Holmes, lòng nặng trĩu. Có thể có chuyện không lành xảy ra trong lúc tôi vắng mặt. Tôi nhẹ nhõm khi biết rằng đã khả quan hơn. Holmes vẫn còn đáng con ma, nhưng không còn nói bậy nữa. Vẫn nói năng yếu ớt, nhưng sự sáng suốt và sự rạch ròi chưa giá từ anh ta.

- Sao, gặp được ông ấy không?

- Có, ông ta sẽ đến.

- Tuyệt, Watson! Tuyệt! Anh là một sứ giả tài ba.

- Ông ấy muốn đi theo tôi.

- Ý, đừng. Không thể được! Ông ấy có hỏi tôi bệnh gì không?

- Tôi có nói với ông ấy về người Trung Hoa ở khu East End.

- Đúng như thế! Anh đã làm tất cả những gì mà một người bạn tốt phải làm. Giờ đây, anh phải tạm rời khỏi sân khấu.

- Tôi phải chờ để nghe ý kiến của ông ấy.

- Đương nhiên! Nhưng ý kiến của ông ta sẽ thành thật và có giá trị hơn nhiều nếu ông ấy không thấy có đệ tam nhân. Có đủ chỗ để anh núp sau đầu giường tôi.

- Thế nào?

- Đâu có chỗ nào khác đâu! Chỗ khác sẽ bị lộ. Nhưng tại chỗ đó, ngay tại chỗ đó, tôi tin là được mà...

Thình lình, Holmes ngồi dậy và khuôn mặt hốc hác lộ vẻ hung hăng.

- Kìa có tiếng bánh xe, Watson. Nhanh lên, nếu anh thương tôi, và nhớ ngồi im dù có việc gì xảy ra... dù có việc gì xảy ra, nghe rõ chưa? Im lặng tuyệt đối. Không được cựa quậy, chỉ nghe thôi!

Chỉ giây lát, cái sức mạnh cố hữu đột ngột tan biến hẳn rồi cái giọng chỉ huy nhường chỗ cho những lời thì thầm vô nghĩa của một người đang hôn mê.

Từ nơi ẩn nấp, tôi nghe tiếng bước chân đi lên cầu thang và cửa mở rồi đóng lại. Tiếp đó, lạ lùng thay, một sự yên lặng dài ngự trị. Thình thoảng bị gián đoạn bởi tiếng rên rĩ và hơi thở nặng trĩch của người bệnh. Tôi tưởng tượng rằng khách đang đứng gần giường và quan sát Holmes. Cuối cùng sự im lặng nặng nề đó chấm dứt.

- "Holmes!", ông khách la lớn. "Holmes!"

Tiếng ông giống tiếng một ai đó đánh thức một người ngủ mê.

- Ông không nghe được tiếng tôi gọi hay sao, Holmes?

Có tiếng sột soạt, như thể ông khách đang lay mạnh đôi vai của bệnh nhân.

- "Là ông... ông Cự...?". Holmes thì thào. "Tôi đâu...dám... hy vọng ông đến".

Khách cười lớn tiếng.

- Cũng là bất ngờ đối với tôi nữa. Tuy nhiên, ông thấy không, tôi có mặt tại đây nè.

Than hồng, Holmes à! Than hồng.

- Ông quả là hào hiệp... Tôi thán phục các kiến thức đặc biệt của ông.

Người khách cười nửa miệng.

- Ông thám phục chúng nó. May thay ở Luân Đôn này chỉ có ông thám phục chúng nó. Ông có biết bệnh ông là bệnh gì không?

- Cùng một bệnh thôi, - Holmes đáp.

- A, ông nhận ra các triệu chứng của nó à?

- Tôi quá rành.

- Tôi không ngạc nhiên khi thấy các triệu chứng giống nhau. Như vậy là tàn đời ông rồi. Thằng Victor đáng thương thì chết vào ngày thứ tư, tuy nó trẻ và can đảm. Như ông đã nhận xét, là nó đã mắc một bệnh phương Đông khá hiếm ngay giữa lòng Luân Đôn. Một bệnh mà tôi lại là người độc nhất nghiên cứu kỹ. Một sự trùng hợp kỳ lạ, hả ông Holmes?

- Tôi dư biết ông là tác giả.

- Ô ông biết thật sao? Nhưng ông không thể chứng minh được đâu. Ông nghĩ sao về một người dám rêu rao như vậy về tôi, để rồi phải bò lê dưới đất van xin tôi cứu giúp khi lâm bệnh?

Tôi nghe hơi thở hỗn hển của người bệnh.

- Cho tôi uống nước, - Holmes thì thào.

- Gân đi đứt rồi, ông bạn à. Nhưng tôi không muốn ông chết trước khi chúng mình có một cuộc nói chuyện ngắn. Đó là lý do tại sao tôi đưa nước cho ông nè. Coi chừng đổ! Tốt! Ông có hiểu tôi muốn nói gì không?

Holmes cầu nhàu.

- "Vui lòng giúp tôi", Holmes hỗn hển nói. "Tôi thề rằng tôi sẽ quên những gì tôi đã nói. Chứa lành cho tôi thì tôi sẽ quên điều đó".

- Quên cái gì?

- Trường hợp cái chết của Victor. Ông mới nhìn nhận rằng ông đã giết nó. Tôi sẽ quên chuyện đó.

- Ông quên hoặc nhớ tùy thích. Tôi sẽ không thấy ông trong hàng ngũ nhân chứng đầu. Thay vào đó, tôi sẽ thấy ông trong một hàng ngũ khác, ông bạn thân yêu. Việc ông biết cháu tôi chết cách nào, điều đó không còn quan trọng đối với tôi. Chúng ta không nói chuyện về nó mà nói chuyện về chính ông.

- Đúng thế!

- Thành cha đến tìm tôi... Tôi quên tên y rồi... Y nói với tôi rằng ông mắc bệnh tại khu East End trong giới thuỷ thủ.

- Tôi tin như vậy!

- Ông hãnh diện về cái óc của ông phải không, Holmes? Ông tưởng rằng ông khôn lắm, phải không? Vậy thì hiện giờ ông đã gặp một người khôn hơn ông, duy nhất một lần! Giờ đây ông hãy cố gắng hỏi tường chuyện cũ. Ông không thấy một trường hợp khác trong đó ông có thể mắc bệnh?

- Tôi không nghĩ ra, tâm trí tôi sút kém rồi. Tôi van ông giúp tôi nhớ lại.

- Vâng, tôi sẽ giúp ông. Tôi sẽ giúp ông hiểu một cách dễ dàng tình trạng hiện tại của ông và tại sao ông lâm vào tình trạng này? Tôi cho ông biết điều này trước khi ông chết.

- Hãy cho tôi một cái gì đó để giảm đau.

- Đau nhói phải không? Đúng rồi, bọn cu-li thét lên lúc gần chết! Đau nhói như bị rút gân, tôi chắc chắn mà? - Đúng, đúng! Gân tôi đang bị rút!

- Này! Nghe đây! Ông có nhớ một biến cố bất thường xảy ra không bao lâu trước khi có các triệu chứng này?

- Không, không nhớ gì cả.

- Suy nghĩ lại xem?

- Bệnh gần chết mà suy nghĩ cái gì?

- Tôi cố gắng giúp ông, ông có nhận được một vật gì gửi qua bưu điện không ?

- Qua bưu điện?
- Đúng, một cái gói, có không nào?
- Tôi mệt quá rồi, tôi không nói nữa đâu.
- Nghe đây, ông Holmes.

Có tiếng động như thể y lay động người sắp chết và tôi phải tự chế để không chạy ra.

- Ông phải nghe tôi, ông có nhớ một cái hộp? Một cái hộp bằng ngà voi? Nó đến hôm thứ tư, ông đã mở nó ra... ông nhớ không?

- Vâng tôi có mở nó ra, có một lò xo nhọn đầu bên trong. Một trò chơi khăm...

- Không phải trò đùa đâu. Đến chết mới biết! Đồ ngu ngốc, tự chuốc lấy cái chết! Ai bảo ông cản đường tôi? Nếu ông để tôi yên, tôi hại ông làm gì?

- "Tôi nhớ ra rồi", Holmes bập bẹ. "Cái lò xo... nó đâm tôi chảy máu. Cái hộp kia... trên bàn đó".

- Đúng cái này. Chúa ơi! Tôi sẽ bỏ túi đem về. Như vậy là đâu còn bằng cớ gì nữa. Giờ đây, ông đã biết sự thật, Holmes! Ông đã biết rõ ai đã giết ông vì ông sắp chết và đừng có ân hận nhé! Ông biết quá nhiều về cái chết của Victor. Tôi đã giúp ông đi theo nó. Gần kè rồi Holmes à. Tôi sẽ ngồi đây chờ ông chết.

Tiếng nói của Holmes bây giờ quá nhỏ không thể nghe được.

- "Cái gì?", Cự-vê nói. "Hết ánh sáng sao? À, bóng đèn của âm ti bắt đầu buông xuống, phải chăng? Đúng thôi, tôi sẽ thắp đèn sáng choang để nhìn thấy rõ lúc ông chết...".

Ông băng qua căn phòng và đèn rực sáng tối đa.

- Ông bạn thân còn cần sự giúp đỡ nhỏ mọn nào khác?
- Một liều thuốc và một que diêm!

Suýt chút nữa thì sự mừng rỡ và kinh ngạc xô tôi ra khỏi nơi trú ẩn. Holmes nói với âm thanh bình thường, tuy còn yếu. Nhưng tôi nhận rõ tiếng của anh ấy. Một sự yên lặng kéo dài, và tôi đoán rằng Cự-vê trở mắt tròn xoe nhìn người bệnh.

- Thế nghĩa là gì? - Y nói một cách cụt ngủn và chất chứa.

- "Cách tốt nhất để diễn xuất", Holmes nói, "là phải nhập vai. Ông có tin rằng đã ba ngày nay tôi không ăn uống gì, trừ cốc nước mà ông có lòng tốt mới đưa cho. Nhưng đối với điều thuốc thì quả khó khăn hơn! À, có thuốc đây".

Tôi nghe thấy tiếng diêm quẹt.

- Tôi khoẻ nhiều rồi. Hay quá! Bước chân của một người bạn thân chăng?

Những bước chân vang dội đằng xa lại. Cánh cửa mở, thanh tra Mơ-tông xuất hiện.

- Đầu vào đó cả rồi. Đây là chính danh thủ phạm! - Holmes nói.

Viên cảnh sát nói lên vài sáo ngữ cần thiết rồi kết luận:

- Tôi bắt ông về tội giết một người mang tên Victor.

- "Và ông còn có thể mang thêm một danh mưu sát một người mang tên Sherlock Holmes nữa". Holmes vừa nhận xét vừa cười nhẹ. "Ngoài ra trong túi măng-tô của tù nhân còn có một cái hộp nhỏ mà ta nên lấy lại. Nó sẽ hữu ích vào lúc tòa xử".

Có một tiếng động của sự xô đẩy nhẹ, tiếng va chạm của đồ sắt và một tiếng kêu đau.

- "Cựa quậy chỉ làm ông đau đớn hơn mà thôi!", viên thanh tra của cảnh sát nói. "Vui lòng đứng yên".

Tôi nghe tiếng lách cách của đôi còng khoá lại.

- "Gài bẫy hay thật", tiếng nói giọng cao thốt lên. "Chính ông Holmes mới là người ra toà chứ không phải tôi; ông ấy

mời tôi đến chữa bệnh, nên tôi mới đến. Giờ đây ông cứ nói láo đi. Nói láo tuy thích đi ông Holmes à! Tuy nhiên lời nói của tôi vẫn có giá hơn lời nói của ông”.

- “Chúa ơi”, Holmes nói lớn. “Tôi quên hẳn đi chứ. Ông bạn Watson thân yêu! Anh ra đây! Tôi xin lỗi anh 1000 lần! Tôi không giới thiệu anh với ông Cự-vê vì hai người đã gặp nhau lúc đầu hôm. Có xe ngựa bên dưới không? Tôi sẽ xuống sau, xin phép thay quần áo! Tôi cũng sẽ có ích phần nào cho quý vị tại sở cảnh sát”.

Trong lúc nốc một cốc rượu vang, ăn bánh biscuit và mặc quần áo, Holmes nói với tôi:

- Chưa bao giờ đối như hôm nay. Như anh biết, tôi không đều đặn lắm về ăn uống, do đó đối với tôi, sự nhịn đói không tác động mạnh như đối với nhiều người khác. Tuy nhiên tôi cần dần cảnh để bà Hốt-xơn tưởng lầm mà đi báo động với anh, và tới phần anh thì thông báo cho Cự-vê. Có phiền anh không, anh Watson? Nên nhớ rằng trong các biệt tài của anh, sự nguy trang không có chỗ đứng. Nếu anh không bị tôi bịp thì anh không có khả năng thuyết phục Cự-vê đến được. Do biết tính thú vật của y, tôi chắc rằng y sẽ tới để chiêm ngưỡng kiệt tác của mình.

- Còn cái vè bề ngoài. Holmes? Khuôn mặt thây ma?

- Nhịn ăn, nhịn uống ba ngày liền thì làm sao còn đẹp trai được, Watson. Ngoài ra lấy khăn lau thấm nước quệt một cái là xong thôi. Một ít va-dơ-lin trên trán, cả được trong mắt, son trên má và ván mảnh sáp trên môi là khá đạt. Trang điểm là một đề tài mà tôi thường có ý muốn viết ra một lược khảo. Nói lung tung về đồng nửa cua ron, về sò huyết hoặc bất cứ cái gì quái dị sẽ làm cho người ta dễ dàng lầm tưởng mình đang nói sáng.

- Nhưng tại sao anh không muốn tôi đến gần, bởi vì đâu có rui ro truyền nhiễm?

- Còn phải hỏi! Bộ anh tưởng tôi coi nhẹ tài năng y khoa của anh à? Cho anh đến gần, để anh nhận ra màn kịch này sao?

Đứng xa bốn thước thì gạt anh được. Nếu không gạt anh được thì ai sẽ đi thuyết phục Cụ-vê tới nạp mình? Còn cái hộp, đựng tới nó đâu được. Nhìn nó, anh sẽ thấy một cái lò xo nhọn đầu có thể bung ra như lưới rần lục. Chính bằng một dụng cụ tương tự mà thằng bé Victor đáng thương bị giết chết. Thư từ của tôi như anh biết khá tạp nhạp, nên tôi luôn luôn thận trọng khi nhận các bưu kiện. Tôi nguy trang có tài tình không? Khi làm việc xong tại sở cảnh sát, ta đi chén nhé.

Cung đàn sau cuối

Lúc đó là 9 giờ tối ngày 2 tháng 8, cái tháng 8 khủng khiếp nhất trong lịch sử thế giới. Có thể nói rằng cơn giận dữ của Thượng đế đang đè mạnh lên một thế giới suy đồi. Sự yên lặng nặng nề và sự hồi hộp ngóng trông đang trôi bồng bềnh trong không trung oi bức và im lìm.

Mặt trời đã lặn, nhưng ở chân trời phía Tây kéo dài một màu đỏ giống một vết thương còn chảy máu. Bên trên, vô vàn ngôi sao đang rực sáng và bên dưới, đèn đầu của tàu bè nhấp nháy ở ngoài vịnh.

Hai người Đức đứng dựa vào bao lơn bằng đá của sân thượng. Cái nhà thấp nằm thườn thợt sau lưng họ. Họ nhìn cái vòng cung to của bờ biển dưới chân bờ đá vôi kỳ vĩ, châu đầu trao đổi các câu chuyện bí mật. Đứng từ dưới nhìn lên, đầu đỏ rực của hai điều xi gà giống như đôi mắt của quỷ dữ đang rình rập lúc đêm về.

Một con người siêu việt, tay Vòng-bo đó! Có thể nói đó là tay cao thủ trong đám điệp viên của hoàng đế Đức quốc. Hắn được giao phó một số sứ mạng quan trọng ở Anh. Tài ba của hắn nổi bật trong tâm trí đám người quyền thế, nhất là người bạn đồng hành của hắn lúc đó, hầu tước Vòng-héc, chánh thư ký sứ quán. Chiếc xe Benz 100 mã lực của hầu tước đang chầm chệ đậu trên lộ chờ chờ hắn về Luân Đôn. Người thư ký nói:

- Theo dự đoán của tôi, trong tình hình này, có lẽ ông nên quay về Bá-linh trong tuần này. Khi về tới đó, ông sẽ ngạc nhiên trước các cuộc đón tiếp, bởi vì tôi biết rõ cấp cao nhất

đánh giá thế nào về công việc mà ông đã thực hiện được tại nước Anh.

Hầu tước là một người cao, to, nói năng chậm rãi, đầy tự tin, nên đã thành công lớn trong sự nghiệp chính trị.

Vông-bo cười vang:

- Họ rất dễ gạt. Không thể kiếm đâu ra một dân tộc ngây ngô hơn dân tộc này.

- "Tôi không biết", gã kia đáp với vẻ vô tư. "Họ có những cái giới hạn kỳ quặc mà ta không nên vượt qua. Cái ngây ngô bên ngoài của họ là một cái bẫy đối với người lạ đó. Cảm giác ban đầu là người Anh mềm như bún. Nhưng khi vấp phải một cái gì chắc như đá, ta phải biết ta đã chạm mức rồi. Thí dụ các qui ước về đảo quốc của họ, chúng ta không thể coi thường được. - Ông muốn nói đến cái "nghỉ thức" và những cái tạp nham cùng loại? - Vông-bo hỏi rồi thở dài.

- Tôi muốn nói đến cái định kiến của người Anh trong tất cả các cái thể hiện kỳ quặc của nó. Đây, tôi xin kể cho ông nghe một trong các ngộ nhận tai hại nhất của tôi. Ông đã thấy tôi thành công tới mức nào rồi. Tôi vừa nhận chức, thì liền được dự tiệc cuối tại một biệt thự đồng quê của một ông bộ trưởng. Mọi người không ai giữ miệng giữ mồm cả.

Vông-bo gạt đầu:

- Tôi có dự.

- Đúng thế. Và đương nhiên tôi có gởi về Ba-ling một bản tóm lược tin tức đã thu nhặt được trong buổi tiệc đó. Khốn nạn cho tôi, ông thủ tướng của chúng ta lại chuyển qua một nhận xét cho biết rằng ông đã biết những gì đã được nói tại buổi chiều đái. Ai có thể mừng tượng đây đủ cái nỗi khổ mà tôi phải chịu do vụ này. Do đó tôi có thể cam đoan với ông rằng, người Anh không mềm đâu. Phải hai năm sau tôi mới quên được cái xi-căng-đan này. Còn ông... nhà đóng kịch...

- Không, đừng gọi tôi là người đóng kịch. Đóng kịch dính liền với giả tạo. Ngược lại, tôi hoàn toàn tự nhiên. Tôi bẩm sinh là một vận động viên mà. Tôi thích thể thao.

- Là một nhà thể thao hiệu năng của ông tăng rõ ràng. Ông chơi du thuyền với họ. Ông đi săn với họ. Ông ngang tài với họ trong bất cứ môn nào, ráp vào bộ bốn, ông đoạt giải nhất. Tôi còn nghe ông chấp nhận đánh quyền Anh với các sĩ quan trẻ của họ. Kết quả là gì? Người ta phần nào coi nhẹ ông. Ông trở thành ông già nghiên thể thao: một người Đức uống rượu mạnh nguyên chất, đêm nào cũng đi nhảy, trác táng, truy lạc. Cái biệt thự ở đồng quê của ông là một trung tâm phát sinh phân nửa tẻ đơan cho nước Anh. Còn nhà thể thao là một tay điệp viên tài ba nhất.

- Ông hầu tước ơi! Tôi tin chắc chắn rằng bốn năm làm việc tại Anh không thể là bốn năm vô ích. Tôi chưa cho ông xem cái kho của tôi. Vui lòng vào đây!

Cửa lớn của phòng làm việc mở ngay ra sân chơi. Vòng-bo đẩy cửa bước vào trước, vận đèn. Sau khi cái dằng vóc đồ sộ đi sau đã vào thì cửa đóng chặt, tấm màn dày trên cửa sổ có lưới được kéo kỹ. Sau khi các biện pháp an toàn đã được thực hiện và kiểm tra lại, hấn quay về phía khách:

- Một số giấy tờ không còn tại đây. Hôm qua, vợ tôi và lũ gia nhân đã mang đi một số nào không quan trọng. Phần còn lại, tôi yêu cầu toà đại sứ bảo vệ chúng.

- Tên của ông đã nằm trong danh sách đoàn tùy tùng riêng của ông đại sứ thì có khó khăn gì đối với ông và hành lý còn lại. Nhưng, có thể chúng ta khỏi phải đi. Anh quốc có thể bỏ mặc Pháp. Chúng ta chắc chắn giữa hai nước không có một hiệp ước ràng buộc nào?

- Còn với Bỉ thì sao?

- Đúng, còn có nước Bỉ nữa! - Vòng-bo lắc đầu.

- Tôi tiên đoán Anh quốc không thể ngồi yên. Họ liên minh với Bỉ bằng một hiệp ước ràng buộc. Cái nhục đó, họ không quên được đâu!

- Ít ra, họ có hoà bình một thời gian.

- Còn vấn đề danh dự?

- Hừ, ông bạn thân mến, chúng ta hiện sống trong thời đại thực dụng. Danh dự là một quan niệm thời Trung cổ. Mặt khác, Anh quốc chưa sẵn sàng. Cái dự chi đến năm mươi triệu đủ để làm họ sáng mắt. Thỉnh thoảng có người tuyên bố sẽ lưu tâm giải quyết mối hiểm hoạ. Rải rác có những sự bực dọc và tuyên bố sẽ tìm cách xoa dịu nước Đức hiếu chiến. Nhưng ông có thể tin lời tôi rằng các điểm chính như tích trữ quân nhu, chuẩn bị đối phó với chiến tranh tàu ngầm, tổ chức làm chất nổ mạnh thì chưa rục rịch gì cả. Làm sao Anh quốc có thể can thiệp được khi chúng ta làm họ mất thì giờ vào vụ Ireland, vụ phụ nữ đòi quyền bầu cử và... một ngàn lẻ một chuyện khác.

- Họ càng phải nghĩ tới tương lai nữa chứ?

- À, đó là vấn đề khác rồi. Tôi đoán rằng ta đã có kế hoạch cụ thể về Anh quốc nên tin tức mà ông nắm được có tầm quan trọng sinh tử. Đối với nước Anh, thì hoặc là hôm nay, hoặc là ngày mai. Nếu họ thích hôm nay, chúng đã sẵn sàng. Nếu là ngày mai, chúng ta lại càng sẵn sàng hơn. Theo ý tôi thì đánh giặc mà có đồng minh thì hay hơn là đơn thương độc mã. Thôi đó là chuyện của họ. Tuần lễ này là tuần lễ quyết định. Anh có nói về mở tài liệu...

Trong góc phòng đây kệ sách, một bức màn phủ kín. Vòng-bo vén lên, một tủ sắt to có đóng đai đồng lộ ra. Người Đức lấy một chìa khoá nhỏ khỏi dây chuyền đồng hồ, rọ rọ ổ khoá hồi lâu và cánh cửa nặng nề mở ra.

- Hãy nhìn đây! - Hắn nói và lui lại một bước. Ánh đèn chiếu sáng bên trong và ông thư ký sứ quán nhìn đăm đăm

các ngăn đây áp tài liệu. Mỗi ngăn đều có mang nhãn. Mất ông chạy từ ngăn này qua ngăn khác. "*Chỗ can lợi qua được*". "*Phòng vệ duyên hải*", "*Portsmouth*", "*biển Manche*", "*Rosyth*". Mỗi ngăn đây áp bản đồ và tài liệu.

- Vĩ đại! - Viên thư ký sứ quán thì thào, ông để xi gà xuống, vỗ tay nhẹ nhẹ.

- Chỉ trong bốn năm thôi, thừa hầu tước, không tệ đối với một kẻ nhậu nhẹt, chơi bời, thể thao, phải không? Tuy nhiên cái quý nhất là bộ tài liệu sẽ đến, và chúng ta đã sẵn sàng để đón tiếp nó.

Y chỉ tay vào một ngăn có ghi 5 chữ: "*Truyền tin trong hải quân*".

- Hình như ông đã có một hồ sơ về vấn đề này?

- Đã lỗi thời rồi! Bộ tư lệnh hải quân đã được báo động, chả biết do đâu mà họ đã đổi tất cả các mật mã. Cú nặng quá, thừa hầu tước. Đó là thất bại tệ hại nhất của tôi từ trước tới nay! Tuy nhiên nhờ xấp chi phiếu và nhờ chàng Al-ta gan dạ, mọi việc sẽ biến đổi ngay đêm nay. Vị hầu tước nhìn đồng hồ đeo tay rồi thở ra thất vọng.

- Nói thật là tôi không thể chờ lâu hơn được nữa. Tôi hy vọng đem cái tin vui ấy về. Al-ta không định giờ sao? Vâng-bò đưa cho ông xem một điện tín.

- "*Sẽ đến đúng hẹn tối nay và sẽ mang các bu-gi-lửa mới-Al-ta*".

- Bu-gi-lửa?

- Y đóng kịch làm chuyên viên về xe hơi; còn tôi là chủ ga-ra. Theo mật mã của chúng tôi thì mỗi tin tức hẳn mang lại đều được đặt tên theo các phụ tùng của xe hơi. Nếu hẳn nói *ra-di-a-tơ* thì hiểu là *thiết giáp hạm*; *bơm dầu* thì hiểu là *tấn dương hạm*; và *bu-gi-lửa* thì hiểu là *các tín hiệu của hải quân*.

Điện tín đánh đi từ portsmouth lúc 12 giờ. Viên chánh thư ký xem xét điện tín rồi nói:

- Nhân tiện xin hỏi: anh cho hẳn bao nhiêu?

- Năm trăm bảng cho cái công tác đặc biệt này. Đương nhiên hẳn còn có lương nữa.

- Thằng đó là con hạm. Bọn phản quốc rất hữu ích nhưng tôi luôn chi trả cho chúng một cách miễn cưỡng.

- Tôi thì luôn rất hào phóng với Al-ta. Hẳn làm việc rất đạt. Nếu tôi hậu hĩ, hẳn sẽ giao hàng tốt. Một khác hẳn đầu phải là kẻ phản quốc. Chúng ta ghét Anh quốc không thấm vào đâu so với mối thù của thằng Mỹ gốc Ireland này.

- Ủa, hẳn gốc Ireland sao?

- Cứ nghe hẳn nói chuyện thì biết được nguyên quán của hẳn. Đôi khi tôi cũng không hiểu hẳn lắm. Hẳn ghét tiếng Anh lẫn vua Anh. Ông nhất định ra về sao? Chờ thêm vài phút nữa thôi!

- Rất tiếc, tôi đã nán lại quá lâu rồi, hẹn anh vào sáng sớm ngày mai. Lấy được bộ mật mã truyền tin của hải quân Anh, anh có thể đề hai chữ “kết thúc quang vinh” cho nhiệm kỳ phục vụ của anh tại đây. Sao? Đây là rượu Tokay à?

Ông ta chỉ một chai đóng nút kỹ và đầy bụi đặt trên một cái mâm cùng với hai ly.

- Xin mời ông nhâm nhi trước khi lên đường.

- Không đâu, cảm ơn nhiều! Liên hoan à?

- Al-ta rất sành rượu chát và hẳn rất thích rượu Tokay. Thằng cha này khổ tính, tôi phải điều dóm nó kỹ lắm. Dày công lắm đó!

Hai người đã ra tới sân. Cuối sân, tài xế của Hầu tước đã cho máy nổ rồi.

- “Tôi đoán kia là đèn của Ha-vích”, viên chánh thư ký vừa mặc áo mưa vừa nói. “Thật là im vắng! Có thể trước 8

giờ, tại đây sẽ có những đèn khác và bờ biển Anh quốc là một nơi kém yên lành hơn. Bầu trời cũng sẽ không hoàn toàn thanh bình nếu các "zeppelin" đúng cảm của ta không sai hẹn. Nè, ai ở đằng kia vậy? "

Đằng sau họ, một cửa sổ duy nhất còn thấp đèn, Bên cái đèn để trên bàn, một bà lão, khuôn mặt hồng hào đội mũ trùm, đang cặm cụi đan len. Thỉnh thoảng bà dừng tay để vuốt ve một con mèo đen to ngồi trên ghế đầu gần kề.

- Đó là Ma-ta, nữ gia-bộc độc nhất mà tôi còn giữ.

Viên chánh thư ký cười nhẹ.

- Bà ta vô tư lự! Sung sướng thật! Thôi chào Vòng-bo.

Vẫy tay từ giữa, ông ta leo lên xe và sau đó hai đèn trước của xe chiếu sáng trong đêm khuya. Ông ta ngã lưng dựa vào các gối ở băng sau của một chiếc xe hơi lộng lẫy và tâm trí mê mải tưởng tượng đến cái thảm kịch gần kề tại châu Âu, không để ý chiếc Ford con mà ông gặp trong làng.

Vòng-bo từ từ về văn phòng. Đi ngang qua sân, hắn thấy bà lão bộc đã tắt đèn đi ngủ. Không khí lúc này mới lạ đối với hắn. Ngôi nhà bao lao này chưa bao giờ im vắng và tối đen như thế này. Hắn luôn sống cùng gia đình với một đoàn gia nô rình rang. Nhưng hắn cũng cảm thấy nhẹ nhõm khi nghĩ rằng họ đều đang ở nơi an toàn, ngoại trừ người lão bộc. Hắn bắt đầu đốt sạch một mớ tài liệu cho tới khi gương mặt thanh tú ửng đỏ. Rồi hắn lấy một va-li da, xếp vào đó mớ tài liệu quý giá trong tủ sắt. Khi hắn vừa bắt đầu thì có tiếng xe dừng trước nhà. Hắn không nén được một tiếng la vì khoái chí, gài va-li lại, khoá tủ sắt rồi hối hả chạy ra sân. Hắn tới nơi đứng vào lúc một chiếc xe con dừng lại trước cổng sắt. Một người đàn ông bước xuống, nhanh chân tiến về phía hắn. Trong xe chỉ còn người tài xế to con, râu kềm, đang chờ.

- Sao? - Vòng-bo nóng lòng hỏi.

Thay vì trả lời, người khách chỉ hãnh diện hươ hươ một gói nhỏ bọc giấy nâu.

- Tối nay, ông có thể hồ hởi bắt tay tôi. Nay, tôi mang cái bánh cho ông.

- Các tín hiệu?

- Như đã nói trong bức điện, tất cả các cách truyền tin quang báo, mật mã bằng đèn Marconi... Bản sao. Không phải bản chính! Nguy hiểm lắm! Nhưng hàng tốt, hàng đúng qui cách, ông cứ tin vào tôi!

Người mới tới vỗ thật mạnh vào vai người Đức với một sự thân thiện thô lỗ khiến người này nhăn nhó.

- Mời vào. Tôi ở nhà chỉ có một mình, chỉ còn chờ anh. Đương nhiên chỉ nên lấy bản sao! Nếu một bản chính mà thiếu thì toàn bộ sẽ như không. Nhưng ông có chắc đúng là chính hiệu hay không?

Người Mỹ gốc Ireland đã bước vào văn phòng và thả mình, sải tay, sải chân trên ghế bành: con người gầy, khoảng 60 tuổi, mặt xương và râu dê ngắn. Có thể lầm là bức hí họa chú Sam. ở một bên mép ngậm một điếu xì gà tắt nửa chừng. Ngồi xuống xong, tay này quẹt một que diêm để mời lại.

- "Một sự di chuyển nhỏ đang được chuẩn bị chăng?", người Mỹ nhìn quanh vừa suy nghĩ và nói: "Nè, ông..."

Mắt ông ta rời vào cái tủ sắt mà bức màn đang không che kín.

- Bộ tất cả tài liệu đều cất vào đây à?

- Đương nhiên!

- Kênh cang kạch cộm vậy à? Ông sẽ được liệt vào hạng gián điệp tầm cỡ sao? Ồ! Bất cứ một tên trộm tầm thường nào của Hoa Kỳ cũng mở được với đồ khui hộp! Nếu tôi biết trước rằng thư từ tôi viết đều bị tống vào chỗ quái quỷ này, tôi đã không đại mà viết một dòng!

- Dù có tài ba cách mấy, không một thằng ăn trộm nào mở được tủ sắt này. - Vòng-bo đáp.

- Không một dụng cụ nào làm suy suyễn loại kim khí này ư? Có ổ khoá không?

- Khoá đôi! Ông có hiểu tôi muốn nói gì không?

- Cho tôi biết một chút. - Người Hoa Kỳ mỉm cười, nói.

- Muốn mở tủ, phải biết một chữ và một con số...

- À, à! Tuyệt vời!

- Đâu có đơn giản như ông. Tôi đặt thợ cách đây bốn năm. Ông có biết lúc đó tôi lựa chữ gì và số gì không?

- Chịu thua!

- Tôi đã chọn *tháng* "Tám" và "1914". Đúng y chang với thực tế bây giờ!

Khuôn mặt của người Mỹ gốc Ireland biểu lộ một sự ngạc nhiên, thán phục.

- Tuyệt diệu, ông là một nhà tiên tri kỳ tài.

- Tại nước tôi, ít người có khả năng tiên đoán cái ngày này! Tuy nhiên nó chính xác đây nè, ngày mai tôi đóng lại và chuồn êm.

- Nè, ông còn phải lo cho tôi nữa chứ. Tôi sẽ không lưu lại cái xứ sở chết toi này đâu. Theo tôi dự kiến, nước Anh sẽ nhảy dựng lên và phát điên trong vòng tám ngày. Tôi thích đi qua bên kia biển Manche ngay từ bây giờ.

- Nhưng mà ông là công dân Hoa Kỳ?

- Đúng vậy, Giêm cũng là công dân Hoa Kỳ nhưng vẫn bị bỏ tù. Không thể kêu gọi tình cảm của cảnh sát Anh với cái lý rằng mình là công dân Hoa Kỳ. "*Ở đây, luật Anh chi phối*", tôi sẽ được trả lời như vậy. Nhân tiện nói luôn, hình như quý ông không làm gì để che chở cho các điệp viên của mấy ông?

- Ông muốn nói sao? - Vòng-bo hỏi lại một cách câu kính.

- Quý ông là chủ nhân phải không nào? Quý ông phải thu xếp sao cho họ khỏi bị kẹt. Họ bị sụp và quý ông làm gì để kéo họ ra, như trường hợp của Giem?

- Hoàn toàn do lỗi của hắn. Ông không rành hẳn bằng tôi đâu.

- Giem có cái đầu lợn, tôi đồng ý với ông! Còn trường hợp Hô-li? Tội nghiệp! Những ngày chót nó có hơi điên. Làm sao không loạn trí khi phải đóng kịch từ sáng tới chiều với cả một trăm người sẵn sàng tố cáo nó với cảnh sát. Giờ đây còn có Tai-nơ.

Vông-bo rùng mình tái mét:

- Chuyện gì xảy ra với Tai-nơ?

- Bị thộp rồi! Cảnh sát lục soát kho của y đêm qua. Nếu may mắn thì thoát được án tử hình. Đó là lý do tại sao tôi muốn đào thoát qua lục địa cùng với ông.

Vông-bo là một người sắt đá, luôn tự chủ, nhưng cái tin này tác động mạnh đến hắn:

- Làm sao chúng biết sự thật về Tai-nơ được? Quả là một vố nặng.

- Rồi đây ông còn gặp một vố nặng hơn bội phần vì tôi linh cảm rằng chúng đang bám sát tôi.

- Không thể có được!

- Tôi tin chắc như thế! Bà chủ trọ của tôi đã được cảnh sát viếng thăm. Họ hỏi thăm bà ấy về tôi. Tôi không còn đường nào khác hơn là chuồn càng sớm càng tốt. Nhưng tôi muốn biết tại sao cảnh sát hay biết Tai-nơ là điệp viên thứ năm bị tóm kể từ khi tôi cộng tác với ông. Tôi biết ai sẽ là người thứ sáu, ông giải thích sự việc đó ra sao? Ông không hổ thẹn khi người của ông bị thộp cổ liền tiếp như vậy sao?

Vông-bo đỏ sầm mặt.

- Ông dám nói chuyện với tôi bằng cái giọng như vậy à?

- Nếu tôi không nói thẳng, thưa ông, tôi sẽ không cộng tác với ông đâu. Tôi sẽ nói thẳng với ông những gì tôi nghĩ. Đối với các ông, những chính trị gia người Đức, thì khi điệp viên đã hoàn tất công tác, họ có vào nhà đá quý ông cũng không chút áy náy nào cả!

Vông-bo nhảy xồm lên.

- Ông dám ngầm nói rằng tôi giao nộp điệp viên của tôi?

- Tôi chưa nói tới đó, thưa ông! Nhưng có một thằng mách lẻo đầu đây, ông có trách nhiệm nhận dạng nó. Tôi chuẩn bị đi về nước Hoà Lan bé nhỏ của tôi càng sớm càng tốt.

Vông-bo đã đè nén cơn giận, nói:

- Chúng ta liên minh với nhau quá lâu. Giờ đây, lúc sắp chiến thắng thì lại cãi lộn? Ông đã hoàn thành một công tác tuyệt vời. Ông đã chịu nhiều rủi ro mà tôi không thể quên. Bằng mọi cách, hãy qua Hoà Lan. Tại đó ông có thể đáp tàu thuỷ để đi Nữu Ước. Trong vòng một tuần nữa, thì không còn tuyến đường nào an toàn cả. Giờ đây, tôi xin tiếp nhận cuốn sách và xếp vào hành lý.

- Còn tiền?

- Sao?

- Phần thưởng 500 bảng Anh! Chàng pháo thủ này vô cùng ham ăn. Tôi phải cho y thêm 100 đô la phụ trội. Do đó tôi chỉ trao cái gói khi có thêm tiền.

Vông-bo cười một cách cay độc:

- Hình như ông cho rằng tôi là người không có danh dự! Ông muốn lấy tiền trước khi trao sách?

- Ông muốn sao bây giờ? Chúng ta “ăn cho buôn so” mà!

- Được thôi, tùy ý ông!

Hắn ngồi vào bàn, viết một chi phiếu, xé nó khỏi tập, nhưng vẫn cầm trên tay:

- Suy chớ cùng, bởi vì chúng ta đã đi tới cái mức cạn tàu ráo máng nên tôi không thể tin ông, cũng như ông không tin tôi.

Hắn quay lại phía người Mỹ:

- Chi phiếu ở trên bàn, tôi xin xem nội dung trong cái gói, trước khi ông cầm chi phiếu.

Người Mỹ làm thình, trao cái gói cho y. Vòng-bo tháo dây, gỡ hai lớp giấy gói, rồi trở mặt trước cuốn sách nhỏ màu xanh, bìa mang mấy chữ mạ vàng: "Sách dạy nuôi ong".

Tên trùm gián điệp không có thời gian để ngắm nghía lâu: một bàn tay sắt bóp cổ y và một miếng bọt biển thấm thuốc mê đập vào cái mặt đang nhăn nhó của y.

- Thêm một cốc nữa, Watson? - Sherlock Holmes đưa chai Tokay lên mời.

- Rượu ngon, Holmes à!

- Ngon tuyệt! Ông bạn trên ghế dài kia cho biết nó được lấy ra từ hầm rượu riêng của hoàng đế Francois Joseph. Vui lòng mở cửa sổ vì mùi thuốc mê làm mất ngon.

Cửa tủ sắt hé mở. Holmes rút ra tất cả các bộ hồ sơ, xem xét kỹ lưỡng, rồi xếp chúng vào va-li của Vòng-bo. Người Đức vẫn nằm dài trên tràng kỷ, ngáy khò khò, tay chân đều bị trói.

- Chúng ta không cần gấp gáp. Watson! Không có ai quấy rầy ta cả. Anh muốn nhận chuông! Đâu có ai khác trong nhà, ngoại trừ bà lão Ma-ta, người đã đóng trọn vai trò của mình. Chính bà ta làm mặt báo viên cho tôi. À, bà Ma-ta, bà sẽ sung sướng khi hay tin mọi chuyện đã kết thúc tốt đẹp!

Bà lão xuất hiện tại ngưỡng cửa. Bà cúi mình và nhoén miệng cười, rồi quay về phía người đang nằm sóng soài trên tràng kỷ.

- Ông ta khoẻ mà, chả đau ốm gì đâu!

- Tôi cũng mừng cho ông ấy. Ông Holmes à! Ông ấy là một ông chủ tốt bụng. Ông ấy muốn tôi đi theo vợ ông ấy qua Đức hôm qua. Nhưng điều đó sai với kế hoạch của ông!

- Nếu bà đi, tôi sẽ không hài lòng tí nào! Bà lưu lại tôi mới an tâm, nhờ bà thông tin đó!

- Viên chánh thư ký sứ quán hôm nay có đến đây ông ạ!

- Đúng, chúng tôi có gặp xe y.

- Tôi những tưởng hẳn sẽ ngồi hoài và ông sẽ vương khi gặp y.

- Không hề gì! Hai chúng tôi đã chờ suốt nửa giờ mới thấy đèn bà tắt và biết rằng đường sá đã thông thương. Bà có thể lên Luân Đôn thăm tôi tại khách sạn Claridge.

- Tốt lắm, thưa ông.

- Bà đã chuẩn bị đầy đủ?

- Vâng, thưa ông, Vòng-bo đã bỏ bưu điện bảy lá thư. Như thường lệ, tôi có ghi các địa chỉ.

- Tốt lắm! Mai tôi sẽ xét vấn đề đó. Chúc bà ngủ ngon!...

Sau khi bà lão đã đi khuất, Holmes nói tiếp: - Mở tài liệu này không quan trọng lắm đâu.

- Như vậy chúng vô dụng?

- Tôi không nói thế! Tài liệu này sẽ cho phe ta biết người Đức biết được cái gì. Một số lớn tài liệu này có được là do bàn tay của tôi, toàn là tài liệu giả mạo. Tuổi già của tôi sẽ có cái vui nho nhỏ nếu tôi thấy được một tuần dương hạm của Đức ngược dòng Solent dựa theo bản đồ mình mà tôi cung cấp. Còn anh, Watson!...

Holmes ngừng lại, nắm vai người bạn cố tri, nói:

- Hồi này tôi làm lơ, để anh ở lại xe. Nhìn anh kỹ, tôi thấy qua năm tháng, anh vẫn khoẻ. Anh vẫn là cậu thanh niên luôn luôn vui tính mà tôi đã quen.

- Tôi cảm thấy trẻ hơn hai mươi năm, Holmes à. Ít ra tôi cảm thấy sung sướng lúc nhận được điện tín của anh bảo đem xe hơi đợi anh tại Harwick. Về phần anh, anh cũng đâu có thay đổi gì nhiều, trừ cái râu dê gồm ghiếc!

- "Đó là những sự hy sinh cho đất nước, bạn ơi! - Holmes đáp vừa vuốt chòm râu dê dưới cằm. "Ngày mai thì con dê này chỉ còn là một kỷ niệm. Cắt tóc hàng hoàng, chăm sóc thẩm mỹ cái mặt và xuất hiện lại ở khách sạn Claridge".

- Nhưng anh đã tự ý hưu trí rồi mà. Chúng tôi được tin anh đã sống đời ẩn dật bên bày ong mật và sách vở tại một nông trại nhỏ thuộc South Downs mà!

- Quả vậy. Đó là thành quả của cuộc đời bình lặng của tuổi vãn niên... Holmes lấy cuốn sách trên bàn và đọc nguyên cái tựa: "*Sách dạy nuôi ong với một vài quan sát về sự sẻ đàn của ong chúa*".

- Đó là kết quả của nhiều đêm suy tư và nhiều ngày làm việc. Tôi đã theo dõi thế giới nhỏ của ong mật cũng như đã theo dõi thế giới lưu manh tại Luân Đôn.

- Nhưng do đâu mà anh phải tái xuất giang hồ.

- À, tôi vẫn còn chưa hết ngạc nhiên! Tôi đã dễ dàng cưỡng lại các sự vận động của ông Bộ trưởng ngoại vụ. Nhưng khi Thủ tướng đích thân xuống tại ngôi nhà hèn mọn của tôi!... Watson à! Anh chàng nằm trên tràng kỷ có phần cao tay hơn người của ta. Y thuộc loại thượng thặng. Tình hình rối beng và không ai biết tại sao. Ở phía ta, có điệp viên bị nghi ngờ, có điệp viên bị bắt, nhưng bí ẩn vẫn còn đó. Cần phải khẩn cấp phanh phui. Vì đất nước, tôi ra nhận công tác. Tôi tốn hai năm cố gắng nhưng đó là hai năm đầy thích thú. Tôi khởi sự bằng việc đi hành hương qua Chicago, gia nhập một hội kín Irebbareen bị nhức đầu. Nhờ đó tay chân của Vông-bo để ý và đề bạt lên. Từ đó tôi được y tin cậy. Và nhờ đó phần lớn các kế hoạch của y bị phá vỡ và các điệp viên kỳ tài của y lần lượt sa lưới. Tôi canh chừng, Watson à; tôi chờ lúc trái chín... Này, ông ơi, tôi hy vọng rằng ông không thấy mệt lắm!

Vông-bo, sau cái ngáp, chớp mắt, có nghe câu chót của Holmes. Y tuôn một dây chữ thề bằng tiếng Đức. Trong lúc người tù chữ thề, Holmes tiếp tục khai các tài liệu.

- Tuy không có nhiều nhạc tính, nhưng tiếng Đức là ngôn ngữ có khả năng thể hiện cao độ nhất.

- “À, à!”. Holmes tiếp tục nói trong lúc nhìn một bức vẽ. “Đây là đầu mối để bắt thêm một con mồi khác! Tôi không ngờ rằng uỷ viên hải quân là thằng chó chết đó. Tuy nhiên y cũng có bị tôi rình rập từ lâu”.

Người tù ngồi dậy một cách khó khăn, rồi nhìn kẻ chiến thắng với một thái độ thù hận và kinh ngạc.

- Ông sẽ biết tay tôi. Al-ta. Sự nghiệp cả đời tôi! Ông sẽ biết tay tôi!

- Cũng cái bài hát cũ rích, biết bao lần tôi đã nghe nó. Thế mà tôi vẫn sống nhân, vẫn lo cho con ong mật.

Người tù vùng vẩy mưu thoát khỏi dây trói, nhìn Holmes với cặp mắt sát nhân và la lớn:

- Đồ trời tru đất diệt, đồ phản bội!

- “Không đúng đâu, tôi không tẹ đến thế đâu!”. Holmes cười và nói. “Nếu ông có thể đã đoán ra tôi! Al-ta nguyên quán Chicago không bao giờ có mặt trên đời này. Đó là tên giả của tôi”.

- Vậy ông là ai?

- Tôi là ai? Điều này đâu có gì là quan trọng. Tuy nhiên vì ông muốn biết thì tôi phải cho ông biết. Đây không phải là lần đầu tôi gặp các thành viên của gia đình ông. Trước đây tôi có một số giao dịch làm ăn tại Đức và tên tôi có lẽ khá quen thuộc với ông.

- Tôi rất muốn biết cái tên đó!

- Chính tôi đã tiếp tay hoàn thành sự ly thân giữa Irène-Adler và quốc vương Bohème quá cố, khi hoàng đế (Đức) gửi

người anh họ Heinrich của ông đến gặp tôi. Cũng chính tôi tránh cho anh cả của mẹ ông khỏi bị giết chết. Chính tôi là...

Vông-bo ngồi ngay đây.

- Người đó quả là độc nhất vô nhị trên đời này!...

- Xin cảm ơn! - Holmes nghiêng người nói.

Vông-bo than thở, rồi nằm xuống ghế dài, nói tiếp.

- Vậy mà phần lớn tin tức lại đến với tôi qua ông! Chúng có giá trị gì đâu? Tôi đã đóng góp được gì? Cuộc đời tôi bị tiêu tan một cách vĩnh viễn.

Vì tuyệt vọng, Vông-bo tự bóp cổ họng mình.

- Ông Vông-bo, suy cho cùng, ông đã làm hết mình cho đất nước ông; tôi đã hết mình cho đất nước tôi! Còn gì hợp tự nhiên hơn? Ngoài ra...

Holmes để nhẹ tay mình lên vai con người ngã quỵ.

- Ngoài ra dù sao cũng còn đỡ hơn là bị quật ngã bởi một đối thủ không tương xứng. Tài liệu hiện ở trong va-li, Watson à! Nếu có thể, anh giúp đưa người tù đi. Chúng ta về Luân Đôn ngay bây giờ.

Mỗi người nắm một cánh tay, chúng tôi đưa Vông-bo xuôi con đường trong vườn, con đường mà cách đó vài giờ hắn đã đi một cách rất tự hào.

- "Tôi hy vọng rằng ông đã được an vị đúng mức tiện nghi mà hoàn cảnh cho phép". Holmes nói, khi tất cả đã sẵn sàng chờ khởi hành. "Tôi xin phép mời một miếng xi gà đặt vào miệng ông?".

Tất cả những cái xoa dịu này đều dụng phải cơn thịnh nộ của người Đức. - Ông Sherlock Holmes, nếu chính phủ ông bao che các hành vi của ông thì đó là một hành động chiến tranh!

- Ông muốn nói sao về các hành vi của tôi và chính phủ Anh?

- Ông là một thám tử tư. Ông không có giấy phép bắt tội. Cách làm việc của ông đều hoàn toàn bất hợp pháp và có tính lãng nhục.

- Hoàn toàn bất hợp pháp ư? Bất cóc một công dân Đức! Và tước đoạt giấy tờ cá nhân của ông ta?

- Đúng thế, tôi thấy rằng hai ông đã nhận ra sự việc. Đi ngang qua làng tôi sẽ kêu...

- Ông bạn thân mến! Nếu ông làm một điều ngu xuẩn như thế, có thể ông sẽ tăng số lượng bằng hiệu quán ăn trong làng. "*Quán của thằng Phổ bị treo cổ*". Người Anh chúng tôi thì kiên nhẫn lắm. Nhưng hiện nay có hơi nổi nóng đó, tốt hơn là đừng trêu chọc nó! Ông Vông-bo, ông sẽ đi theo chúng tôi một cách êm thấm và nhẹ nhàng cho tới Scotland Yard. Ở đó ông có thể cùng với bạn hầu tước Vông-héc, rồi hai ngài xem xét lại coi hai ngài có tên trong đoàn tùy tùng riêng của đại sứ Đức không? Về phần anh Watson! Luân Đôn không quá xa đối với cái xe già cỗi của anh. Tôi có một chi phiếu 500 bảng Anh trong túi, tôi muốn lãnh càng sớm càng tốt, vì người viết phiếu hoàn toàn có quyền chống đối, nếu y được tự do đến ngân hàng!

MỤC LỤC

Những nghiệp chủ ở Reigate	3
Kê dị dạng	22
Người khách trọ được hưởng bổng lộc	37
Người thông ngôn Hy Lạp	53
Bản hiệp ước về hải quân	69
Công việc sau cùng của Holmes	101
Ngôi nhà trống không	120
Nhà thầu khoán ở Norwood	139
Những hình nhân nhây múa	162
Cô gái đi xe đạp	186
Câu chuyện xảy ra ở ký túc xá	204
Peter hung bạo	236
Tên tống tiền ngoại hạng	257
Ba sinh viên	273
Sáu bức tượng Napoléon	291
Cái kính kẹp mũi bằng vàng	309
Một trung vệ bị mất tích	332
Ba cái ly đựng rượu	350
Vết máu thứ nhì	373
Con chó của dòng họ Baskerville	398
Bàn chân của quý	555
Sherlock Holmes hấp hối	578
Cung đàn sau cuối	596

Thám tử SHERLOCK HOLMES

của **CONAN DOYLE**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ TP HỒ CHÍ MINH

Chịu trách nhiệm xuất bản

ĐINH QUANG NHÃ

**Biên tập : NGUYỄN HÒA BẮC, BÍCH TIÊN,
MẠC NGUYỄN, LÊ DUYÊN,
CHẾ BỔNG SƠN, ÁI LINH**

Trình bày bìa: TRẦN ĐẠI THẮNG

Sửa bản in : PHẠM VĂN BẢNG

In 1.000 cuốn khổ 13x19 cm tại Xưởng in NXBNN. Giấy phép xuất bản số 142/1496/ CXB. Trích ngang KHXR 163/QĐ/2000. In xong và nộp lưu chiểu Quý 3 năm 2000.

CONAN DOYLE

T H Á M T Ủ

Sherlock Holmes



Giá: 98.000 đồng / bộ 2 cuốn